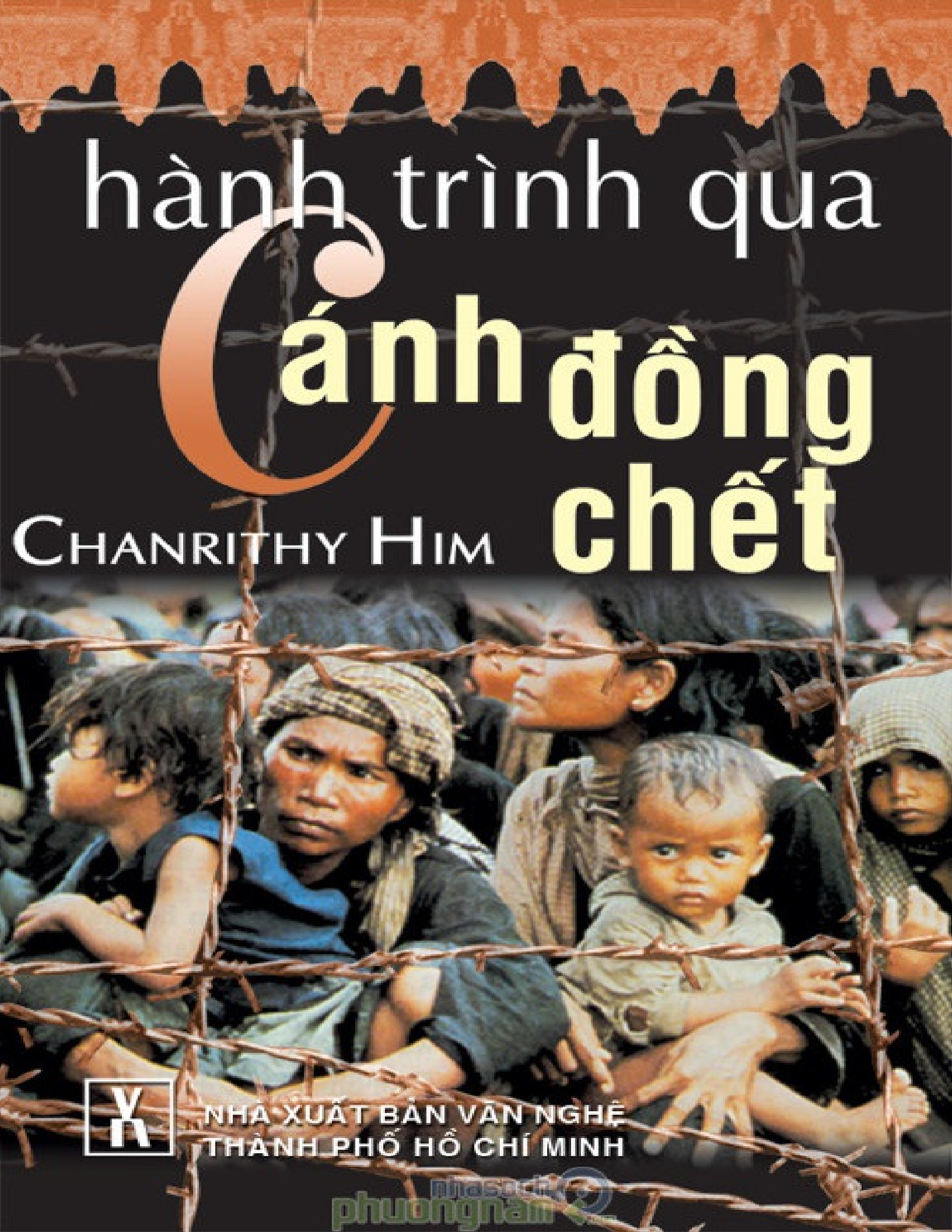




hành trình qua

Cảnh đồng
chết

CHANRITHY HIM



NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

phuongnam

Hành Trình Qua Cánh Đồng Chết

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

**Nguyên tác : When broken glass floats –
Growing up under the Khmer Rouge**

Cuốn sách này dành tặng cho Pa, Mak với lòng kính yêu
Chị Chea,
Thần tượng của tôi, người đã làm phong phú đời tôi
Tha, Avy, Vin và Bosaba, những người sống mãi trong ký ức tôi. Tôi yêu và thương nhớ các
người.
Cheng, người đã giúp tôi trốn thoát khỏi trại tử thần.

Cùng bạn đọc.
Hồi ký “Hành trình qua cánh đồng chết” (Nguyên tác When broken glass floats – Growing up under the Khmer Rouge) của Chanrithy Him dẫn dắt chúng ta qua một miền ký ức tràn ngập đau thương, không chỉ của riêng một mình tác giả (một bé gái, rồi một thiếu nữ), mà còn của cả một dân tộc, một đất nước hiền hoà, đã bị ép chặt, bị nghiền nát dưới “bánh xe lịch sử” của chế độ Khmer Đỏ - một chế độ mà những ý tưởng man rợ của nó đưa một nền văn hoá với những đền tháp Angkor – ko tráng lệ vào guồng quay của sự huỷ diệt. Ở đó, trong những trại lao động khổ sai, tất cả trẻ con và người lớn bị đẩy đoạ vì lao động quá sức, bởi đói khát và bệnh tật, để rồi chết vì kiệt quệ hoặc bị giết hại. Ở đó, văn hoá, tri thức, truyền thống, tình yêu, lòng tốt bị lên án, bị tiêu diệt.
Quyển hồi ký làm sống lại những năm tháng kinh hoàng mà một cô bé đã trải qua bằng sự nhìn nhận, đánh giá sự việc một cách chân thành, trong sáng, hồn nhiên của một đứa trẻ, nhưng được chiếu qua lăng kính tư duy của một người phụ nữ nhân hậu, giàu lòng trắc ẩn đã từng chịu nhiều mất mát, đau thương. Từng dòng ký ức tuôn trào với những hình ảnh miêu tả sắc sảo, sống động, những suy nghĩ hết sức chân phương nhưng sâu sắc đến không ngờ của một bé gái lôi cuốn người đọc từ trang đầu đến trang cuối.
Suốt quãng thời gian bốn năm trời lăn lóc “dưới địa ngục trần gian” , trải qua bao đau khổ kể cả thể xác lẫn tinh thần, cô bé Charinthy Him đã học được cách bảo vệ mình, giành giật sự sống còn cho mình và những người thân yêu. Đồng thời cô đã gìn giữ bảo vệ được những giá trị tinh thần quý báu mà cha mẹ cô và sức sống văn hóa của dân tộc cô ươm mầm. Đó là khát vọng sống, tình yêu đồng loại, tình yêu gia đình, sự cư mang đùm bọc...Cô đã nâng niu, nuôi dưỡng, tin tưởng và hành động, lặng lẽ nhưng quyết liệt để cái Thiện vươn lên toả sáng, trường tồn.
Quyển hồi ký mà bạn đọc cầm trên tay là một thông điệp không bao giờ cũ của một cô gái sống

sốt trở về từ “cánh đồng chết”. Đó là thông điệp của sự hồi sinh từ tình yêu bất diệt. Đó là hồi chuông gióng vào tâm thức những người có lương tri, để chúng ta biết lo sợ, biết cảnh giác và chống lại những mầm mống, biến tướng của bạo lực, khủng bố, chiến tranh...Đọc, cảm nhận và chia sẻ với những người đã trở về từ “cánh đồng chết” để thấy yêu hơn cuộc sống thanh bình mà chúng ta đang có.

Nhà Xuất bản Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh

Lời giới thiệu



Dành cho bản tiếng Việt của tác phẩm.

Hành trình qua cánh đồng chết.

When Broken Glass Floats.

Growing up under the Khmer Rouge.

Lần đầu tiên tôi gặp Chanrithy Him là sau khi mời cô đến nói chuyện tại trường Đại học của tôi về những kinh nghiệm cô đã trải qua với tư cách là một đứa trẻ sống sót dưới chế độ Khmer Đỏ, đã được cô miêu tả lại trong cuốn hồi ký được giải thưởng, Hành trình qua cánh đồng chết – Lớn lên dưới chế độ Khmer Đỏ. Kể từ đó Chanrithy và tôi đã trở thành bạn thân, cô cũng gần bó với tổ chức phi lợi nhuận của tôi, Quỹ giáo dục Đông Dương của Mỹ (U.S. – Indochina Educational Foundation, www.usief.org mà một trong những sứ mạng của nó là giúp người Mỹ hiểu biết về Đông Nam Á, bao gồm Cambodia, Lào và Việt Nam).

Chanrithy là một con người nồng ấm, dịu dàng và thiết tha với đầu óc tinh nghịch, hài hước. Cô

yêu thương cuộc sống và có một tấm lòng bao dung hầu như ngoài sức tưởng tượng của chúng ta. Và điều đó thật thích hợp khi nhan đề cuốn sách sắp tới của cô, tiếp theo Hành trình qua cánh đồng chết, có tên là Linh hồn không tan vỡ.

Vào tháng tư năm 1970, lần đầu tiên người Mỹ mới chính thức biết rằng chính quyền của họ đã mở rộng quy mô chiến tranh ở Việt Nam bằng cách xâm nhập vào nước láng giềng trung lập Cambodia. Đối với phần lớn người Mỹ, Cambodia là một “màn phụ” tầm tối của một cuộc chiến tranh không được ai tán đồng. Tuy nhiên đối với người Cambodia, cuộc leo thang xung đột bên trong lãnh thổ của họ đã đánh dấu cho buổi bắt đầu của sự kết thúc bất cứ cái gì tương tự như một xã hội công dân. Trong năm năm tiếp theo đó, Khmer Đỏ củng cố thể lực ở các tỉnh, rồi đưa hoạt động khủng bố vào thủ đô Phnom Penh và cuối cùng lật đổ chế độ thối nát một thời là đồng minh của Hoa Kỳ.

Hành trình qua cánh đồng chết là một bài học lịch sử được kể lại từ một cái nhìn của kẻ sống sót, một kẻ chân thật với khát vọng của mình, và với lời hứa phải sống xứng đáng với những khổ đau mà mình phải chịu đựng khi còn là một đứa bé. Hồi ức của Chanrithy là một câu chuyện về lòng ngây thơ bị đánh mất, một cuộc đời bị vỡ nát, về sự huỷ diệt của một nền văn hoá và cũng là câu chuyện buồn đau, thương tâm, phẫn nộ, để giác ngộ, cảm hứng và, rất có thể, để biến đổi. Cuốn sách cũng còn là một lời nhắc nhở đau đớn và tỉnh táo về cái di hoạ mà nước Mỹ để lại ở Đông Nam Á, một món nợ sẽ không bao giờ trả được.

Chanrithy Him nhớ lại “Suốt cả một thời thơ ấu bị chiến tranh chế ngự, tôi đã học cách để sống sót. Trong một xứ sở đối diện với đối thay dữ dội, cốt lõi của tâm hồn tôi quyết định không bao giờ để cho những hoàn cảnh khủng khiếp lấy đi phần tốt đẹp trong tôi. Về mặt tinh thần, tôi cưỡng chống lại những sức mạnh mà tôi xem là những cái ác bằng cách làm người ghi chép, lặng lẽ quan sát người chung quanh, ghi chú trong tâm trí về những chuyện chung quanh mình. Rồi sẽ có một ngày nào đó tôi sẽ chia xẻ những ký ức đó, cất tiếng nói của tôi nói thay cho những đứa bé không thể tự nói cho chúng được. Tôi cũng cất tiếng nói cho cha mẹ, chị em, anh em và những thành viên khác trong gia đình đã chết, và cho những người mà những gì còn lại nằm trong các nắm mồ tập thể vô danh rải rác khắp Cambodia, mảnh đất vốn thật dạn dày”. Cho đến khi người Việt Nam giúp giải phóng Cambodia vào năm 1979, đã có gần hai triệu người Cambodia đã chết vì bị Khmer Đỏ giết, vì đói, vì bệnh tật và vì làm việc quá độ. Từ một gia đình 12 người, chỉ còn năm đứa trẻ nhà Him sống sót. Chanrithy chỉ mới được mười sáu tuổi khi cô và các anh chị em cô di cư sang Hoa Kỳ để bắt đầu cuộc đời mới dưới sự bảo trợ của một người chú ở Portland, bang Oregon.

Tôi có vinh dự được đóng một vai trò nhỏ trong việc mang câu chuyện của Chanrithy đến với độc giả Việt Nam, thông qua cầu nối là nhà xuất bản Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh và công

ty văn hóa Phương Nam. Tôi hiểu rằng Chanrithy biết ơn sâu sắc vì có cơ hội nói chuyện với các bạn, các độc giả Việt Nam của cô, nhân danh những đồng bào còn sống sót của mình và những người đã chết trong cuộc diệt chủng ở Cambodia. Nói cho cùng, chính Việt Nam đã nhanh chóng chấm dứt cuộc tàn sát man rợ của kỷ nguyên Khmer Đỏ trong khi phần còn lại của thế giới đang che mặt làm ngơ..

Tiến sĩ Mark A. Ashwill
Buffalo, New York USA

Lời cảm tạ

Xin hãy cho chúng tôi tiếng nói

Khi mảnh chai nổi lên, cả một dân tộc chìm xuống

Tận đáy vực sâu

Từ những nắm mồ tập thể trên một mảnh đất vốn rất hiền dịu

Máu của họ thấm sâu xuống lòng đất mẹ

Hồn ma đau đớn của họ thì thầm với nàng

“Tại sao điều này đã xảy ra?”

Tiếng họ vọng lại từ cõi âm

Gào lên qua linh hồn của những người sống sót

Cương quyết đòi cảm thông, họ van nài với thế giới:

Xin hãy nhớ đến chúng tôi!

Xin hãy nói thay cho chúng tôi!

Xin hãy mang lại cho chúng tôi công lý!

Chanrithy Him

Lời cảm tạ

Tôi nhớ đến niềm ao ước của một cô gái nhỏ là muốn cho thế giới biết đến nỗi đắng cay chua chát trong niềm bất hạnh của mình và cái chết bi thảm của gia đình mình. Ước vọng ấy cũng ước vọng của tôi và nó đã được thực hiện. Tôi phải cảm tạ những người đã giúp cho ước vọng ấy thành hiện thực. Ryan Hinke, người bạn thân yêu của tôi, người đã cung cấp một ngôi nhà với sự yên tĩnh quý báu cho phép tôi viết lên cuốn hồi ký này.

Tôi xin cảm tạ chú Seng, người đã mang chúng tôi đến Mỹ.

Tôi cũng mắc nợ nhà biên tập nhạy cảm, sắc sảo và thiên phú Amy Cherry.

Tôi xin cảm tạ người đại diện của tôi là Meredith Bernstein, tôi xin cảm tạ vì anh đã tin câu chuyện của tôi. Chính những lời lẽ ân cần của anh đã cho tôi niềm can đảm.

Cám ơn chị gái tôi, Channary, người đã cổ vũ tôi trong cuộc hành trình này.

Tôi xin cảm ơn Hiệp hội Literary Arts và tất cả những người từng giúp đỡ Cambodia cùng

người dân chúng tôi trong cuộc di tản của người Khmer.

Tựa

Hạt giống sống sót

Phàm sự gì đều có thì tiết; mọi việc dưới trời đều có kỳ định

Sách truyền đạo 3:1

Tôi thức giấc, hoảng loạn. Trời vẫn tối đen. Quá khứ lại săn đuổi tôi một lần nữa. Ký ức đã mang tôi trở lại trong các giấc mơ hãi hùng của mình, một người lữ hành bất hạnh, ngay cả khi tôi không còn ở Cambodia nữa. Trong các cơn ác mộng này tôi vẫn cố gắng giữ một lời hứa thưở thơ ấu mà tôi đã nói với hương hồn mẹ tôi, người đến với tôi trong giấc ngủ từ hai mươi năm trước. Một lời hứa nói ra trong giấc mơ mà cho đến hôm nay tôi vẫn phải trân trọng. Trong giấc mơ này, tôi đã gào lên với Chúa xin giúp đỡ tôi tìm thấy Map, đứa em mới ba tuổi của tôi. Kẻ thù đang rình rập. Tôi nghe thấy một tiếng kêu thét. Không nghe rõ lời, chỉ là nỗi sợ hãi của con người. Bây giờ tôi đi đâu? Câu hỏi của tôi bị vỡ vụn giữa âm thanh quen thuộc của tiếng súng, bởi một tiếng nổ nghe mơ hồ không thực, hay bởi tiếng rít của trọng pháo xa xa, như càng tăng thêm nỗi khiếp hãi vào trong mạch máu tôi. Âm thanh đó là từ Cambodia, nhưng quang cảnh lại ở đây, ở nước Mỹ ở tận Tây bắc Thái Bình Dương. Tiếng súng cất lên từ một nơi nào đó tôi không thấy được, phía sau khu rừng thông trong bóng tối của ngọn núi. Cả thế giới trở thành một bức tranh phong cảnh gồm sáng và tối. Quanh tôi một dòng sông người trôi chảy điên cuồng, hỗn loạn. Người ta chạy đi khắp nơi. Một người đàn bà vừa khóc nức nở vừa ẵm một đứa bé cùng bọc quần áo, chậm bước lại vì gánh nặng trên người mình. Tôi cứng người vì sợ hãi và chấn động. Trong những khuôn mặt mờ ảo quanh tôi, không có người Mỹ, chỉ toàn người Cambodia.

Tôi bị cuốn theo dòng người, tuy vậy tôi vẫn chỉ có một mình, không có gia đình. Map, đứa em trai bé của tôi đâu rồi? Tim tôi đập dồn dập còn đầu của tôi thì quay qua quay lại như cái quạt gạt nước, cố tìm ra nó. Tôi không tìm thấy. Âm thanh của tiếng súng xoá đi tiếng người ồn ào quanh tôi. Càng lúc càng gần và lớn hơn. Hơi thở tôi dồn dập, tăng tốc và tôi bắt đầu há miệng cố nuốt lấy không khí. Phổi tôi gào thét, cả người bên trong tôi gào thét lên cùng với trí óc. Tôi không chạy được nữa và ngã quỵ xuống đất. Tôi cố hết sức gào lên: Không! Mình hứa! Mình không thể để mất thêm một đứa em khác nữa! Chúa ơi, giúp con!

*

Tôi đến Mỹ đã mười hai năm nay rồi. Từ nơi đây tôi nhìn lại một thời tuổi trẻ bị huỷ hoại bởi chiến tranh. Tôi có thể nhận ra âm thanh của chiến tranh từ lúc bốn tuổi, khi cuộc xung đột lan

trần buộc gia đình tôi phải rời bỏ quê nhà, nơi cha mẹ tôi sinh sống đến trú ngụ tại tỉnh Takeo giàu có phía Nam Cambodia. Vào tuổi lên mười, tôi bị cưỡng bách làm việc trong một trại lao động trẻ em, trong số hàng ngàn trẻ em khác bị tách rời khỏi cha mẹ, anh chị em bởi một hệ thống nô lệ xã hội được thiết lập nên bởi Khmer Đỏ, trong cuộc hành trình kỳ quặc của họ nhằm xây dựng một xã hội không tưởng.

Các mối liên hệ gia đình bỗng nhiên trở thành những điều đáng ngờ vực. Kiểm soát là tất cả. Các ràng buộc xã hội, dẫu chỉ là một cuộc nói chuyện tình cờ, cũng là một mối đe dọa. Angka, tổ chức, bỗng biến thành mẹ, cha hoặc Chúa của bạn. Nhưng Angka là một bạo chúa. Hỏi bất cứ điều gì – tôi có thể chào mừng ai, tôi sẽ cưới ai, từ nào tôi sẽ dùng để gọi người thân, công việc tôi làm là gì – có nghĩa rằng bạn là kẻ thù của người cha mới này. Đó là luật của Angka.

Bất tuân lệnh là Kang Parawattasas, bánh xe lịch sử [1], sẽ nghiền nát bạn. Đó là điều họ bảo chúng tôi khi chúng tôi nhắm mắt, cúi mặt xuống dưới sức nặng của những lời đe dọa.

Không giống như nhiều đứa trẻ tôi làm việc chung với trên cánh đồng lúa bùn lầy và kênh thủy lợi, không giống với nhiều người trong gia đình của chính tôi, tôi đã vượt qua được bánh xe lịch sử. Tôi đã sống sót qua đói kém, bệnh tật, lao động cưỡng bách và các trại tị nạn. Tôi đã sống sót trong cái thế giới của bạo lực và tuyệt vọng.

Tôi đã sống sót.

Từ năm 1981, nơi ở mới của tôi phần lớn ở Oregon, cũng xanh tươi như mảnh đất mà tôi đã rời bỏ, nhưng khác hẳn. Hàng dừa, đu đủ, những cây xoài mọc trước nhà tôi thưở thơ ấu, giờ thay bằng các rặng núi dày đặc thông và linh sam, những thung lũng cây cao che kín hai bên sườn, cùng những dòng suối lạnh và trong vắt. Từ những mỏm đá ven biển tuyệt đẹp cho đến các thác nước với các nút chặn hình đăng ten cung cấp nước cho dòng Columbia River Gorge, cả vị trí, quang cảnh và âm thanh nơi này đã trở thành hình ảnh của tôi về nước Mỹ. Lạ thay giờ đây nó trở thành quang cảnh nền trong những cơn ác mộng của tôi.

Ở Cambodia, từ ngữ để chỉ việc một đứa bé ra đời là Chhlong tonlé. Dịch theo nghĩa đen, nó có nghĩa là “vượt qua sông lớn”, hoặc “vượt qua cơn bão”. Nhìn lại, tôi thấy mình đã vượt qua sông một mình, không có mẹ tôi. Tôi đã bắt đầu một cuộc sống mới ở một xứ sở mới. Tôi đã học một ngôn ngữ mới và sống trong một nền văn hoá mới. Tôi đã nhập thể lại vào trong một thân xác mới, nhưng với một linh hồn cũ. Nó sống cộng sinh bên trong tôi.

Bằng nhiều cách, tôi bận rộn trong một thế giới của những đường biên không rõ nét. Từ mùa thu năm 1989, tôi tham gia nghiên cứu làm dự án cho thanh niên Khmer, một chương trình do liên bang tài trợ nghiên cứu về Rối loạn sau chấn thương – PTSD (Post traumatic Stress Disorder) – trong số 240 thanh niên Khmer đã trải qua 4 năm chiến tranh ở xứ này.

Nhu cầu nghiên cứu này được gợi ý từ quan sát của Dan Dickason, một giáo viên dạy tiếng Anh

như là một sinh ngữ thứ hai – gọi là ESL – thuộc trường trung học Cleveland ở Portland, bang Oregon. Từ những năm đầu của thập niên 1980, trường Cleveland đã đón nhận một dòng thanh thiếu niên Cambodia di cư đến học. Ở những học sinh này, Dickason thấy có một điều gì đó không bình thường. Một lần, trong một chuyến đi đến thăm nhà của giáo viên của trường, một cô gái Cambodia đào chơi trên đất và moi ra một khúc xương. Cô bắt đầu lục lọi, gào lên rồi chạy lung tung. Dần dần các học sinh người Cambodia bắt đầu thổ lộ các câu chuyện của mình. Một người kể lại về chuyện ăn thịt người. Một người khác kể chuyện bọn Khmer Đỏ đã mổ người ra và ăn gan sống như thế nào. Vào thời gian này, người ta ít biết về những chuyện khủng khiếp đã diễn ra ở Cambodia. Chính Dickason cũng không tin cho đến khi chính ông xem một đoạn phim tài liệu trên bản tin của CBS vào tháng 5 năm 1983, chiếu một ngọn núi sợ người ở Cambodia. Thế là ông bắt đầu chú ý. Ngày hôm sau ông gọi cho bác sĩ David Kinzie, giám đốc chương trình Tâm thần Đông Dương tại viện đại học Health Sciences ở Oregon. Tôi là một trong số những học sinh Cambodia ở trường trung học Cleveland. Khi ba nhà tâm thần học là BS William Sack, BS David Kinzie và BS Richard Angell đến trường để phỏng vấn chúng tôi, tôi hỏi họ tại sao họ lại quan tâm đến vấn đề này như vậy. Mục đích của họ là gì? Họ biết điều gì về Cambodia mà tôi không biết? Tôi nói với người anh em họ và một người bạn của tôi về nỗi sợ hãi khi nói chuyện với họ, sợ rằng mình không đủ mạnh mẽ khi nói về quá khứ. Sợ rằng tôi sẽ khóc trước mặt người lạ. Ngay cả trong cộng đồng người Cambodia ở đây, quá khứ là một cái gì mà chúng tôi cố gắng bỏ lại phía sau.

Phần lớn các vết sẹo của chúng tôi đều được dấu kín, gạt bỏ qua một bên trong cuộc chiến nhằm giành lấy thành công trong việc học hành. Trong số bốn mươi học sinh ở trường trung học Cleveland đã từng sống dưới chế độ Pol Pot thì có đến một nửa được chẩn đoán là bị “rối loạn vì áp lực sau chấn thương” và bị một dạng suy sụp tinh thần nào đó. Điều này nghe khá lạ bởi vì nhiều người từng là học sinh tích cực và một số có tên trong bảng danh dự. Vào lúc ấy những điều này dường như quá trù tượng đối với tôi.

Bốn năm sau bác sĩ William Sack nhận được từ viện Sức khỏe Tinh thần Quốc gia trên một triệu đô la để mở rộng chương trình nghiên cứu này. Lúc đó, người ta mời tôi giúp vào việc phiên dịch và phỏng vấn các đối tượng. Trong thời gian hai tuần, tôi bỗng phải quen thuộc với những từ ngữ mới toanh gồm những từ như Schizophrenia, Cyclothymia và Dysthymia [2]. Khó khăn hơn, tôi phải học cách hỏi những câu hỏi nhằm gợi dậy ký ức. Vào tuổi hai mươi bốn, tôi không hề có ý tưởng là mình sẽ dẫn thân vào công việc gì. Giống như một người lính ra trận, tôi không biết mình mong chờ kết quả nào. Mà như thế có lẽ lại tốt hơn.

Tôi bắt đầu hiểu ra vào cuối khoá huấn luyện. Khi đó nhóm làm việc tập hợp để xem một số phim tài liệu về Cambodia, gồm cả một phần trong cuốn phim được giải của Viện hàn lâm

Nghệ thuật là phim Cánh đồng giết người. Sau khi xem được vài phút, tôi bật khóc nức nở. Tôi nhớ mình đã chạy trốn vào phòng vệ sinh, đứng dựa tường và khóc. Lần đầu tiên trong nhiều năm, tôi đã tự cho phép mình cảm nhận nỗi đau của quá khứ được chôn kín từ lâu trong tâm hồn tôi.

Mọi thứ đều quen thuộc biết bao: những cánh đồng chất đầy khúc xương gãy, những cánh tay, cẳng chân máu tuôn đầm đìa, xác chết ruồi, nặng phủ kín; và cái mùi ngòn ngọt, hôi thối của da thịt đang thối rữa. Tôi cũng không cần xem phim tài liệu, hình ảnh để hiểu rõ hơn về những gì mà người dân Cambodia phải chịu đựng. Chính tôi đã từng sống trong đó. Tất cả những gì tôi cần làm là nhắm mắt và hoài niệm lại.

Thế là bắt đầu của đời song đôi. Là người nghiên cứu, công việc của tôi là quan sát về văn hoá. Tôi sẽ dùng kiến thức của mình về phong tục, văn hóa Cambodia và cả kinh nghiệm của riêng tôi về thời gian chiến tranh để thiết lập một mảnh đất chung với những người tị nạn kia. Về lý thuyết, họ sẽ cảm thấy dễ chịu hơn khi nói chuyện với một ai đó biết về những gì họ đã trải qua. Đó là một vai trò khá lạ lùng đối với tôi. Khi hướng dẫn các cuộc phỏng vấn những người bị bệnh tâm thần, tôi vừa là kẻ trong cuộc, người biết rõ vết thương, sự khổ đau của họ, và cũng là người ngoài cuộc, người nghiên cứu, chữa trị lạnh lùng. Tôi ngồi đó, cần mẫn ghi lại những chi tiết gợi dậy rất nhiều điều trong ký ức khắc nghiệt của riêng tôi. Không giống như trong thời gian huấn luyện, tôi không thể bỏ chạy và trú ẩn ở trong phòng vệ sinh được nữa. Tôi không thể ngừng lắng nghe những câu chuyện bi thảm của các bệnh nhân, của cha mẹ hoặc người bảo vệ họ. Những câu chuyện làm thức dậy cảm xúc của tôi. Công việc của tôi là lắng nghe, ghi lại những câu trả lời, và tiếp tục đặt câu hỏi, cố ép cho đến khi một vài người trong họ bị kiệt sức vì họ phải đối mặt với những điều mà trước đây họ đã kiềm chế được.

Một kỷ niệm của thời này trở lại với tôi. Ngồi trong phòng C ở Gains Hall, tôi đang phỏng vấn một phụ nữ, mẹ của một bệnh nhân. Nhằm tạo sự tin cậy và thông cảm, tôi phỏng vấn bà về những điều mà con gái và chính bà đã trải qua. Người đàn bà bật khóc khi được hỏi về lý do tại sao gia đình ly tán. Bà nhìn kỹ mặt bàn như thể các câu trả lời được chiếu lên trên đó như một cuốn phim. Mặc dù chỉ ngồi cách tôi có vài tấc, trông bà thật xa xôi. Đối với bà, cũng như đối với nhiều bệnh nhân và cha mẹ của họ, đây là lần đầu tiên, kể từ khi rời bỏ khỏi Cambodia, bà có thể quay mặt nhìn lại sự tàn bạo bà đã bỏ lại đằng sau lưng mình.

Bà đã từng bị lính Khmer Đỏ tra tấn chưa? Bà có từng chứng kiến người khác bị giết trong thời gian này? Bà có thấy xác chết trong thời gian này không? Bà có bị mất mẹ hay mất cha dưới thời Pol Pot cai trị không? Bà có chứng kiến người thân trong gia đình bị hành quyết không? Bà có bị thiếu ăn đến nỗi người gầy rạc, hai chân sưng phù, bụng ỏng ra? Bà có bị lính Khmer Đỏ bắt buộc làm những điều trái ý muốn của mình?

Những câu hỏi ấy là những lò xo bén nhậy. Chúng vừa rời khỏi miệng tôi, chính tôi cũng tìm kiếm câu trả lời. Tôi quan sát khi nỗi đau tuôn trào qua âm thanh nức nở của tiếng khóc. Tất cả những gì tôi có thể làm là cố chống lại không cho nước mắt của mình tuôn ra. Điều này được nhận thấy. Cặp mắt đỏ và đầm nước của người đàn bà nhìn thẳng vào mắt tôi trong một thoáng ngắn – cách nhìn thẳng này không thường gặp ở Cambodia. Bà xin lỗi vì đã làm ngắt quãng cuộc phỏng vấn, một dấu hiệu của sự nhã nhặn ở Cambodia còn sống sót sau những năm tháng bị chà đạp dưới chế độ Khmer Đỏ. Tôi luôn luôn ngạc nhiên thấy rằng một chút tình người vẫn sống lâu hơn Angka và vẫn mạnh hơn bánh xe lịch sử.

Thường thì các bệnh nhân gặp tôi nơi phòng y tế, nhưng đôi khi tôi được mời đến nhà họ. Tôi phải củng cố tinh thần trước phản ứng của họ khi tôi gọi họ để thu xếp cuộc phỏng vấn hoặc khi tôi sắp phỏng vấn họ. Đôi khi họ giận dữ hoặc trở nên hoang tưởng. Tôi cố chống lại điều này bằng cách tỏ ra quen biết và thân thiện. Chẳng hạn tôi bảo “Ồ, tôi có bà con với Sam mà, bà có biết Sam không?” Đôi khi họ cười mở, ngạc nhiên vì thấy tôi đủ quan tâm để hỏi họ nói chuyện với tôi về các gia đình khác, không muốn dứt chuyện. Nhưng cũng có khi họ ngờ vực, nghi ngại. Vào năm 1990, Cambodia vẫn còn là nơi xáo động về chính trị. Các nhóm Khmer Đỏ vẫn còn chiến đấu. Và chúng tôi, những người tị nạn, hiểu rất rõ về sự lừa lọc của họ. Câu nói của Orwell [3] miêu tả thích đáng bọn Khmer Đỏ “ Anh Cả luôn luôn quan sát người”. Ngay cả trên đường phố của Portland, tôi cũng phải ngoái đầu nhìn lại. Ở đây tôi đang đứng trên bậc cửa của những kẻ sống sót, yêu cầu họ khơi mở những kỷ niệm nhọc nhằn. Khmer Đỏ là một đại lục xa vời, nhưng không hẳn thế. Về mặt tâm lý, họ như loài ký sinh, như loài sán dây ngủ yên trong người bạn, sống thụ động lặng lẽ cho đến khi một điều gì đó khuấy động đưa nó trở lại đời sống. Và tôi đang hỏi các bệnh nhân này để đánh thức loài ký sinh đó.

*

Người đàn bà đó đang khóc nức nở làm cho cuộc phỏng vấn phải ngưng lại. Trong quá khứ bà thường bịa chuyện khi con gái của bà hỏi “Pa đâu rồi?” Bà không thể nào nói nổi rằng cha đứa bé đã bị Khmer Đỏ hành hình. “Ba đi xa rồi ba sẽ trở về ngay thôi mà”, bà sẽ nói như vậy. Tất cả những gì còn lại của chồng là một nỗi đau đớn, chỉ được tạo thành bởi những câu hỏi của đứa con gái bà và giờ đây, bởi tôi. Tôi trấn an bà rằng về lâu về dài, nói về điều đó sẽ đỡ đi. Đau khổ chỉ là một thực tại.

Tôi nhớ đến giáo lý nhà Phật: Mean ruup mean tok, có nghĩa là “có thân xác thì có đau khổ”. Tôi từng nghe một nhà sư nói về điều này và lúc đó tôi nghĩ rằng như vậy là quá khắc nghiệt. Thế mà sống sót trong chế độ Pol Pot có nghĩa là chấp nhận giáo lý này như bạn phải chấp nhận sự thay đổi của thời tiết mùa màng, như cái chết của mùa đông và sự tái sinh của mùa xuân vậy.

Sau một vài giờ phỏng vấn ,tôi thấy mệt mỏi. Tay tôi làm việc liên tục, ghi lại những hình ảnh của địa ngục theo từng chi tiết tinh tế. Ký ức về những cuộc hành quyết thô bạo – thấy một phụ nữ mang thai bị đánh đến chết bằng cuốc. Các bệnh viện đã chiến đầy phân thối; ruồi, chuột sục sạo tìm thức ăn, xác người, bất cứ thứ gì – mọi thứ. Ký ức về những thân người bị sưng phù lên, thái dương và gò má xẹp xuống vì đói. Tôi ghi lại hết. Cả thân xác và linh hồn tôi bị khô kiệt. Trong bốn bức tường này, tôi bị ném về lại Cambodia. Cánh cửa phòng này ngăn cách tôi với thế giới an toàn. Tôi bèn bước ra ngoài ánh sáng mặt trời, trong khuôn viên đồi cỏ xanh mượt của Viện đại học Health Sciences Oregon. Tôi nheo mắt tìm phương hướng. Tôi đã thoát khỏi Cambodia một lần nữa.

Một ngày khác, một cuộc phỏng vấn khác, một thực tế khủng khiếp khác. Lần này là câu chuyện về vụ thảm sát người tị nạn Cambodia, họ bị đẩy xuống hẻm núi. Vào năm 1979, lính Thái Lan tụ tập hàng trăm người Cambodia và bảo rằng sẽ mang họ đến một trại mới và họ sẽ được nhận trợ cấp. Dùng mũi súng, chúng lừa những người tị nạn chạy xuống bờ vực đối diện với nước Cambodia. Thế là họ chạy, trước mắt chúng là trẻ con, vợ chồng, người già lẫn lông lốc. Cả một tấm thảm người tuôn xuống vực thẳm khi họ chạy như những hòn đá cuội trượt trên bờ đá. Một nạn nhân kể lại, họ bị bắn.

Tôi cần mẫn ghi lại cuộc thảm sát, tuy nhiên tâm trí tôi vẫn không chấp nhận điều ấy. Thế nhưng cuộc thảm sát vô nhân đạo này cũng được một phóng viên trên tờ Washington Post ghi lại. Trước đây tôi không nghe thấy chuyện này. Thật lạ lùng, tôi nghĩ, mình tìm thấy một bài học lịch sử về quê nhà mình tại đây, trên đất Mỹ. Càng lạ hơn khi nhận thức những điều có thể đã xảy ra trong cuộc đời của chính tôi.

Cuối cùng tôi chỉ biết là cuộc chiến đó không thể nào tránh khỏi trên thế giới chừng nào mà những lãnh tụ như Pol Pot còn được những người cùng loại với y trao quyền – và chừng nào mà những người dân vốn có thể làm khác đi bằng những hành động tốt, chọn lựa một cách nhìn khác. Còn dưới những điều kiện như vậy thì nhiều cuộc sống con người sẽ bị mất đi, và nhiều trẻ em hơn nữa sẽ trở thành mồ côi. Cái giá của chiến tranh là một di họa suốt đời của trẻ em. Và tôi biết điều này: là một kẻ sống sót, tôi muốn xứng đáng với những đau khổ mà tôi phải chịu đựng khi còn bé. Tôi không muốn để cho những nỗi khổ đó không có giá gì cả, mà tôi cũng không muốn kẻ khác phải chịu đựng nó. Điều này có lẽ là thử nghiệm lớn nhất của chúng tôi: nhận thức được sức nặng của chiến tranh trên trẻ em. Nếu như giờ đây có hàng ngàn, hàng ngàn đứa trẻ sẽ phải chịu đựng hoặc đang chịu đựng chiến tranh trên thế giới thì chúng ta phải chuẩn bị để giúp đỡ chúng. Thế nhưng thật là điên rồ nếu như chỉ nhìn vào tương lai mà không ngoái lại nhìn về quá khứ.

Cô bé gái trong tôi thường kêu lên gọi người lớn giúp đỡ và làm một thay đổi. Tôi cảm thấy

mình có bốn phận phải giúp đỡ bác sĩ Sack, cũng như các đồng nghiệp, hiểu trẻ em Cambodia đã chịu chấn động nặng nề trong cuộc chiến tranh. Tôi cũng hy vọng rằng cuộc nghiên cứu của chúng tôi sẽ tạo nên những đóng góp có ý nghĩa về những yêu cầu điều trị cũng như yêu cầu xã hội của người tị nạn Cambodia và có lẽ cả yêu cầu của những người tị nạn khác, những kẻ đã hoặc sẽ phải chịu đựng một số phận tương tự.

Tôi cũng thích nghĩ rằng việc kể lại câu chuyện của mình cũng như việc tôi góp phần vào nghiên cứu PTSD là cách tôi trả thù bọn Khmer Đỏ. Đó cũng là cách tôi phản đối những chính quyền đã gây nên đau đớn và khổ nạn cho trẻ em vô tội, những kẻ mà lòng tin đã bị khai thác từ thời này sang thời khác trong suốt lịch sử: trong thời Khmer Đỏ, trong thời phát xít, trong thời Cách mạng văn hoá Trung Quốc, và gần đây hơn, trong những vụ gây hấn chủng tộc đẫm máu ở Bosnia và Rwanda.

Suốt cả một thời thơ ấu bị chiến tranh chế ngự, tôi đã học cách để sống sót. Trong một xứ sở đối diện với đổi thay dữ dội, cốt lõi của tâm hồn tôi quyết định không bao giờ để cho những hoàn cảnh khủng khiếp lấy đi phần tốt đẹp trong tôi. Về mặt tinh thần, tôi cưỡng chống lại những sức mạnh mà tôi xem là những cái ác bằng cách làm người ghi chép, lặng lẽ quan sát người chung quanh, ghi chú trong tâm trí về những chuyện chung quanh mình. Rồi sẽ có một ngày nào đó tôi sẽ chia sẻ những ký ức đó, cất tiếng nói của tôi nói thay cho những đứa bé không thể tự nói cho chúng được. Tôi cũng cất tiếng nói cho cha mẹ, chị em, anh em và những thành viên khác trong gia đình đã chết, và cho những người mà những gì còn lại nằm trong các nắm mồ tập thể vô danh rải rác khắp Cambodia, mảnh đất vốn thật dịu hiền.

Khi còn là một đứa bé, tôi tin vào quyền năng của phù phép. Tôi nhớ có lần ngồi trong phòng khách say sưa xem một cuốn phim Cambodia quay tại Himalaya. Nhân vật chính đi đến đó để tìm một nhà minh triết râu tóc bù xù biết một câu thần chú có thể cứu thoát được những người vô tội ra khỏi tay bọn người độc ác trong rừng sâu. Chỉ những lời đơn giản mà mạnh mẽ làm cho bọn cướp biến mất, tiêu huỷ hoàn toàn sức mạnh của cái ác. Lòng bàn tay áp vào nhau, đưa lên trước ngực, mắt nhắm nghiền, các nhân vật thì thầm câu thần chú. Túc khắc mọi việc được giải quyết tốt đẹp. Thật dễ dàng, tôi nghĩ. Mình chỉ cần làm điều đó trước rặng Himalaya. Đó rõ ràng là một nơi của những điều huyền diệu.

Cha tôi cũng biết phép thuật. Tôi tin điều này. Tôi đã thấy ông làm một điều thần bí khi một cơn suyễn ác nghiệt đè nặng lên phổi tôi. Tôi phải ngồi dậy và nuốt lấy không khí, nhưng mọi thứ đều tê liệt. Lập tức cha tôi mở ngăn kéo đựng dược phẩm Pháp, lấy một lọ thủy tinh và một ống tiêm. Rồi thì phép màu được thực hiện, như nó luôn là như vậy. Nó cũng làm tôi kinh ngạc như vị hiền triết nọ ở Himalaya – một phút trước tôi đang thở hơi cuối cùng, phút sau tôi đã chạy chơi tung tăng.

Giờ đây ngồi trước máy tính, tôi cảm nhận cái phép thần bí xa xưa của thời thơ ấu, giờ đây như cái bóng của ký ức tôi. Chiến tranh đã dẫm nát niềm tin thơ ngây của tôi vào phép màu một cách gọn gàng và mau chóng như người ta dẫm nát con dế dưới gót chân. Thoạt đầu tôi tìm cách dấu mình dưới những phép thuật. Nó là nơi trú ẩn trước những thực tại phi thực của chiến tranh. Các bạn tôi và tôi sẽ giả vờ rằng có quyền năng dựng những người chết sống dậy. Tôi sẽ nói chuyện với những người bạn tưởng tượng của tôi trong vườn cây sau nhà. Cây ổi, xoài, mít sum suê vào ao nước sau nhà sẽ trở thành khu rừng thiêng tôi phải đi xuyên qua để đến được rặng Himalaya.

Tối hôm nay ánh sáng từ màn hình vi tính hắt một màu xanh tái lên mắt tôi. Tôi cảm thấy thể xác và linh hồn mình như phục hồi từ sau những áp lực, từ sau những tuần lễ học hành căng thẳng để dự kỳ thi MCAT – kỳ trắc nghiệm để vào trường Y kéo dài suốt ngày. Tuy nhiên, tôi bị một nhu cầu thôi thúc phải tiếp tục viết. Thoạt tiên tôi cảm thấy đó là trách nhiệm của mình với tư cách là một kẻ sống sót. Nhưng bây giờ việc viết lách còn trở thành hành trình của tôi đến Himalaya, là cuộc tìm kiếm của tôi để nắm bắt lại cái phép thần chú đã bị đánh mất từ lâu trong đời tôi. Lần này tôi sẽ cố dùng quyền năng của ngôn ngữ để cảnh báo thế giới và đồng thời cũng để điều trị cho chúng tôi. Và vì thế mặc dù vừa trải qua một kỳ thi trắc nghiệm học búa nhất, tôi vẫn tìm kiếm từ ngữ, cái bùa chú ấy, để làm cho tâm hồn tôi được yên ổn.

Con tim đã thôi thúc tôi viết bất kể giờ giấc. Làm việc gắt gao trở thành cơn nghiện của tôi. Thoạt đầu đó là bài học cần thiết, là phương tiện duy nhất để tôi có thể sống sót dưới chế độ Khmer Đỏ, để vượt qua được bánh xe lịch sử.

Là một đứa bé phải cố chịu đựng chế độ Khmer Đỏ, tôi thường nêu lên những câu hỏi về cái thế giới xa lạ đã chụp xuống quê hương mình. Vào tuổi mười hai, dưới chế độ Khmer Đỏ, tôi hỏi Chea, chị của tôi, với hy vọng hiểu được nỗi đau khổ mà chúng tôi phải chịu đựng và hiểu được nỗi mất mát những người tôi yêu mến. Câu trả lời của chị trở thành hạt giống giúp tôi sống sót, hạt giống được gieo bởi người chị mà tôi coi như thần tượng.

“Chị Chea, làm thế nào mà cái thiện lại không thắng nổi cái ác? Tại sao bọn Khmer Đỏ lại chiến thắng nếu chúng là người xấu?”

Chea trả lời “Jchan baan chea preah chnae baan chean mea” có nghĩa là “Chúa sẽ thua, quỷ sẽ thắng”. Khi cái thiện có vẻ thua trận, thì đó là cơ hội cho người ta kiên nhẫn và trở thành giống Chúa. “Nhưng không lâu lắm đâu em ạ”, chị giải thích và nhắc đến một câu tục ngữ Cambodia nói về điều xảy ra khi cả cái thiện và cái ác đều bị ném xuống dòng đời. Điều thiện được tượng trưng bởi klok, một loại bí, còn điều ác được tượng trưng bởi armaeag, những mảnh chai vỡ.

“Rồi cái thiện sẽ chiến thắng cái ác. Bây giờ thì klok chìm xuống còn mảnh chai lại nổi lên. Nhưng armaeag sẽ không nổi lâu đâu. Rồi thay vào đó klok sẽ nổi lên và cái thiện sẽ chiến

thẳng”.Mắt chị soi thẳng vào tôi cố làm thêm sức mạnh trong câu nói của chị “Em ạ, hãy đợi mà xem. Rồi điều đó sẽ xảy ra”.

Năm 1978, ở tuổi hai mươi hai, Chea vì bị sốt kéo dài và kiệt sức, chỉ ba tháng trước khi bộ đội Việt Nam tấn công và đẩy bọn Khmer Đỏ đến biên giới. Ở tuổi mười ba, không đủ sức cứu sống chị ấy, tôi giận mình vì đã không có được kiến thức y học của Pa, vì đã không học nơi ông. Như thể nói với linh hồn chị - khi xác chị được bọc lại và mang đi chôn trong rừng – tôi thì thầm “Chea ơi, nếu em sống được sau này, em sẽ học ngành Y. Em muốn giúp đỡ những người khác bởi vì em đã không thể giúp đỡ chị. Nếu em chết, em sẽ học ngành y trong kiếp sau.” Lời thề đó đã giúp tôi chống đỡ được nỗi bơ vơ của mình, nhưng lúc đó tôi không bao giờ biết sau này nó ảnh hưởng đến cuộc đời của tôi ở Mỹ.

Vào năm 1982, lúc tôi bắt đầu học trung học ở/ Portland Oregon, lòng khao khát được học ngành y lại bùng cháy trong tôi. Sau khi học xong khoá dự bị tại đại học Oregon năm 1991, tôi quyết định trở thành một bác sĩ y khoa. Đã mười ba năm kể từ khi chị Chea chết, giờ đây tôi muốn làm tròn lời hứa với linh hồn chị và tiếp tục công việc mà Pa đã để lại.

Trong khi chuẩn bị để thi vào trường y, tôi đã cố gắng xếp lại ký ức, cẩn thận gạt chúng sang một bên để đầu óc có chỗ cho hóa học và sinh lý học. Thế mà chúng vẫn có cách để mà quay trở lại. Chẳng hạn việc học để biết cơ thể con người sử dụng carbonhydrat mỡ và protein làm năng lượng như thế nào, sẽ nhắc nhở tôi về căn bệnh phù thũng hoành hành tràn lan ở ngôi làng trong thời chiến. Sự thiếu muối trong bữa ăn cũng trở nên chết người, nó lấy đi khả năng sản xuất ra năng lượng của cơ thể chúng ta. Ở Cambodia chúng tôi có một từ để chỉ sự thiếu Vitamin A – tình trạng mà chúng tôi gọi là bệnh “quáng gà”. Không có dược phẩm trong tay, người ta chữa trị theo cách dân gian: lấy nước từ lá chuối hay lá sen nhỏ vào mắt người bệnh. Bây giờ ngồi học trong lớp và nhìn lại, tôi thấy đó không phải là những bài học trù tượng. Cũng như vậy, cảnh một ai đó mặc quần áo toàn màu đen luôn luôn làm thức dậy ký ức: đồng phục của bọn Khmer Đỏ. Và khi đó trong một lúc, nó có thể làm tôi tê liệt như thể bị bỏ bùa vậy. Đọc một tài liệu về Ethiopia trình bày cảnh trẻ con sắp hàng chờ phần ăn, tôi bỗng bị dội trở về với những cánh đồng lầy lội, quay trở về cái thời khi tôi chỉ là một em bé yếu đuối và kiệt sức như những trẻ em Phi Châu lạc loài kia, sống chỉ để chờ đợi thực phẩm. Nhiều khi ký ức đột ngột trở lại với tôi theo những con đường tôi không hề tưởng tượng ra nổi. Một lần dừng chân ở Hawaii, tôi bỗng trở về với những cảm giác kỷ niệm – mùi ẩm ướt, mùi cây cỏ, những cây xoài đơm trái, những chùm dừa đung đưa, nhịp uốn mình của hàng cây cọ ở phi trường, cơn gió nhẹ mang theo hơi ẩm. Giác quan đã đánh thức dậy những kỷ niệm đã lãng quên từ lâu trong tôi.

*

Có những lúc tôi đã phải nhận ký ức của riêng mình, tôi bỏ quên đứa con gái bé nhỏ trong tôi. Tôi tự bảo, rồi sẽ có thời gian để mà đau buồn. Tôi đẩy ký ức xuống tận sâu dưới đáy lòng để mà theo đuổi những việc quan trọng hơn. Học hành. Trường Y. Tôi muốn làm một điều gì khác trong thế giới này, làm những điều tốt đẹp, làm tròn ước muốn của một đứa bé. Rồi sẽ có thời gian cho ký ức, nhưng tôi không bao giờ dự báo, cũng như không bao giờ lục nó ra. Rồi sẽ có lúc mà.

Giờ đây tôi ngồi trong ánh sáng bí hiểm toả ra từ màn hình máy vi tính, cố ôn lại quá khứ, tôi biết đây chính là lúc ấy. Tôi mời mọc ký ức trở lại, lo âu nhưng háo hức đi tìm chúng. Và trong lúc cố gắng đi tìm hiểu được cái thôi thúc muốn nói cho người khác nghe những điều đang bùng cháy lên trong tâm trí, tôi nhận ra niềm tin và tham vọng của mình, những điều đã bắt rễ trong những con người đã cho tôi ra đời – cha mẹ tôi.

Chú thích

[1] Bánh xe lịch sử hoặc quá trình tiến hoá. Khmer Đỏ thường dùng những từ như vậy để đe dọa chúng tôi, bắt chúng tôi tuân theo luật lệ, theo cuộc cách mạng của chúng. Nếu không theo họ, bánh xe lịch sử sẽ cán lên chúng tôi. Điều này có nghĩa là bị trừng phạt hoặc chết.

[2] Tâm thần phân liệt. Tâm thần chu kỳ. Rối loạn tâm thần

[3] George Orwell (1903-1950) nhà văn Anh, tác giả cuốn tiểu thuyết “1984” miêu tả viễn cảnh của một chế độ độc tài

CHƯƠNG 1

Sao chổi trên trời báo điềm chiến tranh

The New York times

Phnom Penh, Cambodia – 28 tháng 3 1969

(Agence France Press)

Cuộc hôn nhân tương lai của cha mẹ tôi đã được quyết định sẵn từ khi hai người còn bé. Cha mẹ của cả hai người bảo họ rằng ngày sau họ sẽ lấy nhau. Cả hai gia đình đều thuộc loại khá giả vì thế cuộc hôn nhân này được chuẩn bị rình rang. Có người cho rằng họ được kết đôi với nhau vì hai anh em Kong Houng và Kong Lorng không muốn tài sản của họ bị phân tán. Bằng cách đó của cải của gia đình vẫn được tập trung. Và trong truyền thống Cambodia, anh em họ lấy nhau là chuyện thường.

May thay tình cảm của cha tôi cũng phù hợp với ý tưởng của các vị tiền bối. Khi Pa mười bảy

tuổi, ông yêu Mak, bà là một cô gái sáng láng, ý tưởng mạnh mẽ. Khi còn bé, bà thường lên đến chùa để học đọc và viết tiếng Khmer, và đọc tiếng Pali, ngôn ngữ được dùng trong kinh sách của Cambodia. Lớn hơn bà còn học được tiếng Pháp nữa, vốn là một điều cấm đối với phụ nữ. Thường thì cha mẹ không muốn con gái mình học chữ vì sợ nó sẽ viết thư tình trước khi họ có cơ hội thu xếp cho con một cuộc hôn nhân thích hợp. Bằng mọi cách, Mak đã thách đố điều đó, bí mật tự học một mình.

Đó là cô gái mà Pa yêu thương – một cô gái trẻ trung, sáng láng, dám nói ý kiến mình. Xem ra khó có vẻ là một cô dâu kín đáo, e dè theo truyền thống Cambodia. Nhưng chính Pa cũng là người biết mình muốn gì. Ông kiên nhẫn chờ cha mẹ mình thực hiện lời hứa, thu xếp để cưới Mak. Theo truyền thống, họ phải sang gia đình Mak để xin làm lễ hỏi chính thức. Nhưng nghi thức ấy kéo dài quá lâu. Pa không thể chờ đợi được. Ông bèn đến nhà người cô ông yêu mến nhất là bà Om, ở làng Srey Va. Ông xin bà đứng làm chủ hôn cho mình, để xin bà Srem và ông Lorng. Hiểu rõ cả tận đáy sâu của tình yêu và nỗi sợ hãi của đứa cháu mình – sợ bất cứ người đàn ông nào vào lúc nào đó sẽ xin cưới Mak – bà cô này liền lấy thuyền đến làng Prey Ronn. Thật ra trông bà chẳng giống sứ giả tình yêu một chút nào, nhưng bà rất hữu hiệu.

Cha mẹ Mak đồng ý cho xúc tiến đám cưới. Nhưng truyền thống Cambodia thì phải bắt buộc tuân theo. Cha mẹ Pa, tức Kong Houng và Yiey Khmeng được yêu cầu phải có sự chấp thuận chính thức của cha mẹ Mak. Được phép, thế là vào tuổi mười bảy, cuối cùng Pa đạt được ước nguyện, ông lấy Mak, một cô dâu mới mười bốn tuổi và còn hơi bối rối.

Pa mang vợ về Year Piar sống với cha mẹ mình. Hoặc vì sợ hãi, hoặc đơn giản chỉ vì bà còn quá trẻ không thích hợp được với cuộc sống gia đình, Mak lập tức bỏ chạy về lại với cha mẹ mình. Nhưng bà ngạc nhiên vì mẹ bà lập tức mang bà trở lại về nhà chồng ngay. Về sau Mak thường cười về chuyện này. Nhưng bà cũng nhớ rõ những nghĩa vụ nặng nề mà mẹ chồng trông chờ ở bà.

Quả thật bà Khmeng hẳn đã chờ đợi rất nhiều ở Mak, quên bằng là Mak còn quá trẻ. Theo phong tục Cambodia, nơi trán của những đứa bé mới sinh được đánh dấu bằng một thứ nước từ rễ cây gọi là Paley có màu vàng nghệ. Đây là nơi phần mềm trên đầu đứa bé, và người ta tin rằng nước rễ cây sẽ giúp cho sọ của nó cứng hơn. Tất nhiên khi đứa bé lớn lên thì chất bột trên trán cũng rớt đi. Khi Mak lấy chồng, có thể nói chất bột paley trên trán bà vẫn chưa rơi hết, nhưng điều đó cũng không khác biệt gì mấy. Các bà mẹ chồng thường đòi hỏi rất nhiều, và họ chi phối tất cả. Một người đàn bà không chỉ lấy chồng, mà còn lấy cả gia đình chồng. Thế nhưng Pa không nhìn theo cách đó, ông là người đàn ông có gan quay lưng với những tập tục mà ông không đồng tình. Vào thời gian đó, họ có hai người con, cả hai đều chết. Đứa con thứ ba là một đứa bé gầy nhom, ốm yếu. Pa và Mak ít hy vọng đứa bé gái này sống sót, nhưng cô bé này đã

làm cha mẹ ngạc nhiên, cô có tên tục là Chea, có nghĩa là “lành”. Với đứa con thứ ba ốm yếu này, Pa và Mak rời Year Piar.

Họ khởi đầu cuộc hành trình, bỏ lại phía sau sự bảo đảm về mặt tài chính của gia đình để đi tìm con đường riêng, để tạo ra một cuộc sống riêng của mình. Họ đi đến Phnom Penh. Cay đắng trước những đòi hỏi không nhượng bộ của cha mẹ họ, Pa và Mak thực hiện lời thề trên cầu Preah Monivong: nếu không thành công trong cuộc đời, họ sẽ không bao giờ trở lại Year Piar để gặp lại cha mẹ họ nữa. Họ sẽ tự sát, nhảy xuống dòng nước sâu đang chảy dưới chân họ. Và giờ chỉ trong tuổi ngoài hai mươi, họ không còn bối rối vì lời thề nữa. Họ xây một căn nhà ở Takeo. Pa là một người chồng và người cha tốt. Ở tuổi hai mươi lăm, ông đã thành công trong việc cư mang một gia đình đang phát triển. Quả thực cha mẹ tôi không những làm ngạc nhiên cha mẹ của Pa mà cả cha mẹ của Mak nữa. Một ngôi nhà là một biểu tượng của địa vị xã hội. Ngay cả cha mẹ của họ cũng tự hỏi “Chúng lấy tiền đâu mà xây một ngôi nhà lớn như vậy?” Thật ra họ không biết đến lời thề cháy bỏng trong Pa và Mak. Và ngôi nhà này là đền thờ của lời thề đó. Một thành tích mà Pa dành cho Mak, cô dâu của ông.

Cũng chính tại ngôi nhà này mà lần đầu tiên trong đời tôi được nghe đến tiếng “chiến tranh”. Đó là một đêm không mây và bầu trời thấp đầy sao lóng lánh. Mak đi vào phòng khách và hỏi mấy chị em chúng tôi có muốn ra ngoài xem sao chổi không. Mak nói sao chổi có một cái đuôi dài và sáng.

Tôi còn nhớ nổi háo hức của chúng tôi. Tôi ùa chạy theo năm anh chị tôi. Họ gồm Chea, mười một tuổi, người mà trí thông minh và sự hiểu biết khiến chị được các đứa trẻ lớn tuổi hơn kính nể. Ra, mười tuổi, người chị nhút nhát của tôi, rất thích giúp Mak nấu nướng và lau chùi, cách chị làm việc nhà ngăn nắp, trật tự khiến mẹ tôi rất hài lòng. Còn Tha là anh trai lớn của tôi, chín tuổi, anh giỏi toán và rất tinh nghịch, để biết bắp có ngọt không, anh nhặt mọi trái bắp trên bàn lên cắn thử mỗi trái một miếng! Ry, bảy tuổi, là người chị vui vẻ và dễ tính của tôi, chị thích bông tôi và Avy, đứa em gái mới lên một của chúng tôi. Còn Than, năm tuổi, người anh trai thứ hai của tôi, tính thích trêu chọc, mạo hiểm của anh làm tôi tò mò. Anh cũng là đối thủ cạnh tranh của tôi.

Chúng tôi đi sau lưng mẹ, lúc thúc sát vào bà như sáu con gà con bám theo con gà mẹ. Mak nhắc tôi lên và tôi nhìn thấy cái thiên thể gồm một hạt nhân sáng như sao và một cái đuôi dài lấp lánh. Ánh sáng của nó tăng lên thêm trên bầu trời đêm và các ngôi sao chung quanh. Tất cả chúng tôi sững người, chen chúc bên cạnh mẹ, dựa vào hàng rào.

Một lúc sau niềm vui của mẹ tôi dường như nhạt đi – ngay cả một đứa bé cũng có thể cảm thấy được điều đó. Mẹ kể cho chúng tôi về một điều mê tín xưa trong dân gian: khi đuôi sao chổi chỉ vào một nơi đặc biệt nào đó thì Cambodia sẽ bị kéo vào một cuộc chiến tranh với xứ sở đó. Cái

từ “chiến tranh” làm đi niềm vui háo hức của chúng tôi; ngay cả với tôi, một đứa bé không hiểu chút gì về ý nghĩa của từ đó. Tôi chỉ cảm nhận sự sợ hãi từ nơi mẹ tôi và các anh chị tôi. Tôi tự hỏi từ “xứ sở” nghĩa là gì, và cái đuôi sao chổi đã chỉ vào “xứ sở” nào đêm hôm đó.

*

Rồi vào năm 1969, chiến tranh đến lúc tôi được bốn tuổi.

Những tiếng động ầm ầm đánh thức tôi dậy. Tôi sờ soạng trong bóng tối, cố mở mắt ra. Tôi chạy trong bóng tối, ra phòng khách, cố đi tìm cha mẹ. “Pa ơi! Mak ơi!” tôi gân cổ hét lên, cố tranh đua với những âm thanh khàn khàn, ùng ùng bên tôi.

Tiếng kêu như động kinh của chị Chea khiến tôi nhận thức rằng tiếng ồn điên cuồng bên ngoài hẳn có liên quan tới cái từ mà tôi đã từng tự hỏi không biết nghĩa là gì: chiến tranh. Hơn tất cả mọi điều, tôi muốn thấy cha mẹ. Thành linh ánh đèn loé lên, tôi nhìn thấy các anh chị tôi đang chạy quanh, hoảng loạn và mất phương hướng như những chú kiến trong tổ đã bị cày nát. Tôi thấy mẹ tôi đang ôm chặt lấy Avy, em gái tôi, còn cha tôi thì đứng sát tường nơi ông vừa mới bật đèn sáng. Tôi chạy đến bên cạnh Mak. Cha tôi với tay nắm lấy vai chị Chea. Ông nhìn vào mắt chị và nói thật cẩn thận “A Chea, koon, đem các em con ra núp ngoài hầm cạnh ao. Nhớ khom người xuống và đi thật cẩn thận và chậm để khỏi bị trúng đạn. Nhanh lên, koon pa (con của cha)!”.

Các anh chị tôi ủa ra khỏi cửa, trông thật thảm hại như một đàn bò bị trúng thương. Tôi nắm chặt tay mẹ, người run lên lập cập theo từng tiếng súng dội lại. Ấm Avy và dắt tay tôi, Mak cũng vội ra cửa. Nhưng Mak không đi nhanh được vì bà đang có bầu sáu tháng. Pháo nổ bên ngoài và tôi lại gào lên rồi bật khóc. Mak lắc lắc tay tôi rồi nắm chặt lại.

“Pa vea! [1]” mẹ gọi cha, lúc đó đang chạy từ cửa sổ này sang cửa sổ khác, nhào đầu ra ngoài và lắng nghe. “Bố nó làm gì vậy? Bị bắn đấy! Sao bố nó không cẩn thận gì cả. Giúp em với bọn nhỏ này đi!” Mak sợ cứng người và giọng nói của bà làm tôi còn khiếp hãi hơn cả tiếng pháo đang gầm rú trong bầu trời đêm.

Từ cửa sổ Pa hét trả lời “Anh chỉ muốn biết tiếng súng từ hướng nào lại!”

Mak cúi xuống bên tôi, giọng bà nghiêm và nhanh như giọng người bán đấu giá “A Thy [2], koon, hãy đứng đợi cha con ở đây, mẹ đem em Avy xuống lầu trước”. Tim tôi đập loạn lên khi thấy bà lo sợ cho cha tôi. Sau khi bà xuống lầu, tôi khóc, nhảy dựng lên, lo lắng chờ Pa mang tôi xuống hầm trú ẩn.

Pa chạy đến trấn tĩnh tôi, kéo tôi ra khỏi cơn động kinh. Ông mang tôi xuống hầm trú ẩn, thật ra chỉ là cái lỗ đào nơi đất sét dày, chung quanh chất đầy bao cát. An toàn trong hầm rồi, nhưng ông chưa thể nghỉ ngơi. Ông phải trở lại trong nhà vì còn Yiey Tot, bà nội ông, vốn đã mù và rất

yếu. Ông xách theo cả chị Chea và anh Tha theo ông đi thăm bà. Giữa tiếng súng tôi có thể nghe thấy tiếng rên của bà cố.

“Cúi xuống, các con!” tôi nghe tiếng Pa kêu “Các con không nghe thấy tiếng đạn bay sao? Yiey, bà đừng lo, tụi cháu không bỏ bà đâu”.

Tôi thấy nhẹ nhõm khi mọi người trong gia đình, kể cả cô Cheng, em gái Pa, cuối cùng cũng vào núp trong hầm cạnh ao. Nằm cạnh mẹ tôi trong đêm lạnh, tôi tự hỏi không biết mọi người có sợ hãi như tôi không, tiếng đạn rít vù vù trên đầu chúng tôi, tiếng xì xì, thì thào, dữ tợn và vô hình, nhanh đến mức ta không chắc là ta có nghe thấy nó không nữa. Ánh lửa vọt lên như ánh chớp, soi rõ cả bầu trời tối đen.

Vậy ra đây là chiến tranh. Nhưng nó có dừng lại không nhỉ?

Rồi tiếng súng ục lên âm thanh cuối cùng. Im lặng và nhẹ nhõm. Bây giờ mình có thể quay lại nhà, tôi tự nhủ, sẵn sàng thoát ra khỏi mọi lo âu về chiến tranh. Tôi mong trời sáng. Tôi muốn quên đi cái thế giới của người lớn đã kéo tôi ra khỏi những giấc mơ đẹp để đẩy tôi vào những cơn ác mộng.

Điều tôi không biết là có một thế giới bên ngoài Cambodia – cái thế giới sẽ tác động lên tôi, gia đình tôi và Cambodia như là một quốc gia. Tôi không hề biết ai đã nổ súng trong đêm hôm đó, tôi chỉ biết rằng những họng súng đó đã nhắm vào tôi. Phải còn nhiều năm dài trước khi tôi bắt đầu hiểu được những nguyên nhân và hậu quả của chiến tranh, những trò lắt léo chính trị. Nhưng kể từ chính lúc đó cả gia đình tôi sẽ trở thành những mảnh vỡ của một con tàu đắm dập dềnh trôi dạt lên xuống theo ngọn triều của chiến tranh.

Giờ đây tôi nhìn lại quá khứ với tư cách là một kẻ còn sống sót. Tôi tìm câu trả lời cho những câu hỏi tôi nêu ra khi còn là một cô gái nhỏ. Cố gắng hiểu được điều gì đã xảy ra.

Sao chổi mà chúng tôi trông thấy từ rất lâu đó hoá ra lại có nhiều hơn một cái đuôi.

Ngày 20 tháng tư năm 1970, trong một nỗ lực nhằm vô hiệu hóa bộ đội giải phóng Việt Nam đang hoạt động ở biên giới Cambodia, lực lượng Mỹ và Nam Việt Nam tung một lực lượng hùng hậu vào Campuchia, biến Campuchia thành sân khấu của cuộc chiến. Thoạt đầu các nhà lãnh đạo Hoa kỳ phủ nhận mình không có dính líu vào cho đến khi công chúng Mỹ lên tiếng đòi hỏi sự thật thì mới chịu thừa nhận. cuộc chiến ở Việt Nam đã lan vào Cambodia, bất chấp sự trung lập quý báu mà hoàng thân của Cambodia là Norodom Sihanouk đã tìm cách gìn giữ trong nhiều năm trời. Rồi ngày 18 tháng ba 1970, hoàng thân Sihanouk bị loại bởi thủ tướng của ông, Lon Nol, và người anh em họ của ông, hoàng thân Sisowath Serik Matak, trong một vụ đảo chính không đổ máu do Hoa Kỳ ủng hộ. Trung Quốc mở rộng vòng tay đón Sihanouk, hăm hở giúp Cambodia thoát khỏi “bọn đế quốc Mỹ”. Sau đó các nhà lãnh đạo Trung quốc khuyến khích ông thành lập một chính quyền lưu vong chủ yếu gồm những kẻ thù của ông như Khmer Đỏ chẳng

hạn.

Khi súng nổ, gia đình chúng tôi chỉ cảm thấy mỗi nguy hiểm hiện diện, và tôi thì ao ước cho mọi thứ trở về bình thường như cũ. Sáng hôm sau có vẻ yên tĩnh. Chúng tôi là con tin của ý tưởng của chính mình, đặc biệt là cha tôi.

Pa quyết định đến sở. Ông làm cho nhà nước ở Phnom Penh, kiểm soát việc vi phạm xuất nhập khẩu, nhưng ngoài ra ông còn sở hữu một số xe trẻ em, mà tháng nào cũng có người thuê. Cha tôi vốn khác với các chú. Ông thường giúp mẹ việc nhà, giặt giũ áo quần, vải vóc, cả khăn trải giường vậy bản sau khi mẹ tôi sinh nữa. Mặc dù theo truyền thống phụ nữ lo việc nấu nướng, tôi vẫn thấy cha tôi thường làm bếp. Ông tìm thú vui trong những công việc lật vật, thường giúp chúng tôi cắt tỉa móng tay, hoặc dội nước cho chúng tôi tắm – những công việc thường do phụ nữ đảm trách. Tôi hiểu tham vọng cũng như khát vọng của cha tôi: ông muốn thoát khỏi truyền thống. Là một doanh nhân trong máu, ông còn nhập cảng máy truyền hình qua ngả Việt Nam và cho thuê hai phòng ngủ dưới lầu. Hình như ông muốn nhà tôi đầy ắp trẻ em.

Kể từ khi tôi chạm mặt với chiến tranh đến nay, chỉ mới tám tiếng đồng hồ, nhưng tôi đã bắt đầu lo âu như một người lớn. Tôi sợ gia đình mình có thể bị chia cắt với cha nếu cuộc chiến lại nổ ra. Ôi, tôi muốn nói cho Pa biết tôi đã sợ hãi biết chừng nào, nhưng tôi cũng quá sợ không thể nói với ông điều này. Tôi đã học nơi người lớn rằng mình đừng nghĩ hoặc nói ra những điều khủng khiếp nếu không những điều đó sẽ thành sự thật.

Và chúng đã thành sự thật, Pa chưa về nhà. Chúng tôi sợ run lên khi nghe tiếng súng ầm ầm ở đằng xa. Ít nhất thì nó cũng không gần nhà tôi như đêm hôm trước. Chúng tôi núp trong nhà. Tôi ước chi tiếng ồn này của chiến tranh cứ ở yên một chỗ. Rồi tôi quá mệt không thức được nữa. Điều kế tiếp tôi cảm nhận là có ai đó đang lay tôi, chị Chea đang đánh thức tôi dậy. Sáng hôm đó trời nhiều mây và lạnh khi tôi đứng ngoài cổng nhà gần đóng vali nhét đầy ắp. Mak bảo tôi đứng gần đó trông chừng chiếc xe buýt sẽ mang chúng tôi lên Phnom Penh. Tôi nhìn lại ngôi nhà, hàng thông, mỗi bên ba cây, mọc trước ngôi nhà lớn hai tầng trét xi măng, hầu như cây cũng cao bằng toà nhà. Dọc theo hàng rào xi măng là một hàng cây xoài, đu đủ, dừa mát rượi nhìn xuống cái đu nơi sân chơi mà tôi đã bắt đầu thấy nhớ gần bằng nhớ cha tôi vậy.

Một chiếc xe buýt sơn xanh bạc màu chất đầy người dừng ngay trước nhà. Dường như mọi người đều có cùng một ý tưởng như nhau. Trên mui xe, vali, túi xách chất cao như núi. Từ ngoài chiếc cổng đã mở rộng sẵn, tôi chạy vào nhà tìm mẹ. Tôi vừa chạy lên bậc thềm xi măng thì cả nhà đang đi xuống. Mẹ tôi một tay bế Avy, tay kia xách một mớ đồ đạc. Mái tóc đen của mẹ được chải gọn ghẽ, ôm sát mặt, cong xuống cổ, dưới trái tai. Mak mặc một chiếc áo màu và

chiếc xà rồng dài in hoa, gần giống chiếc váy người ta thường mặc ở Hawaii. Bà vẫn thơm tất như bao giờ.

Tôi hỏi Mak “Còn Pa thì sao hả Mak? Tối nay Pa về nhà mà mình không có ở đây. Không biết mình đi đâu, Pa có sợ không?”

“Pa sẽ biết chứ. Pa sẽ tìm ra chúng ta. Đi nào. Đi ra xe đi, koon mak (con của mẹ)”.

Khi chiếc xe buýt chuyển bánh, tôi nhìn lại ngôi nhà như để chụp lại một tấm ảnh cuối cùng. Bằng cặp mắt, tôi vuốt ve tất cả những gì tôi thấy, hàng cây tùng, cái xích đu bên cạnh hàng cây xoài im mát gần hàng rào, ban công treo những cây trường sinh lắc lư. Tôi nhớ cả nhà thường ra ngồi ngoài này cùng nhau hưởng ngọn gió ấm buổi tối. Tôi hay bắt những con đom đóm bay vù vù gần những chậu cây trường sinh này.

Mọi người trên xe đều im lặng, kể cả mấy đứa bé. Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau và thấy được nỗi lo âu lặng lẽ, đặc biệt trên khuôn mặt người lớn. Một số người cố che giấu, đưa mắt ngắm các hàng cây và phong cảnh đang vụt qua bên ngoài cửa sổ xe.

Bằng cách nào đó Pa cũng tìm được chúng tôi ở Phnom Penh. Chúng tôi tìm được chỗ trú ẩn gọi là Bantey Sheichaak, đại loại như một đồn lính. Chúng tôi bước vào một thế giới của thiết quân luật. Vào 11 giờ sáng, chúng tôi không được rời khỏi nhà. Máy bay tuần tra của Cambodia lượn vòng trên đầu. Nếu họ gặp bất cứ sự di chuyển nào là họ bắn ngay. Bất cứ lúc nào nghe tiếng động cơ máy bay trên không, tôi đều sợ đến ngừng thở, ngừng chơi, ngừng cả tiểu tiện. Chúng tôi sống như vậy trong suốt hai tháng. Rồi Pa nói chúng tôi sẽ về lại nhà ở Takeo. “Bây giờ ở đó an toàn rồi”, ông tuyên bố.

Nhưng ở đó bây giờ không còn được như cũ nữa. Nhà của chúng tôi đã bị bom.

Thật ngạc nhiên, con Akie, thuộc loại chó chăn cừu, đã sống sót qua mấy tháng ở một mình đó, trong lúc con Aka Hom, con chó giữ nhà, thì đã mất. Akie chịu đựng bom đạn, trung thành nằm chờ chủ bên ngoài đồng tro tàn là nơi ngôi nhà đã bị hủy hoại của chúng tôi. Khi thấy Pa về, Akie nhảy chồm lên ông, liếm lia lịa. Ở Cambodia, ít khi thấy người lớn bày tỏ cảm tình với nhau nơi công cộng, nhưng đối với các con vật cưng, chúng tôi được tự do bộc lộ cảm xúc. Pa thường thích cưng chiều Akie, tắm gội cho nó và cho nó những món ăn ngon nhất.

Thay vì ở lại nhà mình, chúng tôi đến nhà của Kong [3] Horne, cậu của mẹ tôi. Gia đình ông đã bỏ đi khỏi nhà và không trở lại. Nhưng lại là một trong những người may mắn ở Takeo, vì nhà ông không trúng bom. Ngôi nhà xây xi măng hai tầng của ông nhìn xuống sông Bassac, nằm gần trung tâm của thành phố Takeo.

Ngồi trên xe máy, Pa bảo anh Tha theo ông về thăm lại ngôi nhà cũ, nhưng tôi cũng đòi đi nữa. Ông nhìn tôi do dự nhưng rồi cũng bằng lòng.

Dọc đường la liệt áo quần và mảnh vụn. Tôi cố tìm người nhưng chẳng thấy một ai. Khi nghe Pa

nói đã đến nhà rồi, tôi nhìn ngôi nhà cũ, nhưng phần trên đã mất. Trông nó vỡ vụn và thấp hơn trước kia rất nhiều. Cổng cũng vỡ nát. Hàng xoài, dừa và đu đủ khô cháy. Phần trên của hai cây thông gãy, khô quắt và đung đưa sắp rơi.

Pa nắm tay tôi bước lên cầu thang. Lên đến tầng trên thì không còn gì nữa. Các mảnh kim loại cắm đầy nơi trước đây từng là tường phòng ngủ và tường ra ban công. Sàn phòng khách mất đi một phần, nhìn thấy cả phòng dưới lầu. Pa kéo tay tôi lại để tôi không tiến xa hơn. Đi vắng, tủ kính đựng ly thủy tinh và cốc chạm bạc chạm trổ, tranh ảnh cũng như mọi thứ khác trong nhà giờ chỉ còn một đồng tro tàn. Nơi để radio, ti vi và máy hát giờ chỉ còn những mảnh vụn cháy đen.

Pa dắt tôi ra sân sau, ao nước đã cạn khô, những cây hoa súng và sen xanh rất đẹp cũng như trey pra, một loại cá trê chúng tôi vẫn thường ăn, đều đã chết. Cây cối một thời trĩu nặng trái chín giờ đây héo úa và ngả màu nâu. Ngôi nhà của chúng tôi đã chết, tôi đòi cha tôi rời khỏi nơi đó.

Chú thích

[1] Cách người vợ gọi chồng, có nghĩa gần như là “Bố nó”

[2] Thy là tên thân mật của tác giả, còn tiếp đầu A là cách gọi thân thiết một người lớn dành cho một người nhỏ tuổi hơn, đặc biệt là dành cho con gái. Tuổi tác là vấn đề rất quan trọng trong việc định hình mối quan hệ ở Cambodia, và điều đó được phản ánh trong ngôn ngữ cũng như trong giới tính vậy

[3] Từ này có nghĩa là; “người đàn ông có nguồn gốc Trung Hoa”, mặc dù Kong Horne thật sự là cậu của mẹ tác giả. Trong cách xưng hô của người Cambodia, tuổi tác đôi khi đứng trước quan hệ gia đình thực, vì thế người cậu này, vốn là em trai của bà ngoại tác giả, được gọi là “ông” Horne. Tương tự, một người ngang tuổi với cha mẹ mình được gọi là chú, bác, cô, dì...để biểu lộ lòng tôn kính, ngay cả khi người đó không có quan hệ họ hàng gì

CHƯƠNG 2

B-CINQUANTE-DEUX

The New York Times

18 tháng 7, 1973

“Những vụ tấn công bí mật ở Cambodia trước năm 70 lên đến con số 3.500”

Seymour M. Hersh

Washington, ngày 17 tháng 7. Các nguồn tin từ bộ Quốc phòng hôm nay tiết lộ rằng các máy bay ném bom lên Cambodia trong suốt một giai đoạn 14 tháng bắt đầu vào tháng 3, 1969...Tuy

nhiên, các nguồn tin quân sự đã xác nhận rằng thông tin về việc tấn công Cambodia đã trình trực tiếp lên tổng thống Nixon và các cố vấn quốc gia tối cao của ông, kể cả Henry A. Kissinger.

Câu chuyện về cuộc đời Đức Phật có kể về chuyện một người mẹ ôm đứa con đã chết trong tay đến gặp ngài. Người đàn bà này nghe nói rằng ngài là một thần linh có thể trả lại sự sống cho người đã chết. Bà vừa khóc vừa xin ngài ban phép cho con mình sống lại. Đức Phật dịu dàng bảo bà ta rằng có thể giúp bà làm cho con bà sống lại, nhưng trước hết bà phải mang cho ngài một hạt giống mù tạt cất giữ trong một gia đình xưa nay chưa từng có người chết đã. Tuyệt vọng, bà đi tìm hết nhà này sang nhà khác. Nhiều người rất muốn giúp bà, nhưng ai cũng từng chịu đựng sự mất mát – kẻ mất em, người mất chồng, mất con. Cuối cùng bà quay trở lại gặp Đức Phật. Ngài hỏi “Con đã tìm thấy gì rồi? Hạt giống mù tạt đâu và con của con đâu? Ta không thấy con mang nó theo?”

Bà trả lời “Con đã chôn nó rồi”.

*

Từ khi còn bé, tôi chưa bao giờ biết đến sự mất mát. Anh Tha của tôi bị bệnh. Cậu con trai từng leo cây lẹ như khỉ đã sụp xuống vì bị sốt. Mẹ tôi ngồi suốt đêm bên cạnh anh, lấy khăn ướt đắp lên mặt anh. Nhưng anh vẫn không khá hơn.

Pa cho anh uống vài thứ thuốc, nhưng chẳng có gì thay đổi. Tha không thể cử động hay tiểu tiện, và chỉ nằm yên trên giường, thở chậm chạp. Anh ngủ li bì, mặt bạc trắng. Khi Pa và Mak có nói chuyện với anh, anh nhướng mắt, mí chớp chớp, nhưng không nói được.

Mak tuyệt vọng. Bà đi hỏi han, cầu khẩn những người đồng bóng. Câu trả lời rất đơn giản: hắc Tha đã đái lên mộ của một người nào đó ở một nơi nào đó. Đó là lý do tại sao Tha không tiểu tiện được cũng không nói được. Linh hồn người chết tức giận đã đánh cắp linh hồn của anh để trừng phạt. Đã làm thế mà không xin lỗi, chắc chắn anh sẽ chết. Mẹ tôi cố lục lọi trong trí óc để xem ngôi mộ bị xúc phạm đó có thể ở đâu – có lẽ ở Phnom Penh, trong thời gian ngắn gia đình chúng tôi tản cư tại đó. Bây giờ bà tóm lấy bất cứ lời giải thích nào, bất cứ hy vọng mong manh nào.

Với một thành phố bị bỏ rơi như Takeo, chẳng còn có thuốc men gì cả. Pa cố mời được một bác sĩ ở rất xa đến giúp Tha. Bác sĩ tiêm cho anh vài mũi và lấy trong túi xách một cái ống cao su mềm để rút nước tiểu của anh ra. Pa đưa tay ra hiệu cho tôi lùi xa ra giường bệnh trong khi bác sĩ cố rút nước tiểu. Tha rên rỉ. Khuôn mặt của Pa và Mak như hai tấm gương song sinh của sự tuyệt vọng.

Khi bác sĩ làm xong, ông với Pa đi ra ngoài, tôi đi đến bên Mak đang ngồi cạnh giường anh Tha. Mak sờ bụng và nhìn chăm chăm vào mắt anh. Rồi Mak vuốt tóc anh. Tôi cũng muốn nắm tay anh để trấn an. Rồi tôi nghe một tiếng động nhỏ, đột nhiên môi anh nở ra thành một nụ cười. “Mak, anh Tha đang cười kìa”, anh Than khi đó đang đứng ở chân giường, kêu lên sung sướng. Tất cả chúng tôi đều mỉm cười.

Mak nói dịu dàng “Than, con đưa cho anh con cầm khẩu súng đồ chơi của con một lát đi”, anh Than làm theo ngay.

Tuy vậy, anh Tha không hồi phục. Anh nhắm mắt, không lấy gì, không nói gì. Anh chỉ còn thở. Pa và Mak luôn luôn ở cạnh anh.

Cha mẹ tôi không bao giờ chuẩn bị cho chúng tôi ý tưởng về chuyện chết chóc. Chuyện đó không bao giờ được đưa ra thảo luận với con cái. Khi anh Tha chết, mẹ tôi khóc rất nhiều. Tiếng khóc nức nở của mẹ làm tôi sợ hãi nhưng vẫn kéo tôi lại gần. Còn Pa thì mắt đỏ quạch, đầm nước. Ông lấy tay che mặt, bước ra khỏi nhà. Tôi rất buồn vì cái chết của người anh trai, người đã từng cho tôi ẵm một con quạ non, con chim ẵm và run rẩy, hai chân bấu vào lòng bàn tay tôi. Nhưng một cách nào đó, sự buồn bã và bất lực của cha mẹ còn làm bận lòng tôi hơn nữa.

Càng ngày, cuộc sống của chúng tôi càng không kiểm soát được nữa.

Chúng tôi đã đến trú ngụ tại nhà Kong Horne, chú của mẹ tôi trong một tháng, rồi ông trở về cùng với vợ con. Ngôi nhà bây giờ đầy người. Dân chúng đang dần dần trở lại Takeo, cuộc sống đang chậm chạp trở lại trên đường phố trống vắng. Nhà bây giờ đông người nên gia đình tôi chuyển lên tầng hai, một chỗ mang câu chuyện buồn. Nhiều năm trước khi tôi ra đời, một người đàn bà đã phá cửa nhà ông chú định ăn cắp nữ trang, vàng bạc giấu trong đồng củi, một cách giữ tài sản thô sơ nhưng thực dụng của nhiều người Cambodia sợ lạm phát và tiền giấy mất giá. Kẻ xâm nhập không biết bằng cách nào mà lừa được người dì lên bảy tuổi của tôi lên lầu. Chẳng ai biết điều gì đã xảy ra. Có lẽ mẹ ta cố dọa dì khai ra chỗ giấu vàng và nữ trang. Cũng có thể mẹ bắt nhân chứng phải câm miệng. Cuối cùng, mẹ ta thắt cổ, treo lủng lẳng thân hình nhỏ bé của dì bằng sợi dây trên trần nhà. Sau đó kẻ sát nhân bị tìm thấy núp dưới giường trên lầu, không xa chỗ xác chết. Mẹ ta không bao giờ tìm thấy vàng.

Sau vụ đó, toàn bộ tầng hai của ngôi nhà bị đóng kín. Dây thừng, cây gỗ...được xếp áp vào tường để trừ tà ma. Khi nào chúng tôi thấy sợ, thì bà cố tôi tuôn một tràng những câu tiếng Pali nghe như một bài hát xin Đức Phật xua đuổi tà ma đi, dựng một biên giới vô hình mà ma quỷ không bước vào được. Còn theo truyền thống Cambodia ta có thể xua ma quỷ chỉ bằng cách đưa ngón tay giữa lên trời là đủ.

Mẹ tôi thì thề rằng ban đêm mẹ nghe tiếng ai rót trà. Có đêm thức dậy rót nước uống, bà thấy

một bóng đen đang ngồi trên vông. Một đêm nọ tôi thức dậy thét lên gọi cha tôi. Có ai đó lướt một ngón tay dọc cánh tay tôi, nhẹ như một con nhện. “Pa ơi, có ma!” Thoạt đầu Pa cố giả vờ hiểu lầm “Cái gì? Kiến hả?” ông đùa, vờ lộn hai từ mà trong tiếng Cambodia đọc tương tự như nhau. Nhưng đến khi tôi thét lên lần thứ ba, ông bèn chạy đến. Giữa cái nơi chết chóc và ma quỷ này, còn nhiều sự huỷ hoại khác.

*

Có cái gì đó rơi xuống gây nên một tiếng động âm ỉ. Cả căn nhà rung chuyển. Tôi mở bừng mắt. Tiếng nện liên tục như một nắm đấm khổng lồ nện trên đất nhiều lần. Chị Ry chạy ra khỏi phòng. Tôi chạy theo phía sau chị. Trời tối đen. Khi chị Ry và tôi chạy ra đến phòng ngoài, Pa, Mak, cô Cheng, anh Than, chị Chea và chị Ra đã vây quanh nơi cửa sổ trước nhà. “Putho (ơn Trời)!” Mak kêu lên, bà nhăn nhó mỗi khi có tiếng nổ.

Tôi muốn biết mọi người nhìn cái gì, nên cố chui người chồm ra cửa sổ. Những cái lưỡi lửa và khói liếm lên bầu trời đen kịt, chiếu sáng cả phong cảnh ở xa, đâu đó phía bên kia sông Bassac. Bóng đen của các chiếc máy bay lượn vòng trong bóng tối rót những chiếc đĩa sáng xuống. Những chiếc đĩa đó phân tán, khuất đi sau những bóng cây xa xa, rồi bùng nổ dữ dội thành những ngọn lửa sáng rực trên mặt đất. Chúng tôi thấy trước khi nghe, tiếng nổ đến tai chúng tôi như một tiếng vọng bị hoãn lại. Mỗi vụ nổ kết thúc bằng một cây nấm khói khổng lồ.

“Pa?” tôi bấm chặt tay cha tôi ngược mắt nhìn bóng tối trên khuôn mặt ông. Ông không nói gì, nhưng vẫn đưa mắt nhìn bầu trời cháy rực, run rẩy. Tôi đứng đó với Pa ngấm nhìn sau khi mọi người đã trở vào giường.

Chưa bao giờ tôi thấy đàn ông khóc nhiều như vậy. Như cha tôi tối nay.

Một vài ngày sau, tin tức lan truyền. Pa và những người lớn khác bàn tán về những tin tức về tai họa từ nhiều ngôi làng thuộc tỉnh Takeo. Ông kể rằng B-cinquante-deux (B-52) đã oanh tạc các vùng này, có nhiều thường dân Cambodia bị chết tại các làng nơi người cô của ông sinh sống, gần làng Srey Va. Có người trực tiếp bị trúng bom, có người chết vì sức nóng cao độ do bom tạo ra. Gia đình người em gái của Pa đã phải bỏ nhà ngay từ khi bom rơi xuống làng bên cạnh. Giống như những gia đình khác, họ chạy lên trú ẩn ở thành phố Takeo, ngụ tại một ngôi nhà gần chỗ chúng tôi. Tôi không thể hiểu rằng đó là do những chiếc máy bay từ bên kia bờ đại dương.

Sau cuộc huỷ hoại và chết chóc này, một cuộc sống mới xuất hiện. Bosaba, ra đời vào tháng sáu, hai tháng sau trận oanh tạc. Nó được đặt tên theo tháng hai trong tiếng Cambodia, tức tháng của mùa lúa chín, khi đất đai sum suê xanh tốt, hạt lúa chín vàng và trĩu nặng sẵn sàng cho mùa gặt. Mak vuốt ve cái đầu tóc sẫm, mềm như tơ của đứa con thứ tám. “Chúng ta mất

đưa con trai đầu, nhưng bây giờ ba mẹ có được đứa con này”, bà bảo chúng tôi như vậy. Mak say sưa ngắm cặp mắt nhắm nghiền của Bosaba và cái miệng nhỏ xíu của nó, đang cựa quậy như lúc bú. Những ngón tay màu hồng hồng của nó mở ra, khép lại, tôi bèn chuôi ngón trỏ của mình vào trong nắm tay nó. Nó nắm chặt, vừa khít.

Tôi rất sung sướng thấy Bosaba ra đời vì nó làm cho Pa và Mak hạnh phúc, nhưng đứa em nhỏ này của tôi chỉ là một món quà ngắn ngủi. Có lẽ do sinh sớm, sức khỏe của nó bị tổn thương do mẹ tôi bị chấn động lúc mang bầu. Nó bệnh và khóc liên tục, không ai dỗ được. Cả Pa lẫn bác sĩ đều không giúp ích gì được.

Sự giúp đỡ y tế lúc này càng hiếm hoi đến nỗi nhiều người phải trở lui với cách chữa trị dân gian xưa. Pa cũng bắt đầu đau dữ dội ở bụng dưới. Ông nói ông bị viêm ruột thừa. Một người bạn, hay có lẽ là một bác sĩ, cảnh báo ông “Nếu anh không mổ để lấy đi cái “cổ rùa” đó – chỗ ruột thừa bị sưng – anh sẽ chết chắc đấy”. Nhưng bệnh viện bây giờ đã bỏ hoang, chỉ còn thời gian và số phận may ra giúp ông thôi. Bằng cách nào đó, pa sống được, nhưng rất mong manh. Thuốc men thực sự đã vượt khỏi tầm tay của chúng tôi, và hậu quả là tuyệt vọng và chết chóc. Chỉ vài tuần sau, em trai Bosaba chết.

Càng ngày càng có nhiều người dân làng mất nhà cửa và người tị nạn đổ dồn vào thành phố, trong đó có cả mẹ của Mak và sáu anh chị em. Ông ngoại, cha của Mak, thì ở lại làng Prey Ronn để chăm sóc ruộng vườn. Chỗ ở của chúng tôi nơi tầng hai đông đúc hẳn. Chúng tôi phải chia xẻ cho gia đình bà ngoại. Những dấu hiệu của chiến tranh đã bắt đầu lan vào thành phố. Một ngày nọ, lúc tôi đang chơi bi dọc đường cùng các anh chị em họ và trẻ con hàng xóm, bỗng chúng tôi ngược nhìn lên và thấy một đám người lớn tụ tập. Chúng tôi ngừng chơi và chạy đến xem họ chú ý cái gì, cố sức chen ra trước đám đông. Trên đường phố đặt hai cái đầu người bị chặt. Máu ở cổ của hai cái đầu khô cứng lại với bụi và cỏ khô. Mặt sưng húp và tím lại. Mí mắt sưng bầm. Một người đàn ông tuyên bố dữ dằn “Này, xem này, đầu bọn Khmer Đỏ đó. Tụi tôi bắt được chúng. Nhìn chúng xem”.

Phản ứng đầu tiên của tôi là lão đảo lúi lại, lưng tôi đập vào vòng người lớn đang đứng quanh. Tôi bối rối. Rouge là “đỏ”. Khmer nghĩa là “người Cambodia”. Tôi không hiểu điều tôi vừa nghe. Những khuôn mặt mất sinh khí trước mặt tôi có thể là khuôn mặt của bất cứ ai trong đám đông này. Nhanh chóng, những người lớn vội vã xua chúng tôi đi xa khỏi cái quang cảnh bạo lực trước mắt, đồng thời họ phê phán nghiêm khắc những kẻ đang kéo hai cái thủ cấp trước mặt chúng tôi như những trái dưa ở chợ. Họ chửi những người kia “Bộ các anh không biết làm điều gì tốt hơn à?”

Pa nói rằng đã có nhiều vụ ném bom dọc biên giới Cambodia, và càng có nhiều người bỏ nhà đến Takeo. Thật lạ lùng, sau khi đưa các anh chị tôi và tôi đi học trở lại trong một năm ở đây,

cha mẹ tôi lại xét đến việc di chuyển đi nơi khác. Họ quyết định mua một căn nhà ở Phnom Penh trước đây là của một gia đình Việt Nam. Pa nói rằng nhiều gia đình Việt Nam bị cưỡng bách hồi hương nên nhà cửa của họ ở Phnom Penh đang được bán gấp với giá rẻ. Đối với Pa, những tháng vừa qua ở Takeo thật là vô vọng pha lẫn với những bài học bạo lực. Ông đã mất hai đứa con trai, những đứa bé không chết vì bom đạn nhưng hẳn đã có thể sống sót nếu được đưa đến bệnh viện và được chăm sóc y tế. Sau những việc này, Pa trở nên câm nín, nhưng từ sự im lặng của ông, phát xuất một khát vọng bùng cháy. Khát vọng chống trả lại, không phải bằng súng đạn mà bằng trí óc. Khát vọng học hỏi. Bằng những cách tôi không bao giờ tưởng tượng nổi, khát vọng của ông sẽ tác động lên tất cả chúng tôi.

CHƯƠNG 3

HẠT CƠM TRÊN ĐUÔI CHÓ

Phnom Penh là một thành phố được thiết kế cho giác quan. Ở khắp mọi nơi là hoạt động, âm thanh và những mùi vị trên người. Tại đây dường như người ta không cảm thấy cái bóng tối của chiến tranh đang đè nặng lên họ. Lúc này là mùa hè 1972. Chúng tôi thì cảm thấy sung sướng vì sự bình thường đột ngột của hoạt động con người. Thiên hạ tản bộ suốt phố. Nhiều người quây quần trước các xe bán hàng rong, xô nhau trước các hàng bán bún chiên, những thanh xoài xanh ngâm dấm chua lè chấm trên que dài chấm với một chút muối ớt; hay các quả chuối chiên vàng giòn rụm tẩm bột mì và hạt mè. Tôi thích nhất là món săng uých pa tê, hai lớp bánh mì dày ở giữa nhét các loại thịt xắt mỏng, cùng với các lát dưa chuột xắt mỏng và hành xanh.

Phnom Penh thật sự là một thành phố thủ đô. Khắp nơi chúng tôi thấy chợ, hiệu thuốc, tiệm ăn, trường học... Những hoạt động bình thường của cuộc sống đô thị.

Ngay khi vừa đặt chân đến đây, chúng tôi đã đón chào một người khác vào trong gia đình: Mak sinh được một cậu bé trai khỏe mạnh, Pa và Mak đặt tên cho cậu là Putheathavin, một cậu bé trai đẹp, có lông mi dài, dài hơn bất cứ ai trong gia đình tôi, có làn da sạm mịn rất giống Pa. Chúng tôi gọi nó là Vin, dùng âm cuối của tên nó. Cũng giống như vậy, tên tôi là Chanrithy, và mọi người gọi tôi là Thy hay Athy. Chị Ra tức là Chantara, chúng tôi gọi chị là Ra, như Pa và Mak gọi chị là Ara, vì họ lớn hơn nên họ có thể dùng chữ A gọi trước tên chị. Cũng như vậy, chị Ry là Channary, anh Than là Chanthan, và Avy là Putheathavy, nhưng chị Chea thì chỉ là Chea vì đó là tên cúng cơm đặc biệt của chị, có nghĩa là “lành”, nhưng ở trường các bạn chị gọi chị là Chanchhaya. Bây giờ Pa và Mak đã có bảy người con, đông hơn gia đình người hàng xóm. Hàng xóm ở phía tay phải của chúng tôi là hai gia đình người Trung Hoa, lặng lẽ và nhã nhặn. Bên phía trái là một gia đình người Cambodia dễ thương. Đó là những người Cambodia thuần chủng, như Mak nói, có làn da sạm và cặp mắt to. Bên kia đường là một gia đình Cambodia khác, gồm một người cô cùng gia đình và một người cháu gái còn độc thân, làm nghề cảnh sát. Cô ta tên là Veth và tôi rất kính sợ cô này.

Trường tiểu học Sala Santeu Mook là nơi tôi học và cũng là trường của anh Than nữa. Có những chậu hoa nhiều màu sắc đặt ở lối vào trước mỗi toà nhà trong trường, cả quanh cột cờ, nơi mỗi buổi sáng chúng tôi mặc đồng phục sắp hàng chào cờ và hát bài quốc ca:

“Chúng ta là dân tộc Cambodia nổi tiếng trên thế giới. Chúng ta đã từng xây nên những đền đài vĩ đại. Nền văn minh, tôn giáo rực rỡ của chúng ta, di sản của tổ tiên ta đã được gìn giữ trên trái đất này. Hỡi người Cambodia, hãy đứng lên, đứng lên, chiến đấu bảo vệ nền cộng hoà. Khi kẻ thù tấn công, chúng ta bảo vệ, chúng ta chiến đấu”.

Hai năm sau khi Vin ra đời, Mak lại sinh một đứa bé khoẻ mạnh khác. Nó trông đáng yêu với cặp mắt nâu đen và làn da sáng giống như Mak nhưng khuôn mặt thì lại giống Pa. Sau khi nó ra đời, cô điều dưỡng bảo Mak rằng cuống nhau đã cuốn quanh người nó. Điều này có nghĩa là khi nó lớn lên, nó sẽ là thầy giáo, rằng nó lớn lên sẽ thông minh và có tình. Điều này làm Mak mỉm cười, đưa mắt ngắm bộ mặt hồng hào của nó. Tên nó là Phalkunarith, nhưng đôi khi Pa gọi nó là Map (có nghĩa là mập) vì hai má nó mập chù ụ.

Bây giờ tôi đã tám tuổi, quên hết quá khứ, kẻ thù cùng bom đạn. Tôi đã học những điều mới mẻ ở nhà trường, trong đó có lịch sử Cambodia mà tôi phải thuộc lòng. Đôi khi tôi thấy môn học này chán phèo, vì nó đầy các cuộc chiến tranh, các trận đánh với các nước láng giềng, với các vua Cambodia đã chết cùng cái tên dài thòng bằng cả tên và họ của tôi ghép lại. Có vẻ như suốt trong lịch sử, Cambodia đã không là một quốc gia hoà bình. Chị Chea bảo tôi rằng cần phải học lịch sử Khmer. Thế nhưng lúc này tôi thà học toán còn hơn, và chẳng tôi muốn biết nhiều hơn nữa về quyền năng huyền diệu của các dược phẩm chất đầy trong ngăn kéo nơi bàn viết của Pa. Khi không có ai ở chung quanh, tôi nhẹ nhàng, nhẹ nhàng như bao giờ, kéo khẽ một trong những ngăn đựng thuốc của Pa ra. Trước mắt tôi là những hộp đựng thuốc bột theo từng lọ, và thuốc dưới dạng chất lỏng màu sáng đựng trong các ống thuỷ tinh được thổi thành hình dạng khác nhau. Còn có các lưỡi cưa bằng kim loại nhỏ xíu mà Pa dùng để cưa các ống thuốc và các tấm giấy tẩm cồn để theo từng gói nữa. Tôi đứng ngây người trước các dãy kho tàng huyền diệu đang lấp lánh đó. Rồi cuối cùng mắt tôi dừng lại trên hai vật: thứ thuốc chích Pa đã cho vào người tôi và chất lỏng ông đã tiêm vào tĩnh mạch trên cánh tay tôi.

Vậy là có một loại bùa chú trong nhà tôi: dược phẩm. Tôi không biết chắc cha tôi đã học ngành y khi nào và ở đâu, nhưng ông đã làm vậy với hy vọng rằng mình không bao giờ bất lực như thời anh Tha và em Bosaba bệnh. Pa là như vậy. Với ông, đời sống là một chuỗi vấn đề đang cần được giải quyết.

Pa là một người cha tốt và bây giờ ông còn là một bác sĩ giỏi. Khi tôi đau ốm vì chứng suyễn, ông luôn luôn chăm sóc tôi. Khi tôi thở khó khăn, ông áp tai vào ngực và lưng tôi lắng nghe tiếng khò khè. Đôi khi ông còn mang tôi đến bệnh viện để chụp X quang và thử máu. Từ đó ông biết phải cho tôi thứ thuốc nào. Dẫu có đến bảy đứa con để chữa trị, ông vẫn sẵn sàng dành chỗ cho các bệnh nhân khác. Cũng không cần phải hẹn giờ trước. Trông ông giúp đỡ các anh chị em họ của tôi bị đau ốm và những đứa bé hàng xóm, tôi hết sức ngưỡng mộ. Tôi nắm tay Pa và nói với ông “Pa, khi con lớn con muốn giống như Pa. Con muốn chữa cho người ta. Làm cho họ khoẻ hơn”.

Bên cạnh Pa, chị Chea là thần tượng thứ hai của tôi. Chị rất thông minh. Chị thường được nhận quà và phần thưởng vì đứng đầu lớp. Pa và Mak rất hãnh diện vì chị. Tôi muốn được giống như

chị - luôn làm toán trong cuốn sổ ghi dày cộm và có nhiều bạn bè tốt. Chị dạy tôi hát bằng tiếng Pháp và tiếng Anh. Tôi thường nhớ chị tập cho tôi đếm từ một đến mười “bằng tiếng Mỹ”. Thấy tôi ham mê ngoại ngữ, chị hứa khi tôi lên mười, chị sẽ nói với Pa ghi tên cho tôi vào một trường tư thục Anh ngữ tên là Engloria.

Chắc chắn Pa sẽ cho tôi học. Cha mẹ tôi rất vui lòng khi thấy anh chị em chúng tôi đều được đi học. Điều này khiến tôi nghĩ đến bài thơ có lần chị Chea đọc cho tôi nghe;

“Tri thức không thể để cho mỗi một huỷ hoại...

người ta có thể dùng và dùng bao giờ để cho nó bị cạn”

Nơi ở của chúng tôi lại bị xáo trộn thêm một lần nữa. Pa giúp tổ chức đám cưới cho cô Cheng, rồi đưa cô và chồng cô về ở chung nhà với mình. Họ ở với chúng tôi cho đến khi tìm được nhà riêng. Thật vui khi có cô Cheng ở bên cạnh. Thật lạ khi thấy cô lấy một người cô không quen biết. Tôi rất nhớ cô, người cô tôi biết trước khi cô lấy chồng.

Cuối cùng thì cô Cheng cũng chuyển đi ở nơi khác, nhưng chú Seng, em trai út của Pa, ở với chúng tôi từ khi chúng tôi mua nhà, thì ở lại. Tôi rất thích chú, chú là người hay cù vào bụng tôi. Chú Seng còn độc thân và rất là bảnh trai, nhất là sau khi chú mang kính mát và mặc bộ đồ đồng phục phi công. Có lần Pa bảo với các bạn ông khi họ đến ăn tối rằng chú Seng bay với nhiệm vụ do thám cho Không lực Cambodia. Ông bay đi tìm Khmang, tức kẻ thù, Pa giải thích nhẹ nhàng. Tôi biết ông muốn nói đến Khmer Đỏ.

Tôi bắt đầu chú ý đến thế giới bên ngoài và điều mà người lớn quan tâm. Tôi thường ngồi yên lặng trên chiếc đi văng màu gỗ xem tin tức truyền hình cùng với Pa hoặc lắng nghe radio. Tôi không hiểu nhiều lắm nhưng tôi biết là quan trọng. Có những tin tức về cuộc chiến với Khmer Đỏ, về hoàng thân Sihanouk, vị “vua thần” mà nhiều người Cambodia lớn tuổi tin rằng có quyền năng thần thánh, người mà bằng cách nào đó đã để mất quyền lực và đang liên minh với Khmer Đỏ. Pa nói, chính bằng giọng của ông ta, Sihanouk, đã kêu gọi trên radio ở Bắc kinh, Trung Quốc, khẩn thiết hô hào dân chúng Cambodia liên kết với Khmer Đỏ trong rừng, kêu gọi chúng tôi liên kết với “vua cha” và chống lại những kẻ “ủng hộ đế quốc Mỹ”. Người phát thanh tường thuật vô số tai họa, chết chóc của binh sĩ và thường dân, chỉ ra những tỉnh ở xa thủ đô, nơi những cuộc đụng độ đã xảy ra. Những tin tức đó dường như cũng còn quá xa vời.

Mặc dù tôi tốn nhiều thì giờ với tin tức của người lớn, tôi vẫn quay lưng lại với chuyện đó, tôi vẫn hướng mình vào công việc chính của một đứa trẻ - đó là chơi đùa. Khi anh Than và bạn anh đang sửa soạn chơi trò đá lon, tôi vội băng ra mở cổng. Tôi hy vọng họ vẫn chưa chia phe xong. Tôi chen người vào giữa đám con trai “Này, em chơi với được không?”

Từ phía sau anh Than gọi “Athy, em đến đây” Anh vẫy tay làm hiệu cho tôi ra khỏi đám bạn của anh.

“Sao?”

“Đừng chơi với bọn con trai, mày là con gái mà. Đi mà chơi với bạn của mày. Đi!”

“Nhưng em muốn chơi đá lon cơ! Anh có thể chơi với mấy anh ấy được, còn em thì tại sao lại không?”

“Nhưng tụi nó là bạn của tao. Nếu mày chơi, tao sẽ mách với Mak. Mak sẽ đánh mày vì tội chơi với con trai”. Anh trừng mắt với tôi rồi bước tới chỗ đám bạn.

Tôi nói với sau lưng anh “Coi kìa, bạn anh đâu có bảo em không chơi được!”

Tôi không thể không chú ý đến phong tục hay Mak sẽ làm hoặc nói với tôi như thế nào. Tuy nhiên các bạn của anh Than có vẻ không phiền gì khi tôi chơi với họ. Thế là tôi nhập cuộc. Trong suốt cuộc chơi, tôi chạy nhanh không thua gì họ. Tôi vui thú và quên đi tất cả những điều anh Than đã cảnh cáo.

Anh Than chạy về nhà. Tôi chạy theo. Tôi đi ngang qua Mak đang ngồi trên đi văng còn Pa thì ngồi ở bàn giấy, kính đeo mắt, đang nghiên cứu cái gì đó.

“Athy, con đi đâu về mà người ướt đầm mồ hôi vậy?” Mak hỏi tôi.

“Con chơi”.

“Mak, nó chơi với tụi con trai đó. Con đã bảo là không được nhưng nó ngoan cố lắm”.

“Athy, tại sao vậy?”

Tôi quay lui lại phòng khách để tự biện hộ.

“Athy, chúng không muốn con chơi, tại sao con không nghe?”

“Tại sao con không chơi được? Bạn anh Than không hề nói con không được chơi. Chỉ có anh Than là bảo con không được chơi mà thôi!” Tôi cãi.

“Vì nó là con gái mà, Mak!”

“Nhưng tụi bạn em tối nay có chơi trò gì đâu. Thế tại sao em không chơi trò đá lon với bạn anh được? Anh ích kỷ lắm!” Tôi vặn lại “Anh chỉ muốn mình anh được vui chơi mà thôi!”

Mak bật cười, thú vị nghe chúng tôi cãi nhau. Bà quay qua Pa, đang ngồi ở bàn làm việc, và nói “Ba nó, nghe các con ông kìa”.

Tôi ngược mắt nhìn Pa, hồi hộp xem Pa sẽ nói gì. Tôi tự hỏi không biết ông sẽ bắt tôi quỳ trên bàn giấy để phạt, như ông đã làm thế khi tôi lén chuồn ra ngoài coi tivi tại nhà bạn sau khi ông bảo tôi ngừng xem tivi tại nhà vì đã đến giờ đi ngủ. Bây giờ thì chắc Pa đã biết rằng loại kỷ luật như thế chẳng bao giờ có tác dụng với tôi. Lúc đó tôi cố khóc hết cỡ, chậm chậm leo lên ghế để lên bàn chịu hình phạt. Tiếng khóc chói tai của tôi có lẽ đối với Pa còn khó xử lý hơn là việc bắt tôi quỳ trên bàn giấy nữa. Chính vì thế bây giờ tôi không biết Pa sẽ làm gì khi ông chậm chậm ngược đầu nhìn lên. Ông quay sang Mak, nhìn bên trên cặp kính đang treo tròn teng ở chóp mũi. Tôi nhẹ nhõm khi thấy ông nhoẻn miệng cười.

Bản án thế là rõ rồi. Tôi được thoát tội.

Thật lạ, nằm ngoài sự hiểu biết của tôi, điều giống như vậy, điều tiếp tục nơi trò chơi đá lon thời thơ ấu của chúng tôi đã leo thang trên khắp đất nước, trên một quy mô chính trị lớn lao và nguy hiểm hơn nhiều. Giống như các bạn tôi và tôi thách thức nhau lên vào và đá chiếc lon thiếc qua làn ranh chiến thắng, chính phủ Cambodia và các đạo quân thường dân cũng thách đố nhau, xô đẩy nhau giành chiến thắng. Cũng giống như các đứa bé hàng xóm tăng cường đội bóng của mình, chiêu mộ những đứa chơi giỏi nhất, phe Khmer Đỏ cũng tăng cường đồng minh của mình. Ở ngay giữa tất cả những lực lượng đó, Cambodia đã trở thành cái lon thiếc được thêm muống. Chúng tôi bắt đầu cảm thấy tiếng dội của trò chơi vượt ra khỏi tầm tay của chúng tôi.

Cuộc chiến trên khắp đất nước đang leo thang. Khi Khmer Đỏ bắt đầu chiếm được các tỉnh ở vùng xa, hàng ngàn, hàng ngàn gia đình rời bỏ nhà cửa, tìm cách tị nạn ở Phnom Penh. Chỉ trong vài tháng, dân số ở thủ đô tăng lên trên gấp ba lần, từ 600.000 lên đến gần 2 triệu người. Với một số dân đông như thế sống tại đây, vật giá tăng vọt lên trời. Và sự tham nhũng của các viên chức chính phủ cũng tăng nhanh như vậy.

Khi chồng của cô tôi, một sĩ quan trong quân đội Cambodia bị bắt vì đã lén bán vũ khí cho Khmer Đỏ, cha tôi choáng váng.

“Thật tham lam, ngu ngốc biết chừng nào. Nó đã bán cả đất nước!” Pa thì thầm, không thể hiểu nổi tại sao dượng tôi lại phản bội. Cô tôi khóc, nói với Mak và Pa về án tù và tiền bảo lãnh. Không biết bằng cách nào đó, cuối cùng dượng tôi cũng được phóng thích.

Tệ hơn nữa, hoạt động khủng bố cũng len lỏi vào thành phố. Chất nổ được cài đặt ở những nơi công cộng như rạp hát, chợ. Chúng tôi nghe tin này trên đài phát thanh làm Mak luôn luôn nhắc anh Than phải cẩn thận “Than, con nghe chưa đấy?” Báo chí cũng nói rằng Khmer Đỏ đang khủng bố cả đất nước, đặc biệt là chính quyền Lon Nol.

Hàng đêm Pa cập nhật cho Mak nghe về những gì đã xảy ra tại nơi ông làm việc hoặc các tin tức ông đọc trên báo. Ông nói về những gia đình từ bỏ quê đi tản cư. Càng ngày càng có nhiều người ăn xin trong thành phố và bây giờ thêm những gia đình không nhà, không cửa. Trẻ con lên vào tiệm xin khách hàng thức ăn thừa. Chủ hiệu đuổi chúng đi, nhưng chúng chỉ biến mất một lát rồi lại xuất hiện.

Tối hôm ấy Pa kể cho tôi về một câu nói thông dụng của Cambodia. Pa bảo tôi “Rồi đến một ngày khi có một hạt cơm dính vào đuôi chó, mọi người sẽ giành giật hạt cơm đó”. Ông nhìn tôi, vẻ nghiêm trọng, mẹ tôi cũng vậy, họ chờ phản ứng của tôi. Nhưng tôi không hiểu gì cả.

“Đừng kén ăn, koon,” Mak nói thêm “Hãy ăn những gì mình có”.

“Koon, có nhiều người đói khát ngoài kia đấy” Pa bảo.

Trong mắt ông, tôi thấy hết nỗi quan tâm của ông đối với tôi. Chỉ đến lúc đó tôi mới bắt đầu nhận thức rằng cha mẹ tôi yêu tôi biết chừng nào, họ muốn dạy dỗ tôi, chuẩn bị cho tôi trước năm mới, năm Mão, trước những điều bất ngờ mà nó mang lại.

Rồi đã đến thời của các Thiên thần mới. Năm mới của Cambodia đã đến, ngày 13 tháng tư. Đó là lúc mọi gia đình trên khắp đất nước bắt đầu chào đón các lễ hội kéo dài theo truyền thống đến tận ngày 15. Trên đài phát thanh, tôi nghe các bài nhạc kể chuyện các thiên thần cũ được đưa trả về trời, thay thế bằng các thiên thần mới có nhiệm vụ chăm sóc người phạm trần.

Thường thường, gia đình tôi đi đến Wat Phnom, một ngôi chùa đẹp đẽ xây trên một đỉnh đồi ở Phnom Penh, hoặc đến Đài kỷ niệm độc lập, một đài tưởng niệm quốc gia giống như một công viên. Ở nhà thì chúng tôi dâng thức ăn thức uống lên bàn thờ Phật để chào đón các thiên thần mới bằng gạo, nến, hương và trái cây.

Nhưng năm nay, 1975, không có thần linh của năm mới nào cả. Nỗi sợ hãi, chứ không phải thần linh, bay đầy trên không trung. Khmer Đỏ đã lớn mạnh và nguy hiểm. Chúng đã chiếm phần lớn các tỉnh bên ngoài. Từng tấc một, họ áp sát Phnom Penh. Chúng pháo kích vào thành phố. Tuy bom đạn chưa làm chết ai trong gia đình chúng tôi, nhưng thỉnh thoảng chúng tôi nghe tiếng pháo rit lạnh người trên đầu. Mọi gia đình đều hối hả đào đất, xây những hầm dã chiến và hầm trú bom trong sân nhà mình, sử dụng bất cứ khoảng không nào có được. Trường học đóng cửa chờ thông báo. Riêng trường tôi thì biến thành một bệnh viện dã chiến, nơi ở tạm của hàng trăm người lính, đa số đều bị thương. Chúng tôi phải ở rịt trong nhà, không dám đạp xe đi chợ nữa. Vào lúc đó, chúng tôi chỉ còn biết cầu nguyện cho những người thân yêu của mình được an toàn.

Mặc dù tôi chỉ mới chín tuổi, trí óc tôi thường xuyên niệm kinh Phật, điều mà chỉ những người lớn mới thường làm, nhưng tôi đã thấy, lắng tai nghe họ và đã thuộc lòng. Khi dân chúng đông đảo ở Phnom Penh phơi mình trước đạn pháo, tôi đọc đi đọc lại lời Phật dạy nhiều lần:

“Sadtrow mok pa mol ay romlong. Sadtrow mok pe croay ay rarliey”.

“Nếu kẻ thù đến trước mặt con, hãy tránh nó đi, nếu nó ở phía sau, hãy làm cho nó tan biến”.

CHƯƠNG 4

KHI MẢNH CHAI BẮT ĐẦU NỔ

The New York Times

Ngày 6 tháng 5, 1975

“Hoa Kỳ giờ đây tin rằng những kẻ chiến thắng đã lừa dân ra khỏi những thành phố ở Cambodia”.

Washington, 5 tháng Năm – Các viên chức Bộ Ngoại giao ngày hôm nay nói họ tin rằng những người Cộng sản Cambodia đã ngầm bắt buộc toàn bộ dân ở Phnom Penh di tản ra khỏi thành phố ngay khi họ nắm quyền ở thủ đô đầu tháng qua.

Hai ngày sau năm mới, ngày 15 tháng Tư năm 1975, chú Seng về nhà, xô bật cổng mở rộng. Không nói một lời, chú chạy vội vào nhà. Chú ulla đến phòng ngủ của mình, ném túi xách quần áo xuống giường, rồi vội vã nhét quần áo vào. Thấy thế, tôi ben phóng sang tìm Mak ở nhà bếp.

“Mak ơi! Poo (chú) Seng làm rất lạ. Chú chạy ulla vào và tống quần áo vô túi xách. Mak, sang mà xem”.

Mak nhú mày. Im lặng một lát, bà cúi xuống tôi, nói “Con đi nói với ba con đi. Đi nhanh đi, koon!”

Tôi bảo Pa đúng những gì tôi vừa bảo với Mak, nhưng lần này bằng một tốc độ nhanh gấp đôi lần trước. Pa vùng ngay dậy và rảo bước đi xuyên qua nhà để tìm chú Seng. Khi đó chú đã xong việc và đi ra khỏi nhà. Pa và tôi chặn chú ngay gần cổng.

“Seng! Em đi đâu vậy?” Pa hỏi.

“Em sắp rời Cambodia đây”, chú Seng trả lời. Chú tránh cặp mắt Pa, chăm chăm nhìn xuống đất như thể không còn cần phải bàn cãi gì nữa.

“Nhưng em không đi đến gặp Yom [1] sao? “ Pa lắp bắp, ông tức giận vì chú ấy quyết định ra đi mà không hỏi ý kiến người lớn hơn.

Chú Seng buồn bã trả lời “Lok bang! [2], bọn Khmer Đỏ là kẻ thù thứ nhất của em. Em không thể ở lại để nhìn mặt chúng” Lời chú rơi ra từ miệng như những viên đá dẹt. Chú nói một cách cương quyết “Em sẽ bay đến Kampong Chharng để gặp các bạn em, rồi từ đó bay sang Thái Lan. Lok bang, em đi đây”.

Chú Seng bước ra khỏi cổng. Pa không nói một lời. Ông nhìn tôi, tôi thấy Pa đầy nước mắt. Thường thì người anh cả hiếm khi mất nghị lực tự kiềm chế, thế nhưng trước khuôn mặt của chiến tranh, ông không còn khả năng ấy nữa.

*

Giống như nhiều gia đình khác có nhà cửa xây liền nhau, chúng tôi cũng không có khoảng trống nào để làm hầm tránh bom. Chúng tôi phải nhờ đến dì Nakry, em gái của mẹ tôi, dì có hầm tránh bom ở cách chúng tôi chừng hai căn nhà. Trong cái khoảng khắc kinh hoàng sau khi bom rơi xuống một nơi nào đó trong thành phố, cả trẻ con, đàn ông, đàn bà đều ulla ra khỏi nhà, ngừng cổ lên nhìn xem nguy hiểm đến từ đâu. Chúng tôi cũng làm như vậy, gồm anh chị em

chúng tôi, cha mẹ tôi và chú Surg, em của ba tôi (chú này lớn hơn chú Seng) mà gia đình đã đến ở với chúng tôi từ vài tháng nay. Nguy hiểm từ đâu? Chúng tôi đưa mắt thăm dò vùng chung quanh. Ít nói lên được điều gì. Liếc nhìn qua hàng xóm, chúng tôi tự hỏi bom sẽ đánh vào đâu. Sẽ có nhiều quả thả xuống nữa không? Khmer Đỏ sẽ dội bom xuống phần nào của thành phố? Chẳng ai biết cả. Còn bây giờ, tôi thấy nhẹ nhõm vì bom đã đánh trượt chúng tôi.

Sáng hôm sau, ngày 16 tháng tư năm 1975, Pa đến sở làm. Đó là một cố gắng tuyệt vọng để cố tỏ ra mọi việc bình thường. Mặc dù ông biết rằng chẳng có nhân viên dưới quyền ông đến làm việc, và cũng chẳng có tàu nào đến cảng ngày hôm đó, ông vẫn cảm thấy mình phải có mặt để coi sóc các thiết bị. Trong khi Pa đến sở, mọi người đều ở nhà. Từ một tháng nay, các trường học đều đóng cửa.

Cho đến khi bóng đêm phủ xuống nhà và trải xuống đường phố, Pa vẫn chưa về nhà. Đột nhiên có một tiếng nổ lớn phía sau nhà chúng tôi. Một quả đạn pháo làm rung chuyển nền nhà, gần như cùng một lúc bắn tung những mảnh đạn pháo rào rào lên mái ngói, như thể đất đá đang tuôn một trận mưa rào xuống đầu chúng tôi vậy. Từ trong bếp, Mak đang chạy ủa ra với hai đứa em trai nhỏ tuổi của tôi. “Koon, nấp vào nơi nào đó đi! Nấp đi! Dưới giường chú con đây. Nắm lấy em này!” Mak gào lên với chị Ry và anh Than.

Chúng tôi nhanh chóng chui vào dưới tấm nệm giường chú Seng. Một tiếng nổ khác làm tôi giật nảy người, trán húc vào lò xo giường. Lại một tiếng nổ khác, nó khiến cho tôi văng thành một đồng co quắp với chị Ry, anh Than, Avy, Vin và Map. Âm thanh lớn đến điếc tai. Tôi quá sợ đến nỗi không còn đủ sức để niệm kinh Phật nữa.

Cuộc pháo kích ngừng. Một lát sau Mak bảo có thể chui ra được rồi. tôi thấy nhẹ cả người và có cảm giác mình thở được bình thường trở lại. Mak, chị Chea và anh Ra chui đầu nhìn chúng tôi và đưa tay vào giúp chúng tôi duỗi thân thể ra, vì chúng tôi co quắp lại như những trái banh nhỏ xíu.

Sáng hôm sau, 17 tháng tư năm 1975, tôi thức giấc vì một tiếng nói. Tiếng radio nổ ra vang tai. Chân tôi đạp vào tấm nệm. Trong một giây tôi có cảm giác như mình được đánh thức ra khỏi cái chết, vì thân thể tôi chưa bao giờ cảm thấy mệt lả đến như vậy.

Một giọng nam khác thường vang lên trong không trung. Không phải là tiếng nói mà là tiếng hét “Đầu hàng đi! Phnom Penh đã bị chiếm!” Tôi nhảy ra khỏi giường chạy đi tìm mọi người. Mak, Chea, Ra, Ry và Than đang tập trung quanh chiếc trường kỷ lắng tai nghe đài phát thanh. Tiếng nói đe dọa tuôn ra từ radio: “Nếu ai không buông vũ khí và treo cờ trắng, các đồng chí của chúng tôi sẽ xem đó là hành động nổi loạn chống lại chúng tôi!” giọng nói thật trang trọng. “Chea, tất cả các con, Ra nữa, đi làm lá cờ! Nhanh lên!”

Các chị Chea, Ra và Ry chạy đi ngay khi những lời đó rời miệng Mak. Chị Ra đến tìm trong một

chiếc tủ nhỏ trong khi ch. Chea cùng chị Ry chạy đến một tủ khác. Trong một giây tôi kinh hoảng, nóng lòng muốn làm một điều gì đó. Nhưng rồi tôi thấy chị Ra đang lục lợi tủ. Mak thì phóng vào phòng ngủ. Anh Than thì mở cửa trước, tôi bèn theo. Than hé cổng và tôi lách ra ngoài đường.

Trời buổi sớm vẫn tối sầm khi tôi đi ra đường. Tôi chưa thấy có lá cờ nào, nhưng tôi chú ý một vài người phụ nữ cuống quýt chạy qua nhà hàng xóm. Trông họ cũng hoảng hốt như mẹ tôi. Bằng giọng the thé, họ báo động cho các người khác lo treo cờ trắng, và nhắc nhau lắng nghe tin tức trên đài.

Càng lúc người ta ra khỏi nhà nhiều hơn, rồi đường đầy người. Người ta hỏi nhau về tin tức những người khác, và tự hỏi điều gì sẽ xảy ra kế tiếp. Không ai biết được sự thay đổi đột ngột này rồi sẽ tác động lên họ như thế nào. Ớn trời, tôi thấy Pa đang tiến lại trên chiếc xe gắn máy màu xanh nhạt. Ông đột ngột dừng ngay giữa đường, chống chân xuống đất gần một vài người. Pa nói điều gì đó trong khi tay vẫn nắm chặt ghi đông xe. Một trong mấy người đó nói gì lại với ông và ông gật đầu. rồi mấy người này tản đi, cũng nhanh như khi họ tụ tập lại. Nhưng khi Pa sắp đi tiếp thì nhiều khác tiến lại, họ nóng lòng hỏi thăm tin tức.

“Pa!” vừa kêu tôi vừa chạy, mừng quá đổi khi thấy ông bình yên.

Khi tôi chạy đến đám đông vây quanh Pa, tôi kêu lớn thêm một lần nữa. Pa ngừng nói, quay lại và ngạc nhiên thấy tôi. Ông nói nhanh “Athy, tại sao con không ở nhà? Trở về nhà ngay đi, koon. Đi!”

Tôi vâng lời. Tôi không thể không chú ý đến vẻ rã rời, nhàu nát của Pa. Mắt ông đỏ ngầu, đầy gân máu, và trông sung hơn thường ngày. Tôi cũng chú ý thấy ông không mặc bộ đồng phục thanh tra thường mang. Thay vào đó, ông mặc một chiếc sơ mi màu ngà và quần nâu đậm. Khi tôi chạy về nhà, tôi nghe tiếng Pa gào lớn “Treo lá cờ trắng trước nhà! Họ thắng, chúng ta thua rồi!”

Một người đàn bà cũng la lớn từ trên ban công “Lok! Chúng tôi không có cờ! Kiểm đâu cho ra lá cờ trắng?”

Rồi chú ý vào đám đông, Pa ngược nhìn lên “Không cần phải là cờ trắng gì cho đẹp đâu. Một bao gối màu trắng hoặc một tấm vải trải giường màu trắng là được rồi. Bất cứ cái gì màu trắng để cho họ thấy chúng ta đầu hàng!”

Tôi lo lắng báo tin cho Mak biết Pa đã về. Tôi như bay xuyên qua cánh cổng đang mở, la to “Mak! Pa về nhà rồi! Con thấy Pa đang bảo mọi người treo cờ trắng. Pa về kia kìa!”

Mọi người lo âu ủa ra khỏi nhà. Chúng tôi vây quanh Pa như một bầy ong quanh tổ mật khi ông vừa bước qua cổng. Ông thở một hơi dài, nói “Phe Khmer Đỏ đã chiếm đất nước này. Chúng ta đang gặp khó khăn đây”.

Đó là một lời thừa nhận không ai có thể chối cãi. Pa lắc đầu và chậm chạp bước vào nhà. Mọi người nôn nao muốn nghe ông nói về Khmer Đỏ. Ông ngồi xuống đi văng và thở dài. Không nói một lời, chúng tôi ngồi xuống quanh ông.

Pa nói, chọn từng từ một cách chính xác “Srok Khmer (Cambodia) đã rơi vào tay Khmer Đỏ. Đời sống chúng ta sẽ không giống như trước nữa. Họ đã ra lệnh cho lính của Lon Nol hạ vũ khí và đầu hàng. Ai từ chối buông vũ khí sẽ bị bắn ngay”.

Pa thở dài thật mạnh, mặt ông bạc trắng. Ông tiếp, “Họ đã bắt Lon Non [3] và thân quyến của ông ta. Ba không nghĩ rằng họ sẽ cho những người đó sống. Họ cũng không tha cho thường dân. Họ đe dọa những người dân vẫn còn nấp trong hầm tránh bom. Họ thét gọi vài lần bảo người ta chui ra. Rồi họ cũng không cho những người dân đang sợ hãi đó có cơ hội để đi ra nữa. Họ ném lựu đạn vào hầm trú bom. Không ai có thể sống sót, một con kiến cũng không.”

“Tại sao bố nó tối hôm qua không về nhà?” Mak hỏi. “Em cứ tưởng có một chuyện gì đó khủng khiếp đã xảy ra cho bố nó. Mấy đứa nhỏ sợ hãi và cứ hỏi bố luôn miệng.”

“Thì tôi đã muốn về ngay khi ở sở người ta nhận định rằng quân Khmer Đỏ vừa vượt qua sông từ Phnom Penh. Nhưng tại tôi không được phép rời sở. Khmer Đỏ pháo kích khắp nơi trong đường phố. Vì thế người tuyệt đối cấm rời khỏi sở”. Rồi ông giật mình. “Mà chúng ta đã treo cờ trắng trước nhà chưa vậy?”

“Chưa, Pa ạ” chị Chea trả lời. “Con lo chạy ra xem ba và chưa làm xong lá cờ.” Chị có vẻ xin lỗi – điều này khá lạ đối với người chị lớn bạo gan này. Nhưng trước những tin tức xấu như thế này thì ai cũng thuần đi.

“Không cần phải làm cho đẹp đâu, koon. Lấy cái bao gói trắng treo đầu đó cho người ta thấy là được rồi. Nhanh lên! Quan trọng là để cho Khmer Đỏ thấy chúng ta sẵn sàng hợp tác”.

Pa nhóm dậy khỏi đi văng và mọi người đều làm theo như vậy, gần như đồng loạt. Ông quay sang Mak. “Tôi đi xem hàng xóm đã treo cờ chưa. Nếu mình không giúp nhau, Khmer Đỏ sẽ cho rằng chúng ta không muốn đầu hàng. Họ sẽ làm hại tất cả chúng ta. Tôi sẽ trở lại ngay.”

Tôi chạy theo sau ba tôi. Tôi gọi “Pa, con cũng muốn đi với ba nữa” Tôi chạy đến nắm cánh tay phải của ông.

Ông dừng lại và nói “Athy, ở nhà với má con! Ba về ngay mà”.

“Nhưng con muốn đi với ba!” Tôi nói mà cúi mặt xuống đất.

“Được rồi, thì đi!” ông nắm lấy cánh tay tôi.

Tôi nhẹ nhõm, cảm thấy an toàn chỉ vì có sự hiện diện của ông. Pa và tôi dừng lại trước một ngôi nhà chưa có cờ. Ông nhắc với chủ nhà, nhấn mạnh đến việc cần thiết phải treo cờ. Tôi hãnh diện vì thấy cha tôi là người đầu tiên đã lo lắng cho hàng xóm như thể họ là gia đình của ông vậy.

Sáng hôm sau tôi rời nhà ngay sau khi ăn sáng. Bây giờ Pa bình yên rồi, trong trí tôi nghĩ đến trường học. Tôi bèn chạy sang nhà Thavy bạn tôi, chỉ cách nhà tôi chừng bảy căn nhà. Tôi lo lắng muốn biết trường tôi có bị phá huỷ không kể từ sau khi Khmer Đỏ bỏ bom gần đó nhiều lần.

Thavy còn mang theo đứa em trai sáu tuổi của nó như thể chúng tôi đi ra tiệm thực phẩm mua bánh kẹo vậy. Chúng tôi đi, mỗi người nắm một tay cậu bé. Chúng tôi kể cho nhau nghe những nỗi sợ hãi của cái đêm bị ném bom. Cứ như kể chuyện ma vậy. Trước khi chúng tôi nhận ra, chúng tôi đã đứng trên con đường của trường học, hay đúng hơn, những gì còn lại của nó. Chúng tôi cứng người, lặng lẽ bước đi như những pho tượng nhỏ, mặt bạc trắng như phấn nọ vì kinh hoàng. Mắt chúng tôi chăm chăm nhìn vào cái hố sâu như miệng núi lửa do một trong mấy quả bom mới đào, chỗ hàng rào phía trái của trường học trước đây. Chúng tôi chầm chậm bước qua hàng rào bị xé nát. Mảnh hàng rào vỡ, cành cây gãy vụn tạo thành một đồng hỗn độn. Con gió nhẹ quạt vào mặt tôi, mang theo mùi nồng khó chịu. Tôi nói “Có mùi gì hôi thối ở đây” Sự huỷ diệt của một cái gì đó rất quen thuộc đã kéo chúng tôi lại gần hơn. Chúng tôi chạy về phía các toà nhà đổ nát, mùi hôi thối càng gắt hơn. Trên mặt đất dọc theo lối đi, chúng tôi thấy chiếc mũ rằn ri của một người lính và những mảnh gỗ cháy đen từ các phòng học bị vất ra. Đến gần hơn nữa, mùi hôi bốc nồng nặc, ruồi nhặng bay vù vù.

Trước mắt chúng tôi những xác lính chết chồng lên nhau trong một căn hầm tránh bom đã bị bom phá nát, căn hầm trước đây đã được xây nơi mỗi góc vuông dùng để trồng các luống hoa, giữa các bậc cấp dẫn lên mỗi phòng học. Lũ ruồi lớn với đầu và mắt xanh lè bu lùc nhúc lên các vết thương sâu hoắm nơi xác các người lính đang thối rữa. Một cái chân đứt lìa khỏi thân thể nằm bên cạnh bậc cấp của lớp học đầu tiên, nằm lác lõng một cách đơn độc và bệnh hoạn. Xác quạt queo của một người lính nằm chồng lên phía trên các xác khác, cái miệng cứng đờ há rộng ra trong một cơn đau khủng khiếp.

Tôi mới được chín tuổi.

Trong đời tôi chưa bao giờ thấy nhiều cái chết đến như vậy. Trong một lúc tôi như bị thôi miên, ngây người trước những người lính bị giết. Tôi quên mất cả Thavy và tay của đứa em nó mà bàn tay tôi vẫn còn nắm chặt. Tôi che miệng và nhìn trừng trừng vào đồng thân người: những lớp máu đông đặc, những phần thân thể thối rữa, bầy ruồi nhặng xanh lè đói khát đang rút tĩa các vết thương mở lớn trên thi thể. Bao tử tôi bắt đầu chuyển động, bữa ăn sáng mới nuốt vào bụng đang tìm đường vọt lên trên họng, tiếp theo đó là một cơn choáng váng cả người. Chỉ lúc đó tôi mới cố kìm giữ mình lại và cảm thấy được cái kéo, giựt liên tục từ bàn tay của em Thavy.

“Thy, mình đi đi!” Thavy kêu lên, tiếng nó vo ve như một tiếng vang chậm chạp. Tiếng nó đến

tai tôi như từ một nơi rất xa vọng lại. Thavy và em nó đã kéo tôi ra khỏi cơn hôn mê. Chúng tôi chạy về phía lỗ hổng trên hàng rào nơi chúng tôi chui vào. Tôi đang chạy bỗng nghe tiếng kêu thét bật ra từ lồng ngực cậu bé. Cậu em của Thavy vấp chân và té khi hai chị em đến hàng rào. Thì ra tôi quên băng không nắm tay nó và chạy lên phía trước hai người. Thavy kêu thét lên khi nó cố nhắc cậu em mặc quần ngắn màu xanh và mang giày sandal như thường khi nó chơi ở sân trường, như thể trong một ngày bình thường. Tôi chạy lại giúp Thavy. Tôi ngoái lại nhìn ngôi trường, hầu như mong đợi thấy được một bóng đen, cái hồn ma của người lính đau khổ chạy theo chúng tôi.

Hai đứa chúng tôi nắm lấy hai bàn tay nhỏ xíu của cậu bé rồi dắt nó chạy về nhà. Chúng tôi cẩn thận phủi sạch bụi đất trên người nó, chùi sạch tay và đầu gối của nó để xóa sạch bất cứ chứng cứ nào, để khỏi bị người lớn ở nhà đặt ra những câu hỏi ngờ vực. Chúng tôi cố dỗ nó và hối lộ nó bằng cách hứa cho nó kẹo, bánh...bất cứ thứ gì chúng tôi nghĩ ra được. Bất cứ thứ gì để gạt ra khỏi tâm trí hoảng loạn của nó cái hình ảnh ngôi trường và các xác chết thối rữa, đưa nó trở lại trạng thái tâm trạng bình thường khi chúng tôi về gần đến nhà.

Hai chị em rời tôi khi đến trước nhà tôi, tôi nhìn theo Thavy bước đi, tay choàng qua người cậu em, vừa đi vừa thì thào những lời trấn an. Tôi nhìn những cái lưng nhỏ xíu của chúng di chuyển trên đường phố. Một cuộc chia tay hiếm hoi. Đây có lẽ là lần cuối cùng tôi thăm ngôi trường. Và có lẽ là lần cuối cùng tôi thấy Thavy.

Vào nhà, tôi cố tỏ ra bình thường, hành động như chỉ vừa sang thăm nhà một người bạn rồi về. Không ai nghi ngờ gì về việc tôi đã lén đi “do thám”, cũng không ai nhận ra vẻ kinh hoàng của tôi. Tôi giữ nó cho riêng mình và hình như nó đã gặm nhấm, nhai nuốt tôi từ bên trong ra ngoài.

Ngày hôm sau tin tức đến với chúng tôi. Khmer Đỏ ra lệnh mọi người phải rời khỏi thành phố. Người ta bảo chúng tôi rằng bọn Mỹ sẽ thả bom chúng ta. Chúng tôi phải ra khỏi Phnom Penh ba ki lô mét để tránh bom. Vì chúng tôi không rời xa thành phố, chúng tôi được khuyến cáo đừng mang theo quá nhiều đồ đạc, chỉ đem vừa đủ cho đến khi được phép trở lại.

Vừa nghe tin phải rời khỏi thành phố, lập tức, Pa bèn nhờ chú Surg với anh Than đi đón mẹ ông, tức Yiey Khmeng, và gia đình người em gái ông gần chợ Olympic. Kế hoạch của Pa là cả đại gia đình cùng rời thành phố một lần. Nếu chúng tôi không được trở về thành phố, chúng tôi sẽ về làng Year Piar, quê quán của ông và là vùng đất Khmer Đỏ đã “giải phóng” từ trước, nơi ông nội tôi là Kong Houng sống. Chuyện đi đón bà nội tôi không lâu, chỉ mất chừng mười phút. Chỉ mất độ một hoặc hai giờ để gói ghém vật dụng. Vậy mà cuối cùng cũng mất hết ba tiếng đồng hồ, ngày đã trở thành đêm, vậy mà chúng tôi vẫn không thấy hay nghe tiếng xe của Than hay chú Surg về. Không có gì cả.

Mọi người đều lo lắng, đặc biệt là Pa và vợ của chú Surg, thím Heak. Mak lo cho anh Than, nhưng cũng hơi yên tâm vì anh đi với chú Surg. Pa quyết định đi tìm họ. Mak nài nỉ Pa cố đợi đến sáng. Pa không nói gì với Mak nhưng đã sẵn sàng, ông mặc áo sơ mi và quần. Ông lấy chìa khoá và bảo tôi ra mở cổng. Chiếc xe gắn máy giật một cái và gầm gừ rồi chuyển bánh, đèn trước đèn sau chớp lên trong vài giây và Pa biến mất trên con đường tối đen.

Chỉ một lát sau ông trở lại “Bọn Khmer Đỏ này thật khó thương lượng. Chúng chĩa súng vào tôi và bắt tôi quay lui!”

Sáng ngày hôm sau, 19 tháng Tư, Pa đi bộ sang đường phố bên cạnh xem xét tình hình. Vài giờ sau ông về nhà và bảo chúng tôi nhiều quân Khmer Đỏ hơn đang tràn vào thành phố. Da họ đen sạm vì ánh nắng mặt trời, trông họ nhếch nhác, thô sơ như nhiều ngày chưa tắm. Đầu họ quấn khăn như nông dân. Ngồi ngạo nghễ trên xe tăng, xe quân sự, xe vận tải, họ tạo thành cuộc diễu hành chiến thắng lạ mắt. Đúng là một đoàn xe hoa trang hoàng bằng những kẻ khố rách áo ôm. Đồng phục của họ trông giống áo ngủ màu đen. Nhiều người mang khăn rằn màu đỏ trắng quàng quanh cổ. Dép của họ cũng kỳ cục, đế thì cắt từ vỏ xe hơi, còn dây buộc thì cắt từ ruột bánh xe ra. Kiểu trang phục này phù hợp với quan điểm dùng tay không chiến đấu của họ.

Thật ra điều này không làm cha tôi quan tâm lắm. Điều đập vào mắt ông chính là tình trạng sức khoẻ, thân thể thiếu dinh dưỡng của họ. Tuy họ có vẻ hung hăng với súng lúc bên hông và súng trường đeo bên vai, nhưng làn da vàng ửng của họ nói lên tất cả. Pa không nhìn họ bằng mắt mà bằng cả trái tim. Tối đến Pa lấy một chai vitamin cho những người Khmer Đỏ thiếu ăn kia. Dưới mắt họ, hẳn ông trông giống một nhà buôn người Hoa.

Giờ ông là một người có lòng tôi cầm một chai thuốc và một cây đèn bấm. Ông không có gì phải sợ hãi những người mà ông muốn giúp đỡ. Trong khi những người kia chỉ biết rằng mảnh đất mà họ vừa mới nắm giữ đang bị người ta bước lên, họ bèn gầm rống lên như sơn cầu, gồng mình lên với một vẻ hung hăng giả tạo, cố làm cho ông phải sợ. Họ chĩa súng vào ông và tiến lại gần.

Pa bèn chiếu đèn pin vào chai vitamin màu trắng và giải thích thiện chí của mình. Nhưng giải thích thôi thì không đủ. Họ không tin ông, họ buộc tội ông đang cố đầu độc họ. Một người đưa tay gạt chai thuốc ra. Để làm họ hết nghi ngờ, Pa bèn đổ luôn hai viên màu đỏ vào miệng và nhai như nhai kẹo. Chỉ đến lúc đó bọn Khmer Đỏ mới chìa tay ra và Pa cảm thấy mình giống như một đứa trẻ đứng chia kẹo cho đám con trai hung hăng vây chung quanh.

Bây giờ lấy được lòng tin của họ rồi, ông mới hỏi thăm xem Hou Youn và Hu Nim [4], thành viên cao cấp của Khmer Đỏ đã đến Phnom Penh chưa. Cha tôi biết hai người này từ khi ông còn bé. Có lẽ ông nghĩ rằng họ sẽ giúp được ông, cho phép ông đi đến chợ Olympic để tìm chú Surg,

anh Than, mẹ ông và gia đình những người em gái trước khi chúng tôi rời thành phố. Nhưng không ai trong số những người Khmer Đỏ này biết họ. Pa sau đó mới biết – từ những người Khmer Đỏ khác trên đường phố - rằng Hou Youn và Hu Nim không đến Phnom Penh. Tim của Pa chìm xuống.

Buổi sáng hôm sau còn mang lại nhiều thất vọng hơn. Chúng tôi phập phồng chờ đợi những điều chưa biết. Khmer Đỏ ghé lại nhà thúc giục chúng tôi phải rời thành phố. Họ hỏi Pa có vũ khí gì không, ông trao cho họ một khẩu súng vốn được cấp cho ông đã lâu vì công việc. Pa hứa với họ chúng tôi sẽ rời thành phố ngay ngày mai, ngày 21 tháng Tư, cố nán lại lâu chừng nào hay chừng nấy với hy vọng rằng anh Than và chú Surg sẽ về kịp. Bây giờ thì chúng tôi phải gói ghém đồ đạc. Mỗi người đều có một việc và chúng tôi làm đúng nhiệm vụ của mình: chuẩn bị bữa ăn dọc đường, dấu tiền và đồ đạc có giá trị, đồng hồ, nữ trang, giấy tờ nhà, giấy khai sinh, vân vân.

Chị Ra thì vội vã tập hợp những ruột tượng bằng vải, có phân chia từng ngăn, nơi đó chúng tôi sẽ dấu tiền. Một số người lo gấp quần áo và gói lại. Người khác thì lo nấu cơm, cắt rau, luộc một nồi đầy trứng do đàn gà nhà chúng tôi đẻ. Pa phải giết gà cho chúng tôi ăn, có mười con cả thầy.

Đêm nay là đêm cuối cùng chúng tôi hội ngộ dưới mái nhà của gia đình, thoáng mong manh cuối cùng của chúng tôi. Đêm tối đè nặng lên chúng tôi. Con mọt mỗi lan ra khắp người tôi. Tôi chìm vào giấc ngủ sâu, bỗng bênh trong tiếng chặt rau, thịt sửa soạn cho bữa ăn dọc đường. Ngày đến. Buổi sáng sớm phủ lên chúng tôi một vẻ xanh xao u ám nặng nề. Như thể cả trời đất đang để tang. Thời tiết trở nên đáng sợ kể từ khi Khmer Đỏ chiếm trọn đất nước. Mây đen kịt phủ khắp bầu trời Phnom Penh.

Rời nhà sáng hôm nay gồm Pa, Mak, Chea, Ra, Ry, tôi, Avy bảy tuổi, Vin, ba tuổi, Map, một tuổi, thím Heak, vợ chú Surg, Atek, đứa con hai tuổi, cùng đứa con mới đẻ của chú thím, và con chó Akie của chúng tôi. Chúng tôi là một trong những gia đình cuối cùng rời thành phố, đi bộ. chúng tôi khóa cổng lại phía sau lưng và bắt đầu cất bước.

Tôi giật mình thấy chúng tôi di chuyển quá chậm chạp, người như bị kéo lại bởi sức nặng của nỗi buồn phiền. Pa bỗng ngừng đẩy chiếc xe máy như bị ai đột ngột kéo lại. Ông quay lui về ngôi nhà không nói với ai một lời. Tôi bước theo ông trong khi những người khác đứng lại bên đường chờ đợi.

Pa mở cổng, lao vào cửa trước mở khóa. Cửa bật mở ra.

Pa lẩm bẩm “Mình để phần ở đâu nhỉ? Ở đâu nhỉ?...”

“Pa...”

Tôi định nói cho ông biết phần để ở đâu nhưng ông đã biến vào trong nhà. Chúng tôi chỉ mới

rời khỏi nhà được vài phút mà trông nó như bị bỏ hoang.

Pa xuất hiện với những vết nhăn trên trán. Ông nhảy lên sàn và bắt đầu viết nguệch ngoạc tên chú Surg bằng nét lớn trên tường nhà. Rồi tên anh Than tiếp theo, sau đó là lời nhắn họ đến gặp chúng tôi ở Year Piar. Trong “bức thư tường” đó, ông bảo chú Serg đừng lo lắng gì về thím và hai đứa con – Pa đang trông coi họ, mang họ theo chúng tôi đến Year Piar. Họ đều khoẻ và chú sẽ sớm gặp.

“Thôi mình đi, con” Pa nhẹ nhàng nói khi bước xuống sàn.

Cuộc di tản lại tiếp tục. Các đường phố lớn đều bị chặn, có lính Khmer Đỏ canh gác. Gia đình chúng tôi đi thành một nhóm áp sát vào nhau, gia nhập vào dòng người đang di chuyển chậm chậm như một dòng thuỷ triều. Quanh tôi, mọi người đi lừ đừ, nặng nhọc, như thể phải cất bước trong lớp bùn dày. Mọi người đều phải mang vác một vật gì đó, ngoại trừ những đứa bé nhỏ nhất. Pa dắt chiếc xe máy, bánh xe xẹp xuống dưới sức nặng của valy, túi xách buộc ở phía sau. Map và Vin đứng trước xe, ở chỗ để chân. Chị Chea và Ra thì dắt hai chiếc xe đạp chất đầy chén bát, nồi bọc trong khăn. Bên dưới áo ngoài của Chea, Ra và Ry là ba cái ruột tượng chứa đầy tiền của chúng tôi. Còn Mak và Ry thì mang theo thức ăn nấu sẵn. Thím Heak đeo một cái xách đầy quần áo trẻ em trên vai, một tay thím ẵm đứa con nhỏ, tay kia nắm tay đứa lớn hơn. Thím nhú mày nhìn dăm dăm vào khoảng không, sững sờ trước một cái vô hình nào đó.

Ra khỏi trung tâm thành phố, dọc đường Khmer Đỏ đóng khắp nơi. Chúng thẩm vấn, tra xét mọi người, chỉ chỗ cho chúng tôi đến. Tiến vào một đường phố lớn đông đúc, gia đình chúng tôi hoà nhập vào một khối nhân loại hỗn loạn. Tôi chưa bao giờ được thấy số người đông như vậy, chen chúc trên lề đường lát đá trước đây chưa bao giờ chứa đựng chừng ấy con người. Chúng tôi ở trong một đoàn người gồm hai triệu dân Cambodia bị lừa ra khỏi thành phố trong chỉ vài ngày. Bây giờ đoàn người tụ lại nơi cầu Sturng Mean Chey giống như một chất đặc trôi đến nơi cổ chai. Từ nơi miệng cầu ùn lại một dòng sông người khổng lồ với đồ đạc linh kính buộc vào xe gắn máy, xe đạp, xe ba bánh, xe hơi, xe bò...bất cứ xe gì người ta có thể kiếm được. Quá đông người cho nên không còn lái xe được nữa. Cho nên bất cứ xe gì có động cơ thì cũng phải đẩy. Dòng sông người đó cứ tiếp tục trôi xa như mắt thường còn thấy được. Quanh mình tôi thấy người thành phố người thôn quê, tức những người mới đây từ nông thôn vào thành phố tị nạn. Những người này có ít đồ đạc hơn. Những người không có xe để chuyên chở thì mang, vác đồ đạc, đặt trong thùng, hoặc bó thành hai bó đặt vào đầu đòn gánh lắc lư trên vai. Đối với tôi, quang cảnh này như từ một trang nào đó của lịch sử, mặc dù đối với tôi lúc này sách vở và bài học ở trường là những cái gì đó rất mơ hồ và xa vời.

Hoà với đám người là đám heo, chó, gà hoảng loạn. Tôi thấy được nỗi sợ hãi trong tiếng kêu thét không ngừng của lũ heo, tiếng vùng vẫy hoảng hốt của lũ gà bị kẹp trong nách hoặc bị

buộc vào thúng. Đứng trấn tại ngã ba, và trên các xe tải quân sự đổ dọc theo đường là lính Khmer Đỏ trẻ, phần lớn là nam giới. Tất cả đều mặc đồng phục đen, mang khăn kẻ ô màu xanh thẫm buộc trên đầu hay quấn quanh cổ. Quanh lưng họ là chiếc nịt chùng xuống vì đạn và lựu đạn dắt đầy. Trên tay hay trên vai là khẩu súng máy. Họ chĩa súng vào chúng tôi, ra lệnh cho chúng tôi tiến về phía trước, tiếp tục đi, về phía cây cầu, không được quay trở lại thành phố. Chỉ được đi ra, không được vào.

Ở giữa cái khối người hỗn độn ấy là một bé trai, chừng ba tuổi, mặc sơ mi và quần sọc xám. Nó khóc đến se phổi. Nó di chuyển dọc theo đám đông tay giơ lên trời để tự bảo vệ trước đám đông đang băng qua nó. Khi chúng tôi tiến lên phía trước, tôi không còn thấy nó ở đâu nữa, nhưng tiếng khóc của nó vẫn xé không trung khiến tôi nghĩ mãi về nó và cặp chân trần của nó. Tôi chú ý một cặp vợ chồng đang chống chọi với đám đông, cố chen chúc giữa họ đi ngược đường trở lại thành phố. Họ ăn mặc đàng hoàng, chắc vừa từ một văn phòng nào đó tìm đường về nhà. Nhưng họ bị lính Khmer Đỏ chặn ngay lại trên đường. Súng trường chĩa về phía họ như những ngón tay buộc tội. Hai vợ chồng liền chấp hai lòng bàn tay lại, một cử chỉ biểu lộ lòng kính trọng và sự van xin. Họ van xin những người lính kia để cho họ đi qua về nhà tìm mấy đứa con của họ.

“Các đồng chí không đi qua được!” một tên Khmer Đỏ sửa “Không được phép! Đi đi!”

Đồng chí! Từ đó thật lạ đối với tôi. Những người lính đó, vốn trẻ hơn cặp vợ chồng mà họ đang ra lệnh, đã không dùng cách nói lễ phép thích hợp hơn để gọi người lớn tuổi hơn, không gọi họ là “cô” hay “chú”. Cách chúng gọi cặp vợ chồng nọ ngầm nói rằng chúng xem mình là ngang hàng. Đó không phải là cách chúng tôi chào hỏi người lớn, nhất là trong lúc chúng tôi đang có khủng hoảng như thế này. Sự thiếu lễ độ đó làm cho tôi chấn động. Chỉ có quyền lực là được duy trì. Giờ đây súng đạn quan trọng hơn tuổi tác và sự hiểu biết rất nhiều.

“Athy! Athy!” Mak gọi tôi “Tiếp tục đi đi con!”

Chân tôi bước nhanh hơn như được đẩy nhanh vì giọng nói của Mak.

“Đi bên cạnh ba ấy. Đừng nhìn lui, koon!”

Mak nhăn mày khi bà hất đầu ra hiệu. Tôi thấy bà đưa mắt liếc trộm một cái về phía cặp vợ chồng khốn khổ đó, rồi bà đi sát phía sau lưng tôi như thể để che chở cho tôi.

Cuối cùng chúng tôi cũng lên đến cầu, nhưng đám đông vẫn còn di chuyển rất chậm. Gia đình tôi bị cắt ra bởi rào chắn bằng kim loại nơi cầu. Không thấy được phía trước do bức tường người chắn trước mặt, vì thế tôi bèn nhìn xuống sông. Dòng sông chảy chậm rì vào mùa này trong năm. Nhiều thứ nổi lều bều giữa dòng, kể cả xác người.

“Pa, nhìn kia!” tôi kéo tay cha tôi nhẹ nhẹ.

“Athy, đến đây!” Cha tôi ra hiệu bằng đầu.

Chúng tôi nhìn về phía trước, chỉ phía trước mà thôi. Dòng người tuôn ra khỏi Phnom Penh, dưới sông, nước cũng mang đi những rác rưởi của chiến tranh. Như thể mọi thứ đều bị quét sạch.

Rồi tôi bỗng nghe thấy tiếng chó sủa liên hồi. Tiếng sủa vang lên như thất vọng, như tiếng gọi giúp đỡ. Tiếng sủa quen thuộc khiến tôi giật mình quay trở lại với thực tế.

“Pa ơi, Akie đâu rồi?” Tôi bật ra “Con không thấy nó đâu cả?” Tôi cúi xuống, cố tìm nó giữa rừng chân người đang chuyển động. Rồi tôi thấy Akie đang rên rỉ, cố chui qua đám chân dày đặc. Đầu nó loay hoay cố tạo một khoảng trống giữa hàng chân chuyển động.

“Pa ơi! Mak ơi! Akie đang ở phía sau chúng ta đó!”

Pa nhẹ nhàng nói “Athy, tiếp tục đi đi, đừng nghĩ về nó nữa”. Ông nhìn thẳng về phía trước, không quay đầu lại. Akie đã từng là một phần của gia đình chúng tôi và tôi không muốn bị mất nó thêm một lần nữa.

“Mak, Akie không còn ở phía sau chúng ta nữa” tôi nói nhỏ, mắt nhắm lệ.

“Có lẽ nó đã bị lạc mất rồi, koon. Thôi đừng lo lắng cho nó nữa. Tiếp tục đi đi con”. Giọng Mak có vẻ ưu tư. Tiếng mẹ tôi làm cho tôi dịu lại, và tôi vâng lời.

Chúng tôi đi qua sông, vào một xa lộ trải nhựa, cũng phủ đầy các hàng người, hàng ngàn, hàng ngàn, bước đi như một đàn chim khổng lồ trong cuộc di trú bắt buộc, vội vã để tránh cơn bão sắp đến gần. Bây giờ chúng tôi đã ra khỏi thành phố, bầu trời xanh và mặt trời chiếu sáng, tiếng trẻ em khóc thét. Tiếng khóc đau đớn và rối loạn tạo thành âm thanh nền cho tiếng bước chân rầm rập.

Bọn Khmer Đỏ ở khắp nơi. Chúng tôi đi qua một cánh đồng mở rộng và thấy chúng đang chất người lên xe tải. Ở các ngã ba xa lộ, bọn Khmer Đỏ đứng gác, súng trên tay. Chúng nhìn đám đông đang di chuyển một cách ngờ vực, mắt soi mói nhìn từng khuôn mặt chúng tôi.

Ở đằng xa tôi thấy cái gì giống như xe tải quân sự và những người mặc đồng phục khác nhau di chuyển trên cánh đồng nằm phía bên tay phải của xa lộ. Khi chúng tôi đến gần hơn, mọi người đều tò mò nhìn.

“Pa, xem kìa! Lính Khmer Đỏ đang trói những người lính của Lon Nol!” Chea thông báo.

“Pa biết”, Pa nói thật nhỏ như sợ có ai nghe thấy.

Giọng ông khiến tim tôi đập thành thịch. Việc trói người như thế này nghĩa là gì? Điều gì sẽ xảy ra cho những người ấy? Có khoảng độ một trăm người lính trong bộ áo rằn ri màu xanh lục. Họ bị trói, tay quặt ra sau lưng. Đi phía sau họ cũng là những hàng người bị trói, trong đó có một số người mặc thường phục. Trong số họ cũng có những người phải đưa tay lên đầu, khi lính Khmer Đỏ trong bộ đồ màu đen chĩa súng vào họ.

Pa vội vã đẩy chiếc xe gắn máy lẫn vào trong khối người dày đặc đang di chuyển, cố gắng hoà

lấn vào đám đông. Trong số họ, ông là người cao lớn nhất. Ông bèn vội khom lưng và vai xuống, mắt chú mục vào bảng ghi tốc độ trên chiếc xe máy. Mak chú ý đến thái độ của Pa ngay và mọi người trong gia đình cũng vậy. Nỗi lo âu lướt qua chúng tôi như một cơn lạnh bất ngờ. Chúng tôi vượt qua cánh đồng, qua trạm gác, và tôi cảm thấy nhẹ nhõm. Pa cũng vậy, ông đẩy chiếc xe gắn máy bình thường trở lại, lưng thẳng, mắt nhìn về phía trước. Ateck, đứa con trai hai tuổi của thím Heak, khóc thảm nã. Ông bèn cho nó đứng lên xe cùng với Vin và Map, thế là yên. Nó thôi khóc ngay.

Phía trước chúng tôi, đoàn người chậm lại. Từ xa tôi nhìn thấy cán bộ Khmer Đỏ đang chặn từng gia đình lại. Pa dừng xe gắn máy, ông thì thảo điều gì đó, bảo tôi đứng yên, rồi ông tròng hai chiếc đồng hồ vào cườm tay tôi, kéo tay áo tôi che lại. Mak nhìn ông vẻ mặt không yên. Ông trấn an Mak “Họ không lục soát trẻ con đâu”.

“Đừng nói gì hết! Achea, Ara, giấu đồng hồ của tụi con đi, để ba nói chuyện với họ”.

“Đồng chí, có đồng hồ không?” một người Khmer Đỏ hét lên với người đàn ông phía trước chúng tôi. “Nếu có, đưa cho tôi ngay! Có hay không nào?” người đàn ông đứng trước chúng tôi lục tung giỏ áo quần, cố chứng tỏ cho người lính đang giận dữ trước mặt là ông không có chiếc đồng hồ nào. Với vẻ bức bối, người Khmer Đỏ ra lệnh cho ông tiến về phía trước, và gia đình ông ta lặng lẽ đi theo sau như những người nô lệ phục tùng.

Đến phiên chúng tôi đi qua trạm gác. Trạm này có năm lính Khmer Đỏ mang súng máy. Pa tiến lên, như thể ông tiến đến phòng bán vé để mua vé vào xem chiếu bóng vậy?

“Tôi có một cái đồng hồ. Ông có thể giữ lấy”. Pa tuyên bố. Ông dừng xe lại và cẩn thận dựng gần bên mình, rồi ông tháo chiếc đồng hồ ở cổ tay và đưa qua cửa sổ trạm gác. Pa biết luật chơi. Ông cố gắng hợp tác với họ.

“Đồng chí còn nữa không?” người lính hỏi một cách dữ tợn trong khi trao chiếc đồng hồ của Pa cho một cán bộ trẻ đứng sau lưng, người này nhìn đồng hồ của Pa một cách thích thú. Cổ tay hắn đã đeo rất nhiều loại đồng hồ khác nhau. Hắn cười trơ tráo, giống như một đứa trẻ tham lam đòi ăn thêm.

Tôi đứng bên cạnh Pa, cúi nhìn xuống đất, cố tỏ ra bình tĩnh.

Pa lễ phép nói “Tôi chỉ có mỗi một cái đồng hồ này thôi, không còn cái nào khác”.

Người lính vẫy tay cho chúng tôi đi qua.

Phía trước chúng tôi, trên vành đai xa lộ, năm người nông dân đang đứng cầm những khúc thịt heo tươi, mới mổ, còn đầy máu. Họ rao lên với chúng tôi “Thịt heo tươi đây!”. Họ nói giá, Pa và Mak đồng ý mua một ít thịt heo. Ông bà thấy nhẹ nhõm và ngạc nhiên khi biết rằng vẫn còn có một cái chợ tạm thời lúc cần thiết. Chúng tôi cần thêm thực phẩm cho những ngày sắp tới. có lẽ một tuần, khi chúng tôi đi đến làng Year Piar.

Đến hồ Stung Khartort, chỗ chúng tôi ngủ qua đêm, tôi thấy hàng đã có hàng trăm người đến trước mình. Những cột khói lửa trại bốc lên khắp nơi. Là những người đến sau, chúng tôi phải cắm trại cách xa hồ đến nửa dặm. Sau khi ăn xong, cha mẹ tôi, thím Heak và những người lớn cắm trại gần chỗ chúng tôi, ngồi lại với nhau và bàn về chuyện tương lai. Không giống các anh chị trong nhà, tôi chen vào đám người lớn đó. Nhiều suy nghĩ, dự đoán...

“Còn những người lính bị trói tay thì như thế nào?” Mak ngắt lời ông. “Những người ta đã thấy dọc đường đó. Điều gì sẽ xảy ra cho họ?”

“Tôi không biết người ta sẽ làm gì với họ. Nhưng tôi không nghĩ rằng Khmer Đỏ không chỉ chiếm lấy đất nước. Tôi nghĩ rằng một chính quyền chiến đấu cho quốc gia là để giải phóng cho dân tộc của mình”. Pa triết lý. Ông muốn tin rằng Khmer Đỏ sẽ tha thứ, rằng nó sẽ trở thành chính quyền của nhân dân Cambodia.

Sau buổi tối đó ở hồ Stung Krartort, chúng tôi lại tiếp tục đi qua nhiều ngôi làng và dừng lại ở nhiều chạng. Sinh hoạt hàng ngày của chúng tôi rất đơn giản. Chúng tôi đi hầu như suốt ngày và ngủ lại vào ban đêm. Bầu trời trở thành mái nhà của chúng tôi, và ánh sao thay thế cho đèn nê ông. Chúng tôi quây quần lại trên tấm chăn hay tấm vải nhựa trải trên nền đất, dùng mũng thay lều nhưng không hữu hiệu mấy. Muối tha hồ chèn máu của chúng tôi, để lại những vết đỏ bầm nhức nhối trên khắp tay chân.

Sau một tuần chúng tôi đến nhà của Yiey [\[5\]](#) Narg, cô của Pa, ở tại Srey Va, một ngôi làng nhỏ nằm giữa cánh đồng cát khô, nằm trên đường đến Year Piar. Tôi thấy khát và đói ră họng, hăm hở muốn được ăn ngon và được nghỉ ngơi thoải mái trên một chiếc giường êm ấm như chiếc giường mà tôi đã bỏ lại ở Phnom Penh.

Nhưng đó chỉ là một giấc mơ. Yiey Narg và chồng bà, những người nông dân nghèo khổ nhất đã từng sống trong vùng Khmer Đỏ kiểm soát từ năm năm nay. Ngôi nhà gỗ của họ thì nhỏ xíu và chật ních. Nhà không có ghế, chỉ có sàn nhà bằng đất nện và một cái quây tre đặt gần sát vách. Thay vì là một màu xanh tươi tốt, toàn bộ quang cảnh ở đây là một màu nâu buồn tẻ. Tôi ngấm nghĩa mấy cây chuối và đu đủ còi cọc trồng trên sân cát khô ở sau nhà. Đất đai ở đây đã bị cạn kiệt, khô héo như vẻ mặt của cố Narg và chồng của cố.

Yiey Narg cho chúng tôi biết gia đình của họ bị hạn chế tự do đến mức nào kể từ khi Khmer Đỏ đến đây. Trước đây họ rêu rao hứa hẹn bình đẳng, tuy nhiên, gia đình cố không thể đánh cá hay buôn bán với những người khác như trước đây họ vẫn thường làm. Họ không được đi ra ngoài phạm vi các nhà hàng xóm của mình. Kết quả là họ rất khốn khó. Dường như họ cũng không có đủ muối để mà nấu ăn. Vì thế họ phải nghĩ ra sáng kiến dùng tro nấu bếp để bảo quản số cá mà họ đánh bắt được.

Sau khi ăn một bữa ăn đạm bạc kiểu nông thôn, Pa muốn đi Year Piar ngay lập tức, nhưng Yiey

Narg nài nỉ tất cả chúng tôi ở lại qua đêm tại nhà cố. Pa trả lời lễ phép nhưng rất cương quyết rằng ông phải đi Year Piar để gặp cha mình ngay.

“Thế thì để vợ con của mày ở lại, cả con Heak và con cái của nó nữa. Được rồi, chúng bây ở lại. Hãy nghỉ ngơi đi”. Bà quyết định cho tất cả chúng tôi, đó luôn luôn là cách của người lớn tuổi Cambodia. “Tidsim (tên của Pa)”, cố nói tiếp “Nhớ cẩn thận. Ta nghe người ta đồn đại nhiều lắm. Có nhiều gia đình phải bỏ đi nơi khác, ra khỏi tỉnh nhà vì bọn Khmer Đỏ không thể tin cậy được. Chúng sẽ hỏi mày về nghề nghiệp của mày trong quá khứ. Ai mà biết chúng sẽ làm gì mày? Cẩn thận, đừng tin chúng”. Cố nhắc Pa.

Cẩn thận, đừng tin chúng. Những lời này có vẻ đe dọa và mơ hồ, một lời cảnh báo vừa đóng vừa mở. Dẫu sao thì sự sợ hãi của tôi bây giờ đã trở nên hiện thực hơn, nhất là khi tôi nghe lời khuyên từ một người thân đã từng sống dưới chế độ Khmer Đỏ trong năm năm.

Pa mang tôi theo ông đến Year Piar. Tôi rất mệt nhưng thấy nhẹ người khi rời khỏi nơi này. Giống như Pa, người vốn tin vào điều tốt của con người, tôi vẫn tin rằng cuộc sống rồi sẽ trở lại như trước đây. Vì thế sắp rời đây để đến Year Piar, tôi trông đợi một điều gì đó đỡ khắc nghiệt hơn.

“Athy, koon, đừng ngủ, con có nghe không?”

Mắt tôi nhắm lại, má áp vào cái lưng ấm áp của Pa, tôi vẫn cảm thấy một cơn mệt nhoài bao phủ khắp người. Tuy thế tôi vẫn muốn rời khỏi nơi này. Tôi thấy sung sướng được ngồi như thế này, đeo vào lưng Pa như một con khỉ con mệt mỏi.

Sợi dây xích mệt nhọc của động cơ xe quay chiếc bánh xe dọc theo con đường đầy bùn khô khi cặp mắt mệt mỏi của tôi cố nhướng lên.

“Pa, gần đến nơi chưa Pa?”

“Gần đến rồi, koon. Con cố đừng ngủ nhé?”

“Con không ngủ đâu” tôi nói nhỏ.

Tôi nói dối. Mắt tôi chỉ hé mở. Tay ôm hông Pa trượt xuống. Tôi đã bắt đầu ngủ gục. Thỉnh thoảng tôi cảm thấy tay Pa quặt lui, lay lưng tôi liên hồi. Tôi nghe ông nói “Đừng ngủ, koon. Chúng ta sắp tới nơi rồi”. Tôi cố mở mắt ra nhưng rồi khép lại ngay.

Rồi tôi nghe tiếng bọn con nít. Âm thanh hợp xướng ấy dần dần trở nên lớn hơn. “Coi kìa, coi nó chuyển động kìa!” Những tiếng cười reo liên tiếp theo đó. Rồi cả một làn sóng trẻ em ủa đến chỗ chúng tôi như thể chúng tôi là một gánh xiếc rong về làng vậy.

Pa chạy chậm rồi đột ngột dừng lại, làm thân hình chúng tôi chúi về phía trước. Trẻ con không biết từ đâu ủa đến vây lấy chúng tôi, lớn vồn như đám ruồi quanh miếng thịt. Chúng chạy theo, chỉ chỏ vào bánh xe rồi cười rúc rích như những thằng điên. Có đứa còn vói tay sờ vào vỏ bánh xe cao su như bị thôi miên.

Đoàn trẻ con trần truồng này, tuổi từ hai đến chín, trông không giống bất cứ cái gì tôi được nhìn thấy. Chúng là những người nghèo nhất trong số những người nghèo. Quần áo chúng rách nát, quá cũ, bạc màu đến mức không thể nhận ra nổi màu gì. Quá nhiều miếng giẻ vá chằng, vá đụp lên nhau khiến áo quần chúng dày cộm lên và cồng kềnh. Đây không phải là hình ảnh trẻ con nông thôn điển hình, mà là một sản phẩm hậu cách mạng. Sự dơ bẩn chính là đồng phục của chúng, và tất cả mọi đứa đều cần phải tắm. Những đứa nhỏ nhất tiến lại gần với những chiếc mũi đầy mồ hóng và cắt mũi.

Sự bẩn thỉu và cồng kềnh của chúng, cộng với vẻ say sưa của chúng đối với chiếc vỏ xe đã khiến cho tôi thất thần. Trước hết, tôi bức bối vì thấy chúng xử sự một cách ngu ngốc trước một vật thông thường như vỏ chiếc xe gắn máy. Tôi co rút, lùi lại trước đám trẻ ấy. Một số bằng tuổi tôi, trong khi chúng vẫn tiếp tục chạy theo chúng tôi. Chưa bao giờ tôi nghĩ rằng đối với nhiều đứa trong số bọn trẻ con này, đây là lần đầu tiên chúng được trông thấy một chiếc xe gắn máy.

Chú Thích

[1] Cha –từ dùng của người con đã từng là tu sĩ Phật giáo

[2] Từ kính trọng để gọi người anh hoặc một người lớn tuổi hơn mình

[3] Lon Non là em của Lon Nol. Lon Nol là thủ tướng, tổng tư lệnh và là người đứng đầu của nhà nước Cộng hoà Khmer từ năm 1970 đến năm 1975. Ông chạy sang Hawaii ngày 1 tháng tư, 1975

[4] Cả hai người này là mac xít Cambodia đã rời Phnom Penh vào bưng chiến đấu từ năm 1967

[5] Vì tuổi tác và vì lẽ bà là em của Kong Houng, chúng tôi gọi là “bà”, mặc dù về mặt sinh học, bà là bà cố của chúng tôi

CHƯƠNG 5

KHÔNG CÓ LỜI TỪ BIỆT

The New York Times

Ngày 2 tháng Năm 1977.

“Những người tị nạn miêu tả một nước Cambodia bị vây hãm bởi nạn đói”.

David A.Andelman

Theo những người đưa tin, các cuộc thanh trừng đã lấy đi hàng trăm ngàn sinh mạng sau khi

Khmer Đỏ chiếm Phnom Penh vào ngày 17/04/1975, rõ ràng đã kết thúc phần lớn. Nhưng người ta nói rằng hệ thống chính trị mới hoạt động chủ yếu trên sự sợ hãi, dưới sự lãnh đạo tự làm cho mình, trước các cấp địa phương, thành một cái được gọi là “tổ chức”.

Chúng tôi gặp lại cái mùi quen thuộc của thôn quê, và tôi bị quăng trở lại về quá khứ. Tôi thở mạnh, hít lấy cái mùi hôi thối ngọt ngào của nước tiểu, mùi của phân súc vật và mùi cỏ khô – một hợp chất mạnh mẽ nhắc tôi nhớ lại thời gian Pa mang tôi về thăm Kong Houng, Yiey Khmeng và Yiey Tot. Tôi sụp mắt xuống và nhận ra mình đã xa Phnom Penh biết chừng nào. Dọc theo lối đi là những hồ cạn và những ngọn đồi nhỏ xanh tươi, những đồng phân ướt nhem do trâu bò để lại. Tôi nhìn đồng phân trong khi Pa uốn lượn xe quanh chúng. Cảnh đồng quê thô sơ. Nơi đây, bùn, bụi và phân súc vật là một phần của đời sống. Nhà cửa được cất trên các cây cột cao. Trẻ con không chơi đùa trên đường phố bụi bặm và trên đồng lúa. Còn đường là nơi chúng đi thu thập các đồng phân súc vật để bón cho đồng ruộng.

Pa và tôi đến nhà Kong Houng trước hoàng hôn. Tiếng rừ rì của chiếc xe máy báo hiệu chúng tôi đến. Chờ đón chúng tôi là cô Cheng cùng với những người dân làng khác mà tôi không quen. Cô cẩn thận bước xuống bậc thang dốc bằng gỗ sồi và nở nụ cười tươi quen thuộc, chào đón, hầu như đó là thương hiệu riêng của cô vậy. Mái tóc dày đen nhánh của cô hình như ngắn hơn lần trước tôi thấy cô – dài từ cằm đến thắt lưng. Cũng như lúc ở Phnom Penh, cô mặc một chiếc áo trắng với chiếc xà rồng hoa. Cô nhìn tôi cười rạng rỡ, hỏi “Athy, mọi người đâu rồi? Mẹ cháu đâu?”

“Mak của cháu hiện còn ở nhà Yiey Narg. Ngày mai mọi người mới đến đây.”

Tôi nhanh chóng đo lường mọi thứ xung quanh trước đây chưa có. Một vựa lớn dùng làm nơi chứa hàng núi thóc khổng lồ chưa xay, các bó cỏ khô chất gần đó, và giữa đám cây ăn trái là một hàng me thân lớn, toả nhánh lên tận trời, cao bằng vựa lúa.

Tôi đứng trên bậc thang, nhìn vào nơi trước đây từng quen thuộc, nhưng bây giờ lại có vẻ xa lạ, bởi tôi đã không đến đây năm năm rồi, bằng một nửa của tuổi tôi bây giờ. Nhà được xây bằng cột lớn. So với nhà cửa của người dân thôn quê khác, nhà của ông nội tôi khá lớn, với cầu thang và tay vịn buông xuống bên trái. Theo tiêu chuẩn địa phương thì ông bà nội tôi là những người tương đối khá giả. Họ có nhiều gia súc và đất đai ở quanh Year Piar và các làng khác nữa. Trong chuyến đến thăm lần trước, tôi còn nhớ bà nội giải thích rằng Kong Houng phải đi đến các làng ở rất xa để thu tiền cho thuê đất. Thường thì người ta trả bằng lúa. Sự thành công của ông là do làm việc cần cù vốn là truyền thống trong gia đình. Cha mẹ ông trước đây đã có được đất đai này do bằng thời gian và lòng kiên nhẫn.

Khi Khmer Đỏ đến, họ ra lệnh cho ông cũng như người em trai của ông là Kong Lorng, phải từ

bỏ tài sản. Cả hai từ chối nên bị trói tay và lên án tử hình. Ở bất cứ xã hội nào, mỗi liên hệ quen biết bao giờ cũng có giá trị, họ được một người bà con cứu, người này có quen biết một người nào đó biết Ta Mok, người cụt chân khét tiếng là một trong những viên chức quân sự cao cấp nhất của Khmer Đỏ, là người coi sóc các vụ hành quyết.

“Athy, Athy”

Tôi tìm xem ai gọi tôi khẩn thiết như vậy và thấy một khuôn mặt quen thuộc đang mỉm cười với tôi.

“Anh Than!” Tôi reo lên. Tôi không biết mình yêu quý anh ấy đến chừng nào mãi cho đến khi chúng tôi xa nhau như vừa qua.

Trông anh khác so với lần cuối khi tôi trông thấy anh ở Phnom Penh, dù chỉ mới hai tuần trước. Hình ảnh cuối cùng của tôi về Than là khi anh rời nhà với chú Surg đi tìm các cô và bà nội, và các anh em họ trong suốt những ngày hỗn loạn trước khi ra khỏi thành phố.

Tôi nhìn kỹ anh. Tóc anh ngắn hơn, da đen hơn vì đã đi dưới ánh mặt trời thiêu đốt suốt nhiều ngày. Tôi nghĩ, đó là màu da của nông dân, giống như màu da của những người dân quê ở đây. Anh Than bước xuống thang, tay nắm tay vịn, nhìn xuống bước đi của mình và cười rạng rỡ. Tôi đến bên chân thang, sung sướng nhìn đối thủ cũ của mình, bất chấp trước đây chúng tôi thường chống đối nhau. Tôi rất nhớ anh, và điều này làm tôi ngạc nhiên. Tôi nhận ra rằng tôi đã từng tưởng sẽ không bao giờ còn gặp được anh nữa, và khi nhận ra điều này, tôi hết sức xúc động.

Nếu văn hóa của chúng tôi cho phép anh em ôm nhau, hẳn tôi đã quàng tay ôm cổ anh. Nhưng trong văn hóa của chúng tôi, chỉ có người lớn mới bày tỏ cử chỉ thân ái đối với người nhỏ tuổi hơn như vậy. Cho nên thay vì ôm lấy nhau, anh Than chỉ nhắc tôi vịn vào thanh cầu thang, anh bẻ lén cổ che giấu nỗi yêu thương dẫn tôi đi vào nhà. Ngay trong nhà là hai cái thúng tròn đựng các thức ăn tráng miệng kiểu Cambodia khác nhau được bọc trong lá chuối. Ngoài ra còn nhiều đĩa thép đủ màu đựng cơm nếp trên có rắc dừa nạo và mè. Sau bữa ăn đạm bạc ở nhà Yiey Narg, những thứ thức ăn này thật là xa hoa. Đây cũng là truyền thống của Cambodia, luôn chào đón khách bằng cánh tay rộng mở. Có anh Than ở bên, cơn thèm ăn của tôi như được thúc giục. Anh vốn là thầy thuốc giỏi mà.

“Thy, em cứ ăn chừng nào thì ăn. Họ làm những món tráng miệng này cho chúng ta đó. Họ làm vô số kể từ khi anh và chú Serg đến đây đó”.

Lời của anh Than làm tăng sức mạnh của tôi, giống như chất đường đang tan trong lưỡi của tôi vậy.

Anh giục tôi “Tụi mình ra xem mấy cây chuối đi. Nhanh lên, nhặt món gì đó mang theo đi!”

Việc anh xa cách chúng tôi hai tuần dường như không ảnh hưởng gì đến anh, hoặc bây giờ anh

sung sướng vì thời gian đó đã chấm dứt. Anh nài nỉ “Athy, em có muốn đi xem dứa và chuối không nào?” mắt anh mở lớn “Trong vườn sau nhiều lắm. Để anh dắt em ra đó, có một cái giếng nữa, rất sâu. Em có muốn đi không nào?”

Trước khi tôi kịp trả lời, anh giúp tôi nhặt món tráng miệng và chúng tôi vội vã ra vườn.

Tôi bàng hoàng trước rừng dứa tươi tốt mọc sum suê khắp nơi dưới bóng mát của hàng cây ăn trái, và dọc lối đi dẫn đến giếng nước. Bụi dứa ở đây còn lớn hơn một dứa trẻ, nhô lên giữa đám lá dài, đầy gai, là những trái dứa non, một số chỉ bằng nắm tay, trong khi những trái khác lớn gấp ba lần. Tôi chưa bao giờ trông thấy một vườn dứa như vậy.

Tôi đang ngỡ ngàng vì vẻ đẹp và sự phong phú của vườn dứa, thì anh Than đã đến bên giếng, như một con chó vui mừng vẫy đuôi khi khám phá ra một cái gì hấp dẫn thú vị, anh gọi tôi “Nhìn đây này Athy, vào ban ngày em có thể nhìn thấy bóng mình trong nước đó”.

Chung quanh giếng còn có nhiều dứa hơn nữa, rồi những cây chuối mọc thành hàng, lá dài xanh ngắt, và những nụ hoa chuối mọc ra từ thân. Từ vựa đến giếng là những hàng cây lamút cành dài, đầy trái vỏ xù xì, có màu và hình trái xoan như trái kiwi. Trái còn xanh nhưng rất nhiều.

“Em hái mấy trái được không?” Tôi hỏi anh Than.

“Em có muốn không?” Anh Than nhướn mày, mắt toả sáng.

“Ừ”, tôi mở to mắt. Suốt dọc đường đi đến đây, không tìm thấy trái cây, mà loại trái này tôi rất thích.

Tôi và Than lại chạy vội vào nhà để anh chỉ cho tôi chỗ anh giấu đồ, tức chỗ anh dú trái cây vào trong thúng gạo cho trái cây mau chín.

Ngày hôm sau là ngày cả đại gia đình họp mặt. Má tôi, thím Heak, hai đứa con trai của thím, các chị cùng anh em tôi đến Year Piar trên những chiếc xe bò ọp ẹp, gặp mặt các bà con họ hàng đã đến từ trước. Việc cuối cùng gia đình tôi đến như đánh dấu cho cuộc hội ngộ của cả đại gia đình ông bà nội tôi và điều này làm ông bà cảm thấy nhẹ nhõm. Giờ đây năm trong bảy đứa con của ông bà đã trở về nhà cùng với gia đình của họ. Riêng gia đình tôi đã có tới mười người. Gia đình các cô, các chú, anh em họ của chúng tôi tổng cộng lên đến hai mươi chín người, kể cả ông bà chúng tôi. Bây giờ chúng tôi chia nhau ba phòng rộng. Đông thì vui, nhưng việc không có điện làm phiền tôi rất nhiều.

Đến cuối tuần, có thêm người đến tụ hội. Lần này là phần lớn phía gia đình bên phía Mak. Cha mẹ của má tôi cùng với anh chị em của bà và gia đình riêng của họ. Tất cả là mười bốn người, quá nhiều cho Kong Houng thu xếp chỗ ăn ở, ngay cả trong ngôi nhà rộng lớn của ông. Nhạy cảm trước hoàn cảnh này, cha mẹ Mak và mấy người con chọn cách biến biến kho chứa thóc thành nhà ở tạm thời. Mọi người phải học cách xoay sở trong lúc này.

Sau bữa ăn tối, các anh chị Chea, Ra, Ry và tôi nghỉ ở trong, chung quanh để đầy đồ đạc dựa vào tường, trông như những khách du lịch mệt nhọc. Lắng nghe các anh chị nói chuyện thật là thư thái. Chị Chea đột ngột chồm dậy, đi đến chỗ chiếc cặp và lục tìm đồng hồ.

“Này mấy đứa, đến đúng giờ đài Tiếng nói Hoa Kỳ rồi đó” mắt chị mở lớn “Ra, chiếc radio đâu rồi?”

Chị Ry và tôi bật dậy khi chị Ra chỉ chiếc radio để gần mấy cái vali quần áo.

Chị Chea nói vẻ bồn chồn: “Athy, em chạy đi gọi Pa đi!”

Một phút sau tôi quay lui cùng với Pa, có cả Mak, anh Than, các cô, các chú, cả bà nội. Tất cả chen chúc nơi cửa phòng. Chea đang lóng ngóng tìm tần số của đài Tiếng nói Hoa Kỳ. Có tiếng lách tách lớn.

“Achea, vặn âm thanh nhỏ lại” Pa nói, mày nhăn tít.

Điệu nhạc Mỹ bằng kèn đồng vang ra – bài nhạc chính của đài Tiếng nói Hoa Kỳ.

“Đây là đài Tiếng nói Hoa Kỳ ở Khmer” Giọng nam báo hiệu bằng tiếng Anh, rồi tiếp theo là giọng nữ nói bằng tiếng Cambodia “từ thành phố Washington. Tôi là...Thưa quý vị, xin lắng nghe những biến cố vừa xảy ra tại Cambodia...”

Thoạt tiên tôi cảm thấy dễ chịu nghe giọng nói này, vì cô ta nối kết chúng tôi với thế giới bên ngoài, khai mở các sự kiện, hay những gì mà đài phát thanh tuyên bố là đã xảy ra. Nhưng cái cảm giác nhẹ nhõm này rất ngắn ngủi. Tôi lo lắng khi thấy Pa chau mày. Rồi tất cả mọi người – chị Chea, chị Ra, các thím, các chú – tất cả đều có vẻ lo âu buồn bã. Họ đưa mắt liếc Pa khi nghe ông thở dài. Ông như cái hàn thử biểu đo nỗi lo sợ của chúng tôi.

“Achea, tắt máy đi” Mak ra lệnh “Chúng sẽ nghi ngờ chúng ta đấy”

Chị Chea liếc mắt nhìn Mak nhưng tay vẫn không nghe lời. Mak bèn bước tới trước chiếc radio với tay định tắt.

“Khoan đã” Pa kêu lên, lấy tay chặn Mak lại.

Rồi cái đầu của Kong Houng từ ngoài cửa thò vào. Ông nội hốt hoảng thì thào “Có một người đang đứng dưới nhà lắng tai nghe đó. Anh ta đứng ngay phía dưới căn phòng này” Ông chỉ, chọc xuống sàn nhà có nhiều lỗ hở rộng “Đó là một tên chhlop [1]. Con phải cẩn thận”.

Pa quay người về phía ông nội, Mak bèn vội vã với tay tắt radio. Bà làm chúng tôi đứt đoạn với thế giới bên ngoài nhưng lại nối kết chúng tôi bằng chiếc mặt nạ của nỗi sợ hãi trên mặt. Chỉ đến lúc đó cha tôi mới hiểu hết những điều ông nội tôi vừa nói.

Ngày hôm sau một cán bộ Khmer Đỏ đến tịch thu chiếc radio, chẳng cần đưa giấy tờ hay đeo phù hiệu gì cả, chỉ cần bộ đồng phục đen đủ biểu hiện cho quyền lực rồi. Ông ta bảo cái máy này bây giờ thuộc về Công xã. Tất cả những gì tôi hiểu được là nỗi sợ hãi. Vào ban đêm, sợ cái ông chhlop nghe trộm, tôi không dám mở miệng nói chuyện với mấy chị, dầu chỉ thốt ra một

vài tiếng như “Đưa em cái chăn”, như thể chỉ cần thì thầm bất cứ điều gì cũng đều gây nên phiền phức hay tai hoạ.

Ban đêm, tôi nhấc chiếc nệm ngay chỗ nằm lên, nhìn xuyên qua các kẽ hở của tấm ván sàn để xem có chhlop đang lẩn quất dưới gầm nhà như một con ma hay không. Khá chắc, tôi thấy một bóng người đứng trong một góc tối của căn nhà, ngay dưới phòng ngủ của chúng tôi. Tôi sợ quá, buông vội tấm nệm xuống, rụt người lại như thể vừa chạm ngón tay vào thép bỏng. Tôi rúc sát vào người chị Chea.

Sau khi chúng tôi đến đây một vài ngày, lãnh đạo Khmer Đỏ của làng Year Piar – trước đây từng là công nhân hay tá điền của ông bà tôi – ra lệnh cho cha tôi và các chú phải đi làm việc nhân danh Angka Leu. “Văn phòng” của Pa bây giờ là một cánh đồng trống. Một cái cuốc, một cái rổ tre và cái đòn gánh thay cho bút giấy. Họ ra lệnh cho những người đàn ông mới đến đi đào đất để xây các con kênh dẫn nước mà chẳng trả tiền công gì cả, để thúc đẩy cuộc cách mạng tiến lên.

Sau bữa ăn tối, một cơn gió mát khiến đại gia đình và tôi tới ngồi trên tấm phản bằng gỗ sồi thật nặng – vừa mới mang từ bên ngoài vào, ngay từ cầu thang lên. Cả ngày chịu sức nóng và công việc ngoài đồng, mấy người đàn ông bây giờ tìm cách xả hơi, cố đón lấy cơn gió mát như thể người sắp chết khát đón một bát nước.

Chính ở đây mà Pa chia xẻ tư tưởng và tình cảm của mình về ngày đầu tiên ông lao động cho Khmer Đỏ. “Bọn này cam hết cả rồi” ông lắc đầu thốt lên “Chúng sử dụng người có học để đi đào đất, loại công việc để cho những người không có học làm”.

“Trong thời này” ông vừa nói vừa toét miệng cười “tất cả những gì mình cần để thi đậu là biết cách đào đất”.

Một trong số chúng tôi tham gia bằng cách cười vang.

Mak đưa mắt nhìn quanh “Bố chúng mày nói năng thật vô ý tứ”, bà báo động “Nếu họ nghe được những gì bố nói, chúng ta sẽ bị phiền phức đấy. Đùa mà không nghĩ gì cả”. Mak nhìn Pa bằng một cái nhìn phản đối nghiêm khắc. Mọi người đều biết điều đó có nghĩa là gì.

Lời của Mak làm nụ cười của chúng tôi tan biến. Pa đưa mắt nhìn quanh “ Chúng ta đừng nói chuyện nữa” ông nói nhỏ “Thời này vách có tai đấy”.

Khmer Đỏ, nguyên là bóng ma của rừng rậm, giờ đây dường như ở khắp mọi nơi. Chúng giống như ruồi bay quanh chúng tôi, ở khắp nơi nhưng lại vô hình. Chúng giống như cơn gió thổi tung tàu lá chuối, không thấy được nhưng đầy quyền lực.

Angka bây giờ là ông chủ của số phận chúng tôi. Sáng hôm sau Khmer Đỏ ra lệnh cho chúng tôi tham dự một cuộc mít tinh. Mít tinh đón chào “con người mới”, chúng tôi được bảo như vậy. Là những người mới đến, phần lớn gia đình chúng tôi phải tham dự, ngoại trừ Mak phải ở nhà

để trông nom Vin, Map và Avy.

Chúng tôi ăn mặc như đi lễ chùa hay đi học. Tôi nắm tay cha tôi đi bộ đến dự cuộc mít tinh. Pa mặc áo sơ mi tay ngắn, quần tây, còn tôi thì mặc đồng phục học sinh. Đi chừng bốn dặm, chúng tôi đến một cánh đồng rộng, trống trải, có đầy người mặc y phục mùa xuân, họ không phải là người làng địa phương. Có đến hàng trăm người, tất cả đều ngồi chồm hổm hoặc ngồi bệt lên tấm vải hoặc tấm nhựa trải trên đất. Tất cả chúng tôi đều như những đứa trẻ lạc bầy ăn mặc tề chỉnh, ngạc nhiên thấy mình ăn mặc quần áo đẹp vào chỉ để được ngồi trên đất bụi.

Tôi lay tay cha tôi “Pa, xem người ta ngồi trên đất kia!”

“Pa biết” .

Khối người ngồi trên đất lổm chổm như nấm rơm này thu hút sự chú ý của chúng tôi. Ánh nắng mặt trời chiếu gay gắt khiến chúng tôi loá mắt, phải lấy tay che trên mắt, trông giống như đang đưa tay chào vẫy. Tôi nhìn sững cái khối người đó, đưa mắt quét đi quét lại nhiều lần toàn cảnh như một cái máy quay phim quan sát, cố chụp ảnh những kẻ lạ. Ngay cả trong những trong những giấc mơ hoang dại nhất của mình, tôi cũng không bao giờ hình dung nổi một cuộc mít tinh như thế này, một cuộc tụ tập ngu ngốc, man dã như thế này, như một cuộc hành trình đi ngược lại thời gian về quá khứ vậy.

Tôi đưa mắt liếc nhìn Pa. Tại sao chúng tôi phải ngồi bệt xuống đất và vâng lời Khmer Đỏ?

Chúng tôi không thể chỉ tuân lời chúng. Chúng tôi không thể để cho chúng thiếu tôn trọng chúng tôi như vậy. Tự sâu trong lòng tôi bùng lên một ngọn lửa. Tôi có cảm giác rằng nếu tôi ngồi xuống, tôi đã đầu hàng bọn Khmer Đỏ mãi mãi. Tự trong lòng mình, tôi la lớn, các người không thể bảo ta phải nghĩ gì!

Lần đầu tiên tôi giận dữ và thách đố bọn Khmer Đỏ, những kẻ đã đeo gót đời sống của tôi cũng như của gia đình tôi. Tôi không còn thấy buồn và sợ hãi nữa. Giờ đây tôi đã biết mùi vị của giận dữ, vì tôi biết tôi không muốn rơi vào cái vòng xoáy của tâm tối, không lý trí, tuy nhiên tôi vẫn bị nó nuốt chửng.

Đứng sau cả một dặm người, Pa ngồi xuống trên gót chân, còn tôi đứng bên cạnh ông. Cả gia đình tôi cũng ngồi chồm hổm xung quanh. Pa bảo tôi ngồi xuống, tôi trả lời chỉ bằng một cái lắc đầu mạnh mẽ.

Con không muốn làm bẩn áo quần, con không muốn nghe chúng, con không thích chúng. Con giận dữ sôi lên sùng sục trong người tôi. Từ trong thâm tâm, tôi muốn báo cho cha tôi biết khi tôi bước bình đứng trước cái sân khấu tạm thời, liếc mắt nhìn bọn Khmer Đỏ trong bộ đồng phục màu đen ngu xuẩn, chân đi những đôi dép cao su xấu xí. Tôi càng căm ghét cuộc cách mạng lạc hậu của chúng chừng nào vì nó đe dọa cuộc sống an toàn của tôi, thì tôi càng căm ghét cái sân khấu của chúng hơn nữa. Đó là một cái sân có mái che màu xám, có hai cái xà phía

trước, mỗi bên treo một cái loa phóng thanh hình quả chuông. Trông giống như bàn thờ ảo của quyền lực.

Cuối cùng loa phóng thanh cũng gào lên the thé, tiếp theo là giọng ra lệnh của một người đàn ông “Các đồng chí, bây giờ chúng ta bình đẳng, không còn có người giàu, người nghèo. CHÚNG TA BÌNH ĐẲNG. TẤT CẢ CHÚNG TA ĐỀU MẶC ĐỒNG PHỤC MÀU ĐEN!”.

Đen? Tôi nhìn áo quần mình rồi lại nhìn Pa, miệng ông vỡ thành một nụ cười.

“Chúng ta chống “đế quốc Mỹ” với hai bàn tay không, và đã chiến thắng họ. Chúng ta dũng cảm...Chey yo (hoan hô) Cambodia Dân chủ, chey yo, chey yo...Para chey (đả đảo) bọn đế quốc Mỹ, para chey, para chey.”

Vì chúng tôi là những con rối của Khmer Đỏ nên chúng tôi cũng làm như vậy, gào lên “chey yo” và đưa nắm đấm lên trời, rồi “para chey” với nắm tay dứ xuống đất.

Ngay cả chỉ mới chín tuổi đầu, tôi đã nhận ra rằng cuộc mít tinh này là gian trá. Làm thế nào mà những lãnh đạo Khmer Đỏ đó mù quáng nói những điều mà nhiều người trong số chúng tôi, kể cả trẻ con, đều biết là gian trá? Ý định của chúng là gì?

Sau vài tiếng đồng hồ lắng nghe những bài hát vô hồn dưới ánh nắng mặt trời oi bức, tôi chỉ biết một điều là mình cảm nhận một mầm mống thách đố bật lên từ trong thâm sâu của lòng mình. Suốt thời gian đó, tôi nhất quyết không sụm xuống đất vì mỏi chân. Đó là một thái độ chống đối nhỏ, nhưng rất quan trọng.

Ngày hôm sau cơn suyễn của tôi trở lại. Như mọi khi – Pa là bác sĩ của tôi – ông luôn ở đó vì tôi, kiểm soát hơi thở của tôi, lắng nghe phổi tôi, cố làm cho tôi khá hơn khi ngực tôi phồng lên xẹp xuống, cố hít lấy không khí. Đêm đến, trước khi đi ngủ, Pa lại áp tai vào ngực lắng tai nghe hơi thở mệt nhọc của tôi một lần nữa, rồi cho tôi thêm thuốc uống. Bao giờ cũng vậy, Pa luôn có cách sắp xếp mọi thứ. Pa thật là một người cha tốt. Ông cười ấm áp rồi nói “Koon, khi thuốc của con hết, đừng bệnh nữa, nghe?”

Tôi nhìn vào mắt Pa và hiểu ông muốn nói gì.

Từ khi tôi bị bệnh, Pa để tôi ngủ bên ngoài, dưới cầu thang. Tôi nằm trên tấm phản gỗ sồi, chen giữa ông và Kong Houng. Tối hôm sau khi tôi bắt đầu ngủ, tôi nghe tiếng ông gọi tên tôi và tay ông chạm nhẹ lên mặt tôi.

“Athy, koon, có khó thở không? Nếu con muốn thì ngồi thẳng lên”.

Tôi mở mắt và thấy bóng Pa bên cạnh tôi. Ông vỗ đầu tôi rồi đặt tai áp vào bộ ngực đang khò khè của tôi cố nghe tiếng phổi. Biết có Pa ở gần, tôi rên lên một tiếng chỉ để cho ông biết tôi đã nghe ông rồi tôi nhắm mắt lại. Khi tôi mở mắt ra, Pa đã đi đâu mất, và tôi chìm trở lại trong giấc ngủ bồn chồn.

“Xin mời ngồi. Xin mời” tôi nghe một giọng nói.

“Vâng, vâng” ba giọng nói khác đồng loạt trả lời.

Tôi mở mắt ra và kia, đối diện với tôi nơi mép tường kia của tấm phản là hai người đàn ông và một người đàn bà mà tôi chưa từng gặp. Cả ba đều mặc đồng phục đen, cổ quần khăn rằn màu trắng đỏ. Đón họ chính là Kong Houng, mà giọng nói tôi nghe thấy đầu tiên khi mở mắt. Ông ngồi bên cạnh tôi, một ngọn đèn dầu mờ để bên cạnh. Sợ hãi và lo lắng tôi ngồi bật dậy. Tôi nhìn thấy Pa đang đi từ trên thang xuống.

“Pa!” tôi kêu lên, người tôi run và nóng.

“Cứ ở yên đó, Pa đến đây”

Sau khi chào mấy người lạ, Pa ngồi xuống gần tôi, cạnh ông nội, đối diện với khách, chân xếp trên tấm phản. Ông đưa tay vỗ nhẹ lên đầu tôi và bảo tôi tiếp tục ngủ. Tôi vâng lời và nhắm mắt, nhưng tôi không thể nào ngủ lại được nữa. Ba người này đến gặp Pa để hỏi nhiều câu hỏi liên quan đến chú Seng hiện đang ở đâu và nghề nghiệp trước đây của Pa cũng như của chú Serg và chú Sorn. Tôi nằm đối diện với họ, cuối cùng hiểu được mục đích của cuộc gặp mặt này.

Kong Houng đã báo trước cho Pa và các chú của tôi về những người ở địa phương muốn gặp họ. Trước đây thì đó là chuyện bình thường, hàng xóm láng giềng gặp mặt nhau vậy thôi. Nhưng bây giờ điều này có vẻ là điềm xấu. Những người này không phải là khách thăm mà là những người thẩm vấn. Họ nhìn chằm chằm, trực tiếp như muốn đốt cháy Pa – một tiếp xúc bằng mắt khắc nghiệt không thường thấy trong văn hoá ứng xử của người Cambodia – trong khi Pa vâng lời giải thích về những công việc đã làm và những công việc trước đây của các chú. Khi Pa vừa nói xong, người phụ nữ đột ngột tấn công, hỏi Kong Houng về chú Seng “Thế người con trai kia của ông hiện ở đâu? Cái người lái máy bay ấy?”

“Tôi không biết tại sao thằng Seng lại không về nhà. Hầu hết các con tôi và con cái của chúng đều về đây hết cả” Kong Houng nói, nhỏ nhẹ và có vẻ thật sự ngạc nhiên. Ông quay sang Pa và nói “Atidsim bảo rằng rằng chúng rời nhau trên đường về đây. Tôi cũng chẳng biết gì khác để nói với quý vị”.

Pa bèn lao vào cứu nguy. Ông giải thích rằng chú Seng tách khỏi chúng tôi trong lúc tháo chạy hỗn loạn ra khỏi Phnom Penh và thất lạc nhau trong những ngày cuối cùng đó. Đó là lời nói dối duy nhất của Pa.

Ông bảo rằng chúng tôi đã cố chờ chú Seng nhưng mãi không thấy. “Tôi nghĩ nó có thể tìm đường tới đây, vì thế sau khi lạc nó chúng tôi vẫn tiếp tục đi. Tôi chẳng biết tại sao bây giờ nó vẫn chưa đến đây. Tôi hy vọng nó đến để gặp đông đủ bà con họ hàng” Cha tôi trả lời nhã nhặn và thuyết phục.

Câu chuyện Pa dựng lên bỗng dừng làm tái hiện trong tôi những ký ức về ngày chú Seng rời

nhà và sự bất lực của Pa khi ông đứng nhìn chú bỏ đi. Khi tôi nhìn những người Khmer Đỏ trước mặt, những lời nói cuối cùng của chú Seng hôm đó lại hiện ra trong trí tôi “Bọn Khmer Đỏ là kẻ thù thứ nhất của em. Em không thể ở lại để nhìn mặt chúng”. Đây chính là quyền năng thú vị của trí óc. Chúng không thể ngăn chặn được tư tưởng không nói ra thành lời của tôi. Chúng cũng không thể thẩm vấn ký ức tôi.

Một ngày khác, lại một điều mới để học hỏi. Vì bây giờ không có chợ búa chúng tôi thường xuyên phải ứng biến với tình thế. Đây là Trật Tự Thế Giới Mới vô vọng, cách của Khmer Đỏ. Chị Ra và Ry được phái ra hồ để bắt cá nấu canh ăn hàng ngày. Chúng tôi không hề có lưới bắt cá thích hợp, cho nên Mak đề nghị họ dùng vải mùng thay cho lưới. Lần đánh cá duy nhất họ đã làm để chơi là ở Takeo, lúc đó họ dùng dây gấc và lưới câu quăng xuống nước để bắt những con cá bạc gần nhà chú tôi. Việc này chỉ có một khó khăn lớn nhất là cầm giun. Bây giờ việc các chị làm là đi bộ qua hồ với miệng lưới mở rộng quét trong nước để bắt cá và các đồ phế thải.

Khi tôi đã khá hơn, tôi cũng được yêu cầu đi theo để giúp đỡ các chị. Tôi không muốn nhưng chị Ra và Ry bảo việc này rất dễ. Tất cả những gì tôi phải làm là mang một cái rổ đi theo hai chị bắt cá. Sáng hôm đó trời phủ mây, hơi lạnh. Chị Ra và chị Ry đứng trên bờ nhìn ra hồ, giờ đây thu nhỏ lại vì sức nóng của mùa hè, tự hỏi sẽ lội ra hồ như thế nào. Chị Ra và Ry hỏi nhau “Mình sẽ bắt đầu đi từ đâu?” Họ ngẩng nhìn mặt nước còn tôi thì ngẩng nhìn những chiếc lá màu xanh nhỏ nổi bông bênh trên mặt hồ, rồi vào các cây cỏ nước cao mọc ở giữa hồ và những cành cây khô nhô lên như những bộ xương. Bây giờ thì xem ra nhiệm vụ của tôi không còn dễ dàng nữa. Tôi sẽ phải theo hai chị lội ra giữa hồ và tôi rất hãi khi phải bước lên những vật mà tôi không thể nhìn thấy và còn sợ dẫm phải vào gai nữa.

Chúng tôi bắt đầu ở phía bờ thấp, nơi có nhiều cỏ nước cao. Nước mát lạnh và tôi nhón chân trần đi xuống. Có cảm giác thật lạ khi lòng bàn chân tôi chìm vào trong bùn, ép vào giữa các ngón chân giống như bột gạo nhão và mát. Tôi sợ đi xa hơn nữa nhưng vẫn phải đi theo hai chị, lúc đó đã bỏ xa lên phía trước, đang nhắc lưới lên trên đám cỏ nước. Chị Ra và chị Ry cố gắng một cách vụng về để hành động nhịp nhàng, quyết định khi nào thì hạ lưới xuống để bắt cá, khi nào thì quay lại. Giống như tôi, tính hai chị tuy câu nệ nhưng cương quyết. Hình như trách nhiệm để sống còn đè nặng lên tất cả mọi người.

Vào lúc đó tiếng của họ lặng đi và âm thanh duy nhất tôi nghe được là tiếng xì xụp của chân chúng tôi bước đi trong làn nước yên tĩnh, làm khuấy đảo lớp cặn từ đáy hồ lên như một vũ khúc điên rồ. Cũng như mấy mẩu cặn ở đáy hồ, tôi hầu như cảm nhận được sự va chạm ngẫu nhiên, cơn lốc xoáy chính trị tác động đến tất cả chúng tôi, huỷ hoại tương lai. Cũng như những mảnh cặn, tôi biết rằng đời sống không bao giờ rơi trở lại vào cái trật tự như trước nữa.

Và tôi bắt đầu học cách để sống còn, học bắt cá, từ con cá nhỏ xíu như cá cần đến con cá to

bằng trái dừa chuột. Tôi co rúm người lại khi những vật lạ, mảnh quét qua bàn chân. Bước từng bước một, tay mang thúng, tôi hồi hộp nhìn những con cá nhỏ lấp lánh, nhảy nhót trong lưới. Giữa lúc đang hồi hộp ấy, có con gì cắn vào chân tôi. Tôi nhấc chân lên và thấy một con vật đen mềm, to cỡ bằng trái đậu đũa đang bám vào dưới đầu gối tôi, thân mình cong lại thành một vòng hình bán nguyệt.

“Con gì bám vào chân em vậy?” Tôi tò mò hỏi chị Ra và Ry.

“Ôi chị Ra, con đĩa!” chị Ry kêu rú lên, líu lưỡi. Chị nhấc chân mình lên xem liên tục để có thấy con đĩa nào bám vào không.

Tôi bật ra một tiếng kêu dài “Ô!” ngay khi chị Ry vừa nói ra từ “đĩa”. Thật ra tiếng này không có nghĩa gì đối với tôi nhưng bộ mặt khủng khiếp của chị và cái điệu nhảy chơi chơi trong nước, dậm chân thành thịch giống như một đứa bé nổi cơn tam bành làm tôi sợ hãi. Tôi gào lên, dậm chân và tóe nước, nhảy lung tung như hình ảnh phản chiếu cơn động kinh của chị.

“Giúp em với! Lấy nó ra khỏi em đi!” tôi chạy về phía hai chị.

Chị Ry bèn bỏ chạy “Ái ái, đừng lại gần chị!” Chị Ry la lớn.

“Đừng cử động!” chị Ra hét “Đứng yên!”

Tôi vừa khóc vừa nhìn ra xa trong khi chị Ra dùng lưới lấy con vật đang hút máu ra khỏi chân tôi.

Sau cơn động kinh đó, chị Ra quyết định rằng chúng tôi đã đánh cá xong. Trên đường về lại nhà Kong Houng, tôi hỏi hai chị về loài đĩa. Các chị bảo cho tôi biết loài đĩa hút máu – máu người, trâu bò. Chị Ry cười, mặt đỏ bừng. Bây giờ chị vui khi nhớ lại vẻ ngu ngốc của tôi, vừa dẫm chân trong nước vừa gào đến rách phổi. Chỉ bấy giờ mới thấy vui. Tôi cũng tủm tỉm cười trước hình ảnh chị Ry cố chạy xa khỏi tôi ra. Giống như những cô học trò, chúng tôi cười vui trước sự ngốc nghếch, trước kinh nghiệm mới, trước cách sống mới của mình.

Giờ thì đã trở thành chuyện bình thường. Mỗi sáng, sau khi đánh cá xong, tôi ra rửa ráy ở ngoài giếng. Tôi đã học cách để không còn sợ giếng nữa. Tôi hạ chiếc gàu xuống rồi múc lên một lượng nước vừa với sức mình xách. Sau khi đánh cá rồi rửa ráy xong là tôi vội vã đi ăn sáng. Thường tôi ăn với Mak, các anh chị, các cô; Pa Kong Houng và các chú ăn riêng nhưng đôi khi phụ nữ trong nhà cũng ăn với họ.

Đã hai tuần kể từ khi chúng tôi bước vào cái thế giới lạ lẫm và cuộc sống mới này. Pa và các chú được yêu cầu đi báo cáo về “định hướng” của mình với Angka Leu. Người ta bảo rằng họ sẽ được học tập về chính quyền mới, và sẽ đi học tập trong một thời gian. Chính xác là bao lâu thì không ai biết. Họ sẽ phải đợi và có xe bò chở họ đi. Tin này làm mọi người bồn chồn và không ai nói nhiều về chuyện này. Giờ đây chúng tôi đã học được cách giấu nỗi lo âu của mình vào một góc thầm lặng của riêng mỗi người.

Buổi sáng đi “định hướng” cuối cùng cũng tới và tôi đã dự định cùng ăn sáng với Pa trước khi ông rời khỏi nơi đây. Dù ông không chia sẻ kế hoạch này với ai, tôi nghĩ rằng đó là một cách bày tỏ cho ông biết tôi sẽ nhớ ông đến chừng nào.

Đi bắt cá xong, tôi vào nhà bếp và đặt phần thức ăn kiếm được trong ngày bên cạnh lò. Tôi thất vọng thấy Pa đã ăn sáng cùng với các chú và ông nội. Âm thanh của muỗng, đĩa, bát chạm nhau. Mỗi người khi đưa muỗng lên miệng đều dăm dăm nhìn vào muỗng. Tôi cảm thấy được sức nặng của ý tưởng họ, dù không nghe họ nói gì. Dù ngồi cùng nhau họ trông thật cô độc, như là những người lạ chỉ vừa mới gặp mặt. Sự bất động của họ như một làn khí lạ thổi qua nhà, một nỗi buồn nặng nề đến nỗi nó toả ra như một làn khói dày khiến tôi ngạt thở. Đột nhiên tôi cảm thấy thật cô độc, như có ai lấy đi một cái gì đó ra khỏi người tôi vậy. Từ nhà bếp, tôi vọt xuống cầu thang chạy ra giếng. Tôi vội vã rửa qua loa nước bùn, nước hồ bám vào chân, rồi chạy trở lên nhà bếp. Mấy người đàn ông đã đi rồi, nhà bếp trống không. Tôi muốn đi tìm Pa, nhưng nghĩ mình còn thời gian xới một bát cơm chan với canh ăn cho đỡ đói. Với chén cơm trong tay, tôi vừa chạy tìm ông khắp nhà vừa đút cơm vào miệng. Nhưng tôi chỉ thấy Mak cùng các chị và các cô.

“Mak! Pa đi đâu rồi?” Tôi hỏi, lòng vô cùng sợ hãi.

“Họ mang xe bò đến đón Pa và các chú đi rồi” Mak đang ngồi trên s`nó nhà xếp quần áo, nói nhỏ.

Tôi ừa ra, xuống cầu thang, một tay cầm chén cơm, tay kia vịn vào tay vịn. Tôi muốn bắt kịp Pa, muốn thấy lại ông. Tôi chạy theo lối đi sau nhà, nhưng không tìm thấy ông đâu cả. Các chú tôi cũng ra đi rồi. Không nhìn thấy xe bò, cũng chẳng thấy ai cả.

Miệng tôi không còn nhai cơm, chỉ phát ra một âm thanh buồn bã vô hạn. Tôi chạy ra vườn chuối, rồi ngồi bệt trên nền đất. Chỉ một giây trước đây mình nhìn thấy Pa, vậy mà bây giờ Pa đã đi rồi! Tôi nức nở, úp mặt và nỗi thống khổ vào lòng hai bàn tay.

Rồi nhìn lên toàn là chuối, tôi van nài “Pa ơi, trở lại đi! Trở lại, Pa. Trở lại với koon của Pa đi...” Trong từng hơi thở, tôi đều cầu xin cho Pa trở lại. Không, còn quá sớm mà! Pa đi quá sớm. Pa không đợi con. Không, đừng đi.

Tôi chưa bao giờ thấy đau đớn đến thế trong thân thể của mình. Cả ngực. Cả mắt. Cả cổ họng. Nỗi đau phủ khắp mọi tế bào, chạm đến mỗi chân tay, mỗi bộ phận trong người. Trước đây Pa chưa hề rời tôi lấy một ngày. Chưa bao giờ. Thế mà giờ đây ông đã đi khuất, và trong trực giác sâu thẳm tôi biết có một điều gì đó không ổn.

Cùng với nỗi buồn là những cảm xúc thất vọng và phẫn nộ. Dầu chỉ mới lên chín tôi đã thấy giận dữ điên cuồng bọn Khmer Đỏ vì đã đem cha tôi đi mất. Tôi trút cơn giận vào các tàu lá chuối: tôi xé nát những lớp vỏ mỏng như giấy nơi thân chuối, vạt đi rồi dùng nắm tay dăm liên

hồi vào thân cây. Tôi điên lên vì Khmer Đỏ. Tôi khóc đến cạn nước mắt cho đến khi người tôi rã rời vì mệt. Tôi dựa vào cây chuối mà tôi vừa mới hành hạ, đầu gục xuống trên đầu gối. Tôi cảm thấy hoàn toàn trống rỗng.

*

Nhiều ngày trôi qua kể từ Khmer Đỏ đem Pa và mấy chú của tôi đi. Tôi đã đếm từng ngày cho đến khi cha tôi trở về, cẩn thận ghi bằng giấy bút. Tôi gạch bút lên cuốn lịch riêng, ghi những ngày không có ông. Mak bảo tôi là một tháng, đó là điều Khmer Đỏ nói với bà. Hàng ngày tôi ra sau vườn cây, đứng khóc một mình và gọi Pa. Giống như mặt đất thiếu mặt trời, tôi trôi dạt trong bóng tối, nghĩ về Pa, tự hỏi ông đang ở đâu, đang làm gì. Pa có nhớ đến chúng tôi, nhớ đến tôi không.

Khi ánh mặt trời đã đầu hàng bóng tối, tôi vẫn nghĩ về Pa. Tôi không còn sợ cái gã chỉ điểm núp dưới sàn nhà tôi nữa. Tôi ngồi lên chiếc xe gắn máy của Pa vẫn để dưới gầm nhà nơi gã chỉ điểm thường núp để nghe trộm chúng tôi. Nắm lấy tay cầm bọc cao su đen, nơi còn in dấu tay cuối cùng của Pa, tôi lại trở về cái thế giới như khi Pa còn ở với chúng tôi. Đau đớn, tôi đi ngược lại thời gian, trở lại cái quá khứ khi cặp mắt ướt của tôi cứ dăm dăm nhìn vào bảng chỉ tốc độ nơi xe, cái kim màu đỏ rục chỉ nơi số không.

Tôi hồi tưởng về thời gian đẹp đẽ xưa kia, khi Pa dẫn chúng tôi đến tiệm ăn và đến cung điện nơi gia đình hoàng gia sống. Tôi nhớ những đêm ở Takeo. Pa đánh thức mọi người dậy để ăn món bánh mì kẹp pa tê. Ông bế tôi từ giường ra bàn ăn. Ông đút cho tôi cho đến khi tôi tỉnh hẳn, tôi mở mắt ra để nhìn thấy một đĩa lớn đầy thịt, dưa chuột và bánh mì Pháp ở trước mặt. Kỷ niệm trong tôi lên tiếng cho đến khi nó làm cho tôi đau đớn. Cho đến khi tôi sụp đổ.

“Athy, tại sao em khóc? Em không sao chứ?” Chị Chea đến cứu tôi.

“Chị Chea, em nhớ Pa. Em nhớ Pa lắm”.

“Nín đi, p’yoone srey, chị cũng nhớ Pa như em vậy”.

Chị vói tay ôm lấy tôi, kéo tôi vào lòng. Trong vòng tay chị, tôi càng khóc dữ hơn, buông xả hết mọi nỗi đau đớn lâu nay tôi vẫn giấu kín trong lòng trước gia đình. Chị Chea siết tôi thật chặt. Tay chị xoa xoa đầu tôi, và sự đụng chạm nhẹ nhàng ấy làm dịu nỗi đau trong tôi. Nó làm tôi ngủ được, nằm cạnh các chị tôi, tay ôm cứng chiếc áo sơ mi của Pa. Tôi vừa ôm lấy ông trong tâm trí vừa hít lấy mùi của ông từ chiếc áo. Tôi hít sâu – tôi yêu Pa – những tiếng tôi chưa bao giờ thật sự thốt ra khỏi miệng. Tôi nhớ Pa như nhớ một mảnh của thân thể mình. Rồi tôi bỗng bình thản đi.

Một tháng đã trôi qua, Pa vẫn chưa về. Bây giờ thì Khmer Đỏ triệu tập Mak dự cuộc mít tinh với những người phụ nữ khác cũng có chồng bị đem đi xa. Trong cuộc họp, Khmer Đỏ hỏi mọi

người phụ nữ ở đó có muốn đến chỗ chồng của họ để cùng làm việc ở đó trong một “văn phòng” không. Tất cả những người kia đều trả lời có. Ai lại không muốn ở cùng với chồng? Nhưng Mak thì không. Bà trả lời với Khmer Đỏ rằng bà muốn ở lại trong làng và làm việc cho Angka Leu hơn. Đúng ra đáng lẽ Mak đã nói ngược lại nếu không vì Som, người phụ nữ có chồng trước đây làm công cho Kong Houng trước khi Khmer Đỏ “giải phóng” Year Piar. Som đã bí mật đến gặp Mak ngày trước cuộc mít tinh và dẫn bà phải nói như thế nào. Mặc dù bà Som không nói lý do nhưng Mak vẫn nghe lời, lập lại đúng lời bà ta dặn trước lãnh đạo Khmer Đỏ. Trực giác của Mak khi tin vào lời của bà Som đã cứu cả gia đình chúng tôi. Ngay sau đó những người phụ nữ tình nguyện đi theo chồng được mang đi ngay.

Mấy ngày sau, đi trong làng, Mak thấy một người đàn ông mặc chiếc áo sơ mi của Pa – chiếc áo màu kem, ngăn tay với một túi áo ở phía trước. Nơi ngôi làng nghèo khổ này, một chiếc áo sơ mi văn phòng đơn giản cũng nổi bật. Không hề sợ hãi, Mak đi theo người đàn ông đó và đòi hỏi ông ta phải nói cho bà biết ông ta đã lấy chiếc áo đó từ đâu. Bối rối vì chạm trán Mak đột ngột, ông ta ấp a ấp úng rằng áo ấy do người ta phân phối cho ông. Mak điên lên vì cái ý nghĩ rằng người ta đã phát tán áo quần đồ đạc của chồng mình. Tuy nhiên, cố nuốt cơn giận, bà đi đến nhà bà Som để biết sự thật. Mak nghĩ rằng bà Som biết vì chồng bà là một trong những người địa phương giờ đây đang làm việc cho Khmer Đỏ, những người đã mang Pa và các chú đi “định hướng”.

Bà Som nói nhỏ và khẩn cấp cho Mak, sau khi yêu cầu Mak hạ giọng thật thấp. Trong túp lều chỉ được soi sáng bằng ánh nắng mặt trời xuyên qua kẽ vách, bà thì thào kể cho Mak nghe điều gì đã xảy ra cho Pa – sự thật làm lay động đến cốt lõi cái tâm hồn vốn đã khô héo của Mak. Pa, chú Serg, chú Sorn và những người đàn ông khác thật ra không được mang đi “định hướng” gì cả. Họ bị mang đến một cánh đồng xa ngoài làng Year Piar để hành hình. Đến nơi, họ bị lôi xuống khỏi xe và bị bắt buộc đào mộ cho chính mình. Sau khi đào xong, cán bộ Khmer Đỏ trói chặt họ lại rồi giết mỗi người bằng một nhát cuốc. Thân xác họ được xô xuống những cái hố họ đã đào sẵn.

“Chồng chị chống cự lại khi bị trói” bà Som thì thầm. “Ông gọi chúng là dối trá, phản bội. Thế là họ giết ông ngay tức khắc”.

Máu dồn cả lên mặt Mak, như nung nấu bởi đau khổ và giận dữ. Những phụ nữ muốn được làm việc cùng chỗ với chồng, ra đi cùng với con cái và cha mẹ đều bị hành hình. Thân thể họ được vùi trong cánh đồng trống, nhưng những đồ đạc cá nhân của họ được mang trở lại Year Piar để phân phối cho dân làng, đồ đạc của Pa cũng như của các chú tôi cũng vậy. Sở hữu của người chết được truyền lại như một phần thưởng khủng khiếp cho người sống.

Mak về nhà và lập tức kể hết cho chúng tôi nghe. Mẹ trấn tĩnh, thuật lại tin xấu một cách cẩn

thận. Mẹ không lộ ra nỗi đau, không gào khóc, ngay cả trong gia đình. Giống như các tình cảm khác, nỗi đau này phải được giấu kín. Mak báo tin này cho các con bằng một giọng nhẩn nhục, chịu đựng và nói rằng do Som đã kể lại cho bà nghe. Nghe xong, không ai hỏi gì thêm, và riêng tôi, một cách thần thờ, tôi không hề thấy ngạc nhiên.

Nhưng trong tôi, những câu hỏi bùng dậy. Hỗn loạn hơn là giận dữ. Pa đã làm gì để bị giết như vậy? Ông đã không bao giờ là gì khác hơn là một người cha chăm chút, một người chồng có trách nhiệm và một người con tận tụy. Nhớ như vậy, thoát tiên tôi bối rối vì việc giết người vô nghĩa này hơn là thấy buồn. Trong thời đại này, mọi luật lệ đều bị vặn vẹo: có giáo dục là một tội lỗi, sự thành thật không được trả giá. Vậy cái gì sẽ được trả giá? Tôi tự hỏi. Và tôi tự trả lời lấy câu hỏi này. Tôi nhớ một câu ngạn ngữ Cambodia mà tôi nghe người lớn khi nói chuyện với nhau thường dẫn “Đừng bỏ cuộc trước con đường quanh co, nhưng cũng đừng giẫm lên con đường thẳng”.

Mak đã giẫm lên con đường quanh co và đã nói dối bọn Khmer Đỏ. Thái độ yêu nước giả tạo của Mak do gợi ý từ lời mật báo của Som đã cứu cả gia đình chúng tôi. Mặc dù sợ hãi và bây giờ bà theo Khmer Đỏ, bà Som vẫn còn có tình người, vẫn còn trung thành với Kong Houng, người chủ cũ của bà, và vì thế, vẫn còn giúp cho gia đình, cho con và cháu của ông.

Bọn Khmer Đỏ trong làng còn muốn gặp Yiey Khmeng, mẹ của Pa, để thẩm vấn bà những điều liên quan về chỗ ở của chú Seng. Để chuẩn bị trước, cả bà, Kong Houng, Mak và các thân nhân khác đã thảo luận Yiey Khmeng nên nói với chúng như thế nào. Dẫu sao đã ở trong luật lệ của chúng, chúng tôi vẫn phải tìm cách để sống sót qua trò chơi sinh tử này. Lệnh Khmer Đỏ triệu tập Yiey Khmeng khiến cho Kong Houng nổi giận “Tao đã trả lời cho họ về thằng Seng rồi, cả Atidsim cũng đã trả lời rồi. Bây giờ họ còn muốn gì nữa? Bọn này thật không hiểu nổi”.

Yiey Khmeng trở về sau cuộc thẩm vấn, bà run rẩy, kích động và rã rời. Bà chậm chạp thì thào “Họ hỏi tôi vô số câu hỏi. Một người hỏi xong, các người khác tiếp tục thẩm vấn. Họ luôn miệng hỏi Seng bây giờ ở đâu. Một người trong số họ thậm chí còn gọi tôi là Mae [2]. Hẳn bảo, Mae, con trai má hiện giờ ở đâu, trước đây anh ta làm gì trong thành phố. Và hẳn còn chầm chọc, Mae hãy bảo cho Angka Leu biết hẳn đang ở đâu và hẳn đã làm gì – nếu má không muốn con trai má vào nằm trong thùng xăng. Má có muốn con trai vào nằm trong thùng xăng không Mae?”

“Tại sao họ cứ hỏi những điều đó?” Bà nói tiếp “Những người đó thật ác. Tôi chỉ bảo họ rằng tôi không biết Seng đang ở đâu hay nó đã làm gì. Tất cả những gì tôi biết trước đây là thấy nó cắp sách đến trường hàng ngày. Thế là một người trong số họ nổi giận và nói “Bà là loại người mẹ gì vậy? Bà không biết con bà làm gì à? Đồng chí, bà nói láo! Thôi đừng hỏi thêm bà ta làm gì nữa, khi con trai bà ta có mặt tại đây, cứ bỏ hẳn vào thùng xăng là xong!” Nói xong hẳn dừng

đùng đi ra khỏi căn lều. Mấy người đó thật là ác!”

Yiey Khmeng thở dài, cúi mặt dăm dăm nhìn xuống sàn nhà.

Im lặng. Quyền lực đen tối của Khmer Đỏ đã khiến cho chúng tôi câm lặng, làm cho chúng tôi thành hoang tưởng. Cúng tôi đã học cách vừa đi vừa nhìn ngoái lui xem có tên chhlop nào đi theo không. Điều đó chẳng bao lâu trở thành như bản năng thứ hai vậy. Cái cộng đồng đại gia đình tụ họp về đây của chúng tôi con số lên đến 43 người. Tất cả phần lớn sống nhờ vào vườn cây của ông nội tôi, mà bây giờ nó cũng đã bắt đầu mang dấu hiệu khai thác của chúng tôi; chuối trụi hết thân và lá, đu đủ và dứa cũng bị chén sạch. Thế mà chúng tôi vẫn phải tìm cái ăn để sống sót.

“Athy, con có muốn ăn armmiage dầm muối không?” Một ngày nọ Mak hỏi tôi, tinh thần có vẻ rất phấn chấn.

“Ồ, Mak, con thích ăn armmiage dầm muối với cá nướng lắm. Thật ngon, phải không Mak?”

Miệng tôi ứa nước bọt khi nghĩ đến món đó, armmiage là một loại cây cải màu xanh giống như cải xoong.

“Con có muốn đi hái cây này để Mak dầm muối cho con ăn không? Cây này mọc hoang dọc lối đi bên cạnh nhà người ta đấy. Hôm qua lúc đi làm, mẹ có hái một ít. Nó trông như thế này này. Giờ con đi hái nó cho mẹ”.

Tôi hăm hở nhờ mẹ tôi cho cái gì đó để tôi bỏ armmiage vào. Mak bèn thắt nút lên hai đầu của chiếc khăn rồi choàng qua cổ tôi tạo thành hai cái túi. Bà đưa cho tôi một cây armmiage để tôi đem theo phòng khi tôi không nhớ hình dáng nó ra sao. Từ nhà này sang nhà khác, tôi quan sát mọi cây cỏ mọc trên lối đi hay trong sân nhà. Mak nói đúng khi bảo rằng có nhiều cây armmiage mọc hoang. Cây này mọc khắp nơi, dọc đường đi hay trước nhà người ta. Sau khi hái một mẩu, tôi nhìn lên và thấy còn nhiều cây này mọc trước mặt, một số mọc thành bụi, một số mọc rải rác. Cả hai túi đều đầy, nhưng tôi vẫn còn tiếp tục hái. Tôi biết thứ này rất ngon một khi đem ngâm muối để ăn.

Tôi đang cúi mình bên vệ đường cạnh một góc căn nhà nọ thì nghe một loạt âm thanh giọng nói của phụ nữ.

“Còn ai thả bom nữa? “ Một giọng giận dữ lên tiếng. “Chính là hấn, Aseng thả bom chứ còn ai. Chính gia đình chúng ta, con cái chúng ta đã bị hấn giết một cách man rợ. Khi nào hấn về đây, ta sẽ tra tấn hấn để cho hấn biết mùi đau khổ”.

Giọng nói giận dữ của bà ta khiến tôi ngược nhìn lên. Tên mà người đàn bà kia thốt ra nghe quen thuộc, tôi nhận ra họ đang nói về chú Seng của tôi. Người phụ nữ đưa ra những nhận xét giận dữ đầu tiên là Yiey Chea, người phụ nữ mà sau đó tôi tìm ra là có bà con với chúng tôi – bà ta thật ra là cô của chú Seng. Khi tôi gặp bà lần đầu tiên, tôi thấy bà dễ thương và bà tỏ ra thân

thiện với Mak. Bây giờ tôi thấy ngạc nhiên và sợ hãi do vẻ ác độc trong giọng nói của bà và của những người kia. Nhưng điều đó cũng dễ hiểu vì Khmer Đỏ đã hoạt động, khiến cho gia đình này chống lại gia đình kia nhân danh Angka Leu.

“Cũng chẳng cần tốn nhiều sức để giết hẳn. Mỗi người trong bọn ta cứ đá lên đầu hẳn là hẳn sẽ chết ngay!” Một người đàn bà già hơn cất giọng chua cay với bước xuống bậc cấp dốc đứng như thang trước nhà.

Có mười lăm phụ nữ tuổi trạc năm mươi, sáu mươi mặc quần áo đen đi ra khỏi nhà. Có vẻ như họ vừa có mít tinh xong. Tôi thấy sợ Yiey Chea, sợ bà ta nhận ra tôi và buộc tội tôi gián điệp. Với hai chiếc túi đầu rau nặng gầy cổ, tôi bước ra xa, cố tỏ ra bình thường khi ngấm lại tất cả những điều họ vừa nói.

Thả bom thân nhân bà con mình? Tôi suy nghĩ. Chú Seng đâu có thả bom, chính là B-52 đấy chứ. Tôi thấy bối rối vì những lời kết án và châm chọc của họ, nhưng tôi thấy bối rối nhiều nhất là do lòng thù ghét của họ đối với chú tôi, khiến họ đưa ra những lời buộc tội mà chính họ không biết được sự thật.

Khmer Đỏ giờ đây tập trung vào việc biến những người dân thành thị chạy ra thành người lao động. Thoạt tiên, hầu hết những người trưởng thành đều bị bắt đi đào kênh thủy lợi, một công việc nặng nhọc mà chỉ dùng bằng cuốc. Mọi người phải làm việc. Mẹ tôi và các cô phải đi thu nhặt phân bò và phân trâu rải rác trong làng và chuyển chúng ra đồng lúa. Mak được người ta phát cho một cái thúng để đi bưng phân. Đặt thúng lên đầu, đầu bà chỉ cách lớp phân súc vật qua cái thúng và một lớp khăn xếp lại thành hình cái gối đặt dưới thúng. Khi Mak đi ngang qua vườn Kong Houng, tôi hỏi Mak “Mak, cái gì trong thúng vậy?”

“Chỉ là phân bò thôi, koon”. Bà hạ cái thúng xuống cho tôi thấy.

“Hơ, hơ!” Tôi kêu lên và nhảy lùi lại trước đồng phân đen và nhão. Mak thì cười. Bà tũm tĩm đặt lại cái thúng lên đầu, tiếp tục công việc, một công việc chẳng giống tí gì với bất cứ công việc nào bà đã làm trong đời. Tôi chạy đi tìm Avy, người em gái bảy tuổi của tôi và kể cho nó nghe chuyện đồng phân trên đầu của Mak. Nó nhăn mũi và chúng tôi bật cười trước bài học mới của cuộc sống.

Nhưng còn nhiều bài học tiếp theo nữa. Có một cuộc mít tinh của trẻ em và người ta bảo tôi đi dự. Tôi diện chiếc váy màu xanh nước biển đẹp nhất của mình và chiếc áo trắng rất dễ thương. Tôi còn mang đôi giày da mà Mak mua cho tôi ngày trước khi Khmer Đỏ chiếm chính quyền. Tôi đến dự một mình. Tôi ngạc nhiên thấy trẻ con từ mười đến mười ba tụ tập ở một vựa lúa giữa các đụn cỏ khô. Giữa các đụn rơm ngả nghiêng, đám “trẻ con thành thị” đứng tách riêng khỏi đám trẻ địa phương, áo quần vá chằng vá đụp, rộng thùng thình và rách rưới, tóc tai không chải. Tôi nhận ra rằng ý tưởng của mình về một cuộc mít tinh không bao giờ giống với

quan niệm của Khmer Đỏ cả.

Ba người phụ nữ mặc đồ màu tối, bạc màu, khăn rằn cũ kỹ quấn trên đầu ra lệnh cho chúng tôi đi theo họ ra cánh đồng lúa nằm cách làng chừng hai dặm. Tôi không muốn đi với họ, và tôi nhớ điều họ đã làm với Pa. Tôi sợ phải chống đối và điều đó làm tôi tủi hổ. Tôi đành tiếp tục đi theo lũ trẻ, phần lớn là những đứa trẻ ở địa phương, những nô lệ trung thành của Khmer Đỏ. Chúng chạy chân trần trên con đường đất nổi cao giữa những ruộng lúa như thể mặt đất sù sì dưới chân là tấm nệm êm của chúng vậy. Khác với chúng, đám trẻ con thành thị đi thong thả như đang đi chợ.

Giống như cá gặp nước, đám trẻ con trong làng lao nhanh xuống ruộng lúa sũng nước vừa mới cày – một thửa ruộng màu nâu ngập nước với những bó mạ non xanh mướt. Theo sau đám phụ nữ, những đứa trẻ trong làng lũ lượt lội xuống thửa ruộng đầy bùn. Đây là công việc chúng quen từ bé nên chúng biết phải làm gì khi lan lẹ vãi các bó mạ ra khắp cánh đồng. Rồi chúng trồng thành luống thành hàng. Bàn chân toả ra, cẳng dang rộng, chúng gập người xuống để cắm vài cây mạ vào trong bùn bằng một tay, tay kia vẫn giữ bó mạ. Đối với chúng, đây có vẻ là một trò chơi thú vị. Còn đối với tôi, công việc đồng áng này rất chán nản, chẳng có gì thú vị. Một trong những người phụ nữ gào lên với chúng tôi: bọn trẻ con thành phố, xuống ruộng đi! Chúng tôi ngần ngừ, đặc biệt là tôi, bởi vì tôi sợ làm bẩn bộ quần áo đi học của mình. Nhưng tôi không còn chọn lựa nào khác. Tôi nín hơi và thận trọng bước xuống ruộng, sau khi bị mấy người đàn bà kia hối thúc liên hồi, để lại đôi giày học trò trên bờ ruộng phía sau lưng tôi. Tôi sửng sốt trước cách họ nói với tôi, không có cái giọng ầm cún, thân thiện mà người lớn thường dùng khi nói chuyện với trẻ con là “cháu” hay “con gái”. Tôi không nhớ nổi người đàn bà đã gào lên một cách thô lỗ với tôi ra lệnh cho tôi phải làm cái này cái nọ. Trong Sangkum mun (xã hội trước) thì hẳn Mak hoặc Pa đã can thiệp, phản bác và điều chỉnh thái độ của những người đàn bà này. Tôi kéo váy lên, ước chi Khmer Đỏ chưa bao giờ hiện hữu, ước rằng họ vô hại như kẻ xấu trong phim ảnh, sẽ biến mất khi đèn bật sáng.

Tôi đứng chờ trong nước ruộng quánh và lạnh, bùn bắt đầu làm cho da chân tôi nhức nhối, một người phụ nữ trao cho tôi một bó mạ thon. Tôi khép váy vào giữa hai chân, giữ cho nó an toàn phía trên cao mặt bùn. Người phụ nữ bày cho tôi trồng mạ một cách nhanh nhẹn, khéo léo. Tôi cố làm theo bà, nhưng các thân cây không dễ gì đứng yên, chúng nổi lên trên mặt nước như những bong bóng. Tôi chỉ ước ao tôi làm được như những người kia, chân nhấc được ra khỏi bùn và lướt đi nhẹ nhàng, nhưng chân tôi thì cứ như dính chặt vào mặt ruộng. Tôi toát mồ hôi đầm đìa, đưa tay quạt trán, và cố nuốt tiếng kêu thét vào trong họng. Không giống như mấy đứa trẻ nông thôn, tôi không đứng dang chân ra, thay vì vậy, tôi đứng hai mắt cá khép vào nhau – tư thế cẩn thận khi mặc váy. Mấy đứa trẻ thành phố khác cũng làm như vậy. Lưng và chân tôi

đau nhức vì phải cúi xuống một góc rất nhọn, như thể phải cúi chào ai đó sát đất mãi mãi vậy. Một trong mấy đứa trẻ thành phố là tôi vì thế tụt lại phía sau đám trẻ nông thôn rất xa. Tôi chỉ mới tiến được vài tấc trong khi chúng đã cấy xong được nửa cánh đồng. Chúng làm nhịp nhàng và nhanh nhẹn trong khi chân chúng lướt trên đám bùn. Tôi quan sát công việc của chúng, cố làm theo, nhưng vẫn không làm được. Tôi lại nghiên cứu về tư thế, kỹ thuật, nhưng tôi vẫn chưa hình dung ra được. Rồi chuyện này bắt đầu ám ảnh tôi, như tôi cố làm chủ trong trò chơi nhảy dây đơn giản vậy. Nếu bọn chúng có thể làm được, thì mình cũng có thể làm được. Tôi cố cấy nhanh, nhưng gặp cây mạ nổi lên trên mặt nước khiến tôi hầu như suýt té sấp mặt vào nước bùn.

“Chuyển chân của mày ra như thế này này”, một bàn tay của ai đó nắm lấy chân phải của tôi. Tôi ngạc nhiên thấy một trong những người phụ nữ kéo chân phải của tôi tách khỏi chân trái. Bọn trẻ cùng làm việc với tôi đồng thanh bật cười khúc khích. Tôi đưa mắt nhìn lên và thấy bọn trẻ làng đang nhìn tôi với vẻ thích thú, cả bọn trẻ thành phố cũng vậy. Tôi cũng cười với chúng và thấy bớt tủi nhục, giận dữ. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm khi thấy người đàn bà nọ không mắng tôi chậm chạp. Thay vì vậy, mấy người phụ nữ và bọn trẻ làng lặng lẽ cấy mạ quanh chỗ tôi và chỗ của bọn trẻ thành phố khác, trồng khắp cả vùng còn trống cho đến khi chúng tôi xong việc. Chúng vớt những gốc mạ nổi cũng như những cọng rơm lại để vào một chỗ. Từ khi chân tôi bị kéo dang ra, chiếc váy mềm của tôi đã bị nhúng vào bùn, nhưng bây giờ tôi không lo âu nhiều về áo quần mình nữa. Tôi nghĩ mình sẽ giặt chiếc váy và tẩy vết dơ trên áo. Tôi đã điều chỉnh cho thích hợp với những điều mà mình không thể thay đổi.

Đến lúc cả bọn chúng tôi trồng hết ruộng mạ, lê bước qua bốn cánh đồng, tôi mệt lả. Tôi đói và cả người dính đầy mồ hôi vì làm việc dưới ánh nắng. Một phần trong tôi cảm thấy hãnh diện vì tôi đã học được cách trồng lúa, nhưng đồng thời tôi cũng căm ghét lối sống này. Ở đây, đã đi lùi lại, như mấy đứa trẻ trong làng, vừa bước giật lùi vừa trồng mấy luống mạ vậy. Một lần nữa, tôi ước ao được trở lại trường và đời sống trước đây của mình – để học về các vì vua đã chết mà trước đây tôi thấy chán ngắt, giờ lại thấy hấp dẫn.

Nhưng hôm nay anh Than gặp phải một bài học mà có lẽ từ trước đến giờ là chấn động nhất. Anh là một trong số một nhóm học sinh trẻ được lệnh đi phá các đền chùa, miếu thờ được gọi là Ronng Neak Ta, những nơi đặc biệt dưới bóng râm khổng lồ của một cây Po (cây đa) già, tàn rộng, uy nghi, nơi người ta tin rằng linh hồn người chết trú ngụ. Những miếu này được làm từ các hộp gỗ nhỏ có hình dáng một ngôi nhà, được gắn chặt vào giữa các nhánh cây lớn hoặc trong hốc thân cây lớn. Tại mỗi hộp người ta đặt một lon thiếc đổ đầy cát để cắm nhang vào khi cúng vái. Khi đến miếu Ronng Neak Ta, người ta mang theo thực phẩm, nến và nhang. Tại đây người ta thổ lộ tâm can với linh hồn chủ trì của miếu, và khẩn cầu cho mình được sức

khỏe, may mắn và hạnh phúc.

Anh Than rất bối rối khi anh kể cho Mak và những người bà con trong nhà nghe về nhiệm vụ trong ngày hôm nay của anh. Bằng búa tạ và cuốc, họ đập nát những đền miếu đã được dựng nên từ nhiều năm. Họ đi từ làng này sang làng khác, thúc giục bọn con trai kêu la hò hét khi họ đập đổ chùa miếu, giống như một bộ phận đi reo hò, cổ vũ cho tội ác. Mọi người dân đều chần chừ, không nói được nên lời. Anh Than nói, vẻ mặt như muốn hỏi Làm như vậy có được không. Không khó lắm để nhớ đến anh Tha đã chết chỉ vì tiểu tiện nhầm lên mộ của ai đó.

Nhưng vào tuổi mười một anh Than hiểu rằng anh chẳng có tiếng nói nào khi đó là việc của Khmer Đỏ. Cuối cùng anh nhún vai “Họ bắt chúng con làm...Hò hét chúng con phải phá hoại... Giờ con rất lo âu các linh hồn sẽ nổi giận...” Anh nhúu mày. Nếu họ bác bỏ đời sống tôn giáo, nếu họ không sợ các linh hồn nổi giận, tại sao họ không tự mình huỷ hoại chùa miếu?

Khmer Đỏ không chỉ muốn chế ngự đời sống tâm linh bên trong của chúng tôi mà cả vẻ bên ngoài của chúng tôi nữa. Họ yêu cầu đàn bà con gái phải để tóc ngắn. Quy định này là một sự xúc phạm có tính toán vào nền văn hoá của chúng tôi, vốn ca ngợi vẻ đẹp truyền thống của mái tóc dài. Nếu chúng tôi không tự cắt tóc ngắn ngang trái tai, họ cảnh báo, họ sẽ cắt thay cho chúng tôi. Các chị Chea, Ra, Ry bèn quyết định để Mak cắt tóc. Má tôi lấy kéo và cẩn thận tỉa đều mái tóc trước đây xoã xuống phía sau đầu của mấy chị. Tóc rụng, lại một mất mát khác. Tôi nhìn các chị một cách tò mò, như thể các chị bây giờ mang đầu tóc giả của Khmer Đỏ vậy. Tóc tôi thì chỉ mới chạm vai, tôi sợ cái ngày tôi phải theo các chị cắt tóc cho ngắn. Còn bây giờ thì tôi chưa đủ lớn để làm cho người ta lo âu. Thợ cắt tóc của Khmer Đỏ thì cắt tóc chẳng cần phải tính toán gì. Họ chỉ cần chụp một cái vỏ dừa khô hình vỏ sò lên đầu, bất cứ sợi tóc nào thò ra liền cắt luôn thành một đường tóc rất thô. Kiểu tóc này rất dễ nhận ra, với những cuộn tóc không đều xoã xuống chỗ dài chỗ ngắn, một tác phẩm của một đứa bé lên năm tuổi.

Bọn Khmer Đỏ biết cách tác động lên dân chúng thật sâu. Cái đầu là phần thiêng liêng nhất trong thân thể đối với một người Cambodia. Bị đánh vào đầu, hoặc một người nhỏ tuổi hơn hay kẻ thù chạm vào đầu là một sự sỉ nhục lớn lao. Thế mà những kẻ cai trị chúng tôi tỏ ra coi thường đời sống của người Cambodia trước đây. Chỉ có lịch sử của cái bây giờ và ở đây mà thôi.

Mỗi ngày bọn Khmer Đỏ lại đưa ra các luật mới. Bây giờ chúng còn muốn kiểm soát ngôn ngữ thoát ra từ miệng chúng tôi. Chúng tôi phải dùng cách xưng hô của nông thôn để gọi, như gọi mẹ là Mae, gọi cha là Pok. Chúng tôi được quyền chọn lựa khác là gọi cha mẹ bằng “đồng chí”, một từ lạ tai, lạnh lùng mà nghe phát âm ra tôi đã thấy buồn cười. Vô lý biết bao! Trong nền văn hoá của chúng tôi, chúng tôi có đến bốn hay năm từ dùng để miêu tả việc ăn, khi nói với người lớn tuổi hơn, với vị sư hay với một vị vua. Thế mà đột nhiên chính cái ngôn ngữ ấy thay

đổi mà không ai hỏi ý kiến chúng tôi. Ấy vậy mà, khi đứng sắp hàng chờ lãnh khẩu phần gạo, tôi nghe mấy đứa trẻ thành thị khác dễ dàng nói năng theo cách nói mới ấy. Dẫu sao, điều này làm tôi thú vị, lòng hăng hái của tuổi trẻ bằng cách này hay cách khác cũng phải tràn ra mà.

“Đồng chí Mak? Nói cái này nhé?” Tôi nói cộc lốc với mẹ tôi, khiến bà cười. Thật dễ thương khi nhìn nụ cười quen thuộc của bà. Điều này khuyến khích chúng tôi làm tới. Các chị tôi và tôi điếu với nhau bằng cách áp dụng những từ mới. Chúng tôi gọi nhau là “Đồng chí Athy” hay “đồng chí Chea” bằng vẻ châm chọc duyên dáng. Đó chính là nỗ lực chúng tôi nhằm đối phó với những điều mình không thể thay đổi. Dẫu vậy, khi không người lạ, chúng tôi vẫn gọi người trong gia đình theo cách như cũ. Chúng có thể lấy đi ngôn ngữ gia đình của chúng tôi nơi công cộng, nhưng chúng không thể lấy đi chính gia đình, chất keo đã gắn kết chúng tôi. Cách xưng hô đó là của riêng chúng tôi.

Thay vì sử dụng tiền tệ, Khmer Đỏ lại phân phối khẩu phần bằng thóc. Số thóc này lấy trực tiếp từ kho thóc thặng dư trước họ đã tịch thu từ Kong Houng – đến hàng trăm hàng ngàn ký thóc. Họ phân phát thóc cho chúng tôi bằng thúng nan. Người lớn nhận khẩu phần nhiều hơn khẩu phần một đứa trẻ chín tuổi như tôi. Chúng tôi phải tự biến phần thóc của mình bằng cách chà. Phải quan sát và học hỏi. Tôi phải chủ động, thích nghi để sống còn. Tôi giúp mẹ và các chị chà thóc. Hạt thóc vàng chưa xay được đổ vào trong một cái cối khổng lồ bằng xi măng chôn trong đất, trên đó treo một cây cột lớn và nặng, thẳng đứng nối với một thanh ngang. Chúng tôi cùng bước lên một đầu của thang ngang này, rồi nhả ra. Cây cột đập mạnh xuống cái cối như một chiếc cày khổng lồ, làm hạt rời khỏi vỏ. Rồi chúng tôi xấy trấu, lấy hạt ra khỏi vỏ, rồi lập đi lập lại việc này. Còn về thức ăn, chúng tôi đi đánh cá lúc rảnh, điều này càng lúc càng hiếm hoi. Chúng tôi cũng hái rau nơi vườn cây ăn trái của Kong Houng vốn đang tàn tạ nhanh chóng và những cây rau khác mọc hoang trên đồng hoặc chung quanh các ngôi nhà trong làng.

Khẩu phần lúa được cấp không bao giờ đủ ăn. Thường thường, Mak rời nhà sau khi giúp chúng tôi dọn bữa ăn lên trên chiếc bàn gỗ. Trước đó, mỗi khi chúng tôi đòi thêm cơm, mẹ buồn rầu đặt muống xuống và chia phần của bà cho chúng tôi. Về sau, mẹ thường chạy đi đâu đó khi đến giờ ăn. Mẹ bảo chúng tôi cứ ăn, đừng đợi bà. Chúng tôi nghe lời, ăn hết không để phần lại cho mẹ. Tôi bắt đầu nhận ra rằng Mak không bao giờ ăn cả. Tôi không bao giờ nghĩ nhiều về chuyện này, nhưng tự hỏi làm sao Mak không bao giờ tỏ ra đói bụng cả.

Mãi sau tôi mới tìm ra. Hóa ra vào những lúc đó, Mak đã đi quanh làng Year Piar xin thức ăn từ những người phụ nữ trong làng mà Mak từng quen biết. Mẹ đi xin thức ăn tức là mẹ đã hạ mình trước những người phụ nữ đó. Điều này làm tôi đau như bị dao cắt. Từ nay trở đi, tôi biết rằng không thể có một tương lai nào dưới chế độ Khmer Đỏ.

Bây giờ là tháng mười, bốn tháng sau khi cha tôi bị hành quyết. Nhiều tin đồn lan truyền. Rằng

chẳng bao lâu chúng tôi sẽ bị di chuyển đi nơi khác. Đi đâu? Mak hỏi quanh, nhưng không một ai biết cả.

Vào đêm trước khi rời khỏi nơi đây, Mak nằm mơ thấy Pa. Ông xuất hiện, không có đầu. Ông bước về phía Mak và cố dùng tay kể cho bà một số chuyện, nhưng Mak không thể hiểu. Khi mẹ hỏi ông vài điều, ông đứng đó, không đầu, nhưng lắng nghe. Rồi ông biến mất vào đêm tối, để cho Mak gào thét xin ông quay lại. Con ác mộng này là một điềm báo tăm tối đối với tất cả chúng tôi.

Ngày hôm sau chúng tôi cùng nhau ăn bữa ăn bằng cháo gạo nấu với rau, có thêm phần thân chuối và cá. Không ai nói gì ngoại trừ vài tiếng cụt lủn như đưa giùm cái dừa, cái chén...Tôi thấy sợ hãi. Tôi sụp xuống khóc. Các chị tôi cũng vậy. Xuyên chiếc lều mở toang, nơi chúng tôi vừa ngồi ăn, tôi đưa mắt ngắm vườn cây sau nhà, cái khoảng đất trống trước đây dừa đã từng mọc ở đấy. Hàng cây ăn trái, những cây me im mát, tôi dùng mắt vuốt ve chúng, như thể nói lời từ biệt với nơi trú ngụ, nơi tôi tìm thấy chỗ ẩn mình, một nơi hầu như nằm bên ngoài cuộc cách mạng.

Ngay cả ông bà tôi, Kong Houng và Yiey Khmeng bây giờ cũng phải rời nhà, nơi ông đã đấu tranh để bảo vệ suốt những năm tháng qua. Đối với gia đình tôi, sự ra đi này là cái bắt đầu cho một sự thực trần trụi. Đuổi chúng tôi ra khỏi nhà của Kong Houng, vốn được xây nên làm quà cưới Yiey Khmeng, tiêu biểu cho một điều gì còn hơn cả sự trục xuất. Nó lột bỏ khỏi chúng tôi cái ẩn tượng cuối cùng về một cuộc sống bình thường, cắt đứt sợi dây nối chúng tôi với cộng đồng gia đình. Từ đây, chúng tôi bị ném ra như một nắm gạo theo những hướng bất định. Khi chúng tôi tới đây, Pa bên cạnh chúng tôi. Giờ thì ông đã khuất. Rời bỏ nơi này, tôi mang một ký ức luôn hiện hữu làm tổn thương tôi đến tận tột độ. Ở Cambodia chúng tôi tin rằng linh hồn của những người thân đã khuất chăm sóc chúng tôi. Đối với tôi, đây là nơi linh hồn cha tôi trú ngụ. Rời nơi này, tôi thấy tôi đang rời bỏ ông.

Khi các chị Chea, Ra, Ry và tôi đi ra, chúng tôi đứng chờ Mak, Avy và mấy anh em trai theo kịp chúng tôi, tôi lại bật khóc. Tôi nghĩ đến những từ tôi không thể nói ra miệng. Bọn Khmer Đỏ sẽ giết chúng tôi. Tôi không muốn chết, không muốn bị giết bằng cuộc như Pa đã bị. Nước mắt tôi làm lây lan, chầm ngòi cho nỗi sợ hãi và đau đớn nơi chị Chea. Chị cũng khóc. Mấy người còn lại cũng làm theo. Chị Chea quàng tay qua vai tôi. Chúng tôi cùng khóc cho đến khi không còn khóc được nữa. Nỗi sợ vẫn còn, nhưng nước mắt thì đã cạn.

Hướng xuống con đường làng đầy bụi đất, chị Chea và chị Ra mang đồ đạc của chúng tôi bằng cách thô sơ nhất – vali và túi bằng chần buộc lại cột vào hai đầu chiếc đòn gánh. Mak thì đội trên đầu một túi quần áo, dẫn đầu chúng tôi như con gà mẹ dẫn bầy gà con. Đi qua làng Year Piar rồi các làng khác, tôi vừa đi vừa cầu Phật. Xin phù hộ chúng con, phù hộ chúng con. Rồi tôi

khẩn linh hồn Pa chở che chúng tôi như tôi thường nghe người lớn khẩn vái linh hồn tổ tiên họ chở che và đem lại may mắn.

Chúng tôi vượt qua nhiều cánh đồng, ngang qua một loạt các ngôi làng nhỏ cho đến khi thấy một đám người phờ phạc như những linh hồn vất vưởng đang tụ tập chờ bên cạnh đường xe lửa nơi một cánh đồng cằn cỗi. Ngồi chồm hồm và đứng quanh đó là hàng trăm người bồn chồn đợi dọc theo đường xe. Đột nhiên cán bộ Khmer Đỏ trong đồng phục đen và súng trường trên vai như từ hư không xuất hiện, nhào ra dọc theo các toa xe. Một số chạy đến cuối xe lửa, một vài người mở cửa toa xe ở trước mặt chúng tôi.

“Lên xe, lên xe đi!” Họ hét lên, tay vẫy trên không.

Chúng tôi vâng lời, chen chúc nhau leo lên các toa chở hàng. Phần lớn chúng tôi là phụ nữ. Mẹ đưa tay nắm con, con vói tay tìm mẹ. “Mak, koon, lệ lên, đợi đã” là những tiếng duy nhất thốt ra khi dòng người cuồn cuộn tràn vào các toa hàng. Sau đó là tiếng khóc. Bọn Khmer Đỏ bắt đầu tách các thành viên của gia đình vào các toa khác nhau, ngẫu nhiên như người ta phân các đàn gia súc ra vậy. Bây giờ Angka Leu mới chính là gia đình của bạn. Các bà mẹ thì van nài, trẻ con thì kêu khóc. Rồi một loạt súng làm họ yên lặng hẳn. Ngồi chồm hồm trên sàn gỗ trong toa tàu với Mak cùng các chị và anh em trai, tôi nhẹ nhõm khi thấy mình đã vào được trong toa, bị ép chặt giữa những người xa lạ.

Cánh cửa của toa đóng lại. Chúng tôi di chuyển về phía trước, nhưng không đến nơi nào cả. Tôi nhìn những tia nắng chiếu xuyên qua vết nứt nơi cánh cửa kéo của toa tàu. Không thể nhìn thấy một chi tiết nào bên ngoài, cả một mẫu phong cảnh cũng không. Rồi ngày nhạt đi, đêm tới, phủ lên toa tàu vốn đã tối đen một tấm chăn mực. Quanh tôi, thân người chen chúc, va chạm bừa bãi, chân người này gác lên đầu một người khác đang ngủ. Thường thì đặt bàn chân bên cạnh đầu người khác là một biểu hiện bất kính. Nhưng ở đây chẳng ai thèm quan tâm, và chính điều ấy làm tôi chấn động hơn.

Từ đằng xa, những tiếng đàn ông la lên. Khi tàu đến gần, tôi nghe tiếng “bánh mì bánh mì”. Cửa toa được kéo ra. Hai những đàn ông, một tay cầm đèn bấm, tay kia ôm một bó bánh mì, xuất hiện trong bóng tối. Bánh mì nóng được truyền đi. Tôi vươn ra lấy một ổ nhỏ, bằng cỡ một trái banh tennis, và ngẫu nhiên luôn. Khi chiếc bánh ổn định trong dạ dày rồi, tôi bắt đầu suy nghĩ. Tại sao chúng ta cho mình bánh mì nếu chúng định giết mình? Có lẽ chưa. Có lẽ chúng sẽ sử dụng mình trước, rồi sẽ giết sau. Chiếc bánh mì tạo ra một tia hy vọng khi con tàu tiếp tục cuộc hành trình.

Đêm đuổi ra thành ngày. Tiếng bánh xe lửa lăn trên đường sắt ru tôi thiếp đi, rồi tôi thức giấc khi ánh mặt trời lách qua khe hở của chiếc cửa lùa, báo cho tôi biết rằng thời gian đã trôi qua, ngay cả khi cái thế giới của riêng tôi đã ngừng lại, và đang ngưng trệ trên các toa xe chở hàng

này.

Tàu ngừng lại và tôi giật nảy người, trở lại với thực tại. Cửa luà được kéo, chúng tôi ủa ra ngoài, mất phương hướng, lắc lư người vì mới bước ra khỏi chuồng. Ánh mặt trời toả xuống khi chúng tôi lê bước kẻ trước người sau đi trên nền đất khô, nứt nẻ. Đây là lần đầu tiên tôi có thể duỗi thẳng chân ra sau hai mươi bốn tiếng đồng hồ nằm co quắp, đến nỗi cơ bắp tôi đau nhức khi tôi vẩy vùng tay chân như một bà già để làm chủ cử động của mình.

Cuộc sống của chúng ta giống như câu trong một bài hát quen thuộc, Chivth Choun reang chown pleang. “Cuộc đời có khi gặp hạn và có khi gặp mưa”.

Đây là lúc chúng tôi gặp hạn.

Chú thích

[1] Người chỉ điểm, thường là thành viên có cấp bậc của Khmer Đỏ, đi do thám dân chúng và báo cáo về họ với Angka Leu (tổ chức cấp cao)

[2] Có nghĩa là “Má”, từ người nông dân ít học thường dùng

CHƯƠNG 6

TỆ HƠN CẢ HEO

The New York Times

Ngày 9 tháng bảy 1975.

“Tội ác ở Cambodia...” Chỉ vài tuần sau khi phe Khmer Đỏ tiến vào Phnom Penh và sau khi hàng triệu người dân Cambodia ở thành thị bị cưỡng bách di dân bằng chân đến những vùng thôn quê hẻo lánh, tấm màn im lặng vẫn bao phủ lên toàn bộ sự kinh hoàng của những gì đang diễn ra – nhưng điều tệ hại nhất sắp xảy ra đã được đoán trước là cái chết vì nạn đói và bệnh tật.

Chẳng ai biết được đầy đủ về sự thống khổ và suy thoái sẽ tiếp theo sau. Người ta tin rằng có đến mười ngàn người đã gục ngã bên vệ đường, nạn nhân của sự đói khát, kiệt sức và bệnh tật, trong đó có bệnh dịch tả hiện đang lan rộng...

Có thể nào đời sống còn tệ hại hơn những gì đã diễn ra không? Câu hỏi này bỗng nhiên trở thành một trò chơi tinh thần, một cách để buông đi các thử thách cảm xúc của chính tôi: Không thể tệ hơn nữa. Không thể tệ hơn nữa. Thế này là đủ. Chúng không thể làm gì hơn được

nữa.

Trong tâm trí tôi những tiếng ấy trở thành vừa là một sự táo bạo vừa là niềm an ủi.

Cũng giống như khi chúng tôi bị lừa ép dẹp trong các toa xe lửa, bây giờ chúng tôi toả ra cũng lộn xộn như vậy. Hàng trăm người chúng tôi rải bước vào cánh đồng hoang vắng theo sau bọn Khmer Đỏ. Mang vác những đồ đạc tùy thân còn sót lại, chúng tôi nhọc nhằn lê bước theo sau họ. Trẻ con, các bà mẹ, các ông cha lớn tuổi cố vội vã vượt lên những người đi bên cạnh. Những đứa trẻ khóc ré lên vì liên tục bị kéo đi, cố theo kịp dòng người đang di chuyển. Chúng tôi đi qua hết cánh đồng tro trọi này rồi đến cánh đồng khác, kiệt sức nhưng chỉ hoạt động do thuần ý chí.

Khi chúng tôi bước vào một rừng cây xanh ngắt với các bụi cây um tùm, họ ra lệnh cho một số chúng tôi dừng. Phần còn lại của nhóm người tiếp tục đi xuống một lối đi hai bên sườn mọc đầy cây lớn và các bụi cây rậm rạp. Trong số những người đó, tôi không thấy ông bà, các cô và các anh chị em họ của tôi. Chúng tôi đã quá đói và sợ đến nỗi chúng tôi không còn có thì giờ để mà lo âu cho đại gia đình nữa. Bây giờ thì chúng tôi tùy thuộc vào rất nhiều gia đình riêng của mình, và trên mặt mẹ tôi cũng như của các chị, tôi thấy hiện ra một nét sắc nhọn chưa từng thấy trước đây. Lúc này chúng tôi tạm núp gần một khóm cây leo đại quần quít quanh nhiều cây to cho bóng mát.

Một người đàn ông mặc áo quần đen xuất hiện. Ông ta người cao, mảnh khảnh, làn da sạm, tóc cắt ngắn. Trông ông ta khá bảnh bao, khác với nhiều người nông dân Khmer Đỏ thấp, vạm vỡ mà chúng tôi đã từng gặp. Đứng trước chúng tôi, ông ta giải thích mình là một lãnh đạo của làng Daakpo. Ông ta vừa mở miệng nói, tôi đã chú ý đến giọng nói rất lạ của ông. Tôi chưa nghe ai nói với một giọng như vậy bao giờ nên điều này hầu như làm cho tôi bị chóng mặt.

“Mak, ông này sao nói giọng kỳ cục vậy?” không dừng được, tôi hỏi Mak trong khi tiếp tục vác đồ đạc đi tới.

Mak mỉm cười trả lời “Vùng này ở gần tỉnh Battambang, người ta nói như vậy, giọng rurdern (lè nè)”.

“Nghe buồn cười quá”, tôi vừa nói vừa cười nắc nẻ, mới biết rằng thực ra cũng có nhiều người Cambodia nói giọng lè nè, ê a như vậy. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt của chúng tôi, tôi thấy khó mà tin rằng ông ta nghiêm túc được.

“Các đồng chí, đây là chỗ ở mới của các đồng chí”, người lãnh đạo làng tuyên bố, ông ta đứng dưới bóng cây cao mát.

Tôi giật mình, tôi hy vọng mình được đưa đến một nơi có chỗ trú ẩn, có lều hay giường để chúng tôi có thể nghỉ ngơi. Nhưng không có gì khác ngoài trù cây cối, rừng dày. Có vẻ như chưa hề có ai từng ở đây. Xanh mướt và lặng lẽ, đây là thiên nhiên trong dạng nguyên thủy của nó.

Cây là tường, bầu trời là mái nhà của chúng tôi.

“Các đồng chí, có một cái ao gần đây, ngay kia kìa” vị lãnh đạo vừa nói vừa đưa tay chỉ. Giọng nói của ông ta không còn làm cho tôi thấy thú vị nữa.

vài ngày sau, tre, lá cọ, dây thừng làm bằng vỏ cây cọ và những thân cây mới chặt được đem đến cho chúng tôi. Cây và bụi phải được phát quang cho thích hợp với việc dân số tăng lên đột ngột, hàng trăm người chúng tôi tích tụ về đây hay các làng quanh đó chỉ trong có vài ngày.

Dân địa phương, nông dân, hoặc “dân cũ” – những người gốc ở tỉnh này, và họ có được vị trí khá hơn nhờ sự kiện đó, xây dựng những bộ sườn lều, chỉ là cái sàn đơn giản dựng trên những cây cột ngắn, được thiết kế thành hai phòng bằng những thanh cọ. Mỗi phòng như thế, bằng kích thước một phòng chứa đồ nhỏ, dành cho một gia đình. Chúng tôi được chia một ngăn, bằng kích thước với hàng xóm bên kia vách ngăn, một gia đình bốn người. Còn phía chúng tôi, chúng tôi có chín người. Có phải đây là điều họ gọi là bình đẳng không?

Trong một thời gian ngắn, một cộng đồng gồm những túp lều như thế mọc lên giữa rừng rậm. Lều mọc lên như nấm gặp mưa. Ngôi làng thô sơ của chúng tôi là một phòng thí nghiệm xã hội, một cuộc thí nghiệm thô bạo để thử thách, để xem người ta có tồn tại được với lý thuyết ảo vọng của Khmer Đỏ không.

Chúng tôi được gọi tham dự cuộc mít tinh dành cho những “người mới”. Chúng tôi tụ tập nơi khoảng trống giữa các căn lều, dưới bóng râm toả rộng của khóm cây lớn. Người lãnh đạo làng ra lệnh cho chúng tôi phải rũ bỏ khỏi bất cứ thứ gì của “bọn đế quốc Mỹ”. Ông ta ra lệnh “Nó gồm đồng hồ, dây chuyền vàng, vòng đeo tay, nhẫn kim cương”. Tay ông ta chộp lấy một chiếc túi màu xám mà ông sẽ dùng để đựng các món đó, giống như một tu sĩ ra lệnh cho chúng tôi phải từ bỏ tội lỗi. “Những vật này là dơ bẩn. Angka rất ghét, các đồng chí không thể sở hữu nó. Trước đây các đồng chí có nó thì không sao, nhưng bây giờ thì Angka không muốn thấy các thứ đồ đồi trụy đó. Angka muốn các đồng chí đưa chúng lại cho tôi” ông ta nhấn mạnh.

Sau khi nhận chỉ thị xong, chúng tôi trở về lều. Khi đã an toàn trong lều, Mak và các chị tôi nói chuyện với nhau thật nhỏ, thì thầm và nhíu mày. Họ không đồng ý về việc đem cho người lãnh đạo làng cái gì. Tôi thì núp dưới bóng râm nơi túp lều gần lều chúng tôi. Từ nơi tôi ngồi, tôi quan sát thấy người ta đưa những thứ họ cất giữ cho người lãnh đạo. Ông ta gật gật đầu cứ như thể ông ta là vua chúa vậy. Thì đúng là ông ta có quyền lực, ông ta kiểm soát mọi chi tiết nhỏ nhất của đời sống chúng tôi.

“Mak, mình chỉ đưa cho ông ta cái đồng hồ của con thôi, đừng đưa tất cả mọi thứ!” Chị Chea nài nỉ, nắm lấy cánh tay mẹ tôi khi bà sắp sửa lấy cái túi nhỏ đựng nữ trang quý đưa cho người lãnh đạo.

Mak nhăn mặt, bà nhìn chị Chea rồi nói: “Vậy thì con đem đưa cho ông ta đi”.

Chị Chea vâng lời, thấy nhẹ nhõm vì chấm dứt được cuộc thảo luận nóng bỏng. Chị đành chịu mất cái đồng hồ. Thật ra bây giờ chị có đồng hồ hay không không còn quan trọng. Chỉ là vấn đề thời gian trước khi phần lớn chúng tôi sẽ chết, và không còn quan trọng nữa trong việc chúng tôi đo lường, đếm lùi từng giờ trên cái đồng hồ đeo tay.

Bằng cách lấy đi đồng hồ của chúng tôi, bọn Khmer Đỏ đã thận trọng cướp đi những vết tích cuối cùng của mối liên lạc giữa chúng tôi với thế giới bên ngoài. Càng ngày bầu không khí ở trại này càng trở nên không thực. Người ta dồn thêm các lều áp sát vào nhau, tất cả đều ngập trong không khí nghi kỵ lẫn nhau. Chúng tôi thường xuyên lo lắng, tự hỏi không biết ai đang nghe lén mình. Truyền thống bị phá vỡ hàng ngày. Chúng tôi rất khó chịu khi thấy mình chỉ cách những nhà hàng xóm có con trai lớn ngồng bằng một bức vách mỏng manh. Trong quá khứ, các bậc ông bà hoặc cha mẹ phải phản đối cách bố trí chỗ ở mới như vậy vì lo rằng nó sẽ gây ra nhiều bất tiện. Nhưng Khmer Đỏ thì làm gì quan tâm đến những nghi thức rất tế nhị và lịch sự tối thiểu đó.

Thế mà ở đây chúng tôi vẫn thấy thấp thoáng những gì của ngày xưa. Ngày nọ chị Chea đang cố gắng tưới đám rau ít ỏi của chúng tôi trồng trên lối đi phía sau lều. Ở sát bên cạnh, người con trai lớn của nhà hàng xóm đang hì hục xới đất.

“Xem kia!” chị Chea nói. Chị đang quan sát một cách ngạc nhiên khi thấy một cây bầu đang nở ra những bông hoa trắng xoá. “Hoa bầu có màu trắng ư?”

Người con trai cười “Mademoiselle, cô từ đâu đến vậy?”

Mademoiselle. Từ ngữ bộc lộ cái ưu thế được giấu kín của quá khứ. Chị Chea bật cười, vui sướng tìm ra nơi một người khác một dấu hiệu giáo dục.

“Parlez vous francais?” chị hỏi.

Khám phá này tạo ra một tình bạn tức khắc giữa họ. Nói cùng một ngôn ngữ, họ chia sẻ với nhau cùng một nền văn hoá. Dầu Khmer Đỏ có thể kiểm soát mọi khía cạnh của đời sống chúng tôi, họ vẫn không thể xoá sạch được trí óc của chúng tôi, chùi sạch bong trí óc của chúng tôi như chùi một cái nồi đồng rỗng. Ở ngay giữa lòng cái sợ hãi hàng ngày, tại một ngôi làng dưới chế độ Khmer Đỏ, đây thật là một bí mật quý báu. Cho nên tôi lấy làm hạnh diện và vui sướng được làm chứng nhân.

Đời sống của chúng tôi teo lại dần. Ít tự do hơn. Mối liên lạc gia đình cũng giảm đi nhiều. Khẩu phần thực phẩm hao hụt dần, cũng như không gian sống của chúng tôi thu hẹp lại nơi túp lều nhỏ, thật sự là một cái chuồng, nơi cả gia đình tôi hiện đang ở. Khẩu phần gạo chỉ còn một phần năm so với những gì chúng tôi nhận được ở Year Piar, và vẫn tiếp tục giảm, chỉ có thể đong bằng lon sữa bò. Đến lúc này, số lượng rút từ vài lon lúa xuống đến mức chỉ đủ nấu cháo lỏng, mà chúng tôi phải thêm vào cám heo và muối. Tuần đầu khi đến đây, chúng tôi còn nhận

được vài lạng thịt heo. Rồi giảm cho đến hết, cũng như muối thô, thoát tiên chúng tôi được nhận vài thia và cuối cùng là không có gì cả.

Nhưng ngay cả khi khẩu phần thực phẩm bị cắt, yêu cầu lao động của chúng tôi vẫn giữ nguyên như cũ. Chúng tôi phải làm việc nhiều giờ liền trong rừng để trồng những cánh đồng khoai lang và cây ngọc giá. Cứ mỗi buổi sáng, một tên chỉ điểm Khmer Đỏ còn trẻ đi qua làng chúng tôi, rống lên tin xấu “Dậy! Dậy đi làm việc!” Nằm trong lều, chúng tôi nghe thấy tiếng kêu chói tai ấy khi nó tiến tới gần. Tôi cố nhắm mắt, ước chi cả tai của tôi nữa cũng khép lại được. Nhưng nếu bạn không nhúc nhích, có khi hấn còn thò mặt vào trong lều của mình luôn. Nó chỉ mới mười hai, mười ba tuổi nhưng nó mang cái quyền lực đáng sợ của Khmer Đỏ.

Có lần tôi nghe tiếng một phụ nữ lớn tuổi – vốn đẹp và bảnh bao trước khi bị nạn thiếu dinh dưỡng và lao động đồng áng huỷ hoại – đã chửi nhỏ sau lưng tên này. Bà ta mang biệt danh “Bà nội hai ký” từ trọng lượng số đất mà bà có thể mang nổi mỗi khi lao động. Và sáng sớm hôm đó, tôi nghe tiếng bà ta thì thầm càu nhàu một cách độc địa “Mày là đứa sẽ bị bom đánh chết đấy. Tao chưa ngủ đủ giấc, thế mà mày đã đánh thức tao dậy. Mày mà còn trở lại nữa, tao sẽ ném đá vào đầu mày đấy”.

Từ nhà bên cạnh, tôi nghe tiếng người hàng xóm già bật cười sau vách “Thôi bà nội hai ký ơi, đừng có lắm lời thế” ông ta nói nhỏ “Cẩn thận đấy, đừng cố tỏ ra can đảm làm gì”.

Sự thiếu dinh dưỡng bắt đầu gây tác hại lên mọi người. Làn da một thời bóng láng và mái tóc đen mượt của Mak bây giờ cho thấy những dấu hiệu của sự đói khát. Mắt bà sưng lên, tóc bà dễ gãy và thô, còn làn da phủ lên cánh tay và gò má thì giống như một tấm khăn trải giường mỏng và lỏng lẻo, như thể cơ bắp của Mak bị ăn mất từ bên trong vậy. Thân thể gầy gò vì đói của bà đã phản ánh tình trạng còn lại của những người chúng tôi như thế nào.

Khi Khmer Đỏ đang rút cuộc sống ra khỏi chúng tôi thì chúng tôi cũng vừa cạn hồ nước – thật ra đây chỉ là một cái ao nhỏ mọc đầy tảo và cỏ nước. Ngoài ra còn điếm thêm đủ thứ côn trùng, trầm tích và rác rưởi. Nước hôi mùi bùn, nhưng đó là tất cả những gì chúng tôi có, cái hồ khác gần nhất cũng cách chúng tôi nhiều dặm đường. Vì thế chúng tôi đành phải uống, uống cho thật nhanh để khỏi thấy mùi hôi. Dân làng này hành động như thể một chiếc vòi voi khổng lồ hút ngay cả thứ nước hôi hám để làm dịu cơn khát đã. Thêm vào đó, chúng tôi còn dùng nước hồ này để giặt giũ, tắm rửa, rửa nồi niêu chén bát. Những người không chút hiểu biết tối thiểu nào về vệ sinh đã đổ luôn cả nước bẩn lẫn xà phòng bên bờ hồ. Một số nước thấm vào đất sét, số còn lại chảy ngược xuống hồ.

Thế là chẳng bao lâu chúng tôi có thêm một người hàng xóm mới. Thần chết đã đến cư trú tại đây, như một người khách ác tâm không được ai hoan nghênh. Chỉ trong vài tháng, bệnh dịch bắt đầu chạm tay vào những dân cư mới. Bệnh tật mang nhiều dạng, bò vào đời sống chúng tôi

một cách lặng lẽ, lén lút. Giống như các người lớn và trẻ em khác, mỗi sáng tôi đều ngồi chồm hổm trước lều nhằm hứng lấy tia sáng mặt trời đầu tiên, cố gắng để sưởi ấm thân thể mình, cái thân thể hiện giờ đang bị hành hạ bởi những cơn lạnh lúc có lúc không kỳ lạ. Lắc lư người lui tới, cơn lạnh của tôi dịu đi dưới tia nắng mặt trời, nó như bàn tay lắc lư làm tôi thiếp đi trong tư thế ngủ ngời. Vài tiếng đồng hồ sau, thân thể của tôi chuyển từ chỗ ẩm dần thành nóng bỏng. Tôi bước loạng choạng lên lều, chỉ trèo mấy bậc thang, người tôi đã ướt đầm mồ hôi. Rồi những cơn đau nhức xuất hiện từ chân cho đến đầu. Tôi mê man và rối loạn, cuối cùng mệt lả và đói cồn cào, sau đó tôi lấy lại được tri giác.

Cứ thế tình trạng đó xảy ra hàng ngày, chẳng ai hiểu tôi bị bệnh gì. Nhưng tình trạng đó có vẻ không được khá lên, càng ngày tôi càng bị sốt nóng và lạnh dữ hơn. Tôi bắt đầu rơi vào trạng thái hôn mê. Một cách mơ màng, tôi vẫn còn biết được cái gì đang xảy ra cho mình, tuy nhiên tôi chỉ có thể lắng nghe và quan sát như một kẻ ngoại cuộc, chứ không thể điều khiển được lời nói cứ như nhào ra khỏi miệng. Thật là kỳ cục khi ý thức được rằng mình đang làm những điều vô nghĩa. Lạ lùng thay, tôi bắt đầu gào lớn, nài nỉ, đòi hỏi xin thức ăn “Cho một bát cơm với cá chiên trộn me!” – tôi gào lên như thế.

Quanh tôi có tiếng thì thào “Đó là thức ăn mà cha nó đòi đấy!” Và họ cho là hồn ma của cha tôi đã chiếm lấy tôi. “Hồn ma của cha nó đã nhập vào đấy!” Có người kết luận.

Tình cảnh thật điên rồ khiến cho tôi bối rối. Tôi có thể biết ai nói, có thể cảm thấy mắt ai đang nhìn vào tôi, nhất là cái nhìn kinh hoàng của mẹ tôi. Rồi tôi nghe tiếng một người hàng xóm đề nghị, chắc là với một thiện ý “Chắc là hồn ma của chồng chị đang đói đấy”. Tâm trí tôi thấu nhận câu nói này, nhưng thân thể tôi cứng đờ, không thể trả lời được.

Mak bay ra khỏi nhà, tuyệt vọng chạy đi tìm một ai đó, bất cứ ai có thể đổi cho bà cá và me. Mẹ không dám đến gặp những “người cũ” mà chỉ gặp những người mới đến như chúng tôi. Nhưng chẳng có ai giúp được bà. Bà đành quay về cúng cho hồn ma cha tôi tất cả những gì chúng tôi có – một bát cháo lỏng. Sau đó Mak lên một cơn đau bao tử dữ dội. Mọi người kết luận rằng bà bị trừng phạt do linh hồn cha tôi tức giận vì đã phải ra đi với bụng đói.

Thật đáng buồn, nhưng đó là điều không tránh được. Trong nền văn hóa Cambodia, chúng tôi cố hết sức để làm hài lòng linh hồn tổ tiên. Bệnh tật, rủi ro, thất vọng...tất cả thường được quy lỗi cho các linh hồn ra đi mà không hài lòng. Khi tôi cầu xin Phật che chở, tôi thường cầu nguyện cả linh hồn cha tôi nữa. Việc cúng thức ăn được xem như là cảm tạ linh hồn đã cho chúng tôi vận may, và cũng là để bảo đảm cho sự phát đạt, thành công của chúng tôi được tiếp tục. Mẹ tôi tủi nhục vì mình đã không làm thoả mãn linh hồn, nhưng chẳng có cách gì khác được. Nét mặt của bà lộ ra nỗi khổ não của mình, biểu lộ lòng bất tín cao độ “Làm thế nào mình có thể kiếm ra được một con cá vào cái thời buổi này?” bà thì thầm. Đôi mắt bà cầu khẩn. Ở

đây chúng tôi chẳng có gì ăn cả. Hỡi linh hồn, sao người nữ đòi hỏi như vậy?

Chừng nửa tiếng sau, tôi thấy trong người tôi biến đổi, như thể thân hình tôi được đưa bổng lên khỏi sàn nhà rồi rơi xuống đất đột ngột. Khả năng kiểm soát chui trở lại vào tay chân, bây giờ đã biết nghe theo mệnh lệnh của trí óc tôi. Da tôi dường như mở ra và tôi toát mồ hôi đầm đìa. “Chuyện gì xảy ra vậy?” tôi hỏi.

Chị Chea bèn giải thích rằng hồn ma của cha tôi đã chiếm hữu lấy tôi. Tôi cảm thấy sự sợ hãi trong ánh mắt của chị. Mắt chị tròn xoe khi kể lại câu chuyện vừa qua. Rồi anh Than cất tiếng, có vẻ nhẹ nhõm “Em sung sướng thấy rằng em không phải là koon cứng nhất của Pa”, anh thì thào.

Sự kiện này làm cho sức khỏe của tôi yếu hẳn, và các cơn sốt vẫn đồng hành cùng với tôi, không hề chùn bước. Ngay cả khi đau ốm, chúng tôi vẫn không có gì để ăn thêm nhằm giúp phục hồi sức khỏe trở lại. Trước nay sức khỏe của tôi phụ thuộc vào “phép thuật “ của Pa, thế mà nay ông cũng rời bỏ tôi. Thực phẩm hiếm hoi mà thuốc men thì cũng vậy. Làm sao có “phép thuật” được. Ngay cả nước sạch sẽ để uống cũng không có. Cái hồ gần chỗ chúng tôi ở đã cạn dần, cuối cùng trở thành một vết sẹo do chúng tôi tạo ra. Nó bị xoá đi, bị ô nhiễm, nước bốc hơi hết, lộ ra đáy hồ, một tấm thảm gồm cây cỏ nước khô héo. Không giống như cái hồ, chúng tôi mạnh mẽ hơn, có khả năng thích nghi hơn với trò chơi sống còn này. Chúng tôi vẫn có thể rời đi chỗ khác, tìm nước ở một nơi khác, dẫu ở cách xa nhiều dặm, và cho dù là nó không được sạch đi chăng nữa.

Người dân trong làng bây giờ bị nhiễm bệnh tiêu chảy trầm trọng. Bệnh lan tràn đến nỗi người ta coi thường cả sự hổ thẹn, ngượng ngùng. Dấu hiệu của bệnh dịch nằm ở khắp nơi, trên đồng ruộng hoặc ngay trong bụi cây gần nhà. Triệu chứng của bệnh dịch rất rõ ràng – phân đầy máu và mủ, thu hút ruồi nhặng bu đến lúc nhúc. Giấy vệ sinh là bất cứ thứ lá cây nào người ta có thể kiếm được. Tình trạng bất lực trước nỗi đau khổ làm cho người ta tủi hổ - một dạng đau đớn khác cộng thêm vào những nỗi đau có sẵn. Đôi khi chúng tôi cố làm cho chúng nhẹ đi. Sau này, khi dịch tiêu chảy đã qua, người lớn trêu đùa tình trạng bất tiện của mình bằng cách nói đùa giải thích “chẳng qua trong người tôi có một cái bù lông bị hỏng”.

Tuy nhiên có vẻ như những người khác không bật dậy nổi trước loài ký sinh truyền bệnh ấy. Trong một tuần, đứa em trai ba tuổi Vin của tôi, bị chứng tiêu chảy do viêm ruột. Cứ mỗi ngày nó làm bẩn mấy cái quần rách và mấy cái áo Mak dùng để che cho nó. Trên sàn gỗ của căn lều, thân hình nhỏ xíu của nó nằm bất động, chỉ nghe tiếng thở chầm chậm, đều đều của nó. Vin nằm nghiêng, chỉ mặc cái áo sơ mi. Phía dưới nó ở trường – không thể nào giữ cho quần của nó sạch được – và chiếc mông nhỏ xíu của nó luôn luôn bị ruồi bu đầy. Thế là chúng tôi bèn có một công việc mới. Phải có một ai đó ngồi bên cạnh nó để quạt xua đàn ruồi. Nghĩ lại chuyện

trước, tôi nhớ Pa đã từng chữa cho một người anh em họ của tôi khỏi bệnh tiêu chảy. Nếu có Pa ở đây, hẳn ông đã biết phải làm gì. Cần có muối và nước nhằm giúp cho cơ thể khỏi bị mất nước. Nhưng không có gì trong tay cả. Đuổi ruồi là cách chúng tôi làm để chăm sóc nó, bảo vệ nó. Sự bất lực ám ảnh chúng tôi.

“Mak...Mak... cho con ngủ bên cạnh má, con lạnh lắm!” Vin van xin, giọng nó nhỏ, yếu và buồn bã. “Con lạnh lắm, Mak. Để con nằm cạnh má thêm một đêm nữa”.

“Koon proh Mak (con trai thân yêu của mẹ), Mak không muốn con làm lây bệnh sang các anh chị. Con nằm sang phía bên kia nhé, con trai của má?”

Mak dỗ dành nó.

“Mak, cho con ngủ với Mak một lần nữa, một lần nữa thôi, má. Ngày mai con sẽ đi bệnh viện, rồi con sẽ khỏi. Má cho con nằm cạnh đi, con lạnh lắm”.

Vin lại bật khóc.

“Mak xin lỗi con” Chưa bao giờ Mak lại bất lực như thế. Chưa bao giờ Mak tỏ ra ăn năn như thế. Đứa con này đã được bà mang đến thế giới này nhưng bà không thể làm cho nó hài lòng. Sự kiện khắc nghiệt này sẽ dần dần giết chết bà.

Còn đối với chúng tôi, giống như lắng tai nghe dải băng nhạc của một cuộn phim buồn không có đoạn kết, nằm nép sát vào nhau cạnh Mak các anh chị em tôi cùng chia sẻ chiếc chăn và hơi ấm của nhau. Gió đêm mát lạnh bắt đầu thổi, luồn lách qua những kẽ hở trong lều. Tôi nằm khóc thương Vin. Tiếng thút thít của chúng tôi trở thành khúc nhạc buồn trong đêm mỗi khi chúng tôi đau đớn bên cạnh nó. Vin chỉ mới ba tuổi nhưng cuộc sống này làm cho chúng tôi già nhanh trước tuổi. Chỉ chừng đó tuổi Vin đã có thể diễn đạt lưu loát nhu cầu của mình, nhu cầu vô vọng nhằm sống sót.

Thật lâu trong đêm thâu, Vin khóc trong đêm lạnh tháng mười hai. Gió đập vào tàn lá của những ngọn cây cao sau lều, tạo nên một chuỗi đồng ca hoà nhịp với những cơn rừng mình vì lạnh của Vin. Làn gió lạnh vô hình đó cũng chạm vào tôi, mặc dù tôi đã rúc người dưới chăn. Rồi sáng đến, chị Ry đã sẵn sàng mang Vin đến bệnh viện của chính quyền Khmer Đỏ, gọi là Peth Preheth Preah, một cái tên còn lại từ thời trước, có nghĩa là bệnh viện Chúa Quan Phòng, hình như cách chỗ chúng tôi sống chừng ba dặm.

Thân hình nhợt nhạt, teo tóp của Vin nằm bất động khi chị Ry quẩn quanh nó chiếc xà rồng của Mak. Vin buồn rầu nhìn Mak, đôi môi nhợt nhạt của nó chậm chậm hé mở “Mak, con đi bệnh viện, rồi con sẽ khoẻ ngay, con sẽ về nhà. Con sẽ về ngay, Mak”.

Lời lẽ và cặp mắt buồn của nó nói lên một lời chia tay trầm tư. Dẫu còn bé nhỏ như thế, Vin có vẻ hiểu và cố bào chữa, an ủi Mak. Sự đồng cảm của nó giữa lúc nó chịu nhiều đau đớn của riêng mình như thế làm cho tôi bị chấn động đến tận cốt lõi. Vin còn quá nhỏ, thế mà khôn

ngoan đến mức ngạc nhiên. Có lẽ đó là sự khôn ngoan sinh ra từ một đứa bé đã bị vùi dập quá nhiều – đời sống của chúng tôi trước cuộc cách mạng, cuộc di tản ra khỏi Phnom Penh, cuộc sống lao động cường bức. Quá nhiều cuộc sống nhồi nhét vào một cuộc đời chỉ có được vài năm. Một đứa bé ba tuổi trong xe đẩy. Một đứa bé ba tuổi phải tìm kiếm thức ăn. Nó đã biết đến quá nhiều đau đớn mà tôi không thể chịu đựng nổi. Tôi muốn quỳ gối, muốn phủ phục xuống đất để cầu xin đức Phật chấm dứt nỗi đau khổ của nó.

Tôi muốn vô cùng.

“Ừ, koon proh Mak, đi đến bệnh viện rồi con sẽ lành sớm. Rồi koon sẽ trở về với Mak”. Mak nói nghẹn ngào, dứt quãng những lời bà biết sẽ sẽ không bao giờ là sự thật.

“Rồi koon sẽ trở về với Mak”, Vin lặp lại lời Mak như thể điều đó làm dịu lòng nó.

Nhiều tuần sau Vin vẫn còn ở bệnh viện. Theo chị Ry báo lại cho chúng tôi, tình trạng của nó còn tệ hơn. Chị ở lại luôn ở bệnh viện để chăm sóc cho Vin, vai trò đáng lẽ phải thuộc về chị Chea hay chị Ra, vốn lớn tuổi hơn chị Ry. Nhưng hai chị đã đi khỏi, bị triệu tập để tham gia vào trại lao động cường bách của thanh niên. Họ rời chỗ chúng tôi sau một ngày sau khi một người điềm chỉ, lãnh đạo Khmer Đỏ tên là Srouch ghé lại, ra lệnh cho họ tham dự một cuộc mít tinh. Họ vâng lời tức khắc, giống như binh sĩ bị gọi ra mặt trận. Trách nhiệm của hai chị đối với gia đình không còn nữa. Dầu không có lỗi lầm gì, Mak cũng bị tước mất quyền giữ con cái. Angka Leu đã tự bổ nhiệm mình làm cha mẹ duy nhất. Với việc hai chị phải ra đi, chị Ry phải bước vào, đảm trách vai trò người mẹ.

Thời ở Phnom Penh, ở tuổi 13, chị mảnh khảnh nhưng rất khỏe. Mái tóc đen mượt của chị cắt đều, xoã xuống vai. Tôi nghĩ, trông chị xinh xắn trong chiếc váy xanh và chiếc áo hai màu xanh trắng của chị. Lúc chị đạp xe đạp đi học, chân chị gồng lên trên pê đan xe như chân của một vận động viên.

Ngay từ lúc ấy chị Ry cũng chăm sóc cho chúng tôi và chị Chea lúc đó bị bệnh thương hàn và bệnh máu. Chị Ry là một người điều dưỡng bẩm sinh, chị ở bên cạnh chị Chea để cho Mak rảnh tay chăm sóc chúng tôi ở nhà và Pa có thể đi làm việc. Còn chị Ra dù có lớn hơn, nhưng chị rất sợ hồn ma người chết trong bệnh viện. Không giống như chị Ra, chị Ry không hề sợ bệnh tật. Cho nên chị Ra thường chọn việc ở nhà giúp đỡ Mak giặt rửa, nấu ăn hay đi chợ mua rau quả. Bây giờ 15 tuổi, trông chị trưởng thành hơn so với tuổi, chị Ry lại đảm trách nhiệm vụ chăm sóc người bệnh. Cũng như trước kia chị chăm sóc chị Chea, bây giờ chị lại ở cả ngày lẫn đêm bên cạnh Vin. Chị ở luôn trong bệnh viện, một hành lang trước đây là một phần của nhà thờ. Sàn nhà dơ bẩn, bệnh nhân một số nằm trên những chiếc giường sắt mỏng mảnh, số khác lại lăn lóc trên miếng vải hoặc tấm nhựa trải trên sàn nhà. Không khí giống như một bệnh viện đã chiến, không có một lối đi qua giữa những người nằm ngòai la liệt. Vin may mắn hơn, vì bệnh

nhân quá đông, nó được chuyển đến nhà phụ, một căn nhà gần đó xây sàn gỗ. Nó được phân một khoảng không hẹp, cách các bệnh nhân khác vài tấc. Trang phục y tế đã được thay thế bằng đồng phục muôn thưở của Khmer Đỏ là áo quần đen và một chiếc khăn rằn. Những người có thẩm quyền của bệnh viện có được giáo dục về y tế hay không thì không ai rõ. Thuốc trị liệu có sẵn để phân phát là “phân thổ”, tên mà người ta dùng để gọi thứ thuốc viên thô sơ làm từ vỏ cây và mật. Đôi khi bệnh nhân xin thuốc “phân thổ” này chỉ vì chất mật trong đó, là thứ có thể làm dịu cái bao tử đang trống rỗng của họ. Hình như thực phẩm, chỉ thức ăn thôi, sẽ được cho nhiều đau đớn ở đây.

Giống như một người mẹ, chị Ry dứt cho Vin ăn cái khẩu phần khiêm tốn của nó. Vì không có ai trợ giúp cho chị, chị phải tắm, mặc áo quần cho nó. Chị dỗ Vin và truyền hơi ấm, nằm sát bên nó mỗi đêm. Nhưng mặc dù chị chăm sóc vất vả, Vin một ngày một yếu đi. Ngày nào nó cũng khóc đòi Mak, xin chị Ry bảo Mak đến thăm nó. Chị Ry đành chuyển về lời khẩn khoản của nó, van nài Mak cho đến khi Mak kêu lên “Đừng hành hạ Mak nữa koon! Mẹ không thể đi đến bệnh viện được. Nếu đi được thì mẹ đã đi rồi!”

Mak đã nói lên sự thật đau đớn. Khuôn mặt và toàn thân của bà hiện nay đã sưng vù, trương phồng lên do chất lỏng tạo ra trong người bà. Mặt bà chỉ còn là một chiếc mặt nạ xấu xí thay cho khuôn mặt cũ, nhợt nhạt như da heo và phồng xộp, chảy xệ xuống. Đôi mắt bà hé mở, lạc thần nhìn ra từ khuôn mặt mềm nhũn, u ám và buồn tẻ ấy. Chẳng ai hiểu vì sao, chẳng ai biết cái gì làm cho tay chân chúng tôi nặng chình chịch như thế này. Mẹ tôi thì có cách giải thích “Đó là vì chúng ta không có muối”, bà nói, nhún vai. Từ lâu nay, bà đi phải có người dìu. Vào lúc này, tất cả chúng tôi – những người dân mới – đều bị giống bà. Thoạt tiên nó như một vận rủi, một lời nguyện rửa lên trên thân phận của những người mới tới đây. Phải mất một thời gian chúng tôi mới thích nghi được với sự đói kém này. Từ chỉ căn bệnh này là hamn, bệnh phù thũng. Chính tôi nữa, tôi cũng bị phù, cả chân, tay và mặt. Đột nhiên, với căn bệnh này, một việc vô cùng đơn giản như đi bộ cũng thành khó nhọc như chạy trong bùn vậy. Giống như Mak và tôi, cả Avy và Map người nào cũng sưng lên như những con búp bê căng phồng, da mặt căng và kéo ra, chân tay mập mạp so với tuổi. Lóp da giữa ngón chân của Avy làm tôi sợ hãi – nó căng ra và trong suốt, dường như chắc chắn sẽ bùng nổ. Vậy mà nó vẫn khoẻ hơn tôi, vẫn có thể đi xa để tìm nước. Tôi cảm thấy bất lực, hổ thẹn và yếu đuối khi so sánh với nó. Cô em gái khoẻ mạnh này làm tôi ngạc nhiên.

Quanh chúng tôi các thảm kịch cũng bộc lộ. Bệnh tật đã chạm tay đến rất nhiều nhà. Ngay cả “Bà nội hai ký” tính tình khó chịu bây giờ cũng nhẩn nhục, vốn tính lắm lời, bây giờ bệnh tật làm cho bà im lặng. Bệnh tật đã lấy nốt những nét duyên dáng cuối cùng trên một sắc đẹp đã tàn phai.

Một ngày nọ chị Ry từ bệnh viện trở về báo tin rằng Vin đang hấp hối. Vừa nói ra điều đó, chị co giật, gập người lại vì đau đớn.

“Mak, Vin xin mẹ đến thăm nó. Nó muốn thấy mẹ một lần chót”.

“Mak không thể đi được, koon. Đi lấy nước để uống và nấu ăn Mak còn làm không nổi, mẹ không thể đi xa vậy được”. Mẹ chậm chạp nói, không hy vọng cũng không linh hoạt. Bà bị hoàn toàn đánh sụp bởi chính thân thể của mình.

“Nhưng Vin đang hấp hối, Mak! Nó đòi mẹ, nó nhớ mẹ...” Chị Ry sụp xuống, oà khóc.

“Koon, con không nghe mẹ nói sao? Mẹ muốn đi thăm em con, nhưng chỉ vì mẹ không thể đi xa như vậy được”. Bà quá yếu không còn tranh luận được nữa. Chị Ry phải hiểu điều này. Thế nhưng vai trò của hai người đã đảo ngược một cách kỳ cục. Chị Ry giống như người mẹ, ra lệnh cho con phải vâng lời. Mak phải đến đó. Mẹ không hiểu sao? Chị cao giọng tuyệt vọng.

“Con phải nói sao với nó khi nó đòi gặp mẹ một lần? Con phải làm gì đây, hả Mak?”

“Hãy bảo với em con rằng Mak chưa thể đi xa như vậy được. Khi nào Mak đi được, Mak sẽ đến thăm nó”. Câu trả lời của mẹ là một tiếng thở dài náo ruột.

“Nhưng nó đang hấp hối...” chị Ry gào lên.

“Mẹ biết, koon, bảo em con là mẹ nói thế”. Tiếng bà chậm và đều. Dù điều gì diễn ra trong tim đi nữa, tiếng nói của bà không phản ánh nỗi đau giờ phút này. Đơn giản là vì Mak quá bệnh không còn lo gì được nữa. Ngồi bệt trên sàn nhà, thấy ôm đầu gối, Mak bắt đầu run rẩy.

“Mak ơi!” Map chạy tới khi mẹ buông niềm đau của mình. Dường như vừa rồi bà đã nuốt hết nước mắt và tiếng kêu vào lòng, chỉ để thoát ra những sợi tơ nhỏ đang sủi tăm. Tiếng khóc của mẹ như một chiếc ly vỡ lổm chổm, và chúng tôi đành đứng im lặng. Đột nhiên Map hét lên, tiếng khóc của nó làm vỡ tan nỗi đau buồn Mak đang chứa trong lòng. Bà nhìn lên như thể có ai dội lên người một thùng nước lạnh. Bà bỗng tỉnh lại.

“Đừng khóc, Koon proh Mak. Mak ngừng khóc rồi, rồi” Mak đỡ Map, ôm nó trong tay.

Nước mắt của Avy cũng tuôn xuống theo họ, chảy xuống gò má nhợt nhạt và sưng vù của nó. Vì mặt bị phù, trông nó giống như một pho tượng đang khóc. Nước mắt nằm đó, nhưng bệnh phù đã che hết nét diễn đạt của nó. Tiếng khóc nức nở của nó hoà vào tiếng khóc của Map, của Mak và của tôi. Chị Ry không chịu đựng nổi nữa. Chị bước đi. Tiếng khóc của chị kéo lê theo xuống lối đi giữa các túp lều cho đến khi chỉ còn là một tiếng vọng mờ nhạt ở quãng xa. Chị quay về với Vin ở bệnh viện, mang theo một thông điệp buồn. Tôi hình dung Vin đang nằm trên sàn nhà của bệnh viện. Tiếng khóc thảm thương của một đứa bé ba tuổi nghe chị Ry bảo cho nó biết Mak không thể đến được. Từ trong thâm tâm tôi kêu gọi Đức Phật hãy giúp đỡ Vin: Preah, xin người hãy giúp đỡ em con. Xin đừng để nó chết. Nó chỉ là một đứa bé. Xin cho nó sống để nó có thể gặp Mak một lần nữa. Chỉ một lần nữa thôi, Preah...

Tôi nhớ lại vẻ mặt đầy hy vọng và những lời nó và Mak trao đổi trước khi chị Ry mang nó vào bệnh viện “Mak, con đi bệnh viện rồi con sẽ lành sớm. Con sẽ về nhà. Con sẽ về nhà liền, Mak...” “Ừ, koon proh Mak, đi bệnh viện rồi con sẽ khỏi bệnh liền. Rồi koon trở về với Mak”. “Koon trở về với Mak”. Một trò chơi giả vờ tin tưởng. Một cuộc chia tay nhẹ nhàng. Một lời hứa không thể giữ.

Vin chết trong bệnh viện vì một căn bệnh có thể chữa trị được. Nhưng cả thế giới chung quanh đều thô bạo, lạnh nhạt với nó. Tiều tụy, khô quắt, thân thể không còn sinh khí của nó nằm trần trỗng trên sàn gỗ của bệnh viện – bộ xương của một đứa trẻ nhỏ. Khi chị Ry thức dậy bên cạnh nó, chị chồm lên và lay nó, van xin nó một câu trả lời yếu ớt. không có câu trả lời nào nữa. Liền sau khi Vin chết, chị Ry cởi cái áo sơ mi màu đỏ của nó ra. Ngay cả trong đau buồn lúc đó, chị cũng phải nghĩ về những người còn sống, phải để dành chiếc áo đó lại cho Map. Đó là điều cần thiết, một hành động tuyệt vọng. Rồi lễ tang cho nó. Hình ảnh cuối cùng của chị về nó là một thân thể nhỏ bé, bất động cuộn trong chiếc bao tải thô, do hai những công nhân bệnh viện mang đi. Họ không hề nói gì với chị, những người trông coi cái chết ấy.

Vin được chôn cất bên rìa một ngọn đồi gọi là Phnom Penh preah – Chúa Quan Phòng. Lễ chôn cất lạnh lùng vào một năm mộ vô danh. Không ai trong chúng tôi có mặt ở đó để chịu tang. Không thân nhân tề tựu, không tu sĩ cầu nguyện. Khi chị Ry mang về nhà tin này, không ai khóc. Kể cả Mak. Khóc là thừa nhận điều chúng tôi không thể thừa nhận. Tâm hồn chúng tôi đã bão hoà vì nỗi đau. Sự im lặng là phương pháp phòng vệ cuối cùng của chúng tôi.

Mak tê dại. Giống như mặt trời buông xuôi trước cuối cùng nhật thực vĩnh cửu, đơn giản bây giờ bà chỉ ngừng cảm nhận. Tôi nhìn kỹ mẹ bây giờ, và thật khó mà tưởng tượng ra cô dâu hạnh phúc, người học sinh nổi loạn, người mẹ cương quyết với nụ cười dịu dàng và lòng hy sinh thầm lặng của ngày trước. Cuộc đời của chúng tôi bây giờ chẳng còn có phần thưởng nào cả. Mỗi ngày sống và đi. Sống cho qua được một ngày khác, đó chính là phần thưởng trong cái thế giới ghê rợn này. Trông Mak đã già hơn tuổi của mình rất nhiều. Tê liệt vì đau khổ, cứng đờ vì cái chết chung quanh. Và quá suy nhược để còn quan tâm đến chuyện gì.

Mak cũng không còn đủ sức để đi bộ không đầy một dặm để thăm mẹ bà đang hấp hối, tức Yiey Srem, bà cũng mới được mang về làng này. Như là một định mệnh, tất cả những người trong gia đình phía bên Mak cũng đều chấm dứt ở Daakpo. Nhưng thật ra chẳng có gì vui trong chuyện này. Chúng tôi ít gặp nhau. Nạn đói đã làm cho thân thể Yiey Srem sưng phù lên giống con gái bà. Làn da nhăn nheo của bà ngoại tôi sưng múp lên. Một cách khá kỳ cục, có một sự giống nhau mang tính gia đình nơi bệnh phù này. Chúng tôi tất cả đều trở thành bộ lạc của những người phù thủng, tất cả những “dân mới” trong làng. Nó như một thứ huy hiệu khủng khiếp, một cách để nhận dạng chúng tôi. Chúng tôi trở thành những kẻ bị ám ảnh bởi việc

thiếu ăn. Ký ức về nó chỉ còn là một vật sống, đang thở. Nó nhiễm độc chúng tôi, làm chúng tôi mệt mỏi. Nó là mọi thứ.

Ngay cả thời gian cũng khó mà nhớ, tính được. Chúng tôi đánh dấu thời gian bằng cách nói ai đã chết và ai còn sống. Thời gian được chứng cất và nhớ lại bằng cái chết. trước khi Vin chết... Sau khi Pa bị hành hình...Đó là cách nói của chúng tôi. Trước khi bà ngoại mất, tôi có đi đến thăm bà một lúc ngắn ngủi. Việc thăm viếng kiểu như vậy bây giờ rất hiếm, đầu các thành viên trong đại gia đình tôi bây giờ sống gần nhau. Chúng tôi phải cân nhắc các vớ gập gờ như thế với nguy cơ bị trừng phạt vì đã biểu lộ “tình gia đình” – một điều mà Khmer Đỏ không tán thành. Ngay cả khi đang làm việc, chúng tôi cũng không được phép nói chuyện với những người khác trong nhà. Còn lên đi thăm viếng bà con khi đang làm việc thì còn khó hơn nữa. Và lại, chúng tôi dòn phải quyết định xem có nên tiêu thụ một số năng lượng để đi nửa dặm đường hay là dùng năng lượng đó để kiếm thức ăn, vì tất cả chúng tôi đều đói lả.

Angka thì không màng quan tâm đến chuyện đó. Nó không còn cho chúng tôi bất cứ cái gì nữa. Không muối, không thịt, gạo cũng không. Hàng ngày tôi phải tìm loại lá cây ăn được, nghĩa là bất cứ cái gì để sống sót. Một ngày nọ tôi tìm thấy loại cây dại mọc dưới các tàn cây lớn mà Mak gọi là lá vịt. Chỉ mới vài tháng trước đó là thứ lá mà chúng tôi trộn với gạo để cho heo ăn. Bây giờ, đó là thức ăn quý của chúng tôi.

“Bây giờ chúng ta còn tệ hơn cả heo nữa” – Mak lẩm bẩm, vừa nấu một nồi lá cây xanh ròn. Đó là công việc hàng ngày của chúng tôi. Ban ngày chúng tôi nhổ cây dại khỏi ruộng khoai và ngọc giá, rồi xếp lại thành từng bó. Sáng sớm hôm sau, chúng tôi bới rác, tách các bó cây dại ra để tìm các con dế đen nhỏ đang ẩn nấp dưới đó.

“Koon, koon, giúp bà bắt dế với. Bà không chạy được” “Bà nội hai ký” thường nài nỉ “Chỉ cần có hai con dế một ngày là bà sống được”.

Nòng nọc. Dế. Cóc. Rết. Chuột. Bò cạp. Chúng tôi ăn tất. Khi xới đất, chúng tôi tìm rệp như tìm kho tàng vùi dưới đất. Mắt chúng tôi quét khắp mặt đất, chúng tôi lộn ngược lưng quần, túi áo, rũ khăn để tìm xem có được chú rệp nào không. Bắt được chú nào là chúng tôi xiên vào đầu chiếc que và đưa ngay vào lửa. Những người không bắt được gì chỉ còn biết quan sát, đưa mắt van nài theo dõi từng cử động. Chúng tôi phải làm lơ như không thấy họ, và cũng làm lơ như không biết mình đang ăn gì. Chẳng ngại ngần, kiêng dè gì cả. Thức ăn là thức ăn. Mọi thứ, bất cứ thứ gì cũng đều ngon cả - chỉ cần ngửi mùi dế nướng là bao tử của tôi đã sôi lên sùng sục. Tuy nhiên, cả loài sinh vật nhỏ nhất, từ loài gặm nhấm cho đến côn trùng, đều trở nên hiếm hoi. Có hôm, thức ăn của chúng tôi dành cho cả ngày chỉ gồm có lá nấu chín mà thôi.

Cuộc sống của chúng tôi giảm thiểu lại còn một vòng tròn thật chặt. Mỗi ngày trôi qua chỉ là tính xem mình có thể kiếm gì ăn vào ngày hôm sau. Và cho đến khi ấy, chúng tôi chỉ nghĩ về ăn.

Suốt ngày. Suốt đêm.

Cái đói đã chế ngự tất cả chúng tôi.

CHƯƠNG 7

PHẦN CÒN LẠI CỦA HỒN MA

The Economist

Ngày 16 tháng Tư năm 1996

“Số người chết thật sự”

Có một ghi chú viết tay ghi nguệch ngoạc ở cuối một tài liệu ký tên hai người của Pol Pot ở Toul Sleng, trước kia là trường trung học ở Phnom Penh sau trở nên nhà tù nổi tiếng nhất của Khmer Đỏ. Ghi chú viết “Ngày hôm nay cũng đã giết 168 trẻ em trong tổng số 178 kẻ thù bị huỷ diệt”

Đó là năm 1976. Đói khát thường xuyên ám ảnh tâm trí chúng tôi, tiếng nói bên trong không làm chúng tôi dịu đi được. Nhưng Khmer Đỏ lại giảng giải cho chúng tôi nghe về sự hy sinh. Trong những cuộc mít tinh cường bức, họ bảo chúng tôi rằng chúng tôi cần hy sinh cho những lữ đoàn cơ động đang chiến đấu trên “mặt trận”, họ nhấn mạnh rằng những lữ đoàn cơ động đó đang xây dựng padewat (cuộc cách mạng). Chúng tôi, tại làng này, chúng tôi không có giá trị mấy bởi vì chúng tôi không làm việc trên mặt trận. Chúng tôi đã trồng lúa, khoai, cây ngọc quả nhưng chúng tôi nhận lại rất ít hoặc hầu như không nhận được gì từ mùa gặt. Phần lớn các lương thực đó đều được gửi cho lữ đoàn. Về sau, tôi biết chính xác “mặt trận” nghĩa là gì – đó là nơi cuộc chiến đấu duy nhất là để chính cuộc cách mạng sống sót được.

Thân thể sưng phù của Mak chẳng biết sao đã bớt đi, bà đã có thể đi lại được một quãng ngắn. Giống như một con kên kên đánh hơi thấy được thây ma ở gần, một tên chỉ điểm bắt đầu lượn quanh lều chúng tôi. Hắn ra lệnh cho Mak đi dự một cuộc mít tinh. Mak van nài rằng bà chưa được khoẻ. Nhưng hắn chụp lấy điểm rằng bà có khá hơn trước. Hắn ra lệnh là chừng nào còn đi được thì bà phải đi. Giận dữ, Mak lẩm bẩm một mình “Khi mình bị bệnh và đói không đi nổi, sao chẳng thấy hắn thò đầu vào đây? Ar’kmhaoch your! (Quý tha ma bắt mày đi)”

Nhưng lạ thay, đi họp về trông thần thái Mak có vẻ khá hẳn. Thì ra lãnh đạo làng sẽ đưa trẻ em đi xây dựng một kênh dẫn nước gần Daakpo, nơi đó có nhiều thức ăn. Cá, khoai, gạo, đủ thứ. Mak không cần kể lại với tôi, đã nghĩ chắc rằng mấy đứa con nhỏ của mình cuối cùng cũng có thể sống sót được.

“Athy, con phải đi dự mít tinh. Họ sẽ gửi con đi làm việc, nhưng nơi đó ở gần đây và ở đó có nhiều thức ăn. Khi nào có nhiều, con cứ ăn cho kên bụng”. Đó là một cơ hội để chụp lấy và bà sẽ không để vuột mất. Mak mơ màng “Có lẽ con còn có thể đem về cho mẹ một ít thức ăn nữa”.

“Nhưng như thế con phải xa mẹ, Mak ạ. Con không muốn đi đâu, con sẽ nhớ mẹ, con sẽ khóc”.

Chưa chi nước mắt tôi đã ứa ra.

“Athy, trại đó không xa đây lắm. Con có thể về thăm mẹ ban đêm sau khi làm việc xong, con sẽ có thức ăn, koon. Nếu con ở lại trong làng này, chắc tất cả chúng ta sẽ chết đói hết. Hãy đi cùng với các đứa trẻ khác. Đến đêm con lại về thăm mẹ, nếu con nhớ mẹ, nhưng con đừng ở lại đây, con sẽ chết đói mất”. Mak nhìn vào mắt tôi, muốn tôi nghe lời, mắt bà van xin tôi hãy hiểu ý định của bà.

“Con vẫn không muốn đi, Mak! Con không muốn xa mẹ. Ở đây con vẫn có thể tìm lá và các thức khác để ăn, không có sao đâu”. Thật ra tôi biết chẳng thể là không sao đâu được.

“Koon ạ, con phải đi, họ cũng không cho con ở lại trong làng đâu. Nếu con không đi, họ sẽ mang con đến Angka Leu. Con không biết họ sẽ làm gì con đâu. Mẹ không muốn họ tra tấn con, koon à. Con phải đi, con sẽ có thức ăn để sống. Đi đi, con của mẹ, hãy nghe lời mẹ đi”. Giọng bà gắng hết sức nhưng hơi thở của bà đã hụt. Bà bất bình một cách khốn khổ. Tôi chỉ còn có thể khóc. Đây là một lựa chọn khắc nghiệt, thực phẩm hoặc ở bên Mak. Trong thời buổi khó khăn này, tôi không thể chọn lựa. Sự thiếu ăn làm cho tôi rối loạn, đầu óc nhẹ tênh, không còn suy nghĩ gì được. Chẳng có cái gì tôi có thể dựa vào được nữa. Cuối cùng tôi không còn chọn lựa nào. Tôi mới mười tuổi và tôi rất cần mẹ tôi. Thế nhưng việc nhắc đến thức ăn đã kéo tôi lại, những kỷ niệm về thực phẩm tôi đã từng có ở Phnom Penh sống lại trong ký ức tôi. Các kỷ ức này làm tôi lưỡng lự. Và cả sợ hãi. Cả một mớ câu hỏi không ai có thể trả lời – Cái gì sẽ xảy ra nếu họ nói dối, như họ đã từng làm trước đây? Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi không bao giờ gặp lại Mak, chị Chea, chị Ra, những người đã đi xa hàng tháng trời? Không có một lời hay thư từ gì của họ cả. Nếu Mak chết đói trước khi tôi trở lại thì sao?

Tối đến, tôi đi dự cuộc mít tinh. Khi đến gần Sahakar [\[1\]](#) tôi đưa tay quạt nước mắt, xóa đi mọi vết tích của sự yếu đuối. Trước Sahakar có chừng năm mươi trẻ em. Trời tối, tôi không nhìn rõ mặt của những người lãnh đạo. Tôi đến ngồi vào phía sau, một vài cái đầu quay lại nhìn tôi. Tôi không phải là người duy nhất tuyệt vọng. Phía trước tôi, bọn trẻ cũng đang chìm sâu trong nỗi buồn của chúng. Chúng tôi chỉ là những pho tượng nhỏ bé, ngoan ngoãn, vâng lời. Mùi nồng nặc của phân bò và nước tiểu bốc lên từ mặt đất. Trăng soi sáng đêm lạnh và gió. Tôi đưa mắt ngắm cái bóng đen của người lãnh đạo, và tôi bị hút hồn khi nghe ông ta nói về thức ăn. Ông ta làm như cuộc sống trong lũ đoàn thiếu niên giống một tiệm ăn hoặc một buổi tiệc ngoài trời vậy. Ông tung ra đủ các câu thần chú.

Tôi trở về nhà và chìm ngay vào giấc ngủ sâu. Một giọng nóii trầm trầm vang từ xa rồi lớn dần lên. “Kó ma...(trẻ em).. đi đến Sahakar...đến Sahakar..”

Tôi mở mắt và thấy trời còn tối. Tim tôi đập mạnh. Tôi bò lại gần Mak. Tiếng nói lạnh lạnh tiến

lại gần. Tôi sợ họ mang tôi khỏi Mak và không bao giờ tôi có thể trở về với bà được nữa. Nằm cạnh Mak, tôi thấy dễ chịu vì sự hiện diện ấm áp của bà, nghe tiếng thở nhẹ nhẹ của bà khi đang ngủ. Tôi không muốn đi, tôi biết rằng tôi sẽ rất nhớ bà bắt đầu từ bây giờ. Tôi hiểu rằng tôi cần mẹ hơn là thức ăn.

“Trẻ em, hãy đến Sahakar ngay...” tiếng nói chỉ còn cách chúng tôi hai căn lều.

Mak giật mình tỉnh dậy. Tôi sợ hãi, bồn chồn, cố nằm yên giả vờ đang ngủ say. Mak ngồi lên và lay cánh tay tôi “Athy, dậy đi, dậy đi koon! Đã đến giờ đi rồi. Dậy đi con!”

Tôi khóc “Mak, con không muốn đi xa mẹ. Con không muốn đi, Mak ơi!” Tôi van nài, nhìn vào cái bóng đen của mẹ trong nền tối mờ của bầu trời chưa sáng.

“Koon, Mak đã giải thích cho con rõ ngày hôm qua rồi là con không thể ở lại được. Bây giờ Mak không có thời giờ để nhắc lại nữa. Con phải đi, con ạ. Tên chhlop kia đang đến gần đây”.

“Các đồng chí,” tên chỉ điểm gào lên, hấn đang đứng cạnh lều của chúng tôi “Đi đến trước Sahakar, nhanh, nhanh lên!”

“Athy, đây, mang theo muống đĩa này con” Mẹ nói nhỏ, đưa cho tôi gói đồ dùng cần thiết.

Tôi lấy đĩa và muống gói vào khăn, ước chi Mak nói thêm gì nữa. Nhưng Mak chỉ im lặng. Tôi không thể thấy bộ mặt hay nước mắt của bà, cũng như không thể thấy mặt Avy và Map, mà chỉ thấy những cái bóng của họ, giờ đã thức dậy và đứng bên cạnh Mak. Lặng lẽ, tôi giả biệt gia đình tôi trong bóng đêm.

Lần lượt, các trẻ em đến tụ tập trước Sahakar. Mỗi người mang theo đĩa muống và áo quần được gói vào một ché khăn. Một số tên chỉ điểm đi ngược về các túp lều, đi hết từ cái này sang cái khác để chắc chắn rằng các “đồng chí lao động được” đều có mặt. Khmer Đỏ tập trung thiếu niên từ tuổi lên tám. Điều này giống như họ đi gặt lúa non vậy.

Chung quanh tôi là đội quân thiếu nhi mới – những tấm thân nhỏ bé chân trần mặc những tấm giẻ rách, hoặc các bộ đồng phục bạc màu, tồi tả. Tất cả áo quần đều có một màu xám xịt do dùng quá nhiều và thường xuyên ngâm trong nước bùn. Một vài đứa còn không có nổi một chiếc khăn, là món đồ cần thiết nhất, vừa dùng như áo quần vừa là một túi xách. Chúng cầm đĩa và muống trong tay, hay là nhét vào ngực. Thỉnh thoảng tôi liếc trộm chúng, tự hỏi chúng có nhớ mẹ như tôi đang nhớ mẹ tôi không.

“Ahh! Sắp theo hàng một! Các đồng chí, đi theo hàng một!” một tên chhlop vị thành niên gào lên dữ tợn “Sắp hàng! Sắp hàng! Thẳng! Không nói chuyện! Bất cứ đồng chí nào bị bắt gặp đang nói chuyện sẽ bị đem đi cải tạo ngay!”

Mắt hấn nhìn khắp mọi người, chờ bắt gặp một lỗi lầm nhỏ nhất. Như những nô lệ nhỏ bé, chúng tôi bị các tên chỉ điểm kiểm soát sát sà và đoàn người chậm chạp di chuyển dưới sự hướng dẫn của chúng. Và tôi thì thầm lời giả biệt với Mak.

Nơi đây không có đường xá, và chúng tôi đi xuyên qua vùng nông thôn bị chia cắt bởi những cánh đồng lúa xanh xa xa. Tôi lách qua những bụi cỏ cứng hình dáng kỳ lạ, một phong cảnh khác hoàn toàn với khu rừng nơi chúng tôi sống. Khi chúng tôi đến một đồng cỏ bát ngát, sương buổi sáng sớm rơi xuống những ngọn cỏ cứng, rửa sạch bụi trên lá và tôi cảm thấy lạnh. Tôi tự hỏi tại sao chúng tôi cứ tiếp tục đi xa mãi. Họ chẳng bảo là chúng tôi sẽ lao động gần nhà sao? Còn xa bao nhiêu nữa? Tôi kinh hoàng khi nhận ra rằng họ lừa chúng tôi đến đây bằng lời nói dối, nhưng chúng tôi vẫn lê bước đi theo hàng.

Khi chúng tôi đi xa khỏi các xóm làng, hàng cây trông nhỏ lại. Khắp nơi là các cánh đồng mạ nay bỏ hoang, khô cằn và cỏ dại mọc đầy. Mỗi cánh đồng mạ có một đường đất nhỏ viền quanh, đó là những bờ ruộng giữ nước để cấy mạ. Chúng tôi bước lên những bờ ruộng nhô cao, rồi lại bước xuống, đi vào các đồng ruộng trống rỗng, trơ trụi và khắc nghiệt.

Chúng tôi đi nhiều tiếng đồng hồ và các chhlop bắt đầu dừng lại nghỉ. Dường như họ đã bỏ rơi chúng tôi thật xa, khuất hẳn phía trước mặt biết rằng chúng tôi vẫn theo sau. Mặc dù tôi rất sợ họ nhưng tôi càng lo lắng hơn nếu lạc mất họ. Mất dấu họ là có nguy cơ lạc đường, bị đói đến chết. Vì vậy, mọi người vội vã bước theo họ, nhưng tôi vì mệt quá vẫn bị tụt lại phía sau. Bàn chân tôi, vốn đã bị bầm dập và yếu ớt, bỗng đập phải một cái gì sắc nhọn. Tôi đau đớn đến tận óc. Tôi cố gắng không kêu thét lên, và buông mình ngồi bệt xuống đất. Tôi thấy dưới đất có một cành cây đầy gai nhọn, một trong những chiếc gai đó gãy ra và đâm vào chân tôi. Gai có màu đen và nằm thật sâu trong thịt của tôi, chỉ có một đầu thò ra khỏi gan bàn chân. Tôi cố nhổ ra nhưng nó vẫn bám chặt. Tôi gắng một lần nữa nhưng nó vẫn ngoan cố không chịu ra. Tôi nhìn lên và thấy mọi người phía trước đã đi khuất. Sợ hãi, tôi bật khóc, nghĩ rằng mình tiến thoái lưỡng nan ở đây mà không có thức ăn, không có nước uống.

Tôi cố nhớ lại xem bọn chhlop dẫn đầu đã đi về phía nào, nhưng không cách chi nhớ được. Cái gai càng đâm sâu thêm vào chân tôi. Nỗi sợ hãi không đến được trại lao động tăng lên. Ý tưởng đó làm tôi khóc thét.

“Athy, Athy, tại sao bạn khóc vậy?” một giọng nói nhỏ nhẹ vang lên.

Tôi quay lại và thấy Cheng, một đứa bé trạc tuổi tôi mà tôi quen biết ở làng Daakpo.

“Cheng,” tôi kêu lớn. “Những người đó đi đâu mất rồi. Chỉ còn hai đứa mình ở đây. Mình giẫm phải một cái gai và không lấy nó ra được”. Tôi nhẹ nhõm vì ở đây với Cheng, một “dân mới” giống như tôi.

Cheng lấy ra một củ khoai bằng nắm tay và chìa nó ra cho tôi. Đây là thức ăn tôi thấy suốt ngày hôm nay. Nó nhẹ nhàng bảo tôi “Athy, đừng có khóc nữa. Chân mình cũng rất đau, mình cũng mệt và đói như bạn vậy”.

“Cheng, lấy giùm mình cái gai ra được không? Mình đau lắm, không đi nổi.”

Nó vói tay lấy cái gói buộc trong khăn rồi lấy ra một chiếc kẹp áo lớn. Cheng liếm ngón tay và chùi bùn nơi chân tôi. Nhẹ nhàng, nó lấy đầu chiếc kẹp lần tìm cái gai nằm sâu trong thịt tôi rồi nhổ ra bằng ngón trỏ và ngón cái.

Cheng bây giờ có vẻ thoải mái “Chúng mình sẽ giúp nhau tìm ra đường”.

“Chúng mình cùng đi với nhau nhé? Nhưng bạn có chờ mình nếu chân mình đau không?”

“Bạn cũng phải chờ mình nữa nếu mình bị mệt, nghe?” Cheng nhìn tôi và gật đầu.

Cheng và tôi lại khởi hành, ngang qua một rừng cây, rồi đi vào một cánh đồng cỏ vàng, dày, cao hơn cả hai chúng tôi. Những cuống cỏ bị bó chặt vào nhau cào xước mặt tôi. Chúng tôi qua được một bụi cỏ này thì lại chui vào một bụi cỏ khác.

“Cheng này, đám cỏ này cao quá khiến mình không thể biết mình đi đâu nữa” Tôi cố lắng tai nghe tiếng bước chân, tiếng nói chuyện để biết là chúng tôi đi đúng đường. Nhưng tất cả những gì tôi nghe thấy chỉ là tiếng rì rào của đám cỏ bị chúng tôi rẽ ra.

Cheng trông rất mệt nhưng cánh tay nó, nhỏ như chiếc thước học trò, cố đẩy đám cỏ sang một bên, thân hình nhỏ bé của nó bước qua, tiếp theo là tôi, tôi cũng mệt lả. Cuối cùng thì cả rừng cỏ dày đặc cũng chấm dứt và phía trước mặt chúng tôi là những hàng trẻ em đi xiêu vẹo. Tôi thầm cảm ơn Trời Phật đã đến được nơi đây.

Khi chúng tôi lê bước đến gần một khóm cây, chúng tôi giật mình trước cảnh nhìn thấy. Có đến hàng trăm người lớn, mình cúi thấp, hì hục như nô lệ trên cánh đồng. Bên cạnh nhau, họ đào đất, tạo thành một con mương dài chạy song song với con đường đất đắp cao sườn dốc. Một số người dùng cuốc, cố xẻ đất ra rồi bỏ vào thúng cho người đứng phía sau. Những người kia cầm đòn gánh, đợi thúng đầy đất rồi gánh đi. Một nhóm người khác lấy đất đó đổ lên con đường dài, đắp cao cạnh mương, rồi quay trở lại lấy thêm đất. Ý tưởng đầu tiên của tôi là về chị Chea và chị Ra.

“Cheng”, tôi nói nhỏ “mấy chị của mình có thể có ở đây. Mình muốn tìm họ”. Hy vọng của tôi lại nổi lên và bay lượn trên cánh đồng.

Tôi quét mắt qua đám đông đang bận rộn làm việc, nhưng khó thấy mặt một ai. Phần lớn họ lấy khăn che mặt để khỏi bị ánh nắng mặt trời chiếu vào. Hoặc họ cúi xuống khi đào đất hay nhìn ra xa khi gánh các thúng đất đi. Tôi ngấm nghĩa các khuôn mặt bẩn thỉu, gầy trơ xương, hy vọng tìm thấy chị Chea và chị Ra. Tôi đứng bất động bên cạnh Cheng và cố tìm, cố tìm.

“Athy!” một người gầy nhom vì thiếu ăn đứng trong đám người lao động bỗng la to, đưa tay vẫy tôi liên hồi.

Tôi tiến lại gần và sững sờ. Đó là dì Rin, em gái nhỏ của Mak, một người phụ nữ trước đây trẻ trung, đẹp đẽ. Bây giờ thì dì ẩn mình trong chiếc khăn cũ kỹ choàng quanh mặt và một bộ đồ đồng phục nguyên là màu đen, giờ bị bạc đi thành một màu xám xám buồn tẻ. Cặp mắt dì với

hai hàng mi dài, và vẻ dịu dàng, duyên dáng của dì là những chứng cứ duy nhất về một con người mà tôi đã từng biết, con người mà bây giờ chỉ còn là cái bóng của con người thật trước đây của mình.

Nhiệt tình và hăm hở, dì nói: “Athy, hai chị của con, Chea và Ra, cũng làm việc ở trại lao động này nhưng họ ở bên kia kìa” Dì quay người, hướng về phía có các cây cao và im bóng ở đằng xa. “Athy, có ai khác trong nhà đi cùng với con không?” Dì hỏi tiếp “Chỉ có mình con thôi à?”

“Chỉ có mình con thôi...” Tôi bật khóc khi nghĩ đến lúc chia tay với mẹ tôi.

“Athy, đừng khóc nữa. Để dì bảo các chị con tìm con tối nay. Đừng khóc”.

Nói thế nhưng nước mắt dì lại trào ra khi dì nhìn vào mắt tôi. Tôi cảm thấy tay của Cheng chạm vào tay tôi, nó cũng khóc nữa. Tiếng thút thít của nó và của dì Rin lại khiến cho tôi khóc dữ hơn.

Đột nhiên tôi thấy đau xót cho Mak. Mẹ muốn tin vào điều họ hứa với bà. Có lẽ trong cơn tuyệt vọng bà bắt buộc phải tin. Và bây giờ là thế này đây.

“Họ đã nói dối chúng ta. Họ nói là trại lao động nằm sát làng thôi” Cheng vừa sụt sùi vừa lấy khăn lau nước mắt.

“Họ còn bảo rằng có rất nhiều thức ăn ở đây” tôi tức tưởi.

Dì Rin thì biết rõ “Họ nói dối đấy, nói thế để các cháu đến đây. Chẳng có nhiều thức ăn đâu, họ phát cho mỗi người khẩu phần gạo y hệt như ở làng, và họ bắt các cháu làm việc cho đến chết. Dì mệt quá, chỉ muốn nằm nghỉ thôi”. Miệng dì chuyển động chậm chạp, như thể dì không còn sức. Rồi một người phụ nữ dáng nghiêm khắc trong bộ đồng phục đen mới tiến lại gần nhóm dì Rin đang làm việc. Tôi ra dấu báo động cho dì. Dì sợ hãi chùi vội nước mắt và nói “Bà ta là Mekorg [2] của dì đấy. Athy, thôi dì phải làm việc. Dì sẽ bảo Chea và Ra tìm cháu...”

“Đồng chí, trở lại làm việc ngay lập tức! Đây không phải là chỗ để cho chị nói chuyện. Ai cho phép chị ngưng làm việc vậy?”

“Thì tôi chỉ nói vài câu với cháu tôi thôi mà, chỉ có vậy” Dì Rin trả lời một cách phục tùng.

Bà Mekorg đưa mắt nhìn Cheng và tôi, hừ một tiếng “còn các đồng chí kia, hai đứa đi đến trại của trẻ em, bên kia kìa! Đi ngay đi!” Cheng và tôi vội vã bước đi ngay.

Chúng tôi quanh quẩn giữa các lều dựng tạm. Chúng mọc lên như nấm dưới bóng cây mát cạnh rìa một ngọn núi nhỏ, mà tôi cho là núi Phnom Kambour. Thế ra đây là trại lao động nơi mà các đoàn cơ động được gửi đến. Đột nhiên, một người phụ nữ bước đến trước mặt chúng tôi và đưa tay chỉ một cái lều lớn như thể bà biết chắc chúng tôi sẽ đến đâu. Cheng và tôi đưa mắt nhìn nhau, bối rối nhưng nhẹ nhõm. Khi chúng tôi đến lều, thấy ở đấy một đám trẻ em đang khóc lóc. Tiếng khóc của chúng vang lên trong ánh hoàng hôn, vừa khóc vừa gọi mẹ như một bài kinh buồn.

Mấy tên chhlop quát tháo bọn trẻ, ra lệnh mọi người ngừng khóc. Nhưng bọn trẻ đang quần trí càng khóc lớn hơn. Ngay cả những tên chỉ điểm cũng không thể bắt chúng tôi ngừng khóc. Biết không làm gì được, bọn chúng rút lui để mặc chúng tôi với nước mắt.

Không hề báo trước, các đầu bếp đột ngột xuất hiện mang theo cơm và cháo trong mấy cái nồi lớn màu đen. Vừa nhận ra có thức ăn, mọi người, trong đó có Cheng và tôi, đều ủa chạy lại phía nhà bếp. chúng tôi vây quanh họ. Miệng tôi sủi nước bọt, bao tử thì gầm réo. Giống như mấy đứa trẻ kia, tôi cầm sẵn bát, đĩa để đợi chia phần, mắt thì chăm chăm thềm thường nhìn vào soong cháo trắng nhờ nhờ màu sữa và nồi cơm. Tôi hầu như dùng mắt để ăn hết mấy thứ đó, vì thứ duy nhất tôi ăn được suốt cả ngày từ khi rời làng Daakpo đến giờ là miếng khoai cỡ bằng ngón chân mà Cheng cho.

Sau khi nhận phần cơm xong, tôi, Cheng, cùng các đứa trẻ khác lại chạy đến lãnh phần cháo, vây quanh bà nhà bếp lúc đó đang quậy nồi cháo trắng như sữa với mấy con cá nhỏ. Đầu và mắt cá đang nhô lên như đăm đăm nhìn chúng tôi.

Nhà bếp đặt xuống đất một cái bát nhựa ngay giữa chúng tôi rồi rót chất cháo trắng đục có vài con cá vào đó. Bà vừa rót ra là mọi cái muỗng đều sục vào bát. Mọi người đều có cùng một ý tưởng – ai cũng muốn ăn cá và tất cả đều biết rằng không có đủ cá cho mọi người. Ai nhanh tay thì múc được cá còn ai chậm thì chỉ còn đứng khóc. Chúng tôi đã học cách để không chú ý đến cặp mắt buồn bã của kẻ khác và lập tức ăn miếng cá của mình ngẫu nhiên.

Lạ thay, nhà bếp cho chúng tôi thêm một phần cháo khác. Bà chưa rót cháo ra bát xong, thì một cô bé kêu lên “Đừng lấy hết cá đó”. Tiếng nói của nó làm tôi cũng như những đứa đã có phần cá cứng người lại. Chúng tôi không chen đến tô cháo để giành cá nữa cho đến khi nó và hai đứa khác trong nhóm đã lấy được phần cá đầu tiên. Tôi cảm thấy tội nghiệp cho nó, và cho tất cả chúng tôi nữa, là đã lao đến đây, vật lộn với nhau để giành giật một miếng xương. Nhưng bây giờ tôi thấy nhẹ nhõm vì mọi đứa trong có thể đều có được cá. Mặc dù bị cơn đói hành hạ, chúng tôi vẫn chưa hoàn toàn mất hết ý thức nhường cơm xẻ áo, tinh chất lịch sự của con người mà Khmer Đỏ đã cố lấy đi của chúng tôi.

Sau bữa ăn, Cheng và tôi nghỉ, ngồi bệt trên đất dưới tàn cây cao vì hiện chúng tôi chưa có chỗ trú. Đêm nay là đêm đầu tiên trong đời tôi nhận ra rằng tôi có thể mất Mak dễ dàng như tôi đã mất Pa vậy. Trước nay tôi chưa bao giờ xa mẹ, và bây giờ cái khoảng cách này làm cho tôi đau đớn. Mắt nhắm lại, tôi có thể hình dung ra Mak hiện giờ đang sửa soạn bữa ăn tối, cúi mình trước ngọn lửa bếp, đổ nước vào nồi rồi thả lá vào. Lời bà nhỏ và chậm, dịu dàng như bảo đem bát này cho em con, hay con đi rửa mặt đi. Toàn những lời thông thường, nhưng được nói ra một cách tử tế, dịu dàng mà tôi không bao giờ nghe thấy được ở nơi này.

Tôi nhớ Mak mơ ước về thức ăn, thường bảo chúng tôi bà ao ước có được gì để ăn. Bà thường

nói “Có được một bát cơm với muối thì tuyệt vời như ở thiên đường”. Thế mà hôm nay tôi có được bát cơm và cả cháo cá, còn nhiều hơn cả ước mơ thiên đường của bà nữa. Tôi chỉ được ăn một bữa, nhưng tôi cảm thấy ăn năn tội lỗi. Tôi ước chi mình có cách nào chia xẻ bữa ăn này để làm dịu cơn đói của mẹ. Nhưng Mak ở quá xa – ngay cả khả năng hình dung ra bà của tôi cũng mờ dần đi. Rồi từ trong bóng tối, tôi bỗng nghe một giọng nói quen thuộc. Tôi nhìn lên và thấy một bóng đen đang gọi tên tôi. Chính là chị Chea! Chắc dì Rin đã báo cho chị biết là tôi đang ở đây! Và bây giờ chị đến tìm tôi.

Tôi nhồm dậy, quên hết mọi người ở chung quanh, cả Cheng và mấy đứa trẻ đang khóc lóc. Chị chạy đến và quàng tay ôm lấy tôi. Bóng tối làm tôi không trông rõ lắm, chỉ thấy chị hình như gầy hơn. Chúng tôi ôm nhau đi quanh một vòng, như những ngày xa xưa êm đềm.

“Athy, em đến đây lúc nào?” – chị Chea có vẻ quan tâm.

“Mới được một lúc thôi” – tôi thấy dễ chịu vì sự có mặt của chị. – chị cả của tôi mà.

Chị thắc mắc tại sao tôi lại đến trại này, và nghĩ rằng đáng lẽ tôi phải ở lại với Mak – “Đúng ra em không được rời Mak. Ai sẽ săn sóc cho Mak bây giờ? Mấy đứa con lớn đều đi cả rồi”.

Tôi giải thích cho chị hiểu rằng tại sao Mak muốn tôi đến đây.

“Họ nói dối để cho em đi đó. Họ dối mọi người, đáng lẽ em nên ở nhà với mẹ. Em còn quá nhỏ không thể làm việc ở đây được. Công việc ở đây quá nặng cả đôi với những người lớn như chị đây”, chị Chea nói, chị có vẻ buồn phiền.

Bây giờ tôi mới thấy sợ không biết điều gì sẽ xảy ra với Mak, tôi cũng sợ cho chính mình, không biết mình có sống sót qua việc lao động nặng nề ở đây để gặp lại mẹ không.

“Chị Chea ơi, em cũng muốn về với Mak, em muốn về. Làm sao em về được bây giờ?” Tôi khóc, muốn chị tìm cách giúp tôi, nhưng chị không trả lời, chỉ siết chặt tôi hơn.

Chị Chea dẫn tôi lại chỗ chị ở, tôi ngồi chờ một mình còn chị phải trở lại để làm xong việc được giao. Mỗi ngày mỗi người phải đào một số mét khối đất định sẵn, phải làm cho xong. Tôi ngồi khóc cho đến khi chị Chea dẫn chị Ra trở lại nơi chỗ ở.

“Athy này, chị nghe bà Mekorg của chị nói ngày mai họ sẽ đưa bọn trẻ đến một trại lao động ở Oh Runtabage, họ có nói với em vậy không?” Chị Chea hỏi nhỏ.

“Không, em không nghe gì hết”. Tôi thút thít, cổ nuốt lấy không khí. Tên Oh Runtabage có nghĩa là dòng suối bị sét đánh. Tôi lại thấy sợ hãi vô cùng. Chị Chea an ủi tôi, nói rằng như thế tôi sẽ gần Mak hơn là nếu tôi ở Phnom Kambour với chị và chị Ra. Nhưng tôi vẫn không thể hình dung được việc thấy Mak, dầu là ở đâu, nên lời chị chẳng an ủi được tôi. Chưa chi tôi đã thấy nhớ hai chị, dù chị Ra rất ít khi nói với tôi. Trông chị mệt mỏi, bơ phờ. Hai chị vẫn là chị tôi, nhưng không còn là các cô gái hay nói, vui tính mà tôi từng biết. Cả chính tôi nữa, cũng mắc cứng trong nỗi sợ hãi và buồn bã nên không nói gì nhiều. Tôi khóc cho đến khi kiệt sức, tôi

chìm vào giấc ngủ bên cạnh chị Chea, bỗng bình trong giấc mơ được gặp Mak.

“Athy, Athy dậy đi! Dậy đi em!”

Tôi mở mắt và thấy trời còn tối. Tiếng nói quen thuộc, và trong lúc buồn ngủ tôi cứ tưởng là mình đã trở lại Daakpo.

“Dậy đi, Athy, em phải đi!”

Chị Chea vừa nói vừa nâng đầu tôi lên. Cả người tôi đau nhức ê ẩm. Tôi miễn cưỡng nhóm dậy và chị Chea dắt tôi trở lại chỗ hôm qua chị tìm gặp tôi. Tôi cũng không có thời giờ kịp chào chị Ra nữa.

Tôi cố cầm nước mắt khi nghe một giọng nói dữ tợn hỏi “Ai trong các đồng chí, ai trong các em muốn làm thiếu nhi dũng cảm của Angka Leu nào? Đứng vào đây”. Tôi giật mình, bị hút hồn bởi tiếng nói của người đàn ông đó và bởi những bóng đen như bóng ma của những đứa trẻ đứng yên lặng bên đồng lửa.

Có người đặt nhẹ tay lên vai tôi “Athy, em phải trở lại. Mong cho P’yoan srey (em gái) chỉ gặp chuyện tốt lành khi em về Oh Runtabage. Hãy tự chăm sóc lấy mình. Lea Haey (tạm biệt) p’yoan”. Tiếng chị Chea thì thào lời cầu chúc, rồi tiếng nói khuất đi. Tôi quay người cố nhìn chị. Chị đã khuất trong rừng cây, để lại tôi với những đứa trẻ đang thốn thức.

Chúng tôi đi khỏi Phnom Kambour, Khmer Đỏ để đoàn “thiếu nhi dũng cảm” đi bước đầu trên con đường đất đang xây dựng, chiếc cầu đất được đắp bởi những người chúng tôi vừa rời bỏ. Đoàn Khmer Đỏ tung ra một bài hành khúc. Chung quanh tôi, những bàn tay nhỏ xíu đưa lên không, ngoan ngoãn lặp lại lời bài hát nhiều lần, chúng tự gọi mình là “những thiếu niên dũng cảm” của Angka Leu. Chúng reo, chúng hát, chúng nhảy múa.

Cuộc hành trình đến Oh Runtabage mệt nhọc và lạnh. Chúng tôi đến Oh Runtabage thì trời đã xế chiều. Trại ở xa cũng hẻo lánh như Phnom Kampour. Cây cối mọc thành một rào chắn dày bên mỗi bờ suối, phủ bóng cây xoắn vào nhau xuống dòng nước màu nâu đục, làm cho dòng suối trông cạn hơn thật. Cạnh dòng suối là một cánh đồng cỏ vàng mọc cao trải tít ra xa. Không có lều trại, chỉ có bóng râm. Tôi thấy đói và mệt mỏi.

Lập tức làm việc ngay. Họ ra lệnh cho chúng tôi kiểm củi để nhà bếp dùng nấu cơm. Một số chúng tôi thì phải đào những hố lớn để nấu ăn. Phần tôi thì giúp mấy đứa khác đào hố nấu bếp. Tôi đào cho đến khi cả người tôi run rẩy vì mệt. Thấy trời đất quay cuồng, tôi ngưng đào và thở mạnh.

Tôi tự nói nhỏ “mình bệnh rồi”. Một vài đứa liếc nhìn tôi khi thấy tôi quy xuống. Tôi nhắm mắt, gục đầu trên đầu gối, núp sau hàng thiếu nhi đang làm việc để chúng chĩa khuất tầm mắt của bọn chhlop. Tôi rất sợ bị bọn chỉ điểm thấy, nhưng rồi mệt quá tôi chẳng quan tâm nữa. Cuối cùng cũng đến giờ ăn, thế là họ không bắt được tôi trốn việc. Sau khi ăn xong, một tên

Khmer Đỏ dẫn chúng tôi đến rừng cây dọc theo bờ suối nơi chúng tôi sẽ làm nơi trú ẩn. Trước hết chúng tôi phải đẽ các bụi cây để lấy chỗ trống, rồi thì dựng “tường”, thật ra chỉ là những nhánh cây nhỏ cột lại. Những người mang theo quần áo dự trữ thì dùng quần áo này làm nệm trong khi Cheng và tôi gom lá lại để làm chỗ nằm. Những đứa trẻ gốc địa phương, tức “dân cũ”, được chọn lựa nơi làm “nhà” trước, và nơi nào chúng không chọn thì thuộc về chúng tôi, bọn “dân mới”. Tất cả đều được thực hiện để cho người nông dân đứng về phía bọn Khmer Đỏ.

Vì quả thật mới mẻ trước công việc này, Cheng và tôi đồng ý với nhau phải xem bọn “dân cũ” dựng nhà thế nào rồi sẽ bắt chước. Chúng tôi quyết định tìm ba cành cây gần chúng, nơi chúng đang dựng lều dã chiến. Chúng tôi đang quan sát chúng làm việc thì bị chúng bắt gặp.

“Chúng mày nhìn cái gì?” một con bé địa phương gầm gừ, nói kiểu rurdern, kiểu nói lè nhè đặc biệt của vùng tây bắc. Trước đây cái giọng như thế thường làm tôi bật cười. Còn ở đây, tôi chỉ dám cười rúc rích trong bụng. Thật khó mà không chế giễu người mà mình coi thường. Nhưng tôi cười như thế thì không ai bắt tôi được.

Cheng và tôi quay đi. Tôi nói nhỏ với Cheng, bắt chước giọng lè nhè của con bé “Chúng mày nhìn cái gì?” Cheng cũng nhạo theo, và chúng tôi cười thầm với nhau. Trong một lúc chúng tôi tưởng như còn ở trường, với tiếng cười rúc rích của lũ con gái.

Cheng và tôi dựng một túp lều nhỏ xíu cách xa lều của những đứa khác, cạnh mép bờ suối. giống như bọn “dân cũ”, chúng tôi bắt chước lấy dây leo và cành cây ráp lại thành mái và tường, mái thấp đến nỗi chúng tôi phải bò ra bò vào căn lều. Nhưng tôi vẫn mỉm cười khi thưởng thức công trình nhỏ bé vừa làm xong, và tôi mừng vì có Cheng bên cạnh để giúp đỡ. Tôi tự hỏi không biết điều tôi nghe nói hồi còn ở Phnom Penh có đúng hay không. Người lớn Cambodia thường nói “Ở nhà thì có một bà mẹ xa cách, còn ở rừng thì chỉ có một bà mẹ thôi”. Ở nơi hoang dã này, chúng tôi phải gắn kết với nhau. Ở đây, Cheng là gia đình của tôi. Hy vọng chính là người mẹ vô hình của chúng tôi, và sự hiện diện của nó cũng an ủi chúng tôi rất nhiều.

Ban đêm thì chúng tôi như một gia đình, nhưng ban ngày thì không thể như thế khi chúng tôi làm việc. Mỗi sáng vào khoảng bốn giờ, người lãnh đạo đoàn của chúng tôi cùng với đám “con cưng” của mình, hét lên lạnh lạnh trong không trung “Dậy đi, dậy đi. Làm việc, làm việc...” Giọng của bà ta rất khó chịu, mặt thì thường xuyên cau có. Bà luôn luôn nhăn mặt khi ra lệnh cho chúng tôi, như thể chúng tôi không đáng cho bà nhìn. Có qua thì có lại. Tôi cũng chẳng ưa bà ta. Bà người gầy, tóc xoăn đen cắt ngắn và da sạm. Nếu có người lớn ở đây họ sẽ nói rằng bà ta có trái tim còn đen tối hơn cả nước da nữa. Lúc nào bà ta cũng la hét chúng tôi, ngay cả khi chúng tôi đã thức dậy và xếp hàng ra đồng. Chúng tôi đi, mắt nhắm mắt mở, chỉ nghe thấy toàn là những lời lẽ độc địa của bà ta.

Chắc để được khen thưởng, bà Mekorg này càng ngày càng đánh thức chúng tôi dậy sớm hơn. “Con mụ đàn bà độc ác!” Cheng rít răng nói trong hơi thở “Con quái vật này đánh thức chúng mình dậy thật sớm để đi làm việc, nhưng nó và người của nó thì đi ngủ trở lại. Bon chó!” Cheng càu nhàu.

“Làm sao bạn biết họ đi ngủ trở lại?” tôi hỏi, ngạc nhiên.

“Mình trốn ra chạy đến chỗ nhà bếp để kiếm đầu cá. Rồi mình rình thấy họ ở gần lều tụi mình đó” Cheng nói nhỏ “và mình thấy họ ngủ. Bọn chó!”

Bây giờ tôi mới biết tại sao Cheng biến đi đâu mất trong lúc chúng tôi sắp hàng chờ phát phần ăn. Tôi cũng chú ý không biết tại sao nó đi xa ra để ăn một mình, hoặc ăn mà xoay lưng lại phía tôi và các đứa trẻ kia. Nó thật can đảm, tôi thầm nghĩ, ngắm nhìn nó làm việc cặm cùi trong bóng râm của buổi sáng.

Ngày hôm sau, khi nó đứng phía trước tôi đợi phát khẩu phần ăn, tôi mới biết rằng Cheng để đầu cá trong cái khăn. Tôi muốn xin nó vài đầu cá, nhưng tôi thấy sợ mấy tên chhlop đang đứng bên cạnh bà bếp. Tôi liếc nhìn nó, rồi tên chhlop, và sự lo lắng làm cơn đói càng cồn cào hơn. Tôi bần chồn, nhưng táo bạo hơn. Tôi bước lên phía Cheng và thì thào “Cho mình vài cái đầu cá được không?”

“Athy, ngừng nói chuyện với mình đi. Bọn chhlop thấy chúng ta đó” Cheng xuyt thật nhỏ.

Nhưng tôi đã thu hút sự chú ý của tên chhlop. Hắn quay mình, đếm hàng thực phẩm, và tôi vội quay nhìn đi chỗ khác, giả vờ như mình không hề nói tiếng nào. Khi hàng người tiến lên một bước, tôi cũng tiến lên giống mọi người. Khi lãnh khẩu phần xong, tôi ngồi xuống ăn bên cạnh bọn trẻ kia, không ngồi cạnh Cheng. Nhưng khi bọn chhlop đi khuất, tôi bèn xích lại gần nó ngay.

Tôi gọi nhỏ “Cheng!”

Tôi đợi. Không có tiếng trả lời, rồi, cuối cùng là “đây này!” Tay Cheng đưa nhẹ ra, chạm vào tôi. Tôi nắm một nắm đầu cá, chỉ lớn bằng ngón tay cái. Các đầu cá bé xíu này thật ngon, tuy có mùi tro nhưng rất đáng kể, và tôi muốn ăn thêm nữa.

Ngày kế tiếp trong lúc chờ ăn, tôi cũng không thấy Cheng sắp hàng. Tôi nhìn quanh và thấy chỉ có một tên chhlop đang đứng giúp bà đầu bếp phát khẩu phần. Tôi bèn lên ra suối, tìm nơi các bà bếp có thể vất rác, gồm cả những thứ bỏ đi khi làm cá, như ruột, vây đầu... Tại đây, tôi hy vọng tìm thấy Cheng, nhưng tôi cũng hồi hộp sợ bà Mekorg và các “con cưng” của bà bắt gặp. Rồi tôi thấy Cheng và hai đứa trẻ khác đang xục xạo đồng rác gần một bụi cây để kiếm thức ăn. Chúng banh đồng rác lạnh, ít ỏi còn nhan hơn khi thấy tôi đi đến. Bấu lấy tí thịt nào còn sót, trông chúng tôi giống bốn con kên kên đói khát vây quanh rìa xác chết. Cheng, khi nắm tay đã đầy, quay người khỏi đồng rác, nhét mớ đầu cá vào chéo khăn. Tôi chụp được hai đầu cá còn

dính ruột lòng thông.

“Mày lấy đầu cá của tao! Trả lại đây!” một con bé vừa đòi, vừa nắm lấy tay tôi.

Tôi không thèm để ý đến yêu cầu của nó. Tôi chỉ đưa mắt quét kỹ trong đồng rác xem còn sót tí thừa nào không. Con bé kia cũng thôi đòi. Nó đã biết các đầu cá tôi lấy không phải của nó. Nó đành quay người chú ý vào đồng rác. Tôi ước chi tôi có thể đem cho nó mấy cái đầu cá tôi lấy, nhưng tôi cũng đói. Chúng tôi thật tệ hơn lũ ăn mày.

Trước khi trở về sắp hàng lãnh phần ăn, chúng tôi tìm một chỗ có lửa để nấu mấy cái đầu cá kiếm được. Trong số các hố bên cạnh suối, có một hố còn củi cháy âm ỉ phủ đầy tro. Chúng tôi bèn ném đầu cá vào đó rồi đi đến chỗ xếp hàng.

Ngày hôm sau, chúng tôi chuẩn thật sớm, có lẽ cả hai tiếng trước giờ ăn. Đến gần khu nấu bếp, chúng tôi thấy vài bà bếp đang chuẩn bị thức ăn trưa cho chúng tôi. Có một bà bếp làm việc một mình, xa khỏi những người kia. Chúng tôi lại gần bà, chậm như rùa, để thử xem việc này có được phép không. Bà quay lại nhìn chúng tôi và nói với một vẻ quan tâm của người mẹ - một người nông dân, giọng bà không có cái vẻ sắc nhọn điển hình của các lãnh đạo Khmer Đỏ.

“Sao các cháu không làm việc? Coi chừng bị họ gặp thì phiền đấy”.

Giọng nói dịu dàng khuyến khích tôi. Lần đầu tiên trong đời, tôi cảm thấy sự thôi thúc muốn nói cho một người Khmer Đỏ nghe cơn đói của mình.

“Con đói quá. Cho con xin vài cái đầu cá đi. Dì ơi, dì đừng ném đi”, tôi van nài, gọi bà bằng dì thay vì “đồng chí”. Tôi tin cậy bà và cảm thấy thoải mái khi bà cho chúng tôi biết phần ăn hôm nay có gì. Bữa trưa có cơm và xúp cá. Buổi tối lại còn có thêm rau, một thứ lá màu xanh giống lá cây mù tạt.

“Họ bắt tội cháu dậy đi làm việc rất sớm sáng nay” Cheng nói nhỏ, xúc cá đã làm sạch vào rổ “Ngày nào tội cháu cũng rất mệt và đói nữa”.

Đột nhiên bà bếp dùng dao đẩy đầu cá dính ruột về phía chúng tôi. Không do dự, chúng tôi chộp lấy đầu cá, kéo bỏ ruột bằng cách cào vào thân cây. Rồi buộc áo lại làm thành chiếc túi tạm thời, chúng tôi tống hết vào bên trong. Rất ngạc nhiên, bà bếp còn đưa cho chúng tôi hai con cá mà bà vừa chặt đầu xong.

“Đây này. Đi đi trước khi họ tóm được các cháu. Trước khi họ trừng phạt các cháu. Đi liền đi!” bà nóng ruột bắt đầu ra hiệu cho tôi và Cheng đi ngay.

Chúng tôi đang rời nơi đó thì một nhóm kên kên khác xuất hiện. Một bọn con trai vọt ra khỏi hàng cây hướng về phía bà nấu bếp, khiến bà giật mình té ngồi xuống. Bà vội chạy đến với mấy bà bếp khác, gọi một người nào đó bằng giọng hoảng hốt “Nak! Nak! Nhiều...nhiều đứa trẻ chạy đến đây đòi cá, tôi...tôi sợ”. Bà vừa nói lắp vừa đưa tay chỉ đám trẻ con đói khát đang sục sạo khu vực làm cá.

“Các đồng chí trở lại làm việc không thì tôi báo cáo với trưởng đoàn đấy” bà vừa cảnh cáo vừa sai bước về phía bọn nhỏ.

Bọn trẻ chạy biến nhanh chóng khuất sau hàng cây, Cheng và tôi cũng vậy. Sau biến cố này, tôi thôi không trốn đi tìm đầu cá nữa. Miếng ăn quá nhỏ không đáng để cho tôi phải liều mạng. Buổi chiều sau bữa ăn, Cheng và tôi đợi đến khi việc phát phần ăn chấm dứt. trước khi nhà bếp mang những chiếc nồi đen lớn ra suối rửa, chúng tôi chạy theo họ hỏi thử xem có cho chúng tôi phần cơm cháy dính vào đáy nồi không. Có khi họ nạy lớp cháy à đưa cho chúng tôi từng miếng, có khi họ bảo chúng tôi tự làm lấy. Cơm cháy đắng khét, nhưng dầu sao vẫn là thức ăn. Về sau, mọi người đều biết đến sáng kiến này, và thế là có thêm nhiều đứa trẻ đến xin nên cơm cháy không còn được bao nhiêu nữa.

Chúng tôi thường xuyên kiếm thêm thức ăn. Một ngày nọ, khi đang uống nước bên dòng suối, tôi thấy hàng đàn cá nhỏ bơi trong chỗ nông ở sát bờ. Vào những ngày nóng nực chúng lượn lờ gần hơn, tụ tập dưới bóng mát của các tàn cây phủ trên dòng suối. Tôi nôn nóng muốn bắt cá, ước sao mình có được chiếc vợt đánh cá để chỉ cần móc chúng lên.

Đêm đó tôi bảo cho Cheng biết về phát hiện hấp dẫn của mình. Ngày hôm sau chúng tôi lẻ ra địa điểm bí mật, ra sức vệt các cành cây đan vào nhau để chui ra bờ suối, nơi đó các cành cây phủ một bóng mát xuống dòng nước. chúng tôi nhìn nhau cười khi thấy đàn cá bạo dạn bơi lượn lờ trong tầm nhìn của chúng tôi.

Lần đầu tiên tôi thấy hạnh phúc – được ở đây, được kề cận với thiên nhiên, và có được tình bạn với Cheng. Tôi lại thấy mình trở thành một đứa bé – thật là một ân sủng lớn. Ở đây, không ai quát tháo chúng tôi, ra lệnh cho chúng tôi này nọ.

Về sau, Cheng và tôi lên kế hoạch bắt cá. Trong buổi ăn trưa, chúng tôi tin cậy thổ lộ với Larg, một đứa cũng thuộc “dân mới”. Trước đây, nó chiếm được cảm tình của chúng tôi, và chúng tôi kết bạn với nó. Sau khi làm việc xong, chúng tôi sẽ tắm suối ở xa chỗ ở, nơi đó không ai thấy chúng tôi được. Ở đó, chúng tôi sẽ nói chuyện nhớ mẹ và các vấn đề khác. Chúng tôi chia cho nhau cơm cháy khi một trong chúng tôi có được nhiều hơn hai đứa kia. Ba chúng tôi lên kế hoạch bắt cá bằng cách lấy khăn cột với nhau thành một cái lưới đánh cá.

Chiều nọ, sau khi làm việc xong, chúng tôi đi ra suối, lén lút như ăn trộm, luôn luôn nhìn lui xem có ai nhìn hoặc đi theo không. Chỗ mà tôi nhìn thấy thì quá nhỏ không chứa đủ ba chúng tôi. Vì vậy, thay vào đó, chúng tôi đi xa hơn cho đến khi tới một địa điểm yên tĩnh và tương đối rộng.

Chúng tôi dùng dây leo thật nhỏ buộc mấy cái khăn lại. Cheng và tôi đứng đón cá trong khi Larg thì cố xua đàn cá đi về hướng chúng tôi đang giăng lưới. Chúng tôi bước nhẹ trong làn nước lạnh và nông trong khi Larg xua đàn cá về phía chúng tôi. Làm đi làm lại nhiều lần, nhưng

chúng tôi không tóm được con cá nào. Lần cuối cùng chúng tôi đang cố thử thì bỗng Larg loạng choạng rồi té úp mặt xuống người, nước bắn tung tóe về phía Cheng và tôi. Trong khoảnh khắc, tôi sợ hãi người, tê liệt khi thấy thân hình Larg chậm chậm chìm xuống vùng nước cạn Rồi Cheng và tôi chạy đến giúp đỡ nó.

“Mình thấy choáng váng”, nó thì thào “rồi chân mình chìm xuống”.

Hoàn hồn, Cheng và tôi nhìn Larg run lập cập sau khi chúng tôi giúp nó lên khỏi dòng suối.

Chúng tôi đi về trại tay không như lúc đi đến suối.

Tôi tiếp tục nghĩ cách làm sao để bắt được cá. Sau khi tắm trong suối, với bộ quần áo cũ rách, tôi chú ý thấy cái khuy bằng kim loại nơi áo bị sút ra. Tôi bứt nó luôn ra khỏi áo và quan sát độ sáng của chiếc khuy, không có kim chỉ, chẳng có cách gì khâu nó lại được. Nhưng tôi thấy sợi dây kim loại uốn cong phía sau chiếc khuy. Đột nhiên tôi nghĩ ra một ý. Tôi chạy vội về lều, tìm một cái kim băng trên áo sơ mi. Như một người thợ kim hoàn, tôi cẩn thận kéo sợi dây kim loại ra, giờ nó là cả một tài sản quý giá. Tôi kéo thẳng đầu dây. Đầu kia tôi mài trên đá cho nhọn hoắt. Xong tôi uốn cong nó lại thành hình lưỡi câu. Một lưỡi câu nhỏ, rất nhỏ - có lẽ chỉ dài độ hai phân, nhưng bằng dây đồng rất chắc. Thật là một phát minh huy hoàng. Ngày mai tôi đến địa điểm bí mật, nhưng tối nay cần nén lại cảm xúc, hy vọng kế hoạch sẽ thành công. Tôi không hở một lời ra với ai, kể cả với Cheng.

Khi bà Mekorg đi tuần sau bữa ăn trưa, tôi bèn lên đi với một cái cuốc trên vai. Làm như thế để nếu có bị bắt gặp, tôi tuyên bố là tôi đi bot chhurng thom, nghĩa là “ngồi xổm”, một cách nói lịch sự thay cho “đi đồng”.

Một mình ở địa điểm câu cá, tôi lấy ra lưỡi câu và một đoạn dây nhựa – đó là dây câu tận dụng từ một bao gạo cũ – và một nắm cơm nhỏ tôi đã để dành từ suất ăn trưa. Bây giờ tôi cần thêm một cần câu nữa. Tôi bèn bẻ một nhánh cây rồi tuốt hết lá đi. Tôi bóp cơm thành một miếng mồi. Tôi nhẹ nhàng để dây câu chìm dưới nước để khỏi cản trở đường bơi của cá. Một vài con cá đột ngột chuyển động, đuôi quẫy nhanh hơn, đẩy chúng phóng tới. Tôi thầm nói, đồ ngọt chúng: nào, đớp mồi đi, đớp mồi đi nào. Tôi lập đi lập lại câu đó nhiều lần trong khi cố gắng giữ cho cần câu đừng dao động.

Một chú cá lại gần, quan sát miếng mồi. Đột ngột, hàm nó mở rộng và miếng mồi biến mất, tôi vội kéo cần. Một con cá bạc cỡ cái thìa bay lên không trung, giật khỏi lưỡi câu nhưng đã rơi xuống bên bờ suối. Tôi chạy nhào tới chụp con cá bằng cả hai tay. Tôi bóp đầu nó cho đến khi nó thôi cử động. Trong một lúc các ngón tay tôi cứng đờ trong niềm sướng khoái chiến thắng. Nắm con cá trong cả hai tay, tôi biết rằng sự sống đang chậm chậm chảy thoát ra khỏi người nó. Nhưng điều đó khiến tôi can đảm mang nó đi, bởi tôi sợ nếu còn sức nó sẽ vượt khỏi tay tôi và rơi xuống bờ suối ngoài tầm tay với. Để an toàn, tôi mang nó đi xa ra vài bước nữa mới đặt

xuống rồi trở ra lại bờ suối. Tôi lại nhẹ nhàng đặt lưới câu xuống nước và liền tóm được hai con khác cũng theo cách hồi nãy. Rồi tôi hạ mồi xuống, và ngay khi một con khác đớp mồi, tôi kéo cần. Tôi đưa mắt nhìn theo cái cần trên không, rồi nhìn xuống đất, nhưng chẳng thấy con cá nào. Tôi bèn nhìn xuống nước. Nơi đó có một con cá đang bơi đi cùng với sợi dây nhựa, miếng mồi và lưới câu. A, chú cá này hẳn còn đói bụng hơn cả mình nữa, tôi nghĩ. Dẫu sao, tôi cũng bắt được một số rồi. Tôi bèn quần ba con cá vào lưng quần thun để giấu đi.

Cheng tròn trịa cả mắt khi tôi đưa cho nó xem mấy con cá. Nó nhướn mày lên khi nghe tôi kể cho biết tôi đã bắt cá như thế nào. Nó bèn đưa tay ra để đòi xem lưới câu. Tôi bảo là tôi đã mất cả lưới câu lẫn dây câu, nhưng tôi hứa rằng tôi sẽ chỉ cho nó và Larg cách làm lưới câu. Thế là cả ba chúng tôi chui xuống dưới bụi cây để làm thêm lưới câu. Bây giờ thì áo sơ mi của chúng tôi gài bằng dây leo hoặc kim băng. Chúng tôi đi câu cá bất cứ lúc nào một trong ba đứa có thể chuồn đi. Cá bắt được chia đều cho chúng tôi, bỏ vào chỗ than tàn để nấu nướng chút ít. Trong một thời gian, số cá này giúp cho cuộc sống của chúng tôi rất nhiều. Về sau, người ta quan sát chúng tôi kỹ hơn và chúng tôi sợ không dám bỏ việc nữa. Dù sao thì chúng tôi vẫn còn có nhau. Nhiều tháng trôi qua. Chúng tôi sống trong nỗi khao khát không ngừng. Suốt buổi sáng chúng tôi mong chờ đến giờ ăn trưa. Lòng khao khát phần ăn tối thôi thúc chúng tôi suốt ngày. Đó là vòng tròn của sự đói khát. Nó xoá đi mọi thứ khác – cái nóng, sự mệt nhọc, nỗi cô đơn. Mỗi ngày chúng tôi làm nô lệ cho Khmer Đỏ trên cánh đồng rộng lớn trơ trụi, đào mương, hì hục xúc đất vào thùng...nhưng chúng tôi cũng làm nô lệ cho chính cơn đói của mình nữa.

Đói khát và mệt nhọc, tôi hầu như không nhấc nổi chân lên nữa với hai thúng đầy đất và đè nặng nơi hai đầu đòn gánh trên vai. Tôi nhìn qua thì thấy Cheng ở ngay bên phải, đang nghiêng thúng, hất đất đi. Nó thì thảo với tôi “Athy, bạn có muốn ăn cỏ ngọt không? Lần trước khi đi tiểu, mình thử mút một cây cỏ cao này, thấy có nước trong đó. Vị giống như vị mía”.

Cheng nhanh nhẹn hất đầu làm hiệu.

Miệng tôi chảy nước bọt khi nghĩ đến mía. Cái tiếng này thật cũ kỹ, xa vời. Tính ra đã hơn một năm kể từ khi Khmer Đỏ chiếm Phnom Penh. Đột nhiên tiếng “mía” làm sống dậy những hình ảnh của thời kỳ tốt đẹp cũ. Tâm trí tôi theo đo lường về Takeo ngày ấy.

Đây là Mak, vừa đi chợ về đến cổng, xách một thúng trái cây, cong người vì nặng. Avy, anh Than và tôi chạy ủa ra đón mẹ. Mỗi đứa chúng tôi đều nôn nả lục xem Mak đã mang về cho chúng tôi món tráng miệng nào. Chúng tôi háo hức gọi “Mak, Mak” như lũ chim non réo gọi mồi.

Anh Than bèn xới cả rổ trái cây lên. Anh tìm thấy mấy túi bánh ngọt. Anh đưa cho tôi một túi. Tôi vừa reo lên vui sướng vừa hí hoáy mở túi. Mak đặt thúng xuống nền xi măng, rồi bước đến phía cầu thang, nhìn lên cười với Avy, tiếng lanh lảnh của nó hoà thêm vào sự âm ỉ của chúng tôi. Nó dang hai cánh tay bé xíu đòi Mak bế lên...Rồi là những cuộn phim hay, là nơi xa vời và

để chịu mà tôi thường dùng để trốn thoát thực tại. Cả một thế giới tưởng tượng bỗng sống lại chỉ bằng một tiếng quen thuộc, “mía”.

“Athy!” Cheng gọi, kéo tôi trở lại với cái nóng và với thực tại. “Mình sẽ xin phép và Mekorg để đi tiểu. Sau khi mình khi khỏi đây rồi thì bạn xin phép. Mình sẽ đứng đợi bạn”. Cheng có vẻ thận trọng, rồi biến mất trong đám đông trẻ em, đi tìm bà Mekorg.

Cheng gặp tôi nơi cánh đồng cỏ phía xa, cách hẵn chỗ chúng tôi lao động. Mỗi đứa chúng tôi mang theo một cái cốc, đó chính là dụng cụ kiếm ăn, bởi chúng tôi sẽ dùng cốc để cắt cỏ ngọt. Chúng tôi chạy đến chỗ các bụi cỏ cao màu kem, trông chẳng có gì giống với cây mía cả. Cheng nhổ một bụi, tôi nhổ bụi tiếp theo. Không do dự, chúng tôi giơ cốc lên cao, chặt xuống bụi cỏ. Tôi nhặt lên một thân khô, cõ bằng ngón tay cái, và mút chất ngọt từ đó. Cả hai chúng tôi không nói gì, nhất thời mê man trong cơn đói, liên tục uống chất nước ngọt, gặm hết thân cỏ này đến thân khác.

Đột nhiên, cái đầu của bà Mekorg và một tên chhlop bỗng nhô lên khỏi đám cỏ cao đang lắc lư. Tôi cứng người, hàm tê liệt khi cái nhìn độc ác, giận dữ của họ đè xuống người tôi. Tôi muốn báo động cho Cheng, nhưng không mở miệng được.

“Các đồng chí làm gì ở đây? Đáng lẽ các đồng chí phải làm việc mà?” bà Mekorg gầm lên, bước chân thình thịch tiến lại gần.

Cheng quay nhìn lại. Nó giật phắt cả người, chiếc cốc rơi khỏi tay.

“Đem các đồng chí này đi cải tạo!” bà trưởng đoàn nắm lấy cánh tay tôi. Bà ta xô tôi, làm tôi té bò xuống đất. Tôi nhồm dầy, chạy lảo đảo thật nhanh về phía trước nhưng đã muộn. Cheng đưa mắt hốt hoảng nhìn tôi, tôi nhìn lại nó qua làn nước mắt. Tôi cũng biết việc tôi làm là liều lĩnh. Nhưng sự sợ hãi, đau đớn, mệt nhọc và đói khát đã khiến chúng tôi không kìm giữ được. Tôi cũng biết đúng ra tôi phải trở lại làm việc sớm hơn. Bây giờ thì đã quá muộn, tôi nghĩ một cách tiếc nuối. Hẳn họ đã đứng quan sát hai chúng tôi rất gần, nhưng chúng tôi vì đói quá nên không chú ý. Bây giờ thì đã nằm trong tay bọn họ. Họ đẩy vào lưng chúng tôi và đưa chúng tôi về trại. “Trói chúng lại và không cho chúng nhận phần ăn! Gọi các đứa khác đến xem và lấy đó làm gương!” bà Mekorg ra lệnh cho tên chhlop, vừa đưa tay chỉ một thân cây gần lối vào chỗ ở của bọn con gái.

Mặt cá, cánh tay, bàn tay tôi bị cột chặt ra sau lưng, dựa vào lớp vỏ xù xì của thân cây. Chưa bao giờ trước đây tôi thấy vô phương tự vệ, nhục nhã đến như vậy. Tên chhlop dùng một sợi dây thô và chằng vòng quanh người tôi nhiều lần rồi trói lại. Tôi không còn có sức kháng cự nào. Chhlop bỏ đi sau khi trói Cheng vào phía đối diện thân cây, tôi oà lên khóc.

“Athy, đừng khóc nữa vậy” Cheng sụt sùi “ngừng khóc đi...”

“Cheng...mình...mình nhớ mẹ quá...” tôi nấc lên.

“Thì mình cũng nhớ mẹ...” Cheng sụt sịt.

Mặt trời lặn. Cẳng chân tôi lả đi. Sợi dây trói cắn chặt vào người tôi. Tôi buồn ngủ và mê sảng. Chợt tôi nghe tiếng ai đang lại gần. Tôi chậm chậm quay đầu lại và thấy bà Mekorg, các tên chhlop và một đoàn thiếu nhi sắp hàng bước đi trở về từ nông trường. Như những người lính ngoan ngoãn, họ đi theo hàng một, ngang qua chỗ chúng tôi. Những cái đầu quay sang chỗ chúng tôi rất nhanh và ném một cái nhìn về phía hai phạm nhân. Chúng tôi là bài học làm gương cho họ.

“Đây là điều sẽ xảy đến với các bạn nếu các bạn không tuân lời Angka Leu” Bà Mekorg đen đúa, xấu xí đưa cây gậy chỉ tôi và Cheng “Nhìn đi các đồng chí...”

Đêm xuống. Khẩu phần ăn đã được phát. Rồi bọn trẻ con đi ngủ. Chỉ còn chúng tôi phải đứng suốt đêm, không được cả thức ăn lẫn nước uống.

Rồi đêm trở thành ngày. Bọn trẻ lại đi ngang qua trước mặt chúng tôi, có bà Mekorg đi kèm đến chỗ làm việc. Hơi thở hỗn hển, tôi cố cựa người nơi sợi dây trói ngang ngực. Thân thể tôi gục xuống nơi thân cây. Mình đang ở nơi ngưỡng cửa của cái chết, tôi nghĩ, và chính điều đó làm cho tôi kinh hoàng. Tôi thở chậm chậm. Mỗi hơi thở của tôi là cho cái thân thể nặng nề đang chết đi trong cánh tay, cườm tay và đôi chân – tất cả chúng đang cần không khí.

Quang cảnh thật vắng lặng. Cheng thì chắc đã chết rồi. Nó phải chết thôi. Nó không phát ra một tiếng động nào từ lúc bọn trẻ đi ngang qua chúng tôi trên đường ra làm việc. Tôi gọi tên nó. Mọi bộ phận trong cơ thể tôi căng lên chờ đón câu trả lời của nó. Cuối cùng có một tiếng rên nhẹ nhẹ. Tôi nhẹ nhõm, nhưng sau đó người tôi tê cứng. Nó không còn đủ sức tự giữ mình đứng như thế này được nữa, và tôi sợ rằng việc máu không lưu thông được nơi chân tay sẽ giết chết tôi.

Rồi khi đêm xuống, cũng chính tên chhlop đó đã đến thả chúng tôi. Hắn cảnh cáo rằng chúng tôi sẽ bị trừng trị nghiêm khắc hơn nữa nếu chúng tôi lập lại vi phạm một lần nữa. Khi hắn bỏ đi, một bóng đen xuất hiện, đó là Larg, nó mang cho chúng tôi phần cơm, đặt xuống bên cạnh thân cây. Chân tay tôi chậm chậm thức dậy, nóng lên như thể máu đã tìm đường trở lại nơi đó. Cheng và tôi bèn đi vào lều. Trong bóng tối, chúng tôi vội vã nuốt chửng cơm vào miệng. Tôi đã tưởng mình sẽ không còn biết đến mùi vị của cơm và muối nữa.

Bắt đầu từ lúc này chúng tôi bị quan sát chặt chẽ hơn. Điều kiện làm việc thì càng ngày càng tệ hại. Hằng ngày chúng tôi bị đánh thức rất lâu trước khi mặt trời mọc và chỉ trở về sau khi mặt trời đã tắt nắng. Những người lãnh đạo chúng tôi nhấn mạnh trong các cuộc họp rằng đó là để chúng tôi làm kịp ngày ấn định, hoặc vượt chỉ tiêu. Để thi đua với các đoàn khác cũng đang đào mương thủy lợi sẽ nối liền với đường mương của chúng tôi. Tôi nhắm tính tiến độ công việc làm của chúng tôi theo từng tấc đất. Tôi đo từ độ cao của con đường trên mương đến đáy

mương nơi tôi làm việc hàng ngày. Cứ tính toán như thế suốt ngày, cả thế giới chung quanh tôi toàn là đất.

Rồi những ngày dài lao động cưỡng bách bắt đầu để lại dấu ấn trên chúng tôi. Nhiều đứa đã ngã bệnh. Một số ngã xuống vì sốt rét. Số khác thì sốt và tiêu chảy. Đêm đêm tôi thường nghe những âm thanh của đau đớn và bệnh tật. Ngay gần chỗ ở đầy những dấu hiệu của bệnh tiêu chảy bị ruồi nhặng bu đầy. Rồi chẳng bao lâu sau chính tôi cũng bị tiêu chảy, và tình trạng càng lúc càng tệ hơn. Tôi bị như em tôi, em Vin đã bị, bệnh kiết lỵ. Hàng ngày tôi nằm bất động trong chiếc lều trống rỗng, được cất ngay gần cánh đồng trông ra chỗ chúng tôi làm việc. Người tôi khô quắt, lả đi vì mất nước. Tôi thường xuyên làm bồn quẫn. Thế mà tôi chỉ có hai chiếc quần. Đêm đêm tôi nằm nghĩ đến Mak, Map và Avy. Tôi nhắm mắt và tưởng tượng mình đang nằm trong lều bên cạnh mẹ. Nỗi khát khao này cũng là một cơn đau thể xác, bên cạnh cơn đau nhói bụng vì bệnh tật. Tôi phải cố gắng tự trấn tĩnh, ít ra mình còn may mắn có Cheng bên cạnh. Nó luôn chăm sóc tôi.

Vào giờ ăn tôi nằm đợi Cheng mang phần đến cho tôi. Trong lều, nó quỳ xuống, cúi người nâng tôi ngồi dậy. Đưa tay chỉ vào cái bát nhựa để bên, nó nhắc tôi rằng nó mang cả nước uống cho tôi, thực ra là một thứ nước đục màu nâu nhờ như sô cô la. Rồi ngay lập tức, tiếng của chhlop réo lên, ra lệnh cho bọn trẻ trở lại làm việc. Cheng phải tuân lời, nhưng tôi biết nó sẽ quay trở lại, đó là điều duy nhất mà tôi nương tựa vào. Buổi tối nó còn phải giặt quần áo cho tôi, và dùng chiếc khăn duy nhất của nó đắp lên che người tôi. Nó dành để đầu trần làm việc dưới ánh nắng mặt trời chói chang. Thế mà chưa bao giờ Cheng phàn nàn một tiếng. Sự hy sinh thầm lặng của nó làm trong tôi dâng lên một lòng biết ơn sâu xa mà tôi chưa bao giờ có.

Đêm tiếp theo, chính Cheng làm tôi thức giấc. tiếng chân nó bước vội vã ra khỏi lều. Vài phút sau nó trở về, bụng đau nhói. Nó nằm co quắp phía sau tôi, rên rỉ. Người nó nóng lên khác thường, rõ ràng có dấu hiệu bệnh. Tôi lo cho Cheng, sợ cho cả hai chúng tôi. Làm sao chúng tôi tồn tại nếu cả hai đều bệnh? Ai lấy thức ăn cho chúng tôi? Chắc chắn không phải là bà Mekorg, mặc dù bà ta là người chịu trách nhiệm trông coi chúng tôi. Bà ta lạnh lùng, chỉ chú ý chúng tôi khi chúng tôi còn sức khỏe để làm việc. Nếu bạn ốm, bạn là đồ vô dụng. tôi cũng biết chúng tôi không thể nhờ vào Larg. Từ khi bị trừng phạt, chúng tôi càng ngày càng ít thấy nó hơn.

Sáng hôm sau, như thường lệ, bà mekorg đánh thức mọi người dậy. Bà thò đầu vào lều của chúng tôi và ra lệnh cho Cheng dậy đi làm, tôi thì không vì bà biết tôi đã bị bệnh. Cheng bảo bà rằng nó bị tiêu chảy, nhưng bà vẫn bảo Cheng phải đi làm thôi.

Cheng vâng lời. Nó lặng lẽ ngồi đây, rồi biến mất giữa các lều. Đến trưa, với bộ mặt nhợt nhạt và nhọt nhọt, nó xuất hiện, mang về lều phần ăn của tôi. Đến đêm nó phải dậy nhiều lần vì bị tiêu chảy. Đó là triệu chứng kế tiếp của bệnh kiết lỵ. Đến chiều hôm sau, Cheng mang phần ăn về

cho tôi và giảng giải cho tôi biết điều nó đã hoạch định từ đêm trước.

“Athy ơi, mình phải trốn khỏi chỗ này” nó bắt đầu nhẹ nhàng “Bạn bệnh và mình cũng đang bệnh như bạn. Nếu chúng ta ở đây, chúng ta sẽ chết cả. Chúng ta cần nghỉ ngơi và thuốc men”. Cheng nói chững chạc như người lớn, giọng nói mạnh mẽ, trấn an mà tôi thường nghe Pa hoặc Mak dùng khi tôi bị sốt hoặc lên cơn suyễn “Nếu bạn không trốn đi với mình, bạn sẽ không bao giờ thấy lại mẹ của bạn nữa đâu”, Cheng nhìn vào mắt tôi. Nó biết, và tôi cũng vậy.

Khmer Đỏ không bao giờ cho tôi thuốc men gì cả. Họ chỉ đưa mắt nhìn qua một cái – như thể chẳng có gì đáng cho họ bận tâm. Nhưng dù sự lãnh đạm của họ có tàn nhẫn đến đâu chẳng nữa, cũng còn hơn là bị họ đánh đập đến chết, tôi nghĩ, nhớ lại những lời họ cảnh cáo về những gì sẽ xảy ra đôi với ai cố tình trốn chạy. Tôi càng muốn gặp Mak chừng nào thì càng sợ điều đó hơn. Cơ hội thật là bấp bênh. Tôi phải chọn lựa giữa nguy cơ bị chết ở trại này vì một căn bệnh không gì chế ngự được, hoặc liều mình vì có thể bị trừng phạt bằng cái chết nếu trốn đi mà bị bắt lại. Tôi nghĩ tới nghĩ lui để chọn lựa, nhưng không có gì rõ ràng. Thật kỳ cục khi phải vật lộn với câu hỏi mình có thể chết như thế nào.

“Mình phải trốn. Nếu mình ở lại đây, mình sẽ chết. còn nếu trốn đi có thể mình không chết”. Cheng khẳng định “Mình sẽ giúp bạn ngày mai nếu bạn đi với mình, Athy ơi, còn mình không thể ở lại đây được nữa” Nó có vẻ buồn nhưng rất cương quyết.

“Nhưng mình không còn sức bước nổi nữa. Mình cũng không thể đi xa như vậy. Cheng ơi. Và họ sẽ bắt gặp tội mình mất. Họ sẽ thấy khi tội mình băng qua cánh đồng trống trải. Không có đủ cây cối để che phủ tội mình”. Tôi hình dung cảnh chúng tôi chạy trốn. Lòng tôi muốn cùng đi với nó, nhưng tôi không biết có tin cậy được đôi chân mình không, có đứng nổi không.

“Mình sẽ giúp bạn đi. Mình vừa đi vừa đỡ bạn, ngày mai tội mình sẽ trốn đi lúc họ ăn trưa. Còn bây giờ mình phải trở lại nơi làm việc”. Nói xong Cheng vội vã chuồn ra, trở lại nơi làm việc vì tiếng réo lanh lảnh của tên chhlop đang rít lên từ xa.

Ngày chúng tôi trốn thoát đã đến. Tôi chuẩn bị sẵn sàng chờ Cheng, sẵn sàng cả tâm trí lẫn thể xác. Ngồi chờ trong lều, tâm trí tôi diễn tập cuộc trốn chạy, hình dung cảnh Cheng và tôi chạy, đúng hơn là bước, bởi tôi đâu đủ sức chạy. Buổi sáng mát mẻ chuyển thành một ngày ấm nóng. Không nhìn, nhưng chúng tôi phải quan sát bầu trời. Khi ánh mặt trời chiếu sáng trên lều. Cheng bước vào, vẻ lo âu. Nó nhíu mày, nheo mắt vì ánh sáng mặt trời.

“Athy, sẵn sàng chưa? Họ đang sắp hàng lấy phần ăn. Mình phải đi ngay!”

“Sẵn sàng” tôi mau lẹ trả lời, mặc dù bên trong tôi sợ đến run cả người. Tôi muốn nói điều đó với Cheng, nhưng một cái gì đó đã giữ miệng tôi lại. Mình không thể nói với nó bây giờ, bây giờ không được.

Cheng thì thảo hỏi tôi đĩa của tôi đâu. Cùng với đĩa của nó, nó đút cả hai vào trong áo ngoài,

buộc dây phía dưới cho khỏi rơi. Tôi nhìn nó ngạc nhiên. Tại sao lại mang đĩa đi? Không thể đi tay không sao? Nhưng Cheng chắc đã tính hết mọi chuyện này. Chúng tôi cứ tiến hành theo kế hoạch của nó. Im lặng, Cheng hất đầu ra hiệu cho tôi bò ra khỏi lều. Rồi nó nắm lấy tay phải của tôi và chúng tôi bước đi chậm chậm, thận trọng khi đi ngang qua lều của mấy đứa trẻ khác. Cheng choàng cả hai cánh tay nó qua vai tôi, giúp tôi đi đều bước, còn tôi thì cố bước đi bằng đôi chân đã yếu hèn của mình. Cheng mang trên vai một cái cuốc, để làm ra vẻ nó đang đỡ tôi đi đại tiện ngoài đồng. Ở đằng xa, khoảng chừng một dặm, là một hàng cây – đó là mục tiêu thứ nhất của chúng tôi. Chúng tôi hy vọng ít nhất đi đến được chỗ đó, tấm màn của tự nhiên sẽ che chắn cho sự trốn chạy của chúng tôi. Bất cứ lúc nào tôi cũng chờ thấy một bàn tay chụp lên vai tôi, hay nghe thấy tiếng chân lệt xệt phía sau chúng tôi trên cánh đồng cỏ. Chúng tôi cố không nhìn lui, chỉ hướng về phía trước. Mỗi bước, hàng cây lại trông như xa ra. Tôi tưởng tượng các tên chhlop và bà Mekorg đang đuổi theo chúng tôi, hầu như là đợi chờ điều đó. Tôi nghĩ, lần này mình sẽ không còn chịu nổi bất cứ hình thức trừng phạt thể xác nào nữa, với tình trạng bệnh tật như hiện nay. Càng nghĩ đến điều đó, tôi càng sợ hãi, và một nguồn năng lượng ủa tăng trong thân thể tôi, đẩy tôi về phía trước với một sức lực mà tôi không bao giờ nghĩ là mình có được.

Bây giờ chúng tôi đã ở quá xa chỗ lều trại cho nên không ai nghĩ rằng chúng tôi đi tiêu nữa. Nếu tụi chhlop thấy được chúng tôi, chắc chắn là chúng biết chúng tôi đi trốn. Vì thế tôi càng bước nhanh hơn. Cheng nắm tay tôi thật chặt. Chúng tôi bước, rồi chạy. Bước nhảy của tôi khó khăn, khập khiễng, thế mà trong trí tôi, tôi còn muốn hàng cây lại gần hơn nữa. Vừa đến được đó, Cheng buông cây cuốc xuống đất và ra lệnh:

“Athy, đi nhanh hơn nữa. Phải đi nhanh hơn nữa”. Nó bắt đầu chạy, kéo tôi về phía trước. Cheng kéo tôi đi, và tôi để mặc nó. Tôi trôi dạt phía sau nó như một chiếc neo khi bàn tay nó ra sức kéo cái thân hình mảnh dẻ của tôi đi. Trong cơn sợ hãi, tôi lại cảm thấy mình tự do. Tôi không còn nghĩ đến bọn chhlop và bà Mekorg đang đuổi theo mình nữa, cũng không cần biết đến các ngọn cỏ khô đang cứa vào mắt cá chân, không nghĩ đến bắp thịt yếu đuối của mình nữa. Tôi chỉ nghĩ về nơi mà tôi đang chạy đến, chứ không về cái gì tôi đã bỏ lại phía sau. Tôi nghĩ về Mak, và ý tưởng này chảy cuồn cuộn trong mạch máu tôi như tạo một nguồn sức mạnh mới. Với mỗi bước chân, những nỗi lo sợ lỏng ra trong trí tôi.

Tôi tự do.

Mặc dù chúng tôi đã vượt qua được hàng cây, chướng ngại đầu tiên, chân trời xem ra vẫn còn xa tít. Giữa Cheng và tôi không ai nói tiếng nào, chỉ có tiếng thở nhẹ, hào hển. Nó kéo, tôi theo. Chúng tôi tiếp tục bước nhanh, dùng các bụi cây chúng tôi vượt qua làm dấu định mốc. Chúng tôi đã đi được một quãng khá xa, một vài dặm, theo tôi nghĩ. Ngoài âm thanh của bước

chân mình, tôi nghe có tiếng người vang lại gần. Chúng tôi ngừng bước, gập người xuống, đưa mắt nhìn nhau, sợ hãi. Cùng lúc, cả hai chúng tôi đều ép người xuống, bò sát đất, như những người lính lắng nghe tiếng quân thù.

Cheng kéo tay tôi. Chúng tôi vùng chạy, nhô lên, hụp xuống. Chạy đến một bụi cây rậm rạp, chúng tôi cố nén hơi thở hỗn hển lại. Tiếng nói của mấy người đàn ông đang đi lại gần. Chưa gì tôi đã hình dung cái khoảnh khắc khủng khiếp xảy ra cho chúng tôi. Nhưng khi họ đến gần, tôi ngạc nhiên nghe thấy họ trò chuyện về việc đánh cá chứ không phải về chúng tôi. Tôi cảm thấy yên tâm nên thò đầu ra khỏi bụi cây, một người vác lưới đánh cá trên vai, còn người kia mang một cái gàu đã cũ. Cheng và tôi đưa mắt nhìn nhau, nhẹ nhõm.

Không có bản đồ, chúng tôi đành để phong cảnh hướng dẫn. Chúng tôi tìm từng bụi cây, để cho ký ức dẫn đường. Khi Cheng và tôi dự tính làm thế nào để về được làng Daakpo lúc chạng vạng, cảm xúc trong người tôi dâng trào, trộn lẫn với sợ hãi, bồn chồn và phấn khích. Chúng tôi vượt qua hai ngôi làng. Rồi con đường đất bắt đầu trở nên quen thuộc. Sợ gặp bọn chỉ điểm, chúng tôi tránh đi trên đường mà đi theo hình chữ chi, cố để không ai nhìn thấy mình. Trong bóng tối, cuối cùng chúng tôi cũng tìm được đường trở lại làng Daakpo. Nhưng đến lúc này, chúng tôi lại lo lắng. Nếu chúng tôi không gặp được mẹ thì sao? Trước khi rẽ mỗi người một ngã, Cheng đưa ra lời yêu cầu cuối cùng “Trong trường hợp họ bắt được mình, nếu bạn gặp mẹ mình, nhớ bảo mẹ mình rằng mình cùng trốn với bạn”, Cheng chia tay, nhưng quay lại một lần nữa, như thể để nhìn tôi cho kỹ, rồi mới biến đi trong bóng đêm. Tôi chạy theo nó trong bóng tối, cũng để yêu cầu như vậy “Nếu mình không gặp mẹ mình, bạn cũng nhớ nói với mẹ mình như vậy nhé?” Còn lại một mình, tôi càng phải cảnh giác. Tôi rất lo lắng, nhưng tôi cũng nóng lòng muốn gặp lại Mak. Tôi cố nén lại nỗi khao khát muốn chạy ulla vào vòng tay của mẹ tôi. Thay vì vậy, tôi đi vào làng một cách thận trọng. Như một người lớn, tôi đã biết trước các trở ngại, nên cố tránh để mình thu hút sự chú ý. Khi tôi nhận ra hàng cây cao gần bên lều mình, dấu mốc của riêng tôi, tôi cảm thấy phấn chấn tột độ. Ngọn lửa bếp nơi góc toả ra một ánh sáng mờ mờ nơi lối vào. Cuối cùng, tôi đã thấy mẹ. Mak ngồi bên ngọn lửa – điển hình, bình thường như thể tôi chưa bao giờ rời bỏ bà. Mak nhìn đăm đăm vào nồi, bà đang quan sát món ăn trong nồi như một bà thầy bói, đang đoán tìm xem có phát hiện được gì dưới mớ lá trong nồi không. Trong một lát, người tôi như đông cứng lại, tê cứng vì niềm sung sướng. Rồi, tôi nhào đến Mak, choàng tay ôm lấy bà.

“Mak! Con về đây!” Chỉ cần nói chừng đó tiếng là lòng tôi tràn đầy kiêu hãnh và hân hoan, một cảm giác căng đầy tôi chưa bao giờ biết đến kể từ khi họ đem tôi đi lao động. Được ở gần Mak như thế này, được ngửi mùi quen thuộc từ mẹ. Trong khoảnh khắc, tôi nhận ra tôi yêu mẹ thâm sâu biết chừng nào. Bây giờ tôi hiểu rõ tôi cần mẹ biết chừng nào, cần cho sự sống còn

của tôi biết chừng nào.

Mak quay người lại, giật nảy mình. Bà nhảy nhồm lên, giọng vỡ ra vì mừng rỡ “Athy, koon đây à, họ để con về rồi! Con đã làm xong...” Mak lắp bắp tìm lời.

“Mak!” tôi nói nhỏ “Đừng nói lớn tiếng” Tôi đưa mắt nhìn quanh lều, mẹ cũng làm theo. Tôi chú ý thấy Map và Avy đang nhìn Mak và tôi một cách lo âu. Tôi nghiêng người vào mẹ và nói nhỏ vào tai bà “Con trốn khỏi trại lao động”.

Mẹ lùi lại, kinh hãi. Vẻ mặt bà làm cho tôi sợ. Tôi cứng người. Tôi nhìn Avy và Map. Sự im lặng của chúng càng làm cho tôi sợ hơn. Cái đói đã vắt kiệt tinh thần của chúng. Tim tôi nhộn lên khi nhận thức ra hậu quả của việc mình chạy trốn. Bây giờ tôi mới thấy sợ không biết việc mình lén trở về nhà có thể gây cho gia đình mình điều gì. Ở trại lao động Phnom Kambour, chị Chea đã cảnh cáo tôi rằng lẽ ra tôi phải ở nhà với Mak cùng Avy và Map và chăm sóc cho hai đứa em. Vào lúc này lời chị làm cho tôi thấy tội lỗi và sợ hãi, như một điềm xấu. Bây giờ tôi ở đây, tôi hy vọng được ở lại đây và mong đừng có gì xảy ra nữa. Sau bữa ăn tối với lá nấu nhừ cùng với muối cùng Mak, Avy và Map, tôi nằm dài xuống bên cạnh cái lưng ấm áp của Mak, như tôi đã hằng tưởng tượng. Lặng lẽ, tôi cầu Đức Phật và linh hồn của Pa cho bọn chhlop và bà Mekorg đừng bao giờ đến bắt tôi trở lại Oh Runtabage.

Để tránh khỏi bị bọn chhlop nhìn thấy, Mak dặn tôi không được rời khỏi lều khi bà đi làm việc với Avy và Map. Tôi phải ở trong lều suốt ngày. Bà để sẵn lá nấu nhừ cho tôi để tôi khỏi phải đi ra ngoài nấu ăn. Dầu vậy, bọn chhlop vẫn có thể kiểm tra lều bất cứ khi nào chúng muốn. Biết vậy, tôi phải chuẩn bị tinh thần khi nghe tiếng bước chân, phải ép mình vào bức vách bằng lá dừa khô, nín cả thở vì sợ một cử động nhỏ nhất cũng gây nên tiếng sột soạt nơi đám lá dừa khô. Chỉ khi tiếng chân xa dần tôi mới thở ra, nằm xuống sàn lại, chắt chiu từng lúc nghỉ ngơi quý báu của mình. Đến tối, khi ánh mặt trời chuyển thành hoàng hôn, tôi trông chờ Mak trở về. Trong tình trạng tự cô lập mình như vậy, tin tức thường đến với tôi rất chậm. Dù tôi không dám đi ra hỏi quanh hàng xóm – tôi chỉ muốn ẩn mình chứ không muốn gặp ai cả - tôi cứ nghĩ rằng hân Cheng đã tìm được chỗ nghỉ ngơi dễ chịu như tôi. Nhưng tôi đã lầm. Vài tuần sau qua đứa em gái của nó tôi biết rằng Cheng đã chết vì bệnh phù thủng. Sao lại như vậy? Cái cô gái mạnh mẽ từng kéo tôi qua đám cỏ cao và những bụi cây dày, cô gái đã giúp tôi trốn thoát lại chết sao? Tại sao nó lại ra đi nhanh đến vậy? Có phải căn bệnh kiết lỵ đã làm nó sợ mà quay trở lại trại? Tim tôi kêu thét lên gọi nó trong nỗi đau đớn dâng tràn. Hình ảnh nó chăm nom tôi khi tôi bệnh trở lại trong trí tôi, tôi nhớ những ngày tôi rên rỉ và mê sảng vì sốt và Cheng nằm bên tôi, vỗ nhẹ vào cánh tay tôi để an ủi. Nó đã cứu tôi khỏi trại lao động chết chóc.

Không có thuốc men hiện đại, Mak cố chữa cho tôi bằng phương pháp dân gian. Bà nấu vỏ cây ổi chiết lấy chất nước đắng nghét để tôi uống nhằm ngăn bệnh tiêu chảy. Là một bệnh nhân

ngoan ngoãn, tôi siêng năng uống cái chất nước cô đặc đó, mạnh đến nỗi thấy tê cả não. Rồi dần dần, Mak chữa cho tôi mạnh trở lại. Nhưng liền đó, một tên chhlop phát hiện ra tôi. Bộ mặt trẻ, lấm tấm tàn nhang của hắn thò vào lều và trông thấy tôi. Kỳ lạ thay, tôi không bị tra tấn hành hạ cũng không bị gởi trả về Oh Runtabage. Thay vào đó, họ đưa tôi đi lao động ở một ruộng lúa gần làng. Có lẽ Khmer Đỏ chẳng thêm quan tâm đến việc của từng người và điều đó thành ra có lợi cho tôi. Họ đã quên tôi là ai và đáng lý ra tôi phải ở đâu.

Chú thích:

[1] Toà nhà bằng gỗ nơi được tổ chức các cuộc mít tinh. Đây cũng là nơi chế biến lúa và phân phối thực phẩm cho dân làng Daakpo.

[2] Người lãnh đạo đoàn

CHƯƠNG 8

KHI CÚ KÊU

Tôi khoái trồng lúa. Khi người lãnh đạo của bọn chhlop là Srouch ra lệnh cho tôi cùng làm việc với Mak và những phụ nữ khác gần Daakpo, tôi hết sức nhẹ nhõm. Mỗi sáng tôi dậy sớm cùng Mak đi ra đồng lúa trong khi Avy ở nhà với Map. Tôi đã học để biết chấp nhận những gì không thể thay đổi được. Sống với khẩu phần tí xíu ở làng – ít hơn phần gạo ở trại lao động – vẫn tốt hơn ở nơi kia. Tôi đã đổi thực phẩm và sự hung bạo lấy một chút hơi ấm gia đình. Mỗi sáng, cùng với Mak, tôi tiến tới những cánh đồng lúa ngập đầy nước đen kịt để làm việc. Không có ngày nghỉ, ngày hè, không có giờ giải lao, trừ khi chúng tôi bị bắt buộc ngưng làm việc để đi dự mít tinh. Tôi nhẩn nhục tuân theo, cả khi thân thể bị suy nhược. Ý tưởng về thực phẩm thúc đẩy tôi, và tôi đặt hết hy vọng vào hứa hẹn được núp dưới bóng mát và buổi ăn trưa đậm bạc với gạo trộn lá. Ở trong đồng, tôi cũng săn bắt cua đồng nhỏ, rắn nhỏ, ốc sên...bất cứ con gì có thể ăn cũng làm tôi đuổi theo bắt cho kỳ được.

Như những phụ nữ lớn tuổi khác, tôi bước vào các thửa ruộng ngập bùn, tiến về phía các cây mạ xanh non, lá chồi lên khỏi nước như đám cỏ non. Bây giờ tôi đã biết làm những việc đồng áng thông thường, không giống như lần đầu tôi đi trồng lúa ở Year Piar. Tôi có thể làm giúp những công việc mà không cần được giải thích như rải mạ ra, cấy mạ theo bên cạnh Mak và những người phụ nữ khác cho đến khi xong. Rồi đến ruộng kế tiếp, phủ đầy nước bùn đen lẫn với phân bò. Tôi đi men theo con đường đất nhô cao giữa các hàng lúa. Trí óc tôi ở nơi khác, mơ màng đến thức ăn, nhưng chân tôi vẫn tự động mang tôi đến thửa ruộng bên cạnh. Bỗng chân tôi chìm xuống dưới lớp bùn và đập lên một vật gì sắc nhọn. Tôi thấy đau nhói nơi bàn chân trái.

Tôi biết mình gay go rồi – bị một vết thương trong nước ruộng nhiễm vi trùng này, lại không có thuốc men gì cả. Trong một giây, tôi không muốn đặt bước chân xuống, để nhỡ vết thương đang chảy máu đầm đìa ra. Cúi người xuống dưới bùn, tôi mò mẫm để tìm xem cái gì làm mình bị thương, và thấy một cành cây nằm sâu trong bùn. Tôi muốn mang nó lên trên đất khô để người khác khỏi giẫm lên. Bây giờ tôi cố gắng bò ra khỏi ruộng lúa. Chùi lớp bùn đen quạch khỏi vết thương, tôi thấy cả một dòng máu đỏ đang trào ra. Với một vết thương đang nứt toác ra và chảy máu như vậy, tôi không dám bước lại xuống ruộng. Tôi biết vết thương này rất dễ bị nhiễm trùng. Nhưng là một kẻ chạy trốn bị bắt lại, tôi không có quyền lựa chọn. Để không ai chú ý, tôi phải tiếp tục cấy lúa. Mọi người đều đang làm việc. Tôi không thể liều bị trừng phạt thêm một lần nữa. Tôi không muốn bị bắt đi xa khỏi Mak. Tôi cũng không thể để mẹ xem thấy chân của mình. Tôi biết nếu thấy bà sẽ rất lo lắng. Tôi cố nén tư tưởng mình xuống và lội xuống ruộng trở lại.

Vết thương nhiễm trùng rất nhanh. Càng ngày càng tệ hơn, vì tôi phải đi bộ từ rừng ra ruộng và về lại buổi chiều. Chân giẫm trng cát, đất, bùn. Lại ngâm chân trong nước ruộng đầy phân để cấy suốt ngày. Việc nhiễm trùng bùng lên như một ngọn lửa. Ban đêm tôi không ngủ được. Vết thương đau nhức dữ dội. đau đến nỗi tôi phải la lớn lên. Nhiều lần tôi gọi Pa. Cho bớt cơn đau. Cho nước mắt ngưng chảy. Để ba làm người thấy thuốc của tôi. Hoặc chỉ để ba có mặt ở bên tôi. Trong trí tôi, ông quá gần, hầu như tôi với tay là nắm được. Tôi khao khát sức mạnh của ông. Chẳng bao lâu cơn đau trở thành không chịu nổi, xóa bỏ mọi thứ khác. Tôi khóc lớn, van xin “Mak ơi, giúp con, giúp con với”. Bóng Mak tiến lại gần tôi. Bà nhẹ nhàng đưa tay cào cào quanh vết thương. Tay bà chạm nhẹ nhẹ đưa tôi vào giấc ngủ, nhưng rồi cơn đau lại đánh thức tôi dậy, như một con chim lớn xé rách chân tôi, quắp chặt móng vuốt của nó vào chân tôi. Cổ họng tôi đau xé, khô khốc vì tiếng khóc của chính mình. Tôi vật vã, đập đầu vào bức tường làm bằng tre và lá cọ. Trong một tuần, đêm nào tôi cũng kêu khóc. Tôi mệt rũ rượi, và Mak cũng bệnh theo vì quá mệt lại mất ngủ. Nhưng tôi không ngưng được. Tôi vẫn kêu gào đòi mẹ, xin bà cào quanh vết thương. Mak cố làm cho tôi nhiều lần, nhưng rồi bà quá mệt, bà đành phải đi ngủ, bỏ mặc tôi gào thét một mình.

Vết thương sắc nhọn đau nhói từ bên trong ra, lên cả chân tôi tới bẹn, lên cả tận đầu. Mak cũng không ngủ được. Bà bảo tôi nằm xa khỏi bà, Avy và Map. Thế là tôi nằm một mình giống như em Vin trước khi chết, bị đuổi nằm ở một góc nhỏ trong nhà. Bây giờ tôi mới biết hẳn lúc đó em phải thấy vô vọng đến thế nào. Bây giờ không có thuốc men, tôi hiểu rằng chính tôi cũng sẽ chết. Vết thương của tôi đã đóng mủ. Hằng đêm tôi nhồm dậy ngấm ngứa cái chân, gãi nhẹ xung quanh vết thương, cố xoa bóp nó rồi bật khóc. Tôi gọi Mak nhiều lần, nhưng bà vẫn không sang.

Vào buổi sáng cơn đau bắt đi khá lâu đủ cho phép tôi suy nghĩ và đi đến một quyết định. Nếu tôi muốn sống, tôi phải tìm ra slark khnarng, một loại lá chua, một loại cây leo giống cây thường xuân mọc hoang trong rừng. Đó là loại lá quý, thường được dùng để nấu ăn. Nhưng tôi có ý nghĩ riêng của mình. Khi nấu lên, lá chua này sản xuất ra một loại a xít mạnh trước đây Pa dùng để bôi lên ngón tay tôi khi bị xước. Nó làm tôi nhớ đến chất cồn Pa dùng để lau lên đầu gối bị trầy của tôi. Có lẽ chất nước chắt từ lá chua này cũng có tác dụng trong phép chữa bệnh của Pa như là chất sát trùng vậy. Vào lúc này, tôi không thể dựa vào Mak, cũng không thể nhờ tìm lá chua đó. Lá này mọc trong rừng, chứ không phải ở ngoài ruộng nơi bà phải làm việc. Mak chỉ còn đủ sức làm việc cho Khmer Đỏ và cố gắng kiếm ít thứ lá ăn được để phụ vào phần gạo ít ỏi của chúng tôi. Bà đã làm hết sức để giữ cho tim chúng tôi còn đập.

Tôi không thể bước đi được – vì bàn chân trái của tôi không thể chịu nổi bất cứ sức nặng nào đè lên – vì thế trong khi những người khác làm việc ngoài ruộng, tôi bèn bò đi bằng hai tay và đầu gối ra khỏi làng, bò tới rừng xoài đến một ngọn đồi nơi người ta chôn người chết. Tôi theo một con đường hẹp hằn dấu xe bò. Tôi bò qua hàng cây me và tre, lục lọi tìm lá chua, thứ lá của sự sống.

Cuối cùng tôi cũng thấy. Những chiếc lá xanh lớn lan ra trên mặt đất, leo lên bám vào những bụi cây khác ở mặt phía bên kia của một hàng rào đầy gai. Tôi cố với nhưng không tới, những cành cây đầy gai nhọn đã che chở cho những chiếc lá chua đó. Tôi bò quanh bờ đất cho đến khi tìm thấy một lỗ nhỏ nơi hàng rào, nơi tôi có thể chui qua bên kia vào cánh đồng.

Mừng rỡ, tôi nắm lấy một thân lớn, tuốt tất cả lá chua đó vào tay. Dang hai tay, tôi nắm lấy những thân cây leo khác, tuốt hết lá, rồi trút vào trong túi ở chéo khăn. Tôi quên tất cả theo nhịp hái lá, trong một lúc quên cả cái chân đau nhức.

“Đồng chí, làm gì đó? Ăn trộm hả?” một giọng nói dữ tợn cất lên. Tôi quay lại, đứng trước mặt tôi là một người đàn ông cao gầy, mặc bộ quần áo đen, vai vác một chiếc rựa cong dài.

“Không, tôi không ăn trộm. Tôi chỉ đi nhặt lá slark khnarng thôi mà”. Tôi nói rụt rè, sợ hãi vì những lời buộc tội, vì sự xuất hiện đột ngột của anh ta.

Anh ta nắm cánh tay tôi và lôi tôi đi vòng quanh ruộng khoai như lôi một bao gạo. Tôi đau đến nỗi như có ai giựt cánh tay ra khỏi người. Tôi lập đi lập lại lời van xin “Xin đừng làm tôi đau!” nhưng anh ta không nói gì. Đi đến một cây lớn, anh ta buông rựa xuống và kéo cả hai tay tôi ra phía sau. Quấn một sợi dây xù xì quanh cánh tay trần của tôi, anh ta buộc lại thật chặt từ cổ tay đến cùi tay. Không thèm nghe lời van xin, anh ta giật chiếc khăn ra khỏi cổ tôi và ném xuống đất. Rồi anh ta ấn tôi quỳ xuống đất vào trói vào thân cây, theo tư thế của một tội phạm sắp bị chặt đầu. Hắn anh ta phải thấy đám lá chua, giờ đang nằm tung toé trên mặt đất.

Bằng một giọng hồ hững lạnh lùng, anh ta công bố bản án “Tao sẽ giết mày lúc hoàng hôn”, anh

ta đưa ra lời phán quyết từ phía sau thân cây.

Van nài anh ta, tôi cất cao giọng “Xin đừng giết tôi, tôi không ăn trộm, tôi chỉ hái lá slark khnarng để chữa cái chân bị sưng. Tôi nói thật với ông mà! Xin hãy tha cho tôi!”

“Đồng chí nói dối!” anh ta la to. “Tao không tin mày. Tao sẽ giết mày, không nói gì nữa!”

Tôi khóc “Nếu không tin tôi, ông chỉ cần nhìn vào vết thương nhiễm trùng của tôi đây này. Tôi không nói dối đâu. Tôi cần lá slark khnarng mà. Chân tôi sưng đau hàng đêm. Xin hãy cứu tôi.

Đừng giết tôi...”

Tôi ước chi tôi có thể gặp người xuống trước anh ta, cúi đầu xuống bàn chân anh ta, xin tha thứ. Nhưng quá muộn. Lời nói của tôi không đến anh ta nữa.

Tiếng anh ta từ xa, giọng đặc thẳng, gáy lên như một con gà trống oai vệ “Tao sẽ chặt đầu mày lúc chạng vạng để người ta đi làm về thấy mày – họ sẽ biết tránh cái gương xấu của mày” Tiếng chân anh ta đập trên lá khô, xa dần đi.

Tôi nhìn mớ lá chua trên mặt đất. Tôi nghĩ không biết sao những điều nhỏ nhặt như thế lại gây cho tôi nhiều khó khăn như vậy. Trước là việc tôi cùng mút cỏ ngọt với Cheng. Và giờ thì là chuyện này. Làm sao tôi bị buộc tội ăn trộm khi không có gì giấu trong khăn cả, ngoại trừ đám lá dại. Tôi đưa mắt ngắm cái lỗ hổng nơi hàng rào chỗ tôi chui vào chỉ một lúc trước đây. Bây giờ tôi ước chi giá có ai để ở đó nhiều gai hơn để tôi khỏi chui vào. Đúng ra tôi đừng nên chui vào mới phải. Thời gian trôi qua, tôi khóc dữ và lớn hơn, khóc vì sợ hãi và tủi nhục. Rồi tiếng khóc của tôi nhẹ dần. Số phận tôi đang chờ đợi tôi.

Bây giờ mặt trời đã xuống sau hàng cây, ánh nắng chiếu xuyên cành lá thành một vũ điệu xoay chuyển liên hồi. Đột nhiên tiếng chim hót đánh thức tôi. Chắc chúng khóc cho mình. Tôi lắng nghe tiếng chim hót và chợt nhớ ra một câu cảnh báo của người Cambodia “Khi cú kêu, nó sẽ lấy đi mạng sống của ai đó”. Nghĩa là hồn người chết sẽ bay đi cùng với chim. Bây giờ tôi nghe tiếng chim kêu. Lát nữa, có lẽ chim cú sẽ hú lên, báo hiệu rằng tôi sẽ bị chặt đầu.

Khi mặt trời bắt đầu lặn, tôi thầm nói với Đức Phật, với linh hồn Pa, im lặng cầu xin một cơ may lần thứ hai trong đời. Con không sẵn sàng để chết. Lời cầu nguyện của tôi vỡ ra vì nỗi sợ người đàn ông mặc đồ đen. Tôi tưởng tượng ông ta trở lại, đưa chiếc rựa dài lên cao trong không trung. Tôi cảm thấy người mình co quắp lại, thấy tiếng gió rít khi nó chặt xuống cổ tôi. Sự sợ hãi làm tôi lạnh cả người. Tôi nhắm mắt và hạ thấp đầu, cố tìm can đảm để đối mặt với lưỡi thép sắc lạnh.

Đột nhiên có tiếng chân dẫm trên lá khô. Tôi buông rơi giọt nước mắt cuối cùng, mắt tôi khô ráo vì cơn sợ. Trời lúc này nóng, nhưng tôi run lập cập vì lạnh. Tôi cúi xuống đất và nhắm mắt lại, người căng lên, chuẩn bị đón nhận cơn đau từ nhát chém. Tôi không biết là mình phải gào lên hay cắn chặt môi lại. Khi anh ta tiến lại gần hơn, tôi đã sẵn sàng để chết.

Đột nhiên, tôi thấy sợi dây quấn quanh cánh tay tôi bị kéo giật một cái. Tôi co rúm người lại và nhắm chặt mắt hơn. Tiếp đó cánh tay tôi sút ra, rời khỏi thân cây khiến tôi rơi xuống đất. Tôi mở mắt ra và quay lại.

Người đàn ông mặc đồ đen nói một cách nghiêm khắc “Đồng chí, bây giờ tao thả mày đó. Đừng làm vậy nữa đấy”. Anh ta không nói gì hơn. Anh ta nói lỏng sợi dây xù xì từ cổ tay tê cứng của tôi. Tôi nhặt cái khăn lên và quấn quanh cổ, để đám lá chua lại trên mặt đất. Tôi cố đứng dậy và bước đi nhưng không thể; trong giây phút phấn khích không tưởng tượng nổi vì thả, tôi đã quên rằng mình không thể bước đi được. Tôi bèn bò nhanh hết sức qua lỗ trống nơi hàng rào mà không hề quay đầu lại.

Quanh tôi, chim chóc hót vang trong rừng. Mọi giác quan trong tôi bỗng sắc bén hơn, và tôi cũng ngạc nhiên về năng lực mà mình có. Tôi bò xuống con đường dành cho xe bò và cố bò qua phía bên kia đường. Tôi rướn người lên, nắm lấy các cành cây leo dọc theo bờ đường. Người tôi còn tê dại vì vận may, tôi vẫn chưa thể tin rằng mình đã được thả. Trông như một giấc mơ lạ lùng. Tiếng nói của người đàn ông vẫn còn dội lại trong đầu tôi.

Tôi bò qua rừng cây, kéo lê bàn chân trai sưng vù trong đất và phân. Tôi phấn chấn hẳn lên khi nhìn thấy khóm lều toi tả nơi chúng tôi ở. Trước đây tôi chưa bao giờ nhận ra vẻ đẹp của nó như bây giờ. Tôi hồi hộp chờ kể cho Mak nghe việc mình chạm trán với cái chết, việc tôi được thả ra sau đó. Tôi choáng váng vì niềm vui được sống sót. Khi tôi tiến gần lều mình, mắt tôi háo hức quét qua mọi thứ. Tôi không ngưng nhìn được. Chỉ một giây lát trước đây, tôi đối diện với cái chết cầm chắc. Thế mà bây giờ tôi đã ở nhà. “Lều của mình”, tôi khe khẽ gọi, vừa khóc, như thể cái bức tường bằng lá dừa là người, người bạn thân thiết mà tôi mong nhớ.

Từ dưới đất tôi nhìn lên thấy khuôn mặt nhợt nhạt, gầy guộc của mẹ, ở tuổi ba mươi lăm, đang thò đầu ra ngoài lều nhìn xuống tôi. Trong bóng tối hoàng hôn, bộ mặt bà là cả một giấc mơ. “Ô, Mak”, tôi kêu lên trong vui sướng, sững sờ, “Con cứ tưởng là không bao giờ thấy lại mẹ nữa”. Miệng tôi liền tuôn ra một câu chuyện lộn xộn, không đầu, không đuôi về lá chua và người đàn ông áo đen đòi chặt đầu tôi. Trong lúc đó, tôi nghĩ mình không bao giờ để mẹ rời khỏi mắt. Tim tôi bám lấy bà, mắt tôi không để bà đi khuất.

Mak vỗ vỗ lên tóc tôi “Con may lắm đó. Mẹ mừng biết mấy khi thấy con không bị giết”. Nước mắt tràn xuống gò má bà. Bà với tay ôm lấy tôi, xiết chặt. Tôi hiểu tình yêu của Mak, nỗi lo sợ bị mất tôi. Đột nhiên bà ngừng khóc, bà chùi nước mắt. Chùi cả cho tôi. Ngồi gần mẹ, tôi chìm vào một nỗi hạnh phúc không thể nào diễn tả. Tôi quên mất cả Avy và Map. Tôi cũng không còn cảm thấy cơn đau nơi bàn chân hay cái nhức nhối nơi cẳng chân sưng vù. Chỉ cảm thấy một cảm giác biết ơn mơ hồ.

Mak nói “Đừng khóc, con. Để Mak nấu lá con ăn. Nín khóc đi, koon...”

Ngày hôm sau, Mak cùng Avy và Map đi làm về mang theo một đồng lá slark khnarng buộc vào chéo khăn, quàng lên cổ. Tôi rất sung sướng, đón mừng mẹ và hai em. Riêng sự có mặt của họ đã là một phương thuốc chữa bệnh đôi với tôi rồi.

Bàn chân tôi dần dần hồi phục do hàng ngày được chùi rửa bằng lá slark khnarng. Được hướng dẫn bằng ký ức mơ hồ về cha tôi, tôi tự định ra cách chữa mà tôi nghĩ là thích hợp cho bàn chân mình. Ngày hai lần tôi khử trùng bằng cách bôi a xít chắt ra từ lá. Dùng ngón cái và ngón trỏ, tôi nhẹ nhàng gỡ đi lớp vẩy vàng ban đêm đóng lại quanh vết thương, để cho máu tươi từ đó tuôn ra. Mak thì như một bác sĩ trưởng, theo dõi bàn chân sưng của tôi hàng đêm.

Tôi thấy nhẹ nhõm, hầu như biết ơn, là mình không bị cưỡng bách lao động nữa. Tôi ngủ ngáy vang, cố bù lại những đêm mất ngủ trước đây vì cái chân đau nhức. Rồi một sáng nọ một giọng nói dữ tợn kéo tôi thức dậy. Kể đó tôi thấy tên chhlop xấu xí đang cúi xuống nhìn tôi.

Giọng nói của hắn quát lên tôi như một nắm đấm. “Đồng chí kia, tại sao không đi làm việc? Đi làm ngay! Không tao đưa mày đi cải tạo. Mày phải đi làm việc ngay lập tức!”

Tôi không biết phải nói gì với hắn. Tôi bị phục kích trước khi có cơ hội để suy nghĩ. Nước mắt ứa ra trước khi kịp nói, nhưng tôi cố ngậm miệng không khóc.

Cuối cùng tôi thốt ra “Tôi không bước đi được. Chân tôi đau, sưng vù. Khi nào chân lành là tôi đi làm ngay”. Tôi ngoan ngoãn đưa chân cho hắn xem. Các tia máu đỏ phun ra bên cạnh chỗ sưng mủ vàn quanh vết thương. Việc chảy máu có lẽ do tôi nhóm dậy quá nhanh làm động đến vết thương. Bộ mặt đầy mụn ấy liếc nhanh vào chân tôi, rồi lùi lại. Hắn ta bỏ đi, nhưng tôi biết hắn sẽ để mắt theo dõi tôi.

Thế rồi, chân tôi cũng bắt đầu lành. Vào một buổi tối mát trời, tôi ra đứng trước căn lều. Đây là lần đầu tiên, tôi cảm thấy tôi cần hít thở khí trời nhiều hơn. Đột nhiên tôi thấy có cái gì đó đè nặng lên người. Tên chhlop xấu xí đang đi ra ngoài sục sạo trở lại. Tôi vội nhảy tuột vào lều, sợ hãi “Mak, Mak, lại là nó!” Tôi đứng ép người vào bức vách trước cửa căn lều, hy vọng hắn không thấy tôi.

Bằng một giọng hờ hững, lạnh lùng, hắn cộc lốc hỏi mẹ tôi, một người lớn tuổi hơn hắn nhiều “Đồng chí, con gái bà đâu rồi? Con gái bà phải đi làm việc chứ.”

“Nhưng nó còn bệnh, chân nó chưa lành” Mak trả lời một cách lễ phép.

“Nhưng nó đã bước đi được rồi” hắn cắt ngang.

Tôi nghe họ nói chuyện, người tôi run lên. Hắn dán mắt vào trong lều.

“Đồng chí, bước ra đây và đi với tôi!” hắn ra lệnh.

Tôi vâng lời. nước mắt tôi trào ra khi tôi rời bức vách. Tôi van nài Mak “Mẹ ơi, giúp con với!”

Hắn nắm cánh tay tôi và kéo tôi ra khỏi lều khi tôi đang nắm chặt tay Mak.

Hắn dọa “Nếu mày không đi, tao sẽ mang mày đến Angka”. Hắn nói ra cái từ mà chúng tôi sợ

hải nhất. Angka thần bí. Tôi không biết hẳn muốn mang tôi đi đâu – một trại lao động khác ở xa đây, hoặc một cánh đồng bên cạnh? Tôi chỉ biết khóc.

“Đi đi, koon, để họ không làm hại con” Mak buông tay tôi ra.

Tôi đứng ủ rũ bên cạnh gã con trai khủng khiếp này, kẻ đang muốn phô trương cái quyền lực bé nhỏ của mình.

“Xin đừng làm con gái tôi đau” Mak van xin, xuất hiện phía sau tôi. Bộ mặt hõm sâu của bà bộc lộ niềm đau đớn, thêm vào niềm đau đớn của tôi.

Sáng hôm sau, một nhóm các tên chhlop lừa tôi vào cùng một bầy trẻ con suy dinh dưỡng đi làm việc. Sau chừng một tiếng đồng hồ đi bộ, tôi bước vào một cánh đồng trơ trụi, cằn cỗi. Lại một trại lao động khác. Tôi khóc thầm, ước chi Mak có thể ngăn họ đừng đem tôi đi. Tôi cũng ước chi Pa còn sống để cho chân tôi khá hơn. Tôi là đứa bé chậm chạp nhất, luôn luôn rớt lại phía sau đám trẻ. Và như thế lao động nặng nhọc còn chưa đủ, bây giờ cơn đau là bạn đồng hành với tôi. Mới vào buổi sáng mà mặt trời đã nóng rát. Tôi còn phải chống đỡ với cơn đau và mặt trời. Lần này không có Cheng bên cạnh để giúp đỡ. Tôi không biết mình có sống sót qua một trại lao động khác nữa không đây.

Trại lao động mới này, gần Phnom Srais, không xa làng Daakpo lắm, chỉ chừng năm dặm. Họ ra lệnh chúng tôi phải ở lại đây, nhưng nơi đây chưa có lều trại gì cả. Trước khi chúng tôi có cơ hội nghỉ ngơi, họ đã ra lệnh cho chúng tôi làm việc ngay. Họ ném cho chúng tôi cuốc, thúng và đòn gánh. Ngay cả đứa bé nhất trong bọn trẻ cũng biết tốt hơn không nên cãi lại hoặc nói tới nói lui gì cả.

Cũng như ở trại lao động Oh Runtabage, người mekorg chia đám trẻ ra thành từng nhóm gồm bốn hoặc năm đứa. Tôi được chỉ định vào nhóm năm người, một trong số đó được bầu làm trưởng nhóm. Nó có nhiệm vụ coi sóc công việc của mỗi thành viên và báo cáo lại với mekorg. Ít ra thì nó cũng là một trong những “dân mới”. Người mekorg đưa cho tôi một cái cuốc vì tôi chưa đi bộ nhiều được. Tôi dùng cuốc đập vỡ đất rắn rồi đổ đất vào trong thúng của mọi người. Tôi lập đi lập lại công việc này nhiều lần, và sự rung động khi lưỡi cuốc chạm vào đất gây ra một cơn đau đớn lan vào bàn chân tôi, rồi bò lên cẳng, sau đó lên cả hông. Đất bụi cuộn xoáy lên và bám vào chân, đe dọa sẽ nhiễm trùng thêm. Hơi nóng gay gắt đến ngột thở. Mọi người chuyển động chậm chạp, một dây chuyền sản xuất rã rời, một đội quân kiến có thể bị nghiền nát dưới gót chân của Angka.

Tôi lên cơn sốt. Tôi nói chung chung không nhắm vào ai “Tôi bệnh và chân tôi đau quá. Tôi muốn nghỉ một lát”. Tôi ngồi sụp xuống, cho phép mình hưởng một khoảnh khắc xa hoa ngắn ngủi là dựa vai vào cái cán cuốc, nghỉ. Con bé trưởng nhóm bèn làm thay công việc của tôi. Nó bắt đầu cuốc đất. Nó nhìn tôi có vẻ khẩn cấp.

“Đồng chí này, tại sao không làm việc?” một giọng nói lớn, mạnh bật lên phía sau lưng tôi.

“Đồng chí này nói đồng chí bị bệnh nặng”, con bé trưởng nhóm trả lời, đưa tay chỉ tôi khi tôi cố đứng dậy.

“Vậy đồng chí cuốc đất” bà ta nói, chỉ con bé trưởng nhóm. “Còn đồng chí,” bà ta chỉ vào tôi “Đi khiêng đất, không được nghỉ nữa”.

Tôi mang những cái thúng đổ đầy đất, vất vả vác lên bờ sông. Cảnh tượng ở đây như một đoạn hồi tưởng quen thuộc, bọn mekorg và chhlop đứng giữa chúng tôi, quan sát. Tôi tự hỏi không biết bao giờ mình mới thoát khỏi sự canh chừng của họ.

Ngày đang nóng như lửa bỏng thay đổi đột ngột. Buổi chiều bầu trời bỗng chuyển mây. Nhiều đám mây dồn tới và bầu trời đen kịt. Tiếng sấm gầm lên. Chớp loé lên, chiếu những đường sắc cạnh, soi sáng bầu trời tối đen. Mọi người chạy tứ tán, lo âu và hoảng loạn. Chúng tôi đưa mắt tìm một người có thẩm quyền cho phép chúng tôi được giải tán nhưng hai người mekorg đã ra lệnh cho chúng tôi tiếp tục làm việc cho đến khi, họ nói, Angka Leu bảo chúng tôi ngưng lại.

Tiếng sấm lại dội lên. Mưa rơi từng hạt nặng, đập xuống người tôi. Rồi mưa rơi thành mảng nặng và dày, bám chặt lấy tay chân chúng tôi. Chúng tôi chạy trong cơn hoảng loạn. Người Mekorg và bọn chhlop biến đâu mất tiêu. Mọi người đều chạy tức khắc. biết rằng mình không chạy được, tôi cầu xin giúp đỡ “Xin hãy đợi tôi. Đợi tôi với!” Tôi thấy sợ hãi. Mọi người đều leo, trườn đi thật nhanh. Ánh chớp giáng xuống tàn nhẫn ngang trên bầu trời, soi sáng những đám trẻ em sợ hãi đang chạy hỗn loạn qua cánh đồng sũng nước và đầy bùn. Vài đứa bám vào nhau. Những đứa khác thì tự lê bước đi, rải rác trên cánh đồng. Cách duy nhất để chúng tôi biết mình đi đâu là nhờ vào những ánh chớp. Tôi tụt lại phía sau.

Một ánh chớp nữa loé lên chiếu sáng bầu trời. Tôi thấy một nhóm bốn đứa trẻ nín thở nắm lấy nhau, áo màu tối thẫm phủ lên che đầu, đang bước đi bên cạnh tôi. Tôi đưa tay nắm lấy chiếc khăn sũng nước đang phủ lên đầu một bé gái trong số đó. Rồi thay vì nắm khăn, tôi bám chặt vào cánh tay nó để bảo đảm mình không bị lạc trong cơn bão. Con bé quay lại, liếc nhìn tôi ngạc nhiên.

Bây giờ thì bầu trời tối đen. Những ánh chớp chợt loé chợt tắt đã ngừng lại. Bầu trời gầm lên tiếng sấm. Cơn mưa dữ dội vẫn trút xuống, đập, vỗ liên hồi vào người tôi. Mọi người lạnh run. Hàm tôi đánh lập cập. Tôi lạnh tê, đồng thời lại cảm thấy cơn nóng trong người do bị sốt. Chúng tôi rơi xuống một đường mương, va mạnh vào một đám thúng mủng và các mảnh gỗ cứng. Những tiếng kêu thét cùng bật lên “Mak ơi, cứu con, Mak...” tiếng kêu của riêng tôi cũng hoà lẫn trong tiếng kêu của những đứa khác. Trong cơn hỗn loạn giữa thúng mủng, giữa thân thể va chạm vào nhau, tôi cố gượng đứng vững. Tôi với tay trong bóng tối cố tìm những đứa trẻ vừa rời ở cạnh tôi. Tôi sờ thấy một bàn tay, bèn nắm chặt lấy, và nói “Xin chờ mình với”.

Cái đau tê buốt nơi bàn chân tôi thì vô cùng, nhưng nỗi sợ hãi bị lạc, bị nuốt chửng trong bóng tối lạnh giá này lại càng không thể đo lường được. Tôi cố kêu lên cho cái đau nơi chân bay đi. Chỉ còn nỗi đón đau sợ bị lạc mất trong cảnh điên loạn này. Vì thế tôi cố gượng dậy và bước đi. Chúng tôi phải tiếp tục đi.

Rồi cũng đột ngột như khi bắt đầu, cơn mưa chấm dứt. Nhưng bóng tối vẫn nấn ná ở lại, cho đến khi đêm đổ ập xuống. Những tiếng khóc xé thủng màn đêm, xen lẫn với những tiếng thút thít. Tôi buông nỗi sợ hãi này giờ, thầm gọi Mak trong tâm trí. Từ xa, tiếng một người đàn ông cất cao, vượt cả tiếng khóc của bọn trẻ. Tiếng nói này gọi lên một làn sóng hy vọng. Nhóm mà tôi đi cùng vội cất bước, tiến nhanh về phía có giọng nói ấy. Chúng tôi bám cứng lấy nhau thành một sợi dây xích người. Càng đến gần, chúng tôi càng dễ nghe được tiếng người đàn ông cảnh báo.

“Đừng lội qua nước! Cứ đứng đấy! Tôi sẽ giúp các em từng người một!” giọng người đàn ông ra lệnh, tuy lớn tiếng nhưng đầy lòng trắc ẩn.

“Ôi, giúp tôi với!” Một giọng nói vang lên hỗn hển. “Tôi rơi xuống nước rồi! Giúp tôi với! Athy ơi. Giúp tôi với!”

Ai gọi lớn tên tôi vậy? Tôi lục trong trí nhớ, cố suy nghĩ. Đột nhiên một ý tưởng loé lên – đó là tiếng của Ary, một con bé tôi quen ở Daakpo. Tôi thấy nó sáng nay, lúc chúng tôi làm việc.

“Ary! Ary! Bạn đang ở đâu?” Tôi rống lên. Tôi muốn kéo nó ra khỏi dòng nước đang tuôn chảy, nhưng tôi chẳng thấy gì trong bóng tối. Tôi cũng rất khó cử động. Thân thể tôi tê cứng và lạnh như một xác chết. Tôi dùng bàn tay để mò đường, đi xuyên qua đám trẻ, tiến lên phía trước trong bóng tối, cố gắng nắm lấy nó.

Tôi la lớn “Bạn ở đâu? Ary? Bạn ở đâu?”

“Mình đang ở dưới nước....Giúp mình với, Athy”, nó la lên, vừa thở hỗn hển vừa ho sù sụ.

“Ary, đợi đó, mình đến đây”, tôi chậm chậm nhúng bàn chân xuống mặt đất trơn, đầy bùn.

Nước lạnh ngắt làm tôi tê cả người. Tôi sụp xuống, lấy tay mò mẫm thay cho mắt. Đột nhiên lại nghe tiếng người đàn ông gọi lớn, làm tan đi nỗi sợ bị nước cuốn đi như Ary “Đừng bước xuống nước!” Ông ta ra lệnh “Để tôi kéo nó lên cho! Đứng yên ở đó!”

Tôi ngừng lại, lòng nhẹ nhõm và biết ơn. Có vẻ như mọi người khác đều đã bỏ rơi chúng tôi, ngoại trừ ông này. Rồi không biết cách nào ông ta kéo được Ary ra khỏi chỗ ngập nước.

Người đàn ông hướng dẫn chúng tôi đi bằng đèn bấm. Chúng tôi bầu chặt vào nhau, run lập cập. Chúng tôi đi qua một cánh đồng, tôi cảm nhận bê tông ở dưới chân – một ký ức xa vời về một thế giới văn minh hơn. Tôi biết mình đã ở trong một ngôi làng nào đó, nhưng tôi chẳng thấy gì ngoại trừ một tấm màn đen trước mắt. Có tiếng một người đàn bà hướng dẫn chúng tôi lên cầu thang gỗ để đến một toà nhà tối om. Tôi mệt lả nhưng mỗi bước đi tôi nhận ra đang

bước trên tấm thảm dày trẻ em đang nằm ngồi la liệt hoặc ép sát vào nhau.

Tôi thu mình trong bóng tối và buông mình xuống giữa vô số những vật bằng kim loại không biết là gì, ôm sát một trong những vật đó như ôm cái gối mềm và ngủ thiếp đi.

Đến sáng tôi thức dậy, kinh hoàng. Ánh sáng chiếu xuyên qua chiếc cửa sổ nhỏ, bắn thủy, mạng nhện giăng đầy nơi trần nhà, vách tường, và cả chỗ những phần tháo rời từ một chiếc xe đạp cũ vắt ngổn ngang trên sàn nhà nơi chúng tôi đang nằm ngủ. Quanh tôi, bọn trẻ con nằm co quắp vào nhau như những miếng bột nhồi. Giống tôi, một số đứa khác phải ngủ ngồi, dựa vào các bộ phận của chiếc xe đạp tháo rời.

Tôi cần dậy đi tiểu. Chân căng tôi tê và yếu. Tôi cẩn thận duỗi chân ra, rồi bò qua bọn trẻ đang ngủ để đi xuống cầu thang. Ở ngoài cửa tiệm này, cành cây, lá dừa, rác rưởi vất lung tung, vẫn còn ướt nhẹp sau trận mưa. Đây là một ngôi làng thật sự, nơi trước đây người ta đã sinh sống, nhà cửa, cửa hàng thật sự, không phải là lều tạm. Bây giờ thì trống rỗng.

Tôi bước trở lên cầu thang và ngủ lại.

“Dậy đi. Dậy đi các đồng chí. Đã đến giờ làm việc. Dậy đi!” một giọng phụ nữ réo lên từ dưới cầu thang.

Tôi muốn vâng lời nhưng không thể làm được. Vết thương thì đau nhức còn người thì sốt hằm hập. Tôi liếc mắt nhìn ba đứa trẻ nằm ở góc nhà. Nghe tiếng chúng rên rỉ, tôi biết chúng đang bệnh rất nặng, và tôi mừng thấy mình không phải là người bệnh duy nhất.

Phần lớn các đứa trẻ đã dậy đi làm việc, người trưởng đoàn hỏi “Các đồng chí, tại sao đồng chí không đi làm việc?”

Tôi trả lời “Cháu bệnh. Chân cháu sưng vù không bước nổi.”

“Cháu thì bị sốt” một bé gái trả lời khiêm tốn, giọng nó nhỏ và nhẹ.

Hai đứa bé kia thì quay mặt về phía bà trưởng đoàn để báo cáo về bệnh tật của mình.

“Đủ rồi. Đủ rồi! Vậy tất cả các đồng chí ở lại đây, đừng đi đâu cả. Lát nữa sẽ có một đồng chí đến đưa vào peth (bệnh viện). Không ai được rời khỏi nơi này đây”. Bà nhấn mạnh.

Chúng tôi lại ngủ tiếp. Sau đó trong ngày, một tiếng nói nhẹ, dịu dàng đánh thức tôi dậy.

“Này, dậy đi nào, dậy đi. Tôi đem em vào peth để điều trị. Dậy nào!” người phụ nữ hoà nhã lay lay vai một đứa bé gái.

Tôi ngồi lên, đưa mắt nhìn cô ta. Mặc đồng phục đen, cô ta cắt tóc ngắn, mái tóc đen chỉ phủ xuống ngay trái tai. Trông cô dịu dàng. Một phụ nữ quý phái, một bác sĩ, nhưng mặc đồng phục Khmer Đỏ. Tay cô sờ vào cổ đứa bé như để kiểm tra nhiệt độ thân thể.

“Tất cả các em đều bệnh cả à?” Cô đưa mắt nhìn chúng tôi, hỏi dịu dàng. Chúng tôi trả lời vâng hoặc chỉ gật đầu.

“Vậy đi với tôi và các em ở lại peth cho đến khi khỏi bệnh”, cô trả lời.

“Nhưng em không đi được, chân em đau lắm, sưng vù lên”. Tôi nói và đưa cho cô xem bàn chân, và cô kinh hãi khi thấy vết thương còn tươi máu. Cô ta là người đồng chí đầu tiên đã phản ứng khi thấy vết thương nơi chân của tôi bằng tình thương xót.

Cô bèn mang tôi đến một căn lều nhỏ gần đó. Cánh tay ấm áp của cô ôm lấy tôi, áp sát tôi vào ngực, ôm tôi như thể tôi là cô em gái nhỏ của cô vậy. Trông cô còn trẻ, có lẽ chỉ ngoài năm mươi. Nước da cô sang, như thể cô chưa bao giờ lao động nặng nhọc hoặc phơi dưới ánh sáng mặt trời.

Cô ngồi xổm bên cạnh tôi và vỗ nhẹ vai tôi khi tôi nằm trên một cái giường trông giống chiếc kệ làm bằng những thanh tre cũ. Cô hỏi “P’yoos srey (em gái), em bị vết thương này bao lâu rồi?”

Tôi xúc động vì cách cô gọi tôi dịu dàng như vậy. Đó là một từ tôi chưa bao giờ được nghe thấy từ người Khmer Đỏ. Lần đầu tiên, tôi tự hỏi không biết có một vài người Khmer Đỏ là thật sự người tốt, họ lặng lẽ ẩn mình trong hàng ngũ những kẻ thô bạo không.

“Em mới bị một thời gian. Vết thương đã gần lành trước khi em đến lao động ở Phnom Srae vì hằng ngày em rửa bằng nước chảy ra từ lá slark khnnarng. Cha em trước đây thường đổ bột penicillin lên vết thương ở đầu gối em khi vết thương bị nhiễm trùng. Thế bang (chị) có thuốc penicillin không?”

Đó là một yêu cầu kỳ quặc, nếu xét hoàn cảnh hiện tại chúng tôi ở xa văn minh biết chừng nào. Cô nhìn tôi thoáng cười, có lẽ thích thú vì thấy tôi biết cái từ đó.

“Để tôi đi xem xem. Tôi sẽ trở lại ngay” cô hứa.

Cô biến mất vào trong căn phòng nhỏ phía bên kia lều. Rồi cô trở lại liền, tay cầm một vật gì đó.

“Tôi có penicillin đây. Tôi sẽ rắc thuốc đó lên vết thương của em”, cô vừa nói vừa đưa tôi xem lọ thuốc.

Tôi không tin vào mắt mình nữa. Trông giống hệt như những thứ Pa trước đây đã cất trong hộp thuốc – lọ thuốc có nắp cao su và dải kim loại sáng bọc chặt phía trên. Lần cuối cùng tôi thấy người ta dùng tân dược hiện đại là trước lúc cha tôi bị hành hình, dưới thời Lon Nol. Như ở một thế giới nào khác.

Cô mở lọ thuốc và cầm đưa lên trên bàn chân trái của tôi. Cô nhắc “Hơi rát đấy”. Một lần nữa, tôi ngạc nhiên vì hiểu biết của cô về thuốc men. Nhưng tôi hoan nghênh cái đau vì được chữa trị. “Đừng khóc nhé, em gái”, cô ép sát người xuống, nhấn trán lại như thể cô đang giữ đau cho tôi. Cô nhẹ nhàng gõ đều đều lên miệng lọ thuốc, nhưng chất bột dính cứng trong chai. Cô gõ mạnh hơn và một tảng bột trắng rơi ra, rơi vào trong lỗ vết thương nơi bàn chân tôi.

“Chết, tất cả thuốc rơi vào trong vết thương của em rồi! Đợi một chút, tôi sẽ xúc ra một ít cho

em”, cô ù chạy đi.

Vài giây sau tôi kêu thét lên vì đau. Tôi cào như điên quanh vết thương. “Ôi, bang, đau quá!” tôi gọi to, “Mak ơi, cứu con, Mak, đau quá!” Tay đập rầm rầm lên tấm vạt giường bằng tre và cắn chặt môi để chế ngự cơn đau xé ruột mà tôi cố chịu đựng – nước mắt tôi lại trào ra khi tôi quan sát vết thương. Cô bác sĩ chạy trở lui, đỡ cho tôi dịu lại.

“Đừng khóc, nào đừng khóc” cô lắp bắp nho nhỏ. Cô đưa tay chà quanh vết thương. Khi tôi im miệng, cô nhẹ nhàng cầm bàn chân tôi nghiêng đi để một số thuốc rơi vào lòng bàn tay cô. Lấy ra được chừng một phần ba số thuốc, cẩn thận, cô đổ số thuốc bột dư ra đó vào lại trong lọ thuốc – chắc chắn lúc này thuốc đó quý như vàng.

Hàng ngày tôi đều xúc penicillin vào vết thương. Chừng hai tuần sau, vết thương trông khá hơn. Mô thịt bắt đầu mọc lại, từ từ lấp đầy lỗ trống sâu hoắm trước đây. Tôi thấy biết ơn sức mạnh của thân thể tôi đã chữa lành vết thương, dĩ nhiên chưa kể đến các yếu tố khác, nhất là của thuốc men. Bây giờ hầu hết các lớp vảy đầy máu nơi vết thương đã biến mất, và tôi có thể tự bước đi nhận khẩu phần ăn rồi.

Vị bác sĩ tử tế này tình nguyện tự tay xúc bột penicillin vào vết thương hàng ngày cho tôi, nhưng tôi lễ phép từ chối vì tôi tự làm được. Việc cô tình nguyện chăm sóc đó thật ngọt ngào, đáng nhớ - một hành động bày tỏ lòng tốt cá nhân mà tôi chưa bao giờ thấy nơi người Khmer Đỏ. Thế mà, cô đã giúp tôi nhiều hơn cả tôi có thể mơ ước – bệnh viện, thuốc thang và còn tự tay đi lấy khẩu phần cho tôi – cháo gạo – lúc đó tôi chưa đi được. Cô đến kiểm tra sức khỏe tôi hàng ngày. Chính sự tử tế của cô bắt đầu làm cho tôi thay cách hình dung của mình về Khmer Đỏ. Không phải mọi người đều có một trái tim bằng đá, chỉ sống để phục vụ Angka...Không phải ai cũng chỉ sống theo quyền lực và sự hung ác. Một số người vẫn giữ nơi mình một hạt mầm của nhân tính.

Khi chân tôi đã gần lành, người lãnh đạo đoàn lao động ra lệnh cho tôi trở về làm việc tại Phnom Srais. Cô bác sĩ trấn an tôi. Cô bảo tôi sẽ an toàn nếu tôi nhớ rửa vết thương sau khi lao động rồi xúc thuốc bột penicillin vào đó mỗi đêm. Cô xử sự như là một người mẹ của tôi, như một người bạn tốt mà bất cứ đứa bé nào cũng ao ước có được.

Chúng tôi làm việc vất vả dưới cặp mắt nhìn chăm chăm của bọn chhlop và những người chỉ huy đoàn mặc đồ đen đứng bên bờ sông. Tuy vậy tôi đã nhìn họ bằng đôi mắt khác. Có phải sự hung bạo của họ chỉ là chiếc mặt nạ bề ngoài, che giấu tính người nằm sâu bên trong? Thế giới không chỉ màu đen như đồng phục của họ, hoặc chỉ màu trắng tinh như gạo nữa. Ít nhất ở đây tôi cũng có chỗ trú ẩn và khẩu phần ăn tốt hơn, cơm hắc hoi chứ không phải cháo gạo như trước. Tôi chỉ ước ao mình có thể chia phần gạo này với Mak Avy hay Map.

Ngày nào cũng giống nhau. Buổi sáng chúng tôi dậy sớm. Họ quan sát chúng tôi suốt giờ làm

việc. Cả một dải trẻ em lao động dưới ánh nắng khốc liệt của mặt trời như một dây chuyền sản xuất tập thể đang cào bám mặt đất, để lại một con mương dài, rộng mỗi ngày lại chậm chạp dài thêm một tí.

Sau đó, những người lãnh đạo Khmer Đỏ loan báo rằng một đoàn cơ động đang từ Phnom Kambour đến để giúp chúng tôi đào mương nhanh hơn. Việc đoàn này đến có nghĩa là tôi có thể gặp được chị Chea, chị Ra và dì Rin, nếu họ còn sống sót.

Và mong ước của tôi thành sự thật. Vào lúc những người lãnh đạo gọi đến giờ ăn trưa, chúng tôi lập tức rời con mương, đứng trên đồng và đi về phía nhà bếp nằm cách đó một dặm. Đột nhiên làn sóng người phía trước tôi bắt đầu vụt chạy. Từ xa, tôi thấy một khối người đồng phục xám bạc màu bu quanh khu nấu ăn. Một số còn đứng sắp hàng, trong khi những đứa khác ngồi chồm hổm trên mặt đất.

“Chúng mình phải vội lên mới được, trước khi họ phát hết đồ ăn cho đoàn cơ động vừa mới đến” một con bé vừa chạy vượt qua tôi vừa nói, theo sau nó là mấy đứa khác.

“Athy ơi! Athy ơi! Đợi mình với!” Tôi quay lại. Tôi ngừng bước khi biết đó là Ary. Nó mệt mỏi đưa tay ngoắc tôi, mặt nó vừa tối vừa trắng xanh.

Ary hụt hơi, kể với tôi “Athy, mình mệt quá. Mình không thể chạy được nữa. Tội mình bước đi thôi.”

Tôi bảo Ary cố đi nhanh hơn, lo rằng thực phẩm sẽ hết vì phải phân phát cho người của đoàn cơ động.

Tôi nghe tiếng Ary thở hổn hển, miệng mở to ngáp không khí. Cả hai chúng tôi đều đi khập khiễng, chân cứng đờ. Trong khi đó thì bao tử sôi réo.

Hàng trăm trẻ em và người lớn vây quanh khu nhà bếp trơ trọi, không có cả mái che mưa, che nắng. Dấu mốc của khu này là một cây khô trụi lá, chỉ có ba nhánh cây như ba khúc xương chìa ra. Người ta vây quanh bếp, ngồi bệt xuống đất, lùa cơm vào miệng. Ary và tôi đứng xếp hàng trong hàng trẻ em, mắt chúng tôi liếc nhanh về phía những bát cơm và bát cháo cá lỏng mà người ta đang lùa vào miệng. Đột nhiên một giọng nói yếu ớt và vội vã gọi tên tôi nhiều lần “Athy!”

Tôi quay lại cố tìm người vừa gọi, tôi thấy chị Chea nhô lên khỏi đám người đang sắp hàng và đám người đang ngồi dưới đất. Thật khó mà tin rằng đó là chị tôi. Hình ảnh đang thấy làm nhức nhối tim tôi – chị gầy rạc, mặt đen thẫm và tiều tụy vì ánh mặt trời. Quần áo chị cũ kỹ, gồm một chiếc quần đen bạc thành màu xám và chiếc sơ mi như miếng giẻ rách cùng với chiếc khăn bạc thếp quấn quanh cổ.

“Chị Chea, chị Chea!” tôi reo lên. Tôi run cả người vì vui sướng đồng thời chấn động vì sự tàn phai nơi nhan sắc của chị. Tôi từng nghe tin nhiều người trong các đoàn lao động đã chết vì

kiệt sức và bệnh tật. Thế mà bây giờ chị đang chạy về phía tôi, mắt rực sáng. Nếu như không vướng người chung quanh thì chị hẳn đã mở rộng vòng tay ôm lấy tôi rồi. Còn tôi không cần xếp hàng gì nữa, tôi cũng không chú ý gì đến phần ăn. Chị Chea đã là thực phẩm cho linh hồn của tôi rồi.

“Athy, em đang ở đâu?” chị hỏi tôi, mặt chị áp sát vào mặt tôi nhưng chị bỗng lùi lại, hoảng hốt. “Mắt em có những đường mô trắng” chị nhẹ nhàng dùng ngón tay kéo mí mắt tôi lên, rồi nói thẳng thừng “Mắt em trông tệ lắm, Athy, coi chừng em bị mù đó!”

Lời chị làm tôi sợ, tôi chớp mắt liên hồi, mắt tôi tự nhiên bỗng cảm thấy nặng hơn bao giờ hết. Chị Chea phải rời khu vực này ngay bây giờ nhưng chị nói chị sẽ tìm tôi sau. Tôi vội chen trở lại hàng chờ lãnh phần ăn. Tôi biết mắt tôi có vấn đề, khi thức dậy lông mi tôi thường dính chặt vào nhau. Mắt tôi nhìn khó, thường phải nheo lại một cách khó nhọc dưới ánh mặt trời. Tôi sợ tôi có thể bị mù.

Ngày hôm sau chị Chea mò ra khỏi trại tới thăm tôi vội vã trong giờ ăn trưa. Rồi vào một buổi chiều, trong lúc chờ lãnh xuất ăn, chị có vẻ bồn chồn. Chị vẫy tay, ra hiệu cho tôi đến gần chị “Athy, em có muốn đi với chị và chị Ra về thăm Mak không? Tụi chị sắp về thăm mẹ và đem cho mẹ một ít gạo.”

Ý tưởng ấy tràn ngập người tôi “Chị Chea ơi, em sợ. Em muốn đi lắm nhưng em sợ. Em sợ họ sẽ bắt chúng ta giữa đường”.

“Không sao đâu. Chúng ta sẽ đi vào ban đêm và đi trong rừng chứ không đi qua làng đâu. Người cùng lao động với chị biết một con đường. Đừng lo, khi trời tối hẳn, chị sẽ đến chỗ em. Bây giờ chị phải đi đây” chị vỗ nhẹ lên vai tôi, dấu hiệu bảo đảm ấy làm cho tôi hết lo.

Đêm đến, chị Chea, Ra, hai người phụ nữ khác và tôi sụp xuống bò qua các túp lều, ra khỏi trại lao động. Tiếng động duy nhất mà tôi nghe được là tiếng thở nhẹ, thì thào của chính mình. Tiếng bước chân chúng tôi được bọc kín trên nền đất cát. Bóng cây dọc theo con đường xe bò che phủ chúng tôi không để ai nhìn thấy nhưng nó cũng làm lối đi tối mịt. Mắt tôi, vốn đã căng ra vì ánh sáng mặt trời, không dùng được mấy vào ban đêm. Nhưng cũng may chúng tôi không va vấp vào vật gì. Người bạn cùng trại của chị Chea chắc biết rõ con đường đi vòng qua làng. Tôi tự hỏi không biết cô này có phải là “dân cũ” không, nhưng tôi không biết chắc. Trong bóng tối tôi chỉ thấy những cái bóng, bóng mờ của chị Chea và chị Ra. Tôi chỉ nhận ra chị Chea qua giọng nói, và tôi đặt niềm tin vào đó.

Chúng tôi rời đường xe bò, rẽ qua một con đường khác phủ đầy bụi cỏ, cây dại. Nhưng con đường này có vẻ quen thuộc: đây chính là con đường xe bò quanh co nhiều làng rồi dẫn chúng tôi đến gần làng Daakpo. Tuy chúng tôi còn ở trong rừng, đường đã sáng hơn. Nỗi sợ hãi của chúng tôi giảm bớt khi chúng tôi thoáng thấy ngôi làng quen thuộc, dù chỉ mới là những bóng

đen mà thôi.

Hai người cùng trại với chị Chea rẽ sang đường khác để về với gia đình của họ. Còn ba chị em chúng tôi hướng về phía Mak, thận trọng vượt qua những ngôi lều đang say ngủ. Chúng tôi lặng lẽ bước qua lều, cố không làm cho Mak, Avy hay Map giật mình, họ cũng đều đang ngủ say.

“Mak...” chị Chea thò đầu vào căn lều không cửa, thì thào.

“Mẹ ơi!” chị Ra cũng lập lại, gọi nhỏ. Tôi cũng tham gia theo hai chị trong cuộc về thăm nhà bí mật của mình.

Nhẹ nhàng vào cạnh Mak trong căn lều tối om, thật khó tin rằng tôi đã trở lại cùng với Mak, chị Chea, chị Ra, Avy và Map. Rồi Mak thức dậy, bối rối thấy chúng tôi tất cả đều ở chung quanh bà. “Mak ơi, chúng con mang gạo về cho mẹ đây” tôi nói nhỏ, đưa ra một gói gạo nhỏ cỡ quả dưa nhỏ bọc trong khăn. Bà choàng tay ôm lấy tôi. Chị Chea và chị Ra ngồi cạnh bà, dăm dăm ngấm khuôn mặt mẹ, yeêu thương bà qua cách của người Cambodia. Qua giọng nói của chúng tôi, Mak có thể thấy được nỗi khao khát của chúng tôi muốn được ở gần mẹ, không cần phải choàng tay ôm ấp. Việc lén trốn trại, việc cố gắng mang gạo đã nói rõ hơn tất cả những lời thân thương nào khác chúng tôi có thể nói với bà.

“Achea, tất cả các con đều bỏ trốn à? Các con không sợ bị bọn chhlop bắt lại sao?” Bà hỏi nhỏ, giọng lo lắng.

“Có nhiều người khác cũng trốn về thăm gia đình” chị Chea trả lời “Không phải chỉ mình tụi con đâu” giọng chị thoải mái trấn an mẹ.

Nhưng Mak dịu dàng nhắc chúng tôi “Nhưng các con phải luôn luôn cẩn thận, nhớ chăm sóc cho Athy nhé. Nó còn nhỏ quá”. Bà nói, nếu họ hành hạ chúng tôi thì coi như họ giết bà. Rồi một lần nữa, bà nhắc chúng tôi phải hết sức cẩn thận.

Chị Chea trấn an Mak là chúng tôi sẽ cẩn thận hết sức. Rồi Mak mới quay sang chỗ cơm chúng tôi mang về cho mẹ. Bà bảo chị Ra đánh thức Avy và Map dậy để cùng ăn. Lúc này mặt trăng đã khuất đi, ánh trăng mờ dần nơi lối đi dẫn vào lều. Mak, Avy và Map ăn vội vàng, cơm như bay vào trong miệng họ.

“Preah, cơm ngon ngọt quá” Mak kêu lên, giọng bà như biết ơn. “Mẹ không ăn cơm từ lâu lắm rồi. Có cơm ăn giống như được lên trời vậy”.

Sau khi ăn xong, Mak kể cho chúng tôi nghe đời sống của bà ở Daakpo. Tất cả họ phải ăn lá ở trong rừng hoặc các thân cây cỏ nước do em Avy chín tuổi hái ở hồ gần làng. Có khi may mắn, Mak và Avy bắt được vài con dế hoặc cóc. Mak nói về cái đói của mình một cách dễ dàng, như là một chuyện tự nhiên.

Đã muộn, có lẽ quá nửa đêm. Tôi chỉ có thể đoán giờ bằng sự yên lặng hoàn toàn quanh Daakpo. Tôi cũng gục ngủ rất nhanh. Chẳng bao lâu tôi nghe tiếng chị Chea: “Athy, đến giờ đi

rồi. Mình phải về. Hai người kia đang đợi ở ngoài đấy. Dậy đi, Athy”.

Chị giúp tôi bước ra khỏi lều, đi vào rừng, an toàn trở lại trại lao động vào buổi sáng sớm, trời còn tối đen như mực.

Ở tại trại, chị Chea chính là mẹ tôi. Chị, chị Ra và tôi tiếp tục lên đem một phần cơm cho Mak, sót bớt từ khẩu phần của chúng tôi. Hàng tuần tôi chỉ mong đợi buổi lên trốn đi này, để được sống bên Mak, Avy và Map lâu chừng nào hay chừng nấy. Vì Angka điều khiển toàn bộ cuộc sống của chúng tôi, chúng tôi chẳng biết may mắn này kéo dài được bao lâu nữa. Nhưng ít nhất thì vào lúc này chúng tôi tự cho phép mình có một tí hạnh phúc và hãnh diện.

Chỉ riêng việc được thấy lại Mak cũng đã tạo ra cho tôi một chân trời để sống trong cái thế giới không có chân trời này. Trong những lần lên về thăm ngắn ngủi của chúng tôi, mẹ cũng săn sóc cho tôi, an ủi tôi. Về cặp mắt bị nhiễm trùng của tôi, mẹ bảo tôi hãy dùng nước tiểu của chính mình để chữa, hứng bằng một ngọn lá gấp thành hình cái phễu. Bà chỉ cho tôi cách làm, là đưa phần nhọn của cái phễu đó lên cặp mắt, nhỏ từng giọt nước tiểu vàng khè đó xuống đều đều. Bà bảo sữa mẹ cũng chữa rất tốt – tôi đã nghe điều này trước đây, nhưng làm thế nào mà tôi kiếm ra được một người đàn bà có sữa? Ở đây rất ít trẻ em ra đời.

Lần thứ nhất tôi thấy người lớn tỏ ra chú ý đến nhau là nơi những người mekong của Khmer Đỏ, đó là con cái của những người lãnh đạo đoàn, họ thường trêu đùa, ve vãn nhau. Còn những người lao động thì quan sát và gật gù “Chúng còn có da thịt”, họ giải thích “Không còn da thịt và máu thì cũng chẳng còn ham muốn nữa”.

Chỉ còn công việc. Con kênh dẫn nước đã gần xong, đoàn của người lớn sẽ hoàn tất công việc ấy. Tôi ngạc nhiên thấy trẻ em được phép trở lại làng của mình. Mắt của tôi đã lành bệnh, do được điều trị bằng chính nước tiểu của tôi. Trước đây khi bị bệnh nhiễm trùng mắt, tôi còn bị thêm một bệnh nữa là “quáng gà” khiến cho mắt tôi không hoạt động được vào ban đêm. Vào những lúc có mít tinh bắt buộc, Ary phải nắm tay tôi dẫn đến đó rồi dẫn về lều. Khi bệnh nhiễm trùng được chữa khỏi, bệnh quáng gà cũng hết luôn.

Mắt đã nhìn được, tôi lại mở mắt. Có rất nhiều điều để nhìn thấy.

CHƯƠNG 9

BÂY GIỜ TÔI ĐÃ BIẾT CÂU TRẢ LỜI

Dưới chế độ Khmer Đỏ, sự sum họp gia đình là một điều vô cùng quý giá nhưng ngắn ngủi, xuất hiện đột ngột như một cơn mưa rào mùa hạ làm khí hậu dịu đi, rồi chấm dứt cũng mau chóng như vậy. Sau Phnom Srais, trẻ em được gởi trả về làng để cùng làm việc với người lớn ở đây, phần lớn là với mẹ, phát rừng, nhổ cỏ dại để trồng khoai lang. Nơi làm việc ở xa độ hai hay ba dặm. Nhưng ít nhất chúng tôi cũng còn được sống với gia đình. Chúng tôi lại rơi vào những

công việc vất vả để chịu, như đi nhặt lá để nấu với gạo và muối, hoặc kiếm củi, lấy nước. Nhớ lại hồi ở Phnom Penh, chúng tôi cũng làm việc nhà mà không suy nghĩ gì, thỉnh thoảng nói chuyện với nhau một cách tình cờ, như chị Chea nói về bài thi môn sử hay những chương trình dự định với bạn bè. Bây giờ thì chúng tôi làm những nhiệm vụ hàng ngày phần lớn trong im lặng, chìm đắm vào những ý tưởng riêng tư và sợ phải nhìn quá xa vào tương lai của mình. Ban đêm tôi nằm trên sàn nhà trong lều và cố thu lại những cảm xúc của những người tôi yêu quý gắn chặt vào nhau dưới một mái nhà. Quanh tôi là âm thanh nhẹ nhàng của những hơi thở ban đêm, một bản hoà tấu của dế, ve và ếch nhái. Tôi khoá chặt những thứ ấy vào trong tâm trí như một nơi cất giữ an toàn.

Vài tuần sau, chị Chea và Ra ra đi. Hai chị được đưa đến một trại lao động khác. Ngày Khmer Đỏ tập trung nhóm người để đưa họ đi, tôi lẻ bước ra nhìn theo họ. Tôi đã biết sợ những lời chia biệt, bởi vì đi theo đó là nỗi sợ hãi rằng tôi sẽ không bao giờ thấy lại họ nữa. Khi những người này đứng vào hàng, tôi xúc động thấy dì Rin cũng đứng trong hàng. Dì Rin đẹp đẽ của tôi, mắt ứa lệ, thân hình gầy nhom và mệt nhọc. Tôi chỉ có thể gọi tên dì. Dì quay đi, cố đương đầu với nỗi đau của mình, dì nhạy cảm đến mức dì không thể đối diện với một cuộc chia tay thêm một lần nữa. Tôi để mặc dì, chỉ cầu nguyện cho dì lấy lại được sức mạnh và can đảm để chiến đấu và sống sót.

Chỉ vài phút sau, hàng người bắt đầu di chuyển. Trước khi họ rời nơi đây, tôi muốn nói lời từ biệt với dì Rin. Tôi cũng muốn chạy theo và ôm chặt lấy chị Chea và chị Ra, hay ít nhất cũng nắm tay họ lần cuối cùng, ít nhất thì cũng gọi được tên họ, nhưng lưỡi tôi cứng ngắc. Chỉ có đôi mắt là hoạt động. Tôi tìm dì Rin, nhìn theo dì cho đến khi chỉ còn thấy đôi chân của dì bước đều, dì đã khuất sau những người đi trước và đi sau dì. Chị Chea và chị Ra cũng trôi ra khỏi mắt tôi như thế.

Gia đình tôi tự rời tan như thuỷ triều. Chỉ sau một cái vẫy tay, chị Chea và chị Ra đã đi khuất, nhưng anh Than lại trở về từ một trại lao động khác làm Mak nhẹ nhõm. Rồi chị Ry tìm được chỗ trú ẩn trong một bệnh viện Preahnethe Preah bằng cách giả vờ ốm. Đó chẳng qua là một mẹo lừa của chị. Bằng cách ở lại phía sau, chị tránh khỏi cái chết có thể xảy ra vì lao động kiệt sức, nhưng chị phải đủ khôn ngoan để tránh bệnh kiết lỵ do vi trùng amip, hiện đang lan tràn trong các bệnh nhân ở bệnh viện. Phần còn lại của gia đình, Mak, Avy, Map và tôi, phải tồn tại theo cách riêng của mình, đó là làm việc trong rừng vì chúng tôi không thuộc vào nhóm tuổi phải làm việc trong các trại lao động. Anh Than thì làm những gì mà các người lãnh đạo trong làng bảo anh phải làm, cày ruộng hay phát rừng vì lực lượng nam giới dự trữ hụt đi rất nhiều. Những ngày ấy, chúng tôi phát cây nhỏ, nhổ cỏ nơi cánh đồng chung quanh có cây lớn bao bọc, trong đó có một cây xoài mọc hoang. Vào giờ ăn trưa, dưới bóng mát xum xuê của hàng cây –

trong khi các cán bộ Khmer Đỏ ngồi với nhau, cách xa chỗ chúng tôi – Mak và những người phụ nữ khác nói về thời xa xưa. Vừa ăn cháo gạo nấu với lá và muối, họ nói chuyện về các món ăn ưa thích thời trước. Nói về những gì mình không thể có, nghe ra như một cách hành hạ độc ác, nhưng họ lại nói chuyện rất thoải mái.

Khẩu phần ăn lại hạ xuống mức thấp nhất. Bệnh phù thũng cũng lan rộng. Thân hình em Avy sưng phù lên, mắt thì gần như là nhắm tịt. Chĩa lên giữa hai mí mắt nó là hàng lông mi dài. Tóc nó khô cứng và xoắn. Da nó nhợt nhạt, sưng phồng lên vì bọng nước như sẵn sàng bật xuyên qua làn da mỏng. Tất cả chúng tôi đều bị phù, nhưng không đến nỗi tệ như Avy. Đây hẳn là một trường hợp hiếm hoi do nạn đói gây nên. Nó được miễn lao động cực nhọc, nhưng thân thể nó vẫn không chịu nổi, và thua cuộc.

Để phụ thêm vào phần ăn nhỏ nhoi của chúng tôi, anh Than lén ra ngoài đánh cá. Chỉ mới 13, lớn hơn tôi hai tuổi, có vẻ như anh đã đảm nhiệm vai trò của một người đàn ông trưởng thành, chủ của gia đình. Ban đêm, anh đi bộ rất xa ra đến chỗ hồ, nơi anh đặt sẵn lưới cá, cắm vào chỗ nước cạn và khuất, không ai nhìn thấy được hay đánh cắp mất lưới. Có một đêm anh mang về cả chục con cá, mỗi con to cỡ chiếc muỗng ăn súp. Mak bèn bảo chị Ry – chị thường trở về từ bệnh viện vào ban đêm thăm chúng tôi – đi rửa cá. Tôi dội nước cho anh Than rửa bùn bám vào đôi chân gầy của anh. Mak thì đi gom củi. Chúng tôi đã không hề ăn cá hay thức ăn thực sự nào khác trong nhiều tuần, không kể thỉnh thoảng vài con cóc, nhái, nòng nọc, dế, hoặc rắn mối nhỏ kiếm được trong rừng.

Cá đã nướng xong, màu nâu vàng, nhăn nheo, xếp thành hàng trên chiếc đĩa đặt trước anh Than. Anh đưa cho Mak vài con, Map được hai, Avy một, chị Ry một và tôi cũng được một con. Tôi thưởng thức hương vị cá, tôi cắn một miếng nhỏ, thận trọng như tôi liếm que kem lạnh. Anh Than cũng ăn chậm, miệng anh bận kể lại chuyến đi ra hồ của anh.

Mak nhìn anh, hãnh diện vì đứa con trai của mình. Avy thì đã ăn xong phần con cá của nó, nó đưa tay ra, cặp mắt sưng phù van xin, nó ngắt lời “Anh Than, cho em một con cá nhỏ nữa nhé?” Than hơi bị mất tập trung nhưng anh vẫn tiếp tục kể về chuyến phiêu lưu của mình. Tôi chú ý đến sự kiên nhẫn của Avy, nhất là khả năng kiềm chế cơn đói của nó. Tôi không thể nhớ lần cuối cùng ngồi quây quần và nghe một trong chúng tôi nói là khi nào.

“Anh Than, anh cho em một con cá nhé?” Avy nài nỉ, bàn tay nó đưa ra phía trước.

anh Than bực bội bẻ nửa con cá, lẩm bẩm “Nó ăn mọi thứ, ăn bất cứ cái gì. Kiến nó cũng ăn, cho nên mặt nó bây giờ như thế đó”. Anh nói, giọng bực tức “Con bảo nó đừng ăn, nhưng nó ngoan cố. Nó không chịu nghe”. Anh nhìn Mak như muốn bà đồng tình với mình.

Mak dịu dàng đề nghị “Con đừng giận, p’yoon. Nó đói mà con”.

Anh Than đưa mắt nhìn Avy rồi bật ra “Ồ lì lợm!” anh ném nửa khúc cá về phía nó, khúc cá rơi

qua kẽ hở trên sàn nhà, rớt xuống dưới. Avy bèn nhảy theo, nó chạy ra khỏi lều, đầu quay qua quay lại, đưa mắt háo hức tìm khúc cá. Tôi không sao hiểu được điều anh đã làm, tại sao anh lại hung bạo như vậy. Tất cả chúng tôi đều bàng hoàng. Thế mà anh vẫn giận điên lên, người run rẩy, không vì lý do gì hơn là sự thiếu tôn trọng nhẹ nhàng của đứa em gái nhỏ đang chết đói của anh. Mặt anh bùng bùng giận dữ khi chúng tôi chăm chú nhìn.

Cuối cùng Mak nói “Sao con lại làm vậy, koon?”

Avy khóc thảm thiết. Chị Ry và tôi giúp nó tìm lại miếng cá bị rớt xuống dưới gầm nhà. Chúng tôi nhẹ nhàng nhắc từng thanh củi nơi đồng củi chỗ khúc cá rớt xuống. Tìm ra được rồi, nó tuyệt vọng thổi bụi bám vào khúc cá đi. Nó ăn, vẫn khóc và run rẩy, như thể việc mất và tìm được miếng cá này tạo ra sự khác biệt giữa cái sống và chết. Ăn hết miếng cá xong, người nó mới thư giãn. Đôi chân nó, giờ đã thay đổi hình dạng, sưng vù, méo mó đến kỳ quặc, chậm rãi mang nó trở lên lều lại. Nó không nói gì, hình như chấp nhận hoàn cảnh và cách người ta đối xử với nó.

Bây giờ anh Than im lặng, chúng tôi cảm thấy anh ăn năn qua sự im lặng đó. Đêm nay mang đến cho chúng tôi một niềm vui ngắn ngủi, rồi tiếp theo đó là nỗi buồn. Thật đau đớn để nhận thức rằng Khmer Đỏ đã đẽo gọt con người chúng tôi, làm cho tính tình chúng tôi dễ cáu gắt và cơn đói của chúng tôi trở nên sắc nhọn hơn. Chúng dẫn chúng tôi đến điểm làm cho chúng tôi trở thành độc ác hơn với nhau như người ta đã từng độc ác với chúng tôi.

Việc phân phối gạo đã hoàn toàn chấm dứt. Nạn đói lại xuất hiện trong chúng tôi. Bệnh phù của Avy lại càng trầm trọng hơn, chất nước từ các kẽ nứt rỉ ra. Nó đi chậm chạp như một con rùa, thân thể nó cứng đờ lại vì chất nước không ngừng sinh ra dưới lớp da mỏng, trắng xanh của nó. Một ngày nọ khi tôi và Mak từ rừng trở về lều thì nó đã đi mất, chị Ry mang nó lên bệnh viện Preahneth Preah. Tại đây nó có được phần ăn, tuy không nhiều nhưng có còn hơn không. Nó sẽ chết tại đó, tôi sợ như vậy. Tôi chưa từng biết ai đến đó mà trở về. Theo chỗ chúng tôi biết, nơi đó chẳng hề có thuốc men, vậy mà chúng tôi vẫn gửi nó đến đó, đến cái bệnh viện thô sơ này, bẩn thỉu và không hề có hệ thống y tế vệ sinh, đầy ruồi nhặng bu vào mắt bệnh nhân, còn người bệnh thì nằm la liệt trên sàn nhà, giữa những chiếc giường đôi cũ kỹ. Dẫu sao cũng có chị Ry ở đó để chăm sóc nó.

Thời gian trôi qua. Đã một tháng kể từ khi Avy rời nhà đến bệnh viện. Ở nhà, chúng tôi cũng có cuộc chiến của riêng mình. Mak, Map và tôi cũng bị nhiễm bệnh phù. Anh Than thì lại được gửi đến một nơi nào đó để lao động, nhưng tôi cũng không còn sức để nghĩ tới anh. Cái đói đã làm mờ trí óc của tôi quá nhiều, đến nỗi không còn lo cho ai được nữa. Mỗi ngày tôi chỉ đủ sức giữ đủ năng lượng cho trái tim mình đập.

Rồi chị Ry trở về Daakpo. Mắt chị trống rỗng, bụng chị nhô ra vì bệnh. Với vẻ mệt nhọc của một

bà lão, chị Ry 15 tuổi của tôi gục xuống trên sàn nhà. Mắt chị ráo hoảnh, mặt chị buồn và đầy cảm giác tội lỗi khi chị kể cho chúng tôi nghe về cái chết của Avy. Thều thào, chị giải thích “Đêm qua con đã thấy sự thay đổi nơi thân thể của Avy. Hàm nó nghiêng chặt, thân thể cứng đờ. Con thắc mắc, nhưng không hiểu tại sao nó lại ra như vậy. Sáng nay con thức dậy và nhìn nó. Nó đã hoàn toàn thay đổi, cứng đờ, rất gầy. Bệnh phù của nó đã hết. Rồi khi con nhìn vào chân nó, con thấy kiến bu nơi kẽ các ngón chân. Chất nước sền sệt đã rỉ ra qua những chỗ nứt của da. Con ngẩng nhìn khuôn mặt trơ xương của nó và muốn khóc, nhưng con không khóc được. Con không hiểu được. Con cũng không khóc được khi nhân viên bệnh viện đem nó đi chôn. Có lẽ vì con đã thấy quá nhiều cái chết”.

Mak không khóc, bà chỉ đưa mắt đăm đăm nhìn xuống chị Ry. Map thì nhìn lên mẹ, nó còn quá trẻ không thể nói gì được và còn quá nhỏ để hiểu được cái chết. Lắng nghe chị Ry mô tả về cái chết của Avy, tôi bỗng sợ cái chất lỏng đang ngay bây giờ hình thành trong tôi, Mak và Map. Cánh tay, mặt, bàn tay của chúng tôi căng phồng lên. Tôi cảm thấy một nỗi kinh hoàng chen lấy cổ họng. Cái chết của Avy đã làm cho tôi quyết mình phải sống. Trong thâm tâm tôi tự bảo mình phải đi tìm các loại lá ăn được, cóc, chuột, dế, bất cứ thứ gì tôi cần để sống.

Cái chết của Avy sống dai trong tâm trí của chị Ry. Việc chị không còn đủ sức khóc em đã ám ảnh chị. Trong cơn tuyệt vọng, chị quay về với Phật giáo, một thiết chế từ lâu đã bị Khmer Đỏ tiêu diệt và xem thường. Dù vậy chị vẫn tìm một con đường thích hợp cho chính mình. Chị nhớ đến việc đầu thai, tức ý nghĩ cho rằng sau khi chết chúng ta sẽ tái sinh. Chị cố hoà giải những xung đột bên trong theo cách này, như cha mẹ chúng tôi hay những người lớn thường làm thế trước khi Khmer Đỏ nắm chính quyền. Và chị nói với linh hồn Avy:

“Nếu bang (chị) còn sống để kết hôn, xin linh hồn em gái hãy đầu thai trong dạ con của chị, bang muốn có một cơ hội khác để săn sóc em”. Cuối cùng chị Ry khóc, con tim chị xin một sự lượng thứ, linh hồn chị được an ủi. Tâm trí chị giờ đây được bình yên, chị bảo tôi như thế. Chính tôi cũng nghĩ đến đạo Phật nữa. Tôi nghĩ về những người đã chết và hy vọng họ sẽ đầu thai để tái sinh trong cuộc đời này, trở lại đây khi cuộc sống được tự do và hoà bình được thiết lập lại trên đất nước Cambodia. Với cách suy nghĩ này, tôi nhẹ lòng khi nghĩ rằng mình sẽ gặp lại những người thân trong gia đình.

Mak và tôi bị bệnh nặng hơn. Cộng thêm với bệnh phù là bệnh sốt rét cũng trở lại. Trời nóng, nhưng Mak và tôi đều run cầm vập với cơn lạnh như từ trong thân thể thoát ra. Nằm sau lưng Mak, tôi thấy lưng mẹ run lên trong khi chính thân thể tôi cũng run lên bần bật. Em Map mới lên ba ngồi bên cạnh chúng tôi bối rối, hình như em muốn giúp chúng tôi nhưng không biết bằng cách nào. Rồi có lúc tôi gục xuống ngủ.

Trong khi ngủ, có lúc tôi mơ màng nghe thấy giọng nói nhỏ nhẹ của nó “Mak và Thy bị bệnh”.

Tôi cũng mơ hồ nghe thấy tiếng chân bước lên bậc thang trước cửa lều. Như trong một giấc mơ.

“Mak, con trở về đây. Athy, Athy...dậy đi!” Giọng nói thúc giục, cứng rắn và lo âu. Tôi cảm thấy có một bàn tay lay lay vai mình. Và tôi nhận ra đó là chị Ra. Tôi mừng như phát cuồng. chị Ra đỡ tôi và Mak ngồi dậy, hứa sẽ “cạo gió” cho lưng chúng tôi. Đó là một phương pháp chữa bệnh truyền thống theo đó người ta dùng đồng tiền chà đi chà lại nhiều lần dọc theo hai bên xương sống và các vùng khác nhằm giúp mau lành bệnh. Sau khi cạo gió xong, chị Ra còn tiến hành một cách khác, một lối chữa bệnh mà người Cambodia gọi là Choup. Bỏ một mảnh gỗ đang cháy đỏ vào trong một lọ thuốc, chị Ra ép ngang vào trán tôi, phía trên lông mày. Trong lúc quá bệnh, tôi không còn cảm thấy quá nóng nữa – nhưng trán tôi bị cháy, để lại một vết sẹo vĩnh viễn.

Sức lực của tôi dần dần trở lại. Nhìn chị Ra chữa bệnh cho Mak, tôi tràn đầy lòng biết ơn. Tự trong thâm sâu tôi đã tưởng rằng mình và Mak sẽ chết, nhưng chị Ra trở về, kéo chúng tôi trở lại từ bàn tay của thần chết.

Chị Ra kể cho chúng tôi nghe những chuyện khủng khiếp ở Phnom Korg Va, một nơi bệnh tật hoành hành khiến nhiều người lao động đã chết vì kiệt sức, vì không được nghỉ ngơi và vì thiếu thuốc men. Trại lao động đã trở thành một ngọn núi chôn cất người chết. Trong số những người gục ngã đó có dì Rin. Tôi rất đau lòng khi nghe tin này, nhưng thật là kỳ cục khi tôi không cảm thấy thật sự buồn. Chết là một chuyện thường ngày, và chúng tôi đã tê liệt trước cái chết của những người khác. Người ta chết nơi đây, nơi kia, quanh chúng tôi, như ruồi muỗi bị xịt thuốc.

Tôi chuẩn bị tinh thần để đón tin tức xấu hơn, tin về chị Chea. Nhưng chị Ra vội vã trấn an tôi rằng chị Chea vẫn còn sống nhưng chị bị bắt làm việc cực nhọc hơn. Người trưởng đoàn của chị đã canh giữ chị rất chặt, đó chính là người đàn bà đã xem chị Chea như kẻ thù kể từ ngày chị che giấu cho cuộc nói chuyện thăm lặng của chị Ra và chị Ry tại trại Daakpo.

Chính linh cảm đã thúc đẩy chị Ra trở về làng. Trí óc chị không ngừng bảo chị rằng đã có một điều gì rất xấu xảy ra với Mak. Chị biết mình cần phải rời nơi làm việc. Trong vài ngày chị ở tại một bệnh viện, xin thuốc trị sốt rét, trí óc chị luôn luôn nhớ đến gia đình. Thuốc tây à? Thuốc tây vẫn còn sao? Tôi ngạc nhiên khi thấy Khmer Đỏ chấp nhận dùng nó khi mà họ tỏ ra căm ghét tất cả mọi thứ thuộc về thế giới phương tây hiện đại. Chị Ra nói giống như một người kể chuyện hết sức linh động bằng mắt và cử chỉ, như một đứa bé kể một câu chuyện hào hứng. Mak bèn hỏi chị làm sao có thể rời Phnom Korg Va được và tại sao chị Chea không cùng đi với chị.

Chị Ra cười, ấm áp, mắt chị sáng rỡ. Chị thuật lại “Con giả một bức thư nói rằng người mekorg

của con cho phép con trở về làng vì mẹ bị đau nặng. Con ký luôn tên bà ta”. Chị lại cười. “Con chạy khỏi Phnom Korg Va lúc trời chưa tối và đưa lá thư ra trình tại các trạm gác. Họ để cho con đi qua, chẳng hỏi han gì cả. Con đi nhờ xe bò từ làng này sang làng khác, cho đến khi về gần đây” Chị thở một hơi thật dài, nét mặt nhẹ nhõm, đưa mắt nhìn Mak.

Cuối cùng chị đưa cho Mak những viên thuốc màu trắng, tròn, nhỏ. Mak lấy vài viên, nuốt chửng một cách tham lam. Bà nghiêng nghiêng đầu như để cho các viên thuốc trôi tuột xuống họng. Tôi nhìn mẹ, tim tôi thắt lại khi thấy khuôn mặt sưng phù, tái nhợt và mái tóc khô xơ xác của bà. Chầm chậm bà đưa tay về phía chị Ra “Cho Mak thêm thuốc nữa, có lẽ nó sẽ làm cho Mak mau lành bệnh hơn”.

Chị Ra đưa chiếc khăn gói thuốc cho Mak “Mak, nhiều lắm đấy”, chị kêu lên, báo động cho mẹ. Chị co rúm người lại khi thấy Mak vốc một nhúm thuốc bỏ vào miệng. Tôi không biết có bao nhiêu viên Mak đã nắm trong bàn tay. Chỉ sau đó tôi mới hình dung ra là bà đã uống rất nhiều. Mak trở bệnh rất nặng, thân thể bà lảo lộn, kích động và nghẹt thở. Tiếng nôn ọ ọ khan liên hồi của bà làm tôi thấy nhói nơi dạ dày. Tôi thấy may là mình chỉ uống hai viên thuốc sốt rét. Lặng lẽ tôi cầu nguyện. Tôi cầu nguyện trời cho mẹ tôi thoát qua được vụ uống thuốc quá liều này. Đến sáng, tôi nhẹ người khi thấy bà đã khá hơn.

Một tháng sau, chị Chea trở về. Thật kỳ diệu, chị mang theo thức ăn: gạo và cá khô ướp muối. Chị còn mang một hộp đựng cơm và cá đã nướng, một thứ xa xỉ từ lâu rồi chúng tôi không được ăn. Thoạt đầu tôi không nhận ra được chị Chea. Chị trông rất khác, vẻ mặt khoẻ mạnh, da chị đỏ thắm, vạm vỡ. Tóc chị dày, xoã xuống vai. Chị mập mạp trở lại, trông giống như chính chị trước đây khi Khmer Đỏ chưa cai trị.

Chị về mang theo những câu chuyện buồn. Nhiều tuần trước đây, trong khi đang phát khu rừng dày ở Phnom Korg Va để trồng bông vải, một nhánh cây đã cắt đứt chân chị, tạo ra một vết thương nhỏ và nhanh chóng nhiễm trùng. Chị không thể đi đứng được và như vậy thì chị không làm việc được. Chị biết rằng như thế số phận của chị được tính từng ngày. Người trưởng đoàn bây giờ đã có cơ hội tốt để kết án chị, buộc tội chị là đã “không làm tròn nhiệm vụ đối với Angka”. Với ý tưởng ấy trong lòng, chị Chea bèn nghĩ ra một cách để cứu chính mình.

Một mình trong trại, chị viết một bài nhạc chiến đấu cho người trưởng đoàn của mình. Một bài hát về thiên nhiên, về rau cải xanh tốt, về trái cây, vụ mùa, tất cả những gì mà chị đã tạo ra trong mấy tháng lao động vừa qua. Đó là một bài hát ca ngợi lao động nặng nhọc ở Phnom Korg Va.

“Rồi một buổi tối chị đến thăm bà mekorg,” chị Chea nhớ lại. “Chị hỏi bà có khoẻ không. Bà ta có vẻ ngạc nhiên. Rồi chị tán tụng bà, khen bà rất hấp dẫn. Chị bảo bà rằng nếu ở vào sangkummun (xã hội trước), nhiều đàn ông hẳn điên lên vì bà. Họ hẳn sẽ huýt sáo và tán tỉnh

bà. Em biết sao không? Bà ta trở nên rất thoải mái”. Chị cười, mắt sáng lên hài lòng. “ Rồi chị hát cho bà ta nghe bài hát ấy. Bà ta có vẻ hài lòng lắm”.

Mắt tôi mở rộng, như là tấm gương phản ánh nét mặt linh hoạt của chị. “Bà rất hài lòng thấy chị đã viết bài hát ấy, nhất là viết cho bà. Sau đó bà ta không làm khó chị nữa. Bà đối xử với chị tử tế hơn, còn đem thức ăn cho chị nữa. Bà cho phép chị về làng khi trông thấy cái chân sung của chị. Vào thời nào cũng vậy, p’yoon srey”, chị nhìn tôi nói, “Người ta đều thích kẻ khác khen ngợi mình, và nhiều người đều thích được hối lộ”.

Nhưng bây giờ vào năm 1977, nhiều thay đổi đang xảy ra. Angka Leu gửi cho chúng tôi một dấu hiệu rõ ràng, bảo cho chúng tôi biết là chúng tôi sẽ không còn gì riêng tư nữa. Trong một cuộc mít tinh, chúng tôi được cho biết rằng sẽ không còn phân phối gạo, muối và rau như trước nữa. Mọi thứ đều được gửi đến nhà bếp của công xã. Thức phẩm như rau cải, gà, vịt, nếu một ai trong chúng tôi nuôi trồng được, cũng đều thuộc về công xã. Với lệnh mới này, chúng tôi phải di chuyển đến một ngôi lều mới cách ngôi lều cũ khoảng nửa dặm. Cũng giống như lều cũ, dựng bằng cột tre và lá dừa, hơi rộng hơn chỗ cũ một chút. Nó nằm trong số các túp lều khác ở rải rác, nhà nào cũng có nhiều không gian hơn ở mặt trước và mặt sau – đây là đất mà chúng tôi có thể trồng rau, trái bằng công sức lao động của gia đình mà tôi không muốn công xã Khmer Đỏ lấy mất. Như thế có nghĩa là tôi phải chuẩn bị tinh thần cho cái ngày họ đến gặt hái rau quả của gia đình này.

Tôi gần bình phục khỏi bệnh sốt rét và Mak cũng vậy, nhưng sức khoẻ của bà dần dần lại xấu đi theo một cách khác. Trong ngôi lều mới này bà sống cùng với chúng tôi, cùng ăn tối bằng gạo trộn lá khoai và muối như chúng tôi, nhưng bà luôn luôn nhìn ra khoảng xa, mắt đăm đăm nhìn một vật gì đó vô hình. Tôi biết Mak đang than khóc. Từ khi năm 1975, lúc Pa bị hành hình đến nay đã gần hai năm, bà không bao giờ nhắc đến ông cho đến bây giờ, mùa xuân 1977. Nhớ lại, bà nói về ông và buồn vì ông. Bà nói lớn lên rằng Pa đã chết đau đớn như thế nào, hình như bà nói với chính bà hơn là với chúng tôi. Kể từ khi em Avy chết, bà đã thay đổi. Bà trở thành thần thờ, chán nản, thường kêu nhức đầu, chóng mặt và mệt mỏi. Bị bệnh gần cả tháng trời, Mak không làm được việc gì, chỉ ăn và ngủ. Tất cả chỉ có chừng đó. Bộ mặt của Mak nói lên hết nỗi thất vọng của bà.

Một buổi sáng tôi thức dậy khi nghe tiếng Mak “Mẹ muốn đi nhỏ cỏ, mẹ muốn làm việc tay chân một tí”. Bà nói khẽ với chính mình. “Mẹ không muốn bị nhốt mãi trong lều”.

Mak vọt dậy ra khỏi lều. Chị Chea và chị Ra đã đi làm việc, chỉ còn lại Map ở trong nhà. Với con dao trong tay, dụng cụ mà bà dùng cho bất cứ công việc gì, Mak xới đất khô trước cửa lều, bứt và nhỏ cỏ dại. Có lẽ ra ngoài nắng giúp cho sức khoẻ của bà tốt hơn, nhưng tôi sợ bà bị các cặp mắt rình mò của mấy tên chỉ điểm nhìn thấy.

“Đồng chí kia, tại sao không đi làm việc?” một giọng nói gầm gừ. Tim tôi đập liên hồi khi nghe giọng nói quen thuộc. “Mọi người đi làm việc còn đồng chí thì lại ở nhà! Có muốn tôi đem đi cải tạo không?”

“Tôi bệnh, cả người tôi sưng phù lên” Mak yếu ớt trả lời, phản đối. “Tôi đói, tôi muốn nhổ ít cỏ để mấy đứa con có thể trồng rau. Thật khó nằm hoài trong lều”. Mak van nài “Tôi bị bệnh, làm sao làm việc như những người khác được?”

Tên chỉ điểm gắt gỏng “Đi đến peth nếu bà bị bệnh, còn không được ở nhà!”

“Hai đứa con tôi đã chết ở đó. Chẳng có ai giúp đỡ chúng cả. Nếu tôi đi nữa, ai lo cho tụi con tôi ở đây? Tôi còn một đứa con trai nhỏ đang cần tôi. Tôi phải ở nhà để chăm sóc nó. Xin Angka Leu hiểu và để tôi ở nhà để chăm sóc con tôi được không? Nếu tôi đi, tôi sẽ chết tại đó như mấy đứa con tôi”.

Lời van xin không hề lọt vào tai hắn. Hắn đưa ra một lời tối hậu “Nếu bà không đi peth, tôi sẽ cho người đưa bà đi! Nếu không làm việc được, thì bà phải ở bệnh viện!”

Buổi tối khi chị Chea, chị Ra và chị Ry về, Mak báo tin xấu.

“Họ muốn Mak vào peth và chết ở đó. Họ không cho mẹ ở nhà. Tất cả các con phải chăm sóc cho p'toon proh (em trai), nó còn nhỏ, không hiểu gì. Đừng nổi nóng với nó. Cố chăm sóc lẫn nhau. Mẹ không biết bao giờ mới trở về. Mẹ không muốn đi nhưng tên chhlop đe dọa Mak. Mẹ không muốn chúng làm hại các con. Cuộc đời sao khắc nghiệt quá...Mak đã xin Preah để cho Mak sống thêm một năm nữa, thế vậy mà...”

giọng Mak lặng dần, trong lều chỉ còn sự im lặng. Trong một lúc chúng tôi chìm trong tuyệt vọng, chúng tôi ghen lời vì sự chấp nhận của bà. Chúng tôi thầm sợ rằng một ngày nào đó Mak sẽ mất ở bệnh viện, nhưng không ai trong chúng tôi nói ra điều đó. Cuối cùng chị Chea phá vỡ im lặng “Mak, đừng lo cho tụi con. Mak hãy chăm sóc cho mẹ, còn tụi con sẽ săn sóc lẫn nhau”. “Mẹ đã cầu xin Preah cho mẹ sống thêm một năm nữa...” một ước muốn khiêm tốn, nhỏ bé và vô vụ lợi biết bao! Chỉ một năm, không ngắn hơn, không dài hơn, tôi ước chi đó không phải là Mak tiên đoán số phận của mình. Tôi không muốn biết, tôi không sẵn sàng, ước muốn của Mak gọi cho tôi nhớ ước muốn của Pa gần hai năm về trước.

trở lại vào lúc đó, cuộc sống của gia đình chúng tôi đã vô cùng hỗn loạn. Ngôi nhà của chúng tôi ở Takeo, con chó của chúng tôi là Aka Hom bị giết, anh Tha chết, rồi em Bosaba. Pa bị đau viêm ruột thừa, bệnh nặng hơn vì thiếu thuốc men trong thời gian chiến tranh. Ông bảo với chúng tôi ước vọng đơn giản và tuyệt vọng của ông là được sống cho đến tuổi 42, “Để ba được thấy các con lớn lên”. Lời ước của ông đã được thực hiện, ở tuổi 42, Khmer Đỏ đã chặt đầu ông. Cho nên tôi sợ lời ước của Mak cũng thành sự thật. Trời sẽ chấp thuận, một năm, không hơn.

Ngày Mak đi bệnh viện Preahnethe Preah, lòng tôi chất đầy ý tưởng sợ sệt, hoang mang. Khi tôi

làm việc trong rừng, tay tôi thì vệt cỏ nhưng tâm trí tôi nghĩ đến Mak. Việc chia cách gia đình tôi bây giờ đảo ngược. Thay vì xa cách anh chị tôi, bây giờ tôi xa cách mẹ tôi, bà là người duy nhất bị tách khỏi chúng tôi. Tôi sợ mình trở về lều, hình dung ra cảnh Map đứng đợi một mình trong căn lều vắng.

Không có Mak, chị Chea trở thành người mẹ thay thế. Ban đêm Map ôm chặt lấy chị, nó vòng tay qua để ôm chị hay để chị ôm nó. Vào lúc đó tôi nhận ra được cái nhu cầu cần thiết của một đứa trẻ muốn được chở che, và một người chị đặt tất cả tình yêu thương vào cái mà mình đang có. Kể từ khi mẹ tôi rời gia đình, chúng tôi rút lại gần nhau hơn, như con tim và trí óc buộc chặt vào nhau bởi một sợi dây vô hình. Khi chúng tôi cùng nhau đi lao động, chúng tôi đọc vào mắt nhau như thể kiểm tra xem người kia có nhớ Mak không hay buồn vì bệnh tình của Mak. Chúng tôi dọn bữa ăn tối có cơm và lá lên đĩa như những người lớn nhỏ bé, đưa thức ăn cho nhau, lễ phép, kính trọng nhau. Chúng tôi giữ ý tưởng cho chính mình, không nói ra lời. Bởi vì nói ra những sợ hãi chỉ làm cho chính chúng trở nên trầm trọng thêm, mở ra những khả năng đen tối hơn mà thôi.

Tại bệnh viện, bệnh nhân phải cố tìm cho mình sự tự tin để tồn tại. Những người thành công ở đây đã học được những thủ thuật này. Những kẻ cạnh tranh với họ trong cuộc chơi sống còn này là lũ chuột, những cư dân của bệnh viện ẩn kín vào ban ngày. Chúng có đủ loại, từ nhỏ bằng ngón chân đến lớn bằng trái đu đủ. Chỉ đến đêm cuộc chơi mới bắt đầu. Từ đâu đó phía dưới gầm nhà, chúng nhẹ nhàng chui ra. Tiếng chân của chúng lớn dần lên rất nhiều trong đêm tối im lặng. Chúng bò đi rồi ngừng lại. Mak cũng như nhiều bệnh nhân đang đói khác, cũng làm như chúng – không cử động, yên lặng hoàn toàn. Với tấm chăn phủ cả lên người và đầu, một vài hạt gạo rải rác trên sàn làm mồi, bà đợi, bàn tay đói khát chuẩn bị để phóng ra. Các chú chuột ngửi thấy mồi. Cái đói kéo chúng lại cái chết khi tay Mak chộp lấy chúng. Bà mau chóng giết chết chúng bằng cách bóp cổ cho đến khi chúng bất động. Thật là một cái vòng tròn kỳ lạ - loại gặm nhấm đến gặm đồ của người bệnh và người chết, còn kẻ đang chết thì chờ đợi bắt bọn ăn cắp thức ăn của họ. Các con chuột này sẽ là bữa ăn của mẹ ngày hôm sau, nếu như những người chia xẻ với bà cái sàn nhà chật chội này không ăn cắp của bà.

Chị Ry kể cho tôi nghe về Mak, về cái thủ thuật làm sao sống sót của bà trong bệnh viện. Nhưng điều này thì tôi biết rồi. Đây chính là điều tôi đã làm trong chính căn lều này. Ban đêm trùm kín lên người và đặt một lon sắt trong bỏ vài hạt thóc làm mồi bên cạnh, rồi nằm chờ chuột. Về sau tôi cứ ngủ, ngáy nhẹ nhàng cho đến khi cảm thấy hoặc nghe thấy tiếng chân chuột bò lên lon sắt. Đôi khi tôi chụp được hai con hoặc hơn nữa, cả bốn con trong một dịp. Đến sáng, tôi lột da, vớt ruột đi và buộc thân thể nhỏ bé của chúng trên một cái gậy. Mỗi con chuột nhỏ bé chỉ vừa đủ một miếng cho nên tôi cố ăn cả xương. Vào buổi chiều, tại bếp ăn tập thể, tôi nướng chúng trên

ngọn lửa. Tại đây có vài đứa bé trai lên nhìn tôi ghen tỵ, thì thảo với nhau. Chúng không biết làm sao tôi bắt được chuột vào thời gian này trong năm.

Thoạt đầu bắt được nhiều, rồi nguồn dự trữ cũng cạn dần đi. Tôi không còn có dịp để bổ sung vào phần ăn của mình như Mak ở bệnh viện Preahnethe Preah. Nhưng vài tuần sau khi Mak đến đây, bệnh phù của bà trầm trọng hơn. Bụng bà to ra và phình lên như người đàn bà có chửa. Chị Ry về kể lại cho tôi, mắt chị đỏ quạch.

Lại nhiều tuần nữa qua đi, chị Ry trở về làng với nhiều tin tức hơn. Một nhân viên ở bệnh viện đã đề nghị chị đưa Mak đến một bệnh viện khác ở làng Choup, không giống như ở Preahnethe Preah, ở đó có thuốc men điều trị, người nhân viên hứa với chị Ry như vậy. Chúng tôi chưa bao giờ nghe nói đến bệnh viện này. Mặc dù thật đau lòng khi hình dung mẹ chúng tôi ở một nơi không ai biết đến, cái viễn cảnh mẹ được điều trị bằng thuốc men hoàng thành làm nhẹ nỗi đau này đi rất nhiều. Nó làm cho chị Ry hy vọng, và chị muốn thuyết phục chúng tôi nghe theo, chị đợi ý kiến của cả gia đình.

Ngày trước hôm Mak rời khỏi Preahnethe Preah, chị Ry mang Map đến bệnh viện với chị. Map ở lại đó một đêm với Mak và chị Ry. Ngày hôm sau họ nói lời từ biệt với Mak. Chị Ry nhớ lại và miêu tả cảnh tượng ấy.

Dưới một tàn cây, che khuất khỏi ánh nắng mặt trời buổi chiều, Mak ngồi sụp xuống đất trước cửa bệnh viện, chờ họ mang tới Choup. Mak nói lời từ biệt với chị Ry, còn tay mẹ ôm lấy Map, mẹ chậm chạp khuyên:

“Koon, mẹ không biết đến khi nào thì mẹ được gặp các con lại. Hãy chăm sóc lẫn nhau. Nếu Map làm gì sai, hãy chờ cho nó ăn xong rồi thì la mắng nó. Nó còn nhỏ, không biết gì, hãy tội nghiệp nó...” Mắt mẹ đỏ quạch vì khóc quá nhiều.

Nói xong câu cuối cùng, mẹ quay đầu nhìn Map dăm dăm. Nước mắt mẹ lại tràn ra. Map vùng ra khỏi cánh tay mẹ, ôm cứng lấy cổ bà. Một tiếng khóc cao vút, trong trẻo phát ra từ miệng nó. Cảnh chia ly diễn ra rất ngắn ngủi. Một chiếc xe ngựa tiến đến gần. Mak quay đầu đi, buông Map ra. Tiếng khóc của Map biến thành tiếng thét, chân của nó quắp lấy chân Mak. Chị Ry cố kéo nó ra khỏi mẹ và hai người lạ mặc đồng phục đen từ trên xe bước xuống kéo mẹ ra. Map gào lên “Mẹ, mẹ đừng đi!”

Chị Ry cứng người, hút hồn nhìn thân hình gầy gò yếu ớt của Mak khi họ đỡ bà lên xe như đỡ một bà già. Chị dăm dăm nhìn theo chiếc xe trong khi cố giữ Map, chặn không cho nó chạy theo xe. Tay nó quơ quào, giơ về phía chiếc xe, ngón tay nó duỗi ra chỉ về phía chiếc xe mỗi lúc một xa dần và biến mất.

Thế là vào tuổi lên ba, Map hàng ngày bị bỏ ở lều một mình để tự chăm lo lấy bản thân. Nó ngồi bất động giữa lối vào không cửa như một bức tượng nhỏ trong đền. Khi chị Chea, Ra hay tôi đi

làm việc trong rừng về, nó lục lọi khăn của chúng tôi, tay nó sục trong đám lá mà chúng tôi hái về để tìm thứ gì ăn được – một củ khoai hay một rễ cây ngọc giá. Khi chúng tôi bảo nó chẳng có gì ăn đâu, nó không khóc. Mắt nó lấy lại cái nhìn xa vắng và nó lại trở thành một pho tượng nhỏ, hững hờ như trước.

Vào gần giờ ăn trưa, Map mang theo muống và bước đi. Nó đã học cách tìm đường đến bệnh viện Preahnethe Preah. Tại đó nó tìm chị Ry. Chị chia cho nó phần cháo gạo của mình, tuy ít ỏi nhưng vẫn còn hơn những gì chúng tôi có ở Daakpo.

Đôi khi Map trở về với một bụng thức ăn. Hoặc có khi chị Ry còn gởi nó mang về cả thức ăn buổi chiều. Đó là một hành động thương em liều lĩnh. Vì chị là một bệnh nhân, nên chị sợ Khmer Đỏ bắt được chị chia phần thức ăn của mình với em. Chị sợ hình phạt sẽ là bắt chị trở lại trại lao động cưỡng bách. “Sốt xạo” – đó là từ mà Khmer Đỏ dùng để chỉ những công nhân giả vờ ốm đau. Một nhọc và đói kém không phải là vấn đề, nhưng chị Ry chưa lành bệnh, bụng chị còn sưng vù lên vì bệnh phù. Vì vậy sợ việc chị chia phần cho em hay gởi thức ăn về nhà có thể làm cho họ hiểu là chị đã lành bệnh và điều này sẽ mang lại sự trừng phạt cho cả hai người. Mặc dù sợ như vậy, chị vẫn tiếp tục chia phần ăn cho Map bất cứ khi nào không có ai dòm ngó. Tại lều, các thứ rau chúng tôi trồng đang mọc lên rất tốt, nhô lên những đọt mầm xanh ngắt quanh lều. Phía trước mặt lều là những luống bắp cao, những trái bắp màu kem đã nở rộ, râu bắp thò ra, phủ nặng cả thân bắp. Phía bên cạnh và phía sau lều là hàng ớt. Cạnh bên đó là luống tiêu và bạc hà Mvorg, trước hàng bắp mọc thêm vài luống khoai sọ. Dây leo từ giàn bí lan ra giống như cây trường xuân, nở hoa vàng rộ, lá xanh và đầy gai. Dù cho Angka nói rằng tất cả các rau quả đó đều thuộc về công xã, mọi người đều tự thu hoạch lấy trong vườn của mình. Tôi thức giấc trong làn sương mù mờ đục của một buổi sáng mùa hạ. Chị Chea bảo tôi hôm ấy hãy ở nhà. Chị bảo tôi chỉ đường cho Map đường đến lều của Yiey Om, em gái của Kong Houng, và cũng là người cô của Pa mà trước đây ông rất ưa thích. Không biết làm cách nào mà cuối cùng gia đình bà cũng đến ở làng Poi-kdurg, cạnh Daakpo.

Khi Map và tôi đến nhà bà, thì bà và mấy người con gái mà tôi gọi là Kao (cô) đang làm gì giống như là dệt, luồn những sợi chỉ ngang qua trên và dưới những sợi chỉ dọc, đã được gắn vào một khung gỗ. Tôi đã thấy công việc này rồi, rất lâu về trước, khi Pa dẫn tôi đến nhà bà. Lúc đó tôi mới chừng ba tuổi.

Yiey Om đón chúng tôi bằng một cái nhìn dài, đôi mắt bà nhìn qua phía trên của cặp kính, nghiên cứu những kẻ đang đứng trước mặt bà.

“Chao (cháu) đến thăm yiey đấy hả?” bà hỏi, giọng cất cao có vẻ lưu tâm.

“Thưa bà, chị Chea bảo cháu mang Map đến đây”, cuối cùng tôi nói, hơi do dự vì sợ sẽ xúc phạm đến bà. “Chị muốn Map đổi ớt và bạc hà để lấy thứ gì ăn” Tôi lặp lại đúng những gì chị

Chea dặn tôi nói. Tôi cảm thấy hai chúng tôi chẳng liên hệ gì đến từ “đổi” đang trôi qua môi tôi hết.

“Được, các cháu có gì nào?” Bà Om đưa tay ra đón chiếc khăn trong đó tôi gói cả một mùa thu hoạch nhỏ gồm ớt và bạc hà mvorg.

Bà nhìn vào túi khăn và khen ngợi hết sức nhiệt tình giống như trước đây tôi đã từng nghe bà nói khi Pa đem tặng bà xà phòng hay thuốc tẩy. Nó giống như tiếng vọng bị quên lãng của sự phấn khích của bà. Cúi mình xuống bên một nồi nước sôi sùng sục trên ngọn lửa, bà lấy một chiếc mủng dẹt, rồi xúc vào đó những bao kén nhỏ nổi lênh bênh trong nồi.

“Đến đây ăn đi các cháu”, bà hất đầu về phía tôi và Map ra hiệu.

Tôi nhặt lấy một cái bao nóng nhỏ bằng hạt đậu phụng lên. Bên ngoài của bao kén thô xù xì như một miếng vải thấm nước. Tôi cầm cái kén bằng hai ngón tay. Cuối cùng tôi hỏi “Yiey, đây là cái gì thế? Bà ăn như thế nào?”

“Như thế này này cháu...” Bà ngưng dẹt, lấy ngón tay xé cái bao kén. Bà đưa cho tôi xem bên trong, một con nhộng nhẵn nhúm màu kem cỡ bằng hạt đậu. Tôi rùng mình, người rúm lại khi thấy con sâu bất động màu trắng xanh đó. Bà cười tủm tỉm, mấy người con gái bà cũng cười. Đó là con nhộng tằm, bà bảo, và người ta thường ăn thứ này.

Tôi bỏ một con vào miệng. Tôi hơi rúm người lại, nhai thật nhanh rồi nuốt vội con côn trùng nhả tơ màu kem này. Vị ngon. Nhưng ý tưởng ăn một con nhộng thì thật khiếp.

Map thì rất thích. Ngón tay nhỏ xíu của nó lột kén như lột đậu phụng, miệng nhai tóp tép như nhai kẹo.

Gia đình Yiey Om có đặc ân hơn hầu hết “dân mới” tại làng Daakpo và các làng lân cận. Thay vì phải ở trong lều dựng tạm như nhiều “dân mới” khác, gia đình bà được ở trong một ngôi nhà gỗ lớn dựng trên cột sà. Có vẻ như Khmer Đỏ chấp nhận họ nhiều hơn hầu hết chúng tôi. Đó là nền tảng của cách đánh giá của Khmer Đỏ, đó là cách sống cổ truyền mà nhà bà Om đã thành thạo từ lâu – nghề dẹt, và không một ai trong họ bị bệnh phù thũng cả.

Bà Om để chúng tôi ăn bao nhiêu nhộng thì ăn, rồi bà lấy lá gói một nắm đưa cho Map đem về.

*

Mùa hè này chúng tôi có thu hoạch. Những trái bắp lớn hơn, chĩa thẳng lên trời, màu vàng nhạt, ép vào nhau như những hàm răng ấm áp. Đây là lần đầu tiên chúng tôi trồng được nhiều rau quả, thế mà Mak lại không có ở đây để hưởng.

“Athy, em đem một ít bắp cho Mak, đem Map đi theo với em” Chị Chea ra lệnh, giọng chị cương quyết, lời chị tuôn ra như thể chị đợi nói điều này đã từ lâu lắm rồi “Đừng đi làm việc. Mang bắp cho Mak và mang Map đi theo để nó thăm mẹ. Mak không gặp nó đã lâu rồi”.

Ý tưởng được gặp lại Mak thật dễ chịu nhưng tôi sợ. Tôi nhắc chị Chea về bọn chhlop, về người lãnh đạo làng, về sự trừng phạt có thể có. Chị quay sang nhìn tôi, nét mặt chị có vẻ trầm tư. Điều này thường xảy ra khi chị muốn dạy bảo hay chia sẻ điều gì đó với tôi.

“Nếu mang thức ăn cho mẹ mình là một tội ác, thì chị sẽ chịu trách nhiệm về chuyện đó. Chị sẽ trình bày với lãnh đạo. Em chỉ mang thức ăn cho mẹ, không phải cho kẻ thù của Angka”.

Tôi đặt lòng tin vào chị. Khi chị bảo cho Map nghe về chuyến đi, mắt nó ngời sáng. Nó theo tôi đi quanh nhà trong khi tôi lấy tám trái bắp, bốn cho Mak và hai cho mỗi chúng tôi – Map và tôi. Tôi bỏ bắp vào nồi nấu. Map giúp tôi bằng cách lượm các cành cây nhỏ bỏ vào hố nấu trong khi tôi làm bột me bằng cách nghiền trái me xanh chua với muối thô.

Đến giữa trưa thì chúng tôi ra đi. Tôi bỏ bắp vào túi khăn, hũy còn nóng, ép vào gói nhỏ đựng muối me. Chúng tôi đi thật nhanh, mắt tôi canh chừng, thường xuyên ngoái lại nhìn phía sau vai. Tôi nắm chặt tay Map. Chúng tôi đã qua làng Daakpo từ lâu và vào một dãy đường trái đá vụn chung quanh không có bóng dáng chiếc lều nào. Nỗi lo sợ bị bắt gặp đã giảm, nhưng thân thể tôi và Map đã yếu đi, chậm đi vì ánh nắng mặt trời gay gắt.

Con đường đá nóng bỏng dưới chân chúng tôi. Tôi phải cõng Map lên cho đến khi quá mệt tôi không thể nào cõng nó được nữa. Nghe tiếng Map khóc, một người đàn bà bảo chúng tôi dừng lại và cho chúng tôi một ít nước. Tôi cảm động vì lòng tử tế của bà, nó giúp cho tôi thêm can đảm để tiếp tục cuộc hành trình. Chúng tôi đến một vựa chứa thóc cũ kỹ, hư nát, chung quanh toàn rau xanh, nơi một gia đình nào đó trồng rau trước và sau lều của họ. Ngay phía trước vựa lúa là những luống bắp, bí và ngọc giá. Nhưng có một cái gì đó không phải. Có một cái mùi nồng nặc, giống như mùi hôi bốc lên từ cánh đồng rải rác phân người bị bệnh kiết lỵ và tiêu chảy.

“Thy, na Mak?” Mak đâu, Map hỏi, giọng nó run run vì sợ.

Chúng tôi tiến gần đến cái vựa lúa không cửa, mùi hôi càng nồng nặc hơn. Những tiếng rên rỉ chào đón chúng tôi. Đi trước Map, tôi nắm chặt tay nó và tiến vào bên trong. Trong ánh sáng âm lạnh, chúng tôi nhìn thấy những con người nhợt nhạt, sưng phù, có lẽ chừng ba mươi người, nằm trên những chiếc giường sắt xấu xí, trơ trụi dựa sát vào vách. Chừng mười hai bệnh nhân khác nhét cứng vào lối đi giữa hai dãy giường, người này chỉ cách người kia vài phân. Họ nằm trên đất bẩn, một số nằm trên tấm vải dầu, người khác nằm trên quần áo bẩn. Phía dưới giường ngay gần họ là đám ruồi nhặng bay vù vù trên những đồng phân đọng thành vũng trên nền nhà. Ruồi cũng đậu trên mắt, trên vết thương, quanh lỗ mũi, cạnh miệng, hút những chất bẩn thỉu trên thân người đang chết.

Tôi nhìn từ giường này sang giường khác để tìm Mak nhưng không thấy bà. Tôi kéo tay Map, dẫn nó đi theo lối giữa hai hàng giường. Nó cứng người lại vì kinh hãi, tôi cứ kéo nó đi như kéo một bao gạo. Chầm chậm tôi nhìn kỹ từng bệnh nhân. Dù quanh cảnh quanh đây làm tôi hãi

hùng, mắt tôi vẫn cố nhìn lấy tất cả - cảnh bệnh tật, sự bần thỉu, cảnh chen chúc – nhưng tôi vẫn không tìm thấy mẹ tôi.

“Thy, na Mak?” Map bắt đầu khóc “Na Mak?” Nó lập đi lập lại nhiều lần, giọng nó đã bắt đầu có vẻ động kinh.

Cuối cùng tôi đành trả lời “Thy không biết”.

Bỗng một cô gái nhỏ bước nhanh về phía chúng tôi. Nó bảo “Bang (chị), bà ấy là mẹ chị đó!” Nó đưa tay chỉ. Trong một vài giây, tôi nhìn nó chăm chú.

Ai đây? Làm thế nào nó biết mẹ tôi? Và biết cả tôi nữa?

“Bà ấy kia kìa” con bé nói và lại đưa tay chỉ, giọng gấp rút của nó đưa tôi về với thực tại.

Tôi nhìn theo tay nó và tôi thấy một người đàn bà yếu ớt đang ngồi trên chiếc giường sắt trống trơn, xấu xí. Trán bà tựa vào đầu gối, mặt bà nhợt nhạt và mí mắt sưng húp. Đó không phải là Mak! Tôi quay sang cô bé, tìm một lời khẳng định. Nó nhìn tôi rồi nhìn người đàn bà. Tôi ngắm kỹ người đàn bà yếu đuối, bệnh hoạn một lần nữa, rồi nhận ra quần áo bà đang mặc.

“Thy, Mak đó hả?” Map kéo tay tôi hỏi, nhưng tôi đang cuống lên trước những gì tôi trông thấy, thật là một cơn ác mộng.

“Ừ, Mak yurg (mẹ của chúng ta)” Tôi nhẹ nhàng trả lời, rồi tôi thả tay, buông mấy ngón tay của Map ra. Mắt tôi nhìn xuống chiếc áo hoa của bà từng in hình một bó hồng rực rỡ với chùm lá xanh tươi. Giờ đây áo bạc màu cũ kỹ quá, hoa bạc thành một màu nâu xám như màu bùn.

Mak chậm chậm nhấc đầu lên khỏi đầu gối, tai bà cố dò tìm giọng nói của chúng tôi.

“Koon srey Mak, koon srey Mak, koon proh meas mdaay. Con trai yêu quý của mẹ, con trai nhỏ của mẹ, đến đây với mẹ. Mẹ nhớ con lắm”.

“Mak” Map với tới mẹ, cả hai tay nó níu lấy cánh tay bà, mắt nó đăm đăm nhìn bà.

Mak ôm lấy nó, cánh tay sưng vù của bà cử động khó khăn, dường như nó quá nặng.

“Mak, con là Thy đây” tôi nói với bà, nhìn vào mí mắt căng phồng của mẹ. Chắc bà không nhìn thấy tôi được. Đây giống như là nhìn một bản sao vụn vụn của khuôn mặt mẹ tôi – bộ mặt nhợt nhạt, chảy dài của một người béo phì, hai bên thái dương thụt vào, tóc dựng đứng như dây thép gai. Cử động của mẹ chậm chạp và nặng nề như một bà già. Thay vì hỏi han mẹ, tôi chỉ đứng nhìn bà. Quai hàm tôi như cứng lại, tôi cố tìm những lời nói thích hợp với những gì tôi thấy. Bởi vì tôi biết tôi đang nhìn vào cái chết. Tôi phải nói gì với mẹ để cho mẹ hy vọng, cả khi điều đó cũng không đáp ứng đi nữa. Ít nhất nó có thể làm cho bà vui được trong một chốc.

“Con đem Map lại đây thăm mẹ đó” lời nói trôi ra khỏi miệng tôi. Tôi muốn an ủi bà, làm bà cảm thấy dễ chịu hơn một chút. Tôi cố gắng nói sao cho có vẻ bình thường ở cái nơi lạ lẫm này. “Con có đem cho mẹ bắp trồng ở quanh nhà, con cũng có làm cho mẹ bột me nữa. Mak, chắc mẹ thích bột me trộn với cơm – chính vì thế mà con làm cho mẹ đấy”.

“Koon, mẹ không thể ăn bột mẹ được, mẹ bị kiết lỵ mà” Bà nhẹ thở dài. “Con và em con ăn đi. Mẹ ăn bắp được rồi. Nào, đưa bắp cho mẹ đi”.

Tay tôi mở nút thắt khăn, tim tôi đau nhói. Tôi ước chi tôi biết phép thuật. Trong một lúc tôi trở lại là đứa bé hồi xưa, ngồi trên đi văng xem các cuốn phim về pháp thuật Cambodia và muốn đến Hymalaya để kiếm một ít pháp thuật riêng cho mình. Nhưng điều duy nhất bây giờ tôi thấy là nước mắt bắt đầu dâng đầy trong mắt tôi.

“Mak, bắp của mẹ đây”

“Chỉ đưa bắp cho mẹ thôi nhé, koon Mak” Giọng bà ngọt ngào và khao khát. Nhưng...

“Athy, con, bắp này còn sống, nó sẽ làm mẹ bị tiêu chảy thêm mà thôi”. Mak nói, giọng bà đầy thất vọng. Chậm chậm, bà đưa trái bắp lại cho tôi.

Sức nóng từ cả người tôi bốc lên mặt. Tôi thấy tổn thương, thất vọng, giận mình vì bắp chưa chín. Tôi nhìn vào chỗ bà cắn nơi trái bắp và kiểm tra phần còn lại – đúng là bắp còn sống. Tôi điên lên vì giận mình. Ngu biết mấy! Tôi kêu thầm. Tại sao mình lại làm cho mẹ khổ thêm, tại sao mình không xem kỹ bắp đã chín chưa?

Tôi cứ tưởng là mình đã coi kỹ rồi.

Theo lời chỉ dẫn của Mak, tôi chạy ra phía sau vựa để tìm than nướng lại bắp. bước ngang qua những bệnh nhân đang rên rỉ, những nạn nhân của padewat (cách mạng). Trong một cái hố người ta đào để nấu ăn, tôi tìm được một ít than còn hồng, chưa tắt. Tôi gom một ít các cành khô gần đấy, nhẹ nhàng chồng chúng lên nhau. Quỳ sụp trên nền đất, tôi phùng má thổi đông củi, cời lên một ngọn lửa nhỏ và khói. Tôi thêm vài thanh củi lớn hơn nữa rồi vùi trái bắp xuống dưới đồng tro, ngay phía dưới ngọn lửa đang cháy.

Khi tôi trở lại với trái bắp chín, Map đang ngồi với Mak trên giường. Trong khi Map ăn cơm với bột me, bà vuốt tóc nó, mắt vẫn nhắm nghiền. Lần đầu tiên tôi thấy khuôn mặt nó sáng lên. Người nó thư giãn. Nó hết sức thoải mái khi ngồi bên cạnh Mak, ngay cả ở đây, trên chiếc giường bẩn thỉu nhóp nháp này.

Tôi chúi đồng bần dưới giường Mak, tôi rắc lên đó tro xúc từ ngoài bếp vào, vừa lắng nghe cuộc trò chuyện của Mak và Map. Trông như chúng tôi đang ở nhà. Giọng bà hiền từ, dịu dàng, chăm sóc. Mặc dù đang đau, giọng bà vẫn đều, bình tĩnh và tự nhiên. Nếu quả bà chia xẻ những cái mà tôi sợ, bà cũng hề biểu lộ ra. “Mak nhớ koon proh Mak” bà vỗ nhẹ lên lưng Map. “Họ có cho con ăn đủ không, koon proh Mak?”

“Otphong (không), ngày nào con cũng đói cả”. Map nói, đưa mắt nhìn Mak.

Mak im lặng, trí óc bà làm việc.

Tôi chen vào cứu mẹ “Họ không bao giờ cho chúng con đủ ăn cả. Nhưng Map hái ớt và bạc hà đem đổi với Yiey Om để lấy thức ăn. Nó giỏi lắm, mẹ. Nó biết tìm đường đến nhà Yiey Om sau

khi con dẫn nó đi có một lần thôi”. Tôi thấy một nụ cười thoáng nơi mẹ, chỉ thoáng cười thôi. Mặt bà vẫn sừng sù và bất động như một pho tượng.

Mí mắt bà nhắm chặt suốt thời gian chúng tôi đến. Bà làm cho tôi nhớ đến một người đàn bà mù, Yiey Tot, bà cố của chúng tôi.

“Ở đây họ có cho mẹ thuốc không mẹ?” tôi hỏi, sừng sù cố tìm một thoáng cười nơi nét mặt bà.

Đột nhiên bà khóc “Koon Mak!” Bà sụt sịt “Họ đã không cho mẹ nước uống bốn ngày nay, koon, mà mẹ thì không đi lấy được. Cuộc sống ở đây thật khổ khi mà mẹ không có ai chăm sóc cả”.

Mak bật khóc.

Map ngẩng đầu nhìn mẹ mắt nó cũng đầm nước. Mẹ nức nở “Nhiều lần mẹ ước ao có một trong mấy đứa con ở đây, để đi lấy nước cho mẹ. Mẹ chỉ mong có thể thôi, koon srey Mak...”

Nước mắt của Mak chảy qua hai mí mắt sừng sù, rơi xuống gò má, miệng bà ngưng nhai bấp.

Map niú lấy cánh tay Mak, đầu nó dựa vào đó, còn mặt nó thì đỏ bừng.

Mắt tôi cũng mờ đi vì nước mắt, nhưng trí tôi vẫn nhớ trước đây Mak đẹp như thế nào. Tôi nhớ rõ ngày bà trang điểm, ăn mặc chỉnh tề, mặc một chiếc váy lụa đen ôm sát thân hình, dưới gấu váy có thêu hoa. Áo trên màu ngà ôm nhẹ làn da mịn màu mật dưới mái tóc đen mượt thả xuống vai. Lúc đó vào tuổi lên bốn, tôi đã bị thu hút bởi sắc đẹp của bà, nhưng bây giờ nhìn bà, lòng tôi đau đớn, lưỡi tôi khô cứng, tim tôi nhức nhối. Nơi khuôn mặt sừng sù ấy tôi có thể thấy được số phận của mẹ tôi. Chưa chi tôi đã chuẩn bị tinh thần cho cái ngày mẹ tôi mất. Khi mẹ chết, không biết mình sẽ khóc chừng nào. Tôi đã từng hỏi câu này trước đây và bây giờ tôi hỏi lại một lần nữa. Câu trả lời có vẻ rất gần. Điều duy nhất tôi biết chắc là – sẽ là một nỗi khổ đau ghê gớm.

Thời gian không ủng hộ chúng tôi. Dù chúng tôi ở đây không lâu, có vẻ như điều chúng tôi chia sẻ với nhau thật đau đớn. Giờ Map và tôi phải về.

Mak yêu cầu “Athy koon, khi con về, con hãy hỏi xin người điều hành cho con đến đây để săn sóc cho mẹ, để lấy nước cho mẹ...Ban đêm con có thể ngủ bên ngoài trên chiếc ghế dài”. Mak chậm chạp cử động cái đầu “Đừng quên nhé, koon srey mdaay. Nhờ Chea giúp con nói với người chỉ huy. Nhớ đừng quên...”

Bây giờ tôi đã biết. Tôi đã thấy nhiều lần, trước người chết mình phải hứa điều mà mình không thể giữ lời được.

“Cha (vâng), Mak, con không quên đâu. Khi con trở về, con sẽ bảo chị Chea giúp con nói với người chỉ huy. Con sẽ trở lại ngay thôi”. Miệng tôi nặn ra những lời nhằm trấn an bà, rồi tôi lặp lại một lần nữa.

“Mak, tụi con đi đây” Tôi không muốn nói lời từ biệt, cổ họng tôi cứng đờ.

“Ừ, đi nhanh lên và trở lại với Mak, Athy. Cả con nữa, con trai của Mak”.

Map nói lời từ biệt với mẹ, cổ nó quay đi, mắt ướt nhèm. Mak thì không nói từ biệt, tất cả những gì mẹ nói, lập đi lập lại nhiều lần là “ Nhớ sớm trở lại, đừng quên...” Tôi bảo đảm với Mak chúng tôi sẽ trở lại trong khi nước mắt chảy tràn.

Mặt trời màu vàng cam chiếu sau lưng chúng tôi trên đường chân trời. Chuyển đi về lại Daakpo ngắn hơn, con đường đất đã mát đi nhiều dưới chân chúng tôi. Tâm trí tôi không nghĩ điều gì ngoại trừ Mak.

Như Mak dặn, tôi nhờ chị Chea giúp tôi. Cả hai chúng tôi đều đến gặp người chỉ huy. Tại căn lều của công xã, tôi đứng bên chị Chea trong khi chị giải thích hoàn cảnh của mẹ tôi và yêu cầu của bà với người chỉ huy. Ông ta nhìn ra xa, lắng nghe rồi nói “Em gái của đồng chí có thể đi nếu mẹ của đồng chí phục hồi lại được. Nhưng nếu mẹ của đồng chí chết thì em gái của đồng chí sẽ bị trừng phạt”.

Thế là chúng tôi đi ra. Mặt của chị Chea bừng lên vì giận dữ.

“ Thế em phải làm gì đây, chị Chea ? ” Trí tôi dồn hết về hình ảnh của mẹ.

Chị chỉ biết quàng tay lên vai tôi làm tôi cảm thấy ấm áp, dễ chịu. Ai sẽ lấy nước cho mẹ đây? Mẹ sẽ buồn biết chừng nào, phải đợi chờ tôi và Map trở lại!

"Thế Mak sao đây, chị Chea?" Tâm trí tôi vẫn không thể thoát những lời mẹ dặn. Tiếng van nài của Mak còn dội trong trí tôi.

"Khi họ cho chúng ta nhiều thức ăn hơn" chị nói giọng dịu dàng và bình tĩnh "bang sẽ đi đến Mak. Chị sẽ nói với mẹ rằng em đã không quên lời mẹ dặn".

Nhiều đêm tôi nằm thao thức, ngắm nhìn tấm màn đêm và nghĩ đến mẹ. Lời bà rõ ràng vẫn còn vang trong tai tôi, hình ảnh bà ngồi trên chiếc giường sắt sống động trong trí tôi. Chiếc áo hoa bạc màu của bà đã chỉ dẫn cho tôi biết đó chính là mẹ tôi. Tôi nhìn bà trong tâm trí, như nhìn vào chiếc gương thần. Mẹ là tất cả những gì chúng tôi có, thế mà chúng tôi lại không thể chăm sóc cho bà.

Trong nhiều đêm liền, tiếng nói, lời van nài của bà vẫn dội lên trong đầu tôi như thể mẹ đang gọi tôi từ xa. Nhưng rồi cái đói và việc lao động cưỡng bách đã làm tiêu tan hết sức lực , làm mờ trí óc tôi, khiến tôi càng ngày càng ít nghĩ tới Mak. Thay vào đó, tôi chỉ còn nghĩ đến phần cháo ít ỏi mình nhận được từ bếp tập thể, và chỉ còn đủ sức để nghĩ đến sự sống còn của chính mình mà thôi.

Hôm nay Angka đã ra lệnh cho bếp tập thể làm bún với xúp cá – một thứ xa xỉ mà chúng tôi chỉ có khi Angka muốn chúng tôi đến dự mít tinh. Đối với nhiều người trong chúng tôi, mít tinh có nghĩa đơn giản là một ngày nghỉ lao động. Chúng tôi không phải làm việc, chỉ ngồi và lắng nghe tất cả những gì Angka muốn giảng giải cho chúng tôi – Sản xuất – Cách Mạng – Dọa dẫm. Mắt

tôi nhìn theo họ một cách tuân phục nhưng trí óc tôi thì diều cợt họ, tôi nhớ lại câu nói tôi thường nghe Mak bảo "Doch chak tirk leu kbaaltea – nước đổ đầu vịt". Họ chỉ phí hơi mà thôi. Trong căn lều lợp tranh, cả người lớn lẫn con nít nóng lòng ngồi đợi trên bốn chiếc ghế dài. Bún đã nấu xong, và mùi ấm nóng của nước xúp cá nấu với lá chanh nghiền, rễ cây kchiey và bột nghệ tuôn vào lều. Chỉ cần ngửi mùi các thứ gia vị ấy thôi cũng đủ sương đến tận trời. Có lẽ bây giờ đã chín giờ rồi, tôi đoán như vậy thôi, bởi vì chẳng ai trong chúng tôi còn đồng hồ cả. Đột nhiên tôi thấy mọi người quay đầu lại khi chúng tôi thoáng thấy mấy người nhà bếp đi về phía chúng tôi, mấy người phụ nữ mang mấy rổ bún và nồi xúp cá. Họ phát những sợi bún trắng nhỏ, đưa cho chúng tôi mỗi người ba nắm bún lòng thông. Tôi gạt một ít sang một cái đĩa để chị Chea mang tới cho Mak. Chị Ra và chị Ry thì bảo tôi rằng đến lúc tôi trở về lều có lẽ chị Chea và Map đã đi rồi.

Tôi cũng rất muốn được đi thăm Mak và tự mình giải thích tại sao tôi không đến để săn sóc bà được, nhưng chỉ có chị Chea và Map là đi được thôi, xin phép rất khó. Tất cả chúng tôi đều phải tham dự mít tinh.

Cuộc mít tinh được tổ chức trên một vạt đất tròn, chung quanh có hàng cây cao toả bóng mát. Trong số người ở đây, tôi thấy một "dân mới", một người đàn ông ngoài năm mươi, ngồi xồm trên đất bên nhóm Khmer Đỏ. Mặt, mắt và nét mặt của ông ta gợi cho người ta nghĩ rằng ông có dòng máu Trung Hoa. Ông mặc áo sơ mi và quần cũ bạc màu, màu nâu bùn giống như áo quần chúng tôi. Trông ông ta thư giãn, dường như bằng cách nào đó ông ta đã móc nối được với những người lãnh đạo Khmer Đỏ này. Khmer Đỏ giới thiệu ông là một người lao động mầu mỡ. Ông nói chuyện với chúng tôi một cách rụt rè. Thái độ của ông khiến người nghe mỉm cười. Đây là lần đầu tiên kể từ khi Khmer Đỏ nắm quyền hành, tôi thấy những người chung quanh tôi cười một cách thoải mái. Những khuôn mặt tươi cười đó tan biến liền khi lãnh đạo Khmer Đỏ đứng dậy nói, diễn giải cho chúng tôi về sản xuất lúa gạo, những người trong "trận chiến" và những mục tiêu của Angka.

Đột nhiên tôi nghe một tiếng nói nhỏ sau lưng "Bang! Bang! (chị)" Tôi quay lại. Từ trong bóng tối sâu thẳm dưới hàng cây, bóng của một cô gái nhỏ chạy nhanh về phía tôi. Tôi nhìn lại, nhúm mày – tôi chắc chắn nó đang gọi tôi vì chung quanh chẳng có ai khác cả, ngoại trừ hàng cây. Cô gái ngược mặt lên nhìn tôi "Họ...họ...ném mẹ chị vào một cái giếng...Cái giếng chôn người chết..." Nó cố lấy hơi, hổn hển đưa tin "Mẹ chị vẫn còn sống...Bà rên khi họ mang bà đi!"

Tim tôi đập thành thạch, chạm vả vào lồng ngực. Tôi vẫn nghe cô bé nói, nhưng chẳng hiểu gì cả. Như thể có một cái gì đó chặn đường giữa hai tai và óc tôi. Tôi nhìn lại nó "Em nói gì về mẹ chị? Xảy ra chuyện gì cho mẹ chị hả?"

"Khmer Đỏ ném mẹ chị xuống một cái giếng...và bà vẫn còn sống" cô gái nhỏ lắp bắp, đôi mắt

sắc của nó nhìn thẳng vào mắt tôi.

Tiếng của nó chìm đi. Không! Từ một chỗ sâu khuất ẩn nấp trong linh hồn, tôi thét lên. Chân tôi vụt chạy đi trước khi trí óc kịp điều khiển nó. Ngang qua con đường đất, về phía cánh rừng xa xa, tôi chạy như điên, những ngón tay của sự thống khổ bóp nghẹt lấy linh hồn tôi, làm bật ra những cơn đau đớn buốt nhói.

"Ôi, Mak ơi..." tôi ngã gục xuống đất, cạnh một bụi cây dưới tàn cao "Con xin lỗi, con xin lỗi đã không giúp gì được cho mẹ..."

Một mình trong rừng, tôi gọi to mẹ tôi. Trí tôi tập trung vào hình ảnh cuối cùng của mẹ, đang ngồi trên giường nói chuyện với Map, với tôi, van nài, nhắc nhở tôi nhớ trở lại với bà. Một cách tuyệt vọng, nắm tay tôi dấn mạnh xuống đất khi tiếng nói của mẹ vang lại trong trí tôi, đâm thủng bên trong ngực tôi với từng âm thanh một. Đầu tôi đau nhức, sưng lên. Tim tôi nhói đau "Ôi Mak ơi, mẹ đã bỏ con...koon somtoh...con xin lỗi..."

Nỗi đau mất mẹ đến với tôi thật dữ tợn, không ngưng nghỉ. Nó chiếm ngự tôi, mọc rễ trong tôi.

Tôi sẽ khóc chừng nào khi mẹ tôi chết?

Bây giờ tôi đã biết câu trả lời.

CHƯƠNG 10

LINH HỒN KẺ SỐNG SỐT

Ánh mặt trời đi xuyên qua kẽ hở trong lều. Một mình, tôi nằm co người lại, đắp chiếc khăn, mắt tôi nhìn đắm đắm vào những hạt bụi thật đẹp tung lên trong ánh nắng ban mai. Suốt cả ngày, tôi cứ nằm tại đây, nhìn vào bóng tối cho đến khi mệt lử. Ngày hôm sau mặt trời lại mọc lên, mắt tôi lại mở ra nhìn vào đám bụi bay trong nắng, rồi lại chờ đợi màn đêm buông xuống. Tôi suy nghĩ, nhưng không biết chắc mình đang suy nghĩ điều gì. Tôi không nhớ được làm sao mình lại đến đây – một trại lao động. Thậm chí tôi cũng không nhớ được tên của nó nữa. Tôi mơ hồ nhớ điều gì khủng khiếp đã xảy ra với Mak, nhưng vết thương về cái chết của mẹ thì vẫn còn tươi rói.

Đêm và ngày trôi qua. Tôi tự hỏi không biết điều gì đã xảy ra với các chị tôi. Ai đã mang tôi đến đây? Người tôi rất yếu nhưng tôi không thấy thèm ăn. Bên ngoài những chỗ hở của căn lều, tôi nghe thấy tiếng nói. Những tiếng nói ấy, những mệnh lệnh ấy không bao giờ đến với tôi. Một người đàn bà mặc đồ đen thò đầu vào trong lán, bà ta nói nhỏ "Đồng chí, dậy đi làm việc" Tôi đưa mắt nhìn bà ta rồi nhìn đi chỗ khác.

Một tiếng nói bên trong tôi cất lên – sai rồi, mình phải ăn! Cuối cùng tiếng nói đó đánh thức tôi dậy và tôi vâng lời.

Khi mặt trời chói loà, tôi đứng dậy. Khi tôi bước ra ngoài lều, tôi mang theo cả muỗng đĩa. Tôi bước đi xiêu vẹo, cố không để bị ngã. Tôi đi về phía rừng cây, ở đó có một đám trẻ em, đứa sắp hàng chờ lãnh thức ăn, đứa thì ngồi xồm đang ăn. Tôi lê chân đứng vào hàng, bao tử của tôi dâng lên rồi hạ xuống.

"Đồng chí ở đoàn nào?" một người đàn bà cầm muỗng múc cơm, trán bà ta nhíu lại vì tò mò.

"Tôi bệnh", tôi trả lời nhỏ nhẹ, lấy chỗ trước mặt bà. Bà ta trút vào đĩa tôi một muỗng cơm, rồi bỏ một nhúm muối thô bên cạnh. Tôi thấy cái nhìn chăm chăm, cặp mắt dò hỏi của bà ta, nhưng tôi cứ bước đi, tay giữ đĩa cơm.

"Chưa thấy con bé này trước đây bao giờ" bà ta nói.

"Đồng chí này bệnh, trước nay toàn nằm bẹp trong lều" một giọng nói khác cất lên.

"Thế mà tôi múc cho nó y như những người lao động khác!" người đàn bà cầu nhàu.

Thức ăn làm cho tôi thay đổi. Mỗi miếng cơm nuốt vào, sự sống trở lại dần dần với tôi. Trí óc tôi minh mẫn hơn. Ý tưởng về sự sống sót của mình trước đây hầu như bị xóa hết trong trí óc, nay trở lại. Nhưng người tôi vẫn còn trống rỗng không thể đi làm việc được cho Khmer Đỏ.

Trong khi mọi người cặm cùi trên cánh đồng nắng cháy để đào mương, tôi vẫn ngồi trong lều, một mái tranh thấp lè tè. Dưới chân tôi cỏ mọc vào gậy ngựa. Tôi nhìn ra lối vào không cửa. Tâm

trí tôi bị hút ra ngoài. Tôi muốn nói với Trời:

Hỡi Trời, sao ngày rạng rõ vậy mà đối với tôi lại tăm tối đến thế? Đời sống của tôi không có ý nghĩa gì. Tôi nghe chính mình nói. Tại sao người tôi trống rỗng đến thế? Đau đớn từ bên trong đến thế? Có phải đây là điều mà mẹ đã cảm thấy? Có phải chính điều đó đã khiến mẹ suy sụp nhanh đến vậy?

Khi tôi hỏi tôi những câu hỏi này, trí tôi lại nhớ đến hình ảnh của mẹ tại bệnh viện Choup, không còn sức đề kháng. Có phải Mak đã hy sinh rất nhiều cho chúng tôi? Mẹ có nhớ Pa, Avy và Vin? Trời, xin đừng để cho người ta chết, xin hãy chấm dứt nỗi đau này.

Lần đầu tiên trong mười hai năm của cuộc đời tôi, tôi không cầu xin Trời Phật ngừng nỗi đau này. Tôi còn đòi hỏi hành động của Người. Tôi muốn có một lời nói cho nỗi đau của tôi, của gia đình tôi và của những người khác. Tôi còn phải chịu đựng bao nhiêu nữa đây?

Tôi tra vấn lòng thương xót, tính chất thiêng liêng của Trời, giống như trước kia tôi từng tranh luận với cha tôi. Chính ngay bao giờ tôi vẫn còn nhớ lại về một mùa hè ở Phnom Penh ngày trước, khi tôi xin ông cho tôi đi học ở một trường tư thực.

Pa không trả lời được hay không, ông chỉ bảo tôi còn nhỏ (lúc đó tôi tám tuổi) và chưa cần phải học trường tư. Pa mỉm cười giải thích "Nếu tất cả các đứa con của ba đều muốn học trường tư, thì tiền sách, tiền trường không sẽ làm ba chết mất".

Nhưng tôi không chấp nhận điều đó. Tôi bảo với Pa nếu chị Chea vào học trường tư thực Anh ngữ được và mua những cuốn sách bìa cứng đắt tiền được thì tại sao tôi lại không đi học hè ở trường tư?

"Con muốn học thêm toán, tại sao con lại không được làm thế, Pa?" Tôi nói, đứng trước mặt cha mẹ khi Pa đang ăn sáng.

Pa im lặng, miệng vẫn nhai. Mak nhìn ông. Pa vẫn im lặng. Sáng đó tôi cần đến trường dự buổi học đầu tiên, tôi đã cầm sẵn giấy và bút. Tất cả những gì Pa cần phải làm là trả tiền thôi.

Vẫn im lặng.

Tôi bật khóc "Koon muốn đi học mà Pa không muốn trả tiền cho con học. Con thật chẳng có quan trọng đối với ba gì hết" mắt mũi tôi đỏ kéké.

Pa ngạc nhiên. Ông chưa thấy đứa bé nào trạc tuổi tôi lại đòi đi học quyết liệt như vậy.

"Thôi đừng khóc nữa" Pa nhăn răng cười "Thôi được rồi, Pa sẽ trả tiền cho con học, con bé hạt tiêu nhiều tham vọng này".

Mặt Mak rạng rỡ. Tôi cười qua hàng nước mắt rồi ba chân bốn cẳng chạy tới trường.

Đó là người cha trần thế của tôi. Ông hiểu được khi tôi lý luận với ông. Một nhà sư có lần bảo với Mak rằng tôi là koon Preah (con Trời), nếu quả thật là thế thì Trời hẳn phải hiểu nỗi đau khổ của tôi và chấm dứt nó cho tôi chứ.

Tôi nhắm mắt lại, tìm tôi lại nhưc nhối.

Ngồi trên nền đất ngay lối đi vào lều, tôi đưa mắt ngắm mặt trời xa đỏ rực. Mặt trời đang lặn. Lạ thay, không ai bắt tôi làm việc. Có lẽ mọi người chững lại vì cách tôi cử động, cách tôi nhìn và nhất là thấy tôi đang lạc lối trong chính đầu óc của mình. Trong một thời gian dài tôi đã lo lắng, nhưng bây giờ thì tôi cũng không biết nữa. Tôi cũng không sợ cả bà lãnh đạo đoàn, thậm chí không nhớ nổi bà ta ra sao. Có lẽ bà là người thường dí đầu vào lều tôi, gọi tôi là "đồng chí". Bà có thể gọi tôi nhưng tôi thì đã lẫn trốn trong tâm trí mình. Đôi khi tôi thoáng nhớ Mak nhưng không gì hơn là những mảnh vụn của ký ức. Rồi cánh cửa tâm hồn tôi đóng sập lại. Và tôi lại lặng yên như đêm tối.

Mặt trời chìm xuống, tôi lại rút vào một góc lều. Đột nhiên

Một bóng người bò tới làm tim tôi nhảy dựng.

"Athy!" giọng người phụ nữ thì thào "Chị em cho em cơm cháy đây!"

"Chị Ra đó hả?" Tôi buột miệng kêu lớn hơn mình tưởng.

Chị Ra suýt tôi, chị gấp gáp bảo tôi là ngày mai chị sẽ trở lại, rồi chị biến đi. Chị đến rồi đi ngay lập tức. Tôi cầm miếng cơm cháy trong bóng tối, người vẫn còn tê liệt vì sự xuất hiện đột ngột của chị. Làm sao chị biết tìm tôi ở đây?

Bao tử tôi réo lên và miệng tôi ứa nước bọt khi tôi hít mùi thơm của miếng cơm cháy. Tôi ăn từng miếng một, thưởng thức mùi vị hơi giống cà phê của miếng cháy. Mỗi một miếng cắn, tôi hy vọng. Tôi trông đợi đến ngày mai, đó là điều tôi không cảm thấy từ lâu nay.

Ngày u ám, hãy còn sớm. Trẻ con và các đoàn cơ động đã lên đường đi làm việc. Chị Ra đến như đã hứa, bước vội vào lều tôi, chị đưa ra chỉ thị ngắn gọn "Mình đi ngay đến khu 3". Chị nắm tay dẫn tôi, đúng hơn là kéo tôi ra khỏi lều. Tôi để chị kéo, một phần thân thể tôi căng ra, tôi bước gấp theo chị.

"Vội lên, bước nhanh hơn nữa", chị ra lệnh cho tôi, lo lắng.

Tôi theo sau chị, nhìn chân chị lướt đi. Tôi muốn bước nhanh như chị nhưng chân tôi chỉ bước được khoảng một phần ba khoảng cách mà chị bước. Ống quần đen của chị đập phành phạch vào bắp chân. Chiếc áo cũ sờn tay áo được xắn lên cao của chị để lộ cánh tay nâu vàng, trẻ trung. Vẻ đẹp mượt mà của chị làm tôi ngây ngất, sung sướng. Cánh tay chị đong đưa như thể chị đang chèo đê băng tới trước. Lao động nhọc nhằn đã không cướp nổi vẻ đẹp "thành thị" của chị. Ngay cả trong bộ đồng phục tả tơi, bạc màu, chị vẫn trông khoẻ mạnh đầy sức sống. Người chị tràn đầy sinh lực so với tôi. Chị nhanh nhẹn như con thỏ còn tôi thì ịch dàng sau như con rùa. Tôi không thể tiếp tục được nữa.

"Chị Ra, tại sao chúng ta phải đến khu 3?"

"Để xin thức ăn, đi nhanh lên!" Chị giục "Dar mua, mua (đi chậm)" chị bỗng nói "Có thể bọn

chhlop trông thấy chúng ta đó, thôi bước dài chân, lẹ lên!"

Chị đưa mắt nhìn xuống chân, như để chỉ cho tôi biết cách bước dài hơn. Tôi cố gắng đưa cái chân cứng đờ của mình về phía trước. Cũng chẳng bước nổi. Chị Ra lo lắng quay đầu về phía sau. Chị lại ra lệnh cho tôi bước nhanh hơn. Giọng chị căng thẳng, sắc và bức tức.

"Nhưng em nhỏ hơn chị, vả lại em còn yếu mà!" Tôi thấy giận chị. Với chị Chea, chẳng bao giờ như vậy. Tôi ra lệnh cho mình đi vội lên. Tôi nghe chị đủ thứ nhưng có vẻ như chị không lưu ý, chỉ di chuyển nhanh về phía trước.

Mặt trời bây giờ chói chang. Từng giọt mồ hôi rơi từ trên đầu tôi xuống. Theo sau chị Ra, tôi vừa đi vừa chạy. Nước mắt tôi tràn ra, nóng bỏng. Tôi có cảm giác như bị những cặp mắt vô hình quan sát. Tôi tưởng tượng một tiếng nói mạnh mẽ ra lệnh cho chúng tôi dừng lại. Chính sự tưởng tượng đó thúc cho chân tôi bước nhanh hơn. Bỗng trước mặt tôi hiện ra một chỗ trũng xuống rộng và dài. Phong cảnh thay đổi. Tôi hụt hơi. Chị Ra đi chậm lại còn tôi thì thở hổn hển. Một chiếc cầu màu xanh nằm phía xa bên trái.

Một con sông! Tôi sững sờ. Một dòng nước lớn với những làn sóng lăn tăn lung linh trong ánh nắng. Đơn độc trước sự khám phá này, chúng tôi cảm thấy như con sông thuộc về chúng tôi. Tôi cảm thấy tự do khi đứng trên bờ con sông này. Bên kia bờ sông là những tàn cây cao phủ bóng dài cùng với những khóm cây rậm rạp lá xoè rộng. Cây cối phía bên đó mọc tươi tốt hơn bên bờ chúng tôi đang đứng – trơ trọi, chỉ có cỏ khô và đá. Xa xa, nhô ra khỏi những tàn cây cao là bóng cây cọ, cây dừa lá xum xuê. Cảnh vật này thực đẹp, tuy nhiên nó gợi ra một cảm giác nguy hiểm ẩn giấu dưới vẻ đẹp dịu dàng của thiên nhiên này.

"Athy, sao cứ đứng đó? Leo xuống đi. Trời ơi, xem em kìa, em cứ đứng như trời trồng vậy". Chị Ra nói với giọng gay gắt, chùng như không tin nổi.

Giọng gay gắt của chị kéo tôi về với thực tại. Trong chốc lát tôi đã quên mất tại sao chúng tôi lại đến đây. Khi tôi mới leo xuống theo chị Ra, một trận mưa đá, dất đổ rầm rầm sau lưng tôi, lăn xuống triền dốc. Tay tôi bám lấy bờ đất, chân ngập ngừng. Tôi sợ té.

"Chị Ra, có chiếc cầu kia kìa!" tôi nói, đưa mắt chỉ về phía cây cầu.

"Tại sao chúng ta không đi qua cầu?" Tôi co người lại.

"Em điên đấy à? Bọn chhlop!" Chị giận dữ.

"Đợi em với, chị Ra, em sợ lắm!" Tôi vẫn ngồi yên, đưa tay về phía chị.

Chị Ra phải trèo lên lại dắt tôi bò xuống. Tôi cứ ước chi rằng tôi không đến đây, để khỏi vướng mắc vào chuyện đi tìm thức ăn này.

Hãy can đảm lên! – tôi tự nói với mình. Tôi lý luận, nếu chúng tôi quay trở lui, chúng tôi có thể bị Khmer Đỏ ở khu chúng tôi trùng phạt và bỏ đói. Còn nếu tiến lên thì chúng tôi sẽ chạm trán với con sông. Và cũng có thể bị bọn chhlop bắt. Nhưng cũng có thể chúng tôi may mắn và kiếm

được thức ăn. Trong một lúc liều, tôi quyết định đi với chị Ra.

Nhưng nhìn dòng nước xanh ngắt rộng mênh mông, tôi lại thấy sợ. "Làm thế nào mà chúng ta đi qua sông được, chị Ra? Em không biết bơi" Tôi nhìn dòng nước mát lạnh đang chảy. Tôi biết câu trả lời nhưng tôi không muốn nghe.

Chị Ra lội xuống nước, chân chị tạo ra tiếng bì bõm. Tôi đứng yên nhìn chị, chân như mọc rễ trên nền đất cứng. Mình không bơi được – tôi tự nhắc mình.

"Athy, bước tới đi. Nước không sâu đâu, thấy chưa?" Đầu chị cúi xuống chỉ mực nước lên đến ngang đầu gối chị. Chị nhìn tôi khuyến khích, chờ đợi. Nhưng tôi không thể nghĩ gì ngoại việc nghĩ rằng mình sẽ bị dòng nước cuốn đi. Tôi biết rằng mình rất yếu. Chị Ra quay lui nhìn và tôi đề nghị "Chị đi tới xin thức ăn đi. Em sẽ ở đây chờ chị. Sẽ không sao đâu".

Chị nhắc tôi rằng nếu tôi ở cạnh con sông, bọn chhlop ở khu 3 sẽ bắt tôi.

"Cứ đi qua đi, không sao đâu. Chị cũng đâu biết bơi" chị nói.

Tôi bèn ngồi thụp xuống ôm lấy đầu gối như một trái bóng để chị Ra khỏi kéo được tôi xuống nước.

"Em sẽ không té đâu" chị gắt "Chị sẽ lội bên cạnh em, còn em thì nắm tay chị".

Tôi lắc đầu. Tôi càng sợ hơn khi chị đẩy tôi về phía trước, tay vẫy, chân bước trên những tảng đá nhô lên trên mặt nước nông. Cuối cùng, chị chỉ cho tôi thấy một chiếc gậy dài nằm bên bờ sông. Chị trấn an tôi rằng tôi sẽ không té nếu dùng gậy chống khi đi ngang qua sông, và chị lại còn nắm tay tôi nữa. An toàn vì thấy hai tay đều có chỗ dựa, tôi bèn quyết định thử.

Nước thật mát, khi nước lên đến ngực, hơi lạnh làm tôi hít vào, thở thật sâu. Không sao đâu, chị Ra trấn an tôi. Tôi liếc mắt nhìn chị và thấy chị tỏ ra không chút sợ hãi. Cùng lúc đó dường như nước đã rửa trôi bớt nỗi sợ hãi của tôi. Tôi thấy chân tôi trượt trên đá và người tôi nổi lên.

Nhưng nước chỉ lên thấu vai tôi và chúng tôi đã sang được đến giữa dòng sông. Tiếng nước vỗ vào ống quần nghe thật rõ giữa cảnh tĩnh mịch của dòng sông và rừng cây. Mắt tôi nhìn theo bờ sông. Làn này là một bức tường đất và đá lởp đầy các dây leo và bụi cây.

Chị Ra leo lên bờ sông, bám vào dây leo như là bám vào thang, và tôi làm theo chị. Tôi bám vào các dây trường xuân dại và các tảng đá chắc nịch chôn sâu vào đất. Âm thanh duy nhất tôi nghe được là tiếng chim hót và tiếng lá xào xạc.

"Athy, nhanh lên!" Chị Ra suyt tôi.

Chúng tôi chui xuyên qua một bụi cây dày rậm, rồi bước ra gần một ngôi nhà gỗ lớn. Trông nó giống như một nhà kho, chung quanh có tàn cây che phủ bóng mát. Các bức tường còn mới, sơn màu gạch tươi. Đây là nơi chị Ra nói chúng tôi sẽ gặp một người đàn ông mà chị và các bạn lao động của chị gọi là Pok (cha), một người đã từng cho họ thức ăn trước đây.

Chưa chi tôi đã tưởng tượng ra đủ món thức ăn, cơm, cá nướng tẩm sốt, xúp nấu với rau tươi

và cá. Chị Ra nói nhỏ bảo tôi đợi một chút trong khi chị đi vào nhà kho tìm Pok. Trí tôi lại tập trung thêm nhiều hình ảnh về thực phẩm: bún cà ri bò, bánh bột chuối, nước thơm vắt và món tôi ưa thích nhất là xang uých pa tê bằng bánh mì giòn kiểu Pháp, v.v..Khẩu vị của tôi gia tăng, đồng thời lòng nôn nả của tôi cũng vậy.

Tôi đứng dựa vào tường, cầu nguyện cho chị Ra và tôi trở về khu vực của mình an toàn. Bao tử tôi cồn cào hơn. Nhưng nỗi lo lắng trong tôi cũng tăng lên. Tôi cầu nguyện Trời Phật mang chị Ra trở ra với tôi, dầu có hay không có thức ăn.

"Athy, Athy" tiếng thì thào cắt ngang lời cầu nguyện của tôi.

Từ xa chị Ra vẫy tay bảo tôi đến chỗ chị. Chị quàng tay qua vai tôi và cùng tôi bước vào nhà kho. Nền bê tông chất đầy các chồng gạch và các khối bê tông trang trí chất dọc quanh tường. Tôi nhìn kỹ nhà kho này, ghi nhận tính cách gọn gàng, sạch sẽ của nó. Thật lạ là tìm thấy một toà nhà chất đầy gạch ở giữa một nơi trống trơn như thế này.

"Pok sẽ đến ngay. Hồi này ông đi lấy thức ăn cho chị em chúng mình" Chị Ra nói nhỏ.

Tôi nghe chị, nhưng không chú ý lắm. Tôi đang bị chỗ này mê hoặc. Nó thật khác với trại lao động cưỡng bách biết mấy. Trông nó hiện đại, tân tiến, giống ở Phnom Penh hay Takeo thưở trước.

Dầu tôi chưa từng gặp Pok, tôi cảm thấy ghen tị với ông ta. Tôi tự hỏi làm thế nào mà ông ta thích nghi được với cái ý thức hệ mà từ lâu Khmer Đỏ rao giảng cho chúng tôi. Không có người giàu, kẻ nghèo, chỉ có bình đẳng. Là đồng chí, tất cả chúng ta là một. Nhớ lại, tôi đã nghi ngờ biết mấy khi lần đầu tiên nghe họ nói như thế ở Year Piar. Và giờ đây căn nhà kho càng làm tôi thêm nghi ngờ hơn. Không có bình đẳng, không bao giờ có. Tôi cay đắng nghĩ.

"Athy, Pok đang đến đó" chị Ra nhắc tôi.

Chị giới thiệu tôi với ông "Pok, đây là em gái con"

"Chumriep sur, Pok" tôi nói, chấp hai lòng bàn tay lại, đưa lên ngang cằm. Đó là sự lễ phép mà Khmer Đỏ không lấy mất của tôi được. Tôi cũng không cần xem ông ta có tán thưởng cách chào hỏi đó không, cũng như nó có thích hợp hoặc ông ta có phải là Khmer Đỏ và khinh ghét cái nghi thức đó không.

Thay vì chào tôi bằng lời nói, ông ta nhìn tôi rồi nhìn chị Ra. Nếu ở vào sangkum mun (xã hội thời trước) ông ta hẳn phải đáp lại cái chumriep sur của tôi. Nhưng vì hai tay ông đang cầm chảo và đĩa, nên tôi có thể hiểu được. Tôi vốn rất hài lòng vì sự tử tế của ông, sẵn sàng mang cho chúng tôi thức ăn.

"Ara, cháu phải cẩn thận khi mang em cháu tới đây, lúc ra về cũng vậy. Có khối bọn chhlop đấy" Ông nhắc chị Ra trong lúc ông đặt thức ăn xuống sàn nhà. "Chúng sẽ tra tấn cháu nếu chúng bắt được cháu. Phải rất cẩn thận".

Lời ông nói cho tôi thấy nhiều điều. Giọng nói của ông dịu dàng, giống như cha đang nói với con, và qua cách ông không gọi chị Ra là đồng chí, tôi biết ông không phải là Khmer Đỏ. Tôi chăm chú nhìn ông – cao, vạm vỡ với làn da sạm màu ô liu. Tóc đen chải gọn, điểm vài sợi bạc. Tôi đoán chừng ông ngoài năm mươi. Dáng vẻ của ông cho thấy ông chưa từng biết đến cực khổ hay thiếu ăn. Ông có vẻ có học, được ưu đãi, mặc dù mặc đồng phục Khmer Đỏ, quần và áo sơ mi đen mới với chiếc khăn quàng quanh cổ. Tôi nhìn ông và tự hỏi người đàn ông này là ai. Pok mời chúng tôi ngồi xuống. Chúng tôi ngồi xõm xuống trên nền xi măng. Đột nhiên một người trẻ tuổi, mảnh khảnh, khoảng 18 tuổi, lông mày đậm và mái tóc đen dày tiến lại gần chúng tôi. Tôi ngước lên, cố nhìn xem anh ta đang cầm cái gì nơi tay.

Pok giải thích “Sun làm việc cho tôi. Hắn mang đồ ăn thêm cho các cháu”.

Sun đặt xuống trước mặt chúng tôi một bát cháo lớn đầy những khúc bí ngô vàng, với hoa bí và những chồi xanh non. Gần đó là mấy con cá hun khói nâu giòn, nằm sắp bụng như khi đang bị hun khói vậy. Rồi là cả một chén nước mắt gồm ba muỗng màu thẫm như nước trà. Mùi nước mắt đậm. Thật tuyệt. Tôi thưởng thức mùi thơm đó và tâm trí tôi quay cuồng.

Tôi chưa hề được nếm nước mắt kể từ khi chúng tôi bị đuổi khỏi Year Piar – hơn hai năm về trước. Cho nên thoát tiên tôi không nhận ra nước mắt cho đến khi cái mũi nhắc tôi, nó dò ra mùi gắt nồng của nước mắt. Từ đó ký ức tôi sống dậy, mắt mở lớn, dăm dăm nhìn vào các thức ăn.

Pok lấy trong đồng hồ ra một chiếc đĩa. Rồi ông nhắc nắp nồi lên, bên trong là cơm trắng tinh. Mùi thơm của cơm mới thọc vào mũi tôi, mùi thơm quen thuộc của mùa lúa mới. Bao tử tôi réo lên, miệng thi trào nước bọt. Mắt tôi đưa theo tay của Pok dùng muỗng xới cơm vào đĩa. Tâm trí tôi, cả người tôi đều ao ước muốn vồ lấy cái đĩa nơi tay ông.

Cơm xúc trên đĩa của tôi cao như một đồng bột đang dâng lên. Tôi muốn ăn ngay, lùa ngay cơm vào miệng, nhưng tôi còn phải đợi Pok, ông đang lấy một cái đĩa khác để lấy cơm cho chị Ra. Tôi đưa mắt lo âu nhìn bàn tay ông cử động từ nồi đến đĩa. Tôi phải tự kiềm chế để không cựa quậy và kêu lên “Làm ơn nhanh nhanh lên”.

Cuối cùng thì Pok xới xong, đưa cho chị Ra. Chị đưa cả hai tay đón lấy, một cử chỉ lễ phép đôi với người lớn mà Mak thường dạy chúng tôi.

“Thôi, ăn đi” Pok nói, liếc mắt nhìn tôi.

“Bác cũng ăn chứ?” chị Ra hỏi.

“Các cháu cứ ăn đi rồi trở về cho nhanh”.

Tôi xọc muỗng vào đồng cơm, rồi lùa ngay vào miệng. Họng tôi đầy ắp, thức ăn như một người lạ đi vào cơ thể. Tôi bèn múc một thìa canh, nuốt chất nước ấm xuống để làm trôi nhanh những hạt cơm di chuyển chậm chạp. Rồi tôi mới ăn miếng bí. Rồi hoa bí. Rồi các chồi xanh mềm. Sau

đổ tôi ăn cá hun khói với nước mắm, rồi lại múc một muống cơm đầy. Cứ cho vào miệng là nuốt chửng ngay, mất tung mất tích. Hương vị bỗng bình, thân thể tôi bắt đầu lo khi nhận thêm thức ăn vào miệng. Tôi bèn ăn chậm lại để thưởng thức vị ngọt của bí, vị cay của nghệ và sả. Hơi nóng toả dần khắp người tôi, bụng đã no nhưng tay tôi dường như không muốn chậm lại. Như thể tôi đang ăn đua với chính mình vậy.

Chị Ra liếc mắt nhìn tôi rồi nhìn Pok. Tôi chú ý đến phong cách điềm đạm của chị, phong cách mà trước đây chị thường biểu lộ khi có khách đến nhà. Đó là cách mà mọi đứa con gái Cambodia được dạy khi xử sự trước mặt khách. Phải vừa phải, nhẹ nhàng. Những cách xử sự này rất nghiêm nhặt, kiểu cách, đến nỗi khi còn nhỏ chúng tôi không bao giờ được ăn cơm với khách. Ngay cả đến bây giờ, tôi còn thấy vẻ bẽn lễn, rụt rè nơi cách chị ăn, mặc dù hiện chúng tôi đang ăn trước mặt Pok, một người lạ tốt bụng.

Nhưng với tôi thì cái đói không còn làm cho tôi rụt rè nữa. Tôi tiếp tục nuốt thức ăn. Tôi biết mắt Pok đang nhìn chúng tôi – mặc kệ. Tôi chẳng cần nhớ phong cách ăn của Cambodia cũng như mọi quy củ văn hoá như đừng cạ muống vào đĩa khi xúc cơm, đừng ăn quá nhanh trước mặt người lạ, phải nhìn những người khác ăn thế nào để ăn cùng nhịp với họ...Ngày nay tất cả những điều đó không còn áp dụng cho tôi nữa. Tôi đã học rất kỹ và điều chỉnh cho thích hợp với sự khan hiếm thức ăn ngày nay, câu ngạn ngữ tôi thường nghe người lớn nói “Chol sturng tam bought, chld sork tam proteh” – “Theo sông tùy khúc, theo nước tùy miền”. Người ta phải thích nghi với hoàn cảnh của mình để sống sót. Và tôi đang điều chỉnh mình để thích hợp với môi trường mới, một thế giới trong đó cả nghi thức cũng như sự lễ phép đều không còn cần thiết – thậm chí còn bị cấm đoán. Thay vào đó, sự hung bạo là luật lệ cai trị mọi người, một luật lệ được thiết kế để phá vỡ linh hồn chúng tôi nhân danh padewat (cách mạng).

*

Đã một tuần lễ kể từ khi chúng tôi đến nhà kho của Pok. Mặc dù ông ta làm việc cho Khmer Đỏ, Pok không có trái tim bằng đá giống như họ. Lòng tốt trong người ông làm tôi thấy nhẹ người. Chị Ra không đến chỗ tôi, và tôi không thể chờ được nữa. Trong suốt những giờ không ngủ, tôi đều nghĩ về hình ảnh thức ăn chúng tôi đã ăn ở nhà Pok: cơm, cá hun khói, canh bí, đọt măng, sả và củ nghệ. Trong trí, tôi như đã ở nhà Pok rồi.

Ngày hôm sau tôi chuẩn bị một mình. Lần này tôi nghĩ mình có thể bước nhanh bằng chị Ra. Trước khi nhận ra, tôi đã đến bờ sông, và không còn phải sợ leo xuống bờ dốc hoặc bị Khmer Đỏ bắt giữ. Chỉ có thức ăn là mục tiêu duy nhất của tôi. Vội vã, tôi lội qua sông, không cần chị Ra giúp, cũng như chẳng cần cây gậy chống nữa. Nước lên dần đến đầu gối, ngực, miệng rồi tai tôi! Nước xộc vào mũi tôi. Tôi vội vã đưa tay lên khỏi mặt nước. Tôi bịt mũi, nghiêng đầu. Tôi

đạp chân, đẩy người về phía trước. Người hơi nổi lên, miệng tôi hớp lấy một hơi không khí. Mặt tôi nhô lên khỏi mặt nước, dán vào mục tiêu. Mục nước thấp lại, xuống ngang cổ, tôi vội vàng nuốt lấy không khí.

Bây giờ đã an toàn trên đất cứng, tôi nhìn lại dòng nước và thấy sợ cho chuyến trở về. Nhưng tôi phải ăn trước cái đã.

Nơi nhà kho, Pok ngạc nhiên lo lắng “Ara có đến không?”

“Không ạ” tôi trả lời, giọng tôi rung theo thân thể đang run rẩy.

“Cháu đợi ở đây” Pok ra lệnh, đưa tay chỉ nền xi măng.

Ông trở lại ngay, bước nhanh vào nhà kho với thức ăn, trán nhảu tí lại.

“Nhanh lên, ăn đi. Phần còn lại thì mang về, nhớ cẩn thận đấy”.

Tôi xúc cơm ra đĩa, nuốt vội với khúc cá nướng. Xong tôi gói mọi thứ vào khăn rồi chạy đi.

Trở lại dòng sông, cái thân thể gầy còm của tôi phải ra sức chống chọi với dòng nước, chân tôi cũng vậy, phải đạp liên hồi để đẩy tôi về phía trước. Đưa lên khỏi nước, tay phải tôi cầm thức ăn gói trong bọc, còn tay trái thì bịt mũi. Còn một khoảng ngắn phía trước, bờ sông dốc đứng đang đợi. Mình sẽ không bao giờ qua đây nữa, tôi tự nhủ, nhẹ nhõm vì đã sống sót ngày hôm nay.

Nhưng cái đói có quyền lực rất lớn, là tiếng nói yên lặng nhưng mạnh mẽ bên trong tôi. Chỉ vài ngày sau là nó lại ra lệnh cho tôi trở về khu 3. Khi mọi người đều đi làm việc, tôi ba chân bốn cẳng chạy ra dòng sông.

Ra đến bờ sông, tôi chới vờ người khi nhìn thấy dòng nước căng phồng lên. Lượng nước đã gấp đôi và đang tiếp tục dâng lên. Mình không thể đi qua con sông này được! Tuy vậy nổi tuyệt vọng kéo tôi về phía chiếc cầu sơn xanh. Đến gần, tôi đi chậm lại, bước thong thả. Đứng trên cầu, mắt nhìn lên trời, tôi giả bộ đang quan sát cấu trúc nghiêng của cây cầu, trông giống như một nhóm chữ X nối liền với nhau bằng một cây xà dẹt trên đỉnh. Tôi cứ đứng ở đó và đợi xem có ai đến hỏi tôi đang làm gì ở đây. Tôi đợi, đợi mãi, nhưng không thấy ai tiến đến cả. Tôi quay đầu nhìn dòng nước lấp lánh phía dưới. Hơi yên tâm. Lòng tôi giục tôi tiến lên phía trước, hoặc bây giờ hoặc không bao giờ nữa. Tôi bèn chạy vội qua cầu và vọt lên bờ sông dốc chỗ gần cầu, sau đó ngồi bệt tụt xuống phía bên kia, dừng lại nơi một bụi cây trước rừng. Định phải đi đứng lên thì tôi nghe tiếng đàn ông và tôi lại ngồi sụp xuống.

Tôi đang chờ bị tóm, nhưng rồi chú ý thấy tiếng người vẫn còn ở xa. Họ không đến chỗ tôi. Tò mò, tôi bò đến bụi cây kế tiếp. Từ đây tôi thấy ba người đàn ông mặc đồng phục đen, khăn quấn quanh cổ. Một người trong túp lều giống trạm gác, mũi súng trường nhô ra sau vai. Hai người kia đứng ngoài trạm, đối diện với ông ta.

Tôi nhẹ nhàng đi đến nhà kho của Pok. Khi tôi bước vào nhà, gặp ngay cái nhìn của Pok, Sun và

của một người đàn ông khác đang đợi. Pok bước về phía tôi, mặt ông tái xanh vì giận dữ.

“Có ai khác cùng đi với cháu không?” ông hỏi gấp.

“Chỉ có cháu thôi” tôi len lén trả lời, mắt nhìn xuống sàn, sau đó đưa mắt nhìn lên Sun và người đàn ông kia, chờ xem phản ứng của họ. Mặt họ biểu lộ sự lo ngại.

“Trời, cháu liều quá!” Pok kêu lên. Ông nhìn tôi không tin. “Làm thế nào cháu đến được đây?”

“Cháu chạy qua cầu”.

Pok lắc đầu, chống tay vào hông “Thế cháu không sợ bọn cán bộ gác ở đầu cầu à? Nếu họ bắt được cháu, họ sẽ tra tấn cháu đấy! Cháu không biết à? Rồi họ sẽ hỏi bác tại sao cháu đến đây.

Họ có thể giết hết chúng ta đó. Cháu không hiểu sao?” Giọng nói của ông làm cho tôi run rẩy.

“Đừng bao giờ trở lại đây nữa. Đừng bao giờ đi qua cầu nữa. Hôm nay có cán bộ cao cấp của Khmer Đỏ đến đây. Nguy hiểm lắm, hiểu không?”

Khi bình tĩnh lại, ông bảo Sun và người kia dẫn tôi đến một chiếc lều gần đấy. Ở đó chúng tôi phải thật yên lặng khi ăn. Không được nói chuyện, tuyệt đối không được gây một tiếng động nào.

Căn lều này nhỏ, dựng trên cột, phía trước có thang để bước lên. Chung quanh toàn là cây cao, bóng che phủ hết lều. Nhà kho nằm gần đó, Sun và người kia đi lấy thức ăn. Ánh sáng mờ chiếu qua kẽ hở ở tường bằng phen tre. Tôi nhìn chăm chăm vào đó như thể mạng sống của tôi tùy thuộc vào ánh sáng này.

Đột nhiên tôi nghe thấy tiếng chân bước lên cầu thang. Tôi quay đầu nhìn ra và thấy cửa nhẹ nhàng mở. Bóng một người mang chiếc nồi và một chiếc bát lớn hiện ra, rồi một bóng khác theo sau. Tôi thở mạnh, nhẹ nhõm khi nhận ra đó chỉ là Sun và người đàn ông kia.

Họ đặt xuống sàn trước mặt tôi cái nồi cơm và cái bát canh với rau gì đen đen trong bóng tối với một khúc màu trắng, có lẽ cá. Một mùi thơm nồng khiến tôi ngạc nhiên, mùi nồng và chua của cá muối nấu với dưa chuột tươi xát lát. Miệng tôi trào nước bọt, bao tử cồn cào, còn nỗi sợ thì bay đi đâu mất.

Chúng tôi ngồi thành một vòng tròn trong bóng tối. Mỗi người chúng tôi đều nhẹ nhàng xúc thức ăn và đặt vào miệng. Tôi chỉ nghe tiếng mình nuốt thức ăn. Những cử động bình thường trong bữa ăn bí mật này bây giờ lại làm tăng cơn sợ.

Đột nhiên tôi nghe tiếng của Pok vang lên “Mạnh khỏe chứ, các đồng chí?”

“Ờ, cũng bình thường vậy” giọng một người đàn ông trả lời một cách nhẩn nại “Thế nào, việc sản xuất tốt hơn chứ?”

Miệng tôi cứng lại. Đầu của Sun và người kia quay về phía tôi, nhưng rồi họ lại quay nhìn thức ăn trên sàn. Tôi tưởng tượng những người cán bộ kia ủa vào trong lều, kéo tôi đi, trối ngược tay tôi lại. Chỉ sau khi tiếng của Pok và các cán bộ Khmer Đỏ kia xa dần tôi mới dám nuốt

miếng thức ăn cuối cùng. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao mấy người ở đây thất kinh khi trông thấy tôi. Hiểu được việc tôi có mặt tại đây có thể mang lại khó khăn cho họ, tôi đột ngột đứng dậy đi về.

“Em đem theo ít cơm nhé?” Sun giục. Anh cũng đứng dậy.

“Đợi một lát” người kia nói, giọng điềm tĩnh “Đây, chúng tôi gói một số thức ăn”.

Họ đi ra ngoài để xem xét lúc nào thì tôi có thể về bên kia an toàn. Họ lại dẫn tôi ngồi yên và đợi. Ngồi một mình trong lều, tôi lặng lẽ khóc. Tôi không biết mình khóc vì lòng tử tế của họ hay chỉ vì tôi quá sợ hãi.

Liền sau đó, có tiếng chân chạy nhanh lên làm rung cả lều. Tôi nhóm dậy, nửa đứng nửa ngồi “Mau lên, đi ra mau lên!” giọng thì thào khẩn cấp.

Tôi lạnh cứng người lại.

“Đi theo tôi. Ổn cả”.

Tôi lướt ra khỏi nhà và thấy Sun đã bước xuống khỏi thang. Tôi bước theo, người run rẩy.

Xuống tới mặt đất, Sun liền kéo tôi nấp vào sau thân cây. “Họ vẫn còn ở trong nhà kho” anh thì thào “Khi nào tôi nói đi, thì em chạy liền nhé. Nếu có trượt té thì đừng khóc đấy”, cặp mắt đen của anh như muốn hỏi, có hiểu không?

“Em không té đâu” tôi nói, lắc đầu, nhưng nước mắt tôi lại trào ra.

Từ cây này sang cây khác, từ bụi này sang bụi khác, tôi chạy với anh, theo sự hướng dẫn của anh. Rồi đột ngột anh nói “Thôi, tôi trở lui. Tôi chỉ chúng tôi đi với em ra đến đây thôi. Cẩn thận đấy”.

Tôi nhìn anh biến mất. Tôi khóc vì sợ. Tôi cầu nguyện Trời xin linh hồn Mak và Pa che chở cho tôi. Tôi cầu nguyện thầm, đọc đi đọc lại trong đầu. Và như thể có một linh hồn hướng dẫn, cơn sợ của tôi tan đi, và tâm trí tôi lại tập trung vào việc trở về khu vực của mình an toàn. Thân thể nhẹ tênh, thoải mái khi chạy qua rừng và leo lên bờ sông rồi qua cầu, để lại khu vực 3 năm phía sau.

Bây giờ an toàn trên khu vực của mình, tôi quay lại nhìn rừng cây nơi có căn nhà kho và túp lều, nơi mà ký ức tôi sống dậy. Một ký ức về những người tốt bụng và về chị Ra, người đã mang tôi đến với họ.

CHƯƠNG 11

LỜI HỨA

Bây giờ là cuối năm 1977. Vì một lý do nào đó tôi được gửi đến một trại mới nằm lọt giữa các ruộng lúa rộng cùng với một nhóm trẻ em. Giống như nhiều trại lao động khác, trại này cũng vô danh như những con người đang làm việc trong đó. Tôi cũng không biết chúng tôi

đang ở đâu và nơi này gọi là gì nữa. Từ sáng tinh mơ cho đến hoàng hôn, công việc của tôi là đuổi chim bay khỏi đồng lúa chín vàng. Bây giờ đang giữa buổi sáng và mặt trời đang chiếu xuống, ngay lúc này thời tiết dễ chịu và ấm áp.

Nhưng vào buổi sáng sớm tôi luôn luôn bị lạnh vì chiếc áo tôi mặc không đủ giữ ấm. Còn chiếc áo kia thì tôi để trong lều, dùng để thay cho ngày kế tiếp. Sương sớm đọng trên những lá cỏ mọc trên bờ ruộng bám vào đôi chân trần của tôi, càng làm cho buổi sáng sớm lạnh không chịu nổi.

Khi mặt trời chiếu sáng, tôi dang hai cánh tay ra như một con gà con mới nở đang vươn cánh. Đứng thẳng người, tôi cựa quậy, hai bàn tay chà vào nhau, miệng hà hơi thổi phù phù vào hai tay cho ấm. Nơi chân trời xa xa, giữa đám ruộng, tôi thấy bóng những người lớn túa ra gặt. Ở xa trông đầu của họ như nổi bông bênh trên ruộng lúa.

Vừa khi con người dẫy làm việc thì chim chóc cũng vậy, sẵn sàng bắt đầu ngày kiếm ăn của mình. Chưa chi chúng đã bay lên, ào ào như những làn sóng đen kịt. Chúng chao liệng trên ruộng lúa một lúc như để chọn lựa cây lúa nào chín tới mới làm tiệc. Chúng vừa hạ cánh xuống thì đám trẻ con ủa về phía bầy chim. Đầu của đám trẻ nhấp nhô giữa ruộng lúa. Chúng đuổi theo chim, miệng hô “Su! Su!”. Những cánh tay nhỏ xíu huơ huơ lên trời để đuổi đàn chim. Bầy chim túa lên, kêu lên những tiếng chít chít, dữ tợn rồi bay sang ruộng khác, đám ruộng của tôi. Thế là tôi cũng chạy về phía chúng, miệng tôi “Su! Su!” Tôi hò theo tiếng vang của đám trẻ kia. Tay tôi vung vẩy lên trời để làm cho chim sợ.

Tiếng cười bật ra trong không trung khi đàn chim bay từ ruộng lúa này sang ruộng lúa khác. Bây giờ nó giống như trò chơi hạ cánh – xua đuổi. Chim kêu chí chóc, còn chúng tôi thì cười vang. Từng giọt mồ hôi chảy ướt cả trán tôi. Tiếng cười đó là thức ăn nuôi dưỡng tâm hồn tôi. Đã lâu lắm rồi tôi không hề cười. Tôi thấy mình sống lại, như một cô gái nhỏ, mặc dù nay tôi đã 13 tuổi.

Phần ăn được cải thiện, khá hơn hồi ở làng, tôi bèn nghĩ về gia đình và ước chi có họ ở đây. Hằng đêm, tôi nao nức đến chấy lòng mong họ được hưởng những gì tôi có: cơm và canh cá nấu với rau. Tôi tự hỏi không biết bây giờ chị Ra ở đâu, chị còn ở trại giáp với khu 3 hay đã chuyển đi nơi khác rồi. Tôi cũng ước phải chi Avy, Vin, Mak và Pa còn sống. Mak hẳn sẽ sung sướng nếu được ăn cơm với muối. “Có được cơm với muối để ăn thì sướng bằng được lên trời”, tôi nhớ mãi câu nói của mẹ, mắt mẹ rục lên niềm ao ước.

Đêm xuống, nằm trên chiếc giường đất lót cỏ khô trong căn lều nhỏ, tôi lại nghĩ về Mak. Hình ảnh khuôn mặt nhợt nhạt, sưng vù của bà ở bệnh viện Choup lại hiện ra trong đầu tôi như trong một giấc mộng. Dường như Map và tôi chỉ mới đến thăm mẹ vài ngày trước thế mà nay mẹ đã mất rồi. Bây giờ sức khoẻ tôi đã khá hơn, trí óc tôi cho phép mình đi ngược lại thời gian

lúc còn sống với mẹ. Bồng bênh trôi vào giấc ngủ, tôi khao khát được nói chuyện với mẹ, ước bà có mặt ở đây với tôi.

*

Mak xuất hiện, ngồi giữa tôi và Map ở cuối cái bàn gỗ sồi giống cái bàn để thuốc của Pa nơi nhà chúng tôi ở Phnom Penh. Dưới ánh đèn huỳnh quang mờ mờ, tôi bị hút hồn vì sự xuất hiện của mẹ - vẻ mặt của bà đẹp và khoẻ mạnh, y hệt như thời còn ở Phnom Penh ngày trước.

Khi bà nhìn tôi, tôi chú ý đến vẻ buồn sâu xa nơi khuôn mặt đẹp ấy, đóng khung trong làn tóc đen chải mượt. Tôi ngừng đút cháo cho Map, đặt muống xuống đĩa và đứng dậy ra khỏi ghế. Tôi nhẹ nhàng đi lại phía Mak. Nhưng trước khi tôi kịp nói điều gì, bà đã bồng bênh bay lên trên trần. Mak van nài “Athy, con chăm sóc em trai con. Hãy cho nó ăn, koon Mak. Săn sóc nó cho Mak...Saniya Mak (Hứa với mẹ đi)!”

“Mak, con muốn...”

“Saniya Mak” Mak ngắt lời tôi trước khi tôi nói xong điều muốn nói. Trông mặt bà rất buồn thảm, và tôi nhìn bà chăm chăm.

“Con xin hứa...” Tôi trả lời, tôi chỉ mong muốn cho vẻ buồn thảm trên mặt bà biến mất đi. Tôi muốn nói cho mẹ biết vì sao tôi không thể đến săn sóc bà ở bệnh viện Choup. Nhưng tôi vừa mới hứa với mẹ, thì bà đột ngột biến đi cũng giống như lúc bà xuất hiện vậy.

“Mak ơi, mẹ hãy trở lại...” tôi khóc nức nở, cố tìm kiếm bà.

*

Mở mắt, tôi thức giấc trong bóng tối. Mình đang ở đâu? Tôi tự hỏi. Tôi quay đầu, âm thanh lạo xạo của cỏ khô dưới lưng làm tôi nhớ lại dần. Rồi nhớ ra, tôi đang ở trong lều, không phải ở nhà tại Phnom Penh với Map hay với Mak. Mak là thật. Mẹ đã nói chuyện với tôi. Mẹ ơi, có phải mẹ trở lại để nói với con điều mẹ không thể nói trước khi mất? Mẹ ơi, xin mẹ nói lại với con một lần nữa. Con đang đợi mẹ.

Nhưng mẹ không trở lại, thay vào đó, một giọng nói chắc nịch đánh thức tôi dậy.

“Dậy đi. Đến giờ làm việc rồi”, tiếng đập vào vách lều kêu lách cách.

Cái bóng quen thuộc của đồng chí Thore Meta, trưởng đoàn của tôi thò vào lều. Khi tôi bò ra khỏi lều thì bà ta đã biến mất. Bây giờ mới là sáng sớm, trời còn chập choạng. Lại bắt đầu một ngày chạy đuổi theo chim trên ruộng lúa, tôi mệt nhọc nghĩ. Ít nhất thì ở đây cũng không có bọn chỉ điểm rình mò chúng tôi. Tôi có cả một ngày của mình cùng với những đứa trẻ khác. Thore Meta, một neradey, tức một cán bộ Khmer Đỏ xuất thân từ vùng tây nam Cambodia, không giống như các trưởng đoàn của tôi trước đây. Cô ta chưa từng bao giờ la mắng tôi khi

thức dậy đi làm việc chậm. Cô khoan dung và hiểu biết. Có lẽ cô chỉ mới ngoài hai mươi, với khuôn mặt diễm đạm và đôi gò má tròn trĩnh. Mắt cô đậm và to. Mặt cô trắng, tương phản với bộ đồng phục đen mới, sáng hơn của nhiều phụ nữ neradey khác. Mái tóc đen xoăn tự nhiên ôm lấy tai và gò má. Cô thấp người, vì thế cổ cũng vậy. Cô trông như không có cổ, như thể đầu mọc từ vai ra vậy. Mặc dù không đẹp, tính tình dễ thương của cô khiến cho người ta rất dễ gần gũi.

Nhiều tháng nay, người ta thì thào về những vụ giết chóc khủng khiếp xảy ra ngay sau khi vị neradey đến Daakpo và những làng khác quanh tỉnh Battambang (ở phía tây của Cambodia). Mục đích của họ là nắm lấy quyền ở đây và thanh trừng các lãnh đạo của Khmer Đỏ địa phương. Mặc dù Angka cấm dân chúng nói về chuyện này, nhưng tiếng xì xào về các mệnh lệnh hành quyết những người lãnh đạo này vẫn lan truyền như mùi nồng nặc của chuột chết. Việc giết chóc này làm tôi nhớ đến câu nói của người Cambodia "Domrei gnob khom yok Chongey tao kroob", có nghĩa là "lấy thúng che voi chết".

Theo người ta nói, "voi" ở đây chính là Ta Val, người lãnh đạo Khmer Đỏ cao nhất, coi sóc việc xây dựng các con kênh thủy lợi và các đập ở phía tây của Cambodia. Ông ta cùng nhiều người khác bị bắt, bỏ vào trong bị rồi cho xe máy kéo cán lên. Theo người neradey cáo buộc, tội của ông ta là xây một con đập về hướng Thái Lan để ông ta và những người đồng mưu có thể theo đó mà tẩu thoát. Chấn động vì tin này, tôi tự hỏi tại sao Ta Val và những người kia lại muốn chạy trốn. Họ sợ điều gì? Những giây phút cuối cùng đối với họ hẳn là khủng khiếp lắm, khi tiếng ùng ục của bánh xe máy kéo tiến lại gần, làm rung chuyển mặt đất rồi nghiền nát họ. Người ta bảo rằng neradey là một người dễ sợ, nhưng tôi cảm ơn Trời vì Thore Meta không giống cách miêu tả đó.

*

Nhiều ruộng lúa đã chín vàng. Hạt lúa nặng chúc đầu xuống thân. Phụ nữ được gọi đến đây để lo việc gặt và xay lúa. Lều của họ mọc lên cạnh chiếc cầu gỗ như nấm mọc sau cơn mưa phùn. Nơi xay lúa nằm cách lều tôi khoảng nửa dặm. Phía sau đó, phụ nữ lo việc xay trấu khỏi gạo vừa xay xong. Tay họ ôm nghiêng thúng gạo, tay trước tay sau. Ngón tay thì xoè ra trên mép thúng, để vỏ trấu rơi ra, tách khỏi những hạt gạo trắng.

Bên trong lều, những phụ nữ khác thì lo xay trấu trên một chiếc chiếu rộng. Họ chăm chỉ hươ chiếc nia theo một vòng tròn đều đặn và những hạt gạo lọt xuống những lỗ nhỏ trên nia. Trước xuất ăn chiều tôi rất đói, vì thế tôi đứng nấn ná trước lối vào lều. Thấy không có ai la rầy, tôi nhích dần lại các đồng gạo rồi lấy tay bốc vài hạt bỏ vào miệng. Mấy đứa bé khác cũng làm theo, vừa liếc nhìn những người phụ nữ kia. Thấy vậy mấy người đàn bà nọ đưa mắt nhìn cảnh

cáo trong khi tay vẫn bận rộn làm việc.

"Nếu cứ làm thế chúng mày sẽ bị tiêu chảy đấy", một người phụ nữ chịu trách nhiệm ở nơi này đưa ra lời cảnh cáo, mọi người gọi bà là đồng chí Murn. Bà độ năm mươi ngoài, người thấp khoẻ với làn da sạm, tóc đen nháy, bên ngoài phủ chiếc khăn vải cũ kỹ.

Tôi nhẹ nhõm vì bà cảnh cáo hàm ý chăm sóc, chứ không la mắng hay đánh đập gì. Tiêu chảy là chuyện sau, còn bây giờ tôi đang đói. Tôi nhai nát mấy hạt gạo, chất bột tạo ra vị ngọt, thơm trong miệng. Lợi dụng sự rộng rãi của đồng chí Murn, chúng tôi còn lùa gạo vào túi áo hay vào bất cứ cái gì chúng tôi có, ngay cả trong tay.

Thời tiết càng ngày càng nóng hơn, lúa càng chín nhanh hơn. Từng bao gạo chất đầy sát vách quanh lều. Mấy người phụ nữ bây giờ bận tít tít, họ toát mồ hôi vì lo xay, sàng sảy, rồi đổ vào bao tải. Đột nhiên một người gạt thúng thóc đang rây sang một bên "Ôi chao, tôi không còn chịu nổi nữa, tôi đến đái trong xà rồng mất!" Bà bước lảo đảo do chân tê vì ngồi quá lâu.

"Có ai cấm chị đi tiểu đâu" đồng chí Murn vừa nói vừa cười. Mắt sáng, thái dương nhóp nhép vì mồ hôi và bụi, trong khi hai tay bà vẫn mạnh mẽ rây gạo. Những người khác đưa mắt nhìn bà, miệng thoáng cười.

Tôi đưa mắt nhìn cái thúng đặt cạnh chõng gạo và chỗ mới để trống cạnh người phụ nữ. Hăng lên, tôi nhảy vào chỗ đó, trút chỗ gạo còn dính trấu vào mủng, rồi cầm mủng lên rây. Tiếng rây gạo chung quanh ngừng lại. Âm thanh duy nhất tôi nghe thấy là tiếng rây gạo của tôi. Tôi cảm thấy lo trong lòng. Không biết bà Murn có la mình không.

"Nhìn con bé kia! Nhỏ thế mà đã biết rây gạo như người lớn" đồng chí Murn nói với vẻ ngạc nhiên. "Thế mà nó không phải là một đứa trẻ ở nông thôn đâu nhé".

Koon la-au (đứa trẻ ngoan) là tiếng mà đồng chí Murn gọi tôi. Bà hỏi tôi học nghề này từ ai. Tôi nhìn bà rồi nhìn mọi người. Do quan sát mẹ tôi làm mà tôi học được, tôi giải thích.

Sau khi Pa bị hành hình ở Year Piar, tôi quan sát cách sống ở nông thôn để có gì còn giúp đỡ Mak. Tôi quan sát cách bà xử lý lúa từ giai đoạn đầu đến giai đoạn cuối. Một ngày nọ tôi nghĩ mình đã sẵn sàng áp dụng những gì mình học được. Tôi nghĩ mình có thể làm mọi việc được nên tôi bảo Mak tôi muốn giúp bà và mẹ đồng ý. Nhưng khi rây gạo, tôi mới thấy thật khó. Gạo trong mủng không chuyển động tròn như khi mẹ rây. Mẹ nói đó là do cái mủng lớn hơn tôi nên tôi phải tập nhiều lần. Tôi toát mồ hôi khi phải vật lộn với số lượng gạo và cái mủng to quá khổ.

Mẹ cười "Koon, quay mủng chứ không quay koot (đít). Nhìn con kia, mặt mày đỏ bừng, gân nổi phồng lên rồi kia. Cứ như đang đi vào nhà xí ấy". Bà đưa tay đỡ cái mủng cho tôi nhưng tôi không chịu. Tôi đưa tay đẩy nhẹ tay bà ra và tiếp tục tập rây gạo. Mak cười khi thấy tôi vụng về. Nghe tiếng cười của Mak thật nhẹ cả người.

Bây giờ đồng chí Murn cũng cười, đưa mắt nhìn tôi, các người khác cũng vậy. Tôi ngạc nhiên thấy mình thành trung tâm của sự chú ý. Tôi cảm thấy có một mối dây gắn kết với những người này. Và đột nhiên tôi thấy họ như là gia đình của tôi, một gia đình thay thế. Tôi đã để dành gạo trong túi và một ít cá muối trong một hộp thiếc, đem giấu trong lều cho Map và chị Chea ở Daakpo. Chị Chea đã ở lại Daakpo để chăm sóc Map, đó là điều chị Ra cho tôi biết khi chúng tôi ở trại lao động gần khu 3. Chị Ry vẫn còn ở lại bệnh viện còn anh Than đã được phái đi xa, chị Ra cũng không nhớ được là ở đâu. Đôi khi tôi ước ao được chạy về Daakpo để mang thức ăn cho họ. Cứ tưởng tượng họ sẽ mừng biết mấy.

Tôi sẽ nói với chị Chea "Chea ơi, chạy đuổi chim khỏi ruộng lúa cũng không nặng nhọc gì lắm. Ngay cả chị cũng muốn làm việc này. Nó không giống như việc đào đất xây đập thủy lợi đâu". Nghe vậy hẳn chị Chea rất vui, tôi nghĩ, như một bà mẹ hạnh diện vì đứa con của mình.

*

Mùa gặt đã đến tốc độ nhanh nhất. Đàn ông từ các làng khác sẽ đến đây, lời đồng chí Murn nói với tôi, để lấy gạo đem về cho làng họ. Có lẽ một người nào đó ở làng Daakpo sẽ mang giùm gạo tôi đã để dành cho gia đình, bà gợi ý, không biết làm sao bà biết được tôi đã để dành gạo sẵn cho Map và chị Chea.

Vài ngày sau một đoàn xe bò kéo đến đây vừa lúc tôi làm xong công việc trong ngày. Ở cánh đồng bên cạnh là những con bò gầy trơ xương đang nhai cuống rạ khô trước mặt chúng như thể lương thực của chúng cũng bị phân phối. Thân thể của chúng chỉ còn da bọc xương, xương hông của chúng nhô ra giống như mắt chúng vậy.

Tôi lặng lẽ bước đến gần mấy chiếc xe bò. Tôi quỳ xuống, chui đầu bên dưới xe, nơi các người đàn ông đang mệt nhoài nằm nghỉ. Họ ngủ say sưa, tay gác lên trán để che ánh mặt trời. Nhưng riêng một chiếc xe có một người đàn ông già đang đứng tháo dây buộc ra khỏi xe. Trông ông quen quen.

"Xin lỗi bác, có phải bác ở Daakpo không ạ?" Tôi hỏi nho nhỏ. Người đàn ông quay lại nhìn tôi, trán nhú lại như muốn hỏi cháu là ai.

Rồi ông ngừng tay và trả lời "Đúng vậy".

"Bác có phải là Ta Barang không?" Trí nhớ của tôi bắt đầu hoạt động. "Trước đây có phải bác làm việc trong một nhà máy đường ở gần Daakpo, có phải không ạ?"

"Làm sao mà cháu biết tên bác?" Ông hỏi.

"Bác có nhớ Chea không? Cháu là em gái của chị ấy đó" Tôi trả lời một cách sung sướng.

Tôi kể cho ông một năm trước đây, ông rất tử tế với chị Chea và tôi. Ở xưởng đường gần Daakpo, nơi đây đường từ cây cọ được sản xuất cung cấp cho cả làng. Ông thường để cho chúng

tôi vớt thứ bột trắng nổi lên bên trên mép chiếc nồi lớn và nặng, trong đó nước đường từ cây cọ được nấu cho đến khi keo lại thành một chất đặc màu nâu sẫm. "Đôi khi bác còn cho chị Chea mang đường về. Lần khác bác còn để cho chị ấy nhúng rễ cây ngọc giá vào nước đường cho đến khi rễ cây chín và được bọc một lớp đường. Chị Chea nói bác là người tốt nhất ở làng đó".

Ta Barang liếc mắt nhìn phía sau "Vào thời buổi này," ông ta nói "khi ta tốt với người khác, ta sẽ bị trừng phạt. Họ mang bác đi cải tạo và thay thế bác là một người khác tốt cho Angka. Cháu ơi, bây giờ đất nước chúng ta đã thay đổi nhiều quá, thật khó mà hiểu được". Ông thở dài nhưng đồng ý mang gạo và cá muối của tôi về cho Map và chị Chea.

Một tháng nữa, sau khi hầu hết lúa đã được gặt xong, đoàn của chúng tôi được gọi lại về Daakpo. Người ta bảo chúng tôi về ở với gia đình cho đến khi họ lại cần đến chúng tôi. Sau một cuộc đi bộ dài, cuối cùng tôi thoáng nhìn thấy lều của mình. Rồi đột nhiên thấy hai người da bọc xương chạy đến, như từ trong lều bắn ra vậy! Đó là Map và chị Chea! Chị Chea dẫn lên trước, trông chị gầy khẳng khiu, với Map phía sau, bụng ỏng ra, dấu hiệu của sự đói kém. Như những người già yếu, chị Chea và Map bước đi chân cứng đờ như những cây gậy. Chị Chea gắng nở nụ cười để che giấu sự đau đớn. Chị dang hai tay ôm lấy tôi.

"Em về làng hồi nào?" Chị hỏi. Giọng chị là sự pha trộn giữa sự phấn khích và đau buồn, chị nói mà nước mắt ứa ra. Trong khi đó Map đưa mắt nhìn tôi một cách hăm hở, tuy nhiên mặt nó lộ vẻ mệt nhọc.

"Em vừa mới về tức thì, chị ạ. Ê, chào Map". Tôi gọi nó, với tay chạm vào đầu nó. Trải qua biết bao ngày nghĩ về họ, tôi thật sung sướng được trở về cùng với họ. Nhưng sự phấn khích của tôi không kéo dài được lâu. Khuôn mặt khô kiệt của chị Chea và Map làm tôi bàng hoàng. Tôi đã quên rằng đời sống của họ bấy lâu nay rất khác với đời sống của tôi.

Ở khoảng trống nơi lều trong buổi tối mát mẻ, chị Chea, Map và tôi ngồi đối diện với nhau. Map ngồi sát vào chị như một đứa trẻ muốn được mẹ nó ôm vào vòng tay. Khuôn mặt trũng hõm, nhiệt thành của chị Chea diễn tả tình mẫu tử đó thật. Tôi hỏi chị một loạt câu hỏi, nôn nả muốn biết khẩu phần ăn ở Daakpo có tốt hơn khi mùa màng năm nay thật tốt.

"Chẳng thay đổi gì hết" giọng chị thật sâu thẳm. "Tụi chị vẫn chỉ ăn có cháo gạo, mà còn không đủ nữa. Chỉ toàn là nước. Hàng ngày điều chị mong ước chỉ là một ngày nào đó được ăn cơm. Chỉ một ngày thôi. Khi bang (chị) hỏi người điều hành là tại sao tụi chị không có được nhiều gạo hơn, ông ta trả lời phần lớn gạo được gửi cho những người ngoài mặt trận, những người xây dựng padewat".

Nước mắt đầm mặt chị "Athy ơi, cuộc sống thật là khó khăn. Mùa này cũng y hệt như mùa trước. Chị từng cầu nguyện cho mùa gặt sắp đến để tụi chị có nhiều gạo hơn. Nhưng rồi mùa

gặt qua, khẩu phần vẫn vậy, vẫn ít ỏi như thế. Athy ơi, nếu đời sống cứ khủng khiếp như thế này, bang chỉ muốn chết cho xong. Chị..." Chea đưa tay lên chùi nước mắt. "Chị chỉ muốn nhắm mắt lại và chết. Nếu chị sống, đời sống cũng chẳng có nghĩa gì cả. Chẳng có chút ý nghĩa nào ngoại trừ sống chỉ để trông có ngày được nhiều gạo hơn một chút, chỉ có thế". Nước mắt chị tuôn như mưa. Mắt tôi cũng cay xè, Map thì nhìn chị qua chính nước mắt của nó, rồi nó đưa tay vói lấy chị. Thật hết sức đau lòng khi thấy chị khổ não. Nỗi đau khổ của chị bao gồm của cả Map. Gương mặt bốn tuổi trăm uất của nó trông như đầy vết thương. Giữa tất cả những điều đó, tôi bỗng dưng nhớ đến điều tôi muốn hỏi về số gạo và cá khô tôi gửi về, lời hứa của tôi với Mak.

Ý nghĩ đó vụt sáng trong trí tôi "Chị Chea, Ta Barang có mang gạo và cá em gửi cho chị và Map không? Ông ta có đem tới cho chị không?"

Chị nhìn tôi rồi nhìn Map như thể chị cố tìm ra lời thích hợp. Rồi chị trả lời một cách điềm tĩnh "Ông ta có mang cá thôi, một miếng cá nhỏ".

"Bao nhiêu?" Tôi nhú mày "Em đã gửi cả một bao gạo to như thế này này, và cả một hộp cá muối, đầy lên đến tận mép như thế này này" Tôi dùng tay diễn tả.

"Athy ơi, ông ấy đã xin lỗi là đã dùng hết số gạo đó và ăn gần hết cá" Chị Chea giải thích "Ông ấy đói quá và không cầm lòng được".

"Không! Đó không phải là đồ ăn dành cho ông ta, chị Chea!" tôi gào lên, không muốn tin điều chị vừa nói "Em để dành cho Map, cho chị. Em đã hứa với mẹ. Mẹ đã về gặp em. Trong giấc mơ. Mẹ van em...Ông Ta Barang, ta aarrak (lão già xấu xa)!" Đầu tôi nhức lên, ngực tôi nghẹn lại bởi cơn đau. Tôi cảm thấy mình bị phản bội.

Chị Chea ôm chặt lấy tôi "Athy, em đừng nên nói như vậy, p yoon srey" chị thì thảo vào tai tôi "Ông ta đói, ông ta cũng chỉ là người mà thôi. Nếu em là ông ta, em cũng sẽ làm như vậy".

"Nhưng đó không phải là đồ dành cho ông ta, không phải cho ông ta, chị Chea ơi..."

CHƯƠNG 12

DÙ LÀ TRINH NỮ, TÔI BỊ GỌI LÀ ÔNG GIÀ

New Internationalist.

Tháng Tư năm 1993.

"Trở lại Năm không".

Năm không (Year Zero) là buổi rạng đông của thời đại, trong đó, in extremis [1] sẽ không còn có gia đình, không tình cảm, không biểu hiện tình yêu và buồn đau, không thuốc men, không

bệnh viện, không trường học, không sách vở, không học, không ngày nghỉ, không âm nhạc, chỉ có lao động và cái chết.

Gió hú dữ dội. Tiếng sấm dội lên những âm thanh chậm, trầm, tiếp theo là một tiếng nổ điecc tai. Âm thanh xa dần nơi chân trời, rồi lại bắt đầu ngay. Túp lều sột soạt, các bức vách đan bằng lá đập liên hồi. Cơn mưa dày, nặng hạt đánh diên cuồng xuống mái lều. Gió mùa đã tới. Mùa hè năm 1978 đã trôi đi. Chị Chea ôm sát lấy Map còn tôi thì ôm chị. Đêm nay tôi cảm ơn Trời đã cho tôi sự ấm cúng và dịu dàng của gia đình. Khi mưa ngớt và gió dịu lại, tôi ngủ thiếp đi, say như chết. Lát sau tôi giật mình nghe tiếng nói "Dậy, đi làm việc!" cái anh chàng chỉ điểm mặt sần sùi rống lên như bò.

Tôi sợ những ngày đó. Tôi phải gặp những đứa trẻ khác ở Sahakar rồi ngày làm việc bắt đầu. Ra khỏi lều, tôi thấy bầu trời vẫn còn tối. Cơn mưa đêm làm không khí mát hẳn. Cơn gió lạnh làm tôi run lên. Ước chi mình có thể vào ngủ lại, ôm sát nhau, cùng chia hơi ấm. Chị Chea chửi rửa lăm bầm trong hơi thở. Đại để như quỷ tha ma bắt Angka đi. Tôi cũng muốn chửi nhưng lúc này tôi quá mệt không nổi giận với Angka được nữa. Bầu trời đầy mây. Dọc theo con đê bò quanh co giữa cánh đồng ngập nước, tôi bước đi sau một hàng dài trẻ em và người lớn, tiến hành cứu mạ non. Vào lúc này trong năm, ruộng lúa dọc con đê thường xanh ngắt với những cây mạ nhô lên nhưng bây giờ thì chúng bị ngập trong nước, với tầm mắt nhìn thấy được. Dường như một cái hồ nước khổng lồ vừa mới được tạo ra trong đêm. Chỉ có đầu mạ lú lên khỏi mặt nước, thế mà trông còn có vẻ có những trận mưa lớn trong những ngày sắp tới nữa.

Ngày kế tiếp là một ngày khổ sở khác. Đất ướt, trời mờ tối, u ám, cơn mưa phùn biến thành trận mưa như trút nước. Hàng trẻ con phía trước tôi dừng bước rồi lùi lại. Hàng người phía trước lại chuyển động, mọi người vây quanh một người ngồi sụp trên đê, đầu gục vào cánh tay đang ôm quanh đầu gối. Tôi nhìn kỹ thân thể đang run lên của người phụ nữ đó, chiếc khăn vải bạc màu đang phủ lên người. Tiếng khóc của người đó nghe quen thuộc.

"Chị Chea đó hả? Chị Chea!"

Đầu chị ngẩng lên, đôi mắt ướt đẫm. Tôi lay cái lưng đẫm nước mưa của chị. Chị vẫn khóc, run rẩy. Tôi thét lên, cố để cho nổi đau vì bất lực, vì cô đơn và nhọc nhằn trong người tôi thoát ra ngoài. Nỗi thống khổ lớn đến độ tôi không mang nổi và cũng không che giấu nổi.

"Athy, chị bị bệnh mà họ cứ kéo chị ra khỏi lều. Chị đau quá, chị lạnh. Chị không thể làm việc được. P yoon srey bang...em của chị".

Ôi chị Chea! Xin trời làm phúc...Nhìn lên bầu trời đầy mây, tôi như bị ngập trong nỗi đau của

chị và của chính tôi. Tôi muốn làm dịu đi nỗi đau của chị nhưng cay đắng nhận ra rằng tôi bất lực. Họ là ai mà kéo chị tôi đi như thế này? Thật thô bạo quá! Câu hỏi đó làm bùng lên sự giận dữ đã nung nấu trong lòng tôi bấy lâu nay. Tôi chỉ còn biết nhắm mắt lại, muốn gào lên biết mấy!

"Athy, Athy, em đi đi, p yoon srey, bọn chhlop đang đến đấy" chị Chea nói nhỏ. Tôi đưa mắt nhìn chị rồi đứng lên lảng ra...Chỉ đi vài bước thì chị đã khuất sau hàng người và làn mưa. Rồi sau đó mưa cũng ngừng. Nước trong đồng ruộng cũng rút đi. Chị Chea hồi phục lại sức khoẻ sau hai tuần nghỉ ngơi. Con sốt chấm dứt, chị trở lại là mình với hình dáng trước đây, cởi mở, thân thiện như hồi còn ở Phnom Penh.

Một hôm, một người phụ nữ hàng xóm qua lều chúng tôi. Mặt chị Chea sáng lên. Chắc chị rất vui khi gặp người này. "Chào dì, dì khoẻ chứ ạ?" Chị Chea chào bà nồng nhiệt bằng tiếng Anh như thể từ lâu chị đã muốn nói thứ tiếng này. Tôi ngạc nhiên tuy vậy sung sướng nghe chị nói tiếng Anh.

Người đàn bà lùi lại, luống cuống. Chị Chea nhăn răng ra cười "Comment ca va, Madame? Très bien, oui?"

"Cháu nói như vậy dì không hiểu được" người phụ nữ nhẹ nhàng phản nản, lông mày hơi cau lại "Dì mang cho cháu ít gạo này" người đàn bà mở nút buộc khăn, trút vài cân gạo ra.

"Merci beaucoup, Madame" chị Chea cúi mình, vẻ vui thích.

Người đàn bà ngượng ngập, cứ đưa mắt nhìn chị Chea.

Chị bèn giải thích, dịch lại những điều chị vừa nói rồi hỏi bà đang làm gì ở Cambodia.

"Làm gì thì bây giờ cũng vậy thôi" người đàn bà nói nhỏ một cách buồn thảm "Đời sống cứ như địa ngục," bà thì thào. "Ngày nay cháu không thể tin ai được, cháu Chea ạ, kể cả con cái của mình. Con dì cũng vậy, bây giờ chúng là con của Angka rồi. Chúng quay lại chống dì, chúng không nghe lời dì, chỉ nghe Angka nói thôi. Cháu phải cẩn thận đấy. Cháu đừng nói các thứ tiếng ấy nữa".

Tôi cười, quan sát hai người. Tôi hãnh diện vì chị Chea, tự hào thấy chị chào hỏi bằng tiếng Anh và tiếng Pháp. Tôi vui vì thấy vẻ bối rối của người đàn bà này khi thoát đầu bà nghe chị Chea nói tiếng Anh. Bà là một phụ nữ nhỏ thó, một trong những "dân mới" thân thiện và hơi nhút nhát.

Sáng hôm sau, người chỉ điểm thường đánh thức chúng tôi dậy để đi làm mỗi buổi sáng đột ngột xuất hiện trước cửa lều chúng tôi. Cái nhìn hung hãn, soi mói của anh ta đầy vẻ đe dọa.

"Angka cần tìm sách", anh ta tuyên bố rồi tự động bước vào trong lều của chúng tôi. Tôi bối rối, không tin vào mắt mình nữa.

Chị Chea vẫy tay ra hiệu cho tôi và Map ra khỏi lều trong khi tên chỉ điểm lục lọi kỹ lưỡng áo

quần, chần màn của chúng tôi. Anh ta nhảy ra lên phần trống nơi chúng tôi để đồ nấu ăn. Chúng tôi nghe tiếng soong nồi chạm vào nhau loảng xoảng, rồi anh ta bắt đầu đào bới. Chị Chea đưa mắt nhìn tôi, tôi cũng đưa mắt nhìn lại chị. Map thì nhìn chúng tôi dò hỏi.

Người chỉ điểm ra về. Vết chân bẩn của anh ta còn in dấu trên sàn. Đôi mắt anh ta nhìn chúng tôi một cách dữ tợn khi anh ta mang đi một gói đồ lớn, quá khứ che giấu bấy lâu nay của chúng tôi. Những đồ đạc cá nhân của chị Chea gói trong một tấm giấy nhựa màu lam bẩn. Trong đó có một chiếc cặp da và một chiếc xắc tay. Đó là quà của Pa và Mak thưởng cho chị vì chị học giỏi. Chiếc cặp da chứa những ghi chép các năm học của chị. Cuốn tập môn toán, hai cuốn tiêu thuyết Cambodia, Pka srapone (Đóa hoa tàn) và Sanaeha (Một mối tình) do bạn chị ở cùng trường viết. Nhét chắt trong các rãnh đối diện với những cuốn sách là bút máy, bút chì màu sặc sỡ, quà của bạn bè chị tặng. Ngoài ra là một cuốn an bum gồm các tấm ảnh chụp chị với bạn bè. Bên cạnh các tấm ảnh là những lời lưu niệm thân tình gửi cho chị, quanh dòng chữ có trang hoàng hình vẽ hoa hồng, hoa dâm bụt, thường xuân... Trong túi xách là tài liệu gồm giấy tờ khai sinh của chúng tôi và giấy tờ nhà của chúng tôi ở Phnom Penh và Takeo, dấu dưới lớp áo sa tanh nhiều màu của chị Chea. Thế là trong tay người chỉ điểm này là bằng chứng hiển nhiên về cuộc sống trước đây của chúng tôi. Làm thế nào mà hắn biết được rằng chúng tôi có sách? Chị Chea tự hỏi như vậy và bản thân tôi cũng không hiểu nổi sự xuất hiện đột ngột của hắn. Có thể hắn đã nghe trộm chúng tôi lúc chị Chea chào hỏi người hàng xóm hôm qua, lúc đó chắc hắn núp trong lều hay trong bụi cây phía trước. Với các tài liệu giấy tờ cũng như sách của chị trong tay Angka, số phận chúng tôi coi như tiêu rồi. Nhưng chị Chea chỉ giữ suy nghĩ đó cho riêng mình. Chị im lặng, ra vẻ lơ đãng, như thể nói cái gì cũng làm cho hoàn cảnh của chúng tôi khốn khó thêm. Tôi phải chuẩn bị tinh thần để đón nhận những hậu quả sắp đến.

Ngày hôm sau lúc đi làm việc, lòng tôi luôn luôn lo lắng mình sẽ mất chị Chea. Tôi cứ tưởng tượng ra cảnh bọn chhlop mang chị đi cải tạo vì tội đã giữ sách, bằng chứng của học vấn. Map thì ở nhà một mình, khóc mãi. Tôi thấy rõ trong trí cảnh nó khóc, ngồi đợi tôi về. Mặt nó sầu thảm, tuyệt vọng y như lúc người ta kéo nó ra khỏi tay Mak để đưa bà đến bệnh viện Choup. Từ nơi làm việc trở về, tôi chuẩn bị đón nhận tin xấu nhất. Khi về đến lều, tôi thấy một người gầy gò, đầu trọc lóc đang ngồi xồm trước lều, lưng quay lại phía tôi.

Chị Chea? Ô, không! Nước mắt tôi ứa ra. Chị đã tự cạo trọc đầu, trông không giống chính chị chút nào, người chị đã từng rất xinh đẹp của tôi! Sọ chị vàng bủng, đầy xương, cổ chị gầy ngẳng, đen xì. Nhìn từ phía sau, trông chị giống một người già, rất già. Tôi cũng không thể bảo chị là đàn bà hay là đàn ông nữa.

Chị quay lại, ánh mắt chị gặp mắt tôi. Trông chị cương quyết. Chị đứng dậy, tiến lại gần tôi. Bình tĩnh chị nói "Athy, nếu trông chị xấu xí và điên khùng như thế này thì bọn Khmer Đỏ có

thể sẽ không làm hại chị".

Chúng tôi vào lục lọi lại mấy tấm ảnh gia đình mà tôi giấu trên mái lều. Để xoá mối quan hệ của Pa với chế độ trước, tôi bèn cắt đi phần thân của ông nơi tấm ảnh cỡ bằng chiếc ví, trong đó ông mặc bộ đồng phục quân cảnh, chỉ giữ lại hình ông từ cổ trở lên. Chị Chea bảo nếu chúng tôi bị thẩm vấn, cứ nói là Pa không bao giờ làm việc cho chính quyền trước, công việc của ông thuộc về lãnh vực y tế. Ông thích giúp đỡ mọi người.

Tối hôm sau trời mát. Vì còn chút ánh sáng nên tôi và chị Chea ra nhổ cỏ trước sân lều, nơi chúng tôi trồng bắp mùa rồi. Chúng tôi có hai dụng cụ, một con dao và một cái xẻng nhỏ cũ kỹ. Đột nhiên một giọng nghiêm khắc sau lưng chúng tôi gọi lớn "Đồng chí!"

Chúng tôi quay lại, đó là Srouch, đó là người đứng đầu bọn chỉ điểm. Chị Chea đứng lên, lại gần anh ta.

"Angka tìm thấy sách trong nhà đồng chí, đồng chí học đến cấp nào?" Anh ta hỏi.

Chị Chea bước tới đối diện với anh ta, tay cầm con dao. Chị nói một cách hờ hững "Tôi tìm thấy mấy cuốn sách này trên đường đi khi rút khỏi Phnom Penh. Tôi không học nhiều do chiến tranh. Nhưng tôi có biết đọc chút ít. Tại sao đồng chí lại hỏi vậy? Đồng chí có muốn mấy cuốn sách đó không? Cứ giữ lấy, tôi chỉ muốn giữ lại để giải trí khi quá mệt nhọc thôi mà". Chị buông con dao xuống đất như thể vì chị nắm không vững. Chị chậm chậm tiến về phía Srouch, tay cào khắp người chị, mặt mũi, ngực cổ, cả cái đầu trọc – khiến Srouch sợ hãi lùi về phía sau.

"Đủ rồi" anh ta nói, lông mày nhăn tít "Tôi chỉ muốn biết đồng chí có học vấn cao và có từng giữ một chức vụ gì trước đây thôi mà".

Tiếng cuối cùng vừa rời khỏi miệng, anh ta đã vọt biến đi, cũng nhanh như lúc xuất hiện. Chị Chea nhăn răng ra cười với tôi, tôi cũng cười lại với chị.

*

Vài tuần sau, cũng vào buổi tối, tôi đang nhổ cỏ ở đằng trước còn chị Chea thì tưới nước phía sau lều. Tôi nghe tiếng mấy đứa con gái chuyện trò, cười đùa đang tiến lại trên lối đi phía sau lều. Trông chúng thật vô tư tự tại. Lạ, tôi nghĩ. Thông thường các "dân mới" không dám biểu lộ niềm sung sướng như vậy. Khi chúng từ sau rừng bước đến, trông thấy rõ mặt chúng, tôi mới hiểu tại sao chúng không có vẻ sầu khổ, chúng là "dân cũ". Chúng có đời sống tốt hơn chúng tôi cho nên có lý do để mà vui vẻ, tỏ ra hạnh phúc. Khi chúng đến gần lều, chị Chea nhìn chúng, tay cầm cái xô tưới nước. "Các đồng chí đi làm trong rừng về đấy à?" giọng chị dịu dàng hỏi. Đó là cách chị chào đón mọi người.

Đám con gái ngừng nói chuyện, một đứa trong bọn, có lẽ khoảng 13, nhìn kỹ chị Chea. Mắt nó nheo lại, khinh bỉ, rồi nó la lớn "Ê, ông già điên", rồi nó cầm dao hươu về phía chị nhiều lần. Mấy

đưa khác bên tham gia. Tất cả cùng reo lên "Ê ông già điên. Đồ điên điên!" Chúng cùng nhau huơ dao về phía chị Chea, chúng hò la, chế giễu chị nhiều lần. Tôi dăm dăm nhìn theo chúng cho đến khi chúng bỏ đi, khuất sau hàng cây.

Chị Chea đứng chôn chân xuống đất. Mặt chị tràn đầy vẻ tủi nhục. Chị bị tổn thương rất nặng. Chầm chậm, chị để xô nước xuống đất, rồi đi vào lều. Khi đi ngang qua tôi, chị rửa "Đồ con nít mất dạy!"

Đêm sau chị nằm cạnh tôi, chỉ còn hai chúng tôi vì Map đi theo chị Ry đến bệnh viện Preahnethe Preah rồi. Chị co người lại, nắm gần tôi và thì thào vào tai tôi "Đêm hôm qua bang có làm một bài thơ, trong trí thôi. Nghe đây".

"Tôi thương xót cho chính mình. Dù là một người con gái, tôi vẫn bị gọi là ông già trong xã hội trước, chắc là tôi sẽ rất giận dữ. Nhưng giờ đây thì đó là điều bình thường đối với người phụ nữ.

Tôi thương xót tôi là một người phụ nữ. Chỉ mới hai mươi ba [\[2\]](#), nhưng tôi đã trông như sáu mươi

Răng tôi vẫn còn nguyên, tóc tôi đen bóng, thế mà họ tưởng tôi đã sáu mươi vì tôi cạo đầu trọc lóc

Tôi thương xót tôi vô cùng, sống không cha không mẹ

Không còn hy vọng chăm sóc họ, không còn hy vọng sống gần cha mẹ dẫu yêu nữa [\[3\]](#)

Chị Chea ốm vì lên cơn sốt. Người chị nóng hổi, nhiệt độ không hạ xuống mặc dù đã đắp vải nhúng nước lên trán và lên bụng. Chị Ra trở về từ trại lao động đúng lúc để giúp đỡ tôi. Chị Ry và Map cũng đã từ bệnh viện Preahnethe Preah trở về. Anh Than thì vẫn ở xa, tại một trại lao động nào đó. Sự có mặt của hai chị Ra và Ry an ủi tôi đôi chút. Bây giờ tôi không đến nỗi quá sợ khi nghe tiếng chị Chea ú ớ mê sảng trong giấc ngủ, những tiếng đó thường đánh thức tôi dậy vào giữa đêm.

Chị Chea nằm trên sàn, hơi thở chị cạn. Sau khi cơn sốt dừng, chị thấy đói. Nhưng tất cả những gì chúng tôi có là cháo gạo nấu với khoai. Nhưng mùi của thứ này làm chị thấy buồn nôn.

Người chị càng gầy đi nhanh chóng. Bằng một giọng nói nhỏ, khao khát, chị nói chị muốn có thức ăn thật sự. Cơm với thịt bò hầm sốt, cháo thịt heo, cam...hoặc ít nhất là sữa ấm, ngọt để làm mất đi cái vị đắng chát trong miệng chị. Tôi ước ao mình có thể trở lại thời gian trước đó để mang chị các loại thức ăn mà hồi trước Mak đã mua cho chúng tôi khi một trong chúng tôi bị đau ốm.

Chị Ra và tôi chuẩn bị đi đánh cá ở bờ sông phía tây, nằm bên một trảng cỏ, cách Daakpo chừng hai dặm. Chị Ra mang theo lưới mùng, còn tôi là một cái chảo sắt. Trong bầu trời đêm, sao lấp lánh. Một mảnh trăng chiếu sáng đường đi. Dế kêu rả rả như điệu hát buồn của cuộc

sống chúng tôi. Chúng tôi bước nhanh theo con đường đất ngoằn ngoèo dọc các căn lều của dân mới. Mặt đất lạnh ẩm làm nhẹ tiếng chân của chúng tôi trong đêm.

Khi chúng tôi đến sông, bóng trăng phản chiếu trong mặt nước. Đã một thời gian dài từ lần cuối cùng khi tôi đến đây. Đó là lúc tôi phải dắt bò đi qua sông đến ruộng lúa cùng với mấy đứa trẻ trong đoàn. Lúc đó, em Avy còn sống, và Mak cũng vậy.

Chị Ra đề nghị chúng tôi đánh cá dưới những cành cây toả ra ở phía bên kia của bờ sông. Những cành cây ấy sẽ che chúng tôi khỏi cặp mắt của bọn chỉ điểm, chị nghĩ vậy. Tôi đồng ý, nhưng lại sợ băng qua cây cầu tạm đã hư nát dựng lên trên các cây cột tháp cũ còn nhô lên trên mặt nước. Tôi còn nhớ, trên đỉnh những chiếc cột này, người ta lát những phiến gỗ vuông. Như thường lệ, chị Ra giục tôi đi nhanh, như chị làm thế khi chúng tôi lén trốn đi xin Pok thức ăn tại khu 3. Tôi đành phải bò qua cầu sau lưng chị. Tôi không lo âu về bọn chỉ điểm, chỉ lo bị rơi xuống dòng nước đen sì.

Tay chân chúng tôi thay cho mắt. Qua cầu xong, chúng tôi kiếm đường đi xuống dòng sông. Nước lạnh. Chúng tôi đánh cá dọc bờ sông, cạnh các cành cây toả ra. Vì nước ở bờ sông cạn hơn, chị Ra cầm một đầu lưới đứng ra phía giữa sông, còn tôi thì đứng phía gần bờ sông. Thế mà nước cũng lên tới ngực tôi.

Chầm chậm, chúng tôi lội tới, với hai tay cầm lưới dang rộng. Cái chảo thì nổi trước lưới, đánh dấu bởi đầu chóp nhô lên của nó. Kế hoạch của chúng tôi là buông lưới ở chỗ sông dưới bóng im của các cành cây. Cá thường tụ tập ở đó suốt ngày khi trời nóng. Thở nhẹ, chị Ra bảo tôi đưa cho chị cái chảo. Sau khi đẩy cái chảo qua cho chị Ra, tôi vói tay sờ vào cái vật đen đen giữa lưới để xem chúng tôi bắt được cái gì.

“Ồ, tôm, vô số tôm!” Chị Ra mừng rỡ kêu lên.

Ý tưởng về con tôm làm tâm hồn tôi bay bổng. Tôi không thể đợi cho đến khi đánh cá xong được nữa. Đói quá, chị Ra và tôi ăn ngay một vài con. Tôi chụp lấy ít con trong chảo và đưa luôn vào trong miệng. Chúng vùng vẫy, đuôi chích vào lưới tôi. Một số con chỉ bằng ngón tay tôi. Số khác lớn hơn một chút.

Rồi chúng tôi vội vã trở về lều. Khi chị Ra và tôi bước xuyên qua làng, đêm hoàn toàn im vắng. Như thể chúng tôi là hai linh hồn duy nhất đang lang thang trong đêm. Đến lều, chúng tôi càng cố gắng yên lặng hơn. Khi chúng tôi sắp để chảo và lưới xuống khoảng trống trước lều, thì nghe tiếng chị Chea thều thào trách móc “Chị lo chết được. Tụi em sao đi lâu quá vậy? Chị ngủ không được. Chị cứ nghĩ bọn chhlop đã giết tụi em, thế là hai đứa em gái của chị đã chết vì chị”. Chị nói nhanh, giọng mạnh hơn một chút.

“Nhưng chị Chea này, có vô số tôm đấy” chị Ra nói nhỏ, phần khích “chẳng biết được khi nào thì tụi em mới đi đánh cá lại, thế nên em nghĩ mình phải bắt cho được một số kha khá kẻo

uống công. Này, xem tôm này, gần đầy chảo đấy!” chị đưa cái chảo về phía chị Chea. “Tôm nhiều quá hả? Thế mà Athy và em đã ăn nãy giờ rồi đấy. Ngọt lắm”

“Ồ, tôm còn sống đấy” chị Chea kêu lên. Chị Ry cũng phụ họa theo. Họ riu rít bốc tôm bỏ vào miệng.

Trong cái đói và trong bí mật, chúng tôi lặng lẽ ăn trong bóng tối. Mập cũng thức dậy tham gia. Chúng tôi cùng nhau ăn tôm sống, thò tay vào chảo bốc mãi, giống hệt như bốc đậu rang ăn trong rạp chiếu bóng ngày xưa. Trong tâm trí, tôi hình dung Mak hài lòng, vẻ mặt vui tươi của bà khi đặt con tôm vào miệng. Tôi ước chi mẹ có mặt lúc này với chúng tôi.

*

Nhưng niềm vui được cùng sống với gia đình của tôi không kéo dài được lâu. Sau hai lần nữa đi ra sông để bắt tôm, Angka lại gọi tôi đưa tôi vào đoàn thiếu nhi đóng ở một ngôi làng xa Daakpo. Tôi ở trong một căn nhà gỗ, chỉ có một phòng trống trơn dựng trên cọc với một bậc thang dốc đứng, cùng với năm mươi đứa trẻ khác. Công việc của chúng tôi là phát các bụi rậm trong rừng để chuẩn bị trồng khoai và ngọc giá. Mặc dù rằng khổ lại bị cách ly khỏi gia đình, tôi cố tìm một điều tích cực trong sự thay đổi này. Tôi hơi dễ chịu khi biết rằng Thore Meta, người phụ nữ khoan dung và hiền biết thời tôi còn làm việc đuổi chim ăn lúa, bây giờ là người lãnh đạo đoàn của chúng tôi.

Đã hai tuần rồi kể từ lần cuối cùng tôi thấy chị Chea. Phải làm việc từ rạng sáng cho đến khi tối mịt, tôi kiệt sức, không còn sức lực để nghĩ đến chị nữa. Nhưng khi nghĩ đến thì tôi thấy nhớ chị vô cùng. Biết chị bệnh khi tôi rời nhà đến đây, tôi sợ, rất sợ rằng tôi sẽ mất chị như tôi đã mất Pa, Mak, Avy và Vin. Mặc dù có ăn tôm, cơn sốt của chị vẫn tăng thêm. Nhiệt độ cơ thể của chị vẫn tiếp tục tăng lên, chị càng ngày càng mê sảng. Mỗi ngày sự sống của chị trôi đi dần. Chị cần phải được chăm sóc thuốc men thích hợp chứ không phải chỉ thực phẩm không mà thôi. Tôi không biết làm cách nào cứu được chị. Tôi nghĩ về Pa và chiếc bàn đựng thuốc của ông, nghĩ về các phép thuật có thể chữa lành bệnh cho chị. Tôi muốn mang chị lại thời trước để Pa có thể chữa cho chị.

Tối hôm nay, có một điều gì đó cứ day dứt tôi mãi. Nằm trên sàn nhà, tôi hoàn toàn thức khi tiếng nói trong tôi thúc giục tôi phải đi thăm chị Chea. Nỗi thôi thúc ấy càng lúc càng mạnh khiến tôi bật khóc. Có cái gì bên trong đang gặm nhấm tôi. Tôi khóc thét lên.

“Đồng chí nào đang khóc đó?” giọng của Thore Meta hỏi, chân bà bước lên bậc thang.

Tôi nhồm dậy và ngồi nơi góc nhà, nhìn cái bóng của Thore Meta.

“Tại sao lại khóc hử đồng chí Thy?” Bà hỏi, giọng nghiêm khắc.

“Chị cả của cháu bệnh nặng. Cháu muốn đi thăm chị. Cháu muốn thấy chị trước khi chị chết” tôi

kiệt sức.

“Đi đi. Đi thăm chị của đồng chí đi rồi trở về ngay. Nếu có ai hỏi, bảo họ rằng tôi cho phép đồng chí đi” nói xong, bóng của Thore Meta liền biến mất trong đêm tối.

Khi tôi về đến lều, thấy còn một ngọn lửa trong hố bếp. Tuy nhiên không có nấu gì, chỉ thấy ngọn lửa không liếm láp bóng tối. Khi đến trước cửa lều, tôi đã chuẩn bị trước cho mình.

“Đừng để bang có tội...” việc tôi vào đột ngột làm tiếng yếu ớt của chị Chea dừng lại.

“Chị Chea, Athy về đây này!” Chị Ry báo. Chị quay đầu lại, cả chị Ra và Map cũng vậy.

Mọi người nhích ra, nhường chỗ cho tôi thấy chị Chea. Một thân hình ốm, co quắp nằm trên tấm ván sàn. Hơi thở của chị rất cạn. Tôi đến gần hơn để ngắm chị, đôi mắt chị sâu hoắm, trừng xuống làm tôi giật mình.

“Chị Chea, em đây”, tôi nói nhỏ, muốn chị mở mắt. Đột nhiên mắt chị động đậy dưới mí mắt.

“Athy ời” Chị Chea thều thào “nếu bang có làm điều gì không phải làm tổn thương đến em, em hãy tha thứ cho bang, p’yoonsrey. Chị xin lỗi. Đừng để cho bang có tội...” Chị ghen thở, người co giật.

“Không, chị Chea ời, chị, chị không làm điều gì sai cả. Chị không bao giờ làm sai...” tôi sụt sịt, cố gắng hết sức để đè nén nước mắt và cơn đau trong lồng ngực.

“P’yoons, tất cả các em, hãy tha thứ cho chị vì những điều chị làm sai. Hãy đừng để bang tội lỗi...” mắt chị nhắm lại.

“Chị không có lỗi gì cả, chị Chea ạ” Chị Ra nói, giọng dịu dàng.

Chị Ry thì sụt sịt, đưa tay nắm tay chị Chea “Chị không làm điều gì sai cả”.

“Khi chị chết, hãy chôn chị dưới cái cây trước lều mình. Chị muốn chăm sóc tất cả các em, Mak, Pa yurk (mẹ và ba chúng ta) chết đi, không còn ai săn sóc các em. Chị muốn trông nom các em. Ra, em đừng quên nhé, p’yoons”.

Ngày hôm sau ở trong rừng, tôi không nghĩ gì về chị Chea. Về thân thể teo tóp của chị. Về việc chị nài xin tha thứ. Tôi cứ nhìn vào trong khoảng không, tay thì cứ phát cỏ và bụi cây. Tôi cũng quên bằng mất mấy đứa trẻ làm việc bên cạnh tôi.

“Các đồng chí, đến giờ ăn trưa rồi” tiếng một người đàn ông. Đó là tiếng lè nhè của bọn con trai của người trưởng đoàn.

Bọn trẻ bên đoàn tôi vội vã đi vượt qua tôi để đến lãnh phần ăn. Nhưng ngày hôm nay thì cả việc lấy thức ăn cũng là một công việc chán ngắt đôi với tôi. Tôi ngồi dưới bóng râm, tay đung đưa bát cháo lá đen sì. Tôi nghe tiếng một cậu con trai nói “Không biết đồng chí kia có bao giờ cười khi nhận khoai hoặc cơm không nhỉ?”

Tiếng một người phụ nữ nói “Tôi chưa bao giờ thấy nó cười. Mặt nó lúc nào cũng buồn, chân mày nhăn tít lại.”

Đột nhiên những tiếng nói sống động của chị Chea lại hiện ra trong trí tôi, che mờ đi những gì đang xảy ra trước mắt. Chị nói “Đến thăm chị lại nhé, Athy. Ngày mai nhé, nhớ đừng quên.” Không, tôi không quên. Tôi nói thầm với mình, như thể muốn cho chị cùng nghe. Khi đoàn lao động của tôi trở về nhà tập thể, Thore Meta cho phép tôi đi thăm chị Chea, dường như bà biết trước tôi sẽ xin phép điều đó. Bà nói “Đi đi, rồi trở về nhé”, giọng đầy vẻ quan tâm. Tôi vọt xuống bậc thang trước nhà tập thể. Gió ấm và ẩm. Buổi chiều biến thành chạng vạng rất nhanh. Khi tôi về đến lều nhà, ngọn lửa dưới nhà vẫn đang cháy, nhưng lần này mờ hơn. Khi lửa gần tắt, tôi nhìn thấy chị Ra, chị Ry và Map nằm gần Chea. Tất cả yên lặng. Tôi không nghe tiếng chị Chea như đêm hôm qua. Tôi cảm thấy mình trở về quá muộn. Tôi đang đứng đây, muốn nghe chị nói, muốn nghe rõ chỗ mà chị nói nửa chừng hôm qua. “Chị Chea ơi, Athy về đây”, tôi thì thào “Em về thăm chị đây, chị Chea. Bà trưởng đoàn cho phép em về”.

Không có tiếng trả lời. Chị Ra và chị Ry quay nhìn tôi, cả hai cùng khóc. Tiếng khóc của Map phụ họa theo. Chị Ry nói chị Chea đã ngừng nói sáng nay. Thế nhưng chị đã yêu cầu tôi về thăm chị kia mà. Hẳn chị còn muốn nói thêm điều gì với tôi. Chị không thể ngừng nói bây giờ. Không thể được.

Tôi khóc, hụt hơi. Đột nhiên tay chị Chea vờ ra phía tôi. Tôi lùi lại, không kiềm chế nổi, hét lên. Tay chị buông xuống sàn. Cổ họng chị nghẹn lại. Mí mắt chị hơi rung động rồi nhắm lại. Cảnh tượng quá sức chịu đựng của tôi. Tôi rời lều, chạy trở về nhà tập thể.

Suốt đêm hôm đó tôi nằm khóc. Dầu nỗi đau đớn đó là của riêng tôi, nỗi buồn của tôi được cả những đứa trẻ ở công xã chia sẻ. Chúng khóc nho nhỏ. Tiếng sụt sịt của chúng vang lên khắp gian phòng.

Ngày hôm sau, khi làm việc xong, khi tôi đang phơi quần đã giặt xong lên vách trong căn nhà tập thể, thân thể tôi cảm nhận một cái gì đó rất kỳ lạ. Một cảm xúc đột ngột dâng tràn khắp người tôi, tôi choáng váng rồi nước mắt cứ ứa ra. Chị Chea! Tôi hét lên, gọi thầm tên chị. Chị Chea đã chết! Ôi trời, xin hãy phù hộ cho chị với.

Tôi nghe tiếng bước chân lên thanh. Tôi chùi nước mắt và đứng trước mặt tôi là bọn trẻ trong phòng. Nét mặt chúng là tấm gương phản chiếu nỗi buồn của tôi. Rồi Thore Meta nhô lên. Tôi đến trước bà và nói “Cháu muốn...”, tôi nghẹn lời trước khi có thể nói tên chị Chea.

“Đồng chí Thy, chị đồng chí có đến đây và báo cho tôi biết người chị cả của đồng chí đã chết”.

*

Ngày bắt đầu. Ánh sáng của buổi rạng đông chiếu xuyên qua kẽ ván trong nhà. Tôi vừa mới ngủ được một chốc, nhưng đã bị đánh thức dậy bởi tiếng gọi của bà Thore Meta – đến giờ làm việc.

Trước khi tôi kịp nghĩ gì thì mọi người đã nhóm dậy và vội vã ra khỏi nhà, biến mất từng người một.

Sau xuất ăn trưa, bà Thore Meta bảo tôi về nhà. Khi bà nói, tôi cảm thấy mắt của mấy đứa trẻ kia đều nhìn tôi. Quá mệt, không trả lời bà trưởng đoàn nổi, tôi lặng lẽ rời trại.

Khi tôi đến nhà, Kong Houng, ông nội tôi, và một người đàn ông khác đang leo xuống lều, hai tay giữ chắc một vật gì đó dài, quấn vải chặt, đó là chị Chea. Các chị Ra, chị Ry và Map thoe sau, mắt đỏ ngầu, sừng vù. Vì phải mang chị Chea xuống khỏi lều, Kong Houng và người đàn ông kia cần giữ chị cho chắc nên họ buộc chị vào chiếc đòn gánh. Thảm biết mấy, tôi nghĩ, phải mang chị đi như vậy. Không kiểm soát nổi mình nữa, tôi oà khóc.

Khi Kong Houng và người đàn ông đào mộ chị ở gần hàng cây cọ, tôi đưa mắt nhìn xác chị. Trong trí, tôi nói thầm những lời tôi muốn nói với chị “Chị Chea ơi, nếu em sống sót, em sẽ học ngành y. Em muốn giúp đỡ người khác vì em đã không thể giúp chị. Còn nếu em chết trong kiếp này, em sẽ học ngành y ở kiếp sau”.

“

Khi đêm xuống, chị Ra nhắc tôi trở lại nhà tập thể. Trong một lúc, tôi không hiểu chị đang nói gì. Tôi nhìn chị, nhíu mày lại. Chỉ khi chị lặp lại từ “nhà tập thể” tôi mới nhớ Thore Meta đã cho phép tôi ở lại với gia đình đêm nay và ngày mai.

Nằm trên sàn, tôi nhớ lại lời chị Chea yêu cầu hôm trước. Tôi nhìn chị Ra và hỏi “Tại sao chị không chôn chị Chea dưới cái cây trước nhà?”

“Chị không muốn chôn chị ấy ở đó, chị sợ lắm” chị Ra trả lời bực bội.

Tôi không thể tin chị Ra lại từ chối cái ý nguyện cuối cùng của chị Chea, tôi bèn nhắc cho chị chính xác từng lời của chị Chea, lời chị Chea van nài chị đừng quên. Chị Ry bèn nhào vào cứu chị Ra, nhắc tôi rằng chị Ra vốn rất sợ ma. Quả vậy, tôi vốn biết điều đó nhưng chị Chea là chị của chúng tôi mà. Chị sẽ không làm chúng tôi sợ đâu. Chị chỉ muốn ở gần để chăm sóc chúng tôi mà thôi. Tôi cãi lý, nhưng tôi chỉ làm cho chị Ra càng sợ thêm.

Chị Ra ngắt lời tôi “Chị không muốn nói chuyện này nữa. Chị muốn ngủ. Chị chưa chợp mắt kể từ khi chị ấy chết”.

“

Tôi thức giấc đột ngột, nhưng rất tỉnh táo. Trời đã tối trước khi tôi thiếp đi, nhưng bây giờ trời sáng và tôi đang ở giữa những đám mây. Nhẹ nhàng, người tôi bay bổng lên xuyên qua các lớp mây, hết lớp này đến lớp khác, đến nơi có lớp mây bằng phẳng như nền nhà toàn mây. Lạ thật, tôi nghĩ, nhưng nó giống như sàn của một ngôi nhà, một ngôi nhà đặc biệt đứng đầy đàn ông

và đàn bà mặc toàn đồ trắng. Lần lượt, mỗi người dang rộng tay đón chào một người khác. Rồi một chiếc thảm màu trắng trải ra trên sàn nhà. Mấy người đàn ông và đàn bà mỉm cười. Tôi nhìn lên một lớp mây nữa, chợt thấy một phụ nữ đang bước xuống, chị Chea! Lưng chị quay về phía tôi. Những người kia đang đứng xung quanh tôi, rồi bỗng dưng nhỏ lại khuất dần sau đám mây. “Chị Chea! Đợi em với, chị Chea!”

“Athy, Athy ơi. Dậy đi em! Em vừa có một giấc mơ dữ đấy” chị Ry nói, vỗ về tôi.

Chú thích

[1] *Tiếng La tinh có nghĩa là vào lúc lâm chung*

[2] *Tuổi này căn cứ trên cung Hoàng đạo, làm cho tuổi của chị lớn hơn tuổi thật. Theo lịch thông thường thì chị chưa đến hai mươi tuổi*

[3] *Bài thơ này rất có vần điệu, tiếc là khi dịch sang tiếng Anh, tôi không chuyển được nhịp điệu của nó*

CHƯƠNG 13

ĐÁM CƯỚI TẬP THỂ VÀ MỐI TÌNH BỊ CẤM

Vừa khi được ra khỏi trại thì anh Than cũng trở về nhà, quá muộn để chào vĩnh biệt chị Chea. Dù anh chấn động khi nghe tin chị chết, anh không có vẻ buồn lắm. Hoặc có thể anh đã tê liệt như chị Ry lúc Avy chết. Anh không chảy nước mắt hay có lẽ con trai có cách đau buồn khác với con gái.

Vào tuổi 15, anh Than đã được gửi đi nhiều nơi, nhiều đến nỗi tôi không thể nhớ nổi nữa. Có lúc tôi quên mất là tôi từng có một người anh trai. Khi anh về, tôi ngạc nhiên thấy anh, và tôi cũng nhẹ nhõm biết rằng anh vẫn còn sống.

Vào tuổi 13, con người trưởng thành mới nhú ra trong tôi đã nhận ra rằng Cambodia là một quốc gia chứa những người chết đang sống. Chung quanh tôi toàn là những con người lao động quá độ, đói khát và suy dinh dưỡng. Cái chết tràn lan, như một cơn bệnh dịch đổ xuống khắp làng xóm. Thế mà Angka chẳng hề quan tâm, chẳng làm gì để ngăn chặn nạn dịch này. Trong ba năm cuối trong cuộc đời tôi kể từ khi Khmer Đỏ nắm quyền, tôi đã mất đi một nửa gia đình, Pa, Vin, Avy, Mak và chị Chea. Cái chết giống như lá mùa thu, chỉ cần một cơn gió thoáng nhẹ chạm vào là sẵn sàng rơi xuống. Tôi tự hỏi không biết ai trong gia đình mình sẽ là nạn nhân tiếp theo đây.

Vì dân số đang thu nhỏ lại và có tin đồn rằng quân đội Việt Nam đang tiến vào Cambodia, Angka mới thức tỉnh. Trong các cuộc họp, Khmer Đỏ nhấn mạnh đến việc chamren pracheachun, nhu cầu tăng dân số cho Angka. Họ nhấn mạnh thanh niên phải lập gia đình và

phải ở lại làng để hoàn thành mục tiêu này. Người nào vẫn còn độc thân sẽ được gọi lên tuyến trước, ra mặt trận.

Một chiều nắng chói, chị Ra trở về sau một cuộc họp bắt buộc. Đứng trước cửa, chị vẫy tay rồi rít cho chị Ry, anh Than và tôi khi chúng tôi đang ngồi nhổ cỏ trước lều. Mặt chị sợ hãi và bối rối. Leo lên lều, tôi đã chuẩn bị cho điều xấu nhất.

Chị Ra nói "Chị phải kết hôn...Chị không muốn đến trại lao động...Chị không muốn chết..."

Kết hôn? Tôi chóang váng. Đột nhiên mọi người như rút sâu vào những suy nghĩ riêng của mình, lặng lẽ. Chị Ry, anh Than và tôi không nói một lời, đưa mắt nhìn chị Ra. Lúc đó mặt chị chỉ còn một màu trắng nhợt.

"Chị không muốn đi. Chị không muốn đi lao động" chị thốt lên "Chị không muốn chết, các em hãy hiểu cho chị, chị đã suýt chết nhiều lần rồi"

Trông chị thật là hoảng hốt. Chị sắp kết hôn với một ai đó, thế mà chị sợ hãi và bộ mặt của chúng tôi phản chiếu sự sợ hãi của chị. Chị bảo chúng tôi chị cần quyết định gấp vì Angka sẽ tổ chức ngay một đám cưới tập thể cho những ai ủng hộ việc gia tăng dân số.

"Nếu chị còn ở trong làng, chị sẽ có cơ hội sống sót, chị cũng có thể giúp đỡ, săn sóc các em, nhất là bây giờ chị Chea đã chết rồi".

"Nhưng chị sắp lấy ai vậy?" Chị Ry hỏi.

"Một người đàn ông địa phương" chị Ra buồn bã nói, mắt chị bộc lộ cái nhu cầu gay go là được chúng tôi đồng ý.

"Điều này thì tùy thuộc vào chị thôi" anh Than nói, không dứt khoát lắm. Chị Ry thì thì thầm một tiếng "ừ" nho nhỏ. Còn tôi, tôi giữ riêng suy nghĩ của tôi cho chính mình.

Tôi còn nhớ lần cuối cùng chị Ra chạm trán với cái chết và tôi có thể hiểu tại sao chị không muốn bị gọi đi đến trại lao động nào nữa. Chuyện này xảy ra khi tôi đang đi làm công việc đuổi chim ăn lúa còn chị Ra thì làm việc tại một trại gần khu 3. Chị cùng với các bạn bè, vì quá đói, nên đi liêu sang vùng khác để tìm thức ăn. Họ bị bắt và bị buộc tội làm gián điệp cho Việt Nam. Họ bị dẫn đến một nhà giam đông đúc và bẩn thỉu, ở đó họ bị thẩm vấn và tra tấn. Nhưng thật may, người trưởng đoàn đến báo cáo họ bị lạc đường và đến lãnh họ ra.

*

Hai ngày sau là đến lễ cưới của chị Ra. Chị bảo tôi theo chị đến lễ cưới, được tổ chức ở làng Poi-Kdurg. Tôi bồn chồn và lo lắng cho chị. Tôi hy vọng người chị lấy không đến nỗi ích kỷ và thô bạo.

Trời nắng chói chang. Chúng tôi che đầu bằng khăn rằn, mặc đồng phục xám đen với quần vải bị co rút lại, lên quá mắt cá.

Chúng tôi bước vội vã, chân trần, trên những con đường đất bụi, không trao đổi với nhau một lời nào. Tôi hy vọng chúng tôi không đến trễ, vì chúng tôi đâu có đồng hồ. Chúng tôi dừng lại nơi một vựa lúa cũ, nơi hai cán bộ đứng ngoài cửa, cổ choàng khăn màu trắng đỏ. Súng đeo vai, họ đứng yên, nghiêm trang.

Chị Ra và tôi liếc mắt nhìn họ trong khi nhiều người đàn ông và đàn bà trong đồng phục màu đen bước vào bên trong vựa lúa. Cuối cùng chị Ra lấy hết can đảm hỏi một người phụ nữ đang sắp sửa bước vào. Bà ta cho biết đây chính là địa điểm tổ chức lễ cưới tập thể.

Bên trong vựa lúa tối om. Tôi nắm lấy áo chị Ra, đi theo phía sau chị như một đứa trẻ bị mù. Bên phía tay phải tôi, những bóng người đen thui, đứng sắp hàng thành dãy dài. Tôi choáng ngợp bởi cảnh tượng có nhiều người đến như vậy. Có đến hàng trăm. Chẳng lẽ tất cả họ đều đến để kết hôn hết cả sao?

"Mọi người lắng nghe gọi tên mình" một giọng đàn ông nghiêm nghị cất lên.

Họ bắt đầu gọi tên. Tôi chỉ thấy ngang qua vựa những bóng đen đứng dậy rồi khuất dần trong bóng tối. Mắt tôi dần dần quen với ánh sáng mặt trời xuyên qua kẽ vách hở như thể tôi cần nó để sống được.

"Athy, mình đi", chị Ra gọi nhỏ, tay đập nhẹ lên vai tôi. Tôi đứng lên, lê bước theo chị Ra, lòng đột nhiên cảm thấy lo lắng.

Ở ngay giữa vựa, chị Ra đứng, tôi ở bên cạnh. Trước chúng tôi là những sáu bóng đen của đàn ông. Cán bộ? Tâm trí tôi nhảy dựng lên khi trông thấy họ. Sao có quá nhiều cán bộ ở đây vậy? Tay của những người này đang cầm súng, một tay dưới báng, tay kia đỡ lấy nòng súng. Họ tự xếp theo hình dạng một kim tự tháp. Rồi bất thành linh một bóng người đàn ông nhô lên từ phía bên tay trái của tôi. Anh ta đến đứng bên cạnh tôi. Thế là bây giờ tôi đứng giữa anh ta và chị Ra.

Chị Ra bèn nói nhỏ "Athy, đứng lui ra, đứng phía sau chị ấy"

"Đồng chí Ra và đồng chí Na" một giọng nói bật lên.

Trước khi tôi nghe hết câu, hai cán bộ đứng phía trước đã quay người, đối diện với nhau, giương súng lên.

"Khẩu súng sẽ là quan toà khi các đồng chí phản bội nhau hay vi phạm điều luật của Angka".

Trí óc tôi đông cứng lại. Điều tiếp theo mà tôi biết được là chị Ra đến nhà của "chồng" chị, một căn nhà gỗ được dựng trên cột, có cầu thang và hàng rào bao quanh. Phía trước sân, hàng bí leo phủ khắp hàng rào mắt cáo. Những ngọn lá xanh rộng chụm vào nhau lẫn vào đó là những nụ hoa vàng tươi. Cạnh dàn mắt cáo là những luống khoai sọ và ớt. Mọi thứ trông được chăm bón cẩn thận. Cách sống của những người ở đây xem ra vẫn nguyên vẹn, không giống như chúng tôi.

Bên trong, sàn nhà có màu gỗ sồi. Láng mượt, sạch sẽ, không có một hạt bụi. Ván sàn được xếp khít chặt vào nhau, rất khéo. Ở đây cũng đẹp gần bằng nhà của Kong Houng, dù nhỏ hơn nhiều. Tôi nhìn vách tường gỗ. Phòng này vẫn rộng hơn lều của chúng tôi, ít ra là gấp hai. Một giọng phụ nữ vang ra từ phòng bên cạnh "Mày muốn lấy thì cứ lấy, lấy hết đi!" Giọng nói già, thô và cáu kỉnh.

Tiếng bước chân làm rung mặt sàn gỗ, Na, chồng chị Ra, xuất hiện, tay ôm ba cái gối. Na cao bằng chị Ra, nếu so sánh với một số người đàn ông khác trong làng, trông anh vừa vặn với chiếc cảm nhô ra. Anh trông khoẻ khoắn và lạnh mạnh. Khác với những gì tôi đã tưởng tượng – xấu xí và gầy trơ xương. Anh ít nói và có vẻ dễ thương. Vì vậy bây giờ tôi cảm thấy dễ chịu, không còn thấy lo âu cho chị Ra như trước đây.

"Đây này" anh nói, giọng anh nhỏ nhẹ, mắt anh nhìn chị Ra. Chị Ra đưa tay đón lấy, mắt nhìn xuống gối.

Gối có bọc đàn hoàng? Tôi mở tròn mắt. Tôi chưa bao giờ thấy một cái gối kể từ khi gia đình tôi phải rời khỏi làng Year Piar.

Chị Ra đặt một chiếc gối gần cửa trước và đặt một cái khác ở gần đó. Còn cái thứ ba thì chị đặt xa ra, giữa căn phòng, gần phòng nơi phát ra tiếng bà già.

"Đó là gối của anh", chị chỉ vào chiếc gối ở giữa nhà. Rồi chị nằm xuống trên chiếc gối ở gần cửa ra vào, lưng quay về chúng tôi.

Tôi đứng đó, bối rối liếc nhìn anh ta. Anh chẳng nói gì. Tôi bèn nằm xuống bên cạnh chị Ra, quay mặt vào lưng chị.

Thế là chị Ra đem tôi theo ngủ với chị trong nhiều đêm liền. Phần lớn thời gian chị ở đây chị không để ý đến anh Na. Khi anh nói với chị, chị gắt gỏng, tức giận. Anh bối rối, chán nản.

Sau đó phần lớn thời gian chị ở cùng nhà với chị Ry, anh Than, Map và tôi. Đôi khi chị còn đem từ nhà Na thức ăn về cho chúng tôi. Cơm và khoai. Dù không nhiều nhưng tôi cũng mừng.

Dường như chị cố gắng đóng vai trò người mẹ vì chị Chea đã chết. Nhưng tôi lại sợ rằng chị đặt mình vào tình thế nguy hiểm bởi vì chị có bốn phận với Angka là ở với Na. Khi chị ở nhà suốt đêm với chúng tôi, tôi lại nhớ câu nói nghiêm khắc của người đàn ông trong vựa lúa tối đen.

"khẩu súng sẽ là quan toà khi các đồng chí phản bội nhau hay vi phạm luật của Angka".

Một hôm chị Ra và tôi trở về nhà Na. Khi bước lên thang chúng tôi chợt nghe tiếng rống giận dữ cất lên từ một giọng nói lè nhè "Vợ con kiêu gì vậy? Không bây giờ ở nhà với chồng? Cứ đến rồi đi tùy ý vậy hả?"

Chúng tôi nhìn lui, bên cạnh giàn bí leo là mẹ của Na, một người đàn bà thấp, tóc xám, giận dữ. Chị Ra trông đau lòng, tiếp tục bước lên thang, chị thở dài thườn thượt như đang cố trút bỏ lời trách móc.

Tôi bước lên theo, nhìn sau lưng chị, tôi thấy chị đã thay đổi biết chừng nào. Giận dữ, thù hận. Nhưng dù cho chị như thế, Na vẫn không bao giờ lớn tiếng với chị. Khuôn mặt anh chỉ biểu lộ niềm thất vọng chứ không giận dữ.

Nhìn thái độ căm ghét của chị Ra đối với Na, tôi khó nghĩ rằng Angka sẽ thành công trong mục tiêu gia tăng dân số của mình. Một cuộc hôn nhân được tổ chức theo một cách hung bạo như vậy sẽ không bao giờ ra hoa kết trái. Mặc dù còn nhỏ, tôi cũng có thể hình dung ra rằng các em bé sẽ không thể sinh ra được bởi những người đàn ông và đàn bà chỉ còn xương với da, những người mà hình thức bên ngoài nhắc cho ta nhớ đến những người chết đang sống. Nhiều tháng trước, Angka có thể tiết kiệm được một đứa bé cùng với cha mẹ của nó. Thay vì vậy, Angka đã giết chết họ.

*

Trời đã gần trưa, có lẽ vào tháng 11 năm 1975, khi Mak, các anh chị tôi và tôi cùng với hàng trăm người khác đến một nơi gần bệnh viện Preahnethe Preah. Đây là một khoảng đất rộng, chung quanh có cây cối to lớn che bớt nắng mặt trời. Đàn ông, đàn bà, trẻ em tụ tập nơi đây để chứng kiến cuộc xử án hai người mà theo Angka bảo, tội của họ là yêu nhau mà không được Angka cho phép. Như vậy họ là kẻ thù của tất cả chúng ta. "Khi Angka bắt được kẻ thù", một lãnh tụ đã tuyên bố trong cuộc họp bắt buộc trước đó, "thì Angka không giữ chúng, Angka sẽ huỷ diệt chúng".

Lần lượt, từng đứa trẻ được chọn trong đám đông để đứng sát hai cây cột để chúng có thể thấy Angka sẽ làm gì. Trông như chúng tôi có vẻ sắp được xem một vở kịch, một buổi trình diễn giải trí.

Phía bên tay phải của hai cái cột là ba chiếc bàn gỗ kê sát mép vào nhau làm thành một cái bàn dài. Sau bàn là các cán bộ Khmer Đỏ mặc đồ đen, tuổi chừng bốn mươi đến năm mươi, những người tôi chưa từng thấy bao giờ. Cổ họ, như thường lệ, quấn khăn sọc đỏ và trắng, hoặc xanh và trắng phủ ra ngoài áo. Họ được các cán bộ khác đeo súng trường đứng phía sau bảo vệ kỹ lưỡng. Mặt của các cán bộ bảo vệ rất nghiêm nghị, họ đứng yên, thẳng tắp như các cây cột kia. Một vài cán bộ Khmer Đỏ ngồi ở bàn nói chuyện nho nhỏ với nhau, đến lúc đó tôi mới nhận thấy có mấy cái mai, cuốc và xẻng dựng dựa vào cây cột chôn rất chắc trên đất.

Một chiếc xe một mã lực dừng lại. Hai người cán bộ rảo bước lại cạnh xe. Một người đàn ông bị bịt mắt, tay trái quặt ra sau lưng, được hướng dẫn bước ra khỏi xe. Sau lưng anh là một người phụ nữ cũng bị bịt mắt được một cán bộ khác giúp bước ra. Tay của cô cũng bị trái sau lưng. Bụng cô nhô ra. Lập tức cô bị trái vào cái cột gần chiếc xe. Người ta trái cánh tay trước, rồi đến mắt cá, bằng một sợi dây to cỡ bằng nửa cổ tay tôi.

Một phụ nữ trong đám đông thì thào, giọng hoảng hốt "Trời ơi, cô ấy đang có bầu!" Cánh tay của những đàn ông bị bịt mắt cũng bị buộc vào cột. Anh bình tĩnh đứng thẳng khi người ta buộc dây quanh mắt cá trói vào chân cột. Mặc quần dài và áo sơ mi bằng vải flanel, cánh tay áo xắn lên khuỷu, trông anh có vẻ thông minh, có học. Anh người cao. Dáng người anh cho thấy anh là một trong số "dân thành thị". Giống như anh, người phụ nữ có thai trông lịch sự, có văn hoá từ cách ăn mặc. Trông cô khá điềm tĩnh. Chiếc áo sơ mi tay ngắn để lộ hai cánh tay nhẵn nhụi, không chai sần. Khuôn mặt một thời thanh lịch của cô cho thấy cô có một cuộc sống thật tốt đẹp trước đây.

Mỗi người cán bộ Khmer Đỏ ngồi ở bàn lần lượt đứng dậy phát biểu. Giọng họ dữ dần, đầy thù hận khi họ kết tội cặp tình nhân "Những đồng chí này đã phản bội Angka. Chúng đã đưa ra một ví dụ xấu. Vì thế chúng phải bị loại trừ. Angka phải xoá đi loại người như thế này".

Rồi một cán bộ Khmer Đỏ khác đột ngột đứng dậy khỏi bàn, kéo ghế tránh khỏi lối đi, bước ra phía trước bàn, nhặt cái cuốc lên, thử sức nặng của nó. Rồi hất để cuốc xuống, nhắc một cái mai dài màu bạc lên, huơ huơ để thử sức nặng của nó. Xong hất bước tới chỗ người đàn ông bị bịt mắt.

"Cúi đầu mày xuống!" hất ra lệnh, rồi nhắc cái mai lên cao.

Người đàn ông vâng lời, cúi đầu xuống. Người Khmer Đỏ đánh xuống gáy anh nhiều lần. Thân hình anh sụm, đầu gối khuỵu xuống, một âm thanh nghèn nghẹn phát ra khỏi miệng. Người yêu của anh quay đầu đi chỗ khác. Kẻ hành quyết lại nện xuống gáy nữa. Thân thể anh bây giờ rũ ra. Kẻ hành quyết bèn chạy sang chỗ người phụ nữ mang thai "Bây giờ tới phiên mày cúi đầu xuống!"

Cô cúi đầu xuống. Chiếc mai giáng mạnh xuống gáy cô. Thân thể cô vặn đi. Không một âm thanh nào phát ra từ miệng cô. Chỉ cần hai cú đánh là cô đã chết. Kẻ hành hình bước đi, đưa tay chùi mồ hôi trên trán. Đột nhiên người ta nghe thấy tiếng thở nghẹn dài, bụng người đàn bà chuyển động, co giật. Mọi người quay mặt không dám nhìn. Có ai đó thì thào rằng đứa bé đang chết.

Có tiếng kêu rú từ đám đông. Kẻ hành quyết quay trở lại đánh vào thân thể người đàn bà cho đến khi cơn vùng vẫy trong bụng cô ngừng hẳn lại, yên lặng như cây cột bên cạnh.

*

Đó là một bài học khủng khiếp. Từ đó tôi đã biết cái khía cạnh tăm tối nhất của Khmer Đỏ. Vì thế tôi sợ cho chị Ra vì chị tránh mặt Na, đó là một hành động thách thức chống lại Angka. Tôi sợ cuộc nổi loạn thầm lặng của chị sẽ bắt chị trả một cái giá nặng nề.

CHƯƠNG 14

KHI MẢNH CHAI CHÌM XUỐNG

Cuối năm 1978, lúc đó là vào mùa gặt lúa và cũng là thời gian hy vọng có được khẩu phần ăn khá hơn. Đó cũng là lúc Angka lại đòi tôi, đưa tôi trở lại vào đoàn lao động thiếu nhi. May mắn thay, tôi được trở lại với trưởng đoàn Thore Meta. Từ sáng sớm bà dẫn chúng tôi ra ruộng lúa, rồi mang chúng tôi về lại trước khi mặt trời lặn.

Vào một buổi sáng trời trong và mát, đứng giữa đồng lúa vàng cuộn sóng nằm cạnh hồ nước, tôi hì hục gặt lúa, gặp người xuống giữa những đừa trẻ khác. Một tay vợ lấy thân lúa, tay kia cắt xoẹt bằng cái liềm. Đột nhiên có tiếng nói nhỏ "Coi kìa, có hai chhlop đang đến đó!"

Tôi thấy hai tên chỉ điểm bước nhanh về phía Thore Meta, lúc đó đang gặt phía trước chúng tôi. Một tên tiến lại gần, thì thảo vào tai bà. Bà lùi lại, hoảng hốt. Người kia nói thêm điều gì đó. Thore Meta liếc nhìn về phía chúng tôi rồi nhìn về phía các ngôi làng xa xa. Bà nói gì đó với người trưởng nhóm, rồi vội vã chạy đi với hai tên chỉ điểm, rẽ nhanh qua ruộng lúa. Họ leo lên một chiếc thuyền nhỏ giống như canô đang đợi sẵn và bắt đầu chèo. Tôi nhìn theo bà cho đến khi chiếc thuyền còn lại nhỏ xíu trong khoảng xa. Tôi tự hỏi có phải điều chị Chea tiên đoán đã xảy ra: đó là các mảnh chai đang chìm xuống?

"Trở lại làm việc đi!" người trưởng nhóm nhỏ giọng ra lệnh, giơ tay vẫy ra hiệu, chúng tôi tiếp tục làm công việc.

"Xem, xem kìa, có người đang đến!" một cô bé la lên, cầm liềm chỉ về phía những người đang vượt qua hồ.

Vụ gặt dừng lại. Mọi người chạy ủa về phía những người phụ nữ vừa băng qua hồ.

"Họ bỏ chạy rồi, tất cả họ... họ đều bỏ chạy rồi..." Một người phụ nữ lấp bắp hụt hơi. Hai người kia đứng thở, vừa mỉm cười với nhau.

"Mae, mae (mẹ)..." một cô gái chạy nhào vào vòng tay người đàn bà.

Họ ôm lấy nhau, nhảy nhót, kêu lên những tiếng nghèn nghẹn giữa cánh đồng. Lần đầu tiên sau một khoảng thời gian dài, tôi thấy hạnh phúc trở lại. Tất cả chúng tôi mỉm cười khi nghĩ rằng không còn Khmer Đỏ nữa. Tim tôi nhảy múa trong lồng ngực, trí tôi hát lên tiếng "tự do" nhiều lần. Nhiều năm trước, tôi chỉ biết cách phát âm của từ này, nhưng bây giờ, vào tuổi 13, tôi mới thật sự hiểu có tự do nghĩa là gì, và đã bị tước bỏ nó khỏi mình như thế nào.

Sức nặng đè lên linh hồn, thể xác tôi bỗng tự nhiên bay lên. Phong cảnh chung quanh tôi đột ngột thay đổi – ruộng lúa vàng, những đám mây, những khoảng trời xanh bỗng đẹp lạ lùng. Chúng tôi chạy đi báo tin cho những người còn lại của gia đình, đua nhau chạy ngang qua hồ. Chúng tôi cười khúc khích khi té nước vào nhau. Tiếng cười thật dễ chịu, tôi thấy mình trở lại là một đứa trẻ. Đứa bé gái trong tôi trở lại, và sự tò mò trong tôi nổi dậy, có phải họ thật sự bỏ

chạy rồi chẳng? Tôi muốn biết.

Từ làng Poik Durng đến Daakpo tôi đều chạy, vừa cố kiểm tra ở các nơi khác nhau để xem vẫn còn dấu hiệu có Khmer Đỏ không. Nhưng mọi nơi ấy đều có vẻ bỏ không, nơi ở của bọn trẻ, các nhà tập thể, nhà xay lúa ở Daakpo. Ở đây, thúng mủng vút lung tung trên mặt đất. Chiếc cửa gỗ vào nhà kho thóc bị phá vỡ, mở toang. Tất cả gạo đã xay xong đều biến mất. Các ngôi làng đều lặng yên như khi chúng tôi được mang đến đây ba năm về trước. Khi đó, chúng tôi có chín người. Nhưng bây giờ chỉ còn có năm. Chị Ra – hai mươi, chị Ry – mười bảy, anh Than – mười lăm, tôi – mười ba và Map – bốn. Còn bốn người kia – Mak, chị Chea, Avy và Vin – tất cả đều đã chết. Như Pa. Ra đi. Vĩnh viễn.

CHƯƠNG 15

MỘT LÁ THƯ

Mặt trời chiếu sáng, bầu trời xanh ngắt. Khmer Đỏ đã chạy rồi. Trên con đường đất, các gia đình lũ lượt kéo đi như một dòng sông. Người ta bỏ lại cái nơi đã từng xiềng xích họ. Đi theo dòng người đó là gia đình chúng tôi. Chúng tôi là những đồ thừa mà "con ma" không muốn nên vất lại, như Mak trước đây thường nói. Vào ngày này, mọi người từ lớn đến nhỏ, từ đàn ông đến đàn bà đều có vẻ nhẹ nhõm hơn. Trên khuôn mặt vàng bủng, lõm sâu và cháy nắng mặt trời của họ, tôi thấy niềm hy vọng. Mắt họ loé sáng. Một vài nụ cười xuất hiện từ phía sau những khuôn mặt mệt mỏi. Tôi liếc nhìn những người đang cười. Tôi tự hỏi họ có trải qua cái cảm giác lớn lao của tự do mà tôi cảm thấy, cũng như cái xúc cảm không thể diễn tả đang bùng lên trong tôi không. Quả là một niềm vui phần chấn vừa mới được phát hiện.

Một người đàn bà thấp, chắc nịch, nhăn răng cười mặc dù bà mang chiếc đòn gánh cong vòng xuống vì chất đồ quá nặng. Đôi chân trần của bà bước đi như gió, như thể được đẩy đi bằng chính tình cảm bên trong của bà. Cũng giống như nhiều người chúng tôi, mấy đứa con gái của bà đội soong, nồi, thức ăn trên đầu, còn vai thì mang đòn gánh. Khi chúng tôi rời Phnom Penh bốn năm trước, quang cảnh khác hẳn. Lúc đó có xe hơi, xe gắn máy, xe đạp, trên đó chúng tôi cẩn thận xếp áo quần và thực phẩm, và trẻ em cũng ngồi trên đó. Còn bây giờ thì mọi người đều đi bộ, chân trần, lòng bàn chân chai cứng, nứt nẻ.

"Tất cả mấy cháu đi đâu?" người đàn bà hỏi, mỉm cười với chúng tôi.

"Cháu cũng không biết, thưa mình (dì)" tôi trả lời, cười lại với bà, rồi đưa mắt nhìn chị Ra tìm câu trả lời. Nhưng tôi chỉ nghe thấy tiếng vọng của tôi mà thôi.

"Cháu cũng không biết, thưa dì" chị Ra nói, môi thoáng nụ cười mơ hồ với người đàn bà

"Chúng cháu đi theo mọi người".

"Thế là chúng ta cứ đi theo người khác. Đi đến chỗ nào có thức ăn", bà nở nụ cười rạng rỡ.

*

Chiều muộn, chúng tôi dừng chân ở một ngôi làng để ăn và nghỉ ngơi, rồi sau đó đi kiếm thêm thức ăn dự trữ. Trong cánh đồng bên cạnh đường lộ, chúng tôi mót lúa, những hạt lúa rơi vãi mà thợ gặt bỏ lại. Chúng tôi theo đám người đã có mặt sẵn tại đó, bao và xô của họ đã được một nửa lúa hoặc gần đầy. Còn chúng tôi thì chỉ vừa mới bắt đầu.

Khi đi xuyên qua ruộng lúa để mót lúa, chúng tôi chợt thấy mấy người cô của mình cũng đang mót lúa, họ đang đưa tay tuốt các hạt lúa khỏi thân cây. Họ là em gái của Pa, cô Chin và cô Leng. Mặc dù bây giờ không làm việc dưới sự kiểm soát của Khmer Đỏ nữa, các cô cũng không có thời gian để nói chuyện. Họ đều bận rộn. Bộ mặt trũng sâu của họ chăm chú điều khiển đôi bàn tay. Trông họ như những người lạ đối với chúng tôi. Phải mất một lúc tôi mới nhận ra được họ là bà con thân thích. Ảnh hưởng của việc Khmer Đỏ xóa bỏ tình cảm gia đình dần dần mới trôi khỏi trí óc tôi và rồi ý thức về liên hệ gia đình mới dần dần trở lại thay thế vào chỗ đó.

Tay vẫn bận rộn, cô Chin nhăn mày, hất đầu ra dấu cho chúng tôi biết con cái cô đang ở cánh đồng kế bên. Rồi sau đó cô và cô Leng hỏi chúng tôi sau khi tạm trú ở làng này rồi sẽ đi đâu. Chị Ra trả lời chị không biết. Các cô bèn giục chúng tôi trở về Phnom Penh cùng với họ. Chị Ra đồng ý, trông có vẻ nhẹ nhõm.

Nhưng trước khi chúng tôi kịp xay xát đám lúa mót xong, cô Leng đã quyết định rằng cô, gia đình cô Chin, cô Cheng, Kong Houng và đứa con duy nhất còn sống sót của chú Surg phải đi và rời nơi đây trước. Cô dự định là chúng tôi sẽ đi theo họ khi nào xay xát lúa xong. Chị Ra yêu cầu họ đợi còn chúng tôi sẽ làm nhanh lên cho kịp nhưng cô Leng chỉ nói rằng họ sẽ đi chậm, như thế chúng tôi sẽ bắt kịp ở dọc đường. Chị Ra không nói gì nữa, mặt chị đỏ bừng lên khi tay vẫn mạnh mẽ tuốt lúa.

Chúng tôi khởi hành, không thấy dấu tích gì của các cô, các anh em họ hay Kong Houng cả. Tôi ao ước chúng tôi bằng cách nào đó gặp được các anh chị em còn lại của Mak, nhưng cũng không có dấu vết nào của họ. Có vẻ như cả đại gia đình của chúng tôi đã bỏ lều chạy đi ngay khi bọn Khmer Đỏ biến mất. Thế là chúng tôi chỉ còn lại gia đình riêng của mình, năm anh chị em ở trên đường không có điểm đến. Chúng tôi chỉ còn biết trôi theo đoàn người, đi đến bất cứ nơi đâu có thể kiếm được thức ăn. Khi đêm xuống, chúng tôi quyết định nghỉ lại trong một ngôi làng gọi là Korkpongro, ngụ tại căn phòng trống của một căn nhà bằng gỗ bỏ hoang, như nhiều gia đình khác cùng đi với chúng tôi.

Sau đó trong đêm khuya, chúng tôi nằm ngủ cạnh nhau. Tôi nhanh chóng trôi vào giấc ngủ như thể có ai bỏ bùa mê vào người tôi, và chỉ thức giấc khi nghe thấy tiếng súng từ xa vọng lại, âm thanh quen thuộc chúng tôi đã từng biết quá rõ. Tiếng nổ rỗng, đục của trọng pháo cùng với

tiếng khàn khàn của súng trường.

Tiếng trầm trầm của một người đàn ông vang lên trong đêm yên lặng "Cái gì thế?"

Tôi nhòe dậy, cả anh chị tôi cũng thế.

"Cái gì, cái gì xảy ra vậy?" Chị Ra bật lên, hoảng hốt.

Những người nằm gần đó cũng thức giấc. một người đàn bà hỏi câu hỏi mà chúng tôi đều muốn biết câu trả lời. Ai đang đánh nhau? Khmer Đỏ? Người đàn ông lúc này nói, họ không ngạc nhiên nếu tiếng súng đó thuộc về Khmer Đỏ. Chỉ lúc đó tôi mới nhận thức được rằng chúng tôi chưa an toàn chút nào.

Sáng ngày hôm sau, mọi người trong gia đình tôi tiếp tục đi mót lúa, kể cả Map mới bốn tuổi, cũng đi giúp chị nó tìm các đám lúa còn sót dưới ánh nắng mặt trời nóng bỏng. Đi kiếm thức ăn thừa trên những cánh đồng vừa mới gặt xong, tôi không nghĩ đến gì ngoại trừ đến những khóm lúa vàng. Khi đêm đến, tiếng súng lại gầm lên từ xa xa. Tiếng nổ nghe lớn hơn đêm trước, như thể cuộc chiến chỉ cách đây một ngôi làng. Ba ngày kế tiếp nó vẫn tiếp tục, khiến chúng tôi thấy mình bị kẹt. Lo sợ, chúng tôi giải bày với các gia đình khác ở gần chúng tôi. May thay, họ bảo chúng tôi có một lễ cầu kinh gần đó và giục chúng tôi tham dự.

Trên một sân khấu giống như boong tàu có mái che bằng gỗ, ánh nến soi sáng sàn gỗ và ảnh Đức Phật ngồi trong rừng. Sau hàng nến là các ông già bà già ngồi, đầu cạo nhẵn. Những người lớn tuổi này hẳn trước đây là ni cô và tăng lữ. Lòng kính sợ, tôi ngạc nhiên và dễ chịu khi thấy lại ánh nến sau chùng ấy năm, nhiều đàn ông, phụ nữ và trẻ em đã ngồi chung quanh nơi này, chân gấp lại gọn gàng trên mặt đất cát. Người lớn trong chúng tôi cất tiếng tụng kinh Phật. Những người biết kinh cất tiếng tụng theo, những lời kinh truyền thống bằng tiếng Pali. Lòng bàn tay họ ép vào nhau, đưa lên ngang cằm. Đúng là một buổi cầu nguyện thích hợp với cái đêm đáng sợ này.

Dẫu đi cầu nguyện ban đêm, tâm hồn chúng tôi vẫn không bình yên được. Âm thanh của chiến tranh vẫn mạnh mẽ. Chúng tôi đang phải rời Korkpongro. Nhiều gia đình cũng ra đi, mặc dù vẫn còn lúa để mót. Đã thu được một ít lương thực, chúng tôi quyết định đặt sự an toàn của mình lên trước hết.

Chúng tôi đến làng kế cận – Chhnoel, trước khi đêm xuống. Tại đây, đã có người đến dựng trại dọc theo ngã ba đường, cạnh các túp lều và các mái nhà tranh tại đó, dưới hàng cây dừa, xoài và cọ. Chỗ trú ẩn của họ thích hợp, làm bằng chần màn, xà rông, vải dầu. Mọi người đều mệt mỏi, nhất là Map. Tôi biết nó đói, nhưng nó không khóc đòi ăn khi chúng tôi đang tìm chỗ cắm lều trên một ruộng lúa khô.

Ngày hôm sau, được các bà hàng xóm báo cho biết ở đây rất khó mót được lúa, phải đi bộ rất xa, chúng tôi quyết định để Map ở lại trong lều hoặc chơi bên ngoài với mấy đứa trẻ khác. Khi

chúng tôi ra đi cùng với các phụ nữ, Map khóc, mắt nhìn theo chúng tôi. Phải sau vài ngày, Map mới làm quen được với sự vắng mặt suốt ngày của chúng tôi, và chịu chơi với những đứa trẻ khác.

Sống cạnh lều chúng tôi là gia đình còn lại của bang Meng. Vốn chị và chị Ra cùng làm việc với nhau ở trại lao động. Chị, cô chị, các em gái và một đứa em trai nhỏ trước đây từng sống ở Daakpo. Chị tuổi chừng hai mươi, tuổi chị Ra, người thấp, mảnh khảnh, tóc đen thẳng dài đến ngang cằm. Cặp mắt và nét mặt nhẹ nhàng của chị cho tôi chị có dòng máu Trung Hoa. Chị có vẻ thông minh với cách xử sự điềm tĩnh của mình. Chị làm cho tôi nhớ đến chị Chea. Chỉ sau vài ngày, hai gia đình chúng tôi đã gần gũi, thân thiết nhau. Cả hai gia đình chúng tôi đều mất cha mẹ và đang học cách để tự bảo vệ mình.

Lúa càng trở nên hiếm hoi. Đã đến một tuần kể từ khi chúng tôi đến đây. Ngày hôm nay chúng tôi chỉ mót được đủ cho một bữa ăn trong ngày. Khi chúng tôi trở về, có tin chờ chúng tôi – một lá thư từ bon Khmer Đỏ bảo chúng tôi phải rời khỏi Chhnoel.

Có một đôi vợ chồng được trao một lá thư và bảo đọc cho mọi người nghe. Trong thư, người phụ nữ bảo, chúng cảnh cáo chúng tôi phải rời khỏi làng này. Nếu chúng tìm thấy chúng tôi ở đây, chúng sẽ không tha cho một ai. Chúng sẽ giết hết mọi người, kể cả đứa bé đang nằm trong nôi.

"Ồ, tôi không nghĩ chúng dám đến đây đâu" một người đàn ông nói, tay vung lên như để gạt đi sự sợ hãi "Chắc chúng nghĩ bộ đội Việt Nam ở đây và sợ không dám đến. Chúng chỉ muốn dọa chúng ta mà thôi. Đừng sợ".

Thế là ngày hôm sau chúng tôi lại đi mót lúa, để Map một mình ở lại lều. vì lúa còn sót lại rất hiếm hoi, nên chúng tôi phải chia ra, chị Ra và tôi đi về hướng bắc cùng với một nhóm phụ nữ trong khi chị Ry và anh Than thì cùng với những người khác đi về phía nam.

Ra và tôi làm việc rất nhanh, cố lấy được nhiều lúa người ta bỏ lại chừng nào hay chừng nấy. Nhưng bỗng từ xa tôi nghe một âm thanh trầm, đục. Tôi ngừng tay.

"Chị Ra, có tiếng súng! Chị có nghe không?" tôi nói lớn.

"Dì ơi, có tiếng súng! Từ phía này nè!" Chị Ra kêu lên, đưa tay chỉ. Chị ra hiệu cho những người phụ nữ gần đó đến chỗ chị.

"Ồ, tiếng súng ở xa mà" một người nói, cố gạt bỏ mọi lo âu của chúng tôi "Tôi còn ở lại một lúc nữa". Bà ta quay lại làm việc. Tôi thì tim đập thình thịch. Tôi muốn bỏ về. Tiếng súng nghe lớn hơn. Tôi quay sang chờ chị Ra quyết định, nhưng chị lại nhìn mấy người đàn bà kia.

"Tôi cũng ở lại thêm một lúc nữa" một người nói, và mấy người kia đồng tình, trong đó có cả chị tôi.

Một tiếng nổ dội lại nghe gần hơn trước. Tôi gào lên "Chị Ra! Đi đi! Chị không nghe thấy sao?"

Tiếng nổ ngày càng lớn hơn đó!"

"Nhưng mọi người vẫn còn..." Chị chưa nói xong thì người đàn bà bên cạnh chúng tôi đã bỏ chạy.

Bà vừa chạy vừa la lớn "Tôi đi đây. Tôi không ở lại đâu, mấy đứa con tôi..."

Chị Ra nắm lấy bao lúa và cái thúng rồi chạy đi. Tôi lại theo sau chị, cùng với những người phụ nữ khác.

Những tiếng nổ vang dội càng ngày càng gần hơn về phía làng Chhnoel. Một trái nổ rơi gần bên chúng tôi, mọi người đều la thất thanh. Tôi thầm trách móc những người phụ nữ kia, và rất giận chị Ra vì chị đã không nghe tôi.

Ngang qua cánh đồng lúa gần Chhnoel, trẻ con, đàn bà, đàn ông đều chạy tán loạn, giống như một đàn kiến vỡ tổ. Các bà mẹ tay ôm con, tay kia kéo sát những đứa con lại vào bên người trong khi những kẻ khác đội đồ đạc lên đầu mà chạy. Một số người kéo tay trẻ con chạy băng băng. Những người khác mang thức ăn trên đòn gánh. Trẻ con chạy theo sau, lê lết trong đám đông. Trong khoảnh khắc ấy tôi chợt nhớ đến Map, bèn gào to với chị Ra.

Giữa dòng người cuồn cuộn, chị thoáng lên một cái nhìn tuyệt vọng về phía tôi. Chúng tôi về đến lều, Map không còn ở đó nữa. Cả anh Than và chị Ry cũng không. Phần lớn các lều chung quanh đã được tháo ra, rồi biến mất. Chị Ra kêu lớn bảo tôi tìm Map trong khi chị vội vã gói ghém đồ đạc.

Đám người trôi qua quanh tôi, tôi chăm chăm nhìn từng đứa trẻ tôi gặp. Bọn chúng đều khóc lóc, giống như tôi. Đột nhiên tôi nhìn thấy xa xa một đứa bé đang gào khóc, mắt thì nhìn về hướng mà chị Ra và tôi đang chạy đến. Trên con đường đất nhô cao giữa ruộng lúa, nó bước thình thịch, tay giơ cao huơ lên hoảng loạn trên không trung. Tôi chạy nhanh, hai tay rẽ đám người sang hai bên trong khi mắt cố khỏi mất dấu đứa bé. Đến gần hơn, tôi mới nhận ra được quần áo của nó. Đó chính là Map!

"Map, Map ơi! Chị ở đây, trên này ne!" tôi giơ tay, vẫy loạn.

Map chạy đến tôi, đưa tay chùi nước mắt. Tôi nắm lấy bàn tay kia của nó, Map nhìn tôi. "Em chờ lâu quá" nó cầu nài "Sao chị không về sớm hơn?" Nó ném cho tôi một cái nhìn giận dữ, hàng lông mi dài nhướn lên rồi hạ xuống.

Tôi nhẹ người và cảm ơn Trời Phật đã tìm ra được Map, thấy được khuôn mặt nhỏ xíu giận dữ của nó trách móc tôi, đến nỗi lúc đó tôi quên bẵng cả tiếng súng đang nổ bên tai.

Chị Ra thì đang buồn phiền. Chị gọi lớn bảo tôi mang đồ đạc gồm bao lúa, soong, nồi...tất cả đều buộc lại để mang bằng đòn gánh. Chị thì nhấc gói đồ của mình lên vai, rồi lại đặt xuống. Chị lấy bớt ra một cái nệm đan, được cuộn lại, dài gần gấp hai lần Map, và đưa cho nó mang. Rồi chúng tôi chạy, hướng về phía cây cầu tạm bắc qua con mương. Đám đông dồn lại. Một

tiếng nổ vang dội như sấm sét. Mọi người kêu rú lên như động kinh. Chị Ra bèn bước xuống nương và lội qua phía bên kia. Tôi theo chị. Map ở phía sau, thở hồng hộc. Sức nặng của tấm nệm làm nó chậm lại, kéo ngược nó ra phía sau. Chị Ra thì ở phía trước rất xa, chỉ còn là một hình dáng nhỏ bé trong đám người. Tôi đứng chờ Map. "Đi nào, nhanh lên", tôi tự bảo mình, lo sợ cho Map và cho chính tôi.

Khi một quả đạn đại bác nổ, tiếp theo là một tràng âm thanh trầm đục của súng trường, mọi người càng dồn nhanh về phía trước. Tôi chạy qua một ruộng lúa khô nứt nẻ, đến ruộng khác, rồi leo lên con đường đất cao. "Map, nhanh lên, nhanh lên!" tôi hét lớn, mong cho Map bước nhanh lên. Khi tôi quay lại tìm nó, nó ở rất xa phía sau, cách cả một thửa ruộng, và đang đứng yên. Nó khóc, hai tay vẫn cố cầm tấm nệm còn cao hơn cả nó. Tôi vẫy tay gọi nó tới. Nó lắc đầu. Tôi bèn bỏ gánh đồ xuống và chạy về phía nó, nhưng Map đã buông tấm nệm xuống và đi về phía làng Chhnoel. Tôi kêu thét lên "Không, đừng trở lui!"

Map khuất hẳn sau đám người và đám cây. Tôi đứng yên, chờ nó trở lại, nhưng chỉ thấy những đứa trẻ khác cùng với gia đình của chúng. Tôi bèn đặt gói lên vai và chạy về phía trước.

"Chị Ra, chị Ra, ngừng lại!" tôi gào. Chị quay lại. Tôi ngừng chạy, khóc.

"Map đâu rồi?" Chị hỏi, mắt chị lộ vẻ hoảng sợ.

"Chị chỉ biết lo cho thân chị" tôi hét lớn "Chị không giúp em trông Map. Bây giờ nó đi rồi, chạy lui rồi!"

"Chạy lui đâu?"

"Về phía Khmer Đỏ!" tôi gào lên, rồi chỉ về phía hàng cây và đám người đang chạy.

Chị Ra đặt gánh đồ trên vai xuống, chạy, rồi leo lên đứng trên con đường đất nhô cao "Ming, pao, có ai thấy thằng em con đâu không?" Chị Ra hỏi, tay giơ ra phía trước các người đi qua, nhưng không ai nhìn vào chị.

Đột nhiên một người đàn bà nói với chị Ra "Này Ra, em trai cháu đang đến kia kìa!"

Chị Ra đưa mắt tìm kiếm rồi chân chị nháy vọt lên trên con đường đất. Người đàn bà vừa nói đang chạy về phía tôi, với hai cô con gái. Tôi bèn hỏi "Dì ơi, em cháu đang chạy đến đây phải không?"

Người đàn bà gật đầu. Bây giờ tôi mới nhớ ra bà là ai – lẽu bà nằm gần lẽu chúng tôi ở Chhnoel. Đột nhiên chị Ra và Map xuất hiện, tấm nệm thì vất đâu mất rồi. Chị kéo Map lên con đường nương. Khi Map đến gần, tôi mắng nó "Thằng điên! Sao lại chạy trở lui! Em không biết là sẽ bị bắn chết hả?"

"Nhưng tấm nệm nặng quá, chân em đau lắm" Map sụt sịt "Chị không chờ em, chị để em đi một mình".

Cả ba chúng tôi cùng chạy đi, bắt kịp người đàn bà kia và mấy đứa con gái. Rồi chúng tôi vượt

lên phía trước họ. Khi chúng tôi đến gần làng Kandal, cách làng Chhnoel chừng hai dặm, người phụ nữ từ phía sau gọi tới chị Ra

"Này, nghỉ một chút đi cháu!" bà van vỉ, thở hắt hơi.

Chúng tôi bèn dừng lại cách con mương vài bước.

"Được, chúng cháu nghỉ với dì", chị Ra nói, miệng cũng thở hổn hển.

Người phụ nữ, mệt và chán nản, nói lớn với hai đứa con gái "Ném bớt đồ đi con, nặng quá, mang không nổi. Nhanh, nhanh lên"

Chị Ra cũng nhìn lại đồng đồ của mình, chị lấy ra cái nồi, thớt và một bao muối rồi chị kêu lên

"Thy ơi, chị không thể ném các thứ này đi được, mình cần chúng!"

Bùm! Một quả đạn pháo đổ xuống gần đó. Chúng tôi vội nhảy xuống mương, rồi chị Ra nhô đầu lên kêu lớn "Dì ơi, ở đây nè!"

Khi tng súng ngưng, chúng tôi leo lên khỏi con mương. Để tránh một cuộc tấn công của Khmer Đỏ từ làng Kandal, chúng tôi chuyển đến một rừng cây cách xa làng này. Tại đây, chúng tôi nằm nghỉ trên mặt đất dưới bóng cây, những người chạy loạn đâu mất cả, chỉ còn chúng tôi. Hai gia đình – người phụ nữ và hai đứa con gái, chị Ra, Map và tôi. Bây giờ tôi mới thở ra hơi, và cảm thấy cả người đau nhức. Trí óc như trôi đi, nhường chỗ cho cơn mệt nhoài. Đầu gục xuống, tôi ngủ gà ngủ gật ngay. Dầu vậy tôi vẫn cố mở mắt và cố nghe chị Ra và người phụ nữ kia nói chuyện về nỗi sợ hãi của họ.

Rồi có ai đó xuất hiện sau hàng cây. Chúng tôi đứng bật dậy, sẵn sàng bỏ chạy.

"Là Meng...chị là Ameng đây mà", chị Ra chạy tới phía cô ấy, tôi đi theo sau.

"Ara, ôi Ara ơi – các chị em tôi, trời ơi, dì tôi, dì tôi..." bang Meng lấp bắp, ngắt quãng "Ara ơi, họ chết hết rồi! Chết rồi! Bọn Khmer Đỏ giết cả gia đình tôi rồi...."

Chị Meng thở hổn hển, người chị run lên bần bật, lắc lư. Tay chị cố nắm lấy cây đòn gánh đang dùng đưa hai cái rương to bự trên vai. Chị Ra phải đỡ lấy cây đòn gánh đặt xuống đất.

Thoát khỏi gánh nặng đè trên vai rồi, bang Meng trong tiếng khóc, hãi hùng lấp bắp kể lại cái chết của những người trong gia đình chị. Đang nói, chân chị bỗng khụy xuống, rồi chị cố đứng lên. Lúc đó cả một đám ruồi bay lúi lúi, bật khỏi chiếc áo đầy máu của chị, nhưng rồi bu lại ngay.

Khi chị bình tĩnh lại, chị kể cho chúng tôi chuyện vừa xảy ra, nước mắt ứa ra đầy mặt. "Lúc đó chúng tôi quá mệt và sợ bị trúng bom đạn nên ngừng chạy, núp vào trong ruộng lúa cùng với bốn gia đình khác cạnh con đường đất. Đột nhiên một người mặc đồ đen, một tên Khmer Đỏ tiến lại. Hắn đến chỗ một đứa bé, một đứa bé trai bệnh hoạn, mặt sưng phù đang nấp cạnh con đường. Ôi, Ara, dì ơi, khủng khiếp quá..." Chị Meng rũ người ra, run lẩy bẩy.

Cậu bé van xin, tay đưa lên trán. Nó nói "Pao ơi, đừng giết, xin đừng giết cháu!"

"Tên Khmer Đỏ đó nói với cậu bé "Tao không giết mày đâu",nhưng vừa nói thế, hắn vừa rút khẩu súng lục ra và bắn cậu bé, ngay vào đầu. Khi thấy vậy, tôi biết rằng chúng tôi sẽ là những người kế tiếp". Chị Meng kể "Khi hắn bước lại phía chúng tôi, các em trai em gái tôi, dì tôi, các cô gái khác trong gia đình này, cả bà ngoại già...tất cả đều sampeahed [1] hắn. Tất cả đều van xin hắn. "Poo, Khmuy [2], chow [3], đừng giết, xin đừng giết chúng tôi!" Khi hắn đến gần, tôi nhắm chặt mắt lại. Tôi lấy cả khăn và nón để che mặt. Tôi nằm dài ra đất ngay chân của dì, anh chị em tôi. Tôi nghe những tiếng súng, rất lớn. Trời ơi, mọi người ngã xuống trên người tôi. Máu nóng chảy xuống trên người tôi, ướt đầm cả áo tôi. Rồi tôi cảm thấy một bàn chân giẫm lên ngực, tôi nghĩ hắn đã bắn tôi..."

Về sau, chị Meng nghe tiếng chân bước lại gần. Chị cứ sợ chính tên Khmer Đỏ hồi nãy trở lại để giết nốt chị. Chị kêu lên, run lật bật vì khiếp sợ, nghe tiếng chân dừng lại bên chị. Rồi chiếc nón che đầu chị bị giật ra. Chị run lấy bầy, kêu thét lên, đưa tay che mặt. "Đừng sợ tôi", chị nghe một tiếng đàn ông nói "Tôi không làm hại cô đâu. Tôi là một người lính tốt, lính của PARA [4]". Anh nói rằng khi anh chú ý thấy thân thể chị Meng còn thở, anh biết mình có trách nhiệm phải cứu chị. Sau khi giải thích thái độ của mình xong, anh khuyên chị nên rời Chhnoel, vì thế chị đi đến đây với chúng tôi, một mình, không còn gia đình nữa.

Sau khi nghe câu chuyện của chị Meng, tất cả chúng tôi đều quyết định phải đi xa hơn nữa khỏi Chhnoel và Kandal. Chúng tôi nhập vào một nhóm người ở một vùng đầy cỏ khô. Chỉ một vài đàn ông và đàn bà nói chuyện, đa số thì ngồi ngấm các ngọn cỏ hay nhìn vào khoảng không. Chúng tôi đóng trại đêm ở đó.

Sáng hôm sau bang Meng liền đi trở lại Chhnoel với vài người khác cũng mất gia đình như chị. Nước mắt chị ứa ra khi chị kể về mùi hôi và đông xác người được chuyển đến một cánh đồng khác để thiêu. "Ara ơi, đứa em trai nhỏ của mình đã mất rồi!", chị nức nở. "Nó nhọt nhọt, không còn hột máu, bất động..." Chị yêu cầu chị Ra cùng chị đi xem thi thể của người thân một lần cuối trước khi hỏa thiêu. Trong tình cảnh như vậy, chị Ra không thể từ chối được. Đấu tranh mãi để quyết định xem làm điều gì là đúng nhất, cuối cùng chị Ra mang cả Map và tôi đi theo vì sợ lại lạc nhau nếu như Khmer Đỏ lại tấn công lần nữa.

Khi chúng tôi về lại Chhnoel, dấu tích hiện diện của Khmer Đỏ vẫn còn. Quần áo nằm lung tung, chăn màn, soong nồi vất rải rác gần các gốc dừa, gốc cây cọ. Tôi rất sợ trở lại nơi này, khi chúng tôi đến gần một ngõ hẹp giữa xóm nhà, một cơn gió ấm mang lại cái mùi kinh khủng. Trước khi tôi kịp hỏi đó là mùi gì, chúng tôi đã thấy một bãi đất tro đen sì, bằng nửa thửa ruộng lúa.

"Ôi trời ơi, họ đã thiêu hết những người thân của mình rồi" Chị Meng thét lên, choáng váng, đưa tay lên che miệng.

Chị vội vã chạy đến chỗ những phần thân thể cháy thành than. Chị Ra chạy theo chị. Nắm chặt tay Map, tôi như mọc rễ xuống đất. Tôi co rúm người lại khi chị Meng và chị Ra cúi húi lục tìm trong đám tro đen những phần thân thể cháy đen còn lại. Mùi khét lẹt đây bật tôi lùi lại, nhưng chính sự im lặng ma quái lại thúc tôi dắt Map lại chỗ hai chị. Bây giờ thì tất cả chúng tôi đều chăm chú nhìn vào những phần thể cháy thành than đó.

"Ara ời, đây là mấy đứa em gái và dì mình đó. Xem này" bang Meng bước tới nhặt lên một mảnh ngực nhỏ cháy đen "Có lẽ đây là một phần của em trai mình đó. Nó còn nhỏ lắm mà".

Liếc nhìn qua cái bộ ngực cháy đen với xương lồng ngực vẫn còn nguyên vẹn, tôi vội kéo Map đi. Tôi quay mặt đưa mắt nhìn hàng cây và cánh đồng xa xa. Tôi cũng lấy tay che mặt cho Map, bụng tôi sôi sùng sục, muốn ói.

Rồi chúng tôi rời nơi đó, đi trở lại con đường chính của làng Chhnoel, chị Meng kể cho chúng tôi nghe những chuyện chị nghe được vào ngày đầu tiên chị trở lại nơi này. Đưa tay chỉ đám cây cọ, chị nói rằng lính PARA tìm thấy thi thể của một phụ nữ bị sát hại nằm lẫn lóc bên cạnh thi thể của đứa con mới sinh, hai chân bị xé toạc ra. Chị nói nhiều đứa bé bị giết bằng cạnh răng cưa sắc lẹm của một cành cọ. Còn một phụ nữ khác bị phù thũng thì bị bắn vào đầu trong nhà. Tôi ước chi bang Meng đừng kể cho chúng tôi nghe những chuyện ấy. Tôi cũng cầu nguyện cho chị Ry và anh Than đã không quay trở lại đây tìm chúng tôi. Tôi cầu mong họ vẫn còn sống ở một nơi nào đó.

Chú thích:

[1] Van lạy, cử chỉ kính cẩn bằng cách chắp hai lòng bàn tay vào nhau, đưa từ ngực lên cầm

[2] Cháu, tức con của cô, dì...

[3] Con, tức con của mình

[4] Tức Mặt trận Giải phóng quốc gia người Khmer, một tổ chức kháng chiến, chống lại Khmer Đỏ được lãnh đạo bởi Son Sann, một thủ tướng thời còn hoàng thân Sihanouk

CHƯƠNG 16

CUỘC DI DÂN

Chúng tôi tới làng Sala Krao thì gặp một vụ khác đang chấn động dân chúng. Chúng tôi, cùng vừa khoảng mười lăm gia đình đi tìm chỗ trú ẩn an toàn, nhập vào một đám người gồm đàn ông, đàn bà đang giận dữ nhìn về phía ba người đàn ông tay bị trói quặt ra sau lưng. Kèm bên họ là hai người đàn ông mặc quần áo dân thường và hai người bộ đội Việt Nam trong đồng phục màu xanh lục thẫm và nón sắt. Đây là hai trong số bộ đội Việt Nam chúng tôi từng gặp, mặc dù người ta bảo rằng có nhiều bộ đội đóng tại phía bên phải con đường.

"Chúng là Khmer Đỏ" một người đàn ông trong đám đông kêu lên "Chúng mặc thường phục như vậy để xâm nhập vào làng này đấy".

Tâm trí tôi như bị khoá lại, không nhận ra thêm bất cứ tin tức nào nữa. Giọng người đàn ông vẫn đều đều. Tôi không còn nghe nữa. Con đau giật nhức nhối của chiếc răng khôn bị sâu bỗng trở lại. Con đau làm suy mòn luôn chút sức lực còn lại trong tôi khi đến Sala Krao. May mắn thay, trên đường đi cùng với các gia đình tị nạn, chúng tôi nhận ra anh Than, chị Ry và Phally, vốn là người giúp việc trước đây của Leng hời còn ở Phnom Penh. Khi Khmer Đỏ tấn công làng Chhnoel, họ thu xếp chạy về phía nam, rồi họ đi theo các gia đình khác cho đến khi tình cờ chúng tôi lại đoàn tụ. Anh Than và chị Ry mang giúp tôi bao đồ thực phẩm, gánh nặng này đã làm tôi chậm bước nhiều lần. Bây giờ, mặc dù không còn mang vác gì nữa, tôi bước đi vẫn còn thấy khó khăn.

"Athy, nằm xuống đây một chút đã", chị Ry vỗ lên vai tôi, chị đưa tay chỉ một tấm vải trải ra trên đất gần một rễ cây nhô ra ngoài.

Thân thể tôi đòi nằm xuống nghỉ, nên rất vui mừng trước tấm vải đợi sẵn. Nhưng một tiếng nổ lớn vang vọng. Một ánh lửa sáng loà. Đất rung chuyển. Tôi cảm thấy nóng nực. "Mak ơi, giúp con..." tôi nghe thấy mình kêu lên một tiếng kêu dài.

"Nhảy xuống nước, nhảy xuống nước đi, nhanh lên".

"Mak ơi, cứu con..." Vào lúc ấy tôi tưởng rằng mình đã chết, nhưng tôi nhận ra mình đang nằm soãi ra và thấm ướt. Nước bùn chảy vào miệng và tai tôi. Tôi vùng vẫy, cố đứng dậy. Một tiếng nói ra lệnh "Đừng nhòem dậy, Athy". Tôi cảm thấy có một bàn tay đè lên vai tôi. Tôi mở mắt ra và thấy chị Ry đang nằm bên cạnh. Hóa ra chúng tôi đang nằm dưới một cái ao! Tôi không hiểu nổi...

Đột nhiên có tiếng em bé khóc ré, và chỉ đến lúc đó tôi mới hiểu ra rằng chúng tôi đang bị Khmer Đỏ tấn công lại. Lúc này là ban đêm, một đêm trăng sáng. Nhiều cái đầu mờ mờ rải rác đó đây trên mặt nước. Chị của đứa bé, có lẽ được ba tuổi, cũng khóc – tiếng mẹ nó thì thào "Đừng khóc, nếu Khmer Đỏ nghe thấy, chúng sẽ giết con đó. Nín đi!" Đứa bé gái nín khóc, đưa mắt nhìn mẹ nó. Cha nó chậm chậm lội đến gần nó.

Một tiếng súng khác bắn đi từ phía xa, tạo nên một tiếng động lớn trong đêm. Bây giờ thì tôi

biết đó là loại súng gì – đó là súng chống xe tăng bắn đạn hoả tiễn. Sau vài giây nó đập vào cành của chính cái cây chúng tôi đang nấp ở đấy, làm lá cây vụn bốc cháy.Đột nhiên một tiếng nổ khác phát ra từ phía những người bộ đội Việt Nam, khiến chúng tôi hoảng hốt gào lên tìm chỗ nấp. "Thật đúng lúc. Thế mà tôi cứ tưởng họ chết hết rồi chứ", tiếng một người đàn ông thở phào.

Tiếng súng từ phía Khmer Đỏ ngừng lại. Một lát sau lại tiếp tục, nhưng rồi ngừng sau hai loạt pháo liên tục từ phía Việt Nam. Sau đợt thừa ba, đêm trở lại hoàn toàn yên tĩnh. Tôi nhẹ nhõm, thầm cảm ơn bộ đội Việt Nam đã có mặt ở đây đêm nay để chống lại Khmer Đỏ.

Đến sáng tôi thức giấc bởi nghe nhiều giọng nói. Một người lính Việt Nam mặc đồng phục màu xanh thẫm, đội nón sắt đang bước nhanh trên đường với một cái xách trông giống như cái cặp da trên tay. Đi cùng ông ta là hai cô gái, có lẽ tám và mười tuổi. Họ đến chỗ chúng tôi. Hai cô gái đứng cạnh ông ta, cô gái trẻ hơn ngẩng nhìn chúng tôi. Người lính nói tiếng Việt, cô gái lớn nhìn ông ta, lắng nghe. Rồi cô dịch lại cho chúng tôi "Ông ta muốn đến xem thử mọi người có bị thương ở đâu không".

Rồi người lính lần lượt lấy từng mảnh đạn pháo nhỏ xúi cắm vào lưng, mặt, tay chúng tôi ra. Đêm nay một người đàn ông tóc bạc trắng mà anh Than quen biết cho chúng tôi ở nhờ nơi căn nhà gỗ của ông chừng nào chúng tôi muốn. Ông nói, ở đó an toàn hơn. Chúng tôi lễ phép gọi ông là Om, ông chú. Nếu như Khmer Đỏ lại tấn công, hàng cây và con đường sẽ che chở cho chúng tôi khỏi bị trúng đạn trực tiếp. Căn nhà dựng trên cột gỗ lớn có ban công rộng bốn phía. Phía trước là một cầu thang xây bằng xi măng, bậc thang gỗ và sàn nhà. Chúng tôi nhẹ người khi có được chỗ này để trú ngụ.

Sáng hôm sau có hai người lính đến thăm chúng tôi. Hai người này chắc phải là anh em, họ có cùng chiều cao, chừng hơn một mét sáu mươi lăm, tóc đen dày, da nâu sậm. Trông họ khoẻ khoắn, mạnh mẽ và duyên dáng, nhất là khi cười. Họ đưa mắt liếc vội chị Ra, đứng dậy đi vào ngồi xuống khu nấu nướng. Ở tuổi hai mươi tràn trề sinh lực, sự nhọc nhằn đã không cướp đi nổi vẻ đẹp của chị. Dáng thon thả, vẻ mặt thanh, mái tóc dài khiến chị trông quyến rũ, đẹp hơn bất cứ người phụ nữ nào tôi từng gặp. Trong tất cả chúng tôi, chị cũng là người khoẻ mạnh nhất.

Một trong hai người lính cầm lên một chiếc xô bằng kim loại và hỏi tôi bằng một thứ tiếng Cambodia vỡ vụn "Cái này gọi là gì vậy?"

Tôi chậm chậm nói với anh cái từ một âm tiết chỉ cái xô. Anh cố gắng nói theo, nhưng nói không đúng. Nhăn răng ra cười, anh lập lại từ đó. Tôi bắt đầu. Anh cố lần nữa nhưng vẫn nói sai. Khi tôi nói từ đó nhanh hơn, tôi nghe tiếng dội sai lạc từ miệng anh ta vọng lại. Giống như mình nói từ "cow" rồi nghe dội lại bằng từ "cook".

Tên anh ta là Tranh. Anh biết ít tiếng Cambodia hơn người kia, Minh, người thường xuyên đưa mắt liếc chị Ra. Sau khi học được ít tiếng Cambodia, Minh và Tranh kể cho chúng tôi nghe về Việt Nam, về đới son của họ ở đó. Về khiêu vũ, âm nhạc. Rồi đột nhiên Tranh vụt chạy đi, biến mất trên đường làng.

"Rồi cây ấy sẽ trở lại ngay thôi", Minh bảo chúng tôi, miệng mỉm cười.

Liền đó Tranh xuất hiện với một người lính khác, miệng cười bên lên. Minh đứng dậy, đưa cái xô kim loại cho người lính, rồi nói với anh ta điều gì đó bằng tiếng Việt. Đứng đối diện chỉ cách nhau vài tấc, Minh và Tranh cười tươi rói, rồi gật đầu về phía người lính kia.

Nghe họ ra hiệu, người lính này bèn bắt đầu gõ vào hai bên chiếc xô bằng sắt, tạo ra một âm thanh nhỏ, đều, rền như chuông. Miệng anh ta mấp máy rồi hát lên một bài hát trữ tình rất hay bằng tiếng Việt. Trước khi tôi kịp hiểu, thì thân hình Minh và Tranh đã uốn éo nhịp nhàng, cong người về phía trước và uốn người lui, mềm dẻo như hai cây tre uốn mình theo nhịp của cơn gió. Tay họ cũng múa, đưa theo những chuyển động vòng tròn. Họ cười vang. Tôi cũng thấy vui lây.

*

Hàng người bắt tận bước trên con đường uốn lượn phía trước nhà Om. Đứng nơi ngã ba đường, chúng tôi quan sát những người đàn ông, đàn bà chân trần bước qua. Một số bồng em bé nơi tay. Số khác mang hàng bó nồi niêu, soong chảo và chần màn bằng đòn gánh hoặc đội lên đầu. Một vài người còn chiếc xe đạp cũ kỹ thì chất chần chiếu và thực phẩm lên đó. Trẻ em lớn hơn một chút thì dắt đi, tay được mẹ hay chị nắm chặt.

Om hỏi một người đàn ông gầy về nơi ông ta định đến. "Chúng tôi không còn muốn ở lại Cambodia nữa". Ông ta nói cương quyết "Đời sống ở đây quá khó nhọc. Chúng tôi cũng không biết đi đâu, chúng tôi chỉ muốn rời bỏ xứ sở này".

Trong ba ngày tiếp đó, Sla Krao từ sáng đến chiều là cửa ngõ cho cuộc di dân. Sau này chúng tôi mới biết, điểm đến của họ là một trại tị nạn nằm trên biên giới giữa Cambodia và Thái Lan.

Chị Ry, Phally và tôi quen với một phụ nữ địa phương tên là Art. chúng tôi gọi bà là dì Art, một người phụ nữ mảnh khảnh, dễ mến với cặp mắt đen đẹp, tuổi có lẽ chừng ngoài ba mươi. Dì có một đứa con nhỏ, nhà dì là một căn nhà gỗ nhỏ, nằm cách nhà Om chừng nửa dặm. Trong nhà treo đầy thúng đánh cá, soong nồi, rổ rây gạo và vỉ nướng bánh trên vách. Vỉ nướng bánh!

Trở về nhà Om, tôi kiểm tra lại chiếc cối đá dùng để nghiền gạo thành bột, và còn dùng vào các việc khác nữa. Sau đó đến tối, tôi bàn với chị Ra, Ry và anh Than ý tưởng của tôi về việc làm bánh nướng để đổi lấy gạo với người trong làng. Tôi bảo họ, khách hàng cũng chính là những người dân đi ngang qua làng Sala Krao. Người đi đường đói sẽ phải mua thức ăn. Mục đích của

tôi là sống bằng số gạo dư ra như thế chúng tôi khỏi phải trồng lúa. Chị Ra nói khó mà bán được vì người ở đây không bán thứ gì cả. Anh Than thì không nghĩ rằng người ta sẽ mua bánh của tôi, cho nên anh bảo sẽ phí chỗ gạo dùng để đầu tư vào việc làm bánh mà thôi.

Không giống chị Ra và anh Than, chị Ry cho rằng tôi phải thử mới biết được. Được sự hỗ trợ của chị, tôi ngâm nước sắn chừng bốn ký gạo để ngày mai xay thành bột. Rạng sáng tôi thức dậy, vo lại gạo và rửa cái cối đá, xong nghiền gạo thành bột. Chừng một tiếng đồng hồ thì xong. Tôi bèn trộn bột với nước đường cọ đen sì, với muối và nước. Tôi nghĩ, thêm trứng và nước dừa vào nữa, bánh này hẳn ngon không kém gì loại bánh chúng tôi ăn hồi còn ở Phnom Penh, nhưng ngay cả thế này thì cũng vẫn ngon rồi.

Nơi ngã ba đường cái, dưới bóng mát của hàng cây lớn, tôi chọn một địa điểm gần nơi giao lộ có nhiều người qua lại. Đặt nồi đựng bột xuống đất, rồi đào một cái hố, xong đặt ba viên đá bên mép hố để đỡ chiếc vỉ sắt.

Chị Ry mang cho tôi củi, vỉ nướng bánh mượn của dì Art, đĩa dẹt, nĩa, một mảnh gỗ thông từ nhà Om để nhen lửa. Map thì xách cho tôi một cái xô rỗng và một thùng đựng sữa cũng rỗng. Sữa soạn xong, tôi bắt đầu làm bánh.

Chị Ry, Map và chính tôi là khách hàng đầu tiên của tôi. Chúng tôi ăn hai cái bánh đầu tiên khi chúng dính vào vỉ sắt, giòn tan. Tôi đưa một miếng vào miệng. Map nôn nả nhặt các miếng vỡ lên và ăn ngay trước khi tôi cho nó ăn. Chị Ry thì nhấp môi, suy nghĩ.

"Athy ơi, bánh không được ngọt lắm", chị đưa mắt nhìn tôi, nghĩ ngợi.

"Em biết", tôi nói, nhăn nhẽng cười, sung sướng vì cuối cùng đã nghe chị bình luận. Thật ra đó là vì tôi không muốn tốn quá nhiều đường trong trường hợp chúng tôi không bán được và cuối cùng phải ăn hết cả sản phẩm của mình.

Chị Ry cười nói, vừa lắc đầu "Cái con bé này. Được rồi, chị sẽ về lấy thêm nhiều đường nữa". Tôi cũng cười "Đó chính là điều mà em định nhờ chị làm".

Dần dần, đám trẻ trong làng Sala Krao kéo đến nhìn chúng tôi. Chúng đứng nhìn thèm thuồng trong khi tôi bóc từng chiếc bánh ra khỏi vỉ.

Chị Ry bảo chúng "Nào, đi lấy gạo đi. Bảo với mẹ là tụi em muốn ăn bánh nướng." Chị cười bên lên và vẫy tay bảo bọn chúng đi. Chị cười vì đã nói như vậy.

"Một lon gạo," tôi nói thêm, nhặt cái lon sắt trong xô không đưa lên cho chúng xem, "thì đổi được hai cái bánh này". Tôi chỉ vào các chiếc bánh nướng trong đĩa. Chị Ry nhéo tôi, cười rúc rích. Map thấy vậy cũng cười theo.

Bột bánh hết nhanh hơn là tôi tưởng. Xách về một xô gạo khá nặng – cả vốn lẫn lời của chúng tôi – tôi đùa với chị Ry về công việc của ngày hôm nay. Chị Ry trêu tôi, lập đi lập lại lời bình luận của khách hàng. Tôi thì đóng cả vai khách hàng lẫn vai của tôi, nói như là đang đóng kịch.

Map cũng cười, ngược mắt nhìn hai người chị khùng điên của nó, trong khi chúng tôi rúc ra rúc rích như các cô học trò nhỏ ngày nào.

*

Tiệm bánh nhỏ xíu của chúng tôi kéo theo cả một cái chợ dã chiến. Nơi ngã ba đường dưới bóng cây, người dân làng Sala Krao và các làng khác kéo đến tham gia vào việc mua bán, đổi chác. Họ mang đủ đủ, dừa, bí, cá sống, cả thúng mủng, bất cứ cái gì dùng được để đổi lấy gạo. Nhiều người khác cũng dựng lên chỗ bán bánh để cạnh tranh với chúng tôi. Vì thế chúng tôi phải đổi qua làm và bán bún.

Cái chợ này mở rộng hơn, lan từ chỗ ngã ba đường vào tận một căn nhà gỗ lớn. Trong hai tháng, với dòng người đi qua, đột nhiên thực phẩm, mọi thứ khác được trao đổi bằng những miếng vàng nhỏ hai mươi bốn ca ra cắt ra từ dây chuyền, vòng tay, nhẫn...một thứ tiền tệ nhẹ, dễ mang hơn gạo nhiều.

Tôi ngạc nhiên thấy người ta vẫn còn nữ trang. Nhìn lại, tôi nhớ cái lúc người trưởng làng ở Daakpo bảo chúng tôi trao hết nữ trang của mình cho Angka. Ông ta bảo rằng chúng tôi thật xấu khi sở hữu những vật có liên hệ đến "bọn đế quốc Mỹ", thế mà bây giờ nó lại giúp người ta mua được cái ăn.

Cũng như với bánh nướng, những người khác cũng bắt đầu làm bún, cạnh tranh khách hàng với chúng tôi. Chẳng bao lâu chúng tôi đã thấy tác động của sự cạnh tranh này và chỉ còn bán được cầm hơi.

Chị Ra, anh Than, chị Ry và tôi bàn luận về sự sống còn trong tương lai, cách để sinh sống. Sau khi nói chuyện với những người từ Kompong Cham, chị Ra, anh Than, chị Ry và Phally quyết định đi cùng họ đến biên giới để mua hàng từ các nhà buôn Thái rồi mang về bán ở Sala Krao. Một hôm, sau khi mấy người họ đã rời khỏi nơi đây, chúng tôi quyết định nghỉ bán, cũng vì ngày hôm trước chúng tôi bán chẳng được bao nhiêu. Tạm thời trút bỏ gánh nặng buôn bán khỏi vai, tôi bèn chơi nhảy dây dưới hàng cây trước cửa nhà Om.

Lát sau có một con bé trạc tuổi tôi – mười ba – đến và xin cho nó chơi. Tôi vui vẻ đồng ý. Chúng tôi chơi nhảy dây thi. Tôi thắng, thế là tôi được nhảy trước, tôi vừa nhảy vừa mỉm cười. Trông như tôi đang nghỉ xả hơi sau một lớp học dài buổi sáng. Rồi đến phiên con bé nhảy, tôi thích thú nhìn nó.

Bỗng mẹ nó gọi nó đi. Trong khi tôi đang tiếp tục nhảy dây một mình thì nó trở lại. Nó phẫn khích nói rằng nó và mẹ nó sắp đi mua thức ăn gần Thái Lan rồi mang trở lại đây. Nó hỏi tôi có muốn đi cùng không. Tôi hỏi nó mất bao lâu thì đến được cái chợ ở gần Thái Lan.

Mẹ nó nói "Ồ, không xa lắm đâu, và trước khi cháu nhận ra thì cháu đã về đến đây rồi. Một đứa

trẻ như cháu thì có thể mang được bốn hộp mì ăn liền. Kiếm được lời nhiều đấy. Cháu có muốn đi không? Bác sẽ dẫn theo Srey cùng đi với bác".

"Vâng ạ" tôi hăng hái đáp. Tôi tưởng tượng mình mang bốn thùng mì trên lưng, chưa chi tôi đã thấy mình đi trong chợ này. Rồi trong nháy mắt tôi đã trở lại Sala Krao. Để ợt, tôi nghĩ, giống như người đàn bà kia nói.

Tôi bảo chị Ry rằng hai ngày nữa tôi sẽ trở lại đây. Thấy sự phấn khích của tôi chị mỉm cười khi chia cho tôi nửa số vàng chúng tôi kiếm được bằng cách bán bánh và bán bún.

Hành trình dài hơn nhiều so với lời của mẹ Srey nói. Chúng tôi đi xuyên qua làng, qua những cánh đồng. Đói khát và mệt lả trùm lên toàn bộ người tôi. Mẹ của Srey nhắc chúng tôi phải tiếp tục đi và bảo tôi cất kín vàng nơi nào đó khó tìm thấy trong áo quần phòng khi chúng tôi gặp cướp.

Chúng tôi đi đến một cái hồ lớn mọc đầy cây cỏ nước cao gọi là cây Kak nhô lên khỏi mặt nước đen kịt cả nửa thước. Tôi chẳng muốn lội vào cái hồ này chút nào. Nhưng đã đến đây mẹ của Srey bảo bà sẽ chẳng quay trở lại đâu. Còn nếu tôi trở về một mình, tôi sẽ bị lạc. Nếu tiếp tục đi tới, tôi sẽ mua được mì và mang về bán sẽ có lời.

Srey và mẹ nó bèn chôn đứng bên bờ hồ chờ tôi quyết định. Lúc đang cân nhắc chọn lựa, tôi quan sát một nhóm người lớn vượt qua hồ. trong nhóm đó tôi nhận ra Phally đang tiến về phía tôi. Hình như cô kinh ngạc và thất vọng khi nhìn thấy tôi. Cô đặt tay lên vai tôi, cô cho biết nhóm của cô bị cướp tấn công. Khi súng nổ, mọi người chạy tán loạn nên cô không biết chị Ra và anh Than ở đâu nữa.

Tôi biết nếu tiến tới về phía biên giới là rất nguy hiểm. Nhưng tôi quyết định không đi trở lui với Phally. Ít nhất mẹ của Srey đã đi trên lộ trình này trước đây rồi. Còn Phally thì không biết đường vì đây là lần đầu tiên cô đi như vậy. Tôi bèn nói vài lời bảo Phally quay trở lại với chị Ry và Map, rồi tôi đi theo Srey và mẹ nó vào trong hồ nước lạnh ngắt giờ đây tối mịt như bầu trời đêm.

Rồi chúng tôi tiếp tục đi trên con đường đất, được lính PARA đi kèm theo một đoạn ngắn, sau đó qua đêm tại một bìa rừng. Ngày hôm sau chúng tôi đến một quăng trống và thấy nhiều người chạy trốn trên đó. Mẹ Srey nhắc rằng chúng tôi phải chạy qua đó thật nhanh. "Đây là nơi bọn cướp có thể thấy chúng ta và thường người ta bị bắn ở chỗ này. Nếu cháu nghe tiếng súng và tiếng hô, đừng dừng lại. Nếu vấp té, cháu phải đứng dậy ngay và chạy tiếp. Khi nghe bác nói "đi", thì cháu chạy liền. Cháu hiểu không?"

Khi bà ra hiệu, chúng tôi chạy, chân giẫm trên các cạnh sắc của mặt đất nứt nẻ. tôi cầu nguyện Pa, Mak, cả tổ tiên để che chở cho tôi. Tất cả chúng tôi qua được một cách an toàn. Rồi chúng tôi lại gặp một chướng ngại khác trên đường đi – địa lôi. Người ta bảo chúng tôi phải theo

đúng vết chân của người đi trước khi băng ngang đồng cỏ. Nhờ may mắn và nhờ sự giúp đỡ của một quyền năng cao hơn nào đó, và nhờ vào sự bình tĩnh và chính xác của mọi người, chúng tôi vượt qua đồng cỏ an toàn.

Mẹ của Srey nhìn tới nhìn lui quang cảnh chung quanh rồi sung sướng nói "Chúng ta hầu như đã ở đó rồi. Chúng ta đã gần đến New Camp rồi".

CHƯƠNG 17

TRẠI NEW CAMP

Tháng Năm 1979. Chúng tôi đến vùng ngoại vi của trại New Camp vào cuối buổi chiều. Ánh nắng bớt gay gắt cho chúng tôi được một chút thoải mái. Trước mặt chúng tôi, ở giữa rừng, là những túp lều lợp bằng cỏ khô, không có cửa, dựng sát vào nhau giống như những cây nấm mọc dưới tàn cây lớn.

Mẹ của Srey dẫn tôi đến lều của con gái Om, người mới đến ở trại này với chồng. khi chúng tôi đến chiếc lều bằng vải màu ngụy trang, mẹ của Srey gọi lớn, tay đập đập vào vách vải. Sau vài phút, con gái của Om, mà tôi gọi bằng chị, chui ra khỏi lều. Chị cao, mảnh khảnh, với làn tóc đen xoăn xoã xuống ngang cằm. Mặt chị cũng sáng như tôi.

"Cô có thấy chị và anh của nó quanh đây không? Họ rời khỏi Sala Krao trước đây hai ngày". Mẹ của Srey nói với chị.

"Không ạ, chồng cháu và cháu không hề thấy họ", bang nói, trán hơi nhăn lại. "Tụi cháu có buôn bán với người Thái nhưng cũng không thấy họ ở đó".

Mẹ Srey hỏi tôi có ở lại với họ được không cho đến khi tôi tìm thấy anh Than và chị Ra. Hai vợ chồng đồng ý và bảo đảm với bà rằng họ rất hoan nghênh tôi ở chung. Một nhòai, tôi để mặc cho họ nói chuyện với nhau. Tôi ngồi bệt xuống đất trong khi họ tiếp tục nói. Điều kế tiếp tôi biết là chị dẫn tôi đến một cái lều khác của chị để tôi ngủ, tách biệt với khu của chị và chồng chị.

Chị hỏi tôi có muốn ăn chút gì không, tôi lắc đầu rồi nằm dài xuống tấm chăn trải trên nền đất. Có tiếng rì rầm rồi tiếng nổ nhẹ. Tôi bật dậy, ngồi giữa một chỗ tối thui và hâm hấp nóng. Rồi tôi sờ soạng ra khỏi, mò qua một bức tường gồm nhiều lớp màn, tôi đến chỗ bang và chồng chị ngủ - nhưng họ đã đi đâu mất rồi.

Gần lối vào lều có tấm vải mở một nửa, ánh nắng dọi vào, chiếu trên một đĩa cơm, một miếng cá nướng, một chén nước chấm chua ngọt trong có các lát hành xắt mỏng, tỏi băm và ớt đỏ tươi xắt mỏng cùng với đậu phụng nghiền. Miệng tôi trào nước bọt. Tôi hít mùi thơm một cách thèm thuồng.

Bụng tôi trống trơn, đã hai ngày nay chỉ toàn uống nước cho nên tôi nuốt hết mọi thứ trong

chớp mắt. Cơm, cá, nước chấm thật ngon. Thứ nước sốt đậm đà mà tôi ngạc nhiên được ăn ở đây, kéo tôi trở lại cái thời nhà tôi còn ở Phnom Penh hay Takeo. Ước chi mình được ăn thứ này cùng với cha mẹ và các anh chị em như ngày xưa. Nhưng không còn có thể được nữa. Tôi ở đây một mình, không có anh hay chị bên cạnh.

Một ngày rồi bốn ngày. Tôi vẫn không thấy anh Than hay chị Ra mặc dù tôi đã lùng sục khắp trại, đi qua các quầy bán nhiều thứ thực phẩm khác nhau. Chuối khô, khoai, cháo, rau quả và thịt – một cái chợ tạm bợ, hấp dẫn và còn hồi hả, nhộn nhịp hơn cả sức tưởng tượng của tôi. Khi tôi quay trở lại về lều của bang, chấm dứt một ngày tìm kiếm vô ích, có tiếng ai đó hồi hả gọi tên tôi.

Tôi ngừng lại, quay lui, cố tìm tiếng gọi trong đám đông người đang đi lại vội vàng. Cuối cùng ở phía bên trái gần một bụi cây nhỏ, bên cạnh dãy lều, hai bàn tay đang rối rít vẫy tôi. Tôi nhìn người đàn bà đang giơ cả hai tay vẫy loạn lên. Tôi bước đến trước mặt bà. Bà hỏi "Cháu không nhận ra cô hả?"

Tên bà là Sitha, một phụ nữ nhỏ nhắn, tóc cắt ngắn, có lẽ ngoài ba mươi. Giọng bà nhẹ nhàng, dễ mến. Bà nhắc cho tôi nhớ chúng tôi đã gặp nhau ở Korkpongro, một ngôi làng ở đó chúng tôi lần đầu nghe thấy tiếng súng của Khmer Đỏ ngay sau khi rời khỏi Daakpo. Bà nói chắc tôi còn nhớ cha bà. Bà chỉ căn lều nơi bà ở, chỉ một người đàn ông vẻ thân thiện, đạo mạo mà bao giờ tôi mới nhận ra được. Tôi còn nhớ lúc đó tôi đã cầu nguyện thật nhiều khi ở Korkpongro. Có lẽ những lời cầu nguyện đó đã được chứng giám cho nên bao giờ chúng tôi mới ở đây, được gặp nhau lại. Và điều không dám tin là bà đã thấy chị Ra và anh Than. Bà tình nguyện dẫn tôi đến nơi họ ở.

Chúng tôi đến gần một túp lều lợp cỏ vàng nằm gần một mô đất có hai cây lớn. Cô Sitha chỉ căn lều nơi chị Ra và anh Than ở đó. Mỉm cười cô già từ tôi, để tôi đứng lại đó với nỗi hồi hộp sắp được gặp anh chị mình. Tôi hình dung ra họ ngạc nhiên như thế nào khi nhìn thấy tôi, đứa em gái nhỏ của họ, đứng trước mặt. Khi tôi đến trước căn lều không có cửa, tôi thấy một người phụ nữ mặc áo màu xanh sáng và váy in hoa đang ngồi trên một tấm nệm, quay lưng lại phía tôi, mãi mê làm một việc gì đó. Đây đâu phải là lều của họ, tôi thất vọng nghĩ.

Tôi vội vã chạy lui lại chỗ tôi và cô Sitha chia tay nhau, tính bảo rằng cô đã chỉ nhầm chỗ, nhưng cô Sitha đã đi đâu mất rồi.

Quay trở lại căn lều, tôi quyết định hỏi thăm người phụ nữ này xem có biết anh Than và chị Ra ở đâu không.

"Xin lỗi chị cho em hỏi".

Người phụ nữ quay lại.

"Trời ơi chị Ra! Thế ra là chị!" Tôi cười vang, ngạc nhiên và hạnh phúc khi thấy cuối cùng đó là

chị tôi.

Cười rạng rỡ, chị đứng dậy khỏi tấm nệm "Em đến đây khi nào vậy? Em đi với ai?"

Không nghe chị hỏi, tôi bận nhìn chị từ đầu đến chân. Nhìn làn da sáng, khoẻ mạnh của chị. Nhìn cặp mắt chị. Chúng hạnh phúc, đầy sức sống. Cuối cùng tôi mới tìm ra từ ngữ để diễn tả chị trông khác trước như thế nào kể từ khi tôi trông thấy chị cách đây một tuần. "Chị Ra", tôi cười hớn hở nói, "Chị thật vững vàng. Chị có da có thịt. Nước da chị trông đẹp quá. Chị giống Koon chen (người có giòong máu Trung Hoa)".

Chị Ra cười toét miệng, với tay nắm lấy tôi, chị không nói gì trước lời nhận xét thật thà của tôi. Tôi ngồi bên cạnh chị trên tấm nệm và chị kể cho tôi nghe anh Than cố đi mua hàng của những người Thái đem về bán cho những người Cambodia.

"Anh ấy không sợ sao?" Tôi nhú mày. "Em nghe nói rất nguy hiểm. Lính Thái bắt người Cambodia tra tấn, đánh đập. Chuyện đó có thật không, chị Ra?"

"Ừ, có những lính Thái đi tuần, chị cũng nghe thấy vậy. Nhưng rồi em phải biết, khi đi buôn với các người buôn bán Thái," Chị Ra giải thích, chị cũng không chắc lắm. Rồi đột ngột mặt chị sáng lên, rạng rỡ "Athy ơi, ở bên đó, nếu em có tiền Thái hay có vàng, em muốn mua thứ gì cũng có. Họ có đủ thứ. Dừa này, bò này, gà này, kem này. Mọi thứ. Tất cả mọi thứ mà em muốn ăn đó". Rồi chị cười hài hước "Tất cả những gì em cần là tiền".

"Hèn chi chị có da có thịt ra".

Nhẹ nhõm và vui sướng, tôi cười luôn miệng với chị Ra. Kể từ khi Khmer Đỏ cầm quyền, chưa bao giờ tôi cười nhiều với các anh các chị tôi như thế này. Nhưng hôm nay chúng tôi cười nhiều đến nỗi hai gò má và bụng đau thắt. Mặt tôi ửng lên, tinh thần rất thoải mái.

Sau đó tôi đến chỗ bang và chõng chị cho họ biết tin tôi đã tìm được anh chị tôi. Họ nhẹ nhõm khi biết tôi đã tìm ra chị Ra. Khi tôi quay trở lại lều chị Ra, anh Than đã ở đó, mỉm cười, vui sướng thấy lại tôi. Ngồi bên cạnh lều, có một người mà chị Ra đã từng nói với tôi, từ tỉnh Kompong Champ đến. Đó là một người đàn ông da sạm, người tầm thước, hàng lông mày dài và rậm. Anh ta tên là Vantha, có biệt danh là Preag. Anh đã đi từ Kompong Cham đến làng Sala Krao cùng với vài người nữa. Chị Ra nói, tất cả những người kia đều đã trở về, ngoại trừ anh ta. Đang suy nghĩ cảnh chị Ra bất tiện như thế nào khi chung quanh toàn là đàn ông, tôi ngạc nhiên thấy Vantha được phép ở lại đây. Nếu như Pa hay Mak còn sống, không bao giờ họ chấp nhận cho một chuyện như vậy. Nhưng bây giờ, ai dám nói rằng người ta phải tuân theo truyền thống văn hoá khi mà mọi sự đã thay đổi đến vậy? Điều tôi quan tâm nhất là làm sao tồn tại ở trại này. Khi anh Than và Vantha đi mua hàng của người Thái, tôi nói chuyện với chị Ra về việc bán thực phẩm. Tôi biết rằng mình sẽ không bao giờ liều thân đi vào đất Thái để mua bán. Chị bác ngay ý kiến đó và đề nghị tôi đưa số vàng mang theo cho Vantha. Chị giải thích rằng

chúng tôi không thể sống mà không dựa vào lợi tức của Vantha và sự mua bán của anh Than. Nhìn vào mắt chị, tôi biết rằng chẳng có gì để tranh luận với chị được nữa. Một lúc sau tôi chấp nhận đề nghị của chị Ra và hy vọng rằng cả tôi nữa cũng có thể dựa vào sự buôn bán của anh Than và Vantha – với số vàng làm vốn của tôi.

*

Anh Than và Vantha lao vào một công cuộc kinh doanh mới. Sau bữa ăn, hai anh đi ra ngoài lều kiếm khách và đưa về cho chúng tôi. Họ là những người trung gian. Đổi tiền Thái cho chúng tôi lấy vàng, sau đó chúng tôi đổi tiền này với một hối suất cao hơn với những người buôn hàng chuyển dùng tiền này mua hàng hoá đem về lại tỉnh mình.

Tôi đảm nhận vai trò xem xét vàng có thật không và cân vàng bằng cái cân đồng nhỏ của mình. Chị Ra và anh Than bảo với Vantha rằng tôi rất giỏi trong việc phân biệt vàng hai mươi bốn cara với các đồ kim hoàn giả hay những vật không phải là vàng. Tôi đã học được từ các nhà buôn khác cũng như từ sự quan sát của chính tôi, dựa theo trọng lượng và màu sắc của vàng. Khi có sự nghi ngờ, tôi đã học được cách đặt miếng nữ trang hay vật kim loại được gọi là vàng đó vào than hồng trong bếp hay trước ngọn lửa cháy bằng nhiên liệu nhẹ. Nếu là vàng thật, màu vẫn vàng sáng như trước. Nếu không phải, nó sẽ chuyển thành màu đen. Cho đến lúc đó, chưa có ai lừa đảo tôi được.

*

Có tin đồn rằng chúng tôi sẽ được di chuyển đến một trại khác nằm sâu trong phần đất Thái. Chị Ry và Map vẫn còn ở Sala Krao. Chúng tôi sợ rằng nếu dời đi, gia đình chúng tôi sẽ bị chia cách vĩnh viễn.

Vài ngày sau tôi nhẹ người khi nghe anh Than tình nguyện đi ngược trở về Sala Krao để đem chị Ry và Map đến đây. Trong lúc đó, nếu trại phải rời đi Thái Lan trước khi anh trở lại, anh nhấn mạnh, rằng tôi và chị Ra phải ở lại đây để chờ.

Khi anh Than đi rồi, chị Ra tâm sự với tôi rằng chị và anh Vantha sẽ quyết định lấy nhau khi đến trại mới. Chị nói "Anh ấy nói nếu chị không lấy anh ấy, không yêu anh, anh sẽ trở về Kompong Cham với cha mẹ. Nếu không có anh ấy, ai sẽ lo cho chúng mình? Người lớn thường nói rằng cần phải có một người đàn ông để gánh vác gia đình. Chị muốn em ở lại với chị đến khi chị và anh ấy lấy nhau".

Đến đêm anh Than về, vác Map trên vai. Map quàng tay quanh cổ anh, có vẻ sắp tuột tay bất cứ lúc nào. Anh Than nhắc Map lên và đặt xuống nệm bên cạnh chị Ra và tôi. Map yên lặng, không có một lời phát ra từ miệng nó. Nó ngồi yên, cặp mắt buồn bã, mệt rũ.

Tôi đứng dậy, nhìn ra lối đi trước lều nhưng không thấy chị Ry. "Anh bỏ chị ấy", giọng anh Than bực tức "Chị ấy chẳng mang gì mà đi chậm quá. Đi một tí lại dừng. Đi một tí lại dừng. Nghỉ, nghỉ, nghỉ... Vì đã gần đến đây nên anh không đợi chị ấy nữa".

"Thế bây giờ chị ấy đâu rồi?" tôi hỏi.

"Anh cũng không biết nữa. Chị ấy muốn nghỉ, thế là anh để chị ở đó. Anh phải công Map vì nó không đi được, mà nó thì càng lúc càng nặng. Anh rất mệt, nhưng anh phải tiếp tục đi, còn chị ấy cứ tiếp tục nghỉ..."

Chị Ra lo lắng "Nó không biết đường ở đây. Đáng lẽ em nên chờ nó mới phải chứ".

Anh Than ngồi xổm xuống nệm, không trả lời. Đầu anh gục xuống trên cánh tay đặt trên đầu gối.

"Athy, sáng mai em đi tìm chị ấy. Em cứ nhìn quanh quần đường vào trại sẽ thấy chị ấy thôi".

Anh Than mệt mỏi nói, giọng anh đã trấn tĩnh và có phần quan tâm hơn.

Trời vừa rạng sáng, tôi đã nhóm dậy khỏi tấm nệm. Điều đầu tiên tôi nghĩ tới là chị Ry. Tôi chạy đi liền, hy vọng chị chưa dậy và chưa bắt đầu đi tìm chúng tôi.

Dọc theo con đường đất đầy cỏ dại hai bên là hàng cây lớn, tôi kiếm chị Ry. Tôi kiểm tra một, hai, ba lần, đi xa khỏi trại, nhưng vẫn không thấy chị. Tôi nỗ lực lần thứ tư và cũng là lần cuối cùng, vẫn không thấy dấu vết gì của chị. Tôi bật khóc.

Không biết làm gì nữa, tôi đứng dựa vào một cái hàng rào làm bằng những thân cây mới cưa bao quanh một cánh đồng mở rộng gồm bụi cây và gốc cây. Tôi quan sát những người trẻ tuổi gầy gò đang tập nhảy qua những gốc cây, làm động tác giương súng nhắm bắn một thân cây. Có một người loạng choạng và té nhào xuống. Có tiếng cười vang lên từ hai bên phía hàng rào. Quay đầu lại nhìn, tôi thấy một đám trẻ em đang cười khúc khích cùng với một vài người lớn đang đứng xem.

Vui theo chúng, tôi cũng cười. Càng có nhiều người té chúng càng cười lên ha hả trước sự vụng về của họ. Đột nhiên có hai bàn tay lạnh ngắt bịt chặt lấy mắt tôi. Giật mình, tôi quay ngang và nghe thấy tiếng cười khúc khích. Tôi giơ tay lên gỡ hai bàn tay kia ra nhưng nó càng xiết mặt tôi chặt hơn.

"Ai đó? Ai đó?" Tôi bực mình hỏi.

không có tiếng trả lời.

Tôi quặt tay ra đằng sau và đánh người bịt mắt tôi, mặc dù không biết đó là ai, người kia né tránh được và kéo ngược đầu tôi ra sau. Tức giận, tôi kéo mạnh đôi tay đang bịt mắt mình và lần này nó tuột ra. Tôi quay ra sau và nhìn thấy chị Ry đang nhìn tôi cười trêu cợt.

Chị cười khúc khích đưa tay chỉ vào tôi "Chị đứng sau lưng em mà em chẳng biết gì hết. Em xem họ và cười nữa". Chị bắt chước tiếng cười của tôi, coi bộ rất vui thích.

Chúng tôi vội vã trở về lều. Chị Ry nói cho tôi biết chị đã ngủ ở đâu và ăn gì tối hôm qua. Chị bảo chị dùng một ít vàng mang theo để mua một bữa ăn tối, và tìm được một gia đình cho chị ngủ nhờ trong lều của họ. Chị thoải mái thật! Trong khi tôi ở trong lều bồn chồn lo âu cho chị. Bây giờ thì tôi đã nhẹ lòng cảm ơn Trời Phật đã để cho chị về nhà, một mái nhà không phải được định nghĩa bởi cái trại nơi chúng tôi đang sống, hay bởi mái lều che trên đầu chúng tôi, mà đúng hơn bởi những người còn sống sót tụ họp nhau lại.

Lều của chúng tôi bây giờ chật cứng vì có thêm chị Ry và Map, nhưng chúng tôi không còn cách nào khác. Tôi nhớ đến một bài hát quen thuộc "chật bụng chứ chật chi nhà".

Chị Ra đã nói với chị Ry, anh Than và Map rằng chị sẽ lấy anh Vantha, và có vẻ mọi người đều đồng ý. Tất cả chúng tôi cho rằng việc đó là quyết định của chị.

Một tối nọ chị Ra và anh Vantha đi dạo chơi quanh trại, và trở về dắt theo một bé gái chừng sáu tuổi. Con bé gầy guộc, chỉ cao ngang Map, mặt nhem nhuốc bụi đất, nước mũi chảy nhoe nhoét, tóc cắt ngắn như con trai và áo quần rách tả tơi.

Ngồi xuống nệm giữa chị Ra và anh Vantha, con bé còn thút thít rồi đưa tay quạt nước mũi. Anh Vantha đưa mắt nhìn nó hãnh diện.

"Ara và anh muốn nhận nó làm con nuôi. Nó mồ côi. Mình đặt tên nó là gì nhỉ?"

Chị Ra ngẫm nghĩ, dăm dăm nhìn con bé. "Mình đặt tên cho nó là Savorng (chim sáo), vì nó phát âm và nói chuyện như Sakira^[1]". Chị có vẻ hãnh diện vì đã chọn tên này.

Anh Vantha đồng ý, anh nghĩ rằng Savorng là một đứa bé rất khôn. Anh kể rằng anh và chị Ra thấy đứa bé này trên một lối đi gần chợ. Nó đứng xin người qua đường bằng một giọng trẻ con nhưng rất chững chạc "Cô ,dì, chú, bác ời xin giúp con. Xin cho con ít tiền. Con chúc gia đình cô, dì, chú, bác luôn được sống lâu, khoẻ mạnh".

Map ứa nước mắt và xích sát lại gần chị Ra – Savorng cũng làm như vậy và tuyên bố "Đây là mẹ tao!" Nó lấy tay hất tay Map đang đặt trên chân chị Ra ra.

Map khóc oà vì thất vọng, vì bị bỏ rơi. Anh Vantha bật cười thú vị. Chị Ra thì cuối cùng cũng hướng sự chú ý sang Map và choàng tay lên người nó. Map khóc mãi và khóc dữ hơn khi thấy vài bộ áo quần của nó được lấy ra cho Savorng mặc khi con bé tắm xong. Nó chạy đến và giăng lại cái áo.

"Không! Đây là áo của tao!" con bé nói và trừng mắt nhìn Map.

*

Việc di chuyển đến một trại ở Thái Lan không bao giờ thực hiện được, những lời cảnh báo về sự tấn công của Khmer Đỏ thì lại đột ngột xuất hiện trong trại. Chúng tôi bèn tập trung trước cửa lều để bàn tán. Theo người ta nói, ngày mai, vào khoảng mười giờ sáng, Khmer Đỏ sẽ tấn

công trại. Mục đích của chúng là chiếm lấy trại lính của PARA , và thế là chúng tôi bị kẹt trong vùng chiến trận, một người đàn ông buồn thảm báo lại như thế. Trước khi trở về nhà riêng của mỗi người, một vài phụ nữ lớn tuổi đề nghị rằng chúng tôi nên dậy sớm để nấu ăn. Họ lý luận, nếu bị bắt buộc phải chạy nữa, ít nhất chúng tôi cũng no bụng cái đã.

Thế là chúng tôi dậy sớm và chuẩn bị một bữa ăn thật ngon. Thức ăn nóng được múc ra đặt trên nệm. Bảy đĩa cơm. Hai bát canh với dưa xắt lát, cá đồng, củ sen, cà chua, bạc hà, hành xanh, và tỏi xắt nhỏ. Giữa hai bát canh là một đĩa cá tươi chiên với dưa chuột thái nhỏ và hai chén nước chấm chua ngọt.

Tôi ăn vài miếng, nhưng bụng lo lắng quá lại không ăn được, tôi bèn bước ra ngoài. Tôi đi quanh lều đến góc sân sau rồi leo lên gò đất, sau đó leo lên một trong hai cây to gần đó. Tôi leo lên cao hơn nữa, cách xa hẳn mái lều. Nếu quay người, tôi có thể thấy đủ mọi hướng.

Nhìn về phía cánh rừng bên tay phải, tôi thoáng thấy có gì bất thường – những chiếc khăn kẻ trắng đỏ lấp ló giữa hàng cây cao xanh mượt. Những người mặc đồ đen. Một người mang khẩu súng phóng lựu. Những người khác thì mang súng trường hoặc súng ba xô ka.

Tôi bèn gọi lớn cho các anh chị "Em thấy bọn Khmer Đỏ. Em thấy bọn Khmer Đỏ. Chúng có súng. Một tên cầm một khẩu "hoa chuối" [2]. Chúng mặc áo quần đen. Chính là Khmer Đỏ. Chắc chắn là Khmer Đỏ rồi!"

Chị Ry chạy vụt về phía gò đất, nhìn về phía rừng nơi tôi chỉ. Một người hàng xóm chui ra khỏi lều đến tụ tập ngay trước lều chúng tôi.

Trong khi tôi còn ở trên cây, một quả pháo nổ ngay phía sau lều. Rồi tiếng súng gầm lên, trút xuống cả trại. Tôi sợ cứng người, bám chặt lấy thân cây. Còn Ra, Map và mọi người thì lao xuống nương và các hồ nước. Chị Ry vẫn nằm trên gò đất, khóc.

"Chị Ry, giúp em với!" tôi gào đến khản cổ. Vẫn nằm dài trên gò đất, chị Ry vẫy tay bảo tôi leo xuống nhưng tôi lắc đầu, nước mắt chảy giọt xuống.

Tôi sợ có viên đạn nào đó bay đụng vào tôi.

"Chị Ry..." tôi áp mặt vào thân cây, vẫn gào.

"Athy, xuống đây!" chị Ry kêu lên một tiếng thật dài.

Tôi nhìn khuôn mặt đã dại đi của chị và lắc đầu. Đột nhiên nhiều tiếng nổ liên nhau, tiếng này sau tiếng kia, tạo ra một loạt tiếng động làm rung chuyển cây cối và lều chúng tôi. Mình phải leo xuống, mình phải leo xuống. Nhưng mình sẽ trúng đạn mất! Tôi khóc, thất vọng cùng cực. Chị Ry nhìn lên, vẫy tay lại. Tôi cố tập trung vào mặt chị rồi trượt dần xuống, lăn đến bên chị, ôm chặt lấy gò đất. Tay và hai lòng bàn chân tôi sưng rộp lên vì trượt từ cây xuống, nhưng bây giờ cái đau đớn đó bị chìm đi bởi tiếng động khàn khàn, bất tận của tiếng súng.

"Mak ơi, Pa i, Chúa ơi, xin che chở cho con, xin che chở cho con..." chị Ry cầu nguyện một cách

diên đại. Chị nắm lấy mớ đất rồi rắc lên đầu mình liên tục.

Bị lây bởi cơn cuồng loạn của chị, tôi bắt đầu cầu nguyện như chị. Tôi gọi linh hồn của Mak, của Pa, gọi cả Chúa, rồi cũng rắc đất lên đầu, lên mặt đồng thời cố gắng thở.

Chị Ry và tôi bò về phía sau gò đất, nơi đối diện với vùng mà tôi thấy bọn Khmer Đỏ hồi nãy. Ở đây có một người nằm thở hỗn hển, đầu đầy máu, mặc đồng phục giống áo quần của lính PARA. Chị Ry bò lại gần ông ta "Chú ơi, chú bị thương ở đâu? Cháu giúp chú nhé?" Giọng chị ấm và dịu dàng.

Người đàn ông nhột nhột chậm chậm mở miệng "Tôi bị trúng đạn ở thái dương. Khát lắm, nhưng có lẽ không sao đâu. Có một người đàn bà nấp bên cạnh tôi đây này", ông đưa tay chỉ. "Bà ta chảy máu nhiều lắm, bị thương ở bụng".

Theo tay ông ta chỉ, tôi thấy người đàn bà, nhột nhột nằm trong một vũng máu. Thấy rằng chúng tôi có thể là người kế tiếp trúng đạn, tôi đề nghị với chị Ry rằng mình sẽ bò xuống vùng đất thấp hơn để ẩn nấp. Chị đồng ý, và khi một trái pháo nổ gần bên cạnh, chị Ry bò thật nhanh, biến mất vào trong hồ nước gần lều chúng tôi, để mặc tôi kinh hoàng trên mặt đất.

Nằm sắp bụng, tôi ráng sức bò đến vách lều, hy vọng tiếng nổ lộp bộp dữ tợn của súng trường sẽ dịu bớt để tôi kịp chui vào mương cùng với gia đình. Đột nhiên một trái pháo khác lại nổ. Trong một thoáng khủng khiếp, tôi phóng cả người xuyên qua vách lều, bò qua lều và chui xuống mương.

"Lạy Chúa ở trên trời, xin hãy giúp chúng con, xin giúp chúng con. Xin cứu chúng con khỏi điều ác, khỏi bom đạn. Xin giúp con cái chúng con..." Một người đàn bà vừa nằm sắp vừa lớn tiếng cầu nguyện, hai lòng bàn tay vẫn chắp vào nhau.

Một nhà buôn người Thái mà tôi đã gặp trước đây núp trong một cái rãnh giống như cái hầm ngay trong mương. Ông ta say sưa dùng tay cào mặt đất đầy những mảnh thủy tinh vỡ, tay ông đầy máu đỏ tươi pha lẫn với đất.

"Xin Samdech Aov (cha của các ông hoàng), hãy giúp chúng con. Hãy giúp chúng con, hỡi Samdech Aov..." một bà già cầu nguyện, hai lòng bàn tay ép chặt vào trán.

Samdech Aov? Tôi quên mất lời cầu nguyện thầm của mình khi nghe nhắc đến con người này trong lời cầu nguyện của người đàn bà già nua. Ông Hoàng Shihanouk. Ông ta là người, hình như từng là vua, nhưng không phải là một vị thần. Tôi nhìn bà không tin, và trong một lúc tâm trí tôi tắt hẳn tiếng gào thét và tiếng ồn ào chung quanh.

Tiếng pháo và tiếng súng ngưng lại. Chúng tôi ngồi lên và nhẹ nhõm, tuy vậy chúng tôi chưa biết chắc mình sẽ làm gì tiếp. Rồi một trong số

Chúng tôi chia sẻ cho nhau nỗi sợ hãi của mình, kể lại mình hút chết như thế nào. Một người đàn bà, hàng xóm của chúng tôi, kể huyền thuyên, tay vung vẩy "Hồi nãy tôi chẳng biết chuyện

gì xảy ra nữa, rồi đột nhiên một quả pháo nổ làm tôi sợ muốn chết, hồn vía bay đâu mất. Rồi tôi thấy Ry đang bò, tôi bèn bò theo, đầu áp sát đất..." Khuôn mặt lo lắng của chị Ra hình như cũng muốn kể chuyện mình. Khuôn mặt của những người khác là tấm gương soi của người đang kể lại câu chuyện. Rồi đột nhiên mọi cái đầu bỗng quay về phía cánh rừng nơi tôi đầu tiên thấy Khmer Đỏ. Tôi giật mình thấy nhiều người đàn ông đang tiến về phía chúng tôi, mặc đồng phục đen và quần khăn rằn quanh cổ, đeo trên vai là súng trường, ba lô ka, súng phóng lựu, quanh hông quần đầy băng đạn.

Đi ngang qua, họ nhìn chúng tôi. Tôi nhìn họ, chuẩn bị tinh thần cho lúc họ xả súng bắn chúng tôi. Mọi người khác cầu xin tha mạng. TG không làm thế. Tôi tê liệt vì quá sợ.

"Chúng tôi không giết các người đâu", một người Khmer Đỏ cao cao tuyên bố, giọng nghiêm khắc.

"Cám ơn Lok, cám ơn các ngài rất nhiều..." Người phụ nữ hàng xóm của tôi vừa nói vừa khóc, hai tay chắp lại, đưa lên trán nhiều lần.

Ngay khi họ vừa khuất sau dãy lều, súng lại nổ. Mọi người kêu la như trước. Lính Khmer Đỏ đang xung đột với lính PARA ở đâu đó trong khu vực trại. Mọi người leo lên khỏi con mương, chạy hoặc khom mình theo con mương vào rừng. Trong giây phút ấy tôi không còn biết các anh chị em tôi ở đâu nữa. Tất cả những gì tôi biết là chạy cứu lấy thân. Đột nhiên một viên đạn bay vù tới, tôi vọt về phía trước, tránh đạn, và khi tôi nhìn tới thì tôi thấy chị Ry, tay cầm tay Map, và chị Ra cùng với Savorng. Tôi cảm tạ linh hồn Mak và Pa đã che chở cho tôi.

Trong rừng cây, chúng tôi dừng lại nghỉ. Các gia đình khác cũng làm vậy. Vào ngày thứ hai, anh Than, anh Vantha và những người đàn ông khác đi liều xuyên rừng gần Thái Lan. Khi trở về, họ rất phấn khích. Họ bảo rằng họ đã trông thấy "người Mỹ". Và những người Mỹ này bảo họ rằng chúng tôi sẽ được đón và mang vào trong nước Thái Lan.

Vài ngày sau, trước khi chúng tôi có thể thấy được điều gì, tiếng động cơ xe tải hướng đến gần. Nó nhô ra từ hàng cây cao rồi tiến theo con đường trong một đám mây bụi mù mịt. Rồi một chiếc, rồi một chiếc khác nữa. Cả thấy ba chiếc xe tải, mái phủ vải dày. Mọi người chạy lại gần xe. Đàn bà và trẻ em được đưa lên một chiếc xe trước mặt chúng tôi. Còn đàn ông thì lên một chiếc khác dành riêng. Chẳng bao lâu, xe đã đầy người. May mắn thay, chúng tôi đều ở trong xe cả.

Dựa vào cửa sau xe, tôi nhìn quang cảnh phía biên giới Cambodia đang khuất dần qua làn bụi. Rồi tôi thấy thẳng thốt – tôi đang rời bỏ quê hương. Tôi nói thầm lời từ biệt với những linh hồn của gia đình tôi. Giã biệt Mak, Giã biệt Pa...Chúng con phải đi....

Chú thích:

[1] Gần giống với avorng, tên của một loại chim màu đen, có vệt vàng và trắng trên đầu, có thể tập nói tiếng người được

[2] Gọi thế vì trái đạn được gắn vào nòng súng trông giống hình dạng một cái hoa chuối

CHƯƠNG 18

TRẠI KHAO I DANG

Đoàn xe vận tải đã đi qua những con đường không trải nhựa bụi bặm giữa những hàng cây và những cánh đồng trống không, hết con đường ngoằn ngoèo này sang con đường khác. Rồi đoàn xe đi vào một cánh đồng cháy xém dưới đất đầy tro than và những gốc cây, rạ đen kịt nhỏ bằng ngón tay đến lớn bằng cổ tay. Trông giống như những que diêm bị đốt cháy.

Trút chúng tôi xuống xong, đoàn xe lại quay ra, lần lượt chạy đi. Một người đàn ông cho chúng tôi biết rằng mấy chiếc xe này quay trở lại đón những người còn lại, và sẽ chở thức ăn nước uống cho chúng tôi.

Trên cánh đồng này không có bóng mát để núp, thế là chúng tôi phải đứng chân trần trên mặt đất nóng bỏng, chân tôi đen kịt và dính đầy tro. Mấy đứa bé khóc đòi uống nước mà không ai trong chúng tôi có một giọt nước nào cả. Mập và Savorng cũng vừa khát vừa đói, mặt chúng buồn bã, sầu thảm, lông mày nhíu tít lại. Xe chở thêm nhiều người tị nạn Cambodia nữa, và sau đó đến tối thì cuối cùng thức ăn và nước uống cũng được mang đến cho chúng tôi. Đêm đến chúng tôi nằm ngủ trên đất, bầu trời là mái nhà.

Đến ngày hôm sau, đoàn xe lại chở đến cho chúng tôi tre, rơm và dây buộc. Mọi người, từ đàn ông, đàn bà và trẻ em đều giúp vào việc dựng lều, chia công việc từ vác tre cho đến mang dây cho cánh đàn ông Cambodia dựng nhà. Trong vài ngày những ngôi lều mái rơm chia thành mười khu cho mười gia đình được dựng lên cạnh nhau, chỉ cách một lối đi nhỏ. Cứ mỗi khu, chỉ định một người trưởng khu đại diện cho các gia đình, nhằm bảo đảm việc nhận đủ thực phẩm. Trại này được gọi là trại Khao I Dang [1], quanh trại rào kẽm gai, gần đó có một vài lính Thái đi tuần tra. Họ làm cho chúng tôi cảm thấy an toàn, không còn sợ Khmer Đỏ nữa.

Chúng tôi được phát đĩa, bát, xô nhựa nhiều màu cùng chăn màn. Tất cả những thứ đó là cả một ân huệ cho chúng tôi, và tôi rất nhớ điều này. Tuy nhiên tôi vẫn ao ước cái ngày chúng tôi không nhận khẩu phần thức ăn nước uống nữa, tức là khi mỗi người chúng tôi tự múc cơm ăn và cháo mà không còn phải lo mình có lấy quá nhiều không.

Vài tuần sau khi chúng tôi đến đây, các con buôn người Thái cũng đến nơi hàng rào, lảng vảng ở đó, cách xa chỗ lính gác. Chúng tôi đói, và thế là họ mang bắp nấu, trứng, rau đến bán cho chúng tôi. Tin này lan ra khắp trại. Vào ban đêm, trẻ em và đàn ông chạy qua hàng rào để buôn

bán khiến cho một bé trai bị lính bắn chết.

Một tháng sau, thay vì chạy đến hàng rào để mua bán, các con buôn người Thái mang luôn hàng vào trong trại. Sau nửa đêm, tiếng bước chân nhè nhẹ và tiếng nói khe khẽ, lo âu vang lên dọc theo lối đi hai bên lều chúng tôi. Họ phải cố giữ hoạt động kín đáo đừng cho lính Thái biết. Đêm nào cũng có buôn bán, sau đó là rượt đuổi dọc theo các hẻm nhỏ, sau cùng là việc lục soát lều của dân tị nạn. Với tất cả các chuyện đó, dầu chúng tôi có dính vào các việc mua bán hay không, chúng tôi cũng bị phiền nhiễu. Nhưng những kẻ khổ nhất là những người Cambodia mua hàng bị bắt, họ bị lính đá và đánh đập bằng báng súng. Cuối cùng thì một cái chợ dã chiến mọc ra vào ban ngày, bán đầy bún, rau, cả những chiếc xà rồng và áo hoa rất đẹp.

Còn hôm nay thì căn lều của chúng tôi thơm lừng mùi cà ri ngọt ngào nấu với nước dừa tươi ép ra, thịt bò, hành, đậu tây, khoai. Trong cái bọc nhựa màu xanh đặt trên xô nước là những bó bún sắp theo hình xoắn ốc, dùng để ăn với cà ri bò, giá, bạc hà. Có mười lăm khách, phần lớn là bạn của chị Ra, anh Vantha, tụ tập trong lều của chúng tôi. Một số ngồi gập chân trên tấm nệm trải trên nền đất gần chị Ra và anh Vantha. Một số khác đứng gần cửa.

Savorng, Map, chị Ry, anh Than và tôi ngồi trên cái sàn tre nơi chúng tôi thường ngủ, nhìn chị Ra và anh Vantha làm lễ cưới nhau dưới sự chủ trì của một người đàn ông già, có lẽ trước đây là một nhà sư. Nơi góc xa của chiếc sàn tre là đồ cúng mà chị Ra làm để cúng linh hồn của Pa, Mak, chị Chea, em Avy và em Vin, anh Tha và cả linh hồn của tổ tiên nữa. Hai bát cà ri, hai bát bún, hai ly nước, một nén nhang cháy được cắm chắc vào lon đựng gạo. Đồ cúng này là lời mời những người chết đến dự buổi đám cưới, đồng thời cũng có nghĩa là lời cầu xin linh hồn người chết mang lại hạnh phúc và sức khỏe, hoặc bất cứ điều gì chị Ra cầu xin.

"Xin Ara và Vantha cưới nhau nhiều hạnh phúc và nhiều con cái". Người bạn thân nhất của anh Vantha là chú Lee khẩn vái. Mọi người cười ồ lên.

Chị Ra, hai mươi hai tuổi, mỉm cười bẽn lễn. Mặt chị mịn màng, thanh nhã. Tóc chị chải khéo, uốn cong lên, trông chị giống ngôi sao điện ảnh Trung Hoa với chiếc áo viền đăng ten màu kem từ hồi ở Phnom Penh mà chị cố giữ nguyên lành suốt trong thời gian Khmer Đỏ cai trị.

Chú Lee cười nhiệt thành rồi ngắm chị Ra, ngắm anh Vantha. Trước đây chú thường đến lều chúng tôi và quen biết gia đình chúng tôi. Chúng tôi cũng biết gia đình chú. Chú thường hỏi anh Vantha cưới chị Ra. Nhiều lần chú cảnh cáo anh trước mặt chúng tôi "Nếu cậu không lấy cô ấy thì chính tôi sẽ cưới cô ấy đấy. Tôi không đùa đâu. Cậu còn đợi gì nữa? Cô ấy là một phụ nữ tốt và thuộc về một gia đình tốt".

Anh Vantha và chị Ra đã bán sợi dây chuyền vàng hai mươi bốn cara để mua thức ăn cho lễ cưới. Vợ của chú Lee giúp chúng tôi mua thịt, rau, bún, các thứ, cũng như lo việc nấu nướng cho bữa tiệc.

Khi đêm xuống và mọi người đi ngủ, một giọng nhẹ nhàng hát nho nhỏ một bài hát. Một bài hát đầy sự háo hức, ham muốn và tiếc nuối. Đó là chị Ra, phát ra từ căn phòng chị tự làm lấy bằng cách treo màn phủ khắp cái sàn tre phía đối diện nơi chúng tôi ngủ.

"Ô..háo hức biết mấy tất cả các cảm xúc bồn chồn...

Trong đêm mật ngọt này tôi tiếc cho tấm thân tôi

Hm...tiếc, tiếc thay, một tấm thân như nụ hoa sắp nở

Giờ đây con ong đã lấy mất mật ngọt và bay đi xa

Nếu chàng rời bỏ tôi thật, tim tôi sẽ tan nát

Và khi đó sẽ chỉ còn nước mắt.

Thế ra đây là tình yêu, mà tôi đã biết trong cái đêm đầu tiên

Xin hãy nhẹ nhàng, dịu dàng với em

Anh yêu, anh yêu, người ta chỉ là trinh nữ một lần duy nhất

Không thể có hai lần"

*

Chúng tôi đến Khao I Dang ba tháng trước, vào tháng 11 năm 1979. Bây giờ ở đây có một lớp học tư tiếng Anh được mở ra. Tôi phải kiếm cách để trả tiền học phí, khoảng 150 baht[2]. Đó là một số tiền lớn đối với tôi vì tôi chẳng có lương hay tiền trợ cấp, ngoại trừ khẩu phần thực phẩm. Tôi quyết định dùng số vàng đã mang theo từ Sala Krao và đã không đưa hết cho anh Vantha. Tôi tự bảo, mình sẽ dùng số vàng này để đổi lấy việc học. Tôi sẽ đem bán số vàng ấy đi và tốt hơn là nên giữ chuyện này cho một mình mình biết.

Chị Ra tắt kinh, chị bị đau ốm, thế là sau đó chị phải thôi không đi học lớp tiếng Anh. Các bà hàng xóm bảo rằng chị có bầu. Họ nói khi một người phụ nữ có bầu, họ thường khó chịu vào buổi sáng. Cô ta sẽ nôn oẹ, mệt mỏi và rất thèm những thứ như xoài xanh, me chua.

Mấy người hàng xóm nói, khi không có những thứ đó để ăn, thì mình sẽ thấy đau đớn, cồn cào trong ruột. Và Ra có những triệu chứng của một người bị ốm nghén. Chị háo hức nói với các bà rằng chị thèm ăn, và họ cười vang. Chị Ry và tôi cũng cười, còn chị Ra mỉm cười bên lén.

*

Mọi người bàn tán về cuốn phim sắp được chiếu ở trại. Đó là một cuốn phim về Ki tô giáo, theo những người hàng xóm cho biết, và về Jesus Christ. Tôi có nghe về Jesus Christ trước đây do chị Chea kể khi chị học về Người thời còn ở Phnom Penh và hát một số bài hát cho chị Ra, chị Ry và tôi nghe. Bây giờ tôi muốn biết về Người. Có khác với Đức Phật không? Ngày chiếu phim đến, tôi và gia đình đi ra một cánh đồng trống có nhiều người đứng sẵn trước một màn ảnh lớn

cắm chắc trên một gò đất.

Phim bắt đầu chiếu thì trời đổ mưa. Mới đầu là mưa bụi sau là mưa lớn. Một vài người có dù, nhưng phần lớn chúng tôi đứng ướt sũng dưới cơn mưa. Đàn ông cởi áo che lên đầu, phần lớn trẻ con lạnh run cùng với người lớn ra về, cả gia đình tôi cũng thế. Tôi run bắn lên, hai tay ôm chặt lấy người, nhưng vẫn khóc khi thấy tay chân của Jesus Christ bị đóng lên thập tự giá. Dẫu tôi không hiểu điều đang nói trong phim, tôi rất đau buồn và thấy gắn bó với cuốn phim, với Jesus Christ, và với nỗi buồn của những kẻ thương tiếc Người.

Tôi nghĩ đến Pa và việc hành hình ông.

*

Chị Ra đi chợ về. Đặt giỏ đồ ăn xuống chị cười rạng rỡ. Bụng chị đã tròn, nhô ra giống như chị đặt một trái dưa hấu dưới lần áo. Chị Ry và tôi nóng lòng nóng ruột muốn biết chị nghĩ gì.

Không biết điều gì làm chị sung sướng đến khờ ra như vậy.

Chị cười, chùi hay bàn tay vào nhau như chuẩn bị để trình bày sự phấn khích của mình rồi lại đi ra khu nấu bếp.

Quá mệt vì căng thẳng, tôi gọi với theo "Chị Ra, chuyện gì vậy? Chị cười vì cái gì vậy?"

"Em có muốn biết sáng nay chị gặp ai ở ngoài chợ không?"

"Ai vậy?" Chị Ry và tôi hỏi hầu như cùng một lúc.

"Chị gặp cô Eng (em họ của Pa). Thấy cô, chị nghĩ, ai đây nhỉ, mình đã gặp người này trước đây rồi. Sau đó thì chị nhớ ra. Các em có biết cô bảo chị thế nào không?"

"Cô bảo chị cái gì?" tôi hỏi.

Chị Ra kể, cô Eng đã tìm ra chú Seng, người đã rời khỏi Cambodia hai ngày trước khi Khmer Đỏ nắm quyền, hiện giờ chú đang sống ở Mỹ. Cô đã viết thư cho một người bạn của cô sống ở California hỏi cô ấy thử có biết chú Seng không. Bạn cô trả lời quả thực cô có biết một người tên là Leng Seng, hiện sống ở tiểu bang Oregon. Cô Eng bèn viết thư yêu cầu chú bảo lãnh cho gia đình cô qua Mỹ. Hiện giờ chú đang làm thư ký tại đó. Như thế, chị Ra nôn nả nói, chúng mình cũng có thể qua Mỹ.

Tôi nhảy lên, thụp xuống như đang tắm suối. Tôi cười, chụp lấy cái tin kỳ diệu, khó ngờ này một cách háo hức. Sau chừng đó năm nhọc nhằn và mất mát, tôi hồi tưởng, chúng tôi nhận được tin này. Chú Seng, người em trai duy nhất của Pa còn sống, và chú sẽ mang chúng tôi qua Mỹ. Ôi Chúa ơi, xin cảm ơn Người. Tôi nhảy lên, ngâm nga và cười.

Sau hai tháng học tiếng Anh, tôi phải chấm dứt, chị Ra thiếu ăn. Có đêm chị bảo tôi và chị Ry rằng chị thường khóc, ước ao có thức ăn như chị muốn. Vì chị không còn một xu nào sau khi bán sợi dây chuyền vàng, chị thường đi rảo vòng quanh chợ để nhìn ngắm những thức ăn chị

thêm, ước ao mình có tiền để mua.

Tôi không đành lòng nhìn bộ mặt bi thảm của chị và quyết định cho chị tất cả số tiền còn lại từ lúc bán vàng. Mắt chị Ra sáng lên khi nhìn thấy số tiền ấy. Chị cầm lấy tiền, áp vào tim và mỉm cười. Chị Ry cũng nhìn tôi, ngạc nhiên và hạnh phúc. Sau đó ba người chúng tôi đi ra chợ, mua bất cứ thứ gì chị Ra thấy thêm, và chị là bà bầu sung sướng nhất mà tôi đã từng thấy.

*

Vào một ngày nắng, Map, Savorng và tôi đứng sắp hàng chờ lãnh phần nước. Hai đứa con gái, một trạc tuổi tôi, đứa kia bằng tuổi Savorng, đi đến chỗ chúng tôi và gọi Savorng là "Peang". Đứa nhỏ hơn cầm tay Savorng và mỉm cười, Savorng giật tay lại bước sát vào tôi. Đứa con gái hỏi Savorng đang sống ở đâu. Savorng hé mắt nhìn hai đứa con gái, bối rối, rồi nhú mào, đưa mắt nhìn tôi như thể xin tôi giúp đỡ.

Tò mò, tôi hỏi chúng làm sao chúng biết Savorng. Đứa con gái lớn bèn kể cho tôi nghe câu chuyện của gia đình Savorng. Lúc trước, ở một ngôi làng bên Cambodia, sau khi cha mẹ của Savorng chết, một gia đình Khmer Đỏ đem nó về nuôi. Sau khi bộ đội Việt Nam tiến vào Cambodia vài tháng trước, gia đình này bỏ trốn vào rừng, bỏ Savorng lại. Sau đó khi có nhiều gia đình rời làng, đi di cư tại trại New Camp, nó đi theo họ rồi sống với một bà già trong trại này. Bà già bảo nó đi xin thức ăn và xin tiền, đó chính là lúc chị Ra và anh Vantha gặp nó và mang nó về nuôi.

Tôi bảo hai đứa con gái bây giờ thì Savorng ổn rồi. Nó sống với gia đình chúng tôi và chúng tôi đã đặt tên lại cho nó. Hai đứa kia có vẻ mừng vì gặp nó và nghe nó đã ổn định. Savorng thì chỉ đứng yên, liếc mắt nhìn hai đứa kia một cái rồi cắm mặt nhìn xuống mặt đất đầy sỏi.

Đứng chờ để được phân phối nước, tôi ngẫm nghĩ về cuộc đời của Savorng. Về cha mẹ đã chết của nó, về gia đình Khmer Đỏ đã mang nó về nuôi. Thật thú vị khi định mệnh đã mang nó lại cho chúng tôi, vốn cũng là những đứa trẻ mồ côi. Tôi buồn khi nghe chuyện nó, nhưng nhẹ lòng vì nó đã ở với chúng tôi, và hy vọng rằng nó cũng sẽ cùng qua Mỹ với chúng tôi nữa.

*

Khao I Dang mở rộng rất nhanh. Lều mới được dựng lên để thích hợp với dòng người đổ vào đây. Về sau còn có tin đồn trong chúng tôi rằng một số lớn người dân đã bỏ Cambodia đi và hiện đang sống ở biên giới. Tôi rằng buồn khi thấy Cambodia trở thành một cái nơi càng ngày càng ít người muốn sống ở đó, mặc dù tôi rất hiểu cái nhu cầu phải lìa quê cha đất tổ khi mà chiến tranh và áp bức đã đè nặng lên cuộc sống của chúng tôi quá lâu.

Một số người không thể đợi để được mang đến Khao I Dang hay những người không có cơ may

để đến đó do tình trạng pháp lý của họ khi đến được biên giới, đã trả tiền cho những người Cambodia đưa họ sang biên giới lậu. Một trong số đó là chú Aat, anh em họ của anh Vantha từ tỉnh Kompong Cham. Cứ mỗi người Cambodia nhập lậu vào trại này, phải trả một số tiền cho lính Thái gác trại.

Để phụ thêm vào khẩu phần ít ỏi của chúng tôi, anh Than, lúc này đã 16 tuổi, quyết định cùng với vài người đàn ông lớn hơn đi ra biên giới và đưa người lậu vào. Sau đó anh tổ chức đường dây riêng của mình vì anh biết đường về New Camp trên đất Cambodia và đã học tiếng Thái để tiếp xúc với lính Thái. Khi anh đi lâu hơn anh dặn, tôi rằng lo lắng. Tôi tưởng tượng anh bị bắt và bị lục lấy hết tiền. Khi anh về, tôi nhẹ cả người, nhìn anh ngưỡng mộ và phục sự can đảm của anh và vì anh đã giúp gia đình có tiền mua nhiều thức ăn hơn. Sau đó khi chú Aat và anh Vantha cùng đi với anh, tôi mới yên lòng và ngủ được.

Nỗ lực học tiếng Anh của tôi không ngừng lại mặc dù tôi không còn tiền để trả tiền học phí nữa. Tôi tự học Anh văn một mình. Tôi ôn lại các bài dịch từ cuốn Essential English Book 1 tôi mua được và từ cuốn tập của mình. Tôi tự tìm từ ghép thành câu rồi đọc lớn lên cho mình nghe. Tôi cũng tìm được một cách khác để học tiếng Anh nữa. Khi đi lang thang quanh trại, có một lần tôi nghe lỏm các từ tiếng Anh phát ra qua một khung cửa sổ nhìn xuống lối đi hẹp. Tôi lần theo tiếng nói và thấy bốn người đàn ông đang đứng trong một ngôi lều dài, đang ghi chép vào trong sổ tay. Nhón gót lên, tôi nhìn qua vai họ vào lớp học và thấy các chữ tiếng Anh cùng các nguyên âm được chép trên bảng đen.

Dầu đã tiến sát về phía trước, tôi cũng chỉ mới nghe được các từ tiếng Anh từ miệng thầy giáo. Tôi phải tranh thủ đến sớm để giữ được chỗ gần cửa sổ để có thể nhìn thấy bảng đen, trong khi đó cũng có nhiều người khác khám phá ra chỗ này. Phần lớn là đàn ông, cũng có một vài phụ nữ, đến tụ tập phía sau chúng tôi, nhìn qua vai chúng tôi, họ chép lại từ sổ chúng tôi, và những người đằng sau họ lại chép lại từ sổ, giấy của họ. Ngày qua ngày, càng có nhiều người đến đây, làm nghẽn cả con hẻm. Cái đám đông học sinh đói chữ người Cambodia này đứng tràn ra cả con hẻm kế cận, xa đến cả trăm mét, hí hoáy ghi chép dưới ánh mặt trời chói chang.

Sự hiện diện của những người phụ nữ khác ở đây làm tôi cảm thấy thoải mái hơn, ít quan tâm đến điều chị Ra, anh Than, anh Vantha có thể nói với tôi nếu họ trông thấy tôi đứng lẫn trong đám đàn ông. Chúng tôi cùng bẻ cong luật lệ của nền văn hoá cũ. Một người phụ nữ ở giữa đám đàn ông là không thích hợp, những người lớn ở Cambodia thường nói thế, và một số bà con họ hàng của tôi cũng sẽ lập lại quan điểm đó. Nhưng tôi sẽ biện hộ cho mình và nói, tôi ở đây là để tự học. Nếu người ta quan tâm đến sự không thích hợp của hoàn cảnh này, thì người ta hãy cho tôi tiền để cho tôi được ngồi trong lớp học là đúng mực nhất.

Sau nhiều tuần liên lạc bằng thư từ với chú Seng ở Portland, Oregon, gửi cho chú thông tin về

ngày sinh, nơi sinh của chúng tôi, chúng tôi lại được báo tin là phải dời về một trại khác, trại Sakeo II. Những người sẽ đi là cô Eng và gia đình, anh Vantha, chị Ra, chị Ry, anh Than, Map, tôi và cả Savorng, người được đăng ký là em gái của chúng tôi. Tất cả, trừ chú Aat, người anh em họ của anh Vantha. Chú đến trại sau khi bảy tên của người trong gia đình chúng tôi gửi sang Mỹ cho chú Seng làm bảo lãnh. Dù vậy, anh Vantha vẫn muốn chú Aat đi Mỹ thay cho Savorng nhưng chị Ra không đồng ý. Chị Ra nói rằng chúng ta không thể để Savorng ở đây, nó chỉ là một đứa bé mới có sáu, bảy tuổi. Mặt khác, chị lý luận, chú Aat là một người lớn, chú có thể xoay sở được. Sau này, giống như nhiều gia đình khác, chú cũng có thể làm đơn xin đi Mỹ hay một quốc gia khác như Pháp, Canada hay Australia. Chú Aat có vẻ buồn, thất vọng, nhưng chắc chú ấy hiểu cho cái khó của chị Ra, buộc phải chọn giữa chú và Savorng, người mà chị và anh Vantha đã đón vào trong gia đình chúng tôi.

Chú Aat đã tỏ ra rất tử tế với chúng tôi, chia sẻ thức ăn với chúng tôi và con cho tôi tiền để tiêu. Chú nói năng rất nhã nhặn với chúng tôi, không giống như anh Vantha, người cư xử hờ hững đôi với chúng tôi kể từ khi anh bắt đầu lui tới với đám người gọi là "bạn bảnh" của anh. Vantha đã thay đổi. Bây giờ anh nổi tính hay gây gổ, đặc biệt đôi với anh Than, nhất là từ khi anh Than kiếm được tiền từ việc đưa người nhập lậu. Vantha thường tìm cách hạ giá anh Than hoặc gay gắt với anh không có lý do. Anh Than không thèm để ý, nhưng sau đó anh bảo Vantha hãy từ bỏ cách cư xử ấy đi và hành xử như một người lớn, như một người vừa là anh rể vừa lớn tuổi hơn phải làm.

Có đêm anh Vantha về nhà và bảo chị Ra ngay trước mặt chúng tôi rằng bạn anh đã nói "bạn thì khó kiếm, nhưng vợ thì dễ ợt", và anh nói anh đồng ý.

Anh trở thành tự mãn, kiêu hãnh về mình. Bây giờ chị Ra có bầu, anh tránh đi bên cạnh chị. Chị Ra biết thế, nhưng giữ kín ý nghĩ của riêng mình.

Tối nọ Vantha chọc cho Savorng và Map đánh nhau để anh xem. Anh khiến chúng chộp lấy các thanh tre trên mái lều và bảo Savorng đá vào Map thật mạnh. Chị Ra có vẻ không ngăn anh được, và chúng tôi cũng không thể nói gì vì anh như một kẻ độc tài cai trị gia đình chúng tôi. Cuối cùng, Map và Savorng đều làm nhau đau và cả hai đều khóc. Thường thì Map là kẻ bị đau nhiều nhất do nó không thể quay người nhanh được vì bụng nhô ra, dấu tích còn lại của tình trạng thiếu dinh dưỡng từ thời Khmer Đỏ để lại. Savorng định kết thúc trận đấu bằng cách đá vào bụng Map. Chúng lại tiếp tục đánh nhau cho đến khi Vantha nghĩ rằng chúng đã đánh nhau đủ rồi. Trông chúng khóc và Vantha thì vênh váo, tôi thầm ước giá mà chị Ra lấy chú Lee. Hẳn chị sẽ ăn ở tốt với chú, vì chú kính trọng chị và gia đình tôi. Nhưng bây giờ thì đã quá muộn. Chị đã có bầu và sắp sanh rồi. Và chúng tôi thì sắp di chuyển đến trại Sakeo II, một nơi mà tôi hơi ngờ vực. Tôi nghe nói nơi này chứa nhiều cựu Khmer Đỏ. Thế mà giờ đây chúng tôi đang ở

trên xe buýt đợi để được đưa đến đó.

Nỗi sợ của tôi tăng nhanh khi chiếc xe buýt tăng tốc độ và hàng cây, quang cảnh hai bên đường vụt qua. Tôi bật khóc khi nỗi sợ của tôi đổi thành nỗi buồn. Cứ mỗi khắc qua đi, tôi lại bị mang xa hơn khỏi Cambodia. Tôi nhớ Pa và Mak, chị Chea... Tôi quay lui tìm chị Ra và Ry ngồi phía sau. Họ cũng khóc. Nhiều người khác cũng khóc, cặp mắt đỏ biểu lộ nỗi sợ hãi câm nín. Bỗng một bài hát tiếng Anh cất lên làm dịu đi nỗi buồn của chúng tôi. Một người Thái ngồi bên tài xế với tay đến máy phát thanh xách tay và bấm nút. Bài hát tiếp tục và chiếc xe buýt tràn ngập âm nhạc kích động.

Ô là la em yêu anh nhiều hơn em có thể nói

Em yêu anh hai lần nhiều hơn ngày mai...

Mỉm cười qua làn nước mắt, tôi vui vẻ bảo cho chị Ra và chị Ry biết tôi hiểu được lời của bài hát này. Họ cười, có vẻ hạnh diện. Tôi quay trở lại, chùi nước mắt và thưởng thức bài hát.

Chú thích:

[1] Cuối năm 1979, trước sự phản đối gay gắt của quốc tế, chính phủ Thái đã cho phép Cao uỷ về người Tị Nạn Liên Hiệp quốc (UNHCR) mở những trung tâm tị nạn trong lãnh thổ Thái Lan. Khao I Dang được mở ra vào tháng 11 và trong hai tháng đã là một thành phố có 120.000 người.

Khao I Dang bỗng chốc trở thành thành phố những Cambodia lớn nhất trên thế giới. Timothy Carney – một viên chức tại toà đại sứ Hoa kỳ ở Bangkok đã ghi chú như vậy (Ủy ban Hoa kỳ về người tị nạn, "Người tị nạn Cambodia tại Thái Lan: những giới hạn của một nơi ẩn núp")

[2] Tiền Thái Lan, theo hối suất lúc đó, 150 baht vào khoảng 7.50 USD

CHƯƠNG 19

TRẠI SAKEO II

Tháng bảy năm 1980, bây giờ chúng tôi đang ở trong một trại tị nạn mới. Trại Sakeo II nhỏ hơn trại Khao I Dang, nhưng sạch sẽ và đẹp hơn. Lều không có cửa, được cất thành một nhóm bốn lều, quay mặt vào nhau với một không gian rộng phía trước, được gọi là lều bốn (quad). Dọc theo con đường đất là hàng dãy các lều bốn như vậy, làm bằng gỗ ván dày màu xám, sàn cũng bằng gỗ. Cũng nằm trên con đường đi xuyên qua trại này là một toà nhà gỗ hai tầng rất rộng có tên là "Trung tâm Y tế công cộng" và ở phía bên kia là các lều bốn nơi người ta có thể gửi thư, đơn từ đến các lãnh sự quán Hoa Kỳ, Úc, Pháp, Canada để yêu cầu xin nhập cư. Là một gia đình bảy người, chúng tôi chia xẻ khu lều bốn với một gia đình khác. Cũng như ở Khao I Dang, chúng tôi nhận khẩu phần nước và thức ăn hàng ngày. Khẩu phần thức ăn ở đây khá hơn ở trại trước nhiều. Dù vậy, vẫn không đủ cho tất cả chúng tôi.

Người tị nạn ở đây cũng không khác gì mấy so với những người tôi thấy ở Khao I Dang. Họ cũng mặc quần áo hoa với xà rồng hay quần. TG không thấy ai mặc đồng phục đen giống như của Khmer Đỏ, vì thế tôi không có cảm giác sợ như trước lúc tới đây.

Tôi đi dạo trên con đường chính dẫn đến chợ, lại gần doanh trại của lính Thái. Đột nhiên nghe một bài hát tiếng Thái phát ra từ loa phóng thanh. Trước mặt tôi, một số lính Thái đứng thẳng, súng hạ thấp, đẩy súng chạm trên mặt đất. Một số người tị nạn Cambodia chú ý và dừng lại. Tôi cũng làm theo.

Khi bài hát đang tiếp tục, một ông già lướt sát người tôi, vượt qua tôi, mắt nhìn xuống đất. Ông cứ tiếp tục đi dọc tới phía trước. Vừa khi đó bài hát chấm dứt, một trong mấy người lính lao tới phía ông già, đưa súng lên và nện vào lưng ông. Ông ngã úp mặt xuống đất, quần quai. Khi ông loạng choạng đứng lên, người lính chửi thẳng vào mặt ông bằng tiếng Thái. Rồi sau đó người lính lôi ông ta vào đồn gác, khuất sau cánh cửa kim loại. Ông già bối rối, sợ hãi. Những người tị nạn Cambodia hoảng hồn, đứng chôn chân trên đường, bất lực.

Về sau đồn lính này trở thành một nơi người ta thường nghe thấy từ trong đó vang lên tiếng người kêu thét vì đau đớn. Một ngày nọ người ta nghe thấy tiếng một người đàn ông kêu gào vì thống khổ. Đột nhiên có một người đàn ông cao lớn có mái tóc màu nâu nhảy qua hàng rào vào và nhanh chóng bấm máy ảnh. Lính Thái liền ủa tới, lừa ông ta vào một góc. Họ giật máy ảnh, tháo cuộn phim ra, rồi ném trả máy ảnh vào giữa ngực ông ta. Người nhiếp ảnh viên đành bước lui ra trong khi bọn lính chửi rủa ông ta bằng tiếng Thái.

Vài tuần sau, tôi chứng kiến một vụ tra tấn hành hạ người trong gia đình tôi. Có một người bạn chạy tìm chị Ry và tôi, bảo rằng anh Vantha đánh anh Than, sau đó anh Than xách rìu rượt anh Vantha.

Chúng tôi chạy theo đường chính, dáo dác tìm anh Than. Nhưng trước mặt chúng tôi lại là anh Vantha, đang nhớn nhoe đi dạo. Gặp anh, chị Ry hỏi chuyện gì đã xảy ra, anh nói "Tao có đấm thẳng Than mấy cái, thế là nó xách rìu rượt tao, thế là tao nói bạn tao bảo lính bắt nó. Bây giờ bọn lính đang nện nó. Đi tới giúp nó đi".

Đến trại lính, chúng tôi nhòm qua cánh cửa sắt, và tự hỏi họ giam anh Than ở đâu. Chị Ry và tôi lay cửa, khóc lóc. Một người lính cho chúng tôi vào, và tôi thấy nằm trên mặt đất là anh Than. Mặt anh sưng vù, đầy máu và đất. Người anh lăn tròn khi bọn lính đá liên hồi vào anh và nện anh bằng báng súng.

Chị Ry gào lên, và tôi kêu thét mỗi khi họ đánh vào anh Than. Chúng tôi ép bàn tay vào nhau, van lạy xin họ ngừng, nhưng họ vẫn tiếp tục đánh, rồi họ đổ nước vào người anh, khi anh cất tiếng rên thì họ lại đánh.

"Xin ngừng tra tấn anh trai tôi. Xin ngừng lại!" tôi gào lên, chạy lại gần bọn lính. "Anh ấy chỉ

là một đứa bé thôi mà. Xin ngừng đánh anh tôi...."

Tất cả mấy người lính khác đứng nhìn, trong đó có một người mặc thường phục. Họ vẫn tiếp tục nhìn khi chị Ry và tôi van xin họ tha. Nắm tay chị Ry đập xuống đất như thể sự đau đớn mà họ xuống người anh Than là quá lớn không thể chịu đựng nổi. Quay mình khỏi cảnh anh Than bị đánh đập, tôi khẩn nài người lính lớn tuổi nhất, đang ngồi trên ghế, để ông bảo ngừng cuộc đánh đấm này lại. Ông ta nhìn đi chỗ khác, nét mặt lạnh lùng. Rồi cuối cùng thì họ cũng thôi đánh và chúng tôi mang anh về nhà.

Chị Ry, anh Than, Map và tôi dời qua lều cô Eng với chồng cô cùng hai đứa con gái. Chúng tôi ngủ trong lều, còn cô và gia đình ngủ ở phía trước. Savorng thì ở lại với chị Ra và Vantha. Chị Ra không nói gì nhiều về chuyện này. Có vẻ như anh Vantha đã một lần nữa thành công trong việc thuyết phục chị rằng chuyện đánh nhau đó không phải là lỗi của anh mà là lỗi của anh Than. Có lẽ chị quá theo chồng, hay chị đã chịu chấp nhận vai trò của một người vợ phục tùng chồng. Dù gì đi nữa, việc chị mất khả năng giải quyết một tình huống như vậy, cùng với sự ngỗ ngược của Vantha và thái độ thô lỗ của anh đối với chúng tôi, đã khiến gia đình chúng tôi tách ra xa nhau. Chúng tôi hiếm khi gặp chị Ra và Savorng nữa.

*

Có một vài lớp Anh văn tư được mở. Tôi theo học tất cả các lớp đó, nhưng rời lớp ngay sau khi giáo viên nhắc học sinh mang tiền theo để đóng học phí.

Sau đó khó khăn của tôi được giải quyết. Có một trường công tên là Sras Sang được mở ra ngay trong trại. Trường nằm trong khoảng đất rộng, trống nơi vùng phụ cận của trại Sakeo II, gần rừng. Dựng trên cột với cầu thang và chỗ trống rộng, trường này có năm lớp học từ lớp sáu đến lớp chín. Tiếng Anh được dạy cùng với môn toán, ngữ văn Cambodia và thể dục.

Đã sáu năm rồi kể từ khi tôi theo học một trường chính thức. Bây giờ ở tuổi 15, tôi đăng ký vào lớp bảy, cao hơn hai lớp so với lúc tôi còn ở Phnom Penh. Hôm nay, trong lớp, tôi nhắm đếm số học viên, có lẽ chừng năm mươi người cả thầy. Chúng tôi ngồi trên sàn vẫn còn thơm mùi gỗ mới. Con trai ngồi một phía, con gái một phía. Tôi ngồi với bọn con gái, gập chân ngồi gần cửa vào lớp với tập, bút, bút chì ở trước mặt.

Cũng như tôi, anh Than, bây giờ đã 17, đã phục hồi sau khi bị bọn lính đánh đập, cũng ghi tên vào lớp bảy, nhưng học khác lớp với tôi, giáo viên cũng khác. Còn chị Ry thì theo lớp tám – chín, nằm ở dưới nhà. Sau đó chị định theo học khóa giảng dạy – chị nói vậy. Mục tiêu của chị là trở thành giáo viên, dạy trẻ em tiếng Cambodia.

*

Chị Ra đã sinh ra một bé gái ngày 30 tháng chín, 1980, sớm hơn một tuần. Một buổi chiều chị và Savorng mang đứa bé tên là Syla, đến lều chúng tôi. Khi chị Ry, anh Than và tôi đi học về, họ đang ngồi trước lều nơi chúng tôi nấu ăn. Cùng ngồi ở đó là Map, cô Eng và hai cô con gái của cô.

Syla nhỏ, da sạm với mái tóc dày. Mắt nó nhắm nghiền, miệng mút chíp chíp, tay nắm lại thành nắm đấm. Savorng ru Syla, nó ngủ yên lành. Chúng tôi nhìn đứa bé, nói chuyện, hỏi han về nó, chứ không nói chuyện gì khác nhiều.

*

Ngày đó người ta háo hức đi học giống như bị đói vậy. Mỗi đêm tôi đều mong mau sáng để được trở lại trường. Sau khi ở lớp về, tôi chăm chỉ học toán và Anh ngữ. Vừa về đến lều là tôi lo chuyện trường, xem lại chỗ ghi chép và những gì sẽ được dạy vào ngày hôm sau.

Một ngày kia thầy giáo của tôi, mà tôi gọi là Lok Kruu (Lok nghĩa là ngài, còn Kruu nghĩa là "thầy"), trả lại tôi bài tập toán. Biết rằng mình làm bài này rất đúng, tôi hăm hở nhận lại bài tập. Nhận bài, tôi thấy có dấu đỏ chỉ số điểm là mười chín trên hai mươi. Tôi kiểm tra lại thấy mình trả lời đúng nhưng điểm ghi sai.

Tôi trình bày với Lok Kruu, và thầy đã sửa lại điểm cho tôi. Tôi rất mừng, tôi vừa mỉm cười vừa quay lại chỗ ngồi. Tôi đưa bài tôi cho một bạn học ngồi sau lưng tôi xem. Con bé nói tôi thật giỏi khi làm mọi câu đều đúng cả. Nó có làm sai vài điểm. Nó hỏi tôi nó mượn bài tập. Tôi nghe có tiếng cười khúc khích sau lưng. Sida đưa trả lại tôi bài làm, rồi đi lên chỗ Lok Kruu với bài làm của nó trong tay. Nó quay trở về, có vẻ tự mãn, bảo tôi "Thy này, tao cũng được thêm điểm đấy. Hai mươi trên hai mươi đó".

Giật mình, tôi không nói được tiếng nào. Làm sao mà nó có thể hãnh diện vì gian lận, chép lại câu trả lời của tôi để được thêm điểm! Nhưng rồi tôi còn khiếp hơn nữa. Hai đứa con gái ngồi sau tôi, cả vài đứa con trai nữa, cũng đi lên chỗ Lok Kruu sau khi Sida đưa bài của mình cho họ xem.

Mặt của Lok Kruu đỏ bừng lên vì giận khi cả mấy đứa đều kéo lên chỗ thầy khiếu nại vì điểm chấm sai. Thầy bảo chúng trở về chỗ ngồi, rồi ông lao ra khỏi phòng. Khi ông trở lại lớp, ông không nói gì, ngồi vào bàn giấy, dần cơn giận lại.

Tiếng bước chân rầm rầm nơi hành lang. Rồi ông hiệu trưởng, chừng khoảng ngoài bốn mươi, xuất hiện. Tôi muốn đứng dậy và nói cho ông rõ chuyện xảy ra. Tôi muốn chỉ Sida và những người đã "cóp" các câu trả lời trong bài của tôi.

Vừa bước vào lớp học, ông hiệu trưởng hỏi ngay "Ai khởi xướng cái trò gian lận này? Ai làm đầu tiên?" Ông chống nạnh vào hông.

Tôi đứng dậy giải thích "Em".

"Em?" ông hiệu trưởng phủ đầu tôi, ngón tay chỉ liên tiếp vào mặt tôi "Tại sao em khởi xướng việc gian lận? Em là loại học sinh nào vậy, lại là con gái nữa? Đồ..."

Choáng váng, tôi nhìn vào ông ta, đứng chôn chân trên sàn nhà. Mặt tôi đỏ bừng.

Từ khi còn là một đứa con gái nhỏ, tôi đã được dạy bảo phải kính trọng người lớn, nhưng giờ đây làm sao tôi kính trọng người đàn ông này được? Tôi từng bị Khmer Đỏ áp bức, tước đoạt tự do của tôi, nhưng không ai có quyền đối xử với tôi theo kiểu này! Tôi nhìn lại ông ta trong khi ông tiếp tục nổi đoá.

Tôi chống tay vào hông, giống hệt như cách ông đứng, tôi bảo ông "Nếu thầy không biết sự thật, thì đừng vội buộc tội tôi xúi giục gian lận. Nếu ông ngu ngốc, đừng làm như ông đã biết hết mọi chuyện". Lời nói tuôn ra khỏi miệng tôi, những lời mà tôi không thể nào tưởng tượng mình dùng khi nói với một người lớn. Tay tôi giờ lỏng, ngón trỏ của tôi cũng chỉ ngược lại phía ông "Ông là người lớn thì hãy xử sự cho ra người lớn. Nếu không, không ai kính trọng ông, dù ông có là hiệu trưởng đi nữa".

Ông ta rửa lên một tiếng, chỉ tôi và gọi tôi là đứa con gái mất dạy. Cổ trấn tĩnh, tôi bảo ông xử sự cho đàng hoàng và lắng nghe ông nói như một người lớn bảo ban một đứa trẻ động kinh cổ tĩnh táo lại. Lok Kruu chạy đến bên ông hiệu trưởng, nói một cách vững chắc "Học sinh này không hề xúi giục việc gian lận".

Ông hiệu trưởng giật mình lùi lại, mắt ông tìm mắt Lok Kruu, như thể ông ta cố gắng hiểu điều Lok Kruu vừa nói với mình. Đột nhiên tôi cảm thấy như mình ở trong một hành lang của sự yên lặng. Ông hiệu trưởng đi ra cũng vội vàng như khi ông vào.

*

Trên bức tường của nhà bưu điện, tôi đọc tin tức và thông báo về những gia đình bị mất tích. Có thể một số bà con đã thất lạc từ lâu đang tìm kiếm chúng tôi. Sau đó tôi dò danh sách tên của những người có thư từ thân nhân. Tôi thấy ngay tên của tôi trong đó.

Tôi bèn mở ra, thư viết "Gửi cháu Thy, ông đã tới Khao I Dang và đang ở với cha của bạn cháu là Sonith tại chùa. Các cô của cháu, Chin và Leng cùng gia đình của họ vẫn còn ở Phnom Penh. Sau này họ cũng sẽ đến Khao I Dang...Còn về phía bên gia đình của mẹ cháu, thì các dì và cậu cháu cùng gia đình của họ cũng hiện đang sống tại Phnom Penh..."

Tôi không thể tin rằng ông lại tìm ra tôi sau bao nhiêu thời gian kể từ khi ông, cô Chin, cô Leng cùng với gia đình rời chúng tôi ở làng trước khi đến Kerkpongro. Cách đây cả năm rồi. Bây giờ chúng tôi lại tái hợp qua một lá thư.

Vài tuần sau, tôi lại nhận được một lá thư từ Khao I Dang. Kèm theo thư là một bức ảnh cô

Chin và con cô, cô Leng chụp với người chồng thứ hai, cũng có cả người anh họ Navy, đó là người sống sót duy nhất trong gia đình bảy người của cô. Mọi người trên được mang đến Khao I Dang an toàn. Tôi cảm tạ trời đất. Chỉ vài năm sau chúng tôi có thể cùng nhau cười về những nỗi nguy hiểm trong cuộc hành trình của họ. Vì biết rằng đến Khao I Dang nguy hiểm như thế nào, họ bèn giấu nữ trang gồm vàng và ngọc vào hậu môn. Nhưng rồi khi kiệt sức vì cuộc hành trình dài và nhọc mệt, không ai còn nhớ gì về kho báu của mình nữa. Chồng cô Leng, trên đường đến New Camp, phải đi đại tiện sau một bụi cây, và đó chính là nơi ông để lại mấy viên ngọc giấu kín! Chuyện tương tự như vậy cũng xảy ra với người con gái của cô Chin.

Những câu chuyện khác thì hoàn toàn không vui. Những vụ giết người man rợ ở Year Piar cuối cùng đã đi giáp vòng. Những thân nhân còn sống sót của những người bị Khmer Đỏ hành hình liền trở lại phục thù sau khi được giải phóng. Trên cánh đồng ấy, họ bắt giữ những người trước đây có dính dáng vào việc hành quyết gia đình họ. Tại đây, bằng dao, họ hành quyết những người kia, chặt ra từng khúc.

Như vậy, những năm tháng hung bạo đã được đáp lại theo cùng một cánh tay, tuy nhiên, tôi chẳng thoả mãn chút nào khi biết những điều này. Tôi rất buồn khi thấy rằng những người còn lại đã sống sót trong chế độ Khmer Đỏ nay cũng giảm xuống ngang cấp độ của Khmer Đỏ. Việc báo thù rửa hận như vậy chẳng thay đổi được gì, tôi nghĩ. VÀ tôi mừng rằng mình đã không phải chứng kiến việc trả thù đó.

Nghĩ mình gặp điều không may ở trường Sras Srang kể từ khi xảy ra vụ với ông hiệu trưởng, tôi quyết định thôi học ở đây. Bây giờ tôi đã có kinh nghiệm mới về việc hoạch định tương lai. Chị Ry và tôi đăng ký theo học một chương trình huấn luyện giáo viên thể dục. Có một điểm tiện lợi là tôi vừa có thể học tiếng Anh, và như chị Ry gợi ý, tôi sẽ sang Mỹ và sẽ có cơ hội để học nhiều thứ. Theo học chương trình này, chúng tôi sẽ được lãnh lương tháng là 150 baht. Chúng tôi được huấn luyện làm giáo viên, và được trả lương.

Chị Ry bảo tôi phải nói với người chiêu sinh rằng tôi 19 tuổi, vì phải ít nhất 18 tuổi mới được đăng ký. Chị bảo họ sẽ tin vì tôi cao hơn nhiều cô gái Cambodia tuổi 18. Tại Cục Giáo dục Thể chất và giải trí, một số đàn bà con gái, chừng tuổi hai mươi, đã đến ghi danh để làm huấn luyện viên thể dục. Ngồi trên cái bàn giống như ghế dài, chúng tôi đọc về luật lệ của môn bóng chuyền, được miêu tả trong bốn trang giấy phát cho học viên. Sau khi đọc nghiên cứu trong hai buổi sáng, chúng tôi bắt đầu thực sự huấn luyện bóng chuyền, và người phụ trách Cục báo là chúng tôi sẽ nhận được đồng phục, điều này khiến chúng tôi cười tươi như hoa. Chúng tôi nôn nóng đợi được phát áo.

Nhưng môn này lúc đầu khó khủng khiếp. Càng tập, chúng tôi mới càng khá hơn. Tôi rất yêu môn bóng chuyền và trở thành một trong những tay chơi giỏi nhất. Các trận đấu tập của bóng

chuyện nữ này không những chỉ thu hút người tị nạn Cambodia mà còn cả người ngoại quốc và một số lính Thái mang súng đến xem nữa. Có lần sau một trận đấu, Rey – một trong những cầu thủ không chơi ván cuối này – đã bấm tôi, nói rằng cô chú ý thấy bọn lính Thái chăm chú nhìn tôi, nói thầm với nhau ra vẻ thích tôi lắm. Tôi quay lại nhìn họ, họ vẫn đứng đó, gần sân bóng chuyền và nhìn về phía chúng tôi. Một cơn sợ hãi phủ lên người tôi. Tôi bồn chồn, lo âu, nhớ lại những câu chuyện phụ nữ Cambodia tị nạn bị cưỡng hiếp ở Thái Lan.

Hai trong ba người lính lại đến sân bóng chuyền. Một trong mấy cô gái nói họ có vẻ "mết" tôi lắm, nhưng tôi không sợ bởi có đám đông chung quanh, và tôi thường ra về một lần với mọi người khi tập xong.

Một chiều thứ ba, khi tôi một mình đi qua bưu điện về lều, tôi nghe thấy bước chân vội theo đằng sau. Một tiếng nói đột ngột cất lên "Sawatdee khup (xin chào)".

Tôi quay lại, giật mình. Cái nhìn của người lính gặp tôi. Anh ta đúng là một trong số những người lính chăm chú nhìn tôi ở các buổi tập! Anh ta mang súng trên vai. Nhận ra người này, tôi ba chân bốn cẳng ù té chạy về lều.

Khi về đến lều, bên trong không có ai ngoại trừ Om Soy. Tôi bình tĩnh kể cho bà nghe chuyện xảy ra. Om Soy nhắc tôi phải cẩn thận.

Đã được hai tháng kể từ khi tôi tham gia lớp bóng chuyền. Tôi đã tìm được ý nghĩa mới của cuộc sống trong trại tị nạn, nơi tôi vẫn có thể tự làm cho mình vui mặc dù tôi phải gắn chặt vào trại này, bị ngăn chặn về mặt thể chất với thế giới bên ngoài. Ở sân bóng chuyền, tôi thấy tự do, sung mãn. Có tự do, tôi thấy phơi phới, thích tranh đua và vui nhộn. Đời sống đã dần dần trở lại bình thường, và bây giờ lại có điều này – sợ hãi những người lính!

Một chiều muộn khác, khi tôi đang nói chuyện với Om Soy lúc bà đang nấu ăn ngoài sân, đột nhiên mắt bà lộ vẻ chú ý khi bà nhìn phía sau lưng tôi. Bối rối tôi quay lại và thấy người lính bấy lâu nay đi theo tôi – hiện giờ anh ta đứng ngay bên phải tôi. Mắt anh ta nhìn thẳng vào mắt tôi. Tim đập mạnh, tôi nhảy vọt vào trong lều sợ hãi, trong khi Om Soy nói chuyện với anh ta bằng tiếng Thái.

"Athy ơi, Athy ơi," giọng khàn khàn của Om Soy gọi. "Ra đây đi, ra nào. Anh ta đi rồi".

sau đó Om Soy giải thích "Người lính đó muốn lấy cháu. Anh ta đã yêu cháu ngay từ lần đầu tiên trông thấy cháu. Nhưng cô bảo anh ta rằng cháu đã có chồng chưa cưới ở bên Mỹ đang đợi cháu sang để làm đám cưới. Nào cháu đã có ai đâu, cô chỉ phịa ra thế để anh ta để yên cho cháu. Trông có vẻ buồn, anh ta chào cô rồi đi".

Mới tuổi 15, tôi ở trong tâm trạng không nghĩ tới, thậm chí khước từ cái chuyện lấy chồng, nhất là với một người lính Thái kể từ khi tôi chứng kiến sự hung bạo của họ đối với người tị nạn, trong đó có anh Than. Nhưng trong thâm sâu, tôi thấy tội cho anh ta vì đã yêu tôi. Tôi

chẳng những không thể đáp trả lại lòng anh ta mà còn cảm thấy sợ hãi nữa. Tôi lo lắng vô cùng. Sau đó tôi viết một lá thư cho chú Seng và Om Soy bảo tôi giục chú cố đưa gia đình tôi ra khỏi trại này sớm chừng nào hay chừng đó. Có vẻ như bà đọc được ý nghĩ của tôi.

Tôi xé một tờ giấy trong cuốn tập và bắt đầu viết:

"Kính thưa chú,

Các anh, chị cháu và cháu đã ở trong trại tị nạn một thời gian dài. Hiện tại cháu đang ở trại Sakeo II một thời gian rồi. Trước đây cháu cứ tưởng sống trong trại tị nạn này an toàn hơn sống dưới chế độ Pol Pot, nhưng sự thật là ở đây cũng không được an toàn. Cháu đã nghe kể về việc lính Thái cưỡng hiếp các cô gái Cambodia đi kiếm củi trong rừng. Còn bây giờ cháu cũng gặp vài vấn đề rắc rối. Một người lính Thái đã đeo đuổi cháu. Ngày hôm nay anh ta đến tận lều của cháu. Cháu sợ lắm, chú ơi. Xin chú bảo lãnh cho tụi cháu đi khỏi đây sớm. Tụi cháu chẳng còn cha mẹ, xin chú giúp tụi cháu. Tụi cháu chỉ có thể nhờ cậy vào chú vì chú bây giờ là người duy nhất mà tụi cháu có thể xin giúp đỡ. Xin chú hãy đưa tụi cháu ra khỏi Thái Lan ngay.

Cháu của chú

Chanrithy Him"

Vào chiều ngày 27 tháng Giêng 1981, tất cả các học viên tại Cục Giáo dục thể thao và Giải trí tụ tập để làm lễ tốt nghiệp cho chúng tôi trước chừng hai trăm khách đến dự. Nơi chỗ trống của Cục, dưới mái che, bàn ghế đã được sắp đặt ngay ngắn. Ở góc xa bên kia văn phòng chính, có một sân khấu nhỏ để đầy trống, đàn ghi ta, micro...

Nhưng cái thật hấp dẫn là các cô gái đều trong rất đẹp. Chị Ry mặc chiếc áo dài tay trắng với chiếc váy màu lục đậm. Bạn tôi, Arom, cũng mặc chiếc áo tay dài màu lục nhạt trên chiếc váy xanh sậm. Chị của nó là Anny mặc chiếc áo màu vàng rất đẹp có nơ phủ phía trước. Còn tôi mặc một chiếc áo nhưng ngắn tay có màu đỏ sáng với chiếc váy có bốn hàng màu kế tiếp nhau – xanh tươi, lục nhạt, cam nhạt và đỏ tươi.

Một bữa ăn đặc biệt được dọn ra và bàn ghế được sắp xếp lại để chừa chỗ khiêu vũ. Ban nhạc chơi một bản nhạc tôi đã nghe lâu rồi từ hồi còn ở Phnom Penh. Tôi thấy ấm lòng nhưng bản nhạc cũng làm tôi thấy nhớ nhà da diết. Nhưng cảm xúc của tôi thay đổi liền. Tôi xúc động thấy nhiều người đứng dậy nhảy một điệu dân gian Cambodia. Đàn ông vỗ tay và đặt tay dưới cằm – họ mời phụ nữ khiêu vũ. Tôi đã trải qua một buổi tối tuyệt vời, một cuộc vui lớn nhất tôi có kể từ khi sống dưới chế độ Khmer Đỏ.

Vài ngày sau khi tốt nghiệp, tôi chiêu mộ trẻ em lại và dạy chúng chơi bóng chuyền. Các cậu và các cô nhỏ rất thích chơi môn bóng này. Chúng cười vang, cười rúc rích, rất sung sướng. Chơi với chúng thấy mình hăng hái hơn. Nhưng tôi nghe sẽ có buổi khai mạc Trung Tâm Y tế công cộng. Từ khi ở Khao I Dang, tôi đã hy vọng được làm thông dịch y tế. Có một người bạn bảo tôi

rằng trung tâm đang tìm người tình nguyện để giúp giáo dục những người tị nạn hiểu về bệnh lao và các biện pháp phòng ngừa. Nó nói, nếu tôi thích, chỉ cần có mặt lúc tám giờ sáng ở trước cửa trung tâm. Tôi liền bảo rằng tôi sẽ tới đó.

Sáng đó một chiếc xe đón những người ở trung tâm lên, rồi thả nhiều nhóm khác nhau ở các nhánh khác nhau của trại. Đi từ lều này sang lều khác, tôi làm việc cùng hai người đàn ông Cambodia và Janice – một y tá người Mỹ tình nguyện. Trách nhiệm chính của tôi là nói cho những gia đình biết về triệu chứng của TB (bệnh lao) và các biện pháp phòng ngừa. Khi Janice tiêm chủng TB cho các em bé, tôi vuốt má chúng, hy vọng làm chúng quên đi mũi kim đang chích vào da.

Công việc này rất quan trọng đối với tôi. Nhưng nó không kéo lâu vì gia đình chúng tôi phải chuyển đến trại Mairut. Một phần của thủ tục nhập cư vào Mỹ bao gồm việc đi qua các trại quá cảnh. Gia đình của cô Eng đã được chuyển đến một trại khác. Chưa chi tôi đã bắt đầu thấy nhớ các bạn của mình ở đây.

*

Chiếc xe buýt chở chúng tôi dừng lại sau một chiếc xe buýt khác giữa một vùng quang cảnh xanh ngắt nơi những cây cỏ cao kều và những cây dừa đứng bệ vệ, lắc lư theo ngọn gió nhẹ. Thế ra đây là Mairut, tôi nghĩ, thật đẹp. Không khí có mùi khang khác. Tươi mát, như chúng tôi đang ở một vùng gần nước. Chúng tôi được đưa tới một trại có lều rộng gần gấp hai lần rưỡi các lều ở Sakeo II. Chúng giống như lều ở Sakeo II, lều ở đây được dựng quay mặt vào nhau theo từng nhóm bốn lều. Trước lều là một khoảng không gian rộng trồng hoa theo hình vuông nhỏ. Chỗ chúng tôi được cấp là một gian giữa, rộng, có cả bóng đèn huỳnh quang dài. Điện! Chỗ ở đây thật tốt!

Thật khó khăn khi phải sống lại cùng với chị Ra, anh Vantha, Savorng và bé Sylá. Chúng tôi không hề nói chuyện với anh Vantha kể từ khi bọn lính Thái đánh đập anh Than. Bây giờ lại phải cùng chia sẻ một không gian sống, thật bất tiện khi chỉ nói chuyện với chị Ra, Savorng hay chơi với bé Sylá. Khi có mặt anh Vantha, mỗi người chúng tôi, chị Ry, anh Than, tôi, cứ làm như người kia không hề hiện diện.

Trên vùng ngoại vi của trại Mairut, chị Ry và tôi cùng đi thám hiểm với Arom và Anny, hai người này cũng được chuyển đến đây. Khi chúng tôi gặp một tháp canh, tôi bèn leo lên đó. Từ chỗ này, nhìn qua các cành cây, tôi thấy cả một vùng nước xanh biếc với những đợt sóng gợn lăn tăn ở phía xa. Lên đến đỉnh tháp, tôi thấy có vài người đang nhìn ra xa. Tôi vội nhìn theo hướng họ nhìn. Tôi không tin vào mắt mình nữa. Một đại dương! Đây là vịnh Thái Lan. Cả một vùng nước xanh mênh mông, dọc theo đó là hàng dừa. Tôi gọi lớn để chị Ry, Arom và Anny

cùng leo lên. Đây là lần đầu tiên tôi thấy đại dương. Tôi tạ ơn Trời là mình còn sống sót. Sau đó chúng tôi ra biển. Bãi biển đầy người. Có người nằm dưới bóng dừa, những người khác, như anh Than và tôi, lội xuống biển và chơi té nước vào người nhau.

*

Nhiều người, có lẽ đến cả trăm, tụ tập tại các văn phòng thuê người tị nạn để làm các công việc có trả lương khác nhau, như là thông dịch viên hoặc giáo viên. Hai ngày đầu tôi không gặp may. Ít nhất thì tôi cũng tìm được một trường công mở các lớp dạy Anh ngữ. Lớp học d.ng bằng cột tre, mái rơm. Trong lớp có bảy chiếc bàn trông như ghế dài, một dãy bên trái, một dãy bên phải. Con gái ngồi bên trái, bọn con trai chọn phía bên tay phải gần bàn thầy giáo tiếng Anh, cũng là một người tị nạn. Chúng tôi học ngữ pháp và tập đối thoại.

Nhưng đến tháng Năm, 1981, gia đình chúng tôi lại được chuyển đến một trại khác sau khi ở Mairut được hai tháng. Đây là một đoạn đường dài từ Mairut đến Pananikom Holding Center. Cổng trại mở ra khi xe của chúng tôi đến gần. Trời nóng và ẩm. Map và Savorng khát nước, chúng nhăn nhó. Còn bé Sylva thì khóc nhặng xì cả lên.

Với bảy gia đình khác, chúng tôi được dẫn qua những dãy lều như ở Sakeo II. Chúng tôi bước qua chiếc cổng thép gai bao quanh khu lều trống. Đất ở chính giữa bị xói mòn và đầy bùn. Đây là nơi để chuyển bớt số dân tị nạn. Người ta cho chúng tôi biết không còn chỗ nào khác cho chúng tôi ngoài những căn lều này, nơi trước đây lính Thái dùng để nhốt người tị nạn Việt Nam.

Chúng tôi ở đây hai tuần trước khi được chuyển đến một trại khác gọi là Lompini. Mọi người đều đã đi ra cái chợ dã chiến. Chị Ry và anh Than cũng dẫn Map và Savorng đi chợ và giục tôi cùng đi. Nhưng tôi không muốn đi.

Để giữ cho mình có việc làm, tôi ngồi học ôn tiếng Anh, tôi xem lại các cuốn tập, ôn lại ngữ pháp. Cho đến khi mệt vì phải nhớ các thì khác nhau, tôi bèn đọc cuốn Essential English Book I, trí óc tôi nhất thời chìm vào các cuộc đối thoại của các nhân vật trong sách.

Ở đây tôi được an toàn, nhưng sự buồn chán đè nặng lên tôi. Tuần lễ đầu tiên, khi mọi người ra chợ chơi, tôi cảm thấy mình lẻ loi, và có cảm tưởng như mình là một tên tù. Đến tuần thứ hai, chị Ry và anh Than mang về cho tôi mấy cuộn băng bài hát Cambodia mà chúng tôi thường nghe thời còn ở Phnom Penh.

Ngày nào tôi cũng nghe những bài hát này. Những bài ca trữ tình được hát bởi các siêu sao mới đây là Sinsee Samuth và Ros Sarey Sothea vang khắp lều trại. Tôi nhớ mình rất thích ngắm các vũ công cổ điển Cambodia trình diễn ở Phnom Penh lúc Pa dẫn chúng tôi đi xem, và tôi rất muốn học những vũ điệu này. Tôi nhớ lại niềm say mê của Pa đối với vũ điệu cổ điển.

Vì Pa, một ngày kia tôi sẽ trình diễn những vũ điệu ấy. TG sẽ múa thật đẹp trong tiếng chuông trống xập xình. Giống như người vũ công tôi xem ở Phnom Penh, tôi sẽ nhẹ nhàng bước tới một bước, ngón tay cong cong quét qua không khí khi tôi bước lại gần khán giả. Khi tôi múa xong, người ta sẽ vỗ tay ầm vang, và tôi sẽ hãnh diện vì tôi đã biểu diễn tốt đẹp – vì Pa.

Chúng tôi lại chuyển tiếp đến một trại khác vào ngày 8 tháng Sáu năm 1981. Một viên chức người Thái dẫn chúng tôi qua một con hẻm tráng xi măng, qua các dãy nhà và dây phơi áo quần. Chúng tôi sẽ ở trong một nơi giống nhà để xe, nền và tường nhà mốc meo. Một cơn gió mát thoảng qua, mang lại mùi nước tiểu gay gắt, như thể quanh chúng tôi toàn là nhà vệ sinh. Nằm dài trên miếng vải nhựa trải trên nền xi măng, tôi đợi chị Ry và anh Than mang phần thức ăn về. Khi họ trở lại, họ giải thích rằng những người Thái phân phối thức ăn phải kiểm tra hình của chúng tôi chụp theo nhóm, được nhân viên di trú ở trại Sakeo II thực hiện, đối chiếu với tài liệu của họ. Sau đó họ còn nhìn vào mặt chị Ry và anh Than để xác định cho chắc chắn. Ai đến mà không mang theo hình chụp đều bị từ chối phân phát thức ăn.

Map, tôi và Savorng ngồi quanh một chiếc nồi nhỏ đựng canh, và một tô cơm. Anh Than xới cơm vào đĩa, chị Ry thì múc canh vào chén. Bỗng chị Ry buông cái nồi canh xuống và la lên "Có sâu trong nồi canh đó!", chị lùi lại. Anh Than bước nhanh tới, múc sâu trong nồi canh vớt đi. Tôi biết chúng tôi còn ăn uống tệ hơn thế nữa trước đây, nhưng đó là dưới thời Khmer Đỏ. May mắn thay, sau khi ở đây một tuần, chúng tôi trải qua kỳ khám sức khỏe, chúng tôi được phép rời khỏi Thái Lan, đi đến một trại chuyển tiếp khác ở Philippines.

CHƯƠNG 20

TRUNG TÂM NGƯỜI TỊ NẠN Ở PHILIPPINES

Đêm 20 tháng Sáu năm 1981, chúng tôi đến sân bay Philippines. Chuyển đi từ Thái Lan đến đây tưởng dài như vô tận. bây giờ thì cái ý tưởng được nằm dài trên giường là một điều xa xỉ, chúng tôi cần đáp xe buýt về trại.

Sáng hôm sau khi tôi mở mắt, ánh nắng chiếu vào phòng nơi chị Ry, anh Than, Map và tôi đang nằm ngủ. Tôi ngồi dậy. Chị Ra, anh Vantha, Sytha và Savorng đâu rồi? Mất một lúc sau tôi mới nhớ họ ngủ ở dưới lầu.

Tôi ngồi dậy rồi rón rén đi xuống thang lầu cố không làm ai thức giấc. Tôi chạy dọc theo con đường trải nhựa và nhìn xung quanh. Tôi ngắm nhìn những toà nhà gỗ hai tầng bên tay trái và tay phải. Đó là những khối nhà rộng dài, chia thành những gian riêng biệt. Có vẻ mỗi gia đình được chia cho một gian, như gia đình chúng tôi, được gian trên lầu và dưới lầu. Ngắm các toà nhà xong, tôi nhìn sang bên phải và nơi kia, ở đằng xa, một ngọn đồi uy nghi với cây cỏ mọc

xanh ngắt và một cây thánh giá khổng lồ màu trắng. Mọi thứ đều mê hoặc tôi. Các toà nhà, ngọn đồi xanh ngắt. Những con đường nhựa uốn lượn quanh các khu nhà. Cảnh đẹp của cỏ, cây, bụi hoa ven đường, dọc theo các lối đi rải đá. Tôi mê cái khoảng sân rộng mát trước mỗi toà nhà. Tôi bàng hoàng đón lấy cái đẹp của toàn trại, lòng vô cùng biết ơn.

Chị Ry và tôi đang rửa bát đĩa sau nhà thì đột nhiên một giọng nói ngọt ngào, dịu dàng cắt ngang cuộc đối thoại giữa chúng tôi "Chào các bạn, các bạn khoẻ chứ?" giọng nói có một trọng âm rõ rệt.

Chúng tôi quay người, thấy một phụ nữ người Phi nhỏ nhắn, da sạm, đứng sau lưng mỉm cười "Các bạn có muốn mua gạo hay mua rau gì không?" Bà đưa cho chúng tôi xem một cái rổ đựng chanh và các thứ rau tươi. Tôi nhìn qua rổ rau, rồi nhìn vào cặp mắt màu nâu sáng và thân thiện của bà. Giọng nói và tinh thần cởi mở của bà làm cho tôi ngạc nhiên. Chúng tôi chưa hề gặp nhau, vậy mà bà đã gọi chúng tôi là "các bạn"! Lời nói và thái độ của bà tỏ ra rất nồng nhiệt. Tôi nhớ lại các trại tị nạn ở Thái Lan nơi chúng tôi đã từng ở và bị đối xử như thế nào. Tôi thấy thích thú trước người phụ nữ Phi này. Bà làm cho tôi có cảm tưởng như mình đang ở nhà.

Sau khi chúng tôi đến, người ta bảo chúng tôi rằng những người tuổi từ 16 đến 55 phải học tiếng Anh như là một sinh ngữ thứ hai (ESL) và học Định hướng văn hoá (CO) trong ba tháng trước khi rời khỏi nơi đây để đi Mỹ. Trong lớp học ESL tập trung, chúng tôi sẽ học về quần áo, nhà cửa, việc làm, bưu điện và vận chuyển. Còn ở lớp CO, chúng tôi sẽ học các chủ đề tổng quát như bảo trợ, truyền thông, lối sống và vệ sinh. Dù tôi trông mong được học các chủ đề này, tôi cũng thấy học về chừng đó chủ đề trong một thời gian ngắn như vậy thật quá sức. Nhưng dù sao học ở đây miễn phí, và tôi cần được nắm vững trước khi vào Mỹ. Vì thế tôi rất mong được theo các lớp học này.

Trong lớp ESL, chúng tôi có cả học sinh Cambodia lẫn học sinh Việt Nam. Giáo viên của chúng tôi là một bà người Phi. Khi bước vào lớp, bà liếc nhìn chúng tôi và hơi nhúm mày. Tôi tự hỏi không biết bà ta có hẹp hòi như một số giáo viên của tôi thời tôi còn học ở Phnom Penh không. Những người này hay kéo tóc mai của bọn con trai và dùng thanh tre đập lên lòng bàn tay chúng tôi. Bà giáo đặt chiếc xắc tay xuống bàn và nhìn cả lớp. Đôi môi đỏ chót của bà nở ra thành một nụ cười. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm. Bây giờ tôi sẵn sàng học bất cứ thứ gì để chuẩn bị cho tôi đi vào nước Mỹ.

Bài học đầu tiên của chúng tôi là chào hỏi bằng tiếng Anh như thế nào, cách bắt tay như thế nào. Khi đến giờ thực hành, bà giáo yêu cầu cô gái ngồi bên cạnh tôi đứng dậy. Cô phải bắt tay với một người con trai Cambodia trong lớp. Cô gái lắc đầu, mặt đỏ bừng. Bà giáo hỏi một cô gái khác và cô này cũng lắc đầu. Bà bối rối đành phải gọi cánh con trai bắt tay với nhau.

Bà gọi một anh người Cambodia và một anh người Việt Nam lên đứng trước lớp. Họ tự giới thiệu và bắt tay nhau. Bà quay ra nói với cả lớp "Các bạn thấy đó, lên đây và bắt tay nhau có gì khó khăn đâu. Xem tôi đây này. Tên tôi là Marie, bạn có khoẻ không?" Bà bắt tay với một học sinh người Việt Nam. "Đấy, tôi bắt tay với cậu ấy mà tôi có sợ bị mang thai gì đâu. Đừng lo, bạn không có con vì bắt tay đâu. Nào, tiếp tục thực hành đi".

Tôi thấy bực mình vì lời bình luận của bà. Đáng ra bà phải được biết về nền văn hóa của chúng tôi, và biết rằng cách chào hỏi của chúng tôi là ép lòng bàn tay vào với nhau và đưa lên ngang cằm. Ngay tôi đây, người gan dạ trong bất cứ tình huống nào, cũng thấy bối rối trước chuyện bắt tay. Chúng tôi cần có thời gian để thích nghi với lối sống mới.

Khi bà Marie thúc giục đám con gái chúng tôi tình nguyện, tôi bắt đầu lấy lại can đảm.

Bà gọi một nam học sinh Việt Nam tên là Minh lên đứng trước lớp. Vừa bà vừa nói: "Ai muốn lên đây bắt tay với Minh nào? Cậu ấy đẹp trai đấy chứ". Cả lớp cười ồ. Cả Minh cũng cười, mắt anh ta nheo lại nhìn về phía đám con gái.

Tôi đứng lên, bà giáo mỉm cười dễ nhẹ "Nào lên đây, Chanrithy. Bạn làm được mà. Giới thiệu tên bạn rồi bắt tay".

Không có vấn đề gì, tôi nghĩ, mỉm cười rồi bước đến chỗ Minh đang đứng và nói "Tên mình là Chanrithy, bạn có khoẻ không?"

Phía dưới bọn con gái khúc khích khiến Minh cũng mỉm cười.

"Chào bạn, tên mình là Minh", anh nói, đưa mắt nhìn bọn con gái "Bạn có khoẻ không?" Anh lại nhìn bọn họ.

Tôi đưa tay ra bắt, anh bước đến định nắm tay tôi nhưng tay anh vừa gần chạm vào tay tôi, tôi rút lại. Tôi vội quay về chỗ ngồi. Tiếng cười vang lên khắp lớp.

Tôi cười nhìn bà giáo, bà đang lấy tay che mặt và cười rung cả người. Cánh con trai phía bên phải tôi cười ha hả. Mặt Minh đỏ như một con gà mái đang cố rặn trứng. Một học sinh nam người Cambodia nói nhỏ gì đó phía sau lưng anh, và anh mỉm cười bẽn lễn.

Bà giáo hỏi tôi, giọng thiện cảm "Chanrithy, tại sao không bắt tay Minh?"

Tôi cười trả lời "Lần sau em sẽ bắt", đáng đời anh ta, chưa chi đã cười điệu với bọn con gái. Tôi nhìn Minh, mặt anh ta vẫn còn đỏ bừng.

*

Sau khi chúng tôi đến đây được một tuần, người ta bảo chúng tôi đến gặp các viên chức di trú. Anh Vantha cũng đến, nhưng bước qua phía đối diện với văn phòng. Chúng tôi thì ngồi trong văn phòng di trú cùng các gia đình khác, chờ anh đến. Chị Ry và anh Than trách chị Ra đã không bảo anh Vantha vì cách xử sự của anh. Chị Ra bảo anh ấy sẽ đến đây liền, chị còn nói thêm, anh

ấy là một tên khủng, gặp việc như ngày hôm nay mà còn đi chơi loanh quanh. Chúng tôi chong mắt ra cửa, nhưng chẳng thấy tăm hơi. Đến khi người ta gọi tên anh, tất cả chúng tôi đều đứng dậy, nhấc mắt nhìn nhau. Rồi đột nhiên khuôn mặt nhơn nhơn của anh xuất hiện ở cửa. Đây không phải là lần đầu tiên anh đùa với sự lo lắng của chúng tôi. Hình như anh rất vui thú khi làm cho chúng tôi tức điên lên.

Sau khi gặp các nhân viên di trú, anh Vantha nói rằng anh đã thay đổi ý định. Anh không muốn chúng tôi đến với chú Seng nữa. Thay vì đến Portland Oregon, anh rất sung sướng được di cư đến nơi khác. Anh nói anh sẽ đến bất cứ nơi nào sở di trú chỉ định và chúng tôi phải đi theo anh.

Anh cười tự mãn. Chị Ra không chú ý đến anh mà chỉ lo bế ẵm Sylva trên tay. Chị Ry tức giận, mặt đỏ bừng lên. Anh Than thì im lặng, giữ nguyên suy nghĩ của mình, Savorng và Map thì chau mày nhìn anh Vantha. Nhiều người tị nạn Cambodia mong muốn một cách tuyệt vọng gửi thư và đơn xin nhập cư đến các toà lãnh sự của Mỹ, Úc, Canada hay bất cứ quốc gia nào khác vui lòng đón nhận họ. Họ lo lắng cho số phận của họ và cầu nguyện đêm ngày cho người ta nhớ đến họ, thế mà ông anh rể của tôi thì chẳng hề biết ơn cái vận may của mình chút nào.

*

Bạn tôi, Sothea, dẫn tôi đến Phase I, một bệnh viện lo chăm sóc y tế cho người tị nạn. Trông giống hệt một bệnh viện ở Phnom Penh, chung quanh trồng hoa đủ màu và cây cối. Đường đi trải nhựa, đường vườn hoa lát đá. Lâu lắm rồi tôi mới thấy lại được một nơi khang trang như thế này.

Sothea dẫn tôi đi dạo một vòng trong toà nhà, chỉ cho tôi xem phòng kiểm tra sức khoẻ với những ghế ngồi, bích chương và thiết bị tôi chưa từng thấy bao giờ. Tại bàn phía trước, nơi người ta nhận bệnh nhân, có một quầy gỗ dài, nhẵn bóng với một vài chiếc ghế xinh xinh phía sau. Có cả điện thoại. Chưa bao giờ tôi thấy một nơi dành cho người tị nạn mà lại đẹp dễ, hiện đại như thế này. Và tiệm thuốc cũng rất đẹp. Trên kệ, chai, hộp thuốc sắp xếp ngăn nắp. Nhãn, tên thuốc đập vào mắt tôi. Đột nhiên bóng tối của một kỷ niệm vụt đến với tôi. Nó mang tôi lại thời còn ở Phnom Penh, đến bàn đựng thuốc của Pa. Đó là thời mà ông săn sóc tôi khi tôi bị bệnh suyễn.

Sothea giới thiệu tôi với một số nhân viên bệnh viện, Bác sĩ Sophon, một người Cambodia gốc ở Canada, Mary Bliss, một y tá Mỹ tình nguyện và bác sĩ Trần, trước đây là bác sĩ y khoa ở Việt Nam. Lạ thay, tôi bắt tay họ một cách hết sức tự nhiên. Đột nhiên tôi thấy mình là người lớn, đã trưởng thành rồi.

Sothea sắp đi Mỹ và cần một người thay thế cô làm thông dịch viên y tế. Nó hỏi tôi có thích

việc này không. Tôi trả lời còn hơn là thích nữa! Nó cũng cười vì sự phẫn khích của tôi. Bây giờ thì một trong những giấc mơ của tôi sắp sửa được thực hiện. Tại Khao I Dang, tôi rất muốn học tiếng Anh. Tôi cũng vô cùng muốn làm thông dịch viên y tế. Đôi khi tôi mơ khi đang học tiếng Anh. Tôi sẽ dịch cho bệnh nhân và làm việc với các y tá và bác sĩ. Đó là một phần thưởng khi được giúp những người tị nạn bạn của tôi, những người đã trải qua nhiều thống khổ đến như vậy. Bây giờ giấc mơ đó đang trở thành sự thật. Có lẽ rồi giấc mơ kia rồi cũng sẽ thành sự thật khi tôi đến Mỹ. Tôi nhớ điều mình đã hứa khi chôn cất chị Chea: "Chị Chea ơi, nếu em còn sống sót, em sẽ học ngành y. Em muốn giúp đỡ người khác vì em đã không giúp được chị. Nếu em chết ở đây, em sẽ học ngành y ở kiếp sau".

*

Anh Than phàn nàn rằng không có ai chịu dạy tiếng Cambodia cho Map. Anh nghĩ rằng, Map, đã bảy tuổi, phải học tiếng Cambodia bởi vì đó là ngôn ngữ chính của nó. Anh nói rằng anh sẽ dạy Map, vì chúng tôi không còn Pa hay Mak đảm trách vai trò đó nữa. Tôi hãnh diện vì anh đã nghĩ đến Map. Tôi lắng nghe anh nói và liếc nhìn anh dạy Map trong khi tôi đang học các thuật ngữ y khoa trong cuốn Cẩm nang y khoa Cambodia mà Sothea đã cho tôi. Tôi chú ý anh Than hý hoáy viết vội vào sổ tay. Thật sung sướng khi thấy anh tôi tự nắm lấy trách nhiệm của mình. Anh Than đọc lại bảng mẫu tự Cambodia, rồi anh bảo Map lập theo anh. Sau vài lần, anh bảo Map lặp lại một mình. Map có vẻ chán, không chú ý. Nó bảo anh Than nó muốn ra ngoài chơi. Anh than bảo nó phải học tiếng Cambodia và yêu cầu nó phải lập lại theo anh. Map lắp bắp đọc theo anh. Sau đó anh bảo Map đọc lại các mẫu tự một mình. Map chỉ có thể nhớ được vài ba chữ. Điều này khiến anh Than giận điên lên, anh nện một cú xuống vai Map. Map bật khóc. Anh Than đưa tay lên dọa đánh nữa. Map sợ co rúm người lại. Nó nhìn tôi cầu cứu, nhưng tôi không muốn nói gì vì anh Than đã 18 tuổi rồi, lớn hơn tôi. Với lại anh sẽ chẳng thèm nghe tôi vì tôi đã không nghĩ đến việc dạy Map như anh đã làm. Map vừa khóc tức tưởi vừa lập lại theo anh. Sau đó anh Than bảo nó đọc lại mẫu tự một mình. Map đọc được vài chữ, rồi ngưng lại, mắt nhìn có vẻ chuẩn bị chờ đợi bị đánh thêm. Anh Than lại nện vào vai nó và nói "Chừng đó chữ mà mày không nhớ được à? Có khó gì đâu. Mày ngu lắm!" Anh trừng mắt nhìn Map. "Nó không có ngu", tôi bảo anh Than, giọng tôi phát ra lớn hơn tôi muốn "Nó mới bắt đầu học, thế mà anh lại muốn nó biết hết mọi chuyện. Thầy giáo gì mà như anh vậy?" "Mày đừng có bảo tao phải làm gì!" Anh nạt lớn "Tao muốn dạy nó. Nếu không có ai dạy nó cả, làm sao nó đi học được?" "Anh đâu có dạy nó, anh chỉ hành hạ nó thôi". Tôi không biết từ đâu những lời lẽ đó vọt ra khỏi

miệng tôi.

chị Ry hiện ra trên cầu thang và tôi không ngần ngại kể cho chị nghe chuyện đã xảy ra. Tôi cũng bảo chị tôi nghĩ gì về anh Than, về cách anh dạy và phạt Map. Map đứng dậy và chạy đến chỗ chị Ry. Anh Than nhìn tôi, anh bảo tôi chỉ giỏi chỉ trích mà không chịu giúp anh dạy Map. Lúc đó tôi không biết nói sao vì quả thực tôi chưa bao giờ dạy Map cái gì hết.

Rồi tôi nhớ ra điều người lớn thường nói "Một người thầy giáo tốt là một người phải kiên nhẫn mới dạy học sinh được". Quan sát anh Than, tôi thấy anh không phải là người kiên nhẫn, vì thế anh không phải là thầy giáo tốt được. Trái lại, anh chỉ là một ông anh độc đoán. Khiếp sợ vì những gì anh Than đã làm, chị Ry, hai mươi tuổi, bảo anh không cần phải lo âu về Map nữa, nó mới có bảy tuổi. Từ đó anh Than thôi không dạy Map nữa.

Anh Than giận tôi vì tôi đã cao giọng với anh. Nhưng làm sao tôi không cao giọng khi anh đối xử với Map theo kiểu đó? Anh Than muốn tôi xử sự như một cô gái Cambodia đúng cách, nhưng tôi không còn có cách xử sự nào khác được nếu tôi cảm thấy một ai đó bị tổn thương. Tối hôm sau, nằm ngửa học với cuốn cẩm nang y tế dựng trên ngực, tôi không thể nén cười khúc khích. Tôi vừa buồn cười vừa bối rối. Bụng tôi bắt đầu đau, gò má mệch vì cười. Nước mắt cũng bắt đầu chảy ra trên khoé mắt.

"Em cười cái gì vậy?" chị Ry hỏi và nhả răng ra cười theo.

"Ồ, có gì đâu", tôi trả lời nhưng vẫn không thể ngưng cười.

"Nếu không có gì, sao em cứ cười mãi vậy?"

Tôi vừa cười như nắc nẻ vừa lắc đầu. Chị Ry đi đến bên tôi, mỉm cười, cố hỏi để cho biết chuyện gì. Cuối cùng tôi bảo "Được rồi". Tôi kể cho chị lâu nay tôi học các thuật ngữ y tế cho công việc của tôi ở Phase I. Chị nhìn tôi như muốn hỏi, như vậy có gì đâu mà buồn cười. Tôi bảo chị học và nhớ các từ ấy thì không có gì đáng cười hết, nhưng điều khiến tôi buồn cười là tôi sẽ bối rối khi tôi phải dịch cho các ông các bà những danh từ liên quan đến hệ sinh dục, những bộ phận kín của họ. "Em làm thế nào mà dịch cho các bệnh nhân lớn tuổi hơn khi em phải nói những thuật ngữ đó. Em còn nhỏ mà, chị Ry?" Tôi bày tỏ. Tôi đọc lại những từ sẽ gây khó khăn cho tôi khi phiên dịch. Chị Ry cười. Chị nói có lẽ dần dần tôi sẽ bớt mắc cỡ đi. Nhưng tôi bảo chị rằng tôi sẽ hổ thẹn chết người khi dịch những từ đó.

Chị cười chế giễu và nói "Sao, chứ không phải em là người tình nguyện làm việc trong lãnh vực y tế à?"

"Em biết, em sẽ là một người chuyên nghiệp và em sẽ không bật cười đâu!"

*

Tôi sung sướng được làm việc tình nguyện tại Phase I. Khi tôi tới đó, tôi trông đợi để được

giúp bệnh nhân. Tôi làm việc hăng hái như một người bán hàng. Qua cửa sổ vuông có chấn song của hiệu thuốc, tôi quan sát khách hàng người Cambodia, Cambodia lai Trung Quốc, Việt Nam, Trung Quốc. Vừa thấy họ tới, tôi lao ra bàn giấy phía trước hỏi họ cần gì. Nếu không chắc họ là người Cambodia, tôi sẽ hỏi "Tôi giúp được gì?" Nếu họ là người Việt Nam, tôi sẽ để Bác sĩ Trần khám cho họ. Nếu là người Cambodia, tôi sẽ hỏi họ về bệnh, tập trung thông tin lại trước khi họ gặp người chuyên trách.

Sau khi dịch xong, tôi sẽ lấy thuốc theo toa của họ. Tôi rất giỏi đọc chữ viết thảo của Mary, bác sĩ Sophon và bác sĩ Trần. Khi chúng tôi không bận, tôi ở luôn trong hiệu thuốc. Tôi nhìn rồi đọc nhãn hiệu trên mỗi chai, lọ hộp thuốc, suy nghĩ về thành phần của mỗi loại thuốc, và cách nó làm cho bệnh nhân khoẻ hơn.

Đôi khi ngồi rảnh, tôi lấy phù hiệu ra khỏi áo và nhìn nó một cách say mê. Trên phù hiệu này có một tấm ảnh nhỏ của tôi đang mỉm cười, tôi cắt ra từ bức ảnh lớn chụp từ buổi tiệc sau khi tôi xong khóa ESL. Vào tuổi 16, tôi hãnh diện về mình. Tôi nhìn vào phù hiệu nhiều lần, và thấy hạnh phúc vì công việc mình đang làm.

*

Tôi ngồi trên chiếc ghế đầu trong hiệu thuốc chờ các bệnh nhân người Việt mà bác sĩ Trần vừa khám xong. Một vài người đàn ông Việt trẻ tuổi tiến lại cái cửa sổ có chấn song của tiệm thuốc. Họ nói chuyện với nhau và mỉm cười. Mỗi người đưa cho tôi toa thuốc của mình và nhìn tôi có vẻ háo hức. Tôi nhặt một toa lên. Tôi đọc tên thuốc rồi tìm thuốc trên kệ. Khi tôi đang gói những viên thuốc trắng đó lại, tôi thoáng nghe các từ "beautiful" và "I love you" do một người trong bọn họ nói. Khi tôi đưa thuốc cho bệnh nhân, tôi nhìn thấy một khuôn mặt bên lên, lúng túng của anh ta. Tôi trốn chạy bằng cách lấy một toa thuốc khác và tìm thuốc. Khi tôi đang giúp đỡ mọi người, người bệnh nhân bên lên đó nói với tôi câu "Tôi yêu cô" bằng tiếng Việt. Dù tôi hiểu câu đó, tôi chỉ tặng lại cho anh ta một nụ cười thân thiện, giả vờ như tôi không hiểu gì. Đột nhiên anh ta bước lại gần tôi hơn và nói "I love you" bằng tiếng Anh. Tôi chẳng biết phải phản ứng ra sao nên tốt nhất là không nói gì hết. Bạn anh ta cười nho nhỏ rồi nói điều gì đó với anh ta bằng tiếng Việt.

Thật lạ lùng tuy nhiên cũng rất hấp dẫn khi biết đàn ông bị tôi cuốn hút. Có lẽ Om Soy nói đúng. Rằng dù tôi còn nhỏ, tôi trông chín muồi hơn tuổi. Vì thế người ta xem tôi là phụ nữ chứ không phải là cô gái vị thành niên. Tôi thì không muốn thô lỗ với bất cứ ai, nhưng tôi không hề được hướng dẫn phải xử sự như thế nào trong những thời điểm tế nhị như thế.

*

Ratha nói với tôi có một bác sĩ đang cần người thông dịch. Tôi bèn chạy vội xuống phòng sảnh lớn và vào thử một phòng khám sức khỏe, nhưng không có ai ở đó. Tôi bước qua phòng kế cận, thấy cửa đang khép hờ. Tôi nghe thấy một giọng nói đang cố nói tiếng Cambodia. Tôi nhìn vào, đột nhiên một cặp mắt đen nhìn lại tôi. Chắc là một bác sĩ mới? Tôi tự hỏi. Tôi chưa bao giờ gặp anh trước đây. Anh mang một ống nghe quàng quanh cổ. Anh trông giống người Phi. Trẻ trung, hấp dẫn, mái tóc đen, sáng và đôi mắt đen với hàng mi dài.

Bị bắt gặp đang nhìn trộm, tôi cần thời gian để lấy lại tư thế. Tôi hít một hơi dài, lấy bình tĩnh rồi gõ cửa.

"Mời vào".

Tôi tự giới thiệu, nói tên mình và tôi đang làm gì ở đây. Anh ta đứng lên và nói "Tôi là bác sĩ Tanedo, Achilles Tanedo". Anh đưa tay bắt tay tôi, tôi bắt tay lại, không hề bối rối, ngượng ngùng. Bà Marie hẳn phải hãnh diện vì tôi.

Tôi dịch cho người bệnh nhân, nhưng nói thêm với người bác sĩ là tôi chưa từng thấy anh ở đây. Anh nói phần lớn thời gian anh làm ở bệnh viện. Bệnh viện? Tôi không hề biết trại này lại có cả một cái bệnh viện. Nhưng tôi không hỏi thêm. Cái tôi muốn là thiết lập một mối quan hệ, và điều này xem ra không khó. Tôi hỏi bệnh nhân những vấn đề liên quan đến bệnh của bà.

Trong chừng mười phút, bác sĩ Tanedo viết cho bà toa thuốc, và khi đó trí tôi đã nằm nơi tiệm thuốc, cố tìm thuốc của bệnh nhân này ở trên kệ.

*

Chị Ry sung sướng gọi tên tôi nhiều lần như thể cố nhớ cái tên đó "Athy, Athy. Chị vừa nhận được thư. Chúng ta sẽ đi đến với chú Seng".

Tôi nhìn chị, lây theo sự hớn hờ của chị. Tôi vừa phấn khích vừa hoài nghi.

Chị Ry lấy hơi, cố bình tĩnh rồi giải thích. Chị nói "Em có nhớ chị kể về một người bạn chị nhờ giúp chị viết một lá thư không? Em có nhớ anh Vantha, anh ấy muốn đi bất cứ nơi nào không?" chị ngừng nói như để tôi kịp hiểu hết những gì vừa nghe đã.

Tôi đưa tay đón lấy lá thư từ tay chị, vừa nhớ những gì chị nói. Chị nhờ một người bạn viết hộ một lá thư nhân danh chúng tôi xin cho chúng tôi được đến với chú Seng ở Oregon chứ không phải được đưa tới đâu một cách tình cờ như anh Vantha đã dọa. Tôi mở lá thư mỏng ra và đọc lời đáp "Xin bảo mấy đứa trẻ rằng P.A. đã xếp ông Leng Seng vào loại có khả năng bảo lãnh và không hề nói "đi bất cứ nơi đâu". (Ký tên) T.P." – tôi há hốc mồm, mắt mở tròn. Con vui sướng bùng nổ qua miệng tôi – tôi gào lớn.

*

Hôm nay tôi không có nhiều thân chủ, nhưng tôi thấy mệt và đói. Xong việc, tôi đi bộ chậm chậm về nhà. Trời vẫn còn sáng. Một vài gia đình ngồi trước nhà. Rồi một người phụ nữ mặc chiếc váy dài, chạy ra khỏi một căn hộ, a chính là căn nhà của tôi. Chị chạy như thể đang chạy đua về phía tôi. Chị Ry?

Mỉm cười, tôi đứng dừng lại, nhìn chị chạy. Tôi thấy vui – chị tôi lại chạy giống như một cô gái nhỏ đang hớn hờ vì được quà. Mặt chị rạng rỡ. Chị nắm lấy vai tôi, lay tôi rồi nói "Chúng mình sắp đến với chú Seng rồi, sắp đi rồi..."

"Thật hả?"

Chị gật đầu, rồi nhảy tung lên, tôi cũng nhảy theo. Chúng tôi chẳng cần biết trông chúng tôi điên như thế nào trước mắt hàng xóm nữa. Chúng tôi quên hết, chỉ biết đến niềm vui của chính mình. Khi bình tĩnh lại, tôi hỏi có phải chị nghe gọi tên gia đình và số BT (Số phân cho mỗi gia đình) của chúng tôi đọc trên loa phóng thanh không. Chị gật đầu liên tục.

Đưa mắt nhìn trời, tôi nhắm mắt lại và mỉm cười. Đột nhiên tôi ở trong một thế giới cho tôi hy vọng và khiến tôi trôi nổi bồng bềnh. Mỗi bộ phận trong cơ thể tôi đều thưởng thức cái hương vị lâng lâng, khó tả đó. Chân tôi như tự động nhấc tôi lên, cứ thế tôi nhảy múa trên con đường trải nhựa. Chị Ry quan sát tôi, cười vang. Ngày hôm nay, tôi muốn làm lễ mừng cho vận may của chúng tôi.

Tôi trông mong một đời sống mới ở xứ lạ, tuy vậy lòng tôi vẫn bồn chồn, sợ hãi. Mọi thứ có vẻ đầy hy vọng, tuy nhiên khá trừu tượng. Điều chưa biết làm tôi hoang mang. Có lẽ đôi với những cô gái Mỹ hoặc Cambodia trạc tuổi tôi còn có cha mẹ thì khác. Còn tôi tại Mỹ, tôi là một đứa trẻ mồ côi, tôi không còn Pa, hoặc Mak. Tôi thấy thiếu chắc chắn" nó, bất an bởi vì cuộc sống của tôi lâu nay rất khác với cuộc sống trong tương lai. Tôi ước chi mình có thể vạch kế hoạch rõ ràng, sắp đặt nó rõ ràng như một cuốn lịch.

*

Tôi chỉ còn vài ngày nữa để chuẩn bị rời khỏi nơi đây. Tôi dựng lên một danh sách trong đầu những người bạn tôi muốn đến chào tạm biệt. Một trong những người đó là một bệnh nhân, một bà già dễ thương, mắt không nhìn rõ và chân yếu. Khi thông dịch cho bà, bà gọi tôi là "con" bằng một giọng trù mến, còn tôi gọi bà là Om, bà cô, vì có lẽ bà lớn hơn Mak nhiều. Đến thăm bà, bà giữ tôi ở lại rất lâu. Trước khi tôi về, bà còn bảo tôi cầu nguyện Đức Phật với một Kompee, tức là một bó gỗ sồi buộc chặt ghi lời kinh Phật, người cầu nguyện thắp nhang, khấn thầm điều muốn rồi đốt nén nhang vào đó. Chỗ đầu cây nhang chạm vào sẽ cho thấy tương lai của mình. Chiều lòng bà, tôi khấn vái Kompee. Tôi khấn "Xin cho con được gặp vận may, vận tốt. Xin Trời Phật giúp con ở Mỹ". Cuối cùng, lời tiên đoán trong Kompee là tôi sẽ gặp vận tốt,

một người đàn ông giàu có sẽ tìm ra tôi và giúp đỡ tôi mọi đường. Om mừng, cả tôi cũng cảm thấy nhẹ nhõm.

...Rồi ngày cuối cùng cũng đến. Tôi đã gói ghém mọi thứ: ít áo quần, vài cuốn tập, sổ, cuốn Essential English Book I, các bức ảnh gia đình tả tơi mà tôi còn giấu được, cuốn tự điển y khoa Sothea cho tôi, một gói nhỏ được vài thứ thuốc phòng có ai bệnh trên máy bay. Tôi cũng để luôn vào gói thẻ chứng minh tôi làm ở Phase I phòng có ai hỏi về nguồn gốc số thuốc. Tôi bảo chị Ry tôi đã gói ghém xong mọi thứ, rồi chạy xuống cầu thang và gọi với lên cho chị rằng tôi cần đến Phase I. Tôi phải chào tạm biệt các bạn tôi.

Trên đường ra khỏi trại, tôi chạy ba chân bốn cẳng. Nước mắt tôi ứa ra khi tôi nghĩ đến việc rời bỏ trại PRPC (trại người tị nạn ở Philippines) này. Tôi hy vọng chốc nữa họ vẫn còn ở đó, tôi không muốn rời nơi đây mà không từ giã họ. Tôi cũng đã báo cho mọi người ở Phase I rằng tôi sẽ đi Mỹ. Nước mắt chảy tràn trên gò má tôi.

Đột nhiên có tiếng gọi sau lưng tôi "Chanrithy Chanrithy".

Tôi quay lại, đưa mắt tìm người gọi. Một người phụ nữ Mỹ đang chạy vội về phía tôi. Mary Bliss? Cô cười và chạy nhanh thêm, nhảy qua cả bồn hoa bên cạnh đường.

Tôi cười nói "Mary, em sắp qua Mỹ ngày hôm nay đây. Em định tìm chị để chào chị đó".

"Thì mình có nghe vậy từ những người trong bệnh viện. Đó là lý do mình đến tìm bạn đây, để mình có thể nói lời từ biệt với bạn". Cô nhìn, rồi ôm choàng lấy tôi.

Cô đưa cho tôi địa chỉ của cô ở Washington DC, và bảo tôi viết thư cho cô, cô có thể viết thư giới thiệu cho tôi một việc làm ở Mỹ. Nhìn vào cặp mắt ướt rượt của tôi, cô xin lỗi không thể chào tôi sớm hơn vì vừa rồi cô đi sang miền quê Thái Lan. Biết tôi còn ít thời gian, cô chào tạm biệt và chúc tôi may mắn ở đời sống mới tại Mỹ.

Tôi chùi nước mắt và chạy vội đến phòng chuyên khoa. Tôi đến bàn giấy phía trước để xem bác sĩ Tanedo có đến bên đó không, nhưng hôm nay anh chỉ làm ở bệnh viện thường thôi. Họng tôi thắt lại. Khi người y tá nghe tôi sắp rời đây, cô liền gọi điện cho Tanedo ở bệnh viện, và nghe anh nói anh sẽ tìm gặp tôi trước khi tôi đi kiểm tra sức khỏe bắt buộc trước khi lên máy bay.

Tôi cười, cảm ơn rồi chạy như bay ra khỏi cửa. Tôi không nén nổi một nụ cười rạng rỡ. Trước đây người xung quanh hay trêu tôi về bác sĩ Tanedo, nhưng tôi chẳng cần. Tôi quả có thích anh và anh tỏ ra rất tốt với tôi.

Tôi về nhà thì bác sĩ Tanedo đã có ở đó rồi. "Chào bác sĩ, cảm ơn bác sĩ đã đến chào tạm biệt em". Tôi kêu lên, cười tươi như hoa nhưng cũng bối rối vì anh cứ nhìn mãi vào tôi.

Anh cười đáp lại và bảo rằng anh đến ngay khi nghe tôi sắp rời khỏi nơi đây. Anh thật tốt khi phải bỏ thời gian đến chào tôi. Tôi lúng ta lúng túng, mắc cỡ. Tôi hạ mắt nhìn xuống đất, rồi

mới chợt nhớ phải giới thiệu anh với chị Ra, chị Ry và anh Than chứ. Anh đưa tay bắt từng người. Anh rất nghi thức và thành thạo nữa.

Rồi anh hỏi tôi "Chanrithy, em định làm gì ở Mỹ?"

"Em muốn đi học lại, chắc sẽ học ngành y. Có lẽ em đi học lại cũng là quá muộn. Em đã 16 tuổi. Em đã không học một trường chính thức nào từ bảy năm nay, khi Cambodia sụp đổ và rơi vào tay Khmer Đỏ". Tôi cúi đầu nhìn xuống đất, thấy tủi thân khi thời thơ ấu của mình đã trải qua suốt dưới chế độ Khmer Đỏ và các trại tị nạn. Tôi thấy mình lạc hậu. Tôi sợ hãi nước Mỹ, đất nước mà tôi đợi chờ để đi đến, bây giờ lại làm cho tôi sợ.

"Chanrithy, em vẫn còn trẻ lắm, chỉ mới 16 tuổi. Em vẫn có thể đi học..." Bác sĩ Tanedo nhìn tôi đầy vẻ thông cảm. Anh cúi xuống tìm mắt tôi rồi nói "Ở Mỹ, em có thể học bất cứ cái gì em muốn".

Giọng nói nhẹ nhàng, đầy hy vọng của anh giúp tôi can đảm. Tôi đưa mắt lên nhìn anh. Từ trong lòng, tôi muốn nói "Thật hả? Em có thể học bất cứ cái gì em muốn? Thế thì em sẽ học nhiều thứ lắm..."

Cặp mắt anh nói rằng tôi có thể. Tôi cảm thấy dễ chịu, an ủi. Anh là người đầu tiên tôi chia sẻ cả niềm hy vọng và nỗi sợ hãi. Bây giờ tôi thấy gánh nặng đã được cất đi, tôi biết ơn anh biết chừng nào.

"Athy ơi, người ta đã đi đến chỗ kiểm tra sức khỏe rồi đó!" Chị Ry chỉ về phía sân trước. Nhiều gia đình mang hành lý và trẻ em đi về phía một dãy lều rộng dùng làm nơi kiểm tra sức khỏe. Tôi đưa mắt nhìn bác sĩ Tanedo. Tôi không muốn nói lời từ biệt. Anh đề nghị để anh xách hộ cái túi vải len của tôi. Tất cả chúng tôi đi vội về phía lều.

Đến lều, người ta gọi tên anh Vantha. Anh lo lắng chạy ủa vào trong lều, và chị Ra, tay bế Sylar cũng bước vào, vừa đưa mắt ra hiệu cho chúng tôi vào theo. Chúng tôi cùng vào. Một phụ nữ người Phi ra lệnh cho anh Vantha cởi bỏ quần áo trước mặt chúng tôi. Anh từ chối ngay lập tức. Khi đó người phụ nữ kia mới ra lệnh cho chúng tôi đi ra ngoài.

Ra khỏi lều, tôi ném cho người đàn bà này một cái nhìn đầy tức giận vì bà đã coi thường chúng tôi. Bác sĩ Tanedo bèn hỏi tôi có chuyện gì, tôi giải thích, anh bèn đề nghị chúng tôi đưa hồ sơ cho anh.

Rồi bác sĩ Tanedo đi hết lều này sang lều khác, nói chuyện với các nhân viên y tế người Phi bằng chính tiếng nước anh. Chúng tôi chỉ còn việc đứng gần anh là đủ. Các người kia chỉ liếc nhìn chúng tôi, rồi tập trung chú ý vào bác sĩ Tanedo. Chị Ry cười, liếc nhìn tôi, rồi nhìn Tanedo. Cuối cùng chị cũng thốt ra "Không tệ đâu, Athy. Em có một người bạn bác sĩ giúp đỡ tụi mình rất nhiều". Thấy tôi cười, chị cũng khúc khích. Chị Ra cũng cười, Savorng và Map hình như cũng hiểu, cười theo. Anh Vantha thì nở một nụ cười yếu ớt.

Liền đó Tanedo trở lại với tôi và nói rằng tất cả chúng tôi đã xong thủ tục. Anh dẫn chúng tôi về phía một hàng xe buýt dọc theo con đường trải đá. Trên con đường nhựa, bên cạnh các chiếc xe, hàng cụm gia đình đứng với hành lý, mặt đỏ bừng, mắt sưng vù. Một cô gái trẻ đứng khóc bên cạnh một người đàn ông vẻ mặt buồn buồn. Nhìn vào cô gái, tôi cũng khóc theo. Chị Ry quệt nước mắt. Ru Sylar đang ngủ trong tay, chị Ra cũng cố giấu nước mắt. Phần lớn phụ nữ đều khóc, đàn ông thì chỉ buồn. Người ta nói lời từ biệt và nhắc nhau đừng quên viết thư. Âm thanh của tiếng nức nở càng vang dội. Rồi người ta gọi từng gia đình. Mọi người lên xe. Đột nhiên tên tôi được gọi. Tôi muốn nói với bác sĩ Tanedo rằng tôi rất nhớ anh. Nhưng khi nhìn anh, tôi chỉ có thể khóc. Người ta nhìn tôi, nhưng tôi chỉ khóc. Không tiếng nào lọt khỏi miệng tôi. Lưỡi tôi như bị dính lại.

"Athy ơi, nhanh lên", chị Ry vẫy tôi từ chỗ xe buýt. Map và Savorng thì nhăn mày nhìn tôi vì thấy tôi quá chậm. Ôm Sylar trong tay, chị Ra cũng hối tôi. Chị đứng bên cạnh Vantha khi họ chen chúc bước lên bậc xe. Anh Than thì đã ở trên xe rồi.

Lúc đó, tôi mới chạy ồa đến xe. Khi lên rồi, chờ được xếp chỗ bên cạnh chị Ry và Map, tôi mới nhớ ra là mình đã quên không chào từ biệt bác sĩ Tanedo lần cuối. Tôi muốn nhìn ra cửa sổ xe, và anh vẫn đứng đó nhìn tôi. Tôi muốn chạy xuống nhưng lúc đó người ta vẫn chen chúc lên xe.

"Athy, Athy!" có tiếng gọi rồi tiếng đập khẩn cấp nơi cửa sổ gần tôi. Tôi quay người lại, qua hàng nước mắt tôi thấy khuôn mặt mếu máo của Sereya, bạn tôi. Tôi xô lại gần cửa sổ. Khuôn mặt mếu máo của Sereya lại nở ra một nụ cười "Mình cố chạy nhanh hết sức để có thể đến đây trước khi bạn đi mất. Athy ơi, mình sẽ nhớ bạn lắm".

Tôi bảo nó đừng khóc vì nó chỉ làm cho tôi khóc thêm mà thôi. Nhưng nó đâu nghe, nó khóc oà lên và tôi úp mặt vào hai tay.

"Chanrithy?" một giọng nói dịu dàng cất lên, tôi quay đầu về phía tiếng nói. Bác sĩ Tanedo đang ngồi bên cạnh tôi.

"Ôi, bác sĩ Tanedo!" tôi thở ra, hạnh phúc nhưng đồng thời cũng rất buồn.

"Tôi đi với em một quãng, khi gần đến bệnh viện, tôi sẽ xuống ở đó".

"Cám ơn anh", tôi nói nhỏ, đưa tay quệt mắt. Tôi cảm thấy một bàn tay dịu dàng đang nắm lấy tay phải của tôi. Tôi nhìn Tanedo, anh nói nhỏ bảo tôi đừng khóc. Tôi muốn nói tôi không ngừng được, nhưng tôi chỉ có thể lắc đầu.

"Athy, bạn đang rời chúng tôi. Bạn đi rồi, không ai có thể làm cho chúng tôi cười nữa khi bạn đi rồi", Sereya nói, nhớ lại chuyện đã qua. Tôi ghen hòng, bật cười rồi lắc đầu.

Quên mất mọi người trên xe ngoại trừ bác sĩ Tanedo, tôi bảo Sereya rằng trong nỗi buồn này, nó nhắc tôi về tiếng cười mà tôi mang đến cho nó và cho bạn bè. Con nhỏ bạn này quái quỷ

thật! Tôi trêu nó. Nó cười khúc khích, quên cả buồn.

Cảm thấy mình ngu ngốc vì cười vang trong nước mắt giàn dụa, tôi giải thích với bác sĩ Tanedo. Anh nhìn tôi và nở một nụ cười buồn, rồi tay anh nắm chặt lấy tay tôi. Tôi cảm thấy dễ chịu. Nhưng khi xe buýt khởi hành, Sereya khóc thét lên, lại đập tay vào cửa sổ. "Tạm biệt, Athy, tạm biệt!" Nó gọi lớn.

Xe chạy, Sereya chạy theo một lúc. Rồi xe tăng tốc, Sereya lại khóc nức. Tôi lấy tay che mặt, khóc nức nở.

"Nào Chanrithy, Chanrithy, đừng khóc nữa" Tanedo thì thầm, tay anh vỗ nhẹ lên tay tôi nhiều lần.

Xe buýt ngừng, Tanedo đứng lên, nhìn tôi một lúc rồi chào tạm biệt và chúc tôi may mắn.

*

Đêm đón chào chúng tôi tại phi trường. Ánh đèn thành phố chiếu mờ mờ lên bầu trời tối đen. Mang cái xách thức ăn một tay và chiếc xách vải lên nơi tay kia, tôi hít sâu cơn gió mát vào người. Tôi đi vội bên cạnh Map, Savorng và chị Ry. Anh Than ở phía trước chúng tôi. Anh Vantha ở phía trước cả anh Than. Chị Ra một nhọc lê bước sau anh, tay bế bé Sylva vào ngực. Tôi ở đây cùng gia đình, nhưng tâm trí tôi vẫn còn ở nơi trại. Tôi nhớ các bạn hơn bao giờ hết trong đời.

Nhưng khi máy bay cất cánh bay lên bầu trời, tôi thấy dễ chịu ngay. Chúng tôi đang băng qua đại dương, bên trên cái thế giới đã trói buộc chúng tôi. Và chúng tôi còn sống.

Tôi nghĩ về những gì đang đợi tôi ở nước Mỹ. Tôi tưởng tượng chú Seng đang nhìn vào bức ảnh của chúng tôi gửi cho chú, nhớ lại khuôn mặt của những đứa con còn sót lại của người anh ruột mình, những kẻ mà chú không hề thấy mặt suốt sáu năm trời, kể từ ngày chú bước ra khỏi cổng nhà chúng tôi.

Trong chiếc xách vải lên tôi mang theo, còn có những bức ảnh khác, những bức ảnh cũ mòn, tả tơi mà tôi đã cố gắng gìn giữ suốt thời Khmer Đỏ, phải dời chúng từ mái lều này sang mái lều khác. Bây giờ chúng đi cùng tôi đến Mỹ, cùng với những ký ức không thể xóa bỏ về những năm tháng bi thảm của Cambodia, về Pa và Mak, về chị Chea, Avy và Vin, về hai mươi tám thành viên của đại gia đình chúng tôi và vô số người khác đã chết. Với tôi, những thứ ấy đang được chuyển an toàn đến Mỹ, một chuyến đi chỉ có thể thành hiện thực nhờ chú Seng. Chú là chiếc cầu dẫn tôi, chị Ra, chị Ry, anh Than, Map, Savorng, Sylva và anh Vantha đến với cuộc sống mới. Chúng tôi như những hạt bụi của lịch sử bị thổi bay đi, và chú Seng giống như bàn tay chặn cơn gió lại. Chúng tôi bỏ lại phía sau đất nước Cambodia bị nghiền nát bởi bánh xe lịch sử của Khmer Đỏ, và bay đến Mỹ. Nơi đây, chúng tôi sẽ phải tự định nghĩa lại chính mình, một hình

thức tái hoá thân cho tất cả chúng tôi.

- Hết -

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>